Sidney Sheldon

Tay cự phách

WWW.VNTHUQUAN.NET, 2006

Sidney Sheldon

Tay cự phách

Chương 1 a

“Lạy chúa, đây mới thực sự là một “donderstorm”! Jamie McGregor kêu lên. Anh đã lớn lên giữa những cơn bão hung dữ của miền thượng du xứ Tô Cách Lan, nhưng chưa hề bao giờ chứng kiến một cơn bão ghê gớm như thế. Cả một bầu trời vào buổi trưa đột nhiên bị xoá sạch bởi những đám mây cát khủng khiếp, ngay lập tức ngày biến thành đêm. Bầu trời đầy bụi bặm loé lên những tia chớp – người Africaner gọi là Weerlig – như đốt cháy không khí, tiếp theo là “donderslag”, tức sấm sét. Sau đó là cơn đại hồng thuỷ. Những làn mưa đập mạnh lên những tấm lều vải và trên những căn chòi làm bằng thiếc, biến các đường phố rác rưởi của Klipdrift trở thành những dòng sông lầy lội điên cuồng. Tiếng sấm sét rầm vang bầu trời, cái này kế tiếp cái kia, nghe như tiếng đại bác nổ rền trong một trận chiến giữa các thiên thần.

Jamie McGregor vội vàng nhảy sang một bên khi một căn nhà xây bằng gạch thô tan vụn ra thành bùn. Anh lo ngại không biết thị trấn Klipdrift có còn tồn tại được nữa hay không.

Klipdrift không hẳn là một thị trấn, đúng hơn đó là một ngôi làng bằng vải bạt, lổn nhổn những căn lều, chòi và xe chở hàng, chen chúc nhau bên bờ sông Vaal, trong đó sinh sống những con người man dại, đầy mơ tưởng, từ mọi miền của thế giới kéo đến Nam Phi do cùng có chung một ám ảnh: kim cương.

Jamie McGregor là một trong những kẻ mơ tưởng ấy. Anh chỉ mới mười tám tuổi, trẻ, đẹp trai, dáng người cao, tóc hoe và có một cặp mắt sáng kỳ lạ. Anh có một vẻ ngây thơ đáng yêu, lúc nào cũng hăm hở làm vui lòng kẻ khác, khiến ai cũng phải mến chuộng. Tính tình anh vô tư và tâm hồn lúc nào cũng lạc quan. Anh đã đi gần tám ngàn dặm, từ nông trại của cha anh ở miền thượng du xứ Tô Cách Lan, đến Edinburg, Luân Đôn, Cape Town và bây giờ anh đến Klipdrift này. Anh đã từ bỏ phần nông trại anh đã cày cấy cùng với cha và anh, mà lẽ ra anh có quyền hưởng, nhưng Jamie không lấy làm tiếc chút nào.. Anh biết rằng rồi đây anh sẽ được hưởng hơn thế gấp mười nghìn lần. Anh đã để lại cuộc sống an toàn duy nhất mà anh đã quen thuộc để đến nơi xa xôi, hẻo lánh này bởi vì anh mơ ước được trở nên giàu có. Anh không quản ngại công việc nặng nhọc nhưng việc cấy cày ruộng đất ít ỏi và đầy sỏi đá về phía Bắc Aberdeen đem đến cho anh những thu hoạch rất nghèo nàn. Anh làm việc từ lúc mặt trời lên đến lúc mặt trời lặn, cùng với các anh em trai, chị anh là Mary và cha mẹ, nhưng họ chẳng được bao nhiêu kết quả. Có

một lần anh đến xem hội chợ ở Edinburg và trông thấy bao nhiêu những thứ đẹp đẽ lạ lùng mà đồng tiền có thể mua được. Tiền chắc phải làm cuộc sống của mình dễ dãi, nếu mình khoẻ mạnh và thoả mãn các nhu cầu khi mình đau ốm. Jamie đã thấy quá nhiều bạn bè và láng giềng sống và chết trong cảnh nghèo túng. Anh nhớ lại nỗi xúc động của anh khi lần đầu tiên anh nghe người ta nói đến việc tìm kim cương mới đây ở Nam Phi. Một viên kim cương lớn nhất thế giới đã được tìm ra ở nơi ấy, nằm lẫn trong cát và toàn thể vùng đất ấy, theo lời đồn đại, sẽ là một cái rương đầy châu báu lớn lao đang còn đợi người ta mở ra.
Anh đã tiết lộ tin này cho cả gia đình sau bữa ăn tối vào đêm thứ Bảy. Mọi người ngồi quanh chiếc bàn ăn chưa dọn trong căn bếp thô sơ bằng gỗ, bỗng Jamie cất tiếng, bằng một giọng nói bẽn lẽn nhưng kiêu hãnh: “Con sẽ đi sang Nam Phi để tìm kim cương, tuần sau con sẽ lên đường”.
Cả năm cặp mắt đều trố lên nhìn Jamie chằm chằm như thể anh đã điên rồi.
“Con sắp đi tìm kim cương hay sao?” cha Jamie hỏi “Như thế là mày khùng rồi con ạ. Tất cả chỉ là chuyện thần tiên thôi. Ấy là do ma quỷ dụ dỗ để ngăn cản người ta làm ăn lương thiện”.
“Sao chú không nói chú kiếm đâu ra tiền để đi đến đó?” anh trai của Jamie là Ian hỏi “Phải đi hết nửa vòng trái đất, thế chú kiếm đâu ra tiền?”

Jamie cãi lại: “Nếu có tiền thì em đã không phải đi tìm kim cương. Ở đó chẳng ai có tiền cả. Em sẽ giống như những người khác thôi. Em có đầu óc, sức khoẻ, nhất định sẽ không thất bại”.
Chị Mary lên tiếng: “Annie Cord sẽ thất vọng. Nó đang mong một ngày nào đó sẽ là vợ em, Jamie ạ”.
Jamie rất thương yêu chị. Mary mới hai mươi bốn tuổi mà trông như bốn mươi. Chị ấy chưa bao giờ có thứ gì đẹp đẽ trong đời.
Mình sẽ tạo nên sự thay đổi, anh tự hứa với mình như vậy.
Bà mẹ lặng lẽ nhấc đĩa thịt nhồi “baggins” nóng hổi còn sót lại rồi đi đến chậu rửa bát bằng sắt.
Vào lúc đêm khuya hôm ấy, bà đi đến giường Jamie. Bà nhẹ nhàng đặt một bàn tay lên vai Jamie, như truyền tất cả sức mạnh của bà sang cho anh. Bà nói: “Con hãy làm tất cả những gì cần phải làm, con ạ. Mẹ không biết ở nơi đó có kim cương hay không, nhưng nếu có, chắc chắn con sẽ tìm ra”. Bà lấy ra từ sau lưng một túi bằng da cũ kỹ, rồi nói tiếp: “Mẹ có để dành ra một ít tiền. Con không cần phải nói ra điều này với ai. Cầu Chúa phù hộ cho con”.
Khi rời khỏi Edinburg, Jamie có năm mươi bảng Anh trong chiếc túi da.
Cuộc hành trình đến Nam Phi thật là gian lao, khó nhọc. Jamie phải mất gần một năm trời mới đến được nơi ấy. Thoạt tiên anh làm hầu bàn trong một tiệm ăn bình dân ở Edinburg cho đến khi

anh gom góp được thêm năm mươi bảng Anh nữa bỏ vào túi da. Sau đó anh lên đường đi London. Jamie cảm thấy quá khiếp hãi vì thành phố quá to lớn, người đông đúc và những chiếc xe ngựa chở khách to lớn lăn bánh ồn ào với tốc độ năm dặm một giờ. Khắp nơi có những chiếc xe ngựa hai bánh, chở những cô gái xinh đẹp, đội chiếc mũ thật to, mặc những chiếc váy lả lướt và đi những đôi giày xinh xắn có cài khuy cao. Anh trố mắt nhìn ngạc nhiên khi các cô gái bước xuống xe để đi mua sắm trong khu buôn bán Burlington Arcade, nơi chất đầy những đồ bằng bạc, bát đĩa, quần áo, lông thú, đồ sứ và những tiệm bán thuốc chật ních những chai lọ bí mật.

Jamie tìm được một chỗ trọ tại số nhà 32 đường Fitzroy. Tiền trọ là mười silling một tuần, nhưng đó là giá rẻ nhất. Ngày nào anh cũng đi ra bến tàu để xem có chiếc tàu nào đưa anh đến Nam Phi hay không; đến tối thì anh đi xem các quang cảnh kì diệu của thành phố London. Một tối nọ, anh chợt thoáng thấy Edward, ông hoàng xứ Wales đi vào một tiệm ăn ở Convert Garden bằng cửa hông bên tay kè kè một cô gái xinh đẹp. Nàng đội một chiếc mũ lớn có cắm hoa, Jamie nghĩ rằng nếu chị anh ấy được đội một cái mũ như vậy thì chắc đẹp lắm.

Jamie dự một buổi hoà nhạc ở Crystal Palace. Nơi này đã được xây dựng cho cuộc đại triển lãm năm 1851. Anh đến xem rạp hát Drury Lane, rồi vào lúc nghỉ giải lao, anh lẻn sang rạp Savoy

Theatre. Đó là toà nhà công cộng đầu tiên ở Anh được đặt hệ thống chiếu sáng bằng điện khí. Một số đường phố cũng có đèn điện và Jamie nghe nói rằng người ta có thể nói chuyện với người nào đó ở bên kia thành phố bằng một thứ máy mới kỳ lạ, gọi là điện thoại. Jamie có cảm tưởng như anh đang nhìn vào tương lai.

Mặc dầu có những sự canh tân và hoạt động như vậy, nước Anh đã ở giữa sự khủng hoảng kinh tế gia tăng lớn vào mùa đông năm ấy. Đường phố đầy cả những người thất nghiệp và đói ăn. Có những cuộc biểu tình của quần chúng và đánh lộn trên đường phố. Mình phải rời khỏi nơi này mới được, Jamie thầm nghĩ. Mình đến đây để thoát khỏi sự nghèo khổ. Ngày hôm sau, Jamie đăng ký làm chiêu đãi viên trên chiếc tàu Walmer Castle, sắp nhổ neo đi Cape Town ở Nam Phi.

Cuộc hành trình bằng đường biển kéo dài trong ba tuần với những thời gian dừng lại ở Madeira và St. Helena để lấy thêm than làm chất đốt. Hành trình thật vất vả vì sóng lớn giữa mùa đông, Jamie bị say sóng ngay từ lúc tàu mới nhổ neo. Nhưng anh lúc nào cũng vui vẻ vì mỗi ngày đi qua anh lại tiến gần hơn chiếc rương đầy châu báu của anh. Khi con tàu đến gần xích đạo, khí trời thay đổi hẳn. Kỳ lạ thay, mùa đông bắt đầu bớt rét lạnh, tiến sang mùa hạ. Khi con tàu đến gần bờ biển Phi Châu, khí hậu trở nên nóng và ẩm thấp.

Chiếc Walmer Castle đến Cape Town vào lúc rạng đông, di chuyển một cách thận trọng xuyên qua một eo biển hẹp phân chia vùng định cư của người cùi trên đảo Robbes với đất liền rồi thả neo ở Table Bay.

Jamie đứng trên boong tàu trước khi mặt trời mọc. Anh nhìn như bị thôi miên, lớp sương mù ban mai được vén lên, lộ ra quang cảnh hùng vĩ của ngọn núi Table Mountain vươn lên vòi vọi nhìn xuống thành phố. Anh đã đến nơi.

Ngay khi con tàu vừa được buộc chặt vào bến, các boong tàu đều bị ngập tràn bởi một đám đông người rất kỳ dị mà Jamie chưa hề trông thấy bao giờ. Họ là những kẻ chào hàng cho tất cả các khách sạn khác nhau ở đây. Những người da đen, da vàng, da nâu, da đỏ rối rít xin vác hành lý hộ cho khách. Bọn trẻ con chạy đi chạy lại để bán báo, kẹo và trái cây. Những người lái xe ngựa là những người lai Âu, người Parsi hay da đen la hét om xòm kêu gọi khách mướn xe. Những người đi bán rong hay đẩy những chiếc xe đựng thức ăn uống kêu gọi người ta chú ý đến những thức bán của họ. Không khí dày đặc những con ruồi đen thật lớn. Các thuỷ thủ và phu khuân vác xô đẩy, la hét để vạch lối đi xuyên qua đám đông, trong khi các hành khách cố gom góp hành lý của họ vào một chỗ và để mắt trông coi nhưng vô hiệu quả. Thật là một mớ hỗn độn những tiếng nói và tiếng động xen lẫn nhau. Người ta nói chuyện với nhau bằng một thứ ngôn

ngữ mà Jamie chưa bao giờ được nghe. Anh chẳng hiểu được một lời nào.

Cape Town hoàn toàn không giống bất kỳ thành phố nào Jamie đã được thấy. Ở đó không nhà nào giống nhà nào. Sát bên cạnh một kho hàng lớn cao hai ba tầng lầu, là một hiệu ăn uống nhỏ làm bằng sắt mạ, rồi đến một tiệm nữ trang với cánh cửa làm bằng sắt dày; giáp đó là một cửa hàng tạp hoá nhỏ rồi đến một cửa hiệu bán thuốc lá xiêu vẹo.

Jamie như bị thôi miên trước những đám đông đàn ông, đàn bà và trẻ con lúc nhúc trên đường phố. Anh trông thấy một người "kaffir" mặc chiếc quần sọc kiểu miền thượng du Tô Cách Lan cũ kỹ, một chiếc túi vải dùng làm áo có xẻ lỗ ở đầu và hai cánh tay. Người Kaffir đi sau lưng hai người Trung Hoa, đang nắm tay nhau bước đi; hai người này mặc những chiếc áo dài màu xanh, bím tóc dài của họ cuộn lại một cách cẩn thận dưới chiếc nón rơm. Có những công dân người Boer mặt đỏ ửng, tóc nhạt màu vì nắng, đang đẩy những chiếc xe chất đầy khoai tây, bắp ngô và các thứ rau. Ngoài ra cũng có những người đàn ông mặc quần áo màu nhung nâu, đội mũ nỉ mềm rộng vành, ngậm những tẩu thuốc dài bằng đất sét, bước dài ở phía trước các bà vợ của họ, mặc toàn màu đen, đeo mạng đen dày, đầu đội mũ có vành lụa cũng màu đen. Các bà thợ giặt người Parsi đội trên đầu những bó quần áo bẩn to lớn len lỏi đi qua các binh sĩ mặc áo đỏ,

đội mũ đỏ. Thật là một cảnh tượng hấp dẫn vô cùng.
Việc làm đầu tiên của Jamie là kiếm một nhà trọ rẻ tiền theo lời giới thiệu của một thủy thủ trên tàu. Bà chủ nhà là một goá phụ trung niên, lùn tịt và béo mập.
Bà ta nhìn Jamie từ đầu đến chân rồi tủm tỉm cười:
"Zoek youlle good?"
Anh đỏ mặt: "Xin lỗi, tôi không hiểu".
"Người Anh hả? Anh đến đây tìm vàng phải không? Hay tìm kim cương?"
"Vâng thưa bà, tìm kim cương".
Bà kéo anh vào trong nhà "Rồi đây cậu sẽ thích nơi này, tôi có đủ các thứ tiện nghi cho các chàng trai trẻ như cậu".
Jamie tự hỏi không biết bà ta có phải là một người trong bọn họ hay không. Hy vọng rằng không phải thế.
"Tôi là bà Venster", bà nói với một vẻ duyên dáng, "Nhưng bạn bè gọi tôi là Dee Dee". Bà cười để lộ ra chiếc răng cửa bằng vàng "Tôi có cảm tưởng rồi đây chúng ta sẽ là những người bạn tốt với nhau. Cậu có cần gì thì cứ hỏi tôi".
"Bà thật tốt bụng" Jamie nói "Bà có thể cho tôi biết nơi nào bán bản đồ của thành phố này không?"
Với bản đồ trong tay, Jamie bắt đầu thăm dò khắp nơi. Ở một bên thành phố, về phía đất liền, là ngoại ô Rondeborsh, Claremont và Wyndberg, theo dọc các vùng đồn điền và vườn

trồng nho thưa thớt dần, trải dài chín dặm. Ở phía bên kia là các ngoại ô vùng biển có tên là Sea Point và Green Point. Jamie bước đi xuyên qua khu vực nhà ở giàu có, xuống đến đường Strand Street và Bee Street, ngắm các toà nhà lớn hai tầng với mái bằng và mặt tiền đắp bằng vữa có hình nổi và đỉnh nhọn. Nền cao và dốc vượt lên khỏi mặt đường. Anh bước đi mãi cho đến khi anh buộc phải nấp vào trong nhà vì những đàn ruồi có vẻ hận thù riêng với anh. Chúng rất lớn và đen, đến tấn công từng đàn. Khi Jamie trở về nhà trọ, anh thấy căn phòng của anh đầy là ruồi. Chúng đậu kín cả bàn, tường và giường nằm.

Anh đến gặp bà chủ "Bà Venster ạ, có cách nào khử đàn ruồi ấy trong phòng của tôi không? Chúng…"

Bà cười đến rung cả người véo vào má Jamie một cái và nói "Myn Magtig, rồi cậu sẽ quen thôi. Cứ chờ đấy sẽ thấy".

Các phương tiện vệ sinh ở Cape Town vừa xưa cổ vừa không thích hợp. Đến khi mặt trời lặn, một mùi hôi bao trùm lấy thành phố như một tấm mền hơi độc. Thật không sao chịu nổi. Nhưng Jamie biết rằng anh sẽ có thể chịu được. Anh cần phải kiếm ra tiền trước khi anh rời khỏi nơi này. Người ta đã cảnh cáo với anh: "Anh không thể nào sống sót trong các vùng đất kim cương mà không có tiền trong túi. Muốn thở anh cũng phải trả tiền".

Ngày thứ hai ở Cape Town, Jamie tìm ra được một việc làm. Anh sẽ đánh xe ngựa cho một hãng phân phát hàng. Ngày thứ ba,

anh bắt đầu làm việc rửa bát đĩa trong một tiệm ăn sau bữa ăn tối. Anh sống bằng thức ăn thừa mà anh đã lấy lén rồi đem về nhà trọ để ăn. Những món ăn này có mùi vị lạ lùng, khiến cho anh đâm ra thèm thuồng những món ăn mà mẹ anh vẫn thường nấu cho anh ăn trước đây. Nhưng anh không phàn nàn điều gì, vì anh đã quyết hy sinh mọi thứ tiện nghi và cả tiền ăn uống để làm sao tăng lên số tiền tiết kiệm. Anh đã chọn lựa cuộc sống như vậy nên không có gì ngăn cản anh được, dù cho phải làm việc cực nhọc, dù cho phải hít không khí hôi hám, dù đám ruồi có bắt anh phải thức gần như cả đêm. Anh cảm thấy cô đơn vô cùng. Xa bạn bè, xa gia đình, anh lại không quen biết một người nào ở nơi xa lạ này. Jamie thích nơi vắng vẻ, tĩnh mịch nhưng sự cô đơn đối với anh là nỗi đau thường trực.

Cuối cùng, phép lạ đã đến. Chiếc túi da của anh đã chứa đựng hai trăm bảng Anh. Anh đã sẵn sàng, anh sẽ rời Cape Town vào sáng hôm sau để lên đường đi đến các mỏ kim cương.

Hành khách muốn đi đến các mỏ kim cương ở Klipdrift phải giữ chỗ trước tại Công ty chuyên chở Nội địa, đặt tại một nhà kho nhỏ bằng gỗ gần bến tàu. Khi Jamie đến đó vào lúc bảy giờ sáng thì nhà kho đã nghẹt kín người đến nỗi anh không làm sao tiến lại được nơi đăng ký. Có hàng trăm người tranh nhau chỗ ngồi trên tàu để đi tìm sự giàu có. Họ đã đến những nơi rất xa như Nga, Mỹ, Úc, Đức và Anh. Họ la hét bằng hàng chục thứ tiếng

khác nhau, bao vây, van nài người bán vé dành một chỗ cho họ. Jamie nhìn theo một ông người Ái Nhĩ Lan vạm vỡ đang xô đẩy, đấm đá, tìm lối đi xuyên qua đám đông để rời khỏi văn phòng, tiến ra phía lề đường.

"Xin lỗi ông" Jamie hỏi "có chuyện gì xảy ra ở đây vậy?"

"Không có gì cả" ông Ái Nhĩ Lan khịt mũi ra vẻ khinh bỉ. "Các toa tàu chó chết ấy đã được đăng ký hết chỗ cho sáu tuần tới đây". Thấy vẻ mặt thất vọng của Jamie, ông ta nói tiếp, "Nhưng không phải chỉ tệ đến mức ấy mà thôi. Bọn khốn khiếp ấy còn buộc phải trả năm mươi bảng Anh một đầu người".

Thật là không thể tưởng tượng nổi, "Chắc phải có cách nào khác để đi đến mỏ kim cương".

"Có hai cách, cậu có thể đi bằng chuyến xe tốc hành Dutch Express hoặc là đi bộ".

"Dutch Express là gì vậy?"

"Đó là xe la, tốc độ hai dặm một giờ. Chừng nào cậu đến nơi thì các mỏ kim cương đã biến mất cả rồi".

Jamie McGregor đâu có ý định trì hoãn cho đến khi mỏ kim cương biến mất. Suốt cả buổi sáng còn lại ấy, anh ta cố tìm phương tiện chuyên chở khác. Gần đến trưa thì anh ta tìm ra được. Đi ngang một chuồng ngựa cho thuê, anh chợt nhìn thấy tấm bảng đề chữ "TRẠM THƯ". Ngay lập tức, anh bước vào bên trong. Một người gầy còm chưa từng thấy, đang chất từng

túi đựng thư từ lên một chiếc xe nhỏ hai bánh. Jamie đứng nhìn người ấy một lát.

“Xin lỗi ông”, Jamie hỏi “Ông có chở thư đến Klipdrift không?”

“Đúng vậy, đang chất thư lên bây giờ đây”

Jamie cảm thấy trong lòng dâng lên niềm hy vọng, “Bác có chở hành khách không?”

“Đôi khi cũng có”, Bác ngẩng đầu lên nhìn Jamie “Cậu bao nhiêu tuổi?”

Một câu hỏi kỳ lạ, “Mười tám. Sao bác lại hỏi như vậy?”

“Chúng tôi không chở khách trên hai mươi mốt, hai mươi hai tuổi, cậu có sức khoẻ chứ?”

Lại một câu hỏi kỳ quặc hơn nữa.

“Thưa bác, vâng ạ”.

Người gầy còm ấy đứng thẳng dậy “Tôi nghĩ cậu cũng khoẻ mạnh đấy. Tôi sẽ rời nơi này trong một giờ. Giá tiền là hai mươi bảng”.

Jamie không tin nổi sự may mắn của mình, “Thật là tuyệt quá! Tôi đi lấy cái vali của tôi rồi…”

“Không được đem theo vali. Chỉ có chỗ cho cái áo sơ mi và cái bàn chải răng thôi”

Jamie tiến gần chiếc xe để quan sát kỹ hơn nữa. Quả thật chiếc xe ấy quá nhỏ và chế tạo thô sơ. Thân xe là một cái lồng chứa thư từ, và ở phía trên cái lồng ấy có một khoảng chật hẹp cho

một người ngồi, lưng chạm lưng, ở phía sau người đánh xe. Cuộc hành trình này chắc chắn sẽ không dễ chịu chút nào.

"Đồng ý", Jamie nói "Để tôi đi lấy cái áo sơ mi và bàn chải răng".

Khi Jamie trở lại, bác đánh xe đã đóng ngựa vào chiếc xe không mui. Có hai người trẻ tuổi, to lớn đang đứng gần chiếc xe; một người thấp và đen, người kia là người Thuỵ Điển cao, tóc hoe. Hai người đang đưa bác đánh xe một số tiền.

"Khoan đã', Jamie gọi to với bác đánh xe, "Lúc nãy bác bảo bác cho tôi đi mà?"

"Tất cả chúng ta đều cùng đi", bác đánh xe nói, "Thôi, nhảy lên nào"

"Cả ba chúng ta hay sao?"

"Đúng vậy"

Jamie không hiểu bằng cách nào bác ta có thể nhét cả ba người lên chiếc xe được, nhưng anh biết rằng anh sẽ được ngồi lên xe khi nó chuyển bánh.

Jamie tự giới thiệu với hai người bạn đồng hành. "Tôi tên là Jamie McGregor"

"Tôi là Wallach" người thấp và đen nói.

"Tôi là Pederson" người cao, tóc hoe đáp lại.

Jamie nói "Chúng ta may mà gặp phải chiếc xe này, phải không các bạn? Không ai biết được, như thế cũng hay".

Pederson nói: “Ồ, họ đều biết được có chiếc xe chở thư này, Jamie McGregor ạ. Chỉ có điều là những người không đủ sức khoẻ hoặc không dám liều mạng đi những chiếc xe thế này thôi”. Jamie chưa kịp hỏi lại thì người đánh xe đã lên tiếng, “Thôi, chúng ta đi nào!”

Ba người – Jamie ngồi ở giữa – lách lên chiếc xe, ngồi nép vào nhau, đầu gối co quắp, tựa sát vào lưng gỗ của chiếc ghế bác đánh xe. Không còn chỗ nào để cựa quậy hay thở nữa. Không tệ gì lắm, Jamie tự an ủi.

“Giữ chặt lấy nhé”, bác đánh xe kêu lên. Một lát sau, chiếc xe lăn bánh xuyên qua các đường phố ở Cape Town tiến về phía mỏ kim cương ở Klipdrift.

Hành trình bằng xe la chở khách thì tương đối dễ chịu. Những chiếc xe chuyên chở hành khách từ Cape Town đến mỏ kim cương đều lớn và rộng rãi, có vải bạt như che nắng thiêu đốt về mùa đông. Mỗi chiếc xe chứa trên hơn chục hành khách và kéo bởi một đàn ngựa hay la. Các thứ giải khát được cung cấp ở các trạm đều đặn, và cuộc hành trình kéo dài mười ngày.

Chiếc xe chở thư thì khác thế. Nó không bao giờ ngừng, trừ lúc thay đổi ngựa hoặc người đánh xe. Nó phi hết tốc lực trên con đường và đồng ruộng gồ ghề, những con đường mòn đầy ổ gà. Chiếc xe lại không có lò xo nên mỗi lần nó chồm lên thì giống như bị ngựa đá vậy. Jamie nghiến chặt răng ngẫm nghĩ “Mình có

thể chịu đựng được cho đến khi chúng ta dừng xe lại vào lúc trời tối. Mình sẽ ăn và ngủ một giấc, rồi đến sáng mai mình sẽ khoẻ ngay thôi". Nhưng đêm đến, xe chỉ dừng lại mười phút để thay ngựa và người đánh xe, rồi lại lên đường, phi hết tốc lực.

"Khi nào chúng mình dừng lại ăn cơm?" Jamie hỏi.

"Không dừng lại", người đánh xe mới lầm bầm. "Chúng ta đi thẳng một mạch, chúng tôi chở thư từ, cậu ạ".

Chiếc xe chạy nhanh trong đêm tối dày dằng dặc, ngang qua những con đường gồ ghề, bụi bặm dưới ánh sáng trăng. Lúc thì chồm lên đồi, lúc thì chúi mũi xuống thung lũng, nhún nhảy trên các vùng đất bằng phẳng. Thân thể Jamie đau nhừ, bầm dập khắp mọi chỗ vì những cái nhồi lên nhồi xuống của chiếc xe. Anh mệt quá nhưng không sao ngủ được. Mỗi khi bắt đầu thiu thiu ngủ thì chiếc xe lại giật mạnh một cái làm anh bừng mắt dậy. Thân thể anh bị co quắp, tê liệt, thế nhưng không có chỗ nào để thò chân ra. Anh vừa đói vừa cảm thấy như say sóng. Không còn biết bao nhiêu ngày nữa anh mới được ăn bữa cơm kế tiếp. Cuộc hành trình này dài sáu trăm dặm, nhưng Jamie không chắc anh còn sống cho đến khi nó kết thúc hay không. Anh cũng không chắc anh có muốn như vậy không nữa.

Đến cuối ngày và đêm thứ hai thì nỗi khổ cực đã lên cùng cực. Các bạn đồng hành của Jamie cũng ở trong trạng thái giống y như vậy, không còn có thể mở lời phàn nàn được gì nữa. Bây giờ

Jamie mới hiểu vì sao công ty chuyên chở này đòi hỏi hành khách phải trẻ và khoẻ mạnh.

Đến rạng sáng hôm sau, họ đi vào vùng đất Great Karoo nơi khung cảnh hoang dã bắt đầu xuất hiện. Thảo nguyên bằng phẳng, ghê rợn trải dài đến vô tận, dưới ánh nắng không xót thương của mặt trời. Các hành khách đều bị ngạt thở vì sức nóng, bụi bặm và những đàn ruồi.

Thỉnh thoảng qua làn hơi lờ mờ, độc địa, Jamie trông thấy những nhóm người lê bước ì ạch trên mặt đường. Có những người kéo ngựa cô đơn và hàng chục chiếc xe bò kéo bởi mười tám hay hai mươi con bò, do những người đánh xe điều khiển bằng những cây roi da, miệng la hét om sòm. Chiếc xe to lớn chất hàng nghìn cân (Anh) sản phẩm và hàng hoá, lều vải, dụng cụ đào đất, lò đốt bằng củi, bột mì, than và đèn dầu. Chúng chuyên chở sợi gai dầu của Nga, đường và rượu vang, rượu whisky và đèn cầy của Belfast và mền. Đó là đường dây đem đến sự sống cho những kẻ đi tìm kim cương ở Klipdrift.

Mãi đến khi chiếc xe thư vượt qua con sông Orange, phong cảnh mới bắt đầu thay đổi, không còn là thảo nguyên đơn điệu buồn nản nữa. Cây cối dần dần mọc cao hơn, điểm màu lá xanh. Đất đỏ hơn, bãi cỏ xanh nhấp nhô như gợn sóng trong cơn gió heo may và những cây gai thấp bắt đầu xuất hiện.

“Mình sắp thành công rồi”, Jamie mơ màng suy nghĩ, “mình sắp

thành công rồi”.

Sidney Sheldon

Tay cự phách

Chương 1 b

Anh cảm thấy hi vọng lớn lên len lỏi vào cơ thể mệt mỏi của anh.

Họ đi thêm tiếp bốn ngày đêm thì vào đến thị trấn Klipdrift. Chàng trai trẻ tuổi Jamie McGregor không biết mình đang chờ đợi cái gì, nhưng quang cảnh diễn ra trước cặp mắt mệt mỏi đỏ ngầu của anh, không giống bất cứ quang cảnh nào anh có thể tưởng tượng được. Klipdrift là bức toàn cảnh rộng lớn gồm những lều vải và xe bò xếp thành hàng dài trên đường phố chính và bên bờ sông Vaal. Trên những con đường đất, lúc nhúc những người kaffir trần truồng, ngoại trừ những chiếc áo màu sặc sỡ, những người thăm dò kim cương râu xồm xoàm, những người bán thịt, làm bánh, những tên trộm cắp, những thầy giáo. Ở trung tâm Klipdrift, những túp lều bằng gỗ và sắt xếp thành dây, dùng làm cửa hiệu, tiệm ăn uống, phòng chơi bi da, nhà ăn, văn phòng mua bán kim cương và văn phòng luật sư. Ở một góc là một ngôi

nhà xiêu vẹo, gọi là khách sạn Royal Arch, gồm một dãy phòng không có cửa sổ.

Jamie bước ra khỏi chiếc xe thì ngã lăn trên đất. Hai cẳng tê cứng của anh không còn đủ sức nhấc nổi thân hình đứng thẳng nữa. Anh nằm xuống đấy, đầu óc quay cuồng, cho đến khi anh đủ sức đứng dậy. Anh loạng choạng đi về phía khách sạn, xô đẩy đám người huyên náo đang đứng đông nghẹt trên các đường phố, các lề đường. Căn phòng người ta dành cho anh nóng nực đến nghẹt thở, đầy cả ruồi. Nhưng anh có một chiếc ghế bố, Jamie ngã nhoài lên trên ấy, để nguyên quần áo rồi ngủ tức thì. Anh ngủ luôn một mạch mười tám tiếng đồng hồ.

Jamie thức dậy. Thân thể anh cứng và đau không tưởng tượng được nhưng tâm hồn anh tràn ngập vui sướng. Mình đã đến nơi. Mình thành công rồi! Bụng đói như cào, anh đi tìm thức ăn. Khách sạn không cung cấp thức ăn, nhưng có một tiệm ăn nhỏ đông nghẹt người ở bên kia đường. Anh ăn ngấu nghiến một con cá rán, giống như loại cá chó, thịt cừu nướng trên lửa bằng một cái xiên, rồi tráng miệng bằng món Koeksister, một thứ bánh làm bằng bột nhào rán lên và tẩm bằng nước đường.

Dạ dày của Jamie đã không chứa thức ăn khá lâu, bây giờ bắt đầu cho thấy những triệu chứng đáng sợ. Anh quyết định để cho nó nghỉ ngơi một lát trước khi tiếp tục ăn nữa. Lúc ấy, anh bắt đầu chú ý tới những cảnh tượng xung quanh. Ở các bàn ăn,

những người thăm dò đang bàn cãi sôi nổi về vấn đề chiếm hàng đầu trong suy nghĩ của mọi người: kim cương.

“Vẫn còn một ít kim cương quanh vùng Hopetown, nhưng mạch mỏ chính là ở New Rush…”

“Kimberley có đông dân cư hơn là Joburg…”

“Về việc tìm ra mỏ kim cương ở tận Dutoispan vào tuần trước ấy à? Người ta nói rằng ở đó có nhiều kim cương đến nỗi mỗi người không khiêng nổi…”

“Mới đây người ta dò đúng kim cương ở Christiana. Ngày mai tôi sẽ đi đến đấy.”

Như vậy là đúng rồi, có kim cương ở khắp mọi nơi! Chàng Jamie trai trẻ quá vui sướng đến nỗi anh khó uống cho hết ly cà phê to bự. Anh choáng váng khi nhìn thấy số tiền quá lớn ghi trên hoá đơn. Hai bảng, ba shillings cho một bữa ăn: lần sau mình phải cẩn thận mới được, anh nghĩ thầm trong khi bước ra đường phố đông đúc, náo nhiệt.

Một tiếng nói nổi lên phía sau lưng anh: “Vẫn còn giữ ý định làm giàu chứ, Jamie McGregor?”

Jamie quay lại, đó là Pederson, anh chàng người Thuỵ Điển đã cùng đi với anh trên chiếc xe chở thư.

“Cố nhiên rồi!” Jamie đáp

“Vậy thì chúng ta hãy đi đến nơi nào có kim cương”, anh ta đưa ngón tay ra chỉ, “Con sông Vaal ở về phía ấy”.

Họ bắt đầu bước đi.

Klipdrift nằm trong một lòng chậu, xung quanh là đồi và nhìn xa tít đến chân trời chỉ toàn thấy là đất cằn cỗi, không có một bụi cây, ngọn cỏ. Bụi đỏ toả lên dày đặc trong không khí, khiến rất khó thở. Con sông Vaal cách nơi ấy một phần tư dặm, và khi hai người đến gần con sông, không khí trở nên mát mẻ hơn. Hàng trăm người thăm dò đứng xếp hàng ở hai bên bờ sông, một số người đang đào đất tìm kim cương, một số khác đang đãi đá bằng những thùng đãi lắc lư qua lại, một số khác nữa đang lựa chọn và phân loại đá ở những chiếc bàn ọp ẹp, chế tạo thô sơ. Các dụng cụ của họ có đủ loại, từ những máy rửa đất đá khoa học đến những chiếc thùng và xô đựng nước cũ kỹ. Đàn ông đều bị rám nắng, râu không cạo, mặc những áo sơ mi kỳ dị đủ loại, không cổ, bằng do có sọc, màu sắc loè loẹt, những chiếc quần nhung sọc và ủng cao su, quần chẽn dùng để đi ngựa, đeo xà cạp quấn bằng giấy, đội mũ rộng vành bằng li-e (bần). Tất cả đều đeo dây lưng da có túi để đựng kim cương hay tiền.

Jamie và Pederson bước đến rìa sông, đứng nhìn một cậu bé cùng một người lớn tuổi đang ra sức di chuyển một tảng đá lớn để họ có thể đào tới lớp đá sỏi xung quanh đó. Áo sơ mi của họ ướt đẫm mồ hôi. Bên cạnh đó, một toán người khác chất đá sỏi lên xe để đem đi đãi. Một người trong bọn đào đất lắc lư cái thùng trong khi một người khác đổ những xô nước vào thùng

làm trôi đi đất bùn. Những viên sỏi lớn được trút vào một chiếc bàn thô sơ tự chế tạo lấy, ở đó họ lựa ra các viên sỏi và quan sát một cách thích thú.

"Trông có vẻ dễ dàng nhỉ" Jamie nhe răng cười và nói.

"Đừng có dễ tin như vậy, Jamie McGregor ạ. Tôi đã nói chuyện với những người đào kim cương đã từng sống ở đây lâu rồi. Tôi cho rằng chúng mình đều bị lừa cả".

"Anh nói thế nghĩa là thế nào?"

"Cậu có biết có bao nhiêu người đào kim cương ở nơi này không? Hai mươi nghìn mạng tất cả, tất cả đều hy vọng trở nên giàu có. Thế nhưng không có đủ kim cương cho mọi người, anh bạn ạ. Dù có có chăng nữa, tôi cũng bắt đầu nghi ngờ rằng người ta cũng chẳng bõ công mà đào. Mùa hạ thì nóng như thiêu đốt, mùa đông thì rét tê cóng, mọi người ướt như chuột lột dưới những cơn donerstormen (bão tố) khốn khiếp ấy, rồi lại còn phải đương đầu với bụi bặm, ruồi và mùi hôi thối. Mình không được tắm rửa và nằm trên chiếc giường cho ra hồn, cũng chẳng có các phương tiện vệ sinh trong cái thị trấn khốn khiếp này. Tuần nào cũng có người bị chết chìm trên con sông Vaal. Một số là do tai nạn, nhưng người ta vẫn bảo với đa số kẻ chết chìm ấy, đó là lối giải thoát tốt nhất, một cách duy nhất để có thể ra khỏi địa ngục trần gian này. Tôi không hiểu vì sao nhiều người vẫn cứ cố bám vào cái nơi này?"

“Tôi hiểu”, Jamie nói, đưa mắt nhìn về phía cậu bé tràn đầy hy vọng với chiếc sơ mi nhuốm bẩn “Đến nhát xẻng sau sẽ thấy!”
Nhưng khi đi trở về thị trấn, Jamie đành phải công nhận Pederson nói cũng có lý. Họ đi ngang qua những đống xương khô của bò, cừu và dê đã bị giết để mục nát bên ngoài lều vải, bên cạnh những hầm không che đậy dùng làm nhà vệ sinh. Mùi hôi thối ở đó xông lên ngút tận trời, Pederson đang nhìn anh chằm chằm và hỏi: “Bây giờ cậu định làm gì nào?”
“Đi kiếm một ít dụng cụ thăm dò”.
Ở trung tâm thị trấn có một cửa hiệu treo một tấm bảng đã hoen gỉ, trên đề mấy chữ: “Salomon Van Der Merwe, cửa hàng bách hoá”. Một người da đen cao lớn, trạc tuổi Jamie đang rỡ hàng từ một chiếc xe bò đặt trước cửa hiệu. Anh ta có đôi vai rộng, bắp thịt nở nang, một trong những người đẹp trai nhất Jamie chưa từng thấy. Anh ta có đôi mắt đen như bồ hóng, một cái mũi khoằm và một cái cằm hếch lên kiêu hãnh. Ở anh ta có một vẻ gì đường hoàng, trầm lặng và tách biệt. Anh nhấc một thùng gỗ nặng đựng súng trường trên vai, nhưng khi quay người lại, anh trượt chân trên một miếng lá rơi ra từ thùng bắp cải. Do bản năng, Jamie vươn tay ra để đỡ anh ta. Nhưng người da đen ấy làm như không biết đến sự hiện diện của Jamie. Anh ta quay người lại rồi đi vào cửa hiệu. Một người Boer thăm dò kim cương đang đứng buộc con la ở gần đấy liền nói bằng giọng

khinh bỉ: “Thằng ấy là Banda, thuộc bộ tộc Barolong, làm việc cho ông Van Der Merwe. Tôi không biết vì sao hắn vẫn giữ cái vẻ xấu xa ấy. Bọn Bantu chó đẻ ấy tưởng rằng chúng làm chủ trái đất này”.

Cửa hiệu bách hoá mát mẻ và tối tăm ở bên trong, khiến cho người ta cảm thấy khoan khoái, quên đi cảnh nóng bức, chói chang của đường phố. Cửa hiệu xông lên những mùi vị xa lạ. Jamie có cảm tưởng như từng phân tấc trong khoảng không gian này đều nhét đầy hàng hoá. Anh vừa bước đi vừa ngạc nhiên đến cuối cửa hàng. Ở đó có bán các dụng cụ nông nghiệp, bia, sữa hộp, bơ, lọ, xi măng, ngòi nổ, cốt mìn, thuốc súng, đồ sứ, bàn ghế, kim, chỉ, dầu, sơn, vecni, quả khô, yên ngựa và dây cương, thuốc tắm cho cừu, xà phòng, các thứ rượu, giấy và vật liệu văn phòng, trà, thuốc lá, thuốc hít, xì gà… hàng chục cái kệ chất đầy hàng từ trên xuống dưới các loại sơ mi dạ, mền, giày mũ và yên ngựa. Jamie nghĩ thầm, người nào làm chủ tất cả từng này hẳn phải giàu có lắm.

Một tiếng nói chợt nổi lên sau lưng anh, “Anh muốn mua gì?” Jamie quay đầu lại, thấy mình đang đứng trước một cô gái trẻ. Anh đoán cô ấy chừng mười lăm tuổi. Cô ta có nét mặt thanh tú, hình quả tim, một cái mũi ngổ ngáo, đôi mắt xanh và sáng. Tóc cô ta đen và quăn, Jamie nhìn dáng người cô ta, đoán chắc cô ta gần mười sáu tuổi.

“Tôi là người đi tìm kim cương”, Jamie đáp, “Tôi đến đây để mua một ít thiết bị”.

“Thế ông cần thứ gì?”

Vì một lý do nào đó, Jamie cảm thấy cần phải làm cho cô gái này mến phục, “Ờ, ờ… cô biết rồi đấy, những thứ thông thường thôi mà”.

Cô ta tủm tỉm cười, đôi mắt có vẻ ranh mãnh, “Những thứ thông thường là thứ gì vậy, thưa ông?”

“À…”, anh do dự, “một cái xẻng”,

“Chỉ có thế thôi à?”

Jamie biết rằng cô ấy đang muốn trêu anh, anh nhoẻn miệng cười và thú thật, “Xin nói thật với cô, tôi mới vào nghề này nên không biết mình cần những thứ gì?”

Cô gái nhìn anh mỉm cười, cái mỉm cười của một phụ nữ già dặn.

“Cái ầy cũng còn tuỳ thuộc vào nơi nào ông muốn thăm dò, thưa ông…”

“Tên tôi là McGregor, Jamie McGregor”.

“Tôi là Margaret Van Der Merwe”, cô lo lắng nhìn về phía sau cửa hàng.

“Rất hân hạnh được gặp cô, cô Van Der Merwe”.

“Ông mới đến đây hay sao?”

“Vâng, ngày hôm qua, bằng xe chở thư”.

“Lẽ ra phải có người nào cảnh báo trước với ông về những

chuyến xe ấy mới phải. Có nhiều hành khách bị chết trên cuộc hành trình bằng xe ấy", đôi mắt của cô lộ vẻ tức giận.

Jamie nhoẻn miệng cười. "Tôi không thể trách họ, nhưng tôi vẫn sống nhăn ra đây này. Xin cảm ơn cô".

"Rồi bây giờ sắp sửa đi tìm "mooi klipe" phải không?"

"Mooi klipe là gì vậy?"

"Đó là tiếng Hà Lan, là kim cương, loại sỏi rất đẹp"

"Cô là người Hà Lan?"

"Gia đình tôi từ Hà Lan đến đây".

"Tôi đến đây từ Scotland".

"Trông thấy ông tôi nhận ra ngay", đôi mắt cô lại một lần nữa lo lắng nhìn ra sau cửa hàng, "Có kim cương xung quanh nơi này, ông Gregor ạ, nhưng cần phải biết chọn nơi nào mà tìm. Đa số những người đào kim cương chạy loanh quanh, rốt cuộc lại quay lại chỗ cũ. Mỗi khi có người nào tìm ra được một nơi có kim cương, thế là những người khác lại tới, vét sạch những gì còn sót lại. Nếu muốn trở nên giàu có, ông phải tự tìm lấy mỏ kim cương cho mình".

"Như thế phải làm thế nào?"

"Cha tôi là người có thể giúp đỡ ông về việc ấy, ông ấy là người biết đủ mọi thứ. Ông ấy sẽ rảnh rang trong một giờ nữa".

"Tôi sẽ trở lại đây", Jamie nói, "Cảm ơn cô, cô Van Der Merwe".

Jamie đi ra ngoài ánh nắng, trong lòng vô cùng phấn khởi, mọi cơn đau nhức đã biến đi đâu mất. Nếu Salomon Van Der Merwe bảo cho anh biết nơi nào tìm kim cương thì chắc chắn anh không thể nào thất bại được. Anh sẽ có ưu thế hơn tất cả mọi người khác. Jamie cười thật to lên với niềm sung sướng cảm thấy mình còn trẻ, sung sức, đang tiến dần đến chỗ giàu sang.

Jamie đi xuống đường phố chính, ngang qua một lò rèn, một phòng chơi bida và năm sáu quán rượu. Anh đứng trước một khách sạn tồi tàn, có treo một tấm biển phía trước ghi mấy dòng chữ:

R.D.Miller, tắm nóng và lạnh

Mở cửa hàng ngày từ 6 giờ sáng đến 8 giờ tối.

Với tất cả mọi tiện nghi của một phòng tắm và trang điểm ngăn nắp, sạch sẽ.

Jamie ngẫm nghĩ, đã bao lâu mình không tắm nhỉ? Phải, mình đã tắm bằng xô nước ở trên tàu thuỷ. Đột nhiên anh nhận ra rằng người mình hôi hám quá. Anh nhớ đến trước kia, hồi còn ở nhà, anh tắm hàng tuần trong bồn nước ở trong bếp, trong khi mẹ anh gọi to lên "Nhớ tắm rửa cho sạch sẽ, cả ở phía dưới nữa Jamie". Anh quay người lại, đi vào nhà tắm. Bên trong có hai cánh cửa, một cánh cửa dành cho đàn bà và cánh cửa kia dành cho đàn ông. Jamie đi vào khu đàn ông, tiến thẳng đến người phục vụ lớn tuổi. "Một lần tắm bao nhiêu lần hả bác?"

“Tắm lạnh thì mười shillings, tắm nóng thì mười lăm”.
Jamie do dự. Ý nghĩ được tắm nước nóng sau một cuộc hành trình dài như thế thật khó mà cưỡng lại nổi. Anh nói “Tắm lạnh”, anh không thể nào vứt tiền ra cho những thú vui xa xỉ được. Còn cần phải mua các dụng cụ đào mỏ.
Người phục vụ đưa cho anh một miếng xà phòng giặt màu vàng và một chiếc khăn tay sờn chỉ rồi đưa tay chỉ. “Vào chỗ kia, anh bạn”.
Jamie bước vào một căn phòng nhỏ chỉ gồm có một bồn tắm bằng thiếc lớn ở giữa và ít cái móc quần áo trên tường. Người phục vụ đổ đầy nước lạnh vào bồn tắm bằng một cái gáo gỗ.
“Sẵn sàng rồi đấy cậu ạ. Cứ treo các quần áo lên cái móc kia”.
Jamie đợi người ấy đi ra rồi mới cởi quần áo. Anh nhìn xuống thân hình cáu ghét rồi đặt một chân vào bồn nước. Nước thật là lạnh, đúng như đã quảng cáo. Anh nghiến răng lại, dầm mình trong bồn nước, xoa xà phòng tới tấp từ đầu đến chân. Khi bước ra khỏi bồn tắm, anh thấy nước trong bồn đen ngòm. Anh cố lau khô người bằng chiếc khăn đã sờn chỉ và mặc quần áo vào người. Quần và áo của anh cứng nhắc vì bẩn, khiến anh không muốn mặc chúng vào người. Anh sẽ phải mua quần áo mới để thay thế và điều này lại một lần nữa nhắc nhở cho anh biết rằng anh có rất ít tiền. Thế rồi anh lại thấy cồn cào trong bụng.
Jamie rời nhà tắm, chen chúc đi xuống con đường đông đúc, đến

một quán ăn gọi là Sundowner. Anh gọi bia và một bữa ăn trưa, sườn cừu với cà chua, xúc xích, khoai tây, xà lách và dưa chuột dầm dấm. Trong khi ăn, anh lắng tai nghe câu chuyện lạc quan mà người ta nói với nhau ở xung quanh.

"… Tôi nghe nói người ta tìm được một viên kim cương gần Colsenberg, cân nặng đến 21 cà rá. Nhớ đấy nhé, nếu ở đấy đã có một viên kim cương thì chắc chắn còn nhiều nữa…"

"… Người ta mới tìm thấy kim cương ở Herbron. Tôi đang dự tính sẽ đến đó…"

"Anh là thằng điên, những viên kim cương lớn đều ở Orange River…"

Ở chỗ quầy rượu, một ông khách hàng, râu quai nón, mặc chiếc áo sơ mi dạ có sọc, không cổ và quần nhung sọc đang vân vê một ly bia chanh rõ bự. Ông ta đang tâm sự với người phục vụ quầy rượu "Tôi bị vét sạch túi ở Herbron. Tôi cần có một số tiền làm vốn".

Người bán rượu là một anh chàng to béo, trán sói, mũi gãy và méo xẹo, mắt như cú vọ. Anh ta cười to: "Mẹ kiếp anh bạn ạ, ai mà chẳng sạch túi? Tại sao tôi lại mở quầy rượu, anh rõ không? Chừng nào tôi có đủ tiền, tôi sẽ rút nhanh lên mạn Orange". Anh lấy một chiếc giẻ bẩn chùi sạch quầy rượu và nói tiếp, "Nhưng tôi bảo cho anh biết điều này nhé, anh hãy đến gặp Salomon Van Der Merwe. Lão ta làm chủ hiệu bách hoá và nửa thị trấn này".

“Lão ta giúp gì được tôi?”

“Nếu thích anh, lão có thể góp vốn với anh”

Ông khách nhìn anh bán rượu chằm chằm “Thật thế hả, anh nghĩ rằng lão sẵn sàng làm như vậy sao?”

“Lão đã làm như vậy với một số người, theo như tôi biết. Anh bỏ công sức anh ra, lão bỏ vốn. Kiếm được bao nhiêu sẽ chia đồng đều”.

Các suy nghĩ của Jamie nhảy vọt lên về phía trước. Lâu nay anh vẫn tin tưởng rằng số tiền một trăm hai mươi bảng Anh anh đã dành dụm sẽ đủ để anh mua các đồ trang bị và thức ăn để tồn tại, thế nhưng giá cả ở Klipdrift cao một cách lạ lùng. Anh đã để ý thấy ở cửa hiệu Van Der Merwe, rằng một túi bột mì Úc nặng chừng trăm cân Anh giá năm bảng. Một cân đường giá 1 shilling. Một chai bia năm shillings, bánh bích quy ba shillings một cân, trứng tươi bảy shillings một tá. Với cái đà này, tiền bạc của anh chẳng tồn tại được bao lâu. Jamie nghĩ: “Lạy chúa, ba bữa ăn ở đây bằng cả gia đình mình sống trong một năm. Nhưng nếu mình có một người giàu có như ông Van Der Merwe hỗ trợ cho thì…”. Anh vội vã trả tiền bữa ăn rồi hối hả đi trở lại cửa hiệu bách hoá. Salomon Van Der Merwe đang ngồi sau quầy hàng, gỡ các khẩu súng ra từ một chiếc hòm gỗ. Ông ta là một người nhỏ nhắn với một gương mặt gầy choắt, xung quanh điểm râu quai nón. Tóc ông màu cát, đôi mắt nhỏ và đen, một cái mũi phồng ra và đôi

môi nhíu lại. Cô con gái ông ta chắc phải giống mẹ, Jamie nghĩ thầm. "Xin lỗi ông…"

Van Der Merwe nhìn lên: "Ja" (Vâng)

"Ông có phải là ông Van Der Merwe không? Tôi tên là Jamie McGregor từ Tô Cách Lan đến đây. Tôi đến đây tìm kim cương".

"Vậy thì sao?"

"Tôi có nghe nói rằng ông giúp đỡ những người thăm dò".

Van Der Merwe lẩm bẩm: "Anh bạn ạ, không biết ai đã tung ra cái chuyện ấy? Tôi chỉ giúp đỡ một ít người đào kim cương, thế là mọi người đều tưởng rằng tôi là ông Santa Claus (ông già Noel)"

"Tôi đã để dành được một trăm hai mươi bảng Anh", Jamie hăm hở nói, "Nhưng tôi biết rằng từng đó không giúp tôi mua được bao nhiêu thứ cả. Tôi sẵn sàng đi đến nơi hoang dã với một cái xẻng, nếu cần thiết, nhưng tôi nghĩ rằng nếu có một con la và dụng cụ thích hợp có lẽ tôi có cơ may thành công nhiều hơn!"

Van Der Merwe quan sát anh bằng cặp mắt đen ti hí: "Cái gì khiến anh nghĩ rằng anh có thể tìm được kim cương?"

"Tôi đã đi nửa vòng trái đất, ông Van Der Merwe, và tôi nhất định sẽ không rời khỏi nơi này khi nào tôi chưa được giàu có. Nếu có kim cương ở nơi nào đó thì chắc chắn tôi sẽ tìm ra. Nếu ông giúp tôi, cả hai chúng ta sẽ trở nên giàu có".

Van Der Merwe hứ lên một tiếng quay lưng lại phía Jamie, tiếp tục rỡ súng ra khỏi thùng, Jamie vẫn đứng lóng ngóng ở đấy, không biết nói gì thêm nữa. Khi Van Der Merwe bắt đầu mở lời trở lại, câu hỏi của ông ta làm anh choáng váng, như bị chộp bất thình lình: "Anh đến đây bằng xe bò chở khách hả?"

"Không, bằng xe chở thư".

Ông già quay lại quan sát chàng trai trẻ một lần nữa, cuối cùng ông nói, "Chúng ta sẽ bàn về chuyện ấy".

Hai người bàn với nhau về chuyện ấy vào buổi tối trong một căn phòng ở phía sau cửa hiệu, nơi ăn ở của Van Der Merwe. Đó là một phòng nhỏ làm phòng ăn, vừa là nhà bếp, vừa là phòng ngủ, với một chiếc màn phân chia hai chiếc giường bố. Phần dưới các bức tường xây bằng đá và bùn, còn phần trên là các hộp bằng cáctông trước kia đựng các loại thực phẩm. Một lỗ hình vuông được xẻ ra trên một bức tường được dùng làm cửa sổ. Về mùa mưa, lỗ này được bít lại bằng một tấm gỗ gán ở phía trước. Bàn ăn là một tấm ván dài, đặt ngang trên hai thùng gỗ. Một chiếc thùng gỗ, được đặt lại ở bên hông, dùng làm tủ đựng bát đĩa. Jamie đoán rằng Van Der Merwe không phải là một người chịu rời xa đồng tiền của ông ta một cách dễ dàng.

Cô con gái của Van Der Merwe yên lặng đi qua đi lại để chuẩn bị bữa ăn. Thỉnh thoảng cô đưa mắt thật nhanh nhìn về phía ông bố nhưng không nhìn Jamie một lần nào. Tại sao cô ấy có vẻ

khiếp hãi thế nhỉ? Jamie tự hỏi.

Khi mọi người đã vào bàn ăn, ông Van Der Merwe mở lời:

“Chúng ta hãy đọc một bài kinh nào. Lạy Chúa, chúng con cám ơn ngài về những ân thưởng rộng rãi mà chúng con đã nhận được từ Ngài. Chúng con cảm ơn ngài đã tha thứ các tội lỗi của chúng con và chỉ ra cho chúng con con đường chính đáng và giải thoát chúng con khỏi các cám dỗ. Chúng con cảm ơn Ngài đã cho chúng con cuộc sống lâu dài, nhiều lợi lộc và đã đập chết tất cả những kẻ nào xúc phạm đến Ngài. Amen” Rồi ngay tiếp đó, luôn một hơi thở, ông ta nói với con gái, “Chuyển đĩa thịt lại đây cho bố”.

Bữa ăn thật thanh đạm: một miếng thịt rán nhỏ, ba củ khoai tây và một đĩa rau cải. Các phần dọn cho Jamie thật ít ỏi. Hai người nói chuyện với nhau rất ít trong bữa ăn còn Margaret thì không nói gì cả.

Ăn xong, Van Der Merwe mới nói: “Thật là ngon, con gái ạ”. Giọng nói của ông pha lẫn một chút hãnh diện. Rồi ông quay về phía Jamie,

“Chúng ta bàn về công việc chứ?”.

“Vâng, thưa ông”.

Van Der Merwe nhặt lên một ống điếu từ mặt tủ gỗ con, lấy thuốc lá thơm từ một chiếc túi con nhét vào ống điếu. Ông châm thuốc. Đôi mắt ông nhìn chăm chú vào mặt Jamie qua làn khói

thuốc cuồn cuộn.

“Những bọn đào kim cương ở vùng Klipdrift đều khùng cả. Có quá ít kim cương nhưng lại quá nhiều. Người ta có thể làm gãy xương sống suốt cả năm trời mà chẳng tìm ra được cái gì ngoài “schlenter”. Đó là loại kim cương vô giá trị ấy mà. Anh có hiểu tôi nói không?”

“Vâng, tôi hiểu. Vậy thì phải làm thế nào?”

“Bọn Griquas”

Jamie ngơ ngác. “Đó là một bộ lạc Châu Phi ở mạn Bắc. Họ tìm thấy kim cương – những viên kim cương thật lớn – rồi đôi khi họ mang đến cho tôi. Sau đó tôi bán lại để mua hàng hoá”. Người Hà Lan ấy hạ thấp giọng xuống thì thầm một cách bí mật, “Tôi biết họ tìm thấy kim cương ở đâu rồi”.

“Thế nhưng tại sao ông không tự mình đi tìm lấy ông Van Der Merwe?”

Van Der Merwe thở dài: “Không, tôi không thể rời cửa hiệu này được. Chúng nó sẽ ăn cắp mà mình không biết được. Tôi cần một người nào đủ tin cậy để đi đến nơi ấy, rồi đưa kim cương về cho tôi. Khi nào tìm được đúng người, tôi sẽ cung cấp cho hắn đủ mọi dụng cụ cần thiết”. Ông dừng lại một lát để kéo hơi thuốc “Rồi tôi sẽ bảo cho hắn kim cương ấy ở đâu”.

Jamie vụt đứng dậy, tim đập thình thình: “Ông Van Der Merwe ạ, tôi chính là người mà ông đang tìm kiếm. Hãy tin tôi đi, tôi xin

ông, tôi sẽ làm việc cả ngày đêm". Giọng anh sôi nổi, đầy nhiệt tình "Tôi sẽ mang kim cương về cho ông, nhiều không thể đếm nổi".

Van Der Merwe lặng lẽ nhìn anh một lát nhưng anh thấy nó lâu như cả thế kỷ. Cuối cùng, khi Van Der Merwe thốt lời, ông chỉ nói gọn một chữ "Ja".

Jamie ký hợp đồng vào sáng hôm sau. Hợp đồng ấy viết bằng tiếng Africaner (Nam Phi)

"Để tôi giải thích cho anh", Van Der Merwe nói, "hợp đồng đó ghi rằng, chúng ta hợp tác kinh doanh với nhau, tôi bỏ vốn, anh bỏ công sức. Chúng ta chia nhau đồng đều tất cả mọi thứ."

Jamie nhìn vào bản hợp đồng trong tay Van Der Merwe. Giữa những hàng chữ khó hiểu, anh chỉ nhận ra một dòng chữ: tổng số hai bảng Anh.

Jamie lấy tay chỉ chữ ấy và hỏi: "Cái này để làm gì thưa ông Van Der Merwe?"

"Cái đó có nghĩa là thêm vào một nửa số kim cương thuộc về phần anh, anh sẽ nhận được hai bảng Anh một tuần lễ làm việc. Dù tôi biết rằng ở đó có kim cương, cũng có thể xảy ra trường hợp anh sẽ không tìm được cái gì cả, anh bạn ạ. Nhưng như vậy, ít nhất anh cũng nhận được chút ít gì đó do công lao anh đã bỏ ra".

Một người như thế thật quá ư sòng phẳng, "Cảm ơn ông, cảm ơn

ông nhiều lắm". Jamie tưởng chừng như muốn chồm lên mà hôn ông.

Van Der Merwe nói: "Bây giờ ta hãy lo việc trang bị mọi thứ cho anh đã".

Phải mất hai giờ đồng hồ mới chọn được mọi thứ cho Jamie mang theo: một lều vải nhỏ, dụng cụ nấu ăn, hai cái sàng, một cái đãi đá, một cái cuốc chim, hai cái xẻng, ba xô nước, tất và áo lót. Có một cái rìu, một cây đèn và dầu garrafin, diêm và xà phòng arsenic. Ngoài ra còn có những hộp thiếc thức ăn, thỏi thịt, đường, cà phê và muối. Cuối cùng mọi thứ đã sẵn sàng, đầy đủ. Tên đầy tớ da đen, Banda, lặng lẽ giúp Jamie xếp gọn ghẽ mọi thứ trong những túi đeo trên lưng. Anh chàng to lớn ấy không bao giờ đưa mắt nhìn Jamie và cũng chẳng nói một lời nào. Hắn không nói được tiếng Anh, chắc vậy. Margaret ở trong cửa hiệu, chờ đợi khách hàng, nhưng nếu cô ta biết rằng Jamie đang có mặt ở đấy cô ta cũng chẳng tỏ ra một dấu hiệu nào cả.

Van Der Merwe bước lại gần Jamie: "Con la của anh đã đợi ở trước nhà", ông nói, "Banda sẽ giúp anh chất đồ đạc lên".

"Cám ơn ông Van Der Merwe", Jamie nói, "Tôi…"

Van Der Merwe xem xét một mảnh giấy đặc sệt những con số và nói, "Tất cả một trăm hai mươi bảng Anh"

Jamie nhìn ông ngơ ngác: "S… sao? Cái này nằm trong điều khoản đã được thoả thuận giữa chúng ta mà. Chúng ta…"

Khuôn mặt gầy choắt của Van Der Merwe sụm lại vì giận dữ: "Anh tưởng rằng tôi tặng anh tất cả các thứ này, thêm vào một con la thật tốt, rồi cho phép anh hợp tác kinh doanh với tôi, ngoài ra lại còn cho anh thêm hai bảng một tuần hay sao? Nếu anh mong tìm một cái gì đó mà không muốn bỏ ra một chút nào hết thì anh tìm lầm chỗ rồi". Nói xong ông ta liền dỡ một túi xách xuống.

Jamie vội vàng nói: "Đừng, xin ông đừng làm thế, ông Van Der Merwe. Ấy chỉ vì tôi không hiểu thôi. Ông muốn như thế thì cũng được, tôi có sẵn tiền ở đây". Anh thọc tay vào túi da, trút tất cả số tiền dành dụm của anh cho đến đồng xu cuối cùng lên mặt bàn.

Van Der Merwe do dự, "Thôi được rồi", ông ta nói với vẻ miễn cưỡng, "Có lẽ đó là một sự hiểu lầm, thật đấy. Thị trấn này toàn những tên lừa đảo. Tôi phải thận trọng khi giao thiệp buôn bán với ai".

"Vâng, ông làm thế là phải", Jamie ngỏ ý tán thành. Trong lúc quá sôi nổi, anh đã hiểu sai các điều thoả thuận với nhau. Mình thật may mắn, vì ông ta còn cho mình một cơ hội sửa chữa sai lầm, Jamie thầm nghĩ.

Van Der Merwe thọc tay vào túi, rút ra một tấm bản đồ vẽ tay nhỏ nhăn nhúm: "Anh sẽ tìm thấy mooi kliper ở chỗ này. Phía Bắc nơi này, ở Magerdam trên bờ sông phía Tây của con sông

Vaal".

Jamie quan sát bản đồ, tim anh bắt đầu đập nhanh, "Nơi ấy xa bao nhiêu dặm?"

"Ở đây chúng tôi đo khoảng cách bằng thời gian. Với con la này, anh sẽ đi mất khoảng 4, 5 ngày. Lúc trở về sẽ chậm hơn vì trọng lượng của kim cương".

Jamie mỉm cười: "Ja".

Khi Jamie trở lại đường phố của Klipdrift, anh không còn là một du khách nữa. Anh là một nhà thăm dò, một người đào kim cương đang tiến gần đến sự giàu có. Banda đã chất xong đồ đạc lên lưng con la mảnh khảnh, yếu đuối bị cột chặt vào trước cửa hiệu.

"Cảm ơn", Jamie mỉm cười nói

Banda quay lại, nhìn vào mắt anh rồi lặng lẽ quay đi nơi khác.

Jamie tháo sợi dây cương và nói với con la: "Đi nào anh bạn, đã đến giờ chúng ta đi tìm mooi kliper rồi".

Người và la cùng tiến về phía Bắc,

Jamie dựng lều vải bên cạnh con suối vào lúc đêm xuống, anh tháo la ra, cho nó uống nước và ăn cỏ. Anh soạn ra cho mình ăn một ít thịt bò khô, mơ khô và cà phê. Đêm tối vang lên những tiếng động kỳ lạ, anh nghe thấy tiếng rú, tiếng ụt ịt của những con thú đang đi xuống uống nước. Anh không có gì để tự bảo vệ cả, giữa những con thú nguy hiểm vây xung quanh, trên một

mảnh đất hoang sơ, xa lạ. Một tiếng động khiến anh giật thót người, lúc nào anh cũng lo sợ móng vuốt của các thú rừng nhảy chồm ra từ bóng tối tấn công anh. Trí óc anh bắt đầu nghĩ miên man. Anh nghĩ đến chiếc giường khô ở quê hương, đến cuộc sống an toàn, tiện nghi mà anh chấp nhận như là điều đương nhiên. Anh ngủ từng chập, thấy trong mơ sư tử và voi tấn công anh, những người to lớn, râu ria xồm xoàm đang cố gắng giật khỏi tay anh những viên kim cương thật lớn.

Lúc rạng đông, khi anh thức dậy, con la đã chết.

Sidney Sheldon

Tay cự phách

Chương 2

Anh không thể tin vào mắt mình được nữa. Anh cố tìm ra một vết thương trên mình con vật vì nghĩ rằng nó đã bị một con thú dữ nào tấn công đêm hôm qua, nhưng không thấy gì cả. Con la đã chết trong giấc ngủ. Ông Van Der Merwe sẽ buộc mình phải chịu trách nhiệm về việc này. Jamie nghĩ thầm, nhưng khi mình đem kim cương về cho ông thì vấn đề này không còn quan trọng gì nữa.

Không còn cách nào quay lại. Anh sẽ tiếp tục đi đến Magerdan mà không cần có con la. Anh nghe có tiếng động trong không khí và vội ngẩng lên nhìn. Những con kên kên đen to lớn đã bắt đầu bay vòng tròn quanh đầu, Jamie rùng mình. Anh vội vã xếp lại đồ đạc thật nhanh, quyết định xem nên bỏ lại những gì rồi nhét tất cả mọi thứ có thể mang theo trong một chiếc túi đeo lưng, anh bắt đầu lên đường. Năm phút sau, quay đầu nhìn lại, anh thấy những con kên kên khổng lồ ấy đã phủ kín xác chết của

con la. Chỉ còn thấy một cái tai dài của nó nhô lên mà thôi. Jamie cố rảo bước đi thật nhanh.

Lúc ấy là vào tháng mười hai, mùa hè ở Nam Phi. Con đường mòn băng qua thảo nguyên dưới mặt trời to lớn đỏ như cam trông thật là khủng khiếp. Lúc mới khởi hành từ Klipdrift, Jamie bước đi thoăn thoắt, tâm hồn thật vô tư, những phút trôi qua thành giờ, rồi giờ trở thành ngày, bước chân anh cứ chậm dần, trái tim anh thêm nặng trĩu. Xa tít chân trời, thảo nguyên đơn điệu sáng lung linh, bằng phẳng, ghê rợn dưới ánh nắng cháy bỏng, những cánh đồng xám xịt, đầy sỏi đá, cô quạnh dường như trải dài vô tận.

Mỗi khi đi đến một nơi có nước, anh dừng lại, cắm lều trại rồi lăn ra ngủ giữa những âm thanh kỳ lạ trong đêm tối của những con vật xung quanh mình. Các âm thanh ấy không còn làm anh phải bận tâm nữa. Nó chứng tỏ rằng có sự sống tại nơi địa ngục khô cằn này, và anh cảm thấy mình bớt cô đơn. Một buổi sáng, vào lúc rạng đông, anh gặp một bầy sư tử. Anh nhìn chúng từ phía xa, trong khi con sư tử cái đang tiến về phía con sư tử đực và các con của chúng, mang theo một con linh dương con giữa hai hàm răng to khoẻ của chúng. Nó thả con vật trước mặt con sư tử đực rồi bỏ đi, để mặc con này ăn con mồi. Một con sư tử liều lĩnh nhảy chồm lên phía trước, cắn vào thịt con linh dương. Bằng một cử động, con sư tử đực giơ cao một bàn chân, tát một cái

thật mạnh lên mặt con sư tử con, làm nó chết tức thì, sau đó nó trở lại tiếp tục ăn con mồi. Nó ăn xong thì các con khác mới tiến lại ăn phần còn lại. Jamie chậm rãi lùi lại, rời xa quang cảnh ấy rồi tiếp tục đi.

Phải mất gần hai tuần lễ Jamie mới vượt qua vùng Karroo. Có nhiều lúc anh tưởng chừng như phải bỏ cuộc. Anh không chắc rằng mình có thể hoàn tất cuộc hành trình này hay không. Mình là một thằng khùng. Lẽ ra mình phải trở về Klipdrift và van xin ông Van Der Merwe một con la khác. Nhưng nếu ông Van Der Merwe huỷ bỏ hợp đồng thì sao? Không, mình làm như thế là phải.

Vì vậy Jamie tiếp tục lê bước. Một hôm anh thấy có bốn người ở phía xa xa đang tiến về phía anh. Mình mê sảng rồi, Jamie thầm nghĩ, đó là một ảo tưởng. Nhưng các hình người ấy vẫn tiến lại gần hơn nữa. Tim Jamie đập thình thịch một cách đáng lo ngại. Người! Có người nơi này. Anh tự hỏi không biết mình đã quên tiếng nói chưa. Anh thử nói to lên trong không khí, nghe như thể tiếng nói đấy là của một người nào khác, chết đã lâu rồi. Bốn người ấy đi tới chỗ anh, đó là những người thăm dò trở về Klipdrift, thất bại và mệt mỏi.

“Chào”, Jamie nói.

Họ gật đầu và chào lại. Một người trong bọn họ nói: “Ở phía trước chẳng có gì đâu, anh bạn ạ. Chúng tôi tìm rồi. Anh chỉ mất

thì giờ thôi. Trở lại đi".

Nói xong họ đi thẳng.

Jamie cố quên tất cả mọi sự mà chỉ nghĩ đến khoảng đồng không mông quạnh, không có đường mòn trải dài trước mặt. Nắng và ruồi là những thứ không thể nào chịu nổi nhưng chẳng có nơi nào để ẩn nấp cả. Có những cây gai nhưng các cành cây đã bị đàn voi phá trụi. Mắt Jamie gần như đã bị mù đi vì mặt trời. Da anh cháy bỏng và lúc nào anh cũng thấy choáng váng. Mỗi lần hít không khí, phổi anh như muốn vỡ toang ra. Anh không còn bước đi nữa, anh loạng choạng, vấp ngã; bàn chân này đặt trước bàn chân kia, anh lảo đảo tiến về phía trước không còn biết gì nữa cả. Một buổi trưa nọ, ánh nắng giữa trưa đập xuống người anh, anh thả tuột chiếc túi đeo, ngã lăn ra đất vì quá mệt không còn bước được nữa. Anh nhắm mắt lại, mơ màng thấy mình đang ở trong chiếc lò nấu kim khí khổng lồ và mặt trời là một viên kim cương to lớn, chói lọi đang đốt cháy anh, khiến anh tan ra thành nước. Anh thức dậy vào lúc nửa đêm, run lên cầm cập vì rét. Anh cố ăn miếng thịt bò khô và uống một hợp nước nhạt nhẽo. Anh biết rằng anh phải đứng dậy lên đường trước khi mặt trời mọc, trong khi đất và trời đang còn mát. Anh cố hết sức nhưng sự cố gắng của anh quá lớn lao. Thật là dễ dàng biết bao nếu mình nằm vĩnh viễn ở đó, không bước thêm một bước nào nữa. Mình chỉ ngủ thêm một chút nữa, Jamie nghĩ thầm, nhưng

có một tiếng nói nào đó bên trong bảo anh rằng anh sẽ không bao giờ thức dậy nữa. Người ta sẽ tìm thấy xác anh nằm đó như hàng trăm xác chết khác. Anh nhớ đến những con kên kên rồi suy nghĩ – không, không phải xác tôi mà bộ xương của tôi. Chậm rãi và đau đớn, anh cố đứng dậy. Chiếc túi đeo nặng quá, anh không nhấc nổi nó nữa. Jamie bắt đầu bước đi, kéo lê cái túi ở phía sau. Anh không nhớ bao nhiêu lần anh ngã xuống cát rồi lại đứng dậy. Một lần, vào lúc trời chưa sáng, anh kêu to lên, "Tôi là Jamie McGregor, tôi sắp thành công rồi! Tôi sẽ sống! Chúa ơi, có nghe tôi nói không? Tôi sẽ sống…". Tiếng anh như nổ ran trong đầu.

"Con sắp đi tìm kim cương phải không? Con điên rồi con ạ. Đó là một câu chuyện thần tiên – một sự dụ dỗ của quỷ sa tăng, ngăn cản người ta làm ăn lương thiện".

"Tại sao con không nói cho ta biết con kiếm đâu ra tiền để đi? Đi hết nửa vòng thế giới đó, con ạ. Con lấy đâu ra tiền để đi?"

"Ông Van Der Merwe ạ, tôi chính là người ông đang tìm kiếm. Hãy tin tôi đi, thưa ông. Tôi sẽ làm việc ngày đêm. Tôi sẽ mang kim cương về cho ông, nhiều không đếm xuể".

Ấy thế mà cuộc đời của anh phải chấm dứt trước khi bắt đầu. Mình có hai lựa chọn, Jamie tự nhủ. Mình tiếp tục đi, hay mình có thể ở lại đây rồi chết… rồi chết… rồi chết.

Những tiếng nói ấy vang lên không ngừng trong đầu. Mình có

thể bước thêm một bước nữa, Jamie tự nhủ. Cố gắng lên, Jamie, một bước nữa thôi, một bước nữa…

Hai ngày sau, Jamie McGregor loạng choạng đi vào ngôi làng Magerdam. Vết bỏng do mặt trời đã bị nhiễm trùng từ lâu nên bây giờ máu và huyết tương chảy ra. Hai mắt sưng vù, gần như hoàn toàn nhắm tịt lại. Anh ngã khuỵu xuống đường, một đống quần áo nhàu nát giữ chặt anh lại. Một số người đào kim cương thương tình đỡ hộ anh chiếc túi đeo. Với tất cả sức lực còn lại, anh chống trả họ, hét lớn trong cơn mê sảng "Không, hãy tránh xa khỏi các viên kim cương của tôi! Hãy tránh xa khỏi các viên kim cương của tôi…"

Ba ngày sau, anh tỉnh dậy trong một căn phòng nhỏ, trống trải, trên người không có quần áo ngoài vải băng bó khắp thân thể. Người đầu tiên anh trông thấy là một bà trạc trung niên, béo phục phịch, ngồi trên chiếc giường bố của anh.

"A-i", tiếng anh khàn khàn như tiếng quạ kêu. Anh không thể nói được lời ra.

"Nằm yên đi, anh bạn. Anh đang bị ốm đấy". Bà nhấc chiếc đầu băng bó của anh lên, cho anh nhấp chút nước từ một cái tách bằng thiếc.

Jamie chống cùi tay nhổm dậy, "Ở đâu…?" anh cố gắng nuốt nước bọt, cố gắng một lần nữa: "Tôi ở đâu thế này?"

"Anh đang ở Magerdam. Tôi là Alice Jardine. Đây là nhà trọ của

tôi. Rồi đây anh sẽ khoẻ lại. Chỉ cần ngủ một giấc ngon thôi. Nào, nằm xuống ngủ đi"

Jamie nhớ lại những người lạ mặt đã cố lấy cái túi ra khỏi người anh và cảm thấy hoảng sợ: "Đồ đạc của tôi đâu rồi?" Anh cố ngồi dậy trên chiếc ghế bố nhưng lời của bà Alice ngăn anh lại. "Mọi thứ đều còn nguyên cả, đừng lo, con ạ". Bà chỉ vào chiếc túi đeo được đặt ở góc phòng.

Jamie ngả người xuống tấm vải sạch trắng tinh: "Mình đến nơi rồi, mình thành công rồi. Bây giờ trở đi, mọi sự sẽ thay đổi cả". Sự hiện diện của bà Alice Jardine là một điều tốt lành, không những cho Jamie McGregor mà cho cả nửa số người ở Magerdam. Trong thị trấn nhỏ đầy phiêu lưu rủi ro này, nơi tất cả mọi người đều chia sẻ chung số phận, bà Alice nuôi họ ăn, săn sóc họ, khuyến khích họ. Bà là một người Anh đã đến Phi Châu cùng chồng bà. Lúc ấy bà bỏ nghề dạy học ở Leeds, tham gia vào cuộc đổ xô đi tìm kim cương. Chồng bà qua đời ba tuần lễ sau khi đến nơi này nhưng bà quyết chí ở lại. Những người thợ mỏ trở thành những đứa con bà không bao giờ có được.

Bà buộc Jamie phải nằm trên giường bốn ngày nữa, bà cho anh ăn, thay băng và giúp anh hồi phục sức khoẻ. Đến ngày thứ năm, anh đã sẵn sàng đứng dậy được.

"Thưa bà Alice Jardine, tôi mong bà hiểu cho lòng biết ơn sâu sắc của tôi đối với bà. Tôi không thể trả ơn cho bà lúc này, chưa

đâu. Nhưng rồi đây bà sẽ có một viên kim cương thật lớn mà tôi sẽ biếu bà. Đó là một lời hứa của Jamie McGregor này".

Bà Alice mỉm cười trước vẻ nhiệt tình của cậu con trai dễ thương này. Anh vẫn còn quá gầy, đôi mắt xám còn đầy vẻ kinh hãi mà anh vừa trải qua, nhưng từ con người anh toả ra một sức mạnh, một vẻ cương quyết đáng sợ. Anh ta khác hẳn những người khác, bà Alice Jardine nghĩ thầm.

Jamie trong bộ quần áo mới giặt, đi ra ngoài để thăm quan thị trấn. Nó là thị trấn Klipdrift ở tầm mức nhỏ hơn. Cũng là những chiếc lều vải, xe bò và đường phố bụi bặm, những cửa hiệu xây dựng sơ sài và những đám đông người thăm dò kim cương.

Ngang qua một quán rượu, Jamie nghe tiếng ồn ào, náo nhiệt phát ra từ bên trong. Anh liền bước vào. Một đám đông người đang tập trung quanh một người Ái Nhĩ Lan mặc chiếc áo sơ mi đỏ.

"Có chuyện gì thế?" Jamie hỏi.

"Anh ta đãi mọi người vì mới tìm ra kim cương"

"Anh ta làm sao?"

"Ngày hôm nay anh ta giàu rồi, vì vậy anh đãi rượu cho toàn thể quán rượu này. Anh ta xuất tiền ra mua rượu đến cả ba mươi tay khát rượu trong quán này nốc cũng chưa chắc đã hết".

Jamie góp chuyện với nhiều tay đào kim cương đang tỏ vẻ bực tức xung quanh chiếc bàn.

“Anh từ đâu tới, Jamie McGregor?”

“Từ Tô Cách Lan”

“Tôi không biết ở Tô Cách Lan người ta cho anh ăn loại phân ngựa gì chứ ở cái xứ khốn khiếp này không có đủ kim cương để trả tiền cho các chi tiêu”.

Họ nói với nhau về các trại khác: Gong Gong, Forland Hope, Delports, Poorman Kopje…

Tất cả cùng kể một câu chuyện giống nhau – hàng tháng trời làm việc đến gãy cả xương sống để di chuyển những tảng đá, để đào đất ở chỗ đất cứng và ngồi xổm bên bờ sông để đãi bùn nhão tìm kim cương. Mỗi ngày người ta tìm được một viên kim cương, không đủ để trở nên giàu có nhưng cũng đủ để họ nuôi dưỡng hy vọng. Tâm trạng của thị trấn là một sự pha trộn kỳ lạ của cả lạc quan lẫn bi quan. Những kẻ lạc quan đến, những kẻ bi quan bỏ đi.

Jamie đã biết rõ anh đứng về phe nào rồi.

Anh tiến lại gần người Ái Nhĩ Lan mặc áo sơ mi đỏ, mắt của anh ta mờ đi vì rượu rồi đưa cho anh ta xem bản đồ của Van Der Merwe.

Người ấy nhìn thoáng một cái rồi ném trả lại cho Jamie: “Vô giá trị, tất cả vùng ấy đều bị người ta vét sạch cả rồi. Nếu tôi ở trường hợp anh, tôi sẽ đi đến Bad Hope thử ra sao”.

Jamie không thể nào tin được. Chính bản đồ của Van Der Merwe

đã đưa anh đến đây. Nó là ngôi sao Bắc Cực hướng dẫn anh đến sự giàu sang.

Một người đào kim cương khác nói, "Cứ đi thẳng đến Colesberg. Người ta đang tìm kim cương ở đấy, con ạ".

"Gilfiland Kop mới là nơi nên đào"

"Cứ thử đến Moonlight Rush xem sao, nếu cậu muốn nghe ý kiến của tớ".

Trong bữa ăn tối hôm ấy, Alice nói: "Jamie ạ, nơi nào cũng là may rủi giống nhau mà thôi. Cứ chọn lấy một nơi, dùng cuốc chim mà đào, rồi cầu nguyện. Các chuyên gia khác đều làm như vậy".

Sau một đêm giằng co suy nghĩ, Jamie quyết định không màng đến bản đồ của Van Der Merwe nữa. Mặc kệ lời khuyên bảo của mọi người, anh quyết định đi về phía đông, dọc theo con sông Modder. Sáng hôm sau, Jamie chào từ biệt bà Alice Jardine và lên đường.

Đi được ba ngày hai đêm, anh đến được một nơi có vẻ có nhiều triển vọng. Anh dựng lều lên. Có những tảng đá lớn nằm dọc hai bên bờ sông. Anh dùng những cành cây dày làm đòn bẩy, di chuyển một cách khó nhọc các tảng đá ấy sang một bên để đi tới lớp đá sỏi nằm bên dưới.

Anh đào từ sáng đến tối, cố tìm lớp đất sét vàng hoặc xanh có chất kim cương báo hiệu cho anh biết đã tìm ra một mạch kim

cương. Nhưng đất ở đó cằn cỗi. Anh đào suốt cả tuần mà không tìm ra một viên đá nào. Vào cuối tuần lễ, anh di chuyển đến nơi khác.

Một hôm, trong khi bước đi, anh trông thấy xa xa một cái gì giống như một ngôi nhà bằng bạc, sáng chói lọi dưới ánh nắng. Mình sắp bị mù mất rồi, Jamie nghĩ thầm. Nhưng lúc đi đến gần, anh nhận ra rằng anh đang tiến gần đến một ngôi làng, ở đó nhà cửa như đều làm bằng bạc cả. Những đám đông đàn ông, đàn bà, trẻ con người Ấn ăn mặc rách rưới, đang chen chúc nhau đông nghịt trên các đường phố. Anh trố mắt ngạc nhiên. Những ngôi nhà bằng bạc lóng lánh dưới ánh mặt trời đều làm bằng những hộp mứt bằng thiếc, đập dẹp ra, buộc lại với nhau và đóng đinh vào những tấm ván thô sơ. Anh tiếp tục bước đi, rồi sau một giờ, anh nhìn trở lại, anh vẫn còn nhìn thấy ánh chiếu sáng chói ngời của ngôi làng ấy. Đó là một quang cảnh anh không bao giờ quên được.

Jamie vẫn tiếp tục bước về hướng Bắc. Anh đi dọc theo bờ sông, nơi có thể tìm thấy kim cương, đào cho đến khi tay anh không còn nhấc cái cuốc nặng lên nữa. Sau đó, anh đãi sỏi ướt bằng sàng tay. Khi trời tối hẳn, anh nằm lăn ra ngủ như bị thuốc mê. Cuối tuần lễ thứ hai, anh lại đi ngược trên con sông một lần nữa, ở phía Bắc có một khu định cư gọi là Paardspan. Anh dừng lại gần một khúc quanh của con sông, rồi soạn lấy một món ăn gọi

là “carbonatje” nướng trên một cái xiên trên lửa, dùng một ít trà nóng, ngồi trước lều vải, nhìn lên các vì sao đang quay ngang bầu trời mênh mông. Đã hai tuần lễ rồi, anh không thấy bóng dáng một người nào. Một cơn lốc cô đơn như tràn qua người anh. Mình làm cái khỉ gì ở đây? Anh tự hỏi. Ngồi giữa hoang vu khốn kiếp này như một thằng điên khùng, tự giết mình bằng cách đập vỡ những tảng đá và đào đất lên hay sao? Trước kia, khi còn ở nông trại, mình sống sung sướng bao nhiêu. Đến thứ bảy này, nếu không tìm ra được một viên kim cương, mình sẽ trở về nhà. Anh nhìn lên những vì sao thờ ơ rồi hét to: “Chúng mày có nghe tao nói không, đồ khốn kiếp kia? Ôi, lạy Chúa Giêsu”, anh thầm nghĩ, “mình loạn trí rồi”.

Jamie ngồi ở đấy, lơ đãng thả cát rơi qua các kẽ tay. Bỗng các ngón tay anh khép lại chạm vào một viên đá lớn. Anh nhìn nó trong một lúc rồi ném nó ra xa. Anh đã thấy hàng nghìn viên đá vô giá trị như vậy trong mấy tuần qua. Van Der Merwe gọi chúng là gì nhỉ? À, “schlenters”. Thế nhưng viên đá này có một vẻ gì đó khiến anh bất chợt phải chú ý đến. Anh đứng dậy, đi đến chỗ viên đá rồi nhặt nó lên. Nó lớn hơn các viên đá khác và có hình thù kỳ quặc. Anh chùi sạch đất bùn dính trên viên đá bằng cách cọ nó trên ống quần rồi quan sát kỹ hơn nữa. Nó giống như một viên kim cương. Điều duy nhất khiến anh nghi ngờ là vì nó quá lớn, gần bằng quả trứng gà. Lạy Chúa, nếu đây là kim cương

thì… anh chợt cảm thấy khó thở. Anh chụp lấy cây đèn, bắt đầu sục sạo khoảng đất xung quanh anh. Trong mười lăm phút, anh đã tìm ra thêm bốn viên nữa giống như vậy. Không viên nào to bằng viên thứ nhất nhưng chúng cũng khá lớn, đủ để khiến anh mừng rỡ điên cuồng.

Anh thức dậy trước lúc rạng đông, đào như điên. Đến trưa, anh đã tìm thêm nửa tá kim cương nữa. Trong tuần lễ tiếp đó, anh đào xới như điên, rồi đến đêm, anh chôn các viên kim cương ở một chỗ an toàn, nơi không một người qua đường nào tìm thấy được. Mỗi ngày anh lại tìm được những viên kim cương mới. Jamie ngắm nhìn của cải của anh chồng chất lên cao dần, và cảm thấy niềm vui sướng không sao tả xiết. Chỉ có nửa số của cải ấy thuộc về anh nhưng chừng ấy cũng đủ khiến anh giàu có hơn bất cứ thứ gì anh từng mơ ước.

Vào cuối tuần lễ, Jamie ghi chú trên bản đồ của anh, rồi khoanh vùng đất của anh bằng cách đánh dấu cẩn thận các vùng biên giới với một cái cuốc. Anh đào của cải chôn giấu của anh lên, cẩn thận cất nó thật sâu trong cái túi đeo của anh, rồi quay trở về Magerdam.

Tấm biển bên ngoài của một ngôi nhà nhỏ đề mấy chữ:

DIAMANT KOOPER

Jamie bước vào căn phòng, một căn phòng nhỏ, thiếu không khí. Đột nhiên anh cảm thấy hồi hộp lạ thường. Anh nghe hàng chục

câu chuyện kể rằng có những người thăm dò tìm ra kim cương, nhưng rôi thứ ấy hoá ra lại là viên đá vô giá trị. Giả như mình lầm thì làm sao? Thì làm sao nhỉ?

Viên xét nghiệm kim cương ngồi trước một chiếc bàn bừa bộn trong một căn phòng nhỏ bé, "Có cần tôi giúp gì hả?"

Jamie thở một cái thật sâu: "Thưa ông, vâng ạ. Tôi muốn nhờ ông đánh giá cho thứ này".

Jamie đặt các viên đá lên bàn dưới cái nhìn chằm chằm của viên xét nghiệm. Khi anh ta làm xong việc này, tính đến có hai mươi bảy viên tất cả. Viên xét nghiệm nhìn các viên đá tỏ vẻ ngạc nhiên:

"Ở đâu… ở đâu anh tìm ra các thứ này?"

"Tôi sẽ cho ông biết sau khi ông xác nhận các viên đá này là kim cương".

Viên xét nghiệm nhặt một viên đá to nhất lên, quan sát nó qua cái kính lúp của nhà kim hoàn, "Lạy Chúa", ông nói, "Đây là một viên kim cương lớn nhất tôi chưa từng thấy". Jamie nhận ra rằng anh đã nín thở từ lúc ấy đến giờ. Anh muốn hét to lên một tiếng để bày tỏ sự vui mừng. "Ở đâu", người ấy nài nỉ, "Những viên kim cương này ở đâu?"

"Ông đến gặp tôi ở quán ăn mười lăm phút nữa, tôi sẽ cho ông biết".

Jamie thu hồi lại các viênkim cương, bỏ vào túi rồi bước ra khỏi

văn phòng. Anh đi thẳng đến văn phòng đăng ký cách đó hai nhà ở phía dưới con đường. "Tôi muốn đăng ký quyền sở hữu nhân danh Salomon Van Der Merwe và Jamie McGregor", anh nói. Anh đã bước qua cánh cửa căn phòng ấy như là một cậu bé nông dân không một xu dính túi, nhưng khi bước ra khỏi cửa, anh đã là một tay triệu phú.

Viên xét nghiệm đang ngồi ở quán ăn chờ đợi thì Jamie bước vào. Rõ ràng là ông ta đã tung ra tin tức này, bởi vì khi Jamie đi vào thì mọi người đột nhiên im bặt, kính cẩn. Trong trí óc của mọi người, chỉ có một câu hỏi duy nhất không nói ra. Jamie đi thẳng đến quầy rượu và nói với người bán hàng. "Tôi đến đây để uống rượu ăn mừng việc tôi đã tìm ra kim cương". Rồi anh quay lại đối diện với đám đông "Paardspan"!

Alice Jardine đang ngồi uống tách trà thì Jamie bước vào bếp. Mặt bà rạng rỡ khi trông thấy anh. "Jamie, xin cám ơn Thượng Đế, cháu đã trở về an toàn!" Bà đã nhận ra vẻ nhếch nhác và khuôn mặt đỏ bừng của Jamie, "Thất bại phải không? Không hề gì đâu. Hãy uống một tách trà với ta rồi cháu sẽ thấy khoẻ thôi". Không một lời nào, Jamie thọc tay vào túi và lấy ra một viên kim cương lớn. Anh đặt vào tay bà Alice.

"Cháu vẫn giữ lời hứa", Jamie nói

Bà trố mắt nhìn viên kim cương hồi lâu, đôi mắt xanh của bà ướt đẫm. "Không, Jamie, đừng làm thế". Giọng nói của bà rất dịu

dàng, “Bác không muốn thế đâu. Cháu không thấy sao? Nó làm hỏng tất cả mọi thứ!”

Khi Jamie trở về Klipdrift, cuộc hành trình của anh được thực hiện theo kiểu cách sang trọng. Anh đổi một trong các viên kim cương để lấy một chiếc xe và con ngựa. Anh cẩn thận ghi chép mọi chi tiêu của anh để người hợp tác kinh doanh với anh khỏi bị lừa lọc. Cuộc hành trình này thật là dễ dàng và đầy đủ tiện nghi. Nghĩ đến thứ địa ngục trần gian anh đã phải trải qua trên quãng đường này, anh cảm thấy một sự ngạc nhiên tràn ngập trong lòng. Đó là sự khác biệt giữa giàu và nghèo, anh thầm nghĩ. Kẻ nghèo đi bộ còn người giàu đi xe ngựa.

Anh quất nhẹ cây roi trên lưng con ngựa, rồi hân hoan đánh xe đi xuyên qua thảo nguyên đang tối dần.

Sidney Sheldon

Tay cự phách

Chương 3

Klipdrift vẫn không thay đổi nhưng Jamie McGregor đã thay đổi.

Mọi người trố mắt trong khi anh đánh xe vào thị trấn, dừng lại trước hiệu bách hoá Van Der Merwe. Không phải chỉ chiếc xe và con ngựa lôi cuốn sự chú ý của khách qua đường mà chính là vẻ hân hoan của chàng trai trẻ. Họ đã nhìn thấy cái vẻ ấy trước kia của những người thăm dò kim cương may mắn đã trở nên giàu có, và cứ mỗi lần nhìn thấy nó họ lại cảm thấy trong lòng tràn ngập niềm hy vọng mới. Họ đứng từ xa nhìn trong khi Jamie nhảy ra khỏi chiếc xe ngựa.

Cũng vẫn là anh chàng da đen to lớn đứng ở đấy, Jamie nhoẻn miệng cười chào anh ta. "Chào anh bạn! Tôi về rồi đây nè".

Banda buộc sợi dây cương vào chiếc cột không nói lời nào cả, rồi đi vào phía trong cửa hiệu.

Salomon Van Der Merwe đang bận tiếp một khách hàng. Người Hà Lan bé nhỏ ấy ngẩng mặt lên mỉm miệng cười. Jamie biết rằng ông ta đã nghe được tin mừng bằng một cách nào đó. Không ai có thể giải thích được tại sao, có điều tin tức về kim cương thường được loan đi rất nhanh trên khắp lục địa với tốc độ của ánh sáng.

Khi Van Der Merwe tiếp xong khách hàng, ông ta hất cái đầu về phía cửa hiệu, "Vào trong đó, cậu Jamie McGregor".

Jamie đi theo ông ta. Cô con gái của ông đứng bên bếp lò chuẩn bị bữa ăn trưa, "Chào cô Margaret".

Cô ta đỏ mặt nhìn đi chỗ khác.

“Phải! Tôi đã được nghe tin mừng”, Van Der Merwe nói, nét mặt rạng rỡ. Ông ngồi xuống bàn, dọn dẹp bát đũa, thìa nĩa sang một bên để thừa một khoảng trống trên bàn.

“Đúng như vậy, thưa ông ạ”, Jamie nói một cách hãnh diện rút từ trong túi áo ra một túi da lớn, rồi dốc tất cả kim cương ra trên bàn trong nhà bếp. Van Der Merwe nhìn chằm chằm như bị thôi miên rồi chậm rãi nhấc lên từng viên một, thưởng thức từng cái, chừa lại những viên to nhất để xem sau cùng. Sau đó, ông bốc kim cương lên, bỏ vào trong chiếc túi bằng da linh dương rồi đặt chiếc túi ấy vào góc tủ sắt và khoá lại.

Khi ông bắt đầu mở miệng, giọng của ông ta nghe đầy thoả mãn.

“Anh giỏi đấy, Jamie McGregor ạ. Thật là giỏi”.

“Cảm ơn ông. Đấy chỉ là mới bắt đầu thôi. Ở đó còn cả trăm viên như thế. Tôi không dám nghĩ chúng có giá trị đến như thế nào?”

“Thế anh khoanh vùng đặt sở hữu đoàng hoàng rồi chứ?”

“Thưa ông rồi ạ”, Jamie với tay trong túi, lấy ra mảnh giấy chứng nhận đăng ký, “Tôi đã đăng ký với danh nghĩa cả ông và tôi”.

Van Der Merwe xem kỹ mảnh giấy rồi bỏ vào túi. “Anh xứng đáng được hưởng một số tiền thưởng, đứng chờ đấy”. Ông đi đến cánh cửa dẫn vào phía bên trong cửa hàng, “Theo ta, Margaret”.

Margaret ngoan ngoãn đi theo ông. Cô ta giống như một con mèo bị khiếp hãi, Jamie thầm nghĩ.

Ít lát sau, Van Der Merwe quay lại một mình. "Đây này", ông mở cái túi tiền ra đếm đủ năm mươi bảng Anh.

Jamie nhìn ông ta, tỏ vẻ bối rối "Cái này để làm gì, thưa ông?"

"Cho mày đất, bé con, tất cả chỗ ấy".

"Tôi… tôi không hiểu"

"Anh đã đi vắng hai mươi bốn tuần, mỗi tuần hai bảng thì tất cả là bốn mươi tám bảng Anh. Tôi cho anh thêm hai bảng nữa gọi là tiền thưởng".

Jamie cười to, "Tôi không cần tiền thưởng, tôi có phần kim cương của tôi rồi".

"Phần kim cương nào của anh?".

"Kìa, ông Van Der Merwe, năm mươi phần trăm của tôi. Chúng ta cùng hợp tác kinh doanh mà"

Van Der Merwe nhìn anh ta trừng trừng, "Tại sao anh lại có ý tưởng ấy?".

"Vì sao…?" Jamie nhìn Van Der Merwe với vẻ bối rối. "Chúng ta có hợp đồng mà".

"Đúng vậy, nhưng anh đã đọc chưa?".

"À, cái ấy thì không. Hợp đồng ấy viết bằng tiếng Nam Phi, nhưng chính ông đã nói rằng chúng ta là những kẻ hợp tác kinh doanh, cùng chia sẻ với nhau đồng đều".

Lão già lắc đầu, "Anh hiểu nhầm ý tôi rồi, tôi không cần ai hợp tác cả. Anh làm việc cho tôi. Tôi cung cấp cho anh đồ trang bị,

rồi tôi sai anh đi tìm kim cương cho tôi".

Jamie cảm thấy cơn giận dữ sôi sục trong người. "Ông không cho tôi cái gì cả. Tôi đã trả ông một trăm hai mươi bảng Anh để mua các đồ trang bị ấy".

Ông già nhún vai nói: "Tôi không chịu mất thì giờ quý báu của tôi để cãi cọ với anh. Tôi bảo với anh thế này nhé. Tôi sẽ cho anh thêm năm bảng nữa và như thế chúng ta đã thanh toán với nhau sòng phẳng cả. Tôi cho rằng như thế đã hậu hĩnh lắm rồi".

Jamie hét lên giận dữ: "Không thể coi như thế là sòng phẳng được!". Trong cơn giận dữ, anh quay trở lại lối phát âm của Tô Cách Lan, "Tôi có quyền được hưởng số kim cương ấy và tôi nhất định sẽ lấy được. Tôi đã đăng ký với danh nghĩa của tôi và ông".

Van Der Merwe mỉm cười, "Thế ra anh muốn đánh lừa tôi phỏng? Tôi có thể làm cho anh phải ngồi tù về tội ấy". Lão dúi tiền vào tay Jamie, "Thôi lĩnh tiền lương của anh đi rồi cút khỏi nơi này".

"Tôi sẽ kiện ông".

"Anh có tiền để trả luật sư không? Tôi làm chủ tất cả các luật sư trong vùng này, bé con ạ".

Chuyện này không xảy ra với mình, Jamie thầm nghĩ, đó là cơn ác mộng. Những nỗi đau khổ, cực nhọc anh đã trải qua, bao nhiêu tuần lễ và tháng trong sa mạc nóng bỏng, lao động khổ sai

cực nhọc từ sáng tới tối – tất cả trở lại với anh như thác lũ. Anh suýt chết, ấy thế mà giờ đây lão già này lật lọng cướp tất cả những gì thuộc về phần anh.

Anh nhìn thẳng vào mắt Van Der Merwe, "Tôi không để cho ông thoát khỏi trừng phạt sau vụ này. Tôi sẽ không rời Klipdrift, tôi sẽ kể cho mọi người nghe hành động của ông. Tôi sẽ lấy lại kim cương của tôi".

Van Der Merwe sắp sửa quay đi để tránh cơn thịnh nộ trong đôi mắt xám nhạt, "Tốt hơn hết, anh nên đi kiếm một bác sĩ, bé con ạ", lão lẩm bẩm, "Tôi nghĩ rằng nắng nôi đã làm anh quẫn trí rồi".

Trong một giây đồng hồ, Jamie McGregor vụt đứng dậy, cao nghễu nghện ở phía trên Van Der Merwe. Anh nhấc bổng thân hình gầy còm của lão lên, đặt ngang mặt anh, "Tôi sẽ làm cho ông phải hối hận vì đã để mắt đến tôi". Anh thả Van Der Merwe xuống chân anh, ném tiền lên bàn rồi đùng đùng bước ra cửa hiệu.

Khi Jamie bước vào quán Sundowner, quán này gần như vắng hoe vì phần lớn những người thăm dò kim cương đều đã lên đường đi Paardspan. Jamie tràn ngập giận dữ và thất vọng. Thật là khó tin nổi, anh nghĩ thầm. Chỉ một phút, anh giàu có như Croesus rồi đến phút sau anh không còn một xu dính túi. Van Der Merwe là một tên ăn cắp. Mình sẽ tìm một cách nào đó để

trừng trị lão ta. Nhưng làm thế nào? Van Der Merwe đã nói đúng. Jamie không thể tìm ra được một luật sư nào để bênh vực cho anh. Anh là một kẻ xa lạ trong khi Van Der Merwe là một thành viên được kính nể nhất trong cộng đồng này. Vũ khí duy nhất của Jamie McGregor là sự thật. Anh sẽ nói cho mọi người ở Nam Phi biết những gì Van Der Merwe đã làm.

Smit, tên phục vụ ở quầy rượu, niềm nở chào anh. "Mừng ông đã về. Ở đây có đủ mọi thứ rượu, ông thích thứ gì?".

"Một ly whisky".

Smit rót một ly lớn đặt trước mặt Jamie. Jamie uống luôn một hớp. Anh không quen uống rượu nên chất rượu mạnh như đốt cháy cổ họng và dạ dày anh.

"Thêm một ly nữa".

"Xin có ngay. Tôi luôn luôn bảo rằng người Tô Cách Lan có tửu lượng bỏ xa những người khác".

Ly thứ hai trôi xuống xem ra dễ dàng hơn. Jamie nhớ lại rằng chính anh bán rượu đã khuyên một người đào kim cương nên đến gặp Van Der Merwe để được sự giúp đỡ. "Anh có biết rằng lão già Van Der Merwe là một tên lường gạt không? Hắn đã cố lừa tôi để cướp tất cả số kim cương của tôi".

Smit tỏ ra vẻ thông cảm. "Sao? Như thế thì ghê gớm quá! Tôi rất buồn lòng nghe chuyện này".

"Nhưng hắn sẽ không thoát khỏi sự trừng phạt đâu", giọng Jamie

trở nên líu nhíu, "Nửa số kim cương ấy là của tôi, hắn là tên ăn cắp. Tôi sẽ cho tất cả mọi người biết điều ấy".

"Cần thận đấy, Van Der Merwe là một nhân vật quan trọng trong thị trấn này". Người bán rượu cảnh cáo, "Nếu anh muốn chống lại hắn ta, anh phải có người giúp đỡ. Tôi biết một người như vậy. Hắn ta ghét lão Van Der Merwe chẳng kém gì anh". Anh ta nhìn quanh một vòng để tin chắc là không có ai nghe lỏm, "Có một chuồng ngựa cũ ở cuối phố. Tôi sẽ sắp đặt mọi thứ cho anh. Hãy đến đó vào lúc mười giờ tối nay".

"Cảm ơn", Jamie nói, "Tôi sẽ không quên ơn anh".

"Mười giờ nhé, ở chuồng ngựa".

Chuồng ngựa là một công trình kiến trúc dựng lên vội vã bằng tôn, xa đường phố chính, bên rìa thị trấn. Jamie đến nơi ấy vào lúc mười giờ. Trời lúc ấy tối mịt nên anh phải cẩn thận dò lối đi. Không có bóng dáng người nào ở xung quanh. Anh bước vào bên trong. "Chào…"

Không một tiếng trả lời, Jamie chậm rãi bước lên phía trước. Anh nhận ra hình dáng lờ mờ của những con ngựa đang bồn chồn, cựa quậy trong các ngăn buồng. Tiếp đó có một tiếng động. Anh sắp sửa quay lại thì một thanh sắt giáng xuống bả vai khiến anh ngã lăn xuống đất. Một cái chuỳ nên trúng đầu anh rồi một bàn tay khổng lồ nhấc bổng anh lên và giữa chặt anh lại trong khi những cái đấm và cái đạp nện vào thân anh tới tấp.

Những cái đấm đạp dường như cứ tiếp diễn vô tận. Khi cơn đau đớn cùng cực không chịu đựng nổi, anh ngất đi, lúc ấy nước lạnh được dội lên xối xả lên mặt anh. Mắt anh lại mở ra, anh dường như thoáng thấy tên đầy tớ của Van Der Merwe tên là Banda. Những cái đánh đập lại bắt đầu một lần nữa. Jamie cảm thấy xương sườn mình gãy ra.. Một vật gì đó đập mạnh lên chân anh. Anh nghe tiếng xương kêu răng rắc.

Lúc ấy, anh lại bất tỉnh một lần nữa.

Người anh giống như lửa đốt. Một kẻ nào đó cào lên mặt anh bằng giấy nhám nên anh cố hết sức đưa tay lên phản đối nhưng vô hiệu quả. Anh cố gắng mở mắt ra nhưng hai mắt anh sưng vù nhắm nghiền lại. Jamie nằm ở đấy, từng thớ thịt của anh như đang kêu thét vì đau đớn. Anh cố nhớ lại mình đang ở đâu. Anh cố cựa mình, cái cạo lúc nãy lại quay trở lại. Anh sờ soạng giơ bàn tay ra, sờ thấy cái nóng. Từng chút một, mỗi cử động là một cơn đau khủng khiếp, anh nhổm dậy được trên hai đầu gối. Anh cố nhìn qua cặp mắt sưng vù nhưng chỉ nhìn thấy hình mờ mờ. Anh đang đứng ỏ một nơi nào đó, trần truồng giữa vùng Karroo không có đường mòn qua lại. Lúc ấy là sáng sớm, nhưng anh cảm thấy mặt trời bắt đầu thiêu đốt xuyên qua thân thể anh. Anh sờ soạng tìm ít thức ăn hay bình nước nào đó. Không có gì cả. Bọn chúng đã để lại anh ở đó vì tưởng anh đã chết. Salomon Van Der Merwe và dĩ nhiên Smit, tên phục vụ rượu. Jamie đã hăm

doạ Van Der Merwe và Van Der Merwe đã trừng phạt anh như trừng phạt một đứa trẻ nhỏ. Nhưng rồi đây hắn sẽ biết rằng mình không phải là đứa trẻ, Jamie tự hứa với mình như vậy. Không còn trẻ con nữa đâu. Mình là một kẻ báo thù. Chúng nó sẽ phải trả giả, chúng sẽ phải trả giá. Nỗi thù hận chạy qua khắp thân thể anh, tạo cho anh sức mạnh có thể ngồi dậy. Hít thở lúc này đối với anh là sự tra tấn. Bọn chúng đã đập của anh bao nhiêu chiếc xương sườn nhỉ? Mình phải cẩn thận đừng để cho chiếc xương ấy chọc thủng phổi. Jamie cố đứng dậy nhưng ngã xuống với một tiếng hét. Chân phải của anh đã bị gãy và nằm theo một góc kỳ quặc. Anh không thể bước được nữa.

Nhưng anh có thể bò.

Jamie McGregor không biết anh đang ở đâu. Bọn chúng có lẽ đã đưa anh đến một nơi cách xa đường mòn, như vậy không ai có thể tìm ra xác anh ngoài những con vật ăn xác chết trong sa mạc, những con linh cẩu, con diều ăn rắn và kên kên. Sa mạc là một nhà xác mênh mông. Anh đã từng nhìn thấy xương của những xác người đã bị rỉa ra, không một chút thịt nào dính trên bộ xương cả. Ngay lúc Jamie nghĩ vậy, anh nghe tiếng cánh đập xào xạc trên đầu và tiếng rít the thé của những con kên kên. Anh cảm thấy một luồng kinh hãi tuôn ra khắp người. Anh bị mù rồi. Anh không thấy được chúng nhưng anh có thể ngửi thấy chúng.

Anh bắt đầu bò.

Anh buộc phải tập trung vào cơn đau. Thân thể anh như rực lửa bởi những cơn đau ấy và mỗi cử động nhỏ cũng đem đến những cơn đau cùng cực. Nếu anh cử động theo cách nào đó, cái chân của anh lại chuyển đến những cơn đau như châm vào da thịt. Nếu anh hơi thay đổi vị trí cho những cơn đau nhẹ ở chân thì những miếng xương sườn của anh lại cọ vào với nhau. Anh không thể chịu đựng được sự tra tấn lúc nằm yên cũng không chịu được cơn đau nhức khi cử động.

Anh vẫn tiếp tục bò.

Anh có thể nghe thấy chúng bay lượn thành vòng trên đầu, chờ đợi anh với sự kiên nhẫn bất kể của thời gian. Trí óc anh bắt đầu lang thang đây đó. Anh đang ở trong ngôi nhà thờ mát rượi của tỉnh Aberdeen, gọn ghẽ trong bộ đồ mặc vào ngày Chủ Nhật, ngồi giữa hai anh trai, chị Mary và Annie Cord mặc những chiếc áo dài trắng mùa hè thật đẹp đẽ. Annie nhìn anh mỉm cười. Jamie định đứng dậy để đi đến với nàng nhưng các anh của anh giữ anh lại và véo vào anh. Những cái véo ấy trở thành những cơn đau nhức nhối hành hạ, còn anh thì đang bò xuyên qua sa mạc, thân thể trần truồng, xương gãy. Tiếng kêu của những con kên kên lớn hơn, chúng có vẻ sốt ruột.

Jamie cố mở to đôi mắt để xem chúng gần anh bao nhiêu. Anh không thể thấy gì ngoài những vật lờ mờ, mơ hồ mà trí tưởng tượng khiếp hãi của anh đã biến thành con linh cẩu, những con

chó rừng hung dữ. Gió trở thành hơi thở nồng nực, hôi thối của chúng vuốt ngang mặt anh.

Anh tiếp tục bò vì biết rằng nếu anh dừng lại những con vật ấy sẽ chồm lên người anh. Người anh đang cháy bừng vì cơn sốt và đau nhức, thân thể anh bị lột da vì sức nóng và cát. Thế nhưng anh không thể nào bỏ cuộc được, chừng nào Van Der Merwe chưa bị trừng trị – chừng nào mà Van Der Merwe còn sống.

Anh mất cả ý thức về thời gian. Anh đoán rằng anh đã đi được một dặm. Sự thực anh mới chỉ di chuyển được chừng mười mét, bò thành vòng tròn. Anh không thấy rằng anh đã ở đâu hoặc đang đi đâu. Anh tập trung trí óc anh chỉ vào một chuyện: Salomon Van Der Merwe.

Anh bị bất tỉnh rồi đánh thức dậy bởi những cơn đau la thét ngoài sức chịu đựng. Một vật gì đó đâm vào chân anh, mãi một giây sau anh mới nhớ lại được chuyện gì đã xảy ra và anh đang ở đâu. Anh kéo một mắt sưng vù cho nó mở to ra. Một con kên kên to lớn, màu đen, có mào đang tấn công vào chân anh, xé da thịt anh một cách tàn nhẫn và đang ăn sống anh với cái mỏ nhọn hoắt của nó. Jamie trông thấy đôi mắt tròn như bi và cái khoang bẩn thỉu ở cổ nó. Anh ngửi thấy mùi hôi thối của con chim trong khi nó đang đậu trên thân hình của anh. Jamie cố hét thật to nhưng không phát ra được âm thanh nào. Điên cuồng, anh giật mạnh thân hình về phía trước, cảm thấy máu nóng tuôn ra từ chân anh.

Anh trông thấy những cái bóng ở xung quanh anh, đang tiến lại để giết con mồi. Anh biết rằng nếu anh bất tỉnh một lần sau nữa thì đó là giây phút chấm dứt cuộc đời anh. Ngay vào lúc anh dừng lại, những con vật kinh tởm ấy sẽ xé xác anh một lần nữa. Anh vẫn tiếp tục bò. Trí óc anh bắt đầu đi dần vào tình trạng hôn mê. Anh nghe tiếng vỗ cánh phần phật của các con chim trước khi tiến lại gần anh, làm thành một vòng tròn xung quanh anh. Bây giờ anh đã quá yếu, không đủ sức xua chúng đi nữa. Anh không còn sức nào kháng cự nữa. Anh dừng lại, nằm yên trên cát.

Những con chim khổng lồ cùng sà đến tham dự buổi tiệc của chúng.

Sidney Sheldon

Tay cự phách

Chương 4

Thứ bảy là ngày phiên chợ ở Cape Town. Đường phố đông nghẹt người mua bán mong tìm được các món hàng giá hời, gặp gỡ bạn bè và người yêu. Người Boer và người Pháp, binh sĩ mặc những bộ quân phục màu sắc sặc sỡ, các bà người Anh mặc váy viền đăng ten, áo choàng có diềm đăng ten xếp nếp, hoà lẫn với nhau trong các cửa hiệu tạp hoá dựng lên trong công viên ở Braameonstain, Park Town và Burgerdorp. Mọi thứ đều được bán ở đấy: bàn ghế, ngựa, xe và trái cây tươi. Người ta có thể mua áo dài, bàn cờ, thịt, sách viết bằng mười hai thứ tiếng khác nhau. Vào ngày thứ bảy, Cape Town là một phiên chợ ồn ào, nhộn nhịp.

Banda chậm rãi đi xuyên qua đám đông, thận trọng không nhìn mặt người da trắng. Như vậy thật quá nguy hiểm. Đường phố chật ních người da đen, Ấn Độ và da màu, nhưng thiểu số người da trắng thống trị. Banda ghét bọn họ. Đây là đất đai của anh,

còn người da trắng là người "uitlander" (ngoại quốc). Có nhiều bộ lạc ở Nam Phi: người Basutos, Zulus, Bechnuarias, Matemele – tất cả đều là người Bantu cả. Chữ Bantu cũng là do chữ "Albantu", có nghĩ là "nhân dân" mà ra. Nhưng những người Barolongs – bộ tộc của Banda – là thuộc hàng quý tộc. Banda còn nhớ câu chuyện bà nội kể về vương quốc rộng lớn của người da đen đã một thời cai trị Nam Phi. Vương quốc của họ, thế giới của họ. Thế mà bây giờ họ bị nô lệ hoá bởi một nhúm chó rừng da trắng. Người da trắng đã đẩy họ vào lãnh thổ mỗi lúc một nhỏ dần, cho đến khi sự tự do của họ đã bị xói mòn. Bây giờ, lối sống duy nhất mà người da đen có thể tồn tại là xảo quyệt, bề ngoài thì có vẻ khuất phục nhưng bên trong thì khôn ngoan, ranh mãnh.

Banda không biết mình bao nhiêu tuổi vì người da đen không có giấy khai sinh. Tuổi của họ được tính theo truyền thuyết của bộ lạc: các cuộc chiến tranh và chiến đấu, ngày sinh và ngày chết của đại tù trưởng, các sao băng, băng tuyết và các vụ động đất, con đường mòn của Adam Kok, cái chết của Chaka và cuộc cách mạng giết hại gia súc. Nhưng tuổi tác của Banda không có gì quan trọng. Banda biết rằng anh là con trai của một tù trưởng và anh có nhiệm vụ phải làm một việc gì đó cho dân tộc của anh. Ý tưởng về sứ mệnh này của anh khiến anh bước đi cao hơn, thẳng người hơn trong một lát, cho đến khi anh bắt gặp cặp mắt nhìn

của người da trắng.

Banda bước hối hả về ngoại ô thị trấn, tức khu vực dành cho người da đen. Những ngôi nhà to lớn và những cửa hiệu hấp dẫn nhường chỗ cho những cái lán bằng thiếc, mái che và túp lều lụp xụp. Anh đi xuống còn đường đất, nhìn qua vai để có thể chắc chắn rằng không có ai đang theo dõi anh. Anh đi đến một cái lán gỗ nhìn quanh quất một lần cuối cùng, gõ hai tiếng trên cánh cửa và bước vào bên trong. Một người đàn bà da đen gầy còm ngồi trên một chiếc ghế ở góc phòng, đang may một chiếc áo. Banda gật đầu chào bà ta rồi tiếp tục đi vào buồng ngủ ở phía sau.

Anh nhìn xuống hình thù đang nằm trên chiếc ghế bố.

Sáu tuần sau đó, Jamie McGregor đã tỉnh lại, thấy mình đang nằm trên chiếc ghế bố trong ngôi nhà lạ. Ký ức trở lại với anh dồn dập. Anh lại đang ở vùng Karroo, thân thể bị gãy, hoàn toàn bất lực. Rồi những con kên kên…

Rồi Banda bước vào trong căn phòng bé nhỏ, Jamie biết rằng hắn đến để giết anh. Van der Merwe đã biết được, bằng cách nào đó, rằng Jamie vẫn còn sống, cho nên lão sai đầy tớ của lão đến giết anh cho xong việc.

Jamie cất tiếng khàn khàn: “Tại sao chủ anh không đích thân đến đây?”

“Tôi không có chủ nào hết”.

“Van der Merwe đó. Hắn sai anh đến đây, phải không?”

“Không, hắn muốn giết cả hai chúng ta, nếu hắn biết được”.
Câu nói này đối với anh thật là vô lý. “Tôi đang ở đâu thế này? Tôi muốn biết tôi đang ở đâu?”
“Ở Cape Town”.
“Không thể thế được, tôi đến đây bằng cách nào?”.
“Tôi đem anh đến đây”.
Jamie nhìn chằm chằm vào đôi mắt đen láy một hồi lâu trước khi anh có thể thốt ra lời, “Tại sao?”.
“Tôi cần anh. Tôi muốn trả thù”.
“Anh muốn…?”.
Banda xích lại gần hơn: “Không phải trả thù cho tôi, tôi không quan tâm đến bản thân tôi. Van der Merwe hiếp em gái tôi. Nó chết khi sinh đứa con của hắn. Em gái tôi lúc ấy mới mười một tuổi”.
Jamie ngả người xuống giường choáng váng, “Lạy Chúa”.
“Từ ngày nó chết, tôi vẫn cố tìm một người da trắng có thể giúp cho tôi. Tôi tìm thấy anh ở chuồng ngựa vào đêm hôm ấy, khi tôi góp tay cùng bọn chúng đánh đập anh, anh Gregor ạ. Chúng tôi vứt anh trong vùng Karroo. Tôi được lệnh phải giết anh. Thế rồi tôi bảo với bọn chúng rằng anh đã chết rồi, sau đó tôi tìm cách trở lại để cứu anh thật sớm. Nhưng tôi đến hầu như quá trễ”.
Jamie không thể ngăn chặn một cái rùng mình. Một lần nữa, anh tưởng chừng như đang ngửi thấy mùi hôi hám của những con

chim kia đang rỉa thịt anh.

“Những con chim ấy đã bắt đầu làm thịt anh. Tôi liền vác anh lên một chiếc xe bò và giấu anh trong nhà của đồng bào tôi. Một vị thầy thuốc của chúng tôi gắn lại cho anh các xương sườn, sửa lại chân cho anh thẳng và săn sóc các vết thương cho anh”.

“Thế rồi sau đó ra sao?”.

“Có một chiếc xe bò chở đầy bà con của tôi lúc ấy đang chuẩn bị lên đường đến Cape Town. Chúng tôi chở anh đi theo. Anh bị mất trí hầu như suốt thời gian ấy. Mỗi khi anh thiu thiu ngủ, chúng tôi lại lo lắng không biết anh có tỉnh dậy hay không?”.

Jamie nhìn vào mắt con người đã suýt giết anh. Anh phải suy nghĩ thêm nữa, không thể tin vào con người này được. Thế nhưng chính hắn đã cứu mạng anh. Banda muốn nhờ tay anh giết Van der Merwe. Như vậy lợi cả hai đàng. Jamie suy nghĩ như vậy. Hơn bất cứ thứ gì trên đời này, Jamie muốn Van der Merwe phải trả giá đắt cho những gì hắn đã làm với anh.

“Được rồi”, Jamie nói với Banda, “Tôi sẽ tìm cách trả thù cho hai chúng ta”.

Lần đầu tiên anh thấy nụ cười loé trên mặt Banda, “Hắn phải chết chứ?”.

“Không”, Jamie nói, “Hắn sẽ sống”.

Jamie ra khỏi giường bệnh lần đầu tiên vào buổi trưa hôm ấy, đầu óc choáng váng và yếu ớt. Chân anh chưa hoàn toàn lành

hẳn. Anh bước đi hơi cà nhắc. Banda cố giúp đỡ anh.

“Thả tôi ra, tôi có thể đi một mình”.

Banda đứng nhìn trong khi Jamie thận trọng bước ngang qua căn phòng.

“Tôi muốn có một cái gương soi”, Jamie nói, “Chắc mặt tôi bây giờ trông kinh khủng lắm. Không biết bao lâu rồi mình chưa cạo râu nhỉ?”.

Banda trở lại với cái gương soi. Jamie đưa nó lên mặt. Trước mặt anh là một bộ mặt hoàn toàn xa lạ. Tóc anh đã bạc trắng như tuyết. Bộ râu quai nón của anh màu trắng, mọc thật dày và bù xù. Mũi anh đã bị gãy, sống mũi bị lệch sang một bên. Mặt anh đã già đi hai mươi năm. Có những vệt sâu lõm dọc hai má và một cái sẹo xám xịt ở ngang cằm. Nhưng sự thay đổi lớn nhất là đôi mắt anh. Đó là đôi mắt đã nhìn thấy sự đau đớn, cảm thấy quá nhiều và thù hằn quá sâu đậm. Anh thong thả đặt tấm gương xuống.

“Tôi muốn đi dạo một lát”, Jamie nói.

“Xin lỗi, Jamie McGregor, không thể làm như vậy được”.

“Sao lại không?”.

“Người da trắng không đi đến vùng này trong thị trấn giống như người da đen không đi vào những nơi của người da trắng. Những người hàng xóm của tôi không biết có anh ở đây. Chúng tôi đem anh đến đây vào ban đêm”.

“Thế làm sao tôi ra khỏi đây?”.

“Tôi sẽ đưa anh đi ngay tối nay”.

Lần đầu tiên Jamie nhận ra rằng Banda đã liều mạng giúp anh rất nhiều. Bối rối, Jamie nói “Tôi không có tiền, tôi cần có một công việc làm”.

“Tôi đã tìm được một việc ở bến tàu. Ở đó họ cũng đang cần người”. Anh rút từ trong túi ra một ít tiền đưa cho Jamie, “Đây này”.

Jamie cầm lấy tiền: “Tôi sẽ trả lại anh sau”.

“Anh cứ trả lại cho em gái tôi sau này”, Banda nói.

Vào lúc nửa đêm, Banda dắt Jamie ra khỏi lán, Jamie nhìn quanh quất. Anh đang ở giữa một khu nhà tồi tàn, lụp xụp, một rừng lán lợp tôn, rỉ sét và mái che làm bằng những tấm ván mục nát và vải bao rách. Đất bùn lầy vì trận mưa vừa qua xông lên một mùi khó thở. Jamie tự hỏi vì sao những con người như Banda lại có thể sống suốt đời ở một nơi như thế này. “Chẳng phải là có một vài…”.

“Đừng nói chuyện”, Banda thì thầm, “hàng xóm của tôi có tính tò mò”. Anh dắt Jamie ra khỏi khu nhà ở rồi chỉ “Trung tâm thị trấn ở về hướng này. Tôi sẽ gặp lại anh ở bến tàu”.

Jamie đến ở tại chính ngôi nhà trọ mà anh đã tạm trú khi mới đến đây từ nước Anh. Bà Venster đứng sau bàn viết.

“Tôi cần một phòng”, Jamie nói.

“Tất nhiên rồi”, bà tủm tỉm cười nhe một chiếc răng vàng, “Tôi là Venster”.

“Tôi biết”.

“Làm sao mà anh biết được một chuyện như thế?”, bà hỏi một cách duyên dáng, “Chắc là bạn bè của anh kháo nhau chứ gì?”.

“Bà Venster ạ, bà không nhớ tôi sao? Tôi đã ở đây năm ngoái mà”.

Bà nhìn kỹ khuôn mặt đầy sẹo, cái mũi gãy và mái tọc bạc của Jamie nhưng không nhận ra một nét quen thuộc nào cả. “Tôi không bao giờ quên một khuôn mặt, anh bạn thân mến ạ. Tôi chưa gặp anh bao giờ cả nhưng không vì thế mà chúng ta không trở thành bạn thân của nhau được. Bạn bè vẫn gọi tôi là Dee Dee, thế còn tên anh là gì?”.

Jamie trả lời không suy nghĩ. “Travis, Ian Travis”.

Sáng hôm sau Jamie đi tìm công việc ở bến tàu.

Viên đốc công bận rộn nói: “Chúng tôi cần những cái lưng rất khoẻ. Vấn đề trở ngại là anh quá lớn tuổi, không thích hợp với các loại công việc này”.

“Tôi chỉ mới mười chín tuổi…”, Jamie định nói như vậy nhưng anh đã ngừng lại. Anh nhớ cái khuôn mặt trong gương ấy, anh liền nói, “Cứ cho tôi thử làm xem”.

Anh bắt đầu làm phu khuân vác với số tiền chín shillings một ngày. Công việc của anh là bốc dỡ trên các tàu cập bến. Anh

nghe nói rằng Banda và những người da đen khác chỉ nhận được sáu shillings một ngày. Gặp được cơ hội đầu tiên, anh liền kéo Banda ra một chỗ riêng rồi nói. “Tôi có chuyện muốn nói với anh”.

“Đừng nói ở đây, McGregor ạ. Có một nhà kho để trống ở cuối bến tàu. Khi nào xong ca, tôi sẽ đến gặp anh ở đấy”.

Banda đang chờ đợi khi Jamie đến nhà kho bỏ trống.

“Anh hãy nói cho tôi nghe về lão Salomon Van der Merwe”, Jamie nói.

“Anh muốn biết chuyện gì?”.

“Tất cả mọi chuyện”.

Banda nhổ phẹt một cái. “Hắn đến Nam Phi từ nước Hà Lan. Do những câu chuyện tôi nghe được thì vợ hắn là một người đàn bà xấu xí, nhưng giàu có. Bà ta chết đi vì một căn bệnh nào đó, rồi thì Van der Merwe lấy hết tiền bạc của bà ta đi đến Klipdrift mở một tiệm bách hoá. Hắn trở nên giàu có nhờ lối lừa lọc những kẻ đi tìm kim cương”.

“Giống như hắn đã lừa tôi chứ gì?”.

“Đó chỉ là một trong nhiều cách thôi. Những người may mắn đào được kim cương đi đến gặp hắn để có được tiền khai thác mỏ, nhưng lão Van der Merwe đã phỗng tay trên, làm chủ các mỏ ấy trước khi họ phát hiện”.

“Có người nào tìm cách kiện lại hắn không?”.

“Làm thế nào được? Các nhân viên phụ trách trong thị trấn đã ăn lương của hắn. Luật pháp quy định rằng nếu trong thời hạn năm mươi ngày mà không lo liệu việc khai thác mỏ kim cương ấy xem như để trống. Nhân viên ở đấy mách bảo cho Van der Merwe biết, thế là hắn ta chộp ngay lấy. Còn có một mánh khoé khác nữa. Vùng đất có quyền khai thác phải đóng cọc ở đường biên giới bằng những cái cọc chĩa thẳng lên trời. Nếu các cọc ấy bị đổ xuống, những kẻ khác có thể nhảy vào, đòi quyền sở hữu tài sản ấy. Thế cho nên, khi nào tìm được vùng đất khai thác mà hắn thích, lão Van der Merwe cho người đến nơi đó vào ban đêm, rồi đến sáng hôm sau các cọc ấy đều nằm dài trên mặt đất cả.

“Lạy Chúa!”.

“Lão ta đã ăn thông với tên phục vụ ở quán rượu tên là Smit. Smit giới thiệu những người có vẻ đang khai thác kim cương đến gặp lão Van der Merwe. Những người này ký hợp đồng hợp tác với lão Van der Merwe, và nếu họ tìm ra kim cương thì lão ta cướp tất cả làm của riêng. Nếu họ gây rắc rối thì hắn có nhiều người được hắn trả lương để thi hành các mệnh lệnh của hắn”.

“Tôi biết rõ chuyện đấy rồi”, Jamie nói vẻ tức giận,” Còn gì nữa”.

“Hắn là một tên ngoan đạo điên cuồng. Bao giờ hắn cũng cầu nguyện cho linh hồn những kẻ tội lỗi”.

“Thế còn con gái của hắn thì sao? Chắn hẳn cô ta cũng có liên quan đến việc này?”.

“Cô Margaret ấy à? Cô ta sợ ông bố đến phát khiếp. Cô ta chỉ nhìn một người đàn ông thôi, lão ta cũng giết cả hai”.

Jamie quay lưng lại, bước xuống cánh cửa, nhìn xuống bến tàu. Anh còn có nhiều điều phải suy nghĩ nữa. “Chúng ta sẽ nói chuyện về ngày mai”.

Sống ở Cape Town, Jamie bắt đầu ý thức được sự phân biệt giữa người da đen và người da trắng. Người da đen không có quyền lợi gì ngoài những quyền mà những kẻ có quyền hành ban cho họ. Họ bị lùa vào trong những khu vực gọi là “ghetto” dành cho người da đen và chỉ được phép rời nơi ở để làm việc cho người da trắng.

“Làm sao mà anh chịu được cảnh ấy?” Jamie một hôm hỏi Banda.

“Con sư tử đói giấu móng vuốt của nó. Chúng tôi sẽ thay đổi tất cả những cái ấy một ngày nào đó. Người da trắng chấp nhận người da đen vì chúng cần các bắp thịt của họ, nhưng rồi đây chúng phải học cách chấp nhận đầu óc của họ nữa. Chúng càng dồn chúng tôi vào chân tường, lại càng phải sợ hãi chúng tôi vì biết rằng một ngày kia sẽ có thể có sự kỳ thị và hạ nhục theo chiều ngược lại. Chúng không chịu đựng được cái tư tưởng ấy. Nhưng chúng tôi sẽ tồn tại nhờ có Isiko”.

“Isiko là ai vậy?”.

Banda lúc lắc cái đầu. “Không phải là “ai” mà là “cái gì”. Thật khó giải thích, Jamie McGregor ạ. Isiko là cội rễ của chúng tôi. Nó là cảm giác thuộc về dân tộc đã từng nhường cái tên của nó cho con sông lớn Zambezzi. Cách đây nhiều thế kỷ, tổ tiên của tôi đã đi vào nước sông Zambezzi trần truồng, xua những đàn gia súc về phía trước. Những kẻ yếu nhất bị mất tích làm mồi cho những xoáy nước và những con cá sấu hung dữ. Nhưng những kẻ sống sót nhô lên, ra khỏi con sông và trở nên mạnh mẽ, cương cường hơn. Khi một người Bantu chết, Isiko đòi hỏi những thành viên trong gia đình hắn phải rút lui vào trong rừng để cho những người còn lại trong cộng đồng không phải chia sẻ nỗi đau của họ. Isiko là sự khinh miệt mà người ta cảm thấy đối với một tên nô lệ khúm núm, khuất phục. Nó là niềm tin tưởng rằng một con người có thể nhìn thẳng tận mặt bất cứ ai, rằng hắn không có giá hơn hay thua kém bất cứ một người nào khác. Anh có nghe nói đến John Tengo Jabavu chưa?” Banda nói tên ấy với vẻ kính cẩn.

“Không”.

“Rồi anh sẽ được nghe”, Banda hứa, “Anh sẽ được nghe”. Rồi Banda chuyển sang một đề tài khác.

Jamie bắt đầu cảm thấy càng lúc càng mến phục Banda. Thoạt tiên, hai người vẫn có ý e dè lẫn nhau. Jamie cần phải có thời gian mới tin cậy được kẻ đã suýt giết chết anh. Còn Banda cũng

cần phải có thời gian để tin cậy kẻ thù truyền kiếp – một người da trắng. Không giống như phần đông những người da đen anh quen biết, Banda là một kẻ có học.

“Anh đi đến trường học ở đâu vậy?”.

“Không ở đâu cả. Tôi làm việc từ khi còn bé. Bà nội tôi dạy cho tôi học. Bà làm việc cho một thầy giáo người Boer. Bà học đọc, học viết vì vậy bà có thể dạy lại cho tôi học đọc, học viết. Tôi chịu ơn bà nội về đủ mọi thứ”.

Một buổi chiều ngày thứ bảy, sau giờ làm việc, Jamie lần đầu tiên được nghe nói đến sa mạc Namib trong vùng Nemaqualand. Anh và Banda cùng ngồi trong nhà kho vắng vẻ trên tàu, cùng chia sẻ với nhau món thịt linh dương hầm mà mẹ Banda đã nấu. Thật là ngon tuy nó hơi nặng mùi với Jamie nhưng anh ăn sạch bát thịt nhanh chóng, rồi nằm tựa lưng trên cái bao cũ căn vặn Banda.

“Anh lần đầu tiên gặp Van der Merwe vào lúc nào vậy?”.

“Khi tôi làm việc ở bãi kim cương trong sa mạc Namib. Lão làm chủ bãi biển ấy với hai người hợp tác khác. Lão vừa mới cướp được chỗ đất ấy từ tay một tên thăm dò kim cương nên muốn xuống đó để thăm viếng”.

“Nếu Van der Merwe giàu có như thế, tại sao hắn vẫn làm việc ở cửa hàng bách hoá?”.

“Cửa hàng ấy chỉ là cái mồi nhử thôi. Nhờ thế lão mới nhử được

bọn thăm dò kim cương đến với lão. Rồi lão trở nên giàu có mãi".

Jamie nhớ lại trước đây anh đã bị hắn lừa gạt dễ như thế nào. Lúc ấy anh là một cậu con trai ngây thơ tin tưởng một cách quá dễ dàng. Anh còn nhớ đến khuôn mặt trái xoan của Margaret khi cô ta nói, "Cha tôi có thể là người sẽ giúp đỡ anh". Thoạt tiên, anh ngỡ cô ta chỉ là một đứa trẻ con, nhưng rồi sau đó anh chợt chú ý đến bộ ngực cô ấy và… Jamie đột nhiên vụt đứng dậy, một nụ cười nở trên mặt, môi anh hếch lên làm cho vết sẹo ở ngang cằm nhăn nhúm lại.

"Anh kể cho tôi nghe trong trường hợp nào anh đến làm cho Van der Merwe".

"Một hôm hắn đến bãi biển với cô con gái. Lúc ấy cô ta chừng mười một tuổi. Tôi đoán rằng cô ta không muốn ngồi một chỗ nên đi xuống nước chơi, thế rồi nước thủy triều dâng lên, cuốn cô ta ra xa. Tôi liền nhảy xuống nước, kéo cô ấy lên. Lúc ấy tôi còn là một đứa con trai ít tuổi nhưng tôi nghĩ rằng lão Van der Merwe sẽ giết tôi".

Jamie nhìn Banda chằm chằm, "Tại sao vậy?".

"Bởi vì tôi đã choàng tay xung quanh người cô ấy. Không phải bởi vì tôi là người da đen đâu mà là vì tôi là đàn ông. Hắn không chịu được ý nghĩ rằng có người đàn ông nào lại dám sờ lên người con gái hắn. Một người nào đó cuối cùng đã xoa dịu được hắn,

và nhắc nhở hắn rằng tôi đã cứu mạng sống cho con gái hắn. Sau đó, hắn đưa tôi về Klipdrift làm đầy tớ cho hắn". Banda do dự một lát rồi nói, "Hai tháng sau, em gái tôi đến thăm tôi", giọng nói của Banda trở nên trầm tĩnh. "Nó cùng tuổi với con gái lão Van der Merwe".

Jamie không thể góp một lời nào.

Cuối cùng Banda phá tan sự im lặng. "Lẽ ra tôi phải ở lại sa mạc Namib. Công việc ở đó dễ dàng. Chúng tôi bò dọc theo bãi biển để nhặt kim cương, rồi bỏ vào trong những hộp thiếc đựng mứt".

"Khoan đã. Anh bảo rằng kim cương có sẵn ở đấy, trên mặt cát, hay sao?"

"Đúng vậy, anh McGregor ạ. Nhưng nếu anh có ý định gì trong đầu thì hãy quên đi. Không ai có thể lại gần bãi kim cương đó đâu. Nó ở trên bể và ở đó sóng cao đến hàng chục thước. Bọn chúng cũng không cần phải canh gác bờ bể nữa. Nhiều người đã cố gắng lẻn đến nơi ấy bằng đường bể, nhưng rồi tất cả đều bị giết bởi sóng hay đá ngầm".

"Chắc là có cách nào khác đi vào trong đó chứ?"

"Không. Sa mạc Namib chạy dài xuống tận đại dương".

"Thế chỗ đi vào bãi kim cương thì sao?"

"Có một chòi canh và dây kẽm gai. Bên trong hàng rào là bọn bảo vệ với súng và những con chó có thể xé xác người ta ra từng mảnh. Chúng nó lại có một thứ thuốc nổ mới gọi là mìn. Mìn

được chôn ở khắp các bãi kim cương. Nếu anh không có một bản đồ về bãi mìn ấy thì anh sẽ bị nổ tung ra thành từng mảnh vụn".
"Bãi kim cương ấy lớn bao nhiêu?".
"Nó chạy dài chừng ba mươi lăm dặm".
Ba mươi lăm dặm kim cương nằm trên mặt cát… Trời ơi!
"Anh không phải là người đầu tiên bị xúc động bởi mỏ kim cương ở Namib và anh cũng không phải là người cuối cùng. Tôi đã từng nhặt lên được những thứ gì còn sót lại của những kẻ đã đến nơi đó bằng thuyền rồi sau đó bị xé xác ra từng mảnh bởi đá ngầm. Tôi cũng thấy những gì các bãi mìn ấy đã gây ra cho những kẻ đặt sai bước chân, và cũng chính tôi nhìn thấy những con chó ấy xé toạc cổ họng người ta ra như thế nào. Hãy quên nó đi, anh McGregor ạ. Tôi đã ở đấy rồi, không có đường vào và cũng chẳng có đường ra – ấy là tôi muốn nói "ra mà vẫn còn sống".
Jamie không thể nào chợp mắt được đêm hôm ấy. Anh tưởng tượng đến ba mươi lăm dặm cát trải đầy những viên kim cương to lớn thuộc quyền sở hữu của Van der Merwe. Anh nghĩ đến biển cả, những mỏm đá lởm chởm, những con chó thèm khát giết chóc, những tên bảo vệ và mìn chôn dưới đất. Anh không sợ nguy hiểm; anh không sợ chết. Anh chỉ sợ chỉ chết trước khi trả được món nợ với Salomon Van der Merwe.
Ngày thứ hai sau đó, Jamie đến hiệu bán bản đồ để mua bản đồ

vùng Namaqualand. Có một bãi biển ngoài khơi Nam đại tây dương giữa Luderitz về hướng bắc và cửa sông Orange ở phía Nam. Vùng này được ghi bằng chữ đỏ: "Spergebiet", có nghĩa là "vùng cấm".

Jamie nghiên cứu từng chi tiết mảnh đất này trên bản đồ, xem đi xem lại bản đồ ấy. Có ba ngàn dặm bể từ Nam Mỹ đến Nam Phi, và không có gì ngăn cản sóng bể, cho nên tất cả sự hung dữ của chúng đều trút cả lên những tảng đá ngầm ở bờ bể Nam Đại Tây Dương. Bốn mươi dặm về phía Nam, xuống đến bờ biển, là bãi cát trống trải. Hẳn đó là nơi mà những kẻ khốn nạn đáng thương ấy đã thả những chiếc thuyền con của họ để đi vào vùng đất cấm, Jamie nghĩ thầm. Nhìn lên bản đồ, anh hiểu ngay vì sao bờ bể ấy không cần được canh gác. Các mỏm đá ngầm ấy khiến cho một cuộc đổ bộ không thể nào thực hiện được.

Jamie bắt đầu chú ý đến chỗ ra vào mỏ kim cương. Theo như Banda cho biết, vùng này được rào bằng dây kẽm gai và được bọn bảo vệ vũ trang đi tuần hai mươi bốn giờ trên hai mươi bốn. Ở chỗ ra vào có một tháp canh. Và cho dù người ta có len lỏi qua được tháp canh ấy, còn có bãi mìn và chó săn nữa.

Ngày hôm sau gặp Banda, anh hỏi: "Anh bảo rằng có một bản đồ vẽ bãi mìn ấy, phải không?"

"Ở sa mạc Namib à? Bọn bảo vệ có bản đồ ấy để dẫn dắt các công nhân đi làm việc. Mọi người phải đi thành một hàng dài, vì

vậy không ai bị nổ lên". Mắt Banda mơ màng như nhớ lại một kỷ niệm, "Một hôm, chú tôi đi trước tôi, bỗng ông vấp phải một hòn đá, rồi ngã xuống trên một quả mìn chôn dưới đất. Sau đó, không còn gì sót lại của ông ấy nữa để đưa về nhà".

Jamie rùng mình.

"Ngoài ra còn có một thứ sương mù ở bể nữa, gọi là "mis" anh McGregor ạ. Có bị mắc vào thứ sương mù ấy ở Namib, người ta mới biết được nó như thế nào.. Nó cuồn cuộn trên đại dương rồi thổi ngang qua suốt cả sa mạc dài đến tận dãy núi, xoá nhoà mọi thứ. Nếu bị mắc vào trong đó, anh không còn dám cựa quậy nữa. Có bản đồ về bãi mìn thì cũng vô ích thôi bởi vì anh không thấy mình đi đâu cả. Mọi người đành phải ngồi yên tại chỗ cho đến khi sương mù tan ra."

"Nó lâu chừng bao nhiêu?"

Banda nhún vai: "Có khi hàng giờ, cũng có khi hàng ngày".

"Banda này, anh có thấy bản đồ về bãi mìn ấy bao giờ chưa?"

"Chúng giữ kỹ lắm", một vẻ lo âu thoáng trên mặt anh. "Tôi bảo cho anh một lần nữa, không ai thoát ra nổi cái mà anh đang suy nghĩ đâu. Thỉnh thoảng cũng có một công nhân cố gắng đem một viên kim cương ra một cách lén lút. Có sẵn một cái cây đặc biệt để treo cổ họ. Đó là một bài học cho những ai muốn ăn cắp kim cương của công ty".

Mọi thứ đều có vẻ không thực hiện được cả. Ngay cả nếu anh

tìm cách đi vào được mỏ kim cương, anh cũng không thể nào tìm cách thoát ra được. Banda đã nói đúng. Anh phải quên chuyện ấy đi.

Ngày hôm sau, anh hỏi Banda: "Làm sao Van der Merwe ngăn được bọn công nhân không ăn cắp kim cương mỗi khi họ tan ca?"

"Họ bị lục soát. Chúng lột trần họ ra, khám xét từ trên xuống dưới, tất cả mọi lỗ trên người. Mắt tôi thấy công nhân cắt những vết rạch trên chân họ, nhét những viên kim cương vào đó để lén đem ra ngoài. Một số người đục lỗ trong răng đen của họ, rồi gắn vào đó. Họ áp dụng mọi mánh khoé có thể nghĩ ra được". Anh nhìn Jamie và nói: "Nếu anh muốn sống, anh hãy quên cái mỏ kim cương ấy đi".

Jamie cố gắng làm như vậy nhưng những ý tưởng đó vẫn ám ảnh, dụ dỗ anh mãi. Kim cương của lão Van der Merwe đang nằm trên cát chờ đợi. Chúng đang chờ đợi anh.

Giải pháp đến với Jamie vào đêm hôm ấy. Anh không thể chịu đựng nổi nỗi bồn chồn, sốt ruột cho đến khi anh gặp Banda. Không một lời mở đầu nào, anh nói thẳng với Banda: "Anh bảo cho tôi biết về những chiếc thuyền đã cố gắng đổ bộ trên bãi biển ấy".

"Anh muốn biết gì các thuyền ấy?".

"Chúng là loại thuyền như thế nào?".

“Đủ mọi loại. Thuyền hai buồm, tàu kéo, thuyền máy, thuyền buồm. Có bốn người đã thử dùng một loại thuyền có mái chèo. Trong thời gian tôi làm việc ở đấy, có năm sáu vụ như vậy. Các mỏm đá ngầm nhá nát các thuyền ấy ra từng mảnh. Tất cả mọi người đều bị chết đuối”.

Jamie thở mạnh một cái: “Có ai thử đến đó bằng bè không?”.

Banda trố mắt nhìn anh: “Bằng bè à?”.

“Phải”, giọng nói Jamie lúc này thêm sôi nổi, “Nghĩ kỹ lại xem, không ai đi được đến bờ là vì đáy thuyền của họ bị đá ngầm xé toang ra. Nhưng một chiếc bè sẽ lướt ngay trên các đá ngầm ấy, đi thẳng đến bờ. Nó cũng có thể đi ra bằng cách như vậy”.

Banda nhìn Jamie một hồi lâu, khi mở miệng ra được, anh nói bằng giọng khác hẳn: “Anh biết không, anh McGregor. Anh vừa có ý kiến hay đấy…”.

Thoạt tiên, nó giống như một trò chơi. Những giải pháp có thể là đúng cho một câu đố không thể giải đáp. Nhưng càng thảo luận thêm, nó lại càng trở nên thích thú. Cái mà hai người Jamie và Banda bắt đầu bằng một câu chuyện phiếm, dần dần mang hình dáng cụ thể của một chương trình hành động. Vì kim cương nằm ngay trên mặt cát nên chẳng cần có một đồ trang bị gì cả. Họ có thể đóng một chiếc bè, với một cánh buồm trên một bãi cát trống bốn mươi dặm về phía nam “vùng đất cấm” rồi thả bè cho nó xuôi về ban đêm, không ai thấy được. Không có bãi mìn dọc

theo bờ bể, không có người canh gác, còn những đội tuần tra thì chỉ hoạt động ở sâu trong đất liền. Hai người sẽ có thể tự do đi rảo trên bãi biển, tha hồ nhặt kim cương tuỳ thích.

“Chúng ta có thể lên đường trước khi trời rạng sáng”, Jamie nói, “với một túi đầy kim cương của Van der Merwe”.

“Nhưng bằng cách nào thoát ra?”.

"Cũng bằng cách giống như mình đi vào. Chúng ta sẽ chèo chiếc bè ngang qua mỏm đá ngầm ra đến biển cả, dựng buồm lên, thế là tự do về đến nhà”.

Với những luận cứ đầy thuyết phục của Jamie, các mối nghi ngờ của Banda bắt đầu tan biến. Anh cố tìm ra những khe hở trong dự tính này nhưng mỗi lần anh đưa ra một sự phản đối nào, Jamie đều tìm cách giải đáp. Dự tính này có thể thực hiện được. Cái hay của nó là tính chất đơn giản và không phải bỏ ra đồng tiền nào. Chỉ cần có nhiều gan dạ.

“Cái mà chúng ta cần chỉ là cái túi rõ bự để nhét viên kim cương vào đấy”, Jamie nói. Vẻ nhiệt tình của anh thật là dễ lây.

Banda cười rạng rỡ, “Chúng ta hãy làm hai cái túi bự”.

Tuần lễ sau, họ thôi làm việc ở bến tàu, lên một chiếc xe la đi Port Nolloth, một ngôi làng bên bờ bể, bốn mươi dặm về phía nam khu vực cấm mà họ sẽ đi tới.

Đến Port Nolloth, họ xuống xe và nhìn xung quanh. Ngôi làng nhỏ và đơn sơ, gồm những căn nhà lụp xụp, tồi tàn, những túp

lều bằng thiếc, ít cửa hiệu và bãi cát trắng xoá trải dài vô tận. Ở đó không có mỏm đá ngầm. Sóng vỗ nhẹ nhàng ở ven bờ. Thật là một nơi lý tưởng để thả chiếc bè của họ.

Không có một khách sạn nào, những ngôi chợ bé nhỏ ở đó cho Jamie thuê một căn phòng ở phía sau. Banda cũng tìm được một chiếc giường nằm trong khu vực người da đen trong làng.

"Chúng ta phải tìm được nơi đóng bè cho kín đáo", Jamie nói với Banda, "Chúng mình không muốn ai đó báo với nhà chức trách".

Trưa hôm ấy, hai người tìm thấy một nhà kho bỏ trống.

"Nơi đây thật là tốt", Jamie nói, "Chúng ta hãy bắt tay ngay vào việc đóng bè"

"Chưa đâu", Banda nói, "Khoan đã, hãy đi mua một chai whisky".

"Để làm gì?".

"Rồi anh sẽ thấy".

Sáng hôm sau, một viên cảnh sát địa phương đến thăm Jamie. Đó là một anh chàng to lớn, da mặt hồng hào, có cái mũi to lớn trên đó nổi lên những gân máu tố cáo rằng anh ta là một tay nghiện rượu nặng.

"Chào anh", anh ta nói với Jamie, "Tôi nghe nói là có một ông khách mới đến nên tôi ghé lại đây thăm. Tôi là cảnh sát viên Mundy".

"Tôi là Ian Travis", Jamie đáp.

“Sắp đi lên phía Bắc, phải không Travis?”.
“Không, phía Nam. Tôi và tên đầy tớ của tôi đang trên đường đến Cape Town”.
“À, ra thế. Tôi trước kia cũng có ở Cape Town, nó quá lớn, quá ồn ào”.
“Đúng vậy, ông xơi một ly rượu nhé, ông cảnh sát?”.
“Tôi không bao giờ uống rượu trong khi làm phận sự”, cảnh sát viên Mundy dừng lại một lúc, trước khi đưa ra quyết định, “Nhưng chỉ một lần này thôi, tôi chắc có thể phá lệ”.
“Thế thì hay quá”, Jamie đem chai rượu whisky ra, trong lòng thán phục Banda có lẽ đã nghĩ ra trước điều này. Anh đổ chừng hai đốt ngón tay rượu vào trong chiếc ly bẩn và đưa cho viên cảnh sát.
“Cám ơn anh, Travis. Thế ly anh đâu?”.
“Tôi không thể uống được”, Jamie nói ra vẻ buồn bã, “Bệnh sốt rét. Vì vậy mà tôi phải đi Cape Town để được bác sĩ chăm sóc. Tôi dừng lại đây ít ngày để nghỉ ngơi. Đi đường thật khó nhọc”.
Cảnh sát viên Mundy nhìn anh dò xét, “Anh trông có vẻ mạnh khoẻ đấy chứ?”.
“Ông có thấy cơn run cầm cập của tôi bắt đầu thì mới biết được”.
Viên cảnh sát uống cạn ly rượu. Jamie lại đổ đầy ly lần nữa.
“Cám ơn. Tôi xin lỗi nhé”, ông ta uống ly thứ hai luôn một hớp rồi đứng dậy. “Tôi cần phải đi ngay bây giờ. Anh nói anh và tên

đầy tớ của anh sẽ tiếp tục lên đường trong một hai ngày tới, phải không?".

"Chừng nào tôi thấy khoẻ hơn chúng tôi sẽ đi ngay".

"Tôi sẽ trở lại đây hỏi han anh vào ngày thứ sáu", viên cảnh sát nói.

Đêm hôm ấy, Jamie và Banda bắt tay vào đóng bè trong nhà kho vắng vẻ.

"Banda, anh có đóng bè bao giờ chưa?".

"Nói thật với anh, anh McGregor. Tôi chưa đóng bè bao giờ".

"Tôi cũng thế". Cả hai nhìn nhau chằm chằm. "Có khó không nhỉ?"

Họ ăn cắp từ phía sau chợ hai thùng dầu rỗng bằng gỗ, mỗi chiếc có dung tích chừng hai trăm lít và đem về kho. Sau khi tập hợp chúng lại, họ đặt chúng cách quãng nhau thành một hình vuông. Ngày hôm sau, họ thu thập thêm bốn thùng gỗ rỗng, đặt mỗi chiếc trên mỗi thùng dầu.

Banda tỏ vẻ nghi ngờ, "nó chẳng giống một chiếc bè chút nào".

"Chúng mình chưa làm xong mà", Jamie cố trấn an.

Vì không sẵn những tấm ván nên họ phủ lên bề mặt bất cứ thứ gì có sẵn trong tay: những nhánh cây gỗ hồi, cành cây giẻ gai, lá cây "marula" thật lớn. Họ buộc tất cả mọi thứ lại bằng dây thừng dày, thắt nút lại một cách cẩn thận, chính xác.

Khi làm xong, Banda xem xét một lượt, "vẫn không giống một

chiếc bè".

"Khi nào mình dựng buồm lên, nó sẽ giống hơn" Jamie hứa.

Họ làm cột buồm bằng một cây gỗ vàng đã bị đổ, rồi nhặt hai cành cây dẹp dùng làm chèo.

"Bây giờ chỉ còn việc là giăng buồm đi thôi. Cần phải làm cho thật nhanh. Tôi muốn ra khỏi nơi này ngay tối nay. Lão cảnh sát sẽ trở lại nơi này vào ngày mai".

Chính Banda đã tìm ra cái buồm. Anh trở về vào lúc trời tối, mang theo một tấm vải xanh lớn, "Anh nghĩ cái này thế nào, anh McGregor?".

"Tuyệt. Anh kiếm nó ở đâu ra vậy?"

Banda nhe răng cười, "Đừng có hỏi. Chúng mình đã gặp khá nhiều rắc rối rồi".

Họ làm một cánh buồm với một cái sào căng buồm ở phía dưới và một cái trục căng buồm ở trên đỉnh. Cuối cùng, mọi thứ đều sẵn sàng.

'Chúng ta sẽ lên đường lúc hai giờ sáng, khi dân làng đang còn ngủ", Jamie bảo Banda, "Mình nên nghỉ ngơi cho đến lúc ấy'.

Nhưng không ai ngủ được cả. Mỗi người đều hồi hộp lo lắng về cuộc phiêu lưu họ sắp sửa thực hiện.

Vào lúc hai giờ sáng, hai người gặp nhau ở nhà kho. Cả hai đều cảm thấy háo hức nhưng không kém phần lo sợ, nhưng không ai nói ra. Họ sắp sửa thực hiện cuộc hành trình hoặc đưa họ đến sự

giàu sang hoặc dẫn đến cái chết. Không có con đường nào ở giữa.

“Đến giờ rồi”, Jamie loan báo.

Hai người bước ra ngoài. Không có gì động đậy. Đêm thật yên tĩnh, với mặt nước mênh mông như một bức màn xanh trước mặt. Một vầng trăng bạc xuất hiện trên bầu trời cao. Tốt lắm, Jamie thầm nghĩ, sẽ không có nhiều ánh sáng lắm để họ có thể trông thấy mình. Thời khắc biểu của họ hơi phức tạp một chút vì họ phải rời khỏi ngôi làng vào lúc đêm để không ai biết và phải đến bãi bể kim cương tối hôm sau, như vậy họ có thể lẻn vào khu vực mỏ rồi trở ra bể an toàn trước khi rạng đông.

“Luồng nước Benguela sẽ đưa chúng mình đến mỏ kim cương vào khoảng xế trưa”, Jamie nói, “nhưng mình không thể đi giữa ban ngày được, vì vậy chúng mình phải lánh ở một nơi nào đó ngoài bể trước khi trời tối”.

Banda gật đầu, “Mình có thể nấp ở một trong các hòn đảo nhỏ ngoài khơi”.

“Đảo gì?”

"Có chừng một chục đảo – Mercury, Ichabud, Plum Pudding…”

Jamie nhìn Banda với vẻ lạ lùng, “Plum Pudding nghĩa là gì?”

“Còn có đảo Roast Beef nữa”.

Jamie giở bản đồ nhàu nát ra xem xét, “Chẳng thấy có đảo nào trên bản đồ này cả”.

“Đó là những đảo phân chim. Người Anh thu hoạch phân chim để làm phân bón”

“Có ai sống trên đảo ấy không?”.

“Không thể. Ở đó mùi hôi hám lắm. Có những nơi phân chim dày đến ba chục thước. Chính phủ dùng những tên đào ngũ và tù binh để nhặt phân chim. Một số người chết trên đảo, họ để mặc xác người chết tại đấy”.

“Mình sẽ nấp ở đấy”, Jamie đưa ra quyết định.

Lặng lẽ, hai người mở nhà kho và nhấc chiếc bè lên. Chiếc bè ấy nặng quá, không thể khiêng nổi. Cả hai cố gắng kéo mạnh, mồ hôi nhễ nhại nhưng vô hiệu.

“Chờ đấy”, Banda nói.

Anh vội vã đi ra ngoài. Nửa giờ sau anh quay lại với một thanh gỗ tròn lớn. “Mình sử dụng cái này. Tôi sẽ nhấc một đầu lên, còn anh đẩy cái thanh gỗ này xuống phía dưới”.

Jamie ngạc nhiên về sức khoẻ của Banda khi anh này nhấc bổng một đầu chiếc bè lên. Jamie nhanh chóng chuồi thanh gỗ xuống phía dưới. Cả hai cùng ra sức nhấc cái đuôi bè lên, thế là nó được đặt nhẹ nhàng xuống khúc gỗ. Khi khúc gỗ đã lăn khỏi đuôi bè, họ lặp lại cách thức như lúc nãy. Thật là công việc gay go, khó nhọc. Lúc họ đi ra đến bãi bể, cả hai đều ướt đẫm mồ hôi. Công việc này chiếm nhiều thời giờ hơn Jamie tưởng. Lúc này đã gần rạng đông rồi. Họ phải đi xa trước khi dân làng phát

hiện ra họ và báo cáo những gì họ đang làm. Lập tức Jamie lắp cánh buồm vào, kiểm tra lại thật kỹ để tin chắc rằng mọi thứ hoạt động tốt cả. Nhưng anh vẫn cảm thấy khó chịu vì hình như anh còn quên một thứ gì đó. Đột nhiên, anh nghĩ ra và cười to lên. Banda ngạc nhiên nhìn anh, "Có gì vui vậy?".

"Trước kia khi đi tìm kim cương, tôi có một tấn đồ trang bị. Bây giờ tôi chỉ mang một cái địa bàn thôi. Có vẻ dễ dàng quá".

Banda lặng lẽ nói, "Tôi không nghĩ rằng đó là vấn đề khó khăn của chúng ta, anh McGregor ạ".

"Bây giờ có lẽ đến lúc anh gọi tôi là "Jamie" mà thôi".

Banda lúc lắc đầu tỏ vẻ ngạc nhiên, "Anh đúng là một người từ xứ xa xôi đến đây", Banda cười nhe hàng răng trắng ởn, "Cần quái gì, chúng nó có treo cổ tôi thì cũng chỉ treo được một lần thôi", anh lẩm bẩm cái tên ấy trên môi rồi gọi to lên: "Jamie".

"Nào, chúng ta hãy đi lấy kim cương".

Họ đẩy chiếc bè ra khỏi cát, vào vùng nước cạn, rồi cả hai nhảy lên bè, bắt đầu chèo. Phải mất mấy phút đồng hồ họ mới điều chỉnh và quen được với cái nghiêng ngả, đi chệch hướng của chiếc bè này. Nó giống như một cái nút chai nổi bồng bềnh, nhưng nó sẽ hoạt động được. Chiếc bè đáp ứng một cách tốt đẹp, di chuyển theo hướng bắc với một dòng nước. Jamie kéo buồm lên, hướng ra biển cả. Lúc dân làng thức dậy, thì chiếc bè đã vượt quá chân trời.

“Chúng mình thành công rồi”, Jamie nói.
Banda lắc đầu “Chưa hết đâu”. Anh thả tay xuống dòng nước lạnh Benguala. “Chỉ mới bắt đầu thôi”.
Họ vẫn tiếp tục đi, hướng về phía Bắc quá vịnh Alexander và cửa sông River, không thấy dấu hiệu đời sống nào cả ngoài những đàn sếu ở Cape đang bay về tổ và một đàn hồng hạc lớn hơn, nhiều màu sắc. Mặc dầu có những hộp thịt, gạo, trái cây và hai bình nước, họ quá hồi hộp lo lắng nên không ăn uống gì được. Jamie không để trí óc của anh suy nghĩ vẩn vơ đến những mối nguy hiểm trước mặt nhưng Banda thì không thể làm thế được. Anh đã sống ở nơi đó rồi. Anh đang nhớ đến những tên bảo vệ tàn nhẫn với súng, chó săn và bãi mìn có thể xé nát da thịt. Thế rồi anh tự hỏi tại sao anh lại nghe lời Jamie đi vào cuộc phiêu lưu điên khùng này. Anh đưa mắt nhìn người Tô Cách Lan và nghĩ thầm, “Hắn còn điên khùng hơn cả mình nữa. Mình có chết cũng vì đứa em gái nhỏ của mình. Còn hắn, hắn chết vì cái gì?”
Đến trưa, những con cá mập xông đến. Có chừng năm sáu con, vây của chúng xẻ nước tiến thật nhanh đến chiếc bè.
“Đó là những con cá mập vây đen ăn thịt người”, Banda nói.
Jamie nhìn các vây cá lướt đến gần chiếc bè, “Mình làm thế nào bây giờ?”
Banda nuốt nước bọt lo lắng, “Thật sự, Jamie ạ, đây là lần đầu

tiên tôi gặp trường hợp như thế này".

Lưng con cá mập huých vào chiếc bè khiến nó suýt lật nhào. Hai người nắm lấy cột buồm dùng làm nơi tựa. Jamie nhặt lấy một cái chèo đâm vào con cá mập. Chỉ nháy mắt sau đó, cái chèo bị con cá mập cắn thành hai nửa. Nhiều con cá mập bây giờ đi vòng quanh chiếc bè, bơi theo những vòng tròn, thân hình to lớn của chúng cọ xát vào chiếc bè bé nhỏ. Mỗi lần nó huých như thế, chiếc bè lại nghiêng theo một góc nguy hiểm. Nó có thể lật nhào bất cứ lúc nào.

"Mình cần phải trừ khử chúng đi nếu không chúng sẽ dìm mình xuống nước mất"

"Trừ khử chúng bằng cách nào kia chứ?"

"Đưa cho tôi một hộp thiếc đựng thịt".

"Anh nói đùa đấy chứ? Một hộp thịt bò làm sao thoả mãn được chúng? Chúng muốn ăn thịt chúng mình kia".

Lại một cái xô đẩy mạnh nữa khiến cho cái bè nghiêng suýt lật nhào.

"Thịt bò!", Jamie hét lên, "Lấy ngay đi"

Một giây đồng hồ sau, Banda đặt hộp thịt bò trong tay Jamie. Chiếc bè chòng chành hết sức nguy hiểm.

"Mở một nửa nắp hộp ấy ra, nhanh lên!".

Banda rút dao nhíp ra, mở nắp hộp thiếc ra một nửa. Jamie cầm lấy, dùng ngón tây sờ các cạnh bén nhọn của hộp kim khí.

“Giữ chặt lấy!”, Jamie kêu lên.

Anh quỳ xuống bên mạn bè, chờ đợi. Ngay tức thì một con cá mập xích lại gần bè, há cái mồm to lớn của nó, nhe ra cái hàm răng dài khủng khiếp. Jamie tấn công vào đôi mắt của nó. Với tất cả sức lực, anh vươn cả hai tay ra, dùng cạnh sắc nhọn của hộp thiếc đã bị cắt cào lên mắt con vật, làm nó rách toang ra. Con cá mập tung cả thân hình nó lên, làm cho chiếc bè dựng ngược lên trong một lát. Nước xung quanh đó đột nhiên nhuộm màu đỏ. Các con cá mập khác sáp lại con vật bị thương, làm thành một tiếng động rất lớn. Chúng quên hẳn chiếc bè, Jamie và Banda nhìn những con vật to lớn đang xé xác nạn nhân bất lực trong khi chiếc bè đi xa dần, xa dần, cho đến khi không còn bóng dáng con cá mập nào nữa.

Banda thở mạnh một cái, nói khe khẽ, “Một ngày kia tôi sẽ kể cho con cháu tôi nghe về chuyện này. Anh có nghĩ rằng chúng sẽ tin tôi không?”.

Cả hai cười to lên cho đến khi nước mắt ràn rụa trên mặt.

Vào xế trưa hôm ấy, Jamie kiểm tra lại chiếc đồng hồ đeo tay của mình, “Chúng mình sẽ ở ngoài khơi bãi bể kim cương vào lúc nửa đêm. Mặt trời mọc vào lúc sáu giờ mười lăm. Như vậy mình có bốn giờ để nhặt kim cương và hai giờ để ra bể trở lại không ai trông thấy nữa. Bốn giờ có đủ không, Banda?”.

“Một trăm người cũng không thể sống đủ lâu để tiêu cho hết số

kim cương anh nhặt được trong bốn giờ đồng hồ trên bãi bể đấy". Anh chỉ hy vọng sống đủ lâu để nhặt số kim cương ấy… Hai người cứ thế rong buồm đi về hướng bắc trong thời gian còn lại của ngày hôm ấy, nhờ gió và thuỷ triều. Đến chiều tối, một hòn đảo nhỏ hiện ra lù lù trước mặt. Nó có chu vi không quá hai trăm mét. Khi họ lại gần, mùi cay xè của chất "ammoniac" xông lên rất mạnh, khiến họ chảy nước mắt. Jamie hiểu vì sao không có ai ở nơi này. Mùi hôi thật là khó chịu nhưng đó là nơi an toàn nhất để nấp, chờ đợi cho đến khi trời tối hẳn. Jamie điều chỉnh cánh buồm khiến cho chiếc bè chạm phải bờ đá của hòn đảo thấp. Banda buộc chặt chiếc bè lại rồi cả hai bước lên bờ. Toàn thể hòn đảo như bị phủ đầy bởi hàng triệu con chim: sếu, bồ nông, chim cụt, hồng hạc. Bầu không khí dày đặc, ồn ào, rất khó thở. Đi được chừng một chục bước, họ dẫm lên một lớp phân chim cao đến tận bắp vế.

"Mình trở lại bè đi", Jamie hổn hển nói.

Banda bước theo anh không nói một lời nào.

Họ vừa mới quay trở lại để đi trở về thì một đàn bồ nông cất cánh bay lên, để lộ ra một khoảng trống trên đất. Có ba xác người nằm đấy. Không biết họ đã chết bằng cách nào. Xác họ được giữ nguyên vẹn nhờ chất ammoniac trong không khí, và tóc họ đã trở thành màu đỏ sáng.

Một phút sau, Jamie và Banda trở lại bè, cho nó hướng ra biển

khơi.

Họ cho bè đỗ ngoài khơi, hạ buồm xuống và chờ đợi.

“Mình ở lại đây cho đến khuya, rồi sẽ đi vào”.

Cả hai ngồi bên nhau trong im lặng, mỗi người chuẩn bị cho những gì sắp tới theo lối riêng của mình. Mặt trời xuống thấp ở chân trời phía tây, nhuộm bầu trời sắp tàn bằng những màu sắc hung dữ của một nghệ sĩ điên khùng. Rồi đột nhiên, tất cả đều bị che phủ dưới một tấm mền đen tối.

Họ chờ đợi thêm hai giờ nữa, Jamie kéo buồm lên. Chiếc bè bắt đầu di chuyển về hướng đông đến bờ bể họ không nhìn thấy. Trên đầu, mây rẽ ra, để lọt ra ánh sáng trăng mờ nhạt, mỏng manh, tuôn xuống như nước. Chiếc bè tăng thêm tốc độ. Xa xa, hai người bắt đầu thấy bờ bể hiện ra lờ mờ như một vết bẩn. Gió mạnh hơn, thổi phần phật cánh buồm, đẩy chiếc bè vào bờ với tốc độ mỗi lúc một tăng dần. Chẳng mấy chốc họ nhận ra được hình nét lờ mờ của đất liền, giống như một bức tường thành bằng đá khổng lồ. Ngay từ một khoảng xa như vậy, họ cũng nhìn thấy sóng bể trắng xoá đập vào các mỏm đá, nổ lên như sấm. Từ xa, quang cảnh trông thật dễ sợ. Jamie tự hỏi không biết khi lại gần chúng sẽ khủng khiếp như thế nào.

Bất chợt, anh thì thầm với Banda, “Anh tin chắc rằng bãi bể không có người canh gác chứ?”

Banda không trả lời, anh lấy tay chỉ những mỏm đá trước mặt.

Jamie hiểu anh ta muốn nói gì rồi. Các mỏm đá ấy nguy hiểm hơn bất cứ thứ bẫy sập nào con người có thể chế tạo ra. "Đó là những tên bảo vệ bờ bể đắc lực, không bao giờ lơi lỏng, không bao giờ ngủ. Chúng nằm đó đợi con mồi của chúng". Được rồi, Jamie nghĩ thầm, chúng ta sẽ qua mặt chúng mày. Chúng ta sẽ nổi lên trên mình chúng mày".

Chiếc bè đã đưa họ đi xa như vậy thì nó cũng sẽ đưa họ đi nốt quãng đường cuối cùng. Lúc này, bờ bể dường như đang chạy thi về phía họ. Họ bắt đầu cảm thấy những cái dồi lên dồi xuống dữ dội của những đợt sóng khổng lồ. Banda nắm chặt lấy cột buồm. "Chúng mình đang đi khá nhanh".

"Đừng lo", Jamie trấn an. "Khi nào đến gần hơn nữa, chúng mình sẽ hạ thấp buồm xuống, như vậy tốc độ sẽ giảm đi. Chúng mình sẽ lướt trên các mỏm đá ngầm dễ dàng".

Gió và sóng tăng thêm sức mạnh, xô chiếc bè về phía các mỏm đá giết người. Jamie ước lượng nhanh chóng khoảng cách còn lại, quyết định rằng các đợt sóng sẽ đưa họ đến bờ mà không cần phải giương buồm. Anh vội vã hạ buồm xuống. Sức đẩy của gió vẫn không ngừng lại. Chiếc bè lúc này hoàn toàn bị kẹt trong những con sóng khổng lồ, không còn kiểm soát được nữa. Nó bị ném lên về phía trước từ đỉnh sóng này đến đỉnh sóng khác. Chiếc bè lắc lư dữ dội khiến cho hai người phải bám chắc vào nó bằng cả hai tay. Jamie đã nghĩ rằng đi vào bờ là việc làm khó

khăn nhưng anh hoàn toàn không được chuẩn bị để đương đầu với những cơn hung dữ của xoáy nước sủi bọt trước mặt. Những mỏm đá hiện ra lù lù một cách rõ ràng đến ngạc nhiên. Họ có thể trông thấy những đợt sóng đổ xô đến, đập vào các tảng đá, nổ tung lên thành những giếng phun nước to lớn, giận dữ. Toàn thể sự thành công của dự tính tuỳ thuộc vào việc đưa chiếc bè nguyên vẹn qua những mỏm đá ngầm để họ có thể sử dụng nó mà thoát ra. Không có chiếc bè, họ coi như đã chết.

Lúc này họ đang hướng đến các mỏm đá ngầm do sức đẩy khủng khiếp của các cơn sóng. Tiếng gió gầm thét đinh tai nhức óc. Đột nhiên, chiếc bè bị nhấc bổng lên cao trong không khí bởi một đợt sóng to lớn, ném nó về phía các tảng đá.

"Giữ chặt lấy, Banda, chúng ta đang đi vào!", Jamie kêu to lên.

Cơn sóng lớn hất chiếc bè như một que diêm, bắt đầu đưa nó về phía bờ bể, ngang qua các mỏm đá ngầm. Hai người cố bám lấy sự sống, vật lộn với các động tác nhảy chồm lên của các đợt sóng hung dữ đe doạ quăng họ xuống nước. Jamie đưa mắt thật nhanh, nhìn xuống nước, thoáng thấy các mỏm đá ngầm sắc như dao cạo ở bên dưới. Một lát nữa đây, anh sẽ cho bè vượt qua chúng, vào đến bờ an toàn.

Ngay lúc ấy, chiếc bè giật lên đột ngột, dữ dội, khi một mỏm đá ngầm vướng vào một trong bốn chiếc thùng bên dưới, dứt nó ra khỏi chiếc bè. Chiếc bè chòng chành dữ dội, rồi một thùng khác

cũng bị dứt ra như vậy, tiếp đến một thùng khác nữa. Gió và sóng nện, mỏm đá như đói khát, tất cả đang vờn chiếc bè như một cái đồ chơi, tung nó qua lại, xoay tròn nó trong không khí. Jamie và Banda cảm thấy miếng gỗ mỏng dưới chân như vỡ tan ra.

"Nhảy!", Jamie thét lên.

Anh nhảy qua một bên hông bè. Một cơn sóng khổng lồ nhặt anh lên, bắn anh tung về phía bãi bể với tốc độ một viên đạn đá. Anh bị mắc kẹt trong một thứ sức mạnh thiên nhiên ngoài sức tưởng tượng. Anh không thể kiểm soát được những gì đang diễn ra xung quanh. Anh là phần tử của sóng. Nó ở bên người anh, dưới anh và trong người anh. Thân thể anh như bị xoắn lại, quay cuồng, ngực như bị vỡ tung ra. Những ánh sáng lốm đốm bắt đầu hiện lên trong đầu anh. Jamie thầm nghĩ, mình sắp sửa chết chìm. Thế rồi thân thể anh bị ném tung lên cát. Jamie hổn hển thở, cố sức thở cho các buồng phổi của anh tràn ngập không khí trong lành của bể. Ngực và chân đều bị cào xước bởi cát, quần áo tả tơi. Chậm rãi, anh ngồi lên nhìn quanh quất để tìm Banda. Anh ta đang ngồi khom lưng, nôn oẹ cho ra hết nước bể. Jamie đứng dậy, loạng choạng bước đến gần anh ta:

"Anh không hề gì chứ?".

Banda gật đầu. Anh thở một cái thật sâu, rùng mình rồi nhìn lên Jamie, "Tôi không biết bơi".

Jamie đỡ anh ta dậy. Cả hai quay người lại nhìn mỏm đá ngầm. Không thấy vết tích chiếc bè đâu cả. Nó đã bị tan ra thành mảng trong đại dương hung dữ. Cả hai bây giờ đã đi đến mỏ kim cương.

Không có cách nào thoát ra được.

Sidney Sheldon

Tay cự phách

Chương 5

Sau lưng họ là đại dương giận dữ. Trước mặt là sa mạc không bị gián đoạn, trải dài từ bể đến chân núi xa xăm, lởm chởm, màu tím, của vách núi Richterveld, một thế giới của hẻm núi, thung lũng và chóp núi cong queo, sáng ngời dưới ánh trắng mờ. Ở chân rặng núi là thung lũng Henkessel, tức "Chiếc nồi nấu của phù thuỷ", một bẫy gió trống trải. Đó là một phong cảnh hoang vắng, ban sơ, từ thuở bắt đầu của thời gian. Dấu hiệu duy nhất cho biết con người đã từng đặt chân lên nơi này là một tấm biển trên cát. Dưới ánh sáng trăng, họ đọc thấy mấy dòng chữ:

Verbode Gebied

Spergebied

Vùng đất cấm.

Không có lối thoát về phía bể. Hướng duy nhất còn mở ra cho hai người là sa mạc Namib.

"Chúng mình phải cố vượt qua sa mạc rồi phó mặc cho may rủi",

Jamie nói.

Banda lắc đầu, “Bọn bảo vệ sẽ bắn chúng ta ngay khi chúng vừa nhìn thấy, hoặc treo cổ chúng ta. Ngay cả khi chúng mình qua mặt được bọn bảo vệ, cũng không có cách nào vượt qua được bãi mìn. Chúng ta xem như đã chết rồi”. Không phải là Banda lo sợ cái chết, anh chỉ cam chịu số phận.

Jamie nhìn Banda và cảm thấy một niềm hối tiếc sâu xa. Anh đã đưa người da đen đến nỗi này nhưng Banda không hề phàn nàn một lần nào. Ngay cả lúc này, khi biết không có một lối thoát nào cả cho họ, anh cũng không thốt ra một lời trách cứ nào.

Jamie quay lại nhìn bức tường sóng giận dữ đập mạnh lên bờ, cho rằng chỉ có một phép lạ mới giúp được cho họ đi xa được như vậy. Lúc này là hai giờ sáng, chỉ còn bốn giờ nữa trời sẽ hửng sáng và bọn chúng sẽ phát hiện ra họ. Thế nhưng cả hai cho đến lúc này vẫn còn nguyên vẹn. Mình sẽ là một kẻ khốn khiếp nếu sẵn sàng bỏ cuộc lúc này, Jamie nghĩ thầm.

“Nào, chúng ta làm việc chứ, Banda?”.

Banda chớp mắt một cái, hỏi: “Làm việc gì?”.

“Chúng mình đến đây để tìm kim cương, phải thế không? Chúng mình hãy lấy đi”.

Banda trố mắt nhìn người da trắng có cặp mắt man dại, tóc trắng dán chặt lên sọ và quần áo ướt đẫm, tả tơi, xung quanh đôi cẳng, “Anh nói gì vậy?”.

“Anh bảo rằng bọn chúng thấy mình sẽ giết ngay. Vậy chúng có thể giết mình giữa lúc mình đang giàu có cũng như lúc mình nghèo khổ. Phép lạ đã đưa chúng mình đến đây thì phép lạ cũng có thể giúp chúng mình thoát ra. Nhưng nếu thoát ra được thì tôi nhất định không chịu đi tay không”.

“Anh khùng rồi”, Banda nói nhẹ nhàng.

“Nếu không thế thì chúng mình đã không có ở đây rồi”, Jamie nhắc nhở.

Banda nhún vai: “Mẹ kiếp! Mình có việc làm nào khác nữa đâu cho đến khi bọn chúng tìm ra mình?”.

Jamie giật chiếc áo sơ mi rách tả tơi. Banda hiểu ngay và cũng bắt chước làm như vậy.

“Nào, những viên kim cương to bự mà anh vẫn nói đó, nằm ở chỗ nào?”

“Ở khắp mọi nơi”, Banda nói. Rồi anh nói thêm, “Cũng như bọn bảo vệ và chó săn vậy”.

“Chuyện ấy để lo sau. Khi nào chúng xuống bãi bể này?”.

“Khi nào trời sáng”.

Jamie suy nghĩ một lát, “Có nơi nào trên bãi bể này mà chúng không đến không? Một nơi nào đó để chúng mình nấp?”.

“Không có nơi nào chúng không đến cả. Cũng chẳng có nơi nào có thể ẩn giấu, dù một con ruồi”.

Jamie vỗ vai Banda, “Thôi được, chúng ta đi nào”.

Jamie nhìn theo Banda đang bò chậm chạp bằng cả tay và chân, dọc theo bãi bể, vừa bò vừa dùng ngón tay sàng cát. Không đầy hai phút sau, anh dừng lại, giơ một viên đá lên cao, "Tôi tìm thấy một viên!".

Jamie khom mình xuống cát và bắt đầu bò. Hai viên đá đầu tiên tìm được hơi nhỏ. Viên thứ ba to hơn, nặng đến mười lăm cà rá. Anh ngồi đó ngắm nghía một hồi. Thật khó tưởng tượng rằng của cải lớn lao như vậy lại có thể dễ dàng nhặt lên đến thế. Thế mà tất cả những thứ ấy lại thuộc về Salomon Van der Merwe và các người hợp tác của hắn. Jamie vẫn tiếp tục di chuyển.

Trong ba giờ tiếp theo đó, hai người đã thu thập được trên bốn mươi viên kim cương từ hai cà rá đến ba mươi cà rá. Bầu trời phía đông bắt đầu hửng sáng. Đây là thời gian Jamie dự định rời khỏi nơi này, nhảy lên bè, vượt qua các tảng đá ngầm và thoát trở về. Nhưng bây giờ nghĩ đến điều ấy cũng vô ích thôi.

"Trời sắp rạng đông rồi", Jamie nói, "Chúng mình hãy tính xem còn có thể tìm được thêm bao nhiêu viên kim cương nữa?".

"Chúng ta sẽ không sống để xài bất cứ viên nào trong số này. Anh muốn chết giàu có, đúng không?".

"Tôi chẳng muốn chết chút nào".

Họ lại tiếp tục tìm kiếm, nhặt hết viên kim cương này đến viên kim cương khác, không suy nghĩ, tính toán gì hết, như thể bị ám ảnh bởi cơn điên loạn. Từng chồng kim cương của họ cứ lớn dần

lên cho đến khi sáu mươi viên kim cương vô giá nằm gọn trong túi áo sơ mi tả tơi của họ.

“Anh có muốn tôi mang các thứ này không?”, Banda hỏi.

“Không, cả hai chúng ta đều có thể…”, chợt Jamie nhận ra được Banda đang suy nghĩ gì. Kẻ nào bị bắt quả tang mang theo kim cương sẽ bị chết một cách chậm chạp và đau đớn hơn.

“Để tôi mang cho”, Jamie nói. Anh nhét tất cả kim cương vào trong mảnh vải còn lại của áo sơ mi rồi cẩn thận thắt nút lại. Chân trời lúc này sáng lờ mờ, phía đông bắt đầu nhuốm màu sắc của mặt trời đang lên.

Việc gì xảy ra tiếp theo nhỉ? Đó mới là vấn đề. Làm thế nào trả lời? Họ có thể sẽ đứng ở đó chờ chết, hay có thể đi vào trong vùng đất, hướng đến sa mạc và chết ở đó.

“Chúng ta đi nào”.

Jamie và Banda bắt đầu chậm rãi bước đi sát bên nhau, xa bãi biển.

“Bãi mìn bắt đầu từ chỗ nào vậy?”.

"Chừng một trăm thước, ở phía trước mặt”. Xa xa, họ nghe có tiếng chó sủa. “Tôi không nghĩ rằng chúng ta sắp sửa phải lo về bãi mìn. Đàn chó đang hướng về phía này. Ca làm việc buổi sáng sắp bắt đầu”.

“Chừng bao lâu nữa chúng sẽ đến đây?”.

“Mười lăm phút, cũng có lẽ mười phút”.

Lúc này đã gần sáng hẳn rồi. Các hình thù lờ mờ bây giờ đã trở thành những đụn cát và ngọn núi xa xăm. Không có nơi nào để mà ẩn nấp nữa.

"Có bao nhiêu tên bảo vệ cho mỗi ca?".

Banda suy nghĩ một lát, "Chừng mười tên".

"Mười tên cũng không nhiều lắm cho một bãi bể rộng như thế này".

"Một tên cũng đủ rồi. Chúng có súng và chó. Bọn bảo vệ ấy không phải là mù và chúng ta thì không có phép tàng hình".

Tiếng chó sủa bây giờ gần hơn, Jamie nói, "Banda ạ, tôi rất hối hận. Lẽ ra tôi không nên đưa anh vào cảnh ngộ này".

"Không phải anh đâu".

Jamie hiểu anh muốn nói gì trong câu nói ấy.

Rồi họ nghe tiếng nói lao xao ở phía xa.

Jamie và Banda đi tới một đụn cát nhỏ "Hay là chúng mình vùi mình trong cát nhỉ?".

"Có người đã thử làm như vậy rồi. Lũ chó sẽ tìm ra chúng mình và xé toạc cổ họng chúng mình ra. Tôi muốn một cái chết nhanh chóng, tôi muốn bọn chúng tìm thấy tôi, rồi tôi bỏ chạy. Như vậy bọn chúng sẽ bắn tôi. Tôi… tôi không muốn đàn chó ấy thộp lấy tôi".

Jamie nắm chặt lấy cánh tay Banda, "Chúng ta có thể chết nhưng không ngu dại gì mà đi tìm cái chết. Cứ để cho Thần Chết phải

vất vả mới làm được nhiệm vụ của nó".

Họ bắt đầu phân biệt được tiếng nói ở phía xa, "Đi nhanh lên, đồ khốn kiếp lười biếng…", một tiếng nói thét lên, "Theo tao, đi thẳng nào… Chúng mày đã được ngủ một giấc ngon rồi… Bây giờ là lúc làm việc…".

Mặc dầu những lời lẽ can đảm như vậy, Jamie nhận thấy qua giọng nói hình như anh đang muốn rút lui. Anh quay đầu lại nhìn về phía bể một lần nữa. Phải chăng chết chìm còn dễ dàng hơn? Anh nhìn những tảng đá ngầm xé toang một cách giận dữ các đợt sóng xông đến như quỷ dữ, bỗng đột nhiên anh thấy một cái gì đó ở phía bên kia đợt sóng, anh không hiểu là cái gì. "Banda, xem kìa".

"Nó là "mis" (sương mù ở bể) đấy!", Banda kêu lên, nó xảy ra mỗi tuần vài ba lần".

Trong khi hai người đang nói chuyện, sương mù kéo lại gần, giống như một bức màn xám giăng tận chân trời, xoá nhoà cả bầu trời.

Lúc này các tiếng nói nghe gần hơn, "Mẹ kiếp, cái sương mù này. Nó làm chậm công việc một lần nữa. Các ông chủ sẽ không thích như vậy…".

"Chúng mình gặp may rồi!", Jamie nói, lúc này tiếng nói của anh nghe như thì thầm.

"May gì?".

“Sương mù đó! Chúng nó sẽ không thể trông thấy mình”.
“Không có lợi ích gì đâu, sương mù sẽ tan ngay bây giờ. Khi nào nó tan, chúng mình sẽ vẫn đứng nguyên tại chỗ. Nếu bọn bảo vệ không đi xuyên qua được bãi mìn thì chúng mình cũng thế. Nếu anh cố vượt qua sa mạc trong sương mù thì không đầy mười thước anh đã bị nổ tung ra từng mảnh rồi. Anh đang cố tìm ra một phép lạ”.
“Đúng như vậy. Tôi đang chờ đợi một phép lạ”, Jamie nói.
Trời tối sầm phía trên đầu. Sương mù lúc này lại gần hơn, bao trùm cả mặt bể, sắp sửa nuốt trùm cả bờ bể. Nó cứ lăn về phía hai người, trông có vẻ ma quái, hăm doạ nhưng Jamie cảm thấy hân hoan. Nó sẽ cứu chúng ta.
Một tiếng nói gọi to, “Này, hai đứa kia! Chúng mày đang làm quái quỷ gì ở đây thế?”.
Jamie và Banda quay đầu lại, nhìn trên đỉnh một đụn cát, cách đó chừng trăm thước, một tên bảo vệ mặc đồng phục đang đứng, tay cầm một khẩu súng trường. Jamie quay nhìn trở lại bờ bể. Sương mù đang tiến lại gần rất nhanh.
“Hai đứa kia, lại đây!”, tên bảo vệ hét lên, tay đưa khẩu súng lên cao.
Jamie giơ hai tay lên, “Tôi bị trẹo chân”, anh nói to, “Không thể bước tới được”.
“Đứng yên tại đấy”, tên ấy ra lệnh, “Tao sẽ đến bắt chúng mày”.

Hắn hạ súng xuống, sắp sửa tiến về phía họ. Nhìn thật nhanh về phía sau, họ thấy sương mù ra đến rìa bờ bể, và tiếp tục tiến vào rất nhanh.

"Chạy!", Jamie thì thào. Anh quay lại, chạy như bay về phía bãi bể, Banda chạy theo sau.

"Đứng lại!".

Một giây đồng hồ sau, họ nghe thấy một tiếng nổ giòn, cát ở phía trước mặt tung toé. Họ vẫn tiếp tục chạy, chạy thật nhanh để đến gặp bức tường sương mù dày đặc. Lại có một tiếng nữa. Tiếp đó hai người đã đi vào trong bóng tối hoàn toàn. Sương mù đã xâm chiếm lấy họ, khiến họ cảm thấy lạnh lẽo, ngột ngạt. Họ thấy mình như bị vùi trong bông gòn, không còn trông thấy gì nữa.

Lúc này các tiếng nói dường như bị tắc nghẽn, xa vời, dội ra khỏi sương mù từ khắp mọi phía. Họ nghe tiếng gọi nhau.

"Kruger… Brent đây. Có nghe tôi nói không?".

"Tôi nghe, Kruger".

"Chúng nó có hai người", tiếng nói thứ nhất kêu lên. "Một tên da trắng và một tên da đen. Chúng ở trên bãi biển. Cho người toả ra mọi phía! Cứ bắn đi để giết chết chúng nó!".

"Bám chặt vào người tôi", Jamie thì thào.

Banda nắm lấy vai Jamie, "Anh định đi đâu bây giờ?"

"Ra khỏi nơi này".

Jamie đưa địa bàn lên sát tận mắt. Anh chỉ thấy nó lờ mờ. Anh

xoay địa bàn cho đến khi nó chỉ hướng đông, "Đi hướng này…".
"Khoan đã! Chúng mình không bước đi được. Dù không va phải tên bảo vệ nào, chúng mình cũng sẽ đạp phải mìn, làm nó nổ tung lên".
"Lúc nãy anh nói rằng còn một trăm thước nữa mới tới bãi mìn. Vậy chúng ta phải rời bãi biển này ngay".
Hai người bắt đầu di chuyển về phía sa mạc, chậm rãi và đều đặn, như hai kẻ mù trong một vùng đất không hề biết. Jamie dùng bước chân để đo khoảng cách. Mỗi khi lỡ ngã xuống cát mềm, họ cố đứng dậy rồi tiếp tục đi. Đi được mấy bước, Jamie dừng lại dò địa bàn. Khi anh ước chừng đã đi được một trăm mét, anh dừng lại.
"Có lẽ bãi mìn bắt đầu từ chỗ này. Bọn chúng có đặt mìn theo một mô thức nào đó không? Anh có thể nghĩ ra một cách nào đó có thể giúp chúng ta được không?".
"Chỉ có cầu nguyện thôi", Banda nói, "chưa từng có ai lọt qua bãi mìn này cả, Jamie ạ. Mìn rải rác khắp mọi nơi, vùi dưới đất đến mười lăm phân. Chúng mình sẽ phải ở lại đây cho tới lúc tan sương mù rồi đầu hàng bọn chúng thôi".
Jamie lắng nghe những tiếng nói như bị trùm trong bông gòn dội lại xung quanh hai người.
"Kruger! Cứ tiếp xúc với nhau bằng tiếng nói nhé…".
"Đúng vậy, Brent…".

“Kruger…”.

“Brent…”.

Những tiếng nói như tách rời thể xác kêu gọi nhau qua sương mù tối như bưng. Trí óc Jamie hoạt động dữ dội, cố tìm ra mọi khả năng trốn thoát. Nếu dừng tại chỗ, họ sẽ bị giết tức khắc, ngay lúc bức màn sương mù kéo lên. Nếu cố gắng đi qua bãi mìn, họ sẽ bị nổ tan như xác pháo.

“Anh có thấy các bãi mìn ấy chưa?” Jamie thì thầm.

“Tôi có giúp bọn chúng chôn một ít”.

“Cái gì có thể làm chúng bật ngòi?”.

“Trọng lượng của một người. Bất cứ thứ gì nặng trên bốn mươi ký có thể làm chúng nổ tung lên. Vì vậy chúng không giết các con chó”.

Jamie thở mạnh một cái, “Banda, tôi có cách thoát khỏi nơi này. Có thể nó không có hiệu quả. Nhưng anh có dám chơi trò may rủi với tôi không?”.

“Lạy chúa tôi!”.

“Anh đang nghĩ gì vậy?”.

“Tôi nghĩ rằng mình có điên mới rời khỏi Cape Town”.

“Anh chịu theo tôi chứ?”, anh chỉ nhận ra lờ mờ khuôn mặt của Banda bên cạnh anh.

“Anh làm cho tôi không có bao nhiêu sự lựa chọn nữa, anh bạn ạ”.

“Vậy thì chúng ta bắt đầu”.

Jamie cẩn thận duỗi dài người ra nằm sát trên cát. Banda nhìn anh một lát, thở mạnh một cái rồi làm theo. Chậm rãi, hai người bắt đầu bò trên cát, hướng về phía bãi mìn”.

Jamie thì thầm căn dặn, “Khi cử động, nhớ đừng có tì mạnh tay và chân xuống cát nhé. Dùng toàn thể thân hình”.

Không có tiếng đáp lại. Banda đang tập trung mọi suy nghĩ làm thế nào để được sống còn.

Một khoảng chân không phủ kín màu xám làm họ không thể trông thấy được gì. Bất cứ lúc nào, họ cũng có thể va phải tên bảo vệ, một con chó hay một quả mìn. Jamie cố gạt tất cả thứ này ra khỏi đầu óc. Họ tiến đến rất chậm và đau đớn. Cả hai không mặc áo sơ mi, cát cào lên bụng trong khi họ cố nhích lên từng gang tấc. Jamie biết rằng hai người đang ở trong cảnh ngộ vô cùng bất lợi. Dù họ có vượt qua được sa mạc mà không bị bắn hoặc bom nổ tung từng mảnh, họ cũng sẽ bị ngăn chặn bởi hàng rào thép gai và những toán bảo vệ tháp canh ở chỗ ra vào. Không biết bao giờ sương mù mới tan. Nó có thể tan ra bất cứ lúc nào và họ sẽ bị lộ.

Họ vẫn tiếp tục bò, trườn người lên phía trước và không cần suy nghĩ gì nữa và quên hẳn thời gian. Từng phân trở thành từng tấc, rồi từng tấc trở thành từng thước, từng thước trở thành từng dặm. Họ không biết họ đã đi được bao xa, đầu cúi xuống đất, mắt, mũi

và tai dính đầy cát. Thở là một cố gắng khó nhọc.
Xa xa, tiếng nói của bọn bảo vệ vẫn vang lên đều đều, “Kruger, Brent… Kruger, Brent…”.
Hai người dừng lại để nghỉ và cứ ít phút lại dò lại địa bàn, rồi tiếp tục tiến lên, lại tiếp tục bò, tưởng chừng như vô tận. Họ có khuynh hướng mãnh liệt muốn bò nhanh hơn thế nữa nhưng như vậy có nghĩa là phải tì mạnh xuống cát. Jamie tưởng tượng những mảnh kim khí nổ tung dưới người anh, xé toang cả bụng, anh bò chậm lại. Thỉnh thoảng lại nghe những tiếng khác xung quanh, những lời lẽ bị tắc nghẽn trong sương mù, không còn biết chúng từ đâu đến. Đó là một bãi sa mạc rất rộng, Jamie nghĩ thầm, trong lòng tràn đầy hy vọng. Mình sẽ không bị một người nào bắt gặp nữa.
Không biết từ nơi nào,một hình thù to lớn, lông lá nhảy chồm lên người anh. Nó xảy ra rất nhanh đến nỗi Jamie không kịp đề phòng. Anh cảm thấy hàm răng sắc nhọn của con chó giống Alsatian cắm sâu vào tay anh. Anh thả gói kim cương xuống, cố nạy hàm răng con chó cho nó mở rộng ra nhưng vì chỉ có một tay còn rảnh rang nên không thể làm thế được. Răng con chó lại cắm sâu hơn nữa, yên lặng, gây chết người. Jamie cảm thấy mình bắt đầu xỉu. Bỗng anh nghe thấy một tiếng thịch rồi tiếp theo một tiếng nữa, hàm răng con chó nhả ra, mắt nó mờ đi. Qua làn sương mù đau đớn, Jamie thấy Banda nện cả túi kim cương lên

đầu con chó. Nó rên rỉ một lần rồi nằm yên.

“Anh không việc gì chứ?”, Banda thì thào với vẻ lo lắng.

Jamie không thốt được ra lời. Anh nằm im một lát, đợi cơn đau lui bớt. Banda xé một mảnh vải quần buộc chặt xung quanh cánh tay của Jamie để ngăn máu chảy.

“Chúng mình phải tiếp tục đi lên”, Banda nói, “Nếu có một con chó ở xung quanh đây thì chắc còn có nhiều con khác nữa”.

Jamie gật đầu. Chậm rãi, anh trườn về phía trước, chống lại những cơn đau nhói khủng khiếp ở cánh tay.

Anh không nhớ gì nữa về quãng đường còn lại. Anh nửa mê nửa tỉnh, giống như người máy. Một cái gì đó ở bên ngoài anh điều khiển các cử động. Các cánh tay đưa ra phía trước, kéo… Tay đưa ra trước, kéo… Tay đưa ra trước, kéo… Cơn đau kéo dài tưởng chừng vô tận. Lúc này Banda làm nhiệm vụ theo dõi địa bàn. Mỗi khi Jamie đi chệch hướng, Banda lại nhẹ nhàng xoay người anh lại. Xung quanh họ là bọn bảo vệ, chó săn, mìn; chỉ có sương mù bảo vệ họ an toàn. Họ vẫn tiếp tục bò lên để cứu lấy mạng sống, cho đến khi cả hai không còn sức để tiến thêm một chút nào nữa.

Họ lăn ra ngủ.

Khi Jamie mở mắt ra, anh thấy một cái gì đó đã thay đổi. Anh nằm trên cát, cố nhớ lại mình đang ở đâu. Anh trông thấy Banda đang ngủ cách đó cách đó chừng hai thước. Ký ức trở lại với anh

dồn dập. Chiếc bè vỡ toang trên các mỏm đá ngầm, sương mù. Nhưng có một cái gì đó không hay vừa xảy ra. Anh chưa biết nó là cái gì. Dạ dày anh bỗng thắt lại. Anh thấy được Banda! Cái không hay chính là ở chỗ đấy. Sương mù đã tan rồi. Nhiều tiêng nói nổi lên gần đấy. Anh cố nhìn qua lớp sương mù đang tan dần. Hai người đã bò đến gần cổng ra vào mỏ kim cương. Ở đó có một cái tháp cao và hàng rào dây kẽm gai đúng như Banda đã nói. Một đám đông chừng sáu mươi người da đen đang ra khỏi bãi kim cương tiến về phía cổng. Họ đã làm xong ca và một nhóm khác đang đi vào. Jamie nhổm dậy, bò đến gần Banda và lay anh ta dậy. Banda ngồi dậy, lập tức tỉnh ngủ, anh đưa mắt về phía tháp canh và chiếc cổng ra vào.

“Mẹ kiếp! chúng mình có lẽ đã thành công rồi”, anh nói có vẻ như chưa tin hẳn.

“Chúng mình thành công thật rồi mà. Anh đưa kim cương đây cho tôi cầm”.

Banda đưa cho anh mảnh sơ mi gấp lại, “Anh định làm gì?”

“Cứ theo tôi”.

“Bọn bảo vệ có súng đang đứng ở cổng”, Banda nói khe khẽ, “Chúng nó biết mình không phải là người ở đây”.

“Chính tôi đang trông chờ vào chuyện ấy đấy”, Jamie nói.

Hai người tiến về phía những tên bảo vệ, len lỏi giữa những công nhân đang rời đi và sắp đến. Họ gọi nhau ơi ới, trao đổi cho nhau

những tiếng huýt sáo vui vẻ.

“Chúng mày sắp sửa phải làm việc chết xác đó! Bọn tao vừa mới ngủ được một giấc thật ngon trong sương mù”.

“Chúng mày làm thế nào mà rơi vào đúng chỗ sương mù ấy hả những thằng may mắn kia?”.

“Chúa nghe lời chúng tao chứ không nghe lời chúng mày đâu. Chúng mày là những kẻ xấu”.

Jamie và Banda đi đến cổng ra vào. Hai tên canh gác to lớn đứng ở bên trong dòm tất cả những người công nhân vừa đi ra vào một căn chòi bằng thiếc nhỏ, ở đó họ sẽ được lục soát kỹ càng.

Chúng lột trần họ ra rồi rà soát từ trên xuống dưới, tất cả mọi lỗ trên thân hình. Jamie nắm chặt hơn nữa cái áo sơ mi rách tả tơi trong tay. Anh xô đẩy đi qua bãi công nhân và bước thẳng đến những tên bảo vệ, “Xin lỗi ông”, Jamie nói, “Tôi cần phải hỏi ai để xin một việc làm ở đây?”

Banda nhìn anh sợ chết điếng.

Tên bảo vệ quay lại nhìn Jamie, “Mày làm cái quỷ quái gì bên trong hàng rào này?”

“Chúng tôi đến đây xin việc. Tôi nghe nói ở đây có một chân bảo vệ còn trống. Tên đầy tớ của tôi đây cũng biết đào. Tôi nghĩ…”.

Tên bảo vệ nhìn hai hình thù có vẻ bất hảo, ăn mặc rách rưới rồi hét lên, “Đi ra ngoài kia!”.

“Chúng tôi không muốn ra”, Jamie ra vẻ phản đối, “Chúng tôi

cần việc làm, người ta bảo với chúng tôi rằng…”.
“Đây là khu vực cấm anh bạn ạ. Anh không thấy tấm biển hay sao? Thôi cút ngay đi, cả hai đứa bay!”, hắn chỉ một chiếc xe bò lớn đậu ở ngoài hàng rào, chở đầy công nhân vừa làm xong ca.
“Chiếc xe bò ấy sẽ chở chúng mày đến Port Nolloth. Nếu muốn có việc làm, chúng mày phải xin ở văn phòng của Công ty ở đấy”.
“À, ra thế, xin cảm ơn ông rất nhiều”, Jamie nói. Anh ngoắc tay gọi Banda, cả hai cùng đi ngang qua công, trở về đời sống tự do. Tên bảo vệ nhìn theo họ với cặp mắt giận dữ, “Thật là đồ ngu xuẩn!”.
Mười phút sau, Jamie và Banda đã lên đường đi Port Nolloth. Họ mang theo số kim cương trị giá nửa triệu bảng Anh.

Sidney Sheldon

Tay cự phách

Chương 6

Chiếc xe ngựa sang trọng lăn xuống đường phố Klipdrift bụi bặm, kéo bởi một cặp ngựa đẹp đẽ. Cầm dây cương là một người đàn ông mảnh khảnh nhưng trông khoẻ mạnh, với một mái tóc và chòm râu trắng như tuyết. Ông khách mặc một bộ quần áo màu xám may đúng thời trang và một chiếc áo sơ mi có diềm đăng ten xếp nếp, trên chiếc cà vạt đen có một cái ghim gắn kim cương. Ông đội một chiếc mũ chóp cao màu xám, và ở trên ngón tay nhỏ có một chiếc nhẫn gắn một viên kim cương lớn lóng lánh. Ông có vẻ như một người khách lạ với thị trấn này nhưng thật ra không phải như vậy.

Klipdrift đã thay đổi rất nhiều từ ngày Jamie McGregor rời đi một năm trước đây. Lúc ấy là vào năm 1884, và Klipdrift đã từ một lều trại phát triển lên thành một thị trấn. Đường xe hoả đã được hoàn tất từ Capetown đến Hopetown với một nhánh rẽ chạy đến Klipdrift tạo nên một làn sóng di cư mới đến thị trấn này.

Thị trấn đông đúc hơn là Jamie nhớ trước đây, nhưng dân chúng có vẻ khác lạ. Vẫn có nhiều người thăm dò kim cương, nhưng cũng có những người đàn ông ăn mặc chỉnh tề, những người đàn bà quần áo sang trọng đi ra từ các cửa hiệu. Klipdrift đã mang một bộ mặt đáng kính nể.

Jamie đi qua một tiệm khiêu vũ mới mở và chừng năm sáu quán rượu. Anh đánh xe ngang qua một nhà thờ mới xây, một tiệm thợ cạo và một khách sạn lớn mang tên Grand Hotel. Anh dừng trước một ngân hàng, xuống xe, lơ đãng quăng sợi dây cương ngựa cho một đứa bé da đen.

"Cho chúng nó uống nước".

Jamie đi vào ngân hàng và nói với viên quản lý. "Tôi muốn ký thác một trăm nghìn bảng Anh trong ngân hàng này của ông".

Tin đồn loan đi rất nhanh, y như Jamie đã đoán trước, nên vào lúc anh rời ngân hàng đi tới quán rượu Sundowner thì anh đã thành trung tâm chú ý của mọi người.

Bên trong quán rượu vẫn không thay đổi, nó rất đông đúc và nhiều cặp mắt nhìn theo Jamie khi anh bước tới quầy rượu.

Smith gật đầu chào kính cẩn, "Thưa ông muốn dùng gì ạ?". Trên mặt tên chủ quán này không có nét gì tỏ ra hắn đã nhận ra Jamie.

"Whisky, thứ tốt nhất ấy".

"Thưa ông, có ngay", hắn rót rượu ra, "Chắc ông mới đến thị trấn này?".

“Phải”.

“Chắc ông chỉ ghé ngang qua đây thôi?”.

“Không, tôi nghe nói nơi này là một thị trấn tốt cho những ai muốn đầu tư”.

Mắt lão bán rượu sáng lên.” Ông không thể tìm ra một nơi nào tốt hơn. Một người với một trăm… một người nhiều tiền của có thể làm ăn có lợi cho mình. Thật ra, tôi cũng có thể giúp ích cho ông một phần nào, thưa ông ạ”.

“Thế hả? Giúp bằng cách nào?”.

Smith vươn người về phía trước, nói bằng giọng bí mật. “Tôi biết người điều khiển thị trấn này. Ông ta là Chủ tịch hội đồng thị xã và đứng đầu Tiểu ban Công dân vụ. ông ta là nhân vật quan trọng nhất vùng này. Tên ông ta là Salomon Van der Merwe”.

Jamie uống một hớp rượu, “Chưa hề nghe thấy tên ấy bao giờ”.

“Ông ấy là chủ một cửa hàng bách hoá rất lớn bên kia đường. Ông ấy có thể giúp ông ký những hợp đồng rất có lợi. Gặp được ông ấy thì chẳng phí công phí của chút nào”.

Jamie lại uống thêm hợp rượu, “Bảo lão ấy lại đây gặp tôi”

Lão bán rượu liếc mắt nhìn viên kim cương lớn trên ngón tay của Jamie và viên kim cương trên cái ghim cà vạt, “Thưa ông, vâng, tôi có thể cho ông ấy biết tên ông được không?”

“Travis, Ian Travis”.

“Vâng, ông Travis. Tôi chắc rằng ông Van der Merwe sẽ muốn gặp ông”. Lão rót thêm một ly rượu nữa. “Xin ông dùng ly này trong khi chờ đợi. Ly này do bản hiệu thết đãi”.

Jamie ngồi bên quầy rượu, nhấm nháp ly whisky, biết rằng mọi người trong quán đang nhìn anh. Nhiều người đã rời Klipdrift và trở nên giàu có nhưng không ai đến Klipdrift với của cải lớn lao như vậy. Đó là một cái gì rất mới mẻ trong kinh nghiệm của họ. Mười lăm phút sau, lão bán rượu trở lại kèm theo Salomon Van der Merwe.

Van der Merwe tiến lại phía ông khách râu tóc bạc phơ, chìa tay ra mỉm cười: “Chào ông Travis, tôi là Salomon Van der Merwe”.

“Ian Travis”.

Jamie chờ một dấu hiệu thoáng qua chứng tỏ lão đã nhận ra một nét gì quen thuộc của anh. Không có gì cả. Nhưng làm sao có dấu hiệu như vậy được? Jamie nghĩ thầm. Không còn có nét gì còn lại của cậu con trai mười tám tuổi ngây thơ, lý tưởng trước kia nữa. Smith khúm núm đưa hai người đến một chiếc bàn lớn ở góc phòng.

Vừa mới ngồi xuống, Van der Merwe nói, “Tôi biết rằng ông đang tìm kiếm một nơi nào đó để đầu tư tại Klipdrift này, thưa ông Travis”.

“Có lẽ”.

“Tôi có thể giúp ông phần nào. Chúng ta phải hết sức cẩn thận.

Có nhiều kẻ bất lương xung quanh đây".
Jamie nhìn lão, "Chắc chắn là phải có".
Thật là khó tưởng tượng nổi. Anh đang ngồi nói chuyện ở đây với con người đã từng lừa gạt anh đến nỗi mất tất cả của cải, rồi lại còn tìm cách thủ tiêu anh nữa. Mối hận thù Van der Merwe đã thiêu đốt anh trong suốt năm qua, nỗi khao khát trả thù là thứ duy nhất nâng đỡ anh, giúp cho anh được sống. Bây giờ đến lúc Van der Merwe phải cảm thấy sự trả thù ấy.
"Ông cho phép tôi hỏi câu này, thưa ông Travis, ông dự định sẽ đầu tư chừng bao nhiêu tiền?".
"Ồ, khoảng trăm nghìn bảng vào lúc đầu", Jamie nói với vẻ lơ đãng. Anh nhìn thấy Van der Merwe liếm mép. "Sau đó có lẽ thêm chừng ba bốn trăm nghìn nữa".
"Ờ… ờ… với số tiền lớn như vậy ông có thể làm ăn rất lớn, rất lớn. Cố nhiên là phải có sự hướng dẫn đúng đắn". Lão vội vã nói thêm. "Ông có dự tính đầu tư vào việc gì chưa?".
"Tôi nghĩ rằng tôi còn phải xem có cơ hội làm ăn nào tốt không đã".
"Ông thật là khôn ngoan", Van der Merwe gật đầu ra vẻ hiểu biết. "Có lẽ ông sẽ vui lòng đến dùng cơm với chúng tôi hôm nay và chúng ta sẽ bàn thêm về chuyện này? Con gái tôi nấu ăn rất giỏi. Thật là một hân hạnh lớn cho chúng tôi".
Jamie mỉm cười, "Tôi rất vui lòng, ông Van der Merwe ạ". Mày

không biết là tao vui lòng như thế nào, Jamie nghĩ thầm trong bụng.

Câu chuyện thế là đã bắt đầu.

Cuộc hành trình từ mỏ kim cương Namib đến Capetown trước đây không xảy ra chuyện gì. Jamie và Banda đi bộ đến ngôi làng nhỏ để một y sĩ chữa trị cho cánh tay của Jamie, rồi sau đó họ đi nhờ xe la đến Capetown. Đó là chuyến đi lâu lắc và khó khăn nhưng hai người không kể gì đến những điều bất tiện. Đến Capetown, Jamie ở trong khách sạn Hoàng gia lộng lẫy, nằm trên đường Plent St. được đặt dưới sự bảo trợ của Đức ông Quận công Edinburgh. Anh được dẫn đến một dãy buồng của hoàng gia gọi là "Royal Suite".

"Tôi muốn anh gọi một thợ cạo giỏi nhất thành phố đến đây cho tôi", Jamie nói với viên quản lý khách sạn, "Sau đó tôi cần một thợ may và thợ đóng giầy nữa".

"Thưa ngài có ngay".

Thật có tiền mua tiên cũng được, Jamie thầm nghĩ.

Tắm ở Royal Suite này thật là tuyệt trần, Jamie ngả người trong bồn nước ấm, rũ sạch mọi mệt mỏi ra khỏi thân thể, trí óc anh miên man nghĩ đến những tuần lễ kinh khiếp vừa qua. Phải chăng từ ngày anh và Banda đóng chiếc bè đến nay chỉ mới mấy tuần lễ thôi? Thế mà anh tưởng chừng như đã nhiều năm rồi, Jamie thầm nghĩ đến chiếc bè đưa anh tới vùng đất cấm, rồi

những con cá mập, những cơn sóng dữ, những tảng đá ngầm xé rách chiếc bè ra từng mảnh. Sương mù gọi là "mis", những bãi mìn anh đã bò ngang qua, rồi con chó săn to lớn đè trên người anh…, những tiếng kêu ma quái, tắc nghẽ, vang lên trong đầu anh liên tục: Kruger… Brent… Kruger… Brent….

Nhưng trên hết tất cả mọi thứ anh nghĩ đến Banda, người bạn của anh.

Khi vừa đến Capetown, Jamie thúc giục, "Anh hãy ở lại với tôi".

Banda cười, nhe hàm răng trắng nhở rồi nói. "Sống với anh thì quá buồn chán, Jamie ạ. Tôi phải đi đến một nơi nào đó để tìm những thứ thích thú hơn".

"Anh định sẽ làm gì?".

"Phải, nhờ có anh và nhờ có ý kiến của anh là làm ra chiếc bè vượt qua mỏm đá ngầm, tôi sẽ mua một nông trại, tìm kiếm một bà vợ và có một bầy con".

"Được rồi, chúng ta hãy đi tới tiệm kim cương, tôi sẽ chia lại cho anh nửa số kim cương phần của anh".

"Không, tôi không muốn như vậy", Banda nói.

Jamie nhăn mặt lại, "Anh nói gì vậy? Nửa số kim cương ấy là của anh mà. Anh là triệu phú rồi."

"Không, anh hãy nhìn màu da của tôi đi, Jamie ạ. Nếu tôi trở thành triệu phú thì tính mạng của tôi rẻ rúng lắm".

"Anh có thể giấu một số kim cương đi. Anh có thể giấu…".

“Tôi chỉ cần đủ tiền để mua một mảnh đất làm nông trại và hai con bò để đổi lấy một bà vợ. Hai hay ba viên kim cương nhỏ là đủ để tôi có mọi thứ tôi muốn. Phần còn lại thuộc về anh.”
“Không thể như thế được, anh không thể cho tôi phần của anh được”.
“Có thể được lắm chứ Jamie. Bởi vì anh sẽ cho tôi lão Salomon Van der Merwe”.
Jamie nhìn Banda một hồi lâu, “Tôi hứa”.
“Vậy thì tạm biệt nhé, anh bạn của tôi”.
Hai người nắm chặt tay nhau.
“Chúng ta sẽ gặp lại nhau”, Banda nói, “Lần sau hãy nghĩ về một việc thực sự thích thú mà chúng ta cùng làm nhé”.
Banda ra đi với ba viên kim cương nhỏ cẩn thận nhét trong túi.
Jamie gửi một ngân phiếu hai mươi ngàn bảng Anh cho cha mẹ, mua một chiếc xe ngựa đẹp nhất và một đàn ngựa rồi quay trở lại Klipdrift.
Đã đến lúc anh phải trả lại mối thù.
Tối hôm ấy, Jamie McGregor đi thẳng vào cửa hiệu của Van der Merwe, anh đột nhiên thấy lòng mình co thắt lại bởi một cảm giác rất khó chịu và mãnh liệt đến nỗi anh phải dừng lại một lúc để lấy tự chủ.
Van der Merwe hối hả đi ra từ bên trong cửa hiệu và khi nhận ra Jamie, mặt lão rạng lên bởi một nụ cười tươi, “Ông Travis, hân

hạnh quá".

"Cám ơn, thưa ông… à, xin lỗi vì tôi không nhớ tên ông?".

"Van der Merwe, Salomon Van der Merwe. Tên Hà Lan bao giờ cũng khó nhớ. Cơm nước đã sẵn sàng rồi, Margaret!". Lão gọi to lên khi dẫn Jamie vào căn phòng phía sau. Vẫn không có gì thay đổi cả. Margaret đang đến bên chiếc lò, nhìn xuống một chảo rán quay lưng lại phía hai người.

"Margaret, đây là ông khách bố đã nói với con, ông Travis".

Margaret quay lưng lại, "Xin chào ông".

Không thấy thoáng qua một dấu hiệu nào chứng tỏ nàng đã nhận ra anh.

"Rất hân hạnh được gặp cô", Jamie gật đầu.

Một khách hàng rung chuông, Van der Merwe nói "Xin lỗi, tôi sẽ trở lại ngay. Xin ông hãy tự nhiên, ông Travis ạ". Lão vội vã ra đi.

Margaret mang một bát rau và bát thịt đến bàn ăn, rồi vội vã trở lại bếp lấy bánh mì ra khỏi lò. Jamie đứng ở đấy, yên lặng nhìn nàng. Margaret đã nảy nở như một đoá hoa trong năm nay, từ ngày anh gặp nàng. Nàng đã trở thành phụ nữ với một vẻ hấp dẫn âm ỉ mà trước đây không thấy có.

"Bố cô nói với tôi rằng cô nấu ăn rất giỏi".

Margaret đỏ mặt, "Tôi… tôi cũng mong được như thế, thưa ông".

“Lâu lắm rồi tôi mới được thưởng thức thức ăn nấu ở nhà. Tôi rất mong được một dịp như thế này”. Jamie lấy một đĩa bơ lớn từ tay Margaret đặt nó lên bàn giúp nàng. Margaret ngạc nhiên đến nỗi suýt làm rơi chiếc đĩa đang cầm trong tay. Nàng chưa hề nghe nói một người đàn ông nào giúp việc làm nhà cho một người đàn bà. Nàng ngước đôi mắt ngạc nhiên lên nhìn Jamie. Một cái mũi gẫy và một cái sẹo dài làm xấu đi một khuôn mặt lẽ ra rất đẹp trai. Mắt anh ta màu xám nhạt, ngời vẻ thông minh và sức mạnh nồng cháy. Mái tóc bạc cho thấy anh ta không còn trẻ nữa nhưng thấy ở anh ta một vẻ gì đó rất trẻ. Anh ấy có dáng người cao, khoẻ mạnh và… Margaret quay mặt đi chỗ khác, bối rối vì cái nhìn chằm chằm của chàng.

Van der Merwe hối hả quay lại phòng ăn, chùi hai bàn tay, “Tôi đã đóng cửa hiệu rồi, nào chúng ta hãy ngồi xuống, thưởng thức bữa ăn ngon lành này”.

Jamie được dành cho chiếc ghế danh dự ở bàn ăn. “Chúng ta đọc kinh nào”, Van der Merwe nói.

Họ khép mắt lại. Margaret lén lút mở mắt ra để có thể nhìn kỹ ông khách sang trọng, trong khi ông bố rầm rì đọc kinh. “Chúng con là những kẻ có tội dưới mắt Chúa và phải bị trừng phạt. Hãy cho chúng con sức mạnh để có thể chịu đựng được nỗi đau khổ trên thế gian này, để chúng con có thể hưởng được những thành quả tốt đẹp trên thiên đường khi nào Chúa gọi chúng con. Lạy

Chúa, xin cám ơn người đã giúp những kẻ trong chúng con xứng đáng được hưởng sự giàu sang phú quý. Amen.”

Salomon Van der Merwe bắt đầu gắp thức ăn để mời khách. Phần ăn lão đưa ra mời Jamie thật là hậu hĩnh. Họ nói chuyện với nhau trong khi ăn. “Có phải đây là lần đầu tiên ông đi chơi tới vùng này không?”.

“Đúng vậy”, Jamie đáp, “Lần đầu tiên”.

“Tôi chắc ông không đem bà Travis đi theo”.

“Không có ai là bà Travis cả. Tôi chưa tìm thấy người nào muốn lấy tôi cả”.

Người đàn bà nào điên khùng mới từ chối lấy anh ta. Nàng cụp mắt xuống, sợ rằng ông khách sẽ đọc được ý nghĩ xấu xa của mình.

“Klipdrift là một thành phố có cơ hội làm ăn tốt, rất tốt, ông Travis ạ”.

“Tôi muốn được thấy chứng minh đó”, anh đưa mắt nhìn sang Margaret. Nàng đỏ mặt”.

“Nếu ông không cho tôi là quá tò mò, ông Travis ạ, tôi muốn biết ông đã trở nên giàu có bằng cách nào vậy?”.

Margaret bối rối vì câu hỏi quá trắng trợn của ông bố nhưng ông khách dường như không để ý đến điều đó.

“Tôi thừa hưởng gia tài của cha tôi”, Jamie trả lời một cách thoải mái.

“À, ra vậy. Chắc là ông đã có kinh nghiệm kinh doanh rồi chứ?”
“Tôi e rằng rất ít. Vì vậy tôi cần được hướng dẫn rất nhiều”.
Mặt Van der Merwe sáng ngời lên. “Số phận đã run rủi cho chúng mình gặp nhau, ông Travis ạ. Tôi có một chỗ quen biết rất có lợi. Rất có lợi, thật đấy. Tôi có thể đảm bảo với ông rằng tôi sẽ làm tiền bạc của ông tăng lên gấp đôi, chỉ trong vòng ít tháng thôi”. Lão nhoài người về phía trước, vỗ nhẹ lên cánh tay Jamie. “Tôi có cảm tưởng hôm nay là một ngày trọng đại của hai chúng ta’.
Jamie chỉ tủm tỉm cười.
“Chắc rằng ông đang ở khách sạn Grand Hotel?”.
“Đúng vậy”.
“Ở đó giá cắt cổ. Nhưng tôi nghĩ rằng với một người đầy đủ phương tiện như ông thì…” Lão nhìn Jamie cười rạng rỡ.
Jamie nói, “Tôi nghe nói miền quê xung quanh đây rất đẹp. Không biết ông có cho phép tôi yêu cầu ái nữ của ông đưa đi xem một vòng vào sáng mai được không?”.
Margaret cảm tưởng như trái tim mình ngưng lại một giây.
Van der Merwe cau mày, “Tôi không biết, nhưng…”.
Salomon Van der Merwe có một nguyên tắc sắt đá là “không bao giờ cho phép ai đứng một mình với con gái lão. Thế nhưng, trong trường hợp ông Travis này thì lão nghĩ rằng dù có áp dụng một ngoại lệ thì cũng không có hại gì. Với dịp may hiếm có này,

lão không muốn tỏ ra quá chật hẹp với khách. “Tôi có thể cho Margaret nghỉ làm việc tại cửa hàng trong một thời gian ngắn. Con sẽ đưa ông khách của chúng ta đi một vòng xung quanh đây nhé, Margaret?”

“Nếu bố muốn như vậy, bố ạ”, nàng nói khe khẽ.

“Thế thì thoả thuận cả nhé”, Jamie cười tủm tỉm, “Mười giờ sáng mai được không?”

Sau khi ông khách có dáng người cao, ăn mặc sang trọng rời khỏi nhà, Margaret dọn dẹp bàn ăn, rửa bát đĩa trong một trạng thái vô cùng bàng hoàng, xúc động. Chắc hẳn ông ấy nghĩ mình là một đưa ngu xuẩn. Nàng cố nhớ lại những gì nàng đã đóng góp vào câu chuyện vừa rồi. Không có gì cả. Nàng hoàn toàn câm như hến. Sao vậy nhỉ? Nàng đã tiếp bao nhiêu khách hàng đàn ông ở cửa hiệu mà có bao giờ tỏ ra là một đứa khờ dại, ngu xuẩn đâu. Dĩ nhiên họ không nhìn nàng giống như Ian Travis vừa rồi, “bọn đàn ông đều có một con quỷ dữ trong người, Margaret ạ. Ta sẽ không để cho bọn chúng làm hỏng vẻ ngây thơ, trong trắng của con đâu”. Giọng nói của bố nàng vang lên trong trí óc. Có thể nào như vậy không nhỉ? Tại sao nàng cảm thấy yếu đuối và run sợ khi người lạ mặt ấy nhìn nàng như vậy? Phải chăng là chàng làm hư hỏng sự trong trắng của nàng? Ý tưởng ấy làm toàn thân nàng run lên một cảm giác thú vị. Nàng nhìn xuống chiếc nĩa mà nàng đã lau đến ba lần, rồi ngồi xuống

bàn. Nàng ước ao mẹ nàng còn sống vào lúc này.
Mẹ nàng chắc đã hiểu. Margaret yêu bố nàng nhưng đôi khi nàng có cảm giác khó chịu là nàng là tù nhân của ông. Nàng thắc mắc vì sao bố nàng không bao giờ cho phép một người đàn ông nào đến gần nàng cả. "Ta sẽ không bao giờ có chồng được", Margaret tự nhủ, "Trừ khi nào bố chết". Cảm thấy tội lỗi với những ý tưởng nổi loạn như vậy, nàng vội vã rời căn phòng, đi vào cửa hiệu nơi cha nàng ngồi sau chiếc bàn, tính toán sổ sách. "Chúc bố ngủ ngon".
Van der Merwe tháo chiếc kính gọng vàng ra, chùi mắt thật sạch trước khi hôn con gái. Margaret không hiểu vì sao lúc ấy nàng lại dang ra xa.
Một mình trong một hốc nhà có che màn dùng làm phòng ngủ. Margaret nhìn mặt nàng trong chiếc gương soi nhỏ treo trên tường. Nàng không có ảo tưởng về vẻ đẹp của nàng. Nàng không đẹp mà chỉ trông hay hay. Mắt đẹp. Gò má cao. Dáng người trông được. Nàng kéo tấm gương soi lại gần hơn. Ian Travis đã thấy gì khi chàng nhìn nàng? Nàng bắt cầu cởi quần áo ra. Ian Travis đang đứng trong phòng, nhìn nàng, cặp mắt chàng như đốt cháy da thịt nàng. Nàng bước ra khỏi chiếc quần lót mutsolin và tháo chiếc coocxe, hoàn toàn trần truồng trước mặt chàng. Bàn tay nàng vuốt nhẹ lên đôi nhũ bộ căng phồng, cảm thấy các đầu vú rắn chắc dưới ngón tay. Các ngón tay nàng lướt qua bụng

phẳng lỳ và bàn tay chàng siết chặt lấy nàng, thong thả đưa xuống phía dưới. Bây giờ chúng đã đặt giữa hai đùi nàng, nhẹ nhàng vuốt ve, sờ soạng, cọ xát mỗi lúc một nhanh hơn, mạnh hơn, cho đến khi nàng cảm thấy mình như bị mắc cạn giữa cơn lốc cảm giác điên cuồng. Cuối cùng nó nổ bùng ra trong người nàng, rồi nàng hổn hển gọi tên chàng và ngã lăn ra giường.

Họ cùng đi chung với nhau trên chiếc xe ngựa của Jamie. Anh ngạc nhiên một lần nữa trước những sự thay đổi ở nơi đây. Nơi mà trước kia chỉ là một bãi lều trại mênh mông thì bây giờ mọc lên những ngôi nhà bằng gỗ với mái lợp tôn hay tranh.

"Klipdrift có vẻ rất thịnh vượng", Jamie nói trong khi họ đi dọc theo đường phố chính.

"Chắc là nó trông lạ mắt đối với người mới đến", Margaret nói, nàng nghĩ thầm: thế mà bấy lâu nay mình vẫn ghét nơi đây.

Họ rời thị trấn, đến phía các vùng mỏ dọc theo con sông Vaal. Mùa mưa đã biến đồng quê thành một khu vườn lớn, đầy màu sắc, đầy những bụi cây và cây con um tùm, những loài cây không thể tìm thấy ở bất cứ nơi nào trên trái đất. Khi chiếc xe đi ngang qua một nhóm người thăm dò kim cương, Jamie hỏi: "Gần đây họ có tìm được viên kim cương nào lớn không?"

"Vâng, có một ít. Mỗi khi có một tin tức nào loan đi, hàng trăm người đào kim cương đổ xô đến. Đa số họ đều ra về, nghèo túng và thất vọng", Margaret cảm thấy nàng cần phải cảnh cáo Jamie

về sự nguy hiểm ở nơi này, "Cha em không muốn em nói điều này nhưng em nghĩ rằng đó là một việc làm kinh khủng, ông Travis ạ".

"Có lẽ đối với một số người thôi", Jamie nói, "Một số người nào đó".

"Ông có định ở nơi đây lâu không?".

"Có".

Margaret cảm thấy như trái tim nàng reo lên, "Tốt". Rồi nàng vội nói thêm, "Cha em chắc sẽ vui lòng lắm".

Họ đi lòng vòng suối buổi sáng, thỉnh thoảng Jamie dừng lại nói chuyện với những người thăm dò kim cương. Nhiều người nhận ra Margaret và nói chuyện rất kính cẩn. Nàng có một vẻ nồng nhiệt và thân mật mà nàng không biểu hiện ra vì sự có mặt của cha nàng.

Khi chiếc xe tiếp tục lên đường, Jamie nói, "Mọi người có vẻ quen biết cô".

Nàng đỏ mặt, "Ấy là bởi vì họ có công việc kinh doanh với cha em. Ông cung cấp những đồ trang bị cho đa số những người đi đào kim cương".

Jamie không bình luận gì. Anh đang rất quan tâm tới những gì trông thấy trước mắt. Đường xe hoả đã tạo nên sự thay đổi lớn lao. Một tổ hợp gọi là tổ hợp De Beers, gọi theo tên nông dân có thửa ruộng trên đó người ta đã tìm thấy viên kim cương đầu tiên,

đã mua đứt tài sản của một địch thủ lớn nhất nhất tên là Barney Banato, và De Beers đang tập hợp lại hàng trăm đất khai thác nhỏ thành một tổ chức lớn. Vàng cũng được phát hiện gần đây, không xa Kimberley bao nhiêu, cùng với măngganvà kẽm, Jamie tin rằng đó mới chỉ là bắt đầu, và rồi đây Nam Phi sẽ trở thành một kho báu chứa đủ mọi thứ kim loại. Cơ hội làm ăn ở đây thật khó tin nổi đối với người biết nhìn xa trông rộng.

Khi Jamie và Margaret trở về nhà thì trời đã gần về chiều. Jamie cho xe dừng trước cửa hàng của Van der Merwe và nói, "Tôi rất hân hạnh nếu cô và cha cô cùng đến dùng cơm tối nay".

Margaret đỏ bừng mặt. "Em sẽ nói với cha em. Em hy vọng là ông ấy sẽ nhận lời. Cảm ơn ông đã đem đến cho em một ngày thú vị, ông Travis ạ".

Nàng chạy thật nhanh vào nhà.

Ba người ngồi ăn trong một phòng ăn rộng của khách sạn Grand Hotel.

Căn phòng đông nghẹt người, Van der Merwe lẩm bẩm, "Không hiểu được những người này kiếm tiền ở đâu ra mà đến ăn ở đây được?".

Jamie nhặt tờ thực đơn lên, đưa mắt nhìn qua một lượt. Một đĩa bít tết giá một bảng bốn shillings và một củ khoai tây giá bốn shillings, một chiếc bánh nhồi táo giá mười shillings.

"Chúng nó là bọn cướp của!", Van der Merwe phàn nàn, "Chỉ ăn

một bữa cơm ở đây người ta cũng bị vét sạch túi để vào nhà tế bần".

Jamie tự hỏi không biết cần phải có cái gì mới đưa lão Van der Merwe vào nhà tế bần được. Anh quyết sẽ tìm ra. Họ gọi các món ăn. Jamie nhận thấy lão Van der Merwe kêu những món ăn đắt tiền nhất trên thực đơn. Margaret chỉ gọi một món súp trong. Nàng quá vui thích nên không ăn gì được. Nhìn hai bàn tay, nàng nhớ lại những gì làm trước đây và cảm thấy tội lỗi quá.

"Tôi có thể trả nổi bữa ăn này mà", Jamie trêu nàng, "Cô có thể gọi bất cứ món gì cô thích".

Nàng đỏ mặt, "Cám ơn ông, nhưng em… em không đói lắm".

Van der Merwe để ý đến nét mặt đỏ bừng của con gái và nhìn thật nhanh từ Margaret sang Jamie, "Con gái tôi là một đứa con gái hiếm có, rất hiếm có, ông Travis ạ".

Jamie gật đầu, "Tôi hoàn toàn đồng ý với ông, ông Van der Merwe ạ".

Câu nói này làm cho Margaret cảm thấy sung sướng đến nỗi khi bữa cơm dọn ra nàng không ăn nổi đĩa súp. Hiệu quả Ian Travis tạo ra với nàng thật không thể tưởng tượng nổi. Nàng đọc được ẩn ý của anh trong từng lời nói, từng cử chỉ. Nếu anh cười với nàng, điều đó đồng nghĩa rằng anh yêu nàng nhiều lắm. Nếu chàng nhăn mặt, tức là chàng ghét nàng. Những cảm xúc của Margaret giống như một hàn thử biểu lên xuống không ngừng.

“Hôm nay ông có thấy gì hay không?”, Van der Merwe hỏi Jamie.

“Không, chẳng có gì đặc biệt”, Jamie nói với vẻ thờ ơ.

Van der Merwe vươn người về phía trước, “Nhớ lời tôi nói đấy nhé. Thị trấn này rồi sẽ là một vùng phát triển nhanh nhất thế giới ông ạ. Người nào khôn ngoan mới đầu tư vào lúc này. Con đường xe hoả mới biến nơi này thành Capetown thứ hai đấy”.

“Tôi không biết”, Jamie nói với vẻ nghi ngờ, “Tôi đã nghe quá nhiều về những thành phố phát triển như sấm sét, giống như thành phố này, nhưng rồi bị vỡ nợ. Tôi không thích bị bỏ tiền vào những thành phố ma”.

“Chuyện ấy không thể xảy ra với Klipdrift được”, Van der Merwe cố trấn an, “Lúc nào họ cũng tìm ra thêm được nhiều kim cương, lại cả vàng nữa”.

Jamie nhún vai, “Như thế được bao lâu”.

“Ồ, chuyện ấy thì ai mà đoán trước được. Nhưng…”.

“Đúng vậy”.

“Không nên đưa ra những quyết định vội vã, ông Travis ạ”, Van der Merwe thúc giục, “Tôi không muốn ông bỏ phí những cơ hội lớn lao”.

Jamie suy nghĩ một lát, “Có lẽ tôi hơi vội thật đấy. Margaret, ngày mai cô có thể đưa tôi đi xem lại một lần nữa được không?”.

Van der Merwe mở mồm định phản đối nhưng lại ngậm miệng

lại ngay. Lão nhớ đến câu nói của Thoreson, viên chủ ngân hàng: "Ông ta đến đây, ký thác một trăm ngàn bảng Anh- bình tĩnh lại nào, Salomon, rồi ông ta sẽ còn ký thác thêm nhiều tiền hơn thế nữa".

Lòng tham của Van der Merwe đã thắng thế, "Cố nhiên, nó có thể đi với ông".

Sáng hôm sau, Margaret mặc chiếc áo đẹp nhất, sẵn sàng gặp Jamie. Khi cha nàng bước vào trông thấy, mặt ông đỏ bừng lên, "Con muốn người ta nghĩ rằng con là người đàn bà truỵ lạc, trưng diện đẹp đẽ để lôi cuốn bọn đàn ông hay sao? Đây là công việc làm ăn, con có biết không? Cởi cái áo ấy ra, mặc quần áo làm việc vào".

"Nhưng, thưa bố…".

"Cứ làm như ta bảo".

Nàng không cãi lại nữa, "Vâng, thưa bố".

Lần này Jamie đánh xe về hướng đối diện. Khắp nơi đều có các dấu hiệu khích lệ về công cuộc phát triển và xây dựng mới. Jamie thầm nghĩ, nếu những sự khám phá kim loại này vẫn tiến triển tốt – mà điều này ta có đầy đủ lý do để tin tưởng - người ta kiếm nhiều tiền bằng cách mua bất động sản hơn là kim cương và vàng. Klipdrift cần ngân hàng, khách sạn, quán rượu, khách sạn, cửa hiệu, nhà điếm…. Danh sách này có thể dài vô tận, đó là những cơ hội làm ăn rất tốt.

Jamie biết rằng Margaret đang nhìn mình, “Có gì không hay chăng?”.

“Ồ không”, nàng nói rồi quay nhanh đi chỗ khác.

Lúc này Jamie bắt đầu quan sát nàng kỹ hơn. Anh chú ý đến vẻ lộng lẫy toả ra từ con người nàng. Margaret cũng ý thức được vẻ kín đáo, trai tráng của chàng. Jamie đánh hơi được cảm xúc của nàng. Nàng là một phụ nữ không có đàn ông.

Đến trưa, Jamie đánh xe ra khỏi con đường cái, rẽ vào khu rừng gần con suối, rồi dừng lại dưới một cây “baobap” thật to. Anh đã bảo khách sạn gói cho anh thức ăn trưa. Margaret trải một tấm khăn vải trên đất, tháo gói thức ăn và bày mọi thứ ra: thịt cừu rô ti, thịt gà rán, cơm trộn nghệ tây vàng, mứt mộc qua và quýt, đào, bánh ngọt rắc hạnh nhân.

“Thật là một bữa tiệc lớn!”, Margaret kêu lên, “Em sợ rằng em không xứng đáng với những thứ này, ông Travis ạ”.

“Em còn xứng đáng hơn thế nhiều”, Jamie trấn an.

Margaret quay mặt đi chỗ khác, bận bịu xếp dọn các thức ăn. Jamie đưa hai bàn tay ra đỡ mặt nàng, “Margaret, nhìn anh đây này”.

“Ồ, em xin ông, em…”, nàng run rẩy.

“Nhìn anh đây này”.

Chậm rãi nàng ngước mặt lên nhìn vào mắt chàng.. Chàng kéo nàng vào trong cánh tay, ôm thật chặt, môi chàng tìm môi nàng.

Chàng áp sát thân hình vào người nàng.

Sau một lát, nàng vùng vẫy thân hình ra khỏi tay chàng, lắc đầu và nói, "Ồ, không thể thế được. Chúng ta không nên làm như thế. Chúng ta sẽ xuống địa ngục mất thôi".

"Lên thiên đường chứ!".

"Em sợ".

"KHông có gì phải sợ cả. Em có thấy mắt anh đây không? Chúng nhìn thấy tận bên trong em. Em cũng biết anh thấy cái gì rồi, phải không? Em muốn anh ân ái với em. Anh sẽ làm như vậy. Có gì sợ đâu? Vì em thuộc về anh rồi mà. Em biết như vậy, phải không? Em thuộc về anh, Margaret ạ. Em nói như vậy đi. Em là của Ian. Nói đi. Em-là của-Ian".

"Em là của… Ian".

Môi chàng lại đặt lên môi nàng một lần nữa. Anh bắt đầu tháo những chiếc móc áo lót của nàng. Một lát sau, nàng đứng trần truồng trong cơn gió hây hây. Anh nhẹ nhàng thả thân hình nàng xuống đất. Sự chuyển tiếp run rẩy từ thời kỳ con gái sang thời kỳ thiếu phụ trở thành một kinh nghiệm thích thú, đê mê khiến Margaret cảm thấy mình sống động hơn bất cứ lúc nào trong đời. Mình sẽ nhớ đến giây phút này mãi mãi, nàng nghĩ thầm. Chiếc giường bằng lá cây, cơn gió hây hây ấm áp vuốt ve lên da trần, bóng cây baobap lốm đốm trên thân thể hai người. Họ lại ân ái với nhau. Lần này còn tuyệt diệu hơn nữa. Không người đàn bà

nào yêu ai bằng mình yêu người đàn ông này.
Khi hai người đã thoả mãn, Jamie ôm nàng trong vòng tay rắn chắc của chàng. Nàng ước ao sẽ được ở đây vĩnh viễn. Nàng ngước mắt lên nhìn chàng thì thầm, "Anh đang nghĩ gì vậy?". Chàng cười, đáp lại cũng bằng tiếng thì thầm, "Anh nghĩ rằng anh đói bụng kinh khủng".
Nàng cười to lên. Cả hai ngồi dậy ăn cơm trưa dưới bóng cây. Sau đó họ cùng bơi với nhau rồi nằm phơi nắng cho khô. Jamie lại ân ái với nàng một lần nữa. Ước ao sao ngày hôm nay kéo dài không bao giờ chấm dứt.
Tối hôm đó, Jamie và Van der Merwe ngồi ở chiếc bàn trong quán Sundowner. "Ông nói đúng đấy", Jamie nói, "Có khả năng ở đây lớn lao hơn tôi trước đây vẫn tưởng".
Van der Merwe cười rạng rỡ, "Tôi biết ông rất thông minh nên không thể nào không thấy điều đó".
"Vậy ông khuyên tôi nên làm công việc cụ thể gì?" Jamie hỏi.
Van der Merwe liếc mắt xung quanh, hạ thấp giọng nói:
"Mới.ngày hôm nay, tôi được tin là người ta tìm thấy một viên kim cương thật lớn ở bắc Pniel. Hiện nay vẫn còn mười mỏ có thể xin quyền khai thác. Chúng ta sẽ chia nhau. Tôi bỏ ra năm mươi nghìn bảng để xin quyền khai thác cho năm nơi, ông bỏ ra số tiền tương đương cho năm nơi còn lại. Ở đó có rất nhiều kim cương. Chúng ta có thể kiếm hàng triệu bảng trong chốc lát. Ông

nghĩ sao?”.

Jamie biết chính xác anh nghĩ gì rồi. Van der Merwe sẽ giữ cho mình quyền khai thác những nơi có lợi, còn Jamie sẽ chịu phần còn lại. Hơn nữa, Jamie sẵn sàng đánh cuộc rằng Van der Merwe sẽ không bỏ ra một xu nào.

“Nghe có vẻ hay đấy”, Jamie nói, “Có bao nhiêu người thăm dò liên quan đến vụ này?”.

“Chỉ có hai thôi”.

”Tại sao phải tốn nhiều tiền như vậy?”, anh hỏi ra vẻ ngây thơ.

“À, đó là một câu hỏi thật thông minh”, lão vươn người về phía trước trong chiếc ghế, “Ông thấy đấy, họ biết giá trị của những nơi ấy, nhưng họ không có tiền để khai thác. Vì thế ông và tôi mới nhảy vào. Chúng ta cho họ một trăm nghìn bảng Anh và cho họ giữ hai mươi phần trăm các mỏ ấy”.

Lão cho xen những tiếng hai mươi phần trăm vào một cách lặng lẽ khiến người ta hầu như không để ý đến. Jamie chắc chắn rằng những người thăm dò kim cương ấy sẽ bị lừa và mất sạch cả kim cương lẫn tiền bạc. Tất cả sẽ tuôn vào túi Van der Merwe.

“Mình phải tiến hành gấp mới được”, Van der Merwe cảnh cáo, “Chừng nào tin này mà lọt ra ngoài thì…”

“Chúng ta không nên để mất cơ hội này”. Jamie thúc giục

Van der Merwe tủm tỉm cười, “Đừng có lo, tôi sẽ cho thảo ngay các hợp đồng ấy”.

Tất nhiên là bằng tiếng Nam Phi, Jamie nghĩ thầm.

"Còn có nhiều vụ giao dịch nữa mà tôi thấy rất hay, anh bạn ạ".

Vì thấy rất cần phải làm cho người bạn kinh doanh của mình vui lòng, Van der Merwe không còn phản đối nữa mỗi khi Jamie đề nghị Margaret đưa anh đi thăm vùng quê. Mỗi ngày, Margaret lại càng say mê Jamie. Anh là điều cuối cùng nàng mơ tưởng đến mỗi khi ngủ vào ban đêm và là điều đầu tiên nàng nghĩ đến khi mở mắt ra vào buổi sáng. Margaret đã thả lỏng thứ dục tính có trong con người mà trước kia nàng không biết rằng nó tồn tại. Nó giống như thể nàng đột nhiên phát hiện ra rằng thân thể nàng có thể được dùng vào việc gì, và tất cả những thứ trước kia vẫn quen làm cho nàng cảm thấy thẹn thùng thì bây giờ chúng trở thành món quà tặng vẻ vang để đem niềm vui sướng cho Jamie. Và cho bản thân nàng. Tình yêu là một vùng đất mới tuyệt vời còn phải được khai thác. Một vùng đất dục tính gồm những thung lũng kín đáo, thích thú và những dòng sông ngọt ngào. Nàng không thể nào cảm thấy chán nó được.

Giữa dải đất mênh mông của vùng quên, thật dễ dàng tìm thấy được những nơi vắng vẻ để hai người có thê ân ái với nhau và mỗi lần như thế nàng bao giờ cũng cảm thấy thích thú như lần đầu.

Tội lỗi xưa cũ của cha nàng bắt đầu ám ảnh nàng. Salomon Van der Merwe là bậc đàn anh của Giáo hội Cải cách Hà Lan nên

Margaret biết rằng nếu ông phát hiện ra những gì nàng đã làm, ông sẽ không bao giờ tha thứ cho nàng. Ngay cả trong cộng đồng thô lỗ vùng biên giới nơi họ đang sống, nơi mà người đàn ông có thể bạ đâu vui đấy, cũng không thể có sự thông cảm. Chỉ có hai loại đàn bà trên thế giới này - những cô gái tử tế và những con điếm - một người con gái tử tế không bao giờ cho người đàn ông sờ lên người trừ khi họ lấy nhau. Vậy nàng sẽ bị gán cho nhãn hiệu là con điếm. Thật là không công bằng chút nào, nàng nghĩ. Yêu và được yêu là những gì quá đẹp đẽ, không thể coi là xấu xa được. Những nỗi lo lắng gia tăng của Margaret cuối cùng buộc nàng phải nghĩ đến vấn đề hôn nhân.

Họ đang đi trên xe ngựa dọc theo sông Vaal, bỗng Magaret mở lời. " Ian này, anh biết rằng em rất..rất...". Nàng không biết nên tiếp tục nói như thế nào "Thật ra là anh và em...", nàng nói, "anh nghĩ thế nào về cuộc hôn nhân của chúng ta?"

Jamie cười to, "Anh rất tán thành về chuyện đấy, rất tán thành, Margaret ạ".

Nàng cùng cười với anh. Thật là những giây phút sung sướng nhất trên đời.

Vào một sáng chủ nhật, Salomon Van der Merwe mời Jamie đi cùng ông và Margaret đến nhà thờ. Nederduits Hervormde Kerk là một toà nhà đồ sộ, nguy nga, xây theo kiểu Gothic lai căng, với bục giảng ở một đầu và chiếc dương cầm to lớn ở đầu bên

kia. Khi họ bước vào bên trong, Van der Merwe được chào đón rất kính cẩn.

“Tôi góp phần xây dựng nhà thờ này”, lão nói với Jamie bằng một giọng hãnh diện, “Tôi là trợ tế ở đây”.

Buổi thuyết giảng hôm ấy nói về ngọn lửa địa ngục. Van der Merwe ngồi lắng nghe, tỏ vẻ vui sướng vô cùng, gật đầu liên tục, chấp nhận mọi lời nói của ông mục sư.

Jamie nghĩ thầm, lão là một người của Thượng Đế vào ngày Chủ nhật, nhưng vào ngày khác trong tuần, lão thuộc về quỷ Xa Tăng.

Van der Merwe đã chọn chỗ ngồi ngay giữa hai người trẻ nhưng Margaret vẫn ý thức được sự gần gũi với Jamie trong suốt buổi lễ. Nàng mỉm cười với chính mình, “Thật là may, ông mục sư ấy không biết rằng mình đang nghĩ gì”.

Tối hôm ấy, Jamie đi đến quán rượu Sundowner, Smith đang đứng sau quầy rượu, phục vụ cho khách. Mặt hắn rạng rỡ lên khi trông thấy Jamie.

“Chào ông Travis, ông muốn dùng gì thưa ông? Vẫn như mọi ngày chứ?”.

“Không. Tôi không uống rượu tối nay. Tôi muốn nói chuyện với anh. Trong phòng ở phía sau”.

“Tôi xin sẵn sàng, ông Travis”, Smith đã ngửi thấy hơi tiền. Hắn quay về phía tên giúp việc, “Mày trông quầy rượu hộ tao”.

Phòng phía sau quầy rượu là một căn phòng nhỏ nhưng kín đáo. Ở đó chỉ có một chiếc bàn với bốn ghế, giữa bàn là một cây đèn. Smith châm đèn.

"Ngồi xuống đi", Jamie nói.

Smith ngồi xuống ghế. "Vâng, thưa ông. Tôi có thể giúp gì cho ông?".

"Chính tôi đến đây để giúp anh mới đúng, Smith ạ".

Mắt Smith sáng lên, "Thật thế, thưa ông?".

"Phải", Jamie rút ra một điếu xì gà châm lửa hút. "Tôi đã quyết định để anh sống".

Một vẻ nghi ngờ thoáng qua trên mặt Smith, "Tôi… tôi không hiểu, ông Travis"

"Không phải ông Travis đâu, Smith. Tên thật là McGregor, Jamie McGregor, nhớ chưa? Cách đây một năm, anh đã gài bẫy để giết tôi. Ở chuồng ngựa ấy. Thi hành nhiệm vụ cho Van der Merwe mà".

Lúc này mặt Smith nhăn lại, đột nhiên tỏ ra vẻ dè chừng. "Tôi không hiểu cái gì…".

"Câm mồm. Nghe tao nói đây này", giọng của Jamie nghe như roi quất vào mặt.

Jamie có thể thấy đầu óc của Smith lúc này quay cuồng như thế nào. Hắn đang cố đối chiếu khuôn mặt của người tóc trắng trước mặt với khuôn mặt hăm hở của chàng trai một năm trước đây.

“Tao đang còn sống và tao giàu có - thừa tiền để thuê người đốt cái quán này ra tro và cả mày nữa ở trong đấy. Mấy lâu nay mày vẫn có thiện cảm với tao phải không, Smith?”.

Smith sắp sửa chối cãi hắn không biết gì hết nhưng nhìn vào mặt của Jamie hắn trông thấy ngay sự nguy hiểm. Hắn thận trọng nói.

“Vâng, thưa ông”.

“Van der Merwe trả tiền cho mày để mày mang những người thăm dò kim cương đến cho hắn, để rồi họ bị hắn lừa gạt, mất tất cả mọi thứ họ kiếm được. Đó là một lối hợp tác kinh doanh nhỏ khá hay đấy. Hắn trả cho mày bao nhiêu tiền?”.

Một phút im lặng. Smith bị kẹt giữa hai lực lượng mạnh mẽ. Hắn chưa biết nên nhảy về phía nào.

“Bao nhiêu?”.

“Hai phần trăm”, hắn miễn cưỡng nói.

“Tao cho mày năm phần trăm. Từ nay trở đi, mỗi khi có người nào có vẻ muốn thăm dò kim cương đến đây, mày hãy đưa hắn đến cho tao. Tao sẽ tài trợ cho hắn. Chỉ có điều khác là hắn ta sẽ được phần của hắn một cách công bằng, và mày cũng được phần của mày. Mày thực sự tin rằng lão Van der Merwe sẽ trả cho mày hai phần trăm số tiền lão kiếm được sao? Mày là một thằng khùng”.

Smith gật đầu, “Đúng thế, ông Travis… à ông McGregor ạ. Tôi hiểu”.

Jamie đứng dậy. “Chưa hiểu hoàn toàn đâu”. Anh vươn người tới chiếc bàn. “Mày đang nghĩ tới việc đi lại nhà Van der Merwe và báo cáo lại với lão toàn bộ cuộc nói chuyện ngắn ngủi này chứ gì? Như vậy, mày có thể thu được cả tiền của tao lẫn tiền của lão. Chỉ có điều là… Smith ạ… “, giọng anh hạ thấp xuống nghe như tiếng thì thầm, “Nếu mày làm như vậy, mày sẽ chỉ còn là xác chết thôi”.

Sidney Sheldon

Tay cự phách

Chương 7

Jamie đang mặc quần áo thì nghe có tiếng gõ rụt rè trên cánh cửa. Anh lắng nghe. Tiếng gõ lại được lặp lại lần nữa. Anh bước đến cánh cửa, mở ra. Margaret đang đứng ở đấy.

"Vào đi, Maggie,", Jamie nói. "Có chuyện gì không hay hả?"

Đây là lần đầu tiên nàng đến phòng khách sạn này. Nàng bước vào, nhưng bây giờ đây, đứng trước mặt Jamie, nàng thấy khó mở lời quá. Suốt đêm qua, nàng đã nằm thao thức, không biết nói như thế nào với Jamie về cái này. Nàng sợ rằng có thể anh không thể gặp mặt nàng nữa.

Nàng nhìn thẳng vào mắt anh. "Ian ạ, em sắp sửa có con".

Mặt Jamie vẫn bình tĩnh như không, khiến Margaret lo sợ nàng đã mất anh thật rồi. Đột nhiên, nét mặt anh thay đổi, trở nên vui vẻ, làm cho tất cả nỗi nghi ngờ của nàng lập tức bị xóa sạch. Anh nắm chặt lấy tay nàng, và nói, "thật là tuyệt vời, Maggie ạ. Tuyệt vời! Em đã nói với cha em chưa?".

Margaret lùi lại, lộ vẻ lo sợ, "Ồ, không! Bố em…" Nàng bước đến chiếc ghế sofa kiểu Victoria bọc nhung xanh, rồi ngồi xuống. "Anh không hiểu bố em. Ông…, ông sẽ không bao giờ chịu hiểu".

Jamie vội vã mặc chiếc áo sơ mi lên người. "Đi nào, chúng ta cùng đến đi đến đó để nói cho ông ấy biết".

"Anh có tin chắc rằng mọi sự sẽ tốt đẹp không?".

"Anh chưa bao giờ tin chắc hơn trong cuộc đời anh".

Salomon Van der Merwe đang đo những thỏi thịt khô cho một người thăm dò kim cương thì Jamie cùng Margaret bước vào trong cửa hiệu. "À, Ian. Tôi sẽ đến với anh, chỉ một lát nữa thôi". Lão vội vã tiếp người khách cho chóng xong, rồi đi đến gần Jamie. "Mọi việc tiến triển thế nào trong một ngày đẹp trời như hôm nay?". Van der Merwe hỏi:

"Không thể nào tốt hơn được", Jamie vui vẻ nói. "Cô Maggie của ông sắp có con rồi đấy".

Một sự im lặng đột ngột bao trùm không khí. "Tôi… tôi không hiểu". Van der Merwe lắp bắp nói.

"Đơn giản quá mà. Tôi đã làm cho cô ấy có mang đấy".

Máu đỏ như đã tuôn ra hết khỏi khuôn mặt của Van der Merwe. Lão giận dữ nhìn từ mặt người này đến mặt người kia. "Có… có thật như vậy không?" Các cảm xúc như một vũng nước xoáy quay cuồng trong đầu Van der Merwe. Cơn sốc khủng khiếp

trước cái tin cô ái nữ quý giá của lão đã bị mất trinh… đang mang bầu… Lão sẽ trở thành một trò cười cho cả thị trấn này. Nhưng Ian Travis là một anh chàng rất giàu có. Và nếu hai đứa ấy cưới nhau nhanh chóng thì…

Van der Merwe quay về phía Jamie, nói, "Dĩ nhiên. Anh sẽ cưới nó ngay lập tức".

Jamie nhìn lão, làm ra vẻ ngạc nhiên, "Cưới? Ông mà chịu cho Maggie lấy một thằng bé ngu xuẩn đã để cho ông lường gạt đến khuynh gia bại sản hay sao?".

Đầu Van der Merwe quay cuồng như chong chóng. "Anh nói cái gì lạ vậy, Ian? Tôi có bao giờ…"

"Tên tôi không phải là Ian", Jamie nói bằng một giọng gay gắt. "Tôi là Jamie McGregor. Ông không nhận ra sao?" Anh trông thấy vẻ ngơ ngác trên khuôn mặt Van der Merwe. "Không, cố nhiên là ông không nhận ra. Thằng bé ấy nó chết rồi. Ông giết nó mà. Nhưng tôi không phải là người ôm mãi một mối thù hằn, Van der Merwe ạ. Vì vậy, tôi tặng cho ông một món quà. Hạt giống của tôi nằm trong bụng con gái ông đấy".

Jamie quay phắt lại, rồi bước ra ngoài, để lại hai bố con nhìn nhau, chưng hửng.

Margaret đã nghe hết trong cơn sững sờ, khó mà tin nổi. Anh ấy không thể nào có ý nghĩ như anh vừa nói ra. Anh ấy yêu mình. Anh ấy…

Salomon van der Merwe quay lại nhìn con gái, trong sự đau khổ và giận dữ khủng khiếp. “Mày là con đĩ!” ông hét lên. “Đồ đĩ! Cút ngay đi! Cút khỏi nơi này!”.

Margaret đứng như trời trồng, không hiểu chút gì về sự việc ghê gớm đang xảy ra. Ian trách cứ nàng về một việc gì đó mà cha nàng đã làm. Ian nghĩ rằng nàng cũng đã tham dự vào một hành động xấu xa nào đó. “Jamir McGregor là ai? Ai…?”.

“Đi đi” Van der Merwe vả một cái thật mạnh lên mặt nàng. “Tao không muốn thấy mặt mày nữa chừng nào tao còn sống”.

Margaret vẫn đứng chôn chân ở đó, tim nàng đập thình thình, miệng nàng há hốc cố lấy hơi thở. Mặt cha nàng giống như mặt một người điên dại. Nàng quay lưng, chạy ra khỏi cửa hiệu, không quay nhìn trở lại.

Salomin van der Merwe đứng tại chỗ nhìn nàng đi ra, với nỗi tuyệt vọng khủng khiếp trong lòng. Lão đã từng thấy những gì xảy ra với con gái của những người khác, đã tự làm ô danh mình. Chúng bị buộc phải đứng giữa nhà thờ, bị bêu riếu công khai, rồi khai trừ khỏi cộng đồng. Đó là sự trừng phạt đúng đắn, thích hợp và hoàn toàn thích đáng đối với chúng. Nhưng Margaret của lão đã được giáo dục theo khuôn phép và trong niềm kính sợ đức Chúa Trời. Làm thế nào mà nó có thể phản bội lão như vậy được? Van der Merwe mường tượng thấy cô con gái của lão thân thể trần truồng đang làm tình với anh chàng ấy, quằn quại trong

cơn nóng sốt giống như những con vật, rồi lão cũng bắt đầu cảm thấy dục tình của lão rực lên.

Lão đặt tấm biển "Đóng cửa" trên cánh cửa trước cửa hiệu bách hoá, rồi nằm lăn trên giường, không còn có sức hay ý chí nào cử động nữa. Khi tin đồn này lan ra khắp thị trấn, lão sẽ trở thành đối tượng chế giễu. Người ta hoặc thương hại lão hoặc chê bai lão về sự hư hỏng của đứa con gái. Dù cách nào chăng nữa, lão cũng không thể nào chịu đựng nổi. Lão phải làm thế nào để có thể tin chắc rằng không một ai biết được chuyện này. Lão sẽ đưa cái con đĩ ấy đi nơi khác cho khuất mắt lão vĩnh viễn. Lão quỳ xuống và cầu nguyện: Lạy Chúa! Tại sao Chúa lại có thể đưa con vào cảnh ngộ này, con là đệ tử trung thành của Chúa? Tại sao Chúa đã bỏ rơi con? Lạy Chúa, xin hãy cho con ấy chết đi. Hãy để cho cả hai đứa ấy phải chết…

Quán rượu Sundowner vào buổi trưa hôm ấy đang đông nghẹt người thì Jamie bước vào. Anh đi thẳng đến quầy rượu, rồi quay mặt về phía đám đông. "Xin quý vị chú ý!". Những cuộc nói chuyện ồn ào nhỏ dần rồi im bặt lại. "Nhà hàng xin đãi một chầu rượu cho tất cả mọi người".

"Có chuyện gì vậy?" Smith hỏi. "Lại mới tìm ra kim cương hay sao?".

Jamie cười to lên. "Cũng gần giống như vậy, anh bạn ạ. Cô con gái ông Salomon van der Merwe chưa chồng mà đã có mang!

Ông Van der Merwe muốn tất cả quý vị giúp ông ta ăn mừng việc này!”.

Smith thì thào. “Lạy Chúa Giê su!”.

“Chúa Giê su không can dự gì vào chuyện này cả. Chỉ có Jamie McGregor thôi!”.

Trong vòng một giờ đồng hồ, tất cả mọi người ở Klipdrift đều đã nghe tin. Ian Travis thực ra là Jamie McGregor, anh ta đã làm thế nào khiến cho cô con gái ông Van der Merwe mang bầu.

Margaret van der Merwe đã lừa phỉnh cả thị trấn.

“Con bé ấy không có vẻ gì thuộc về loại đàn bà như thế cả, phải thế không?”

“Tẩm ngẩm tầm ngầm mà đâm chết voi đấy!”.

“Không biết có bao nhiêu thằng đàn ông trong thị trấn này đã “đóng cọc vào trong cái trái mít” ấy nhỉ?”.

“Con bé ấy có dáng người khá xinh. Tao cũng có thể đóng cái cọc của tao được chứ”.

“Sao mày không hỏi nó đi. Nó sẵng sang cho không mày đấy”.

Rồi mọi người cười phá lên.

Khi Salomon van der Merwe rời cửa hiệu trưa hôm ấy, lão đã tìm được cách thoả hiệp với nỗi tai hoạ khủng khiếp vừa xảy ra cho lão. Lão sẽ đưa Margaret đi Cape Town bằng chuyến xe ngựa sắp tới. Nàng sẽ cho ra đời đứa con hoang ở đấy, rồi không một ai ở Klipdrift này biết đến nỗi nhục nhã của lão nữa. Van der

Merwe bước ra đường phố, ôm điều bí mật này trong lòng, một nụ cười gắn trên môi.

“Chào ông Van der Merwe. Tôi nghe nói ông có thể sẽ tích trữ them một số quần áo trẻ con nữa”.

“Chào ông Salomon. Nghe nói ông sắp có một đứa bé con giúp ông trông nom cửa hàng”.

“Chào ông Salomon. Tôi nghe nói một nhà quan sát chim vừa mới phát hiện một loài chim mới gần con sông Vaal. Vâng, thưa ông, đó là một con cò”.

Salomon quay lại, loạng choạng bước vào cửa hiệu như một người mù, rồi gài chốt cửa lại.

Ở quán Sundowner, Jamie đang nhấm nháp ly rượu huýt ki, lắng nghe những tiếng bàn tán xung quanh mình. Thật là một vụ tai tiếng lớn lao nhất chưa từng xảy ra ở Klipdrift và nỗi vui thích của người dân thị trấn về câu chuyện này thật lớn lao vô cùng. Jamie thầm nghĩ, ước mong sao Banda cũng có mặt ở đây để cùng chia vui với mình. Như vậy là đã trả thù lão Van der Merwe về những gì hắn đã làm hại em gái của Banda, làm hại Jamie và… bao nhiêu người khác nữa. Nhưng đó chỉ là một phần trong tất cả những gì Van der Merwe đã làm. Đó chỉ là bước đầu. Sự trả thù của Jamie chưa được hoàn toàn chừng nào mà Van der Merwe chưa bị hoàn toàn triệt hạ. Riêng đối với Margaret, anh không có chút thương hại nào. Nàng có dính líu vào vụ ấy. Nàng

đã nói gì với anh khi hai người gặp nhau lần đầu tiên? Cô ấy đã nói, "Cha tôi có thể là người giúp được cậu. Ông ta biết tất cả mọi thứ". Nàng cũng là một Van der Merwe, nên Jamie muốn triệt hạ cả hai.

Smith bước đến chỗ Jamie đang ngồi. "Tôi nói chuyện với ông một phút, được không?".

"Chuyện gì vậy?".

Smit đằng hắng giọng, nói một cách ngượng ngùng. "Tôi biết hai người thăm dò có mười nơi có thể khai thác gần Pniel. Họ tìm ra kim cương, nhưng không có tiền để sắm các thiết bị cần thiết để khai thác. Họ đang tìm một người hợp tác. Tôi nghĩ rằng ông có thể quan tâm đến cơ hội làm ăn này".

Jamie nhìn hắn chằm chằm. "Đó là những người anh đã giới thiệu với Van der Merwe rồi, phải không?"

Smith gật đầu, ngạc nhiên. "Thưa ông, vâng. Nhưng tôi đã suy nghĩ lại về lời đề nghị của ông. Tôi muốn làm ăn với ông hơn".

Jamie rút ra một điếu xì gà dài, mỏng. Smit vội vã châm lửa hộ anh. "Anh cứ tiếp tục nói đi".

Smith làm theo y lời.

Vào lúc ban đầu, nghề mãi dâm ở Klipdrift được mở ra trên căn bản ngẫu nhiên. Gái mãi dâm phần nhiều là phụ nữ da đen, làm việc trong các nhà điếm tồi tàn trong các ngõ hẻm. Nhưng gái mãi dâm da trắng đầu tiên đến thị trấn này là những cô gái bán

ba (bar) làm việc bán thời gian. Nhưng số kim cương tìm thấy được tăng lên và thị trấn làm ăn phát đạt, nhiều gái mãi dâm da trắng nữa xuất hiện.

Lúc này đã có hàng chục nhà chứa ở vùng ven thị trấn Klipdrift. Đó là những căn nhà nhỏ bằng gỗ có mái lợp tôn. Một ngoại lệ duy nhất là nhà chứa của bà Agnès, một ngôi nhà hai tầng trông bề thế trên đường Bee, cách xa đường Loop, tức là đường phố nơi các bà vợ của những người dân thị trấn không bị khó chịu mỗi khi phải đi qua ổ truỵ lạc ấy. Ngôi nhà ấy được sự bảo trợ của các ông chồng của họ và của bất cứ khách lạ nào có tiền của đến thị trấn này. Đó là một nhà thổ đắt tiền, nhưng các cô gái ở đó đều trẻ và tự do, xứng đáng với đồng tiền bỏ ra. Các thức uống được dọn ra trong một phòng khách bày biện khá sang trọng, và bà Agnès đã đưa ra qui tắc rằng không bao giờ thúc giục hối hả và lừa bịp khách hàng. Bản thân bà Agnès cũng là một người đàn bà vui vẻ, mập mạp, có mái tóc màu đỏ, vào khoảng trên ba mươi tuổi. Bà đã làm việc trong các nhà hang điếm ở London và đến Nam Phi vì nghe đồn rằng người ta dễ kiếm ra tiền trong một thị trấn vùng mỏ như Klipdrift. Bà đã dành dụm đủ tiền để mở một nhà điếm do bà làm chủ và công việc làm ăn phát đạt ngay từ lúc đầu.

Bà Agnès vẫn thường hãnh diện về khả năng hiểu biết đàn ông, thế nhưng Jamie McGregor là một nhân vật bí hiểm đối với bà.

Anh vẫn đến đó luôn, tiêu tiền một cách thoải mái, và lúc nào cũng vui vẻ đối với các cô gái. Nhưng anh có vẻ kín đáo, xa vời, không ai dám động chạm. Đôi mắt anh là thứ mà bà Agnès cảm thấy hấp dẫn nhất. Chúng có vẻ mờ nhạt, lạnh lùng, giống như những hồ ao không đáy. Không giống như các khách hàng khác, anh không bao giờ nói về mình hay về quá khứ của mình. Ít giờ trước đó, bà Agnès đã nghe nói rằng Jamie McGregor đã cố ý làm cho con gái của ông Van der Merwe mang bầu, rồi từ chối không cưới cô ta. Thật là "một thằng chó đẻ", bà Agnès nghĩ thầm. Nhưng bà cũng phải công nhận rằng đó là một "thằng chó đẻ" đáng yêu. Lúc này bà nhìn theo Jamie trong khi anh bước xuống trên chiếc cầu thang trải thảm đỏ, lễ phép chào từ biệt trước khi ra về.

Khi Jamie trở về khách sạn thì Margaret đã đứng trong phòng anh, nhìn qua khung cửa sổ. Nàng quay lại khi Jamie bước vào.

"Chào anh Jamie", Giọng nói của nàng hơi run run.

"Cô làm cái gì ở đây?".

"Em cần nói chuyện với anh".

"Tôi chẳng có gì để nói cả".

"Em hiểu vì sao anh làm như vậy. Anh ghét cha em". Margaret tiến lại gần anh hơn nữa "Nhưng anh cần phải biết rằng dù ông ấy có làm điều gì với anh, em cũng chẳng hay biết gì cả. Em van xin anh hãy tin điều đó. Đừng ghét bỏ em. Em yêu anh quá

nhiều".

Jamie nhìn nàng lạnh lung. "Đó là vấn đề của riêng cô, phải thế không nào?".

"Xin anh đừng nhìn em như thế. Anh cũng yêu em…".

Anh không nghe những gì nàng nói. Trí óc anh đang trở về với cuộc hành trình khủng khiếp đến Paardspan, nơi anh suýt bỏ mạng… lúc anh di chuyển những tảng đá trên bờ song cho đến lúc sắp ngã quỵ xuống… rồi cuối cùng, như một phép lạ, anh tìm thấy kim cương và trao nó cho Van der Merwe, rồi nghe lão ta nói, "Cậu hiểu lầm rồi, bé con ạ. Tôi không cần kẻ nào hợp tác với tôi hết. Cậu làm việc cho tôi… Tôi cho cậu hai mươi bốn giờ đồng hồ để ra khỏi thị trấn này". Thế rồi sau đó là trận đòn tàn nhẫn… Anh lại ngửi thấy mùi những con kên kên, cảm thấy những cái mỏ của chúng rỉa vào da thịt anh…

Anh nghe tiếng nói của Margaret như từ phía xa xa, "anh không nhớ sao? Em… là… của anh… em… yêu anh".

Anh rùng mình một cái để thoát ra khỏi cơn mơ màng, nhìn vào mặt nàng. Tình yêu. Anh không còn có một ý tưởng nào về ý nghĩa của từ ấy. Van der Merwe đã đốt cháy tất cả mọi cảm xúc trong người anh, ngoài sự thù hận. Anh sống bằng thứ ấy. Nó là thứ thuốc tiên, là máu đỏ nuôi sống anh. Chính nó đã giúp cho anh được sống còn, khi anh chống chọi với đàn cá mập, vượt qua cách mỏm đá ngầm, và bò ngang qua bãi mìn ở mỏ kim cương

trong sa mạc Namib. Các thi sĩ đã viết về tình yêu, các ca sĩ hát để ca ngợi tình yêu. Có lẽ nó là hiện thực, có lẽ nó tồn tại. Nhưng tình yêu là dành cho những người khác. Còn đối với McGregor thì không.

Không còn nơi nào cho Margaret tới nữa cả. Nàng yêu cha nàng. Nàng cần được sự tha thứ của ông, nhưng nàng biết rằng ông sẽ không bao giờ – không bao giờ có thể – tha thứ cho nàng được. Ông sẽ biến cuộc đời nàng thành một địa ngục trần gian. Nhưng nàng không còn lựa chọn nào nữa. Nàng cần đi đến gặp một người nào đó.

Margaret rời khách sạn, đi về phía cửa hiệu bách hoá của cha nàng. Nàng có cảm tưởng như mọi người đang nhìn nàng chằm chằm. Một số người tủm tỉm cười có vẻ bóng gió. Nàng ngẩng đầu lên cao, tiếp tục bước đi. Đến cửa hiệu, nàng do dự một lúc, rồi bước hẳn vào bên trong. Cửa hiệu vắng vẻ. Cha nàng từ phía trong bước ra.

"Bố…"

"Mày à!". Một vẻ khinh bỉ của ông ta trong giọng nói giống như một cái tát lên mặt nàng. Lão tiến lại gần, khiến nàng ngửi thất mùi uýt ki trong hơi thở của ông. "Tao muốn mày rời khỏi thành phố này. Ngay tối nay. Mày sẽ không bao giờ được lại gần nơi này nữa. Mày có nghe tao nói không? Không bao giờ!" Lão rút từ trong túi ra ít tờ giấy bạc ném lên trên sàn nhà. "Cầm lấy, rồi

cút đi".

"Con đang mang trong bụng đứa cháu ngoại của bố".

"Mày đang mang đứa con của quỉ Xa tăng!" Lão tiến lại gần hơn nữa, hai bàn tay nắm chặt lại. "Mỗi khi người ta thấy mày đi khệnh khạng quanh đây như một con đĩ, họ sẽ nghĩ đến nỗi nhục nhã của tao. Khi mày đi rồi, người ta sẽ quên đi".

Nàng nhìn ông bố một hồi lâu, rồi quay lại, loạng choạng bước ra khỏi cửa.

"Tiền, con đĩ kia!" Lão rống lên. "Mày quên tiền hay sao?"

Có một quán trọ rẻ tiền ở ven thị trấn, nên Margaret đi thẳng đến đó, đầu óc rối bời. Đến nơi, nàng hỏi thăm bà Owens, người chủ nhà. Bà Owens là một người đàn bà béo mập, nét mặt vui tươi, vào trạc ngũ tuần. Chồng bà đã đưa bà đến Klipdrift, rồi bỏ rơi bà ở đây. Một người đàn bà khác trong trường hợp ấy ắt hẳn đã ngã quỵ, nhưng bà Owens vẫn sống sót. Bà đã thấy nhiều người gặp khó khăn trong thị trấn này, nhưng không ai ở trong tình trạng khó khăn như cô gái mười bảy tuổi đang đứng trước mặt bà.

"Cô muốn gặp tôi sao?".

"Vâng, tôi không biết… không biết bà có một việc làm nào cho tôi ở đây không".

"Việc làm à? Làm cái gì?".

"Bất cứ việc gì. Tôi nấu ăn khá. Có thể làm hầu bàn. Làm

giường. Tôi… Tôi… “. Giọng nàng có vẻ tuyệt vọng. “Xin bà…” nàng năn nỉ. “Bất cứ việc gì cũng được!”.

Bà Owens nhìn cô gái đang đứng run rẩy trước mặt. Bà cảm thấy xúc động. “Chắc rằng tôi có thể dung thêm một người nữa. Bao giờ thì cô có thể bắt đầu được?” Bà cảm thấy nét mặt Margaret sáng lên, như vừa trút đi nỗi lo âu.

“Ngay bây giờ”.

“Tôi chỉ có thể trả cho cô…” Bà suy nghĩ về một con số nào đó, rồi nói tiếp, “một bảng, hai shillings và mười một xu, ngoài ăn và ở”.

“Như vậy cũng tốt rồi”, Margaret nói với vẻ biết ơn.

Lúc này Salomon van der Merwe ít khi xuất hiện trên các đường phố ở Klipdrift. Mỗi lúc khách hang của lão lại thấy tấm biển “Đóng cửa” treo lên thường xuyên hơn trên cửa ra vào hiệu bách hoá vào tất cả mọi giờ trong ngày. Một thời gian sau đó, họ mua bán ở nơi khác, chứ không còn đến đó nữa.

Nhưng Van der Merwe vẫn đi nhà thờ mỗi ngày Chủ Nhật. Lão đến đó không phải để đọc kinh mà để xin Chúa sửa chữa lại nỗi bất công đã chồng chất lên vai một đệ tử trung thành của Chúa. Những người khác trong giáo khu xưa nay vẫn kính trọng Salomon ven der Merwe, vì lão giàu có và có thế lực, nhưng vào lúc này, lão cảm thấy cái nhìn xoi mói và những tiếng thì thầm sau lưng lão. Gia đình vẫn thường chiếm chiếc ghế bên cạnh lão

bây giờ đã chuyển sang một chiếc ghế khác. Lão là một người dân giáo khu. Điều làm cho lão mất tinh thần hoàn toàn là bài giảng của vị mục sư trong đó ông ta đề cập một cách tinh ranh đến Exodus, Ezekiel, phối hợp với Leviticus (1). "Ta, Đức Chúa Trời của ngươi, là một vị Chúa hay ngờ vực, thường theo dõi nhưng điều tội lỗi của các bậc làm cha ảnh hưởng đến con cái. Vì vậy, hỡi con gái điếm kia, ngươi hãy nghe lời răn của Đức Chúa. Bởi vì chất nhơ bẩn của ngươi đã tuôn ra, thân thể trần truồng của ngươi đã được phô bày ra qua các hành động dâm ô với các nhân tình của ngươi… nên Chúa nói với Moses (2), "Đừng bán rẻ con gái ngươi, để biến nó thành một con đĩ; nếu không, e rằng trái đất này sẽ rơi vào ổ trụy lạc, và đầy rẫy tội ác xấu xa,…"" Sau Chủ nhật ấy, Van der Merwe không còn đặt chân đến nhà thờ lần nào nữa.

Trong khi việc kinh doanh của Van der Merwe bị suy sụp thì ngược lại công việc làm ăn của Jamie McGregor trở nên phát đạt. Chi phí của việc đào mỏ kim cương tăng lên vì người ta phải đào sâu hơn, và những người khai thác mỏ nhận thấy rằng họ không còn có thể sắm những trang bị tinh vi cần thiết. Tin đồn loan đi rất nhanh rằng Jamie McGregor có thể tài trợ cho việc khai thác để đổi lấy một phần thu hoạch trong các mỏ ấy, rồi đến khi nào cần thiết, Jamie sẽ trả tiền mua đứt tài sản những người hợp tác kinh doanh. Anh đầu tư vào bất động sản, doanh thương

và vàng. Anh tỏ ra lương thiện và tỉ mỉ trong việc giao dịch, nên, khi tiếng tăm của anh lan rộng, nhiều người hơn nữa tìm đến anh để hợp tác làm ăn.

Có hai ngân hàng trong thành phố. Nhưng khi một trong hai ngân hàng ấy thất bại vì quản lý kém, Jamie mua lại ngân hàng ấy, đặt người của anh vào, nhưng tránh không đưa tên mình ra trong các vụ giao dịch.

Bất cứ vụ kinh doanh nào Jamie có nhúng tay vào đều trở nên phát đạt. Anh đã thành công và trở nên giàu có ngoài sự mơ ước của anh thời niên thiếu, nhưng điều đó không có ý nghĩa bao nhiêu đối với anh. Anh đo lường sự thành công của anh, căn cứ trên những sự thất bại của Salomon van der Merwe mà thôi. Cuộc trả thù của anh chỉ mới bắt đầu.

Thỉnh thoảng Jamie gặp Margaret trên đường phố. Nhưng anh không để ý đến nàng.

Jamie không hề biết những cuộc chạm trán tình cờ ấy ảnh hưởng như thế nào đến Margaret. Mỗi khi trông thấy bóng dáng anh, nàng cảm thấy như nghẹt thở, phải dừng lại một lúc để lấy lại tự chủ. Nàng vẫn yêu anh hoàn toàn và đầy đủ. Không có gì có thể làm thay đổi điều ấy được. Anh đã sử dụng thân xác nàng để trừng trị cha nàng, nhưng Margaret biết rằng đó là một con dao hai lưỡi. Chẳng bao lâu nữa nàng sẽ sinh đứa con của Jamie, và khi trông thấy đứa bé, máu và thịt của anh, anh sẽ cưới nàng và

cho đứa bé ấy một cái tên. Margaret sẽ trở thành bà Jamie McGregor. Nàng không còn mong ước gì hơn thế nữa trên đời này. Mỗi đêm, trước khi đi ngủ, nàng sờ lên chiếc bụng căng phồng và thì thầm. "Đứa con trai của chúng ta". Có lẽ thật là điên rồ nếu nàng nghĩ rằng nàng có thể ảnh hưởng đến giới tính của nó, nhưng nàng không muốn bỏ qua bất cứ khả năng nào. Đàn ông nào cũng muốn có con trai.

Khi bụng nàng căng phồng lên, nàng cảm thấy khiếp hãi hơn. Nàng ao ước được nói chuyện với một người nào đó. Nhưng các bà, các cô trong thị trấn đều không muốn nói chuyện với nàng. Tôn giáo của họ dạy cho họ biết trừng phạt chứ không biết tha thứ. Nàng chỉ có một mình, xung quanh là người xa lạ. Nàng bật khóc trong đêm tối, thương cho thân mình và cho đứa trẻ trong bụng.

Jamie McGregor đã mua một toà nhà hai tầng ngay tại trung tâm Klipdrift, và dùng nơi này làm trụ sở chính cho tổ chức kinh doanh đang lớn mạnh của anh. Một hôm, Harry McMillan, viên kế toán trưởng của Jamie, họp bàn với anh.

"Chúng ta sẽ tập hợp các công ty của ông lại, nên cần phải có một cái tên cho tổ hợp. Ông có ý kiến nào về cái tên này không?".

"Để tôi nghĩ xem".

Jamie suy nghĩ về vấn đề này. Trong trí óc anh, lúc nào cũng

vang lên âm thanh của những tiếng kêu chọc thủng sương mù trên vùng đất kim cương trong sa mạc Namib. Vì vậy, anh biết chỉ có một cái tên anh muốn dung. Anh liền gọi viên kế toán trưởng đến, và nói, "Chúng ta sẽ gọi tên công ty mới này là Kruger Brent. Công ty Hữu hạn (3) Kruger Brent".

Alvin Cory, viên quản lý ngân hàng của Jamie, một hôm đến thăm viếng anh. "Tôi đến là vì chuyện các món nợ của ông Van der Merwe. Trong quá khứ, việc cho ông ta vay tiền là một điều rủi ro có lợi, nhưng hoàn cảnh ông ta bây giờ đã thay đổi một cách quyết liệt, ông McGregor ạ. Tôi nghĩ rằng chúng ta nên đòi các khoản cho vay về".

"Không".

Corry nhìn Jamie, ngạc nhiên. "Sáng nay, ông ta đến đây cố xin vay thêm tiền để…".

"Cứ cho ông ta vay. Hãy cho bất cứ thứ gì ông ta cần".

Viên quản lý đứng dậy. "Tôi xin làm theo bất cứ điều gì ông bảo, ông Mcgregor ạ. Tôi sẽ bảo cho ông ấy rằng ông nói…".

"Không bảo ông ta gì hết. Chỉ việc đưa tiền cho lão ta thôi".

Mỗi buổi sáng, Margaret thức dậy lúc năm giờ để nướng những miếng bánh mì lớn rất thơm tho và bánh bích quy bằng bột nhào chua. Khi các khách trọ lũ lượt kéo vào phòng ăn để dùng điểm tâm, nàng dọn ra cho họ các món ăn như cháo, thịt hun và trứng, bánh ngọt làm bằng kiều mạch, bánh cuốn ngọt, và những bình

cà phê nóng hổi. Đa số khách trọ là những người thăm dò kim cương trên đường đến hay rời các nơi khai thác mỏ. Họ thường dừng lại Klipdrift khá lâu để nhờ đánh giá kim cương của họ, tắm rửa, uống rượu say mèm, và thăm viếng một trong các ổ điếm – thường là theo thứ tự như vậy. Họ phần đông là những người phiêu lưu ít học, thô lỗ.

Có một thứ quy luật không được viết trên giấy tờ là không được xâm phạm, quấy rầy những người đàn bà, con gái tử tế. Nếu người nào muốn thoả mãn dục tính, họ đi đến một nhà thổ. Thế nhưng Margaret ven der Merwe là một sự thử thách, vì nàng không thuộc vào hạng nào trong hai hạng ấy cả. Con gái tử tế mà còn độc thân thì không mang bầu như thế. Rồi người ta dự đoán rằng vì Maragret đã sa ngã một lần thì có lẽ cô ta sẽ sẵn sàng ăn nằm với bất cứ người nào khác. Họ chỉ cần yêu cầu một tiếng thôi là xong. Và họ làm như thế thật.

Một số người thì nói toạc móng heo ra và đòi hỏi om sòm. Một số khác thì liếc mắt nhìn lén lút. Margaret đối xử với tất cả những người ấy với một thái độ bình tĩnh đoan trang. Nhưng một đêm nọ, khi bà Owens chuẩn bị làm giường, bà nghe có tiếng la hét từ căn phòng của Margaret ở phía sau nhà. Bà mở tung cánh cửa, nhảy xổ vào. Một trong các khách trọ, một người thăm dò kim cương say rượu, đã xé toạc chiếc áo choàng của Margaret, đè nàng xuống giường.

Bà Owens chồm đến anh ta như một con cọp. Bà nhặt lấy một cái bàn là, đập túi bụi lên anh ta. Thân hình bà chỉ bằng nửa anh chàng kia, nhưng bà chẳng sợ gì. Tức giận tràn ngập, bà đánh anh chàng ấy đến bất tỉnh, rồi lôi xềnh xệch anh ta ngang qua hành lang, rồi vứt ra đường phố. Sau đó, bà quay lại, hối hả chạy trở lại phòng Margaret, Margaret đang chùi máu môi, vì bị anh chàng ấy cắn ở đó. Tay nàng run rẩy.

"Cô có hề gì không, Maggie?".

"Không, tôi chỉ… Xin cảm ơn bà Owens".

Nước mắt nàng tự nhiên ứa lên. Trong một thị trấn mà ở đó rất ít người chịu nói chuyện với nàng, bây giờ mới có một người bày tỏ lòng thương cảm.

Bà Owens nhìn bụng căng phồng của Margaret, và suy nghĩ. Tội nghiệp cho đứa con gái mơ mộng. Jamie McGregor sẽ không bao giờ chịu cưới nó đâu.

Ngày ở cữ đã gần kề. Margaret dễ dàng thấy mệt mỏi, cử động cúi xuống, rồi đứng dậy lại, là một cố gắng khó nhọc đối với nàng. Niềm vui duy nhất của nàng là khi đứa bé trong bụng cựa quậy. Nàng và con trai nàng không hoàn toàn cô đơn trên cõi đời này. Nàng nói chuyện với nó, giờ này qua giờ khác, kể cho nó nghe những điều kỳ diệu mà cuộc đời sẽ dành cho nó.

Vào một buổi tối nọ, sau khi ăn cơm xong, một đứa bé da đen xuất hiện ở nhà trọ, đưa cho Margaret một lá thư niêm phong cẩn

thận.

“Tôi được lệnh phải chờ đợi cô trả lời”, cậu bé nói với Margaret.

Margaret đọc lá thư, rồi đọc nó lại một lần nữa, rất chậm rãi.

“Được”, nàng nói “Tôi xin nhận lời”.

Ngày thứ sáu kế đó, vào lúc giữa trưa, Margaret đến trước cửa nhà chứa của bà Agnès. Một tấm biển trên cánh cửa ra vào ghi hai chữ “Đóng cửa”. Margaret gõ nhè nhẹ trên cánh cửa, không cần biết đến cái nhìn ngạc nhiên của khách qua đường. Nàng tự hỏi không biết nàng đến nơi này có phải là một hành động sai lầm chăng. Đó là quyết định khó khăn, và nàng đã nhận lời bởi vì cảm thấy mình quá cô đơn. Lá thư ấy viết:

Thưa cô Van der Merwe thân mến,

Thật ra tôi không có liên quan gì đến chuyện này, nhưng các cô gái của tôi ở đây đã bàn cãi với nhau về hoàn cảnh không may và bất công của cô. Chúng tôi nghĩ rằng đó là một điều sỉ nhục đáng nguyền rủa. Nếu cô không cảm thấy bối rối, khó chịu, chúng tôi rất hân hạnh được cô chấp nhận đến dung một bữa cơm trưa với chúng tôi. Không biết ngày Thứ sáu này có tiện cho cô không?

Kính mến,

Bà Agnès

Margaret đang do dự không biết có nên bỏ đi hay không thì bà Agnès đã ra mở cửa.

Bà cầm lấy cánh tay Margaret và nói, “Đi vào đây, cô em. Chúng

tôi sẽ làm cho cô quên đi cái nóng khủng khiếp này".

Bà dấ Margaret vào phòng khách, bày biện sang trọng với những chiếc bàn, ghế, sô-pha bọc nhung đỏ kiểu Victoria. Căn phòng này lại được trang hoàng bằng những ruy băng và giấy hoa, ngoài ra lại còn có – không biết họ lấy từ đâu ra – những quả bong bong màu sắc sặc sỡ. Nhiều tấm biển bằng bìa cứng, treo từ trần nhà, trên đó viết những dòng chữ vụng về:

"Mừng cháu bé… Chắc chắn sẽ là một đứa con trai… Mừng sinh nhật cháu bé…".

Trong phòng có tám cô con gái, trong số các cô cùng làm cho bà Agnès, đủ mọi dáng vẻ, tuổi tác, màu sắc. Họ đều ăn mặc đàng hoàng cho dịp ăn mừng này, dưới sự bảo trợ của bà Agnès. Họ mặc chiếc áo dài đứng đắn và không hoá trang. Margaret ngạc nhiên thầm nghĩ, những cô gái này trông còn đứng đắn hơn đa số các bà vợ trong thị trấn này.

Margaret nhìn căn phòng đầy những cô gái điếm, không còn biết mình phải làm gì nữa. Một số khuôn mặt có vẻ quen thuộc. Margaret đã từng tiếp họ khi nàng còn làm việc tại cửa hàng bách hoá của cha nàng. Một số còn trẻ và rất xinh đẹp. Một số ít già hơn và mập mạp, với mái tóc rõ ràng đã được nhuộm. Nhưng tất cả đều có chung một đặc điểm: họ đều tỏ ra quan tâm đến nàng. Họ thân thiện, tử tế, nồng thắm, và muốn làm cho nàng được vui sướng.

Họ xoắn xít xung quanh Margaret với vẻ e thẹn, lúng túng, vì sợ nói điều gì hay làm điều gì khiến nàng phật ý. Dù dân thị trấn có nói gì về nàng, họ biết rằng nàng là một cô gái con nhà tử tế, và ý thức được sự khác biệt giữa họ với nàng. Họ lấy làm hân hạnh vì nàng đã nhận lời đến với họ, và họ quyết không làm điều gì khả dĩ phá hỏng không khí buổi tiệc dành cho nàng.

"Chúng tôi đã soạn sẵn một bữa com thật ngon mời cô, cô em yêu quý ạ.", bà Agnès nói. "Chắc là cô đang đói".

Họ dắt nàng đến phòng ăn, nơi một bàn tiệc đã được bày sẵn, với một chai sâm banh ở chỗ ngồi của Margaret. Trong khi đi ngang qua hành lang, nàng đưa mắt nhìn những chiếc cầu thang dẫn đến các phòng ngủ ở tầng hai. Nàng biết Jamie đã từng đến nơi đó, và tự hỏi không biết chàng đã chọn cô nào trong các cô gái này. Có lẽ là tất cả. Rồi nàng quan sát họ thật kỹ để xem họ có những ưu điểm gì đối với Jamie mà nàng không có.

Bữa ăn trưa này trở thành một bữa tiệc, bắt đầu bằng món xúp nguội và xà lách, tiếp theo là món cá chép tươi, sau đó nữa là thịt cừu, thịt vịt với rau và khoai tây. Cuối cùng là bánh bích quy tẩm rượu, phó mát, trái cây và cà phê. Margaret ăn uống rất thật tình và vui thích vô cùng. Nàng ngồi ở đầu bàn, bên phải là bà Agnès, phía bên trái là Maggie, một cô gái tóc hoe xinh đẹp, có lẽ không quá mười sáu tuổi. Thoạt tiên cuộc nói chuyện có vẻ khoa trương, rỗng tếch, Các cô gái kể hàng chục câu chuyện vui đùa,

tục tĩu, nhưng đó không phải là những thứ họ biết Margaret đang muốn nghe. Vì vậy, họ bàn về thời tiết, về sự phát triển của Klipdrift và về tương lai của Nam Pho. Họ tỏ ra hiểu biết về chính trị kinh tế và về kim cương, vì đó là nhưng tin tức họ biết được qua các chuyên viên về những vấn đề ấy.

Có một lần, cô gái xinh đẹp tóc hoe, tên là Maggie nói, "Jamie vừa mới tìm ra được một mỏ kim cương mới ở… ". Cả căn phòng đột nhiên im bặt lại. Cô ta biết rằng mình bị hớ, liền lắp bắp nói tiếp, "Đó là ông chú tôi tên là Jamie. Ông ấy… ông ấy lấy người dì của tôi".

Margaret ngạc nhiên vì một cảm giác ghen tuông tràn qua người nàng như một làn sóng. Bà Agnès vội vã xoay câu chuyện sang một vấn đề khác.

Khi bữa ăn chấm dứt, bà Agnès đứng dậy, nói, "Mình đi lối này, cô em yêu quý ạ". Margaret và cô khác theo chân bà, đi vào một căn phòng thứ hai mà Margaret chưa hề thấy trước đó. Ở đó có hang chục món quà, tất cả đều gói ghém cẩn thận. Margaret không còn tin vào mắt mình nữa.

"Tôi… tôi không biết nói làm sao được bây giờ".

"Cô cứ mở xem", bà Agnès nói.

Ở đó có một chiếc nôi lắc lư, những chiếc giày nhỏ đan tay của trẻ con, áo trẻ con, mũ thêu, một chiếc áo choàng dài bằng len thêu. Có những chiếc giày trẻ con có đính khuy kiểu Pháp, có

một tách bằng bạc có viền vàng của trẻ con, một cái lược và bàn chải với cán bằng bạc thuần chất. Có những cái ghim yếm bằng vàng thuần chất với các cạnh xâu hạt, một cái vòng bằng cao su cho trẻ con cắn, một con ngựa gỗ lắc lư sơn màu xám lốm đốm. Có những đồ chơi người lính, nhưng khối gỗ màu sắc chói lọi, và đẹp hơn hết tất cả là một chiếc áo dài trắng tinh để mặc vào ngày lễ đặt tên cho đứa bé.

Thật giống như ngày lễ Giáng sinh. Nó ngoài sức tưởng tượng của Margaret. Tất cả nỗi cô đơn bị đè nén, tất cả nỗi đau khổ trong quá khứ như nổ tung ra trong người nàng, khiến nàng bật khóc thổn thức.

Bà Agnès đặt cánh tay qua người nàng, và nói với các cô gái khác, "Đi ra ngoài kia".

Họ lẳng lặng rời khỏi phòng. Bà Agnès dắt Margaret đến chiếc ghế dài, rồi ôm nàng ngồi ở đấy cho đến khi những tiếng nức nở dịu đi.

"Tôi… tôi xin lỗi", Margaret lắp bắp nói. "Tôi… tôi không hiểu có cái gì như bao trùm lấy người tôi… ".

"Không hề gì đâu, cô em thân mến ạ. Căn phòng này đã thấy quá nhiều vấn đề đến rồi lại đi. Cô có biết chúng tôi đã học được những gì không? Cuối cùng tất cả mọi thứ rồi sẽ được giải quyết cả thôi. Cô và cháu bé sẽ được sung sướng".

"Cám ơn bà", Margaret thì thào. Nàng đưa tay ra chỉ các món

quà. “Tôi không biết cám ơn bà và các bạn như thế nào cho vừa”.

Bà Agnès bóp chặt bàn tay Margaret. “Đừng. Cô không biết các cô gái kia và tôi vui sướng như thế nào khi gom góp các thứ này. Chúng tôi không mấy khi được cơ hội làm một việc đại loại như thế này. Khi một người trong chúng tôi có mang, thật là một tấn bi kịch đáng nguyền rủa”. Bà vụt đưa tay lên miệng và nói, “Ồ, tôi xin lỗi”.

Margaret tủm tỉm cười, “tôi chỉ muốn bà biết cho rằng hôm này là một trong những ngày sung sướng nhất trong đời tôi”.

“Chúng tôi thực sự rất hân hạnh được cô đến thăm, cô ạ. Riêng tôi nghĩ, cô xứng đáng bằng tất cả những người đàn bà trong thị trấn này gộp lại. Những đồ chó đẻ khôn khiếp! Tôi có thể giết chúng nó vì chúng đã đối xử tệ bạc với cô. Và, nếu cô cho phép, tôi cũng xin nói rằng Jamie McGregor là một tên điên khùng đáng nguyền rủa”. Bà đứng thẳng dậy. “Đàn ông! Thế giới này chắc sẽ là một nơi thần tiên nếu không có những thằng chó đẻ như thế. Hay… có lẽ nó sẽ chẳng là thần tiên chút nào. Ai biết được?”.

Margaret đã lấy lại được bình tĩnh. Nàng đứng dậy, cầm lấy tay bà Agnès. “Tôi sẽ chẳng bao giờ quên được kỉ niệm này, chừng nào tôi còn sống. Một ngày nào đó, khi con trai tôi khôn lớn, tôi sẽ nói với nó về ngày hôm nay”.

Bà Agnès nhăn mặt lại. “Cô thực sự nghĩ như vậy sao?”.
Margaret mỉm cười. “Vâng, thực sự nghĩ như vậy”.
Bà Agnès tiễn chân nàng ra cửa. “Tôi sẽ cho xe chở tất cả các thứ quà này đến nhà trọ của cô, và… chúc cô may mắn”.
“Cảm ơn bà. Xin cảm ơn bà lắm lắm”.
Rồi nàng ra về.
Bà Agnès đứng nhìn theo Margaret đang lóng ngóng bước xuống đường phố. Rồi bà quay về phía bên trong, nói thật to, “Thôi được rồi, các cô ạ. Chúng ta bắt đầu làm việc đi”.
Một giờ sau, ngôi nhà của bà Agnès được mở cửa để tiếp khách như thường lệ.

Chú thích:

(1) Exodus: sách Cựu ước nói về cuộc khởi hành của người Do Thái từ Ai Cập.
Ezekiel: sách Cựu ước nói về những lời tiên tri, nhà tiên tri Do Thái Ezekiel sống vào thế kỷ VI trước công nguyên;
Leviticus: sách Cựu ước nói về các giáo luật dành cho các tu sĩ Do Thái.
(2) Moses: nhà lãnh đạo tôn giáo, nói trong Thánh kinh, đã đưa người Do thái thoát khỏi nô lệ ở Ai Cập để đi đến vùng Đất Hứa.
(3) Công ty Hữu hạn: hay công ty Trách nhiệm hữu hạn (Limited

Company, viết tắt là Ltd.), là công ty trong đó mỗi thành viên hợp tác kinh doanh, hay cổ đông viên (shareholder) có trách nhiệm được giới hạn theo số lượng đầu tư thực sự của mình vào việc kinh doanh.

Sidney Sheldon

Tay cự phách

Chương 8

Đã đến lúc cho bật cái bẫy sập. Trong sáu tháng trước đây, Jamie McGregor đã mua đứt phần hùn của những người hợp tác với Van der Merwe trong tất cả mọi dịch vụ kinh doanh, khiến cho Jamie bây giờ hoàn toàn không chế các dịch vụ ấy. Nhưng mối ám ảnh của Jamie là làm chủ được các mỏ kim cương của Van der Merwe ở Namib. Anh đã phải trả cho các mỏ ấy một trăm lần lớn lao hơn thế bằng máu, bằng sự gan dạ, và suýt nữa bằng cả sinh mạng của anh. Anh đã sử dụng những viên kim cương mà anh và Banda đã lấy trộm được để xây dựng một đế quốc, và nhờ đó anh sẽ đè bẹp lão Van der Merwe. Nhiệm vụ này chưa hoàn tất. Bây giờ, Jamie sẵn sàng thanh toán nó cho xong.

Van der Merwe mỗi lúc mỗi thêm nợ nần. Mọi người trong thị trấn đều từ chối không cho lão vay tiền, ngoại trừ ngân hàng mà Jamie đã kín đáo làm chủ. Chỉ thị hiện hành, mà anh ban cho viên quản lý ngân hàng, là, "Hãy cho Salomon van der Merwe

mọi thứ hắn cần".

Cửa hàng bách hoá bây giờ dường như không mở cửa bao giờ. Van der Merwe bắt đầu uống rượu vào buổi sáng sớm, rồi đến trưa lão thường đi đến nhà bà Agnès, và đôi khi lão ở luôn đêm tại đấy.

Một buổi sáng nọ, Margaret đang đứng ở quầy hàng thịt chờ đợi mua gà theo lệnh của bà Owens thì nàng chợt thoáng thấy qua cửa sổ cha nàng vừa rời khỏi nhà thổ. Nàng khó mà nhận ra được ông già lôi thôi lếch thếch đang lê bước dọc theo đường phố. Chính mình đã gây cho ông cảnh ngộ này. Lạy Chúa, xin Người tha tội cho con, vì chính con đã gây nên nông nỗi này!

Salomon van der Merwe không có một chút ý tưởng nào về những gì đang xảy ra với lão. Lão biết rằng, bằng một cách nào đó, không phải lỗi do lão, cuộc đời của lão đang bị huỷ hoại. Chúa đã chọn lão – giống như xưa kia Người đã chọn Job (1) – để thử thách sức mạnh của đức tin của lão. Van der Merwe tin chắc rằng cuối cùng lão cũng sẽ chiến thắng được kẻ thù giấu mặt. Điều cần thiết đối với lão là thời gian và tiền bạc nhiều hơn nữa. Lão đã đưa ra làm bảo đảm cửa hàng bách hoá của lão, phần hùn của lão tại sáu mỏ kim cương nhỏ, ngay cả con ngựa và chiếc xe ngựa cũa lão nữa. Cuối cùng, lão không còn gì nữa, ngoài mỏ kim cương ở Namib, và vào ngày lão đưa nốt mỏ này ra để ký quỹ thì Jamie chụp ngay lấy nó.

“Thu lại tất cả các giấy tờ của lão”, Jamie ra lệnh cho viên quản lý. “Cho lão ta hai mươi bốn tiếng đồng hồ để trả toàn thể số nợ, nếu không sẽ tịch thu cả tài sản”.

“Thưa ông McGregor, ông ta không thể nào kiếm ra được số tiền ấy. Ông ta…”.

“Hai mươi bốn tiếng đồng hồ”.

Vào đúng bốn giờ trưa hôm sau, viên phụ tá quản lý ngân hàng xuất hiện ở cửa hàng bách hoá cùng với viên cảnh sát trưởng và một lệnh tịch biên tất cả mọi tài sản của Salomon van der Merwe. Từ toà nhà trụ sở của anh ở bên kia đường, Jamie đứng nhìn Van der Merwe bị trục xuất khỏi cửa hiệu bách hoá. Lão đứng ở bên ngoài, mắt hấp háy dưới ánh nắng, không còn biết làm gì hay quay vào đâu để tìm sự giúp đỡ. Lão bị lột sạch mọi thứ. Cuộc trả thù của Jamie đã hoàn tất. Thế nhưng, Jamie tự hỏi, tại sao mình không có cảm giác chiến thắng? Anh chỉ thấy trong lòng trống rỗng. Kẻ mà anh huỷ hoại đã huỷ hoại anh trước tiên. Khi Jamie bước vào nhà bà Agnès đêm hôm ấy, bà ta nói, “Anh có nghe tin chưa, Jamie? Salomon van der Merwe đã bắn vào đầu tự tử cách đây một giờ đồng hồ”.

Tang lễ được cử hành tại một nghĩa địa ảm đạm, lộng gió, bên ngoài thị trấn. Ngoài toán người lo việc chôn cất, chỉ có hai người tham dự: Margaret và McGregor. Margaret mặc chiếc áo dài đen không ra hình thù gì để che cái bụng lớn của nàng. Nàng

trông xanh xao, ốm yếu. Jamie đứng cao to, sang trọng, kín đáo và xa vời. Cả hai đứng ở phía đối diện nhau bên cạnh huyệt, nhìn theo chiếc hòm bằng gỗ thông thô sơ dần dần được hạ xuống lòng đất. Những cục đất được ném cồm cộp trên mặt hòm, nghe như tiếng kêu dội vào tai Margaret: Con đĩ !... con đĩ !....

Nàng nhìn Jamie qua cái huyệt. Hai cặp mắt gặp nhau. Cái nhìn của Jamie trông lạnh lùng, trống rỗng, như thể nàng là một kẻ xa lạ. Margaret cảm thấy ghét anh ta ngay lúc ấy. Anh đứng ở đấy mà không có một cảm xúc nào cả, nhưng chính anh cũng tội lỗi giống như tôi. Chính chúng ta đã giết ông ấy, cả anh và tôi. Dưới con mắt của Thượng đế, tôi là vợ anh. Nhưng chúng ta là những kẻ đồng loã trong tội ác. Nàng nhìn xuống cái huyệt chưa đắp kín, xem những xuổng đất cuối cùng phủ lên nắp hòm gỗ thong. "Hãy yên nghỉ", nàng thì thầm, "Hãy yên nghỉ".

Khi nàng ngước mắt nhìn lên, Jamie đã rời đi rồi.

Có hai ngôi nhà gỗ ở Klipdrift được dùng làm bệnh xá, nhưng chúng đều bẩn thỉu, mất vệ sinh, nên ở đó nhiều bệnh nhân bị chết hơn là được cứu sống. Trẻ được sinh ở nhà riêng. Khi ngày sinh của Margaret đã gần kề, bà Owens nhờ sự giúp đỡ của một bà mụ đỡ tên là Hannah. Cơn đau đẻ bắt đầu lúc ba giờ sáng. "Bây giờ, cố rặn đi nhé, rồi cứ để nó tự nhiên như vậy, ra sao thì ra".

Cơn đau đầu tiên đem đến một nụ cười trên môi Margaret. Nàng

cho ra đời một đứa con trai của nàng, và nó sẽ có một cái tên. Nàng sẽ cố làm sao để Jamie McGregor phải công nhận đứa con này của anh ta. Con trai nàng sẽ không bị trừng phạt.

Cơn đau đẻ vẫn tiếp tục, giờ này qua giờ khác, và khi một số khách trọ bước vào phòng Margaret để xem thì bị đuổi ra ngay lập tức.

Bà Hannah nói với Margaret, "Đây là vấn đề riêng tư giữa cô, Thượng đế và thằng quỷ sứ đã gây cho cô sự rắc rối này".

"Có chắc là con trai không?" Margaret hổn hển hỏi.

Bà Hannah lau trán Margaret bằng một cái khăn ướt. "Tôi sẽ cho cô biết ngay sau khi thăm dò ở bên trong. Bây giờ cố rặn đi. Thật mạnh vào. Thật mạnh, mạnh hơn nữa".

Những cơn co giật bắt đầu xảy ra gần nhau hơn, cơn đau như xé truyền khắp thân hình. Lạy Chúa, chắc có gì không ổn rồi, Margaret nghĩ thầm.

"Cố gắng thêm nữa !", bà Hannah nói. Bỗng tiếng nói của bà ta nghe có vẻ hoảng sợ, bà kêu lên, "Nó cuộn lại ở bên trong, tôi không thể nào lôi nó ra được!".

Qua một lớp sương mù màu đỏ, Margaret thấy bà Hannah cúi xuống, vặn vẹo thân hình nàng, căn phòng bắt đầu mờ đi, rồi đột nhiên nàng không thấy đau nữa. Nàng đang bập bềnh trong không gian. Ánh sáng chói lọi loé lên ở cuối đường hầm, một người nào đó vẫy nàng lại gần. Đó là Jamie. "Anh đến đây,

Maggie, em yêu quí. Em sắp cho anh một đứa con trai xinh đẹp". Anh ấy đã trở về với nàng. Nàng không còn ghét anh ấy nữa. Lúc ấy nàng mới biết rằng nàng không hề bao giờ ghét anh ấy cả. Nàng nghe một tiếng nói, "Gần xong rồi", tiếp theo đó là cơn đau như xé ruột gan khiến nàng phải thét to lên.

"Nào, nó sắp ra rồi đấy", bà Hannah nói.

Một giây sau, nàng thấy như có một luồng nước ươn ướt tuôn ra giữa hai đùi, tiếp theo là tiếng kêu đắc thắng của bà Hannah. Bà giơ cao lên một khối đỏ hỏn và nói, " Chào mừng cháu đến Klipdrift. Cô em yêu quý ạ, cô đã có một đứa con trai rồi đấy". Nàng đặt tên cho nó là Jamie.

Margaret biết rằng tin về đứa trẻ sẽ đến tai Jamie nhanh chóng. Nàng chờ đợi Jamie đến thăm hay cho người mời nàng đến. Thế nhưng, nhiều tuần lễ trôi qua, Margaret không nghe tin tức gì. Nàng nhắn lời cho Jamie. Người nàng nhờ đưa tin trở về ba mươi phút sau.

Margaret rất nóng lòng chờ đợi tin tức. "Em có gặp ông McGregor không?"

"Thưa bà, có ạ".

"Thế em có chuyển lời nhắn của chị chứ?"

"Thưa bà, có ạ".

"Thế ông ấy bảo sao?", nàng hỏi.

Thằng bé có vẻ bối rối. "Ông ấy bảo… ông ấy bảo ông không có

đứa con trai nào cả, bà Van der Merwe ạ".

Nàng khoá chặt cửa lại, cùng với đứa bé nằm trong phòng suốt cả ngày, đêm, nhất định không ra ngoài. "Vào lúc này, cha con đang bực bội, con ạ. Ông ấy nghĩ rằng mẹ con đã làm điều gì xấu đối với ông ấy. Nhưng con là con trai của ông ấy, ông ấy sẽ đưa mẹ con mình về nhà ông, và sẽ yêu mến mẹ con ta. Rồi con sẽ thấy, con yêu quí ạ. Mọi sự sẽ tốt đẹp cả thôi".

Đến buổi sáng, khi bà Owens bước vào, nàng ra mở cửa. Nàng có vẻ bình tĩnh một cách lạ thường.

"Cô thấy thế nào, Maggie?"

"Tôi cảm thấy khoẻ rồi, xin cám ơn bà". Nàng mặc cho Jamie một trong bộ quần áo mới. "Tôi sắp sửa cho cháu đi ra ngoài bằng xe đẩy sáng hôm nay".

Chiếc xe đẩy, món quà tặng của bà Agnès và các cô gái, là một chiếc xe rất đẹp. Nó làm bằng thứ sậy rất tốt, có đáy mây chắc, vững, tay cầm bằng gỗ uốn. Nó được bọc nệm gấm nhập cảng, với những đường viền nhung lụa, và có một cái dù cắm ở phía sau với diềm đăng ten xếp.

Margaret đẩy chiếc xe xuống lề đường chật hẹp của đường Loop. Chốc chốc có một người lạ mặt dừng lại, mỉm cười với đứa bé, nhưng các bà thì đưa mắt nhìn sang chỗ khác hay đi sang bên kia lề đường để tránh Margaret.

Nhưng Margaret không chú ý đến họ. Nàng đang cố tìm một

người. Mỗi khi thời tiết đẹp, Margaret cho thằng bé ăn mặc đẹp đẽ, rồi đưa nó ra ngoài trong chiếc xe đẩy. Vào cuối một tuần lễ, khi Margaret đã không gặp được Jamie một lần nào trên các đường phố, nàng nhận ra rằng chàng đã cố tình lẩn tránh nàng. Được rồi, nếu anh không muốn đến thăm con thì hắn sẽ đến tận nơi để gặp bố. Maggie quyết định như vậy.

Sáng hôm sau Margaret đến gặp bà Owens trong phòng khách, "Tôi sẽ đi chơi một thời gian ngắn, bà Owens ạ. Tôi sẽ trở về nhà trong một tuần lễ".

"Cháu bé còn quá nhỏ, chưa đi xa được đâu, Maggie ạ".

"Nó sẽ ở lại trong thị trấn này".

Bà Owens nhăn mặt, "Cô muốn nói rằng nó ở đây à?"

"Không, bà Owens ạ. Không phải ở lại trong nhà này".

Jamie McGregor đã xây dựng một ngôi nhà của anh trên một đỉnh đồi nhìn xuống Klipdrift. Đó là một ngôi nhà trệt thấp, mái xuôi, với hai chái lớn, nối với toà nhà chính bằng những mái hiên rộng. Xung quanh ngôi nhà có những bãi cỏ xanh, điểm thêm những cây to và một khu vườn hồng tươi tốt. Phía sau là nhà xe và nơi ăn ở riêng của gia nhân. Mọi công việc xếp đặt trong nhà đều giao cho bà Eugenia Talley đảm trách. Đó là một bà goá phụ trạc trung niên, có sáu đứa con đã lớn ở bên Anh. Margaret đi đến nơi ấy, với đứa con trai bồng trên tay lúc mười giờ sáng, tức là vào giờ nàng biết rằng Jamie đang ở Văn phòng.

Bà Talley mở cửa, nhìn Margaret và đứa bé với vẻ ngạc nhiên. Cũng như mọi người khác sống trong phạm vi một trăm dặm, bà Talley biết rõ họ là ai rồi.

"Tôi xin lỗi bà, ông McGregor không có ở nhà", bà quản gia nói, định đóng cánh cửa lại.

Margaret ngăn bà ta lại. "Tôi không định đến gặp ông McGregor. Tôi chỉ đem cho ông ta đứa con trai của ông ấy".

"Tôi e rằng tôi không biết chút gì về chuyện ấy cả. Bà…."

"Tôi sẽ đi vắng chừng một tuần lễ. Tôi sẽ trở lại đây xin lại đứa bé". Nàng đưa đứa bé cho bà Talley. "Tên cháu là Jamie".

Một vẻ kinh hãi thoáng hiện trên khuôn mặt bà Talley. "Bà không thể để nó ở lại đây được!. Ông McGregor sẽ… "

"Có hai cách lựa chọn, bà Talley ạ. Bà có thể hoặc đưa nó vào trong nhà, hoặc để mặc nó ở đây trên bục cửa này cũng được". Không nói thêm một lời nào, nàng dúi đứa bé vào cánh tay của bà Talley, rồi bước ra về.

"Khoan đã, bà không thể làm thế được. Trở lại đây! Bà… ". Nhưng Margaret không quay mặt trở lại. Bà Talley đứng yên tại chỗ, bồng một cái gói bé nhỏ trong tay, suy nghĩ. Ôi, lạy Chúa! Ông McGregor sẽ nổi sùng lên cho mà coi!

Bà Talley chưa hề thấy Jamie trong một trạng thái giận dữ như vậy bao giờ. Anh hét lên, "Sao bà có thể ngu xuẩn đến như vậy? Bà chỉ việc đóng sầm cánh cửa trước mặt cô ấy!".

“Nhưng cô ấy không cho tôi kịp làm cái gì cả, ông McGregor a. Cô ấy… “.

“Tôi không muốn đứa con của cô ấy ở trong nhà tôi!”.

Trong cơn giận dữ, anh bước lên bước xuống, thỉnh thoảng dừng lại trước mặt người đàn bà không may ấy, và nói, “Tôi phải đuổi bà ra khỏi cửa vì vụ này”.

“Cô ấy sẽ trở lại đây trong một tuần lễ nữa để lấy lại đứa con. Tôi… ".

“Tôi không cần biết lúc nào thì cô ta trở lại đây”, Jamie hét lên. “Đem đứa bé này ra khỏi nơi này. Ngay bây giờ! Đem đi cho rảnh mắt tôi”.

“Ông bảo tôi làm thế nào bây giờ, ông McGregor?” Bà hỏi với một giọng cứng rắn.

“Thả nó ra ở một nơi nào đó trong thành phố. Chắc phải có một nơi nào đó để bà để lại nó chứ?”.

“Nơi nào?”

“Làm sao tôi biết nơi quỷ quái nào được?”.

Bà Talley nhìn cái gói bé nhỏ đang bồng trong tay. Tiếng la hét đã làm cho thằng bé bắt đầu khóc thét lên. “Không có nhà nuôi trẻ mồ côi nào ở Klipdrift”. Bà bồng đứa bé đưa qua đưa lại, nhưng nó lại càng la hét lớn hơn nữa. “Phải có người nào săn sóc nó”.

Jamie cào ngón tay lên tóc, nói với vẻ tuyệt vọng, “Mẹ kiếp, thôi

được rồi. Bà đã rộng lượng nhận đứa bé ấy thì bà săn sóc cho nó".

"Vâng, thưa ông".

"Và bà ngăn chặn cái tiếng khóc của nó lại, kẻo tôi không sao chịu nổi. Nhớ điều này nhé, bà Talley. Tôi muốn nó khuất khỏi mắt tôi. Tôi không muốn biết rằng có nó trong nhà này. Rồi khi nào mẹ nó đến đây lấy nó trong tuần sau, tôi không muốn nhìn thấy cô ấy. Rõ cả chưa?"

Thằng bé lại bắt đầu khóc lớn hơn nữa.

"Tôi đã rõ rồi ạ, ông McGregor". Rồi bà Talley hối hả rời khỏi phòng.

Jamie McGregor ngồi một mình trong căn phòng nhỏ, nhấm nháp rượu mạnh và hút điếu xì gà. Con mụ đàn bà ngu xuẩn. Nó tưởng rằng mình trong thấy thằng bé ấy là tim mình sẽ mềm đi, rồi mình sẽ nhảy xổ đến nó và nói, "Anh yêu em. Anh yêu đứa bé. Anh muốn cưới em". Thế nhưng, anh đã không thèm nhìn đến thằng bé. Anh có liên qua gì đến nó đâu. Anh sinh nó ra đâu có phải vì tình yêu, cũng chẳng phải vì thèm muốn nữa. Nó được sinh ra từ một sự trả thù. Anh nhớ mãi vẻ mặt của lão Salomon ven der Merwe, khi anh báo cho lão biết rằng Margaret đã có mang. Đó là lúc bắt đầu. Cuối cùng là đất ném lên chiếc hòm của lão. Anh phải đi tìm Banda để nói cho anh ta biết rằng nhiệm vụ của hai người thế là đã xong.

Jamie cảm thấy nỗi trống rỗng trong lòng. Mình cần phải đặt ra những mục tiêu mới, anh thầm nghĩ. Anh đã trở nên giàu có ngoài sức tưởng tượng. Anh đã làm chủ hàng trăm mẫu đất mỏ. Anh mua đất ấy để khai thác kim cương có thể tìm thấy ở đó, nhưng cuối cùng anh làm chủ cả vàng, bạch kim, và năm sáu loại khoáng sản khác. Ngân hàng của anh nhận cầm cố nửa số tài sản ở Klipdrift, và đất chiếm hữu của anh trải rộng từ Namib đến Cape Town. Anh cảm thấy thoả mãn về điều này, nhưng như thế chia đủ. Anh đã mời cha mẹ anh đến ở với anh, nhưng họ không muốn rồi Tô Cách Lan. Các anh và chị của Jamie đều đã lập gia đình. Jamie gửi những số tiền lớn cho cha mẹ, và anh lấy thế làm sung sướng, nhưng cuộc đời anh lúc này quá bằng phẳng. Mới mấy năm trước đây, cuộc đời anh đã trải qua bao nhiêu thăng trầm, nhưng anh cảm thấy sinh động. Anh thấy mình sinh động khi anh và Banda điều khiển chiếc bè vượt qua những tảng đá ngầm ở Vùng Đất Cấm. Anh thấy mình sinh động khi bò ngang qua những bãi mìn, xuyên qua sa mạc cát. Jamie cảm tưởng dường như mình đã không còn sinh động nữa một thời gian lâu dài rồi. Anh dám thú nhận với chính mình rằng anh đang rất cô đơn.

Một lần nữa, anh với tay lấy bình rượu mạnh, và thấy nó đã cạn. Anh đã uống quá nhiều rượu hơn là anh nghĩ, hay là bà Talley đã vô ý không đổ rượu vào bình. Jamie đứng dậy khỏi chiếc ghế,

nhặt ly rượu, đi đến phòng chứa thức ăn của bà quản gia, nơi cất rượu. Anh vừa mở chai ra thì nghe tiếng u ơ của một đứa trẻ con. Lại thằng bé ấy rồi! Chắc là bà Talley đã giữ nó lại trong phòng bà ta, xa nhà bếp. Bà đã tuân theo mệnh lệnh của Jamie một cách chặt chẽ. Anh không hề thấy thằng bé ấy trong hai ngày nó "xâm phạm gia cư" của anh. Bây giờ anh nghe cả tiếng bà Talley đang nói nựng với đứa trẻ.

"Cháu là một đứa bé xinh xắn lắm, phải thế không? Cháu là một thiên thần ấy mà. Đúng như vậy đó. Một thiên thần đây mà".

Thằng bé lại u ơ với bà ta. Jamie bước đến căn phòng ngủ đang mở cửa của bà Talley, rồi nhìn vào bên trong. Không hiểu bà ta đã kiếm ra được ở đâu, một cái giường cũi, và thằng bé lại nằm trong đó. Bà Talley đang cúi người lên nó, bàn tay của nó quấn thật chặt ngón tay bà.

"Jamie ạ, cháu bé nhỏ mà khoẻ mạnh dữ à. Rồi cháu sẽ lớn lên và to lớn như là… là… ". Bà ngừng bặt lại câu nói, ngạc nhiên vì biết rằng ông chủ của bà đang đứng ở ngưỡng cửa.

"Ồ, thưa ông, ông cần tôi có việc gì ạ?"

"Không". Anh bước đến chiếc giường cũi. "Tôi bị quấy rầy vì tiếng ồn ào ở đây". Anh đưa mắt nhìn đứa bé lần đầu tiên. Thằng bé to lớn hơn anh tưởng. Thân hình hắn cân đối. Hắn có vẻ như đang tủm tỉm cười với anh.

"Xin lỗi ông McGregor. Thằng bé này thật ngoan và khoẻ mạnh.

Ông hãy đưa ngón tay ra cho nó nắm mới thấy nó khoẻ mạnh như thế nào".

Jamie quay mặt lại, rồi bước ra khỏi phòng, không nói một lời nào.

Jamie McGregor có một số nhân viên trên năm mươi người làm việc trong các doanh nghiệp khác nhau của anh. Không một nhân viên nào, từ thằng bé đưa thư cho đến nhân viên điều hành cao cấp, mà không biết lý do vì sao Công ty Hữu hạn của họ mang tên Kruger Brent, và lấy làm hãnh diện được làm việc cho McGregor. Anh vừa mới thâu nhận David Blackwell, một người con trai mới mười sáu tuổi, con của một trong cách đốc công của anh, một người Mỹ từ Oregon tới Nam Phi để tìm kim cương. Khi tiền bạc của Blackwell đã cạn, Jamie nhận ông Blackwell vào làm việc để trong coi các xưởng máy. Người con trai của ông đến làm việc cho công ty được một mùa hè thì Jamie nhận ra rằng David là một công nhân giỏi, nên anh giao cho anh ta một việc làm thường trực. David Blackwell thông minh, dễ mến và có nhiều sáng kiến. Jamie cũng biết rằng anh ta rất kín đáo, vì vậy Jamie giao cho anh ta làm công việc vặt đặc biệt này.

"David ạ, tôi muốn anh đi đến nhà trọ của bà Owens hộ tôi. Ở đó có một người đàn bà tên là Margaret van der Merwe".

Nếu David Blackwell đã từng nghe tên ấy hay biết hoàn cảnh của nàng rồi thì anh cũng không biểu lộ ra bên ngoài. "Thưa ông,

vâng ạ".

"Anh chỉ được nói với cô ấy mà thôi. Cô ấy để lại đứa con cho bà quản gia tôi trông nom. Bảo cô ấy đến đây lấy nó và đưa nó ra khỏi nhà tôi ngay ngày hôm nay".

"Vâng, thưa ông McGregor".

Nửa giờ sau, David Blackwell trở lại. Jamie đang ngồi ở bàn viết, ngẩng đầu lên.

"Thưa ông, tôi e rằng tôi không làm được việc ông yêu cầu".

Jamie đứng phắt dậy, "Tại sao? Công việc ấy dễ dàng quá mà".

"Cô Van der Merwe không có ở nhà".

"Thế thì anh đi tìm nó".

"Cô ấy rời Klipdrift hai ngày rồi. Có lẽ cô ấy sẽ trở về trong vòng năm ngày nữa. Nếu ông muốn tôi điều tra thêm thì…"

"Không". Đó là điều mà Jamie không muốn anh ta làm chút nào.

"Không cần. Thế là đủ rồi. David ạ".

"Thưa ông, vâng ạ". Cậu bé rời khỏi văn phòng.

Mẹ kiếp cái con đàn bà ấy! Khi nào nó trở về nó sẽ phải ngạc nhiên. Nó sẽ phải lấy lại con nó.

Tối hôm ấy, Jamie ăn cơm ở nhà một mình. Anh đang uống rượu mạnh trong phòng làm việc thì bà Talley đi vào để bàn với anh một vấn đề thông thường. Đang nói chuyện nửa chừng, bà bỗng dừng lại lắng nghe, và nói, "Xin ông tha lỗi. Tôi vừa nghe tiếng Jamie khóc". Nói xong bà vội vã chạy ra khỏi phòng.

Jamie đập mạnh chiếc ly xuống, làm rượu đổ tung toé. Cái thằng bé khốn kiếp! Ấy thế mà con mẹ nó dám cả gan đặt tên cho nó là Jamie. Hắn có giống một Jamie đâu. Hắn trông chẳng giống cái gì hết!

Mười phút sau, bà Talley quay trở lại phòng làm việc. Bà nhìn thấy rượu đổ tung toé. "Ông có muốn tôi rót thêm rượu nữa không ạ?".

"Cái ấy không cần thiết". Jamie nói một cách lạnh lùng. "Điều cần thiết là bà phải nhớ bà đang làm việc cho ai. Tôi không muốn bị quấy rầy bởi cái thằng con hoang ấy. Rõ chưa, bà Talley?"

"Thưa ông, vâng ạ".

"Thằng bé ấy ra khỏi nhà này sớm chừng nào thì tốt hơn cho cả bà lẫn tôi chừng ấy. Hiểu chưa?"

Môi bà Talley mím chặt lại. "Thưa ông, vâng. Còn gì nữa không ạ?".

"Không".

Bà quay lại định đi ra.

"Này, bà Talley…".

"Vâng, thưa ông McGregor?".

"Bà bảo rằng nó đang khóc. Có phải nó ốm không?".

"Thưa ông, không ạ. Nó chỉ đái thôi. Cần phải thay tã cho nó".

Jamie nhận thấy cái ý tưởng này thật đáng phẫn nộ. "Thôi, thế đủ

rồi".

Jamie hẳn đã phải giận dữ điên cuồng nếu anh biết rằng bọn đầy tớ trong nhà ngồi với nhau hàng giờ để bàn cãi với nhau về anh và đứa con trai. Họ đều đồng ý với nhau rằng ông chủ đã cư xử một cách vô lý, nhưng họ cũng biết rằng họ chỉ cần nhắc đến vấn đề này thôi cũng đủ bị đuổi ra khỏi nhà ngay tức khắc. Jamie McGregor không phải là người sẵn sang nghe lời khuyên của bất cứ ai.

Tối hôm sau, Jamie có một phiên họp bàn công việc cho đến tận khuya. Anh đã đầu tư vào một đường xe hoả mới. Chắc chắn, con đường này cũng chỉ nhỏ thôi, chạy dài từ khu mỏ ở sa mạc Namib đến De Aar, nối liền với con đường Cape Town – Kimberley, nhưng nhờ có nó mà việc chuyên chở vàng và kim cương đến hải cảng sẽ rẻ hơn nhiều. Con đường sắt Nam Phi đầu tiên đã được mở ra từ năm 1860, chạy từ Dumbar đến Point, và từ lúc ấy, nhiều con đường khác đã được thiết lập, từ Cape Town đến Wellington. Đường sắt sẽ là huyết mạch bằng thép cho người và hàng hoá lưu thong tư do xuyên qua trái tim của Nam Phi, và Jamie dự định góp phần vào đó. Nhưng đó chỉ là bước đầu trong các dự tính của anh. Sau đó sẽ là tàu thuỷ. Các tàu thuỷ của mình sẽ chuyên chở các khoáng sản xuyên qua đại dương. Anh trở về nhà vào lúc nửa đêm, cởi quần áo, lên giường nằm ngủ. Anh đã nhờ một nhà trang trí từ London đến bày biện cho

anh một căn phòng ngủ đàn ông rộng lớn, với một chiếc giường đồ sộ đã được chạm trổ ở Cape Town. Ở đó có một chiếc tủ kiểu Tây Ban Nha cổ xưa đặt ở trong góc phòng, và nhiều tủ áo trong đó chứa đựng năm mươi bộ quần áo và ba mươi chiếc giày. Jamie không chú ý đến cách ăn mặc, nhưng anh thấy cần phải có những bộ quần áo ấy ở đó. Anh đã trải qua quá nhiều ngày và đêm ăn mặc rách rưới.

Vừa mới chợp mắt ngủ, anh chợt nghe một tiếng khóc. Anh ngồi nhổm dậy, lắng nghe. Không có gì cả. Đứa bé hay sao? Chắc là nó vừa ngã ra khỏi cái giường cũi. Jamie biết rằng bà Talley thường ngủ rất say. Thật là kinh khủng nếu có điều gì xảy ra với thằng bé ấy trong khi nó ở trong nhà anh. Như vậy, anh sẽ phải chịu trách nhiệm. Mẹ kiếp cái con mụ đàn bà ấy! Jamie nghĩ thầm.

Anh khoác chiếc áo choàng. xỏ đôi dép vào chân, rồi đi thẳng đến phòng bà Talley. Anh đặt tai trên cánh cửa đóng kín, nhưng không nghe gì cả. Lặng lẽ, Jamie đẩy cánh cửa cho nó mở ra. Bà Talley đang ngủ say, vùi trong chăn, ngáy như sấm. Jamie bước đến cái giường cũi. Thằng bé đang nằm ngửa, cặp mắt mở thao láo. Jamie lại gần hơn nữa, nhìn xuống. Lạy Chúa, sao mà nó giống thế. Rõ ràng là nó có cái miệng và cằm của Jamie. Mắt của nó bây giờ màu xanh, nhưng trẻ con mới sinh nào mà lại chẳng có màu xanh. Nhìn qua, Jamie cũng có thể đoán ra rằng sau này

mắt của nó sẽ là màu xám. Nó giơ hai bàn tay bé nhỏ quờ quạng không khí, phát ra những tiếng u ơ bé nhỏ và tủm tỉm cười với Jamie. Chà, thằng bé này thật can đảm, nằm ở đó mà không làm ồn ào, khóc thét lên như những đứa trẻ con khác. Anh ghé mắt nhìn gần hơn nữa. Đúng rồi, nó là một McGregor thật sự rồi.

Rụt rè, Jamie với tay xuống, chìa ngón tay ra. Thằng bé nắm chặt ngón tay với cả hai bàn tay, bóp thật chặt. Nó khoẻ như một con bò mộng, Jamie nghĩ thầm. Ngay lúc ấy, mặt thằng bé bỗng thờ ra, anh ngữi thấy mùi chua chua.

"Bà Talley !"

Bà chồm dậy trên giường, đầy vẻ hoảng sợ. "Cái… cái gì vậy?".

"Thằng bé đang cần bà đấy. Bà bắt tôi phải làm tất cả mọi thứ trong nhà này hay sao?"

Nói xong, Jamie oai vệ bước ra khỏi phòng.

"David, anh có biết chút gì về trẻ sơ sinh không?"

"Về phương diện nào, thưa ông?" David Blackwell hỏi.

"À, anh biết đấy chứ? Chẳng hạn như chúng thích chơi những thứ gì, hay đại khái như vậy".

Cậu con trai người Mỹ này nói, "Tôi đoán rằng khi chúng còn rất nhỏ, chúng rất thích chơi lục lạc, thưa ông McGregor ạ".

"Anh hãy đi mua cho tôi chừng một chục cái".

"Thưa ông, vâng ạ".

Không cần đặt ra những câu hỏi không cần thiết. Jamie muốn

như vậy. David Blackwell rồi đây sẽ tiến xa.

Tối hôm ấy, Jamie về nhà với một cái gói nhỏ màu nâu, bà Talley nói, "Tôi muốn xin lỗi ông về việc tối hôm qua, thưa ông McGregor ạ. Tôi không biết vì sao mà tôi lại có thể ngủ say như thế được. Thằng bé ấy chắc đã khóc thét ghê gớm lắm cho nên ông mới nghe được đến tận phòng ông".

"Bà khỏi bận tâm về chuyện ấy", Jamie nói với vẻ rộng lượng. "Chừng nào có bà hoặc tôi nghe là tốt rồi". Anh đưa gói đồ cho bà Talley. "Đưa cái này cho thằng bé ấy. Đó là mấy cái lục lạc để nó chơi. Làm tù nhân suốt ngày trong cái cũi ấy chắc cũng không thích thú gì lắm đối với thằng bé ấy".

"Ồ, thưa ông. Nó không phải là tù nhân. Để tôi bồng nó ra… ".

"Bà định bồng nó đi đâu?".

"Đi ra vườn thôi ạ. Ở đó, tôi có thể trông nom nó được".

Jamie nhăn mặt. "Đêm hôm qua, tôi thấy hình như nó không được khoẻ".

"Không khoẻ sao?".

"Không. Màu da của nó không được tốt lắm. Không nên để cho nó bị ốm trước khi mẹ nó đến đây nhận lại nó".

"Vâng. Dĩ nhiên rồi".

"Có lẽ tôi cần xem nó lại một lần nữa".

"Thưa ông, vâng ạ. Tôi đưa nó lại đây hay sao?".

"Phải".

“Tôi sẽ làm ngay lập tức, thưa ông ạ”.

Ít phút sau, bà Talley trở lại, bồng đứa bé trên tay. Thằng bé đang cầm cái lục lạc màu xanh. “Tôi thấy da dẻ nó cũng tốt, chứ có hề gì đâu”.

“Ừ, có lẽ tôi lầm. Bà đưa nó cho tôi”.

Cẩn thận, bà đưa đứa bé ra cho Jamie. Anh bồng nó lên tay lần đầu tiên. Một cảm giác là lạ tuôn khắp người anh hoàn toàn do bất ngờ. Dường như thể bấy lâu nay anh đang mong mỏi giây phút này, sống cho giây phút này, mà anh không hề biết. Anh đang ôm trong vòng tay anh máu và da thịt của chính anh – đứa con trai của anh, Jamie McGregor con. Cần gì phải xây dựng một đế quốc, một triều đại bằng kim cương, vàng và đường sắt, nếu không có ai để anh truyền lại cho tất cả tài sản ấy. Mình thật là một thằng khờ! Jamie nghĩ thầm. Cho mãi đến lúc này, Jamie mới nhận ra được anh đang thiếu thốn những thứ gì. Nỗi thù hận đã làm anh mờ mắt. Nhìn xuống khuôn mặt xinh xắn, anh cảm thấy sự cứng rắn, ở một nơi nào đó sâu trong cốt lõi con người anh, vụt tan biến.

“Chuyển cái cũi của thằng Jamie vào trong buồng tôi, bà Talley”.

Ba ngày sau, khi Margaret xuất hiện trước cửa nhà Jamie, bà Talley nói, “ông McGregor hiện ở văn phòng, không có ở nhà, cô Van der Merwe ạ, nhưng ông ấy có dặn phải mời ông ấy về khi nào cô đến lấy thằng bé. Ông ấy muốn nói chuyện với cô”.

Margaret ngồi chờ đợi trong phòng khách, ôm bé Jamie trong cánh tay. Nàng nhớ con kinh khủng. Nhiều lần, trong suốt tuần lễ ấy, nàng hầu như đã mất cả chí cương quyết, chỉ muốn nhảy xổ về Klipdrift, vì lo sợ có chuyện gì xảy ra cho đứa bé; nó có thể bị ốm hay gặp một tai nạn nào đó. Nhưng nàng tự buộc mình phải xa đứa trẻ, và kế hoạch này của nàng đã thành công. Bây giờ, cả ba người sẽ lại được đoàn tụ.

Lúc Jamie bước vào trong phòng khách, Margaret một lần nữa cảm thấy một nỗi xúc cảm quen thuộc như đang dâng tràn ngập khắp thân thể. Lạy Chúa! Nàng nghĩ thầm, mình yêu chàng quá.

"Chào cô, Maggie".

Nàng mỉm cười, một nụ cười ấm áp, sung sướng. "Chào anh, Jamie".

"Tôi cần có đứa con của tôi".

Trái tim của Margaret như reo lên. "Cố nhiên, anh cần đứa con của anh, Jamie ạ. Em không bao giờ dám nghi ngờ điều ấy".

"Tôi sẽ lo sao cho nó được nuôi nấng tử tế. Nó sẽ có được tất cả mọi lợi lộc mà tôi có thể đem lại cho nó, và dĩ nhiên, tôi cũng sẽ lo liệu sao cho cô cũng có cuộc sống đầy đủ".

Margaret nhìn anh với vẻ bối rối. "Em… em không hiểu".

"Tôi đã nói rằng tôi cần có đứa con của tôi".

"Tôi đã tưởng rằng… tôi muốn nói… anh và tôi sẽ…".

"Không. Tôi chỉ cần thằng bé mà thôi".

Margaret đột nhiên cảm thấy mình bị lăng nhục. “Tôi hiểu rồi. Vậy thì tôi sẽ không để cho anh giành nó khỏi tôi”.

Jamie quan sát nàng trong một lát. “Được lắm, chúng ta sẽ có thể tìm ra một giải pháp dung hoà. Cô sẽ ở lại đây với thằng bé Jamie. Cô có thể là… là vú nuôi của nó”. Anh nhìn thẳng vào mặt nàng. “Cô thực sự muốn gì nào?”.

“Tôi muốn con trai tôi có một cái tên”, nàng nói một cách giận dữ, “tên của cha nó”.

“Được rồi, tôi sẽ nhận nó làm con nuôi”.

Margaret nhìn anh với vẻ khinh bỉ, “Nhận con tôi làm con nuôi à? Ồ không đâu. Ông sẽ không lấy được đứa con của tôi đâu. Tôi cảm thấy thương hại cho ông, ông McGregor vĩ đại: Dù với tiền bạc và thế lực của ông, ông chẳng có gì hết, ông quả là đáng thương thật!”

Jamie đứng sững, nhìn theo Margaret quay lưng lại rồi bước khỏi nhà, tay bồng thằng bé.

Sáng hôm sau, Margaret sửa soạn đồ đạc để lên đường sang Mỹ. Jamie lúc nào cũng tự hào rằng mình là con người vẫn giữ được bình tĩnh dù có bị áp lực. Nhưng lúc này anh đi khắp nơi, la hét với tất cả mọi người anh thấy mặt. Văn phòng của anh lúc nào cũng ầm ĩ. Không có gì làm anh được hài lòng cả. Anh gầm thét, phàn nàn về tất cả mọi chuyện, không còn khả năng tự chủ được nữa. Anh đã mất ngủ luôn ba đêm. Anh vẫn không quên được

câu chuyện giữa anh và Margaret vừa rồi. Con đàn bà khốn kiếp! Lẽ ra anh phải hiểu rằng cô ấy cố buộc anh phải lấy cô ta làm vợ. Thật là xảo quyệt, chẳng khác gì cha cô ấy! Anh vụng về trong cuộc điều đình ấy. Anh nói với cô ta anh sẽ chăm nom cho cô, nhưng anh đã nói không rõ ràng. Dĩ nhiên rồi. Tiền! Lẽ ra anh nên tặng cho cô ta một món tiền. Một nghìn bảng Anh – mười nghìn bảng – và có thể hơn thế nữa.

"Tôi có nhiệm vụ tế nhị muốn giao cho anh" anh nói với David Blackwell.

"Thưa ông, vâng ạ"

"Tôi muốn anh nói chuyện với cô Van der Merwe và bảo với cô ấy rằng tôi sẽ cho cô ấy hai mươi nghìn bảng Anh. Cô ấy sẽ hiểu rằng tôi muốn có một sự trao đổi". Jamie viết tấm ngân phiếu. Đã khá lâu rồi, anh đã hiểu được sự thu hút mãnh liệt của đồng tiền. "Đưa cái này cho cô ta".

Mười lăm phút sau, David trở về, trả lại tấm ngân phiếu cho Jamie. Tấm giấy ấy đã bị xé toạc làm đôi. Jamie cảm thấy mặt mình đỏ bừng lên. "Cảm ơn, David. Thế là đủ rồi".

Vậy ra Margaret muốn đòi tiền nhiều hơn nữa. Được lắm. Anh sẽ cho cô ta. Nhưng lần này thì anh sẽ tự tay giải quyết lấy…

Vào xế trưa hôm ấy, Jamie đi đến nhà trọ của bà Owens. "Tôi muốn gặp cô Van der Merwe", Jamie nói.

"Tôi e rằng chuyện ấy khó thực hiện được", bà Owens nói. "Cô

ấy đang trên đường sang Mỹ".

Jamie cảm thấy như mình bị đấm một cú mạnh vào bụng.

"Không thể được! Cô ấy đi vào lúc nào?"

"Cô ấy cùng với thằng bé đã đáp chuyến xe đi Worcester vào lúc mười hai giờ trưa".

Chuyến tàu đỗ ở nhà ga Worcester đông nghẹt hành khách. Các ghế ngồi và lối đi trong toa đầy cả hành khách đi Cape Town, nói chuyện với nhau ồn ào. Họ là những nhà buôn, những nhà nội trợ, những người bán hàng, người đi tìm mỏ, người "Kaffir", binh lính và thuỷ thủ trở về lại nơi làm việc. Đa số những người ấy đều đi tàu hoả lần đầu tiên, nên không khí giữa các hành khách có vẻ như ngày hội. Margaret tìm được một chỗ ngồi gần cửa sổ, để cho Jamie khỏi bị đè bẹp bởi đám đông. Nàng ngồi ôm đứa bé trong lòng, không cần biết gì đến mọi sự xung quanh, và suy nghĩ đến một cuộc đời mới đang chờ đợi nàng trước mặt. Cuộc đời ấy có lẽ không dễ dàng gì. Dù đi đến đâu, nàng cũng là người đàn bà không chồng mà có con, một tội lỗi đối với xã hội. Nhưng nàng sẽ tìm một cách nào đó để đảm bảo cho con trai một cuộc sống đàng hoàng, tử tế. Nàng nghe người soát vé gọi to, "Mời hành khách lên xe!".

Nàng ngước mắt nhìn lên, chợt thấy Jamie đang đứng trước mặt.

"Gom tất cả hành lý lại. Cô sẽ phải rời khỏi tàu ngay", anh ra lệnh.

Anh ấy tưởng có thể mua được mình, nàng thầm nghĩ. “Thế lần này, ông định đề nghị bao nhiêu tiền?”

Jamie nhìn xuống đứa con trai, đang ngủ yên trên cánh tay Margaret. “Tôi đề nghị sẽ cưới cô”.

Chú thích:

(1): Job: tên một nhân vật trong Cựu ước, đã từng chịu nhiều đau khổ nhưng vẫn không mất đức tin vào Thượng đế.

Sidney Sheldon

Tay cự phách

Chương 9

Họ cưới nhau ba ngày sau trong một cuộc lễ ngắn, tổ chức riêng tư, với nhân chứng duy nhất là David Blackwell.

Trong lễ cưới này, Jamie McGregor thấy trong lòng tràn ngập những cảm xúc lẫn lộn. Anh là một con người quen khống chế, vận dụng kẻ khác, nhưng lúc này chính anh là kẻ bị vận dụng. Anh liếc mắt nhìn sang Margaret. Đứng bên cạnh anh, nàng trông khá xinh đẹp. Anh nhớ lại thái độ đam mê, buông lỏng của nàng, nhưng đó chỉ là một kỉ niệm, không hơn không kém, không nồng nhiệt hay cảm xúc. Anh đã sử dụng Margaret như một công cụ trả thù, nhưng nàng đã sinh cho anh một đứa con thừa kế.

Ông mục sư nói, "Bây giờ, ta tuyên bố các ngươi là vợ và chồng. Ngươi có thể hôn cô dâu đi".

Jamie vươn người ra phía trước, hôn phớt qua trên má Margaret.

"Chúng ta về nhà nào", Jamie nói. Con trai anh đang chờ anh.

Khi hai người về đến nhà, Jamie đưa Margaret đến một phòng ngủ ở một trong các chái nhà.

"Đây là phòng ngủ của bà".

"À, ra thế".

"Tôi sẽ thuê một người quản gia khác, và giao cho bà Talley trông nom Jamie. Nếu bà cần thứ gì cứ bảo David Blackwell".

Margaret cảm thấy như bị giáng một cái đánh. Anh ấy coi nàng như một gia nhân. Nhưng điều đó không quan trọng. Con mình đã có một cái tên. Đối với mình như thế là đủ rồi.

Jamie không trở về nhà ăn cơm. Margaret ngồi đợi anh, nhưng cuối cùng phải ăn một mình. Đêm hôm ấy nàng nằm thao thức trên giường, lắng nghe từng tiếng động. Đến bốn giờ sáng, cuối cùng nàng ngủ lúc nào không hay. Ý nghĩ cuối cùng của nàng là tự hỏi không biết Jamie đã chọn người nào trong số các cô gái ở nhà bà Agnès.

Nếu mối liên hệ giữa Margaret và Jamie không hề thay đổi sau ngày cưới thì mối tương quan giữa nàng và dân thị trấn Klipdrift đã trải qua một sự biến đổi kỳ lạ. Chỉ thoáng một cái, từ một kẻ bị ruồng bỏ, nàng trở thành một nhân vật có quyền ở Klipdrift. Đa số người dân trong thị trấn tuỳ thuộc bằng cách này hay cách khác vào Jamie McGregor và Công ty Hữu hạn Kruger Brent. Họ nghĩ rằng nếu Margaret van der Merwe đã được Jamie McGregor lựa chọn thì hẳn nàng cũng đáng được kính nể đối với

họ. Bây giờ, mỗi khi Margaret bồng bé Jamie ra ngoài chơi thì nàng bắt gặp những nụ cười, nhưng lời chào hỏi vui vẻ. Các giấy mời bắt đầu tuôn đến. Nàng được mời tham dự những tiệc trà, những bữa ăn trưa và tối, giúp các hội từ thiện và buộc phải đứng đầu các uỷ ban công dân vụ. Khi nàng làm tóc theo một kiểu khác thường nào đó thì hàng chục các bà, các cô trong thị trấn đều cố bắt chước theo. Nàng mua một chiếc áo dài mới màu vàng, thế là những chiếc áo màu vàng đột nhiên trở thành phổ biến. Margaret cư xử đối với những cử chỉ xu nịnh của họ cũng giống như trước kia nàng đối xử với thái độ thù nghịch của họ, nghĩa là bằng một thái độ đoan trang, bình tĩnh.

Jamie chỉ trở về nhà để chơi với con trai. Thái độ của anh đối với Margaret vẫn xa vời, lễ độ. Mỗi buổi sáng vào lúc điểm tâm, nàng đóng vai trò một bà vợ hạnh phúc để che mắt các gia nhân, bất kể đến thái độ thờ ơ, lạnh lùng của người đàn ông ngồi đối diện với nàng ở bàn ăn. Nhưng khi Jamie đã đi rồi và nàng có thể thoát ra để trở về phòng, nàng vẫn thường bị ướt đẫm mồ hôi. Nàng căm ghét chính bản thân mình. Lòng tự trọng của nàng để ở đâu? Ấy chỉ vì nàng biết nàng còn yêu Jamie. Mình sẽ luôn luôn yêu anh ấy. Lạy Chúa. Người hãy giúp đỡ cho con.

Jamie ở lại Cape Town trong ba ngày để lo toan công việc. Khi anh vừa ra khỏi khách sạn Hoàng gia, một người đánh xe mặc chế phục hỏi, “Thưa ông dùng xe chứ ạ?”.

“Không”, Jamie nói, “Tôi đi bộ”.
“Banda nghĩ rằng có lẽ ông muốn đi xe”.
Jamie dừng lại, nhìn chằm chằm vào người ấy. “Banda?”.
“Vâng, đúng vậy. Thưa ông McGregor”.
Jamie bước lên chiếc xe ngựa. Người đánh xe quất mạnh cây roi, họ bắt đầu lên đường. Jamie ngả người trên chiếc ghế, suy nghĩ về Banda, về lòng can đảm của anh ta và tình bạn giữa hai người. Trong hai năm qua, anh đã cố gắng nhiều lần tìm Banda, nhưng không có kết quả. Bây giờ anh đang lên đường để gặp người bạn cũ.
Người đánh xe bẻ quặt chiếc xe về phía bến tàu. Ngay lập tức, Jamie biết rằng họ đang đi đến đâu. Mười lăm phút sau, chiếc xe dừng lại trước nhà kho vắng vẻ, nơi Jamie và Banda đã có lần cùng bàn tính với nhau về cuộc phiêu lưu vào sa mạc Namib.
Lúc ấy chúng mình là những thằng trai quá ư liều lĩnh, anh nghĩ thầm. Anh bước ra khỏi xe, tiến lại gần nhà kho. Banda đang chờ đợi anh ở đó. Anh ấy trông vẫn hệt như xưa kia, chỉ có khác bây giờ anh mặc một bộ “com-plê” chỉnh tề, với sơ mi và cà vạt.
Hai người đứng ở đó, lặng lẽ nhe răng cười với nhau, rồi họ ôm choàng lấy nhau.
“Trông anh có vẻ làm ăn thịnh vượng lắm nhỉ”, Jamie nói.
Banda gật đầu. “Tôi làm ăn cũng không đến nỗi tệ lắm. Tôi đã mua nông trại như tôi có lần nói với anh đấy. Tôi đã có vợ và hai

đứa con trai. Tôi trồng lúa mạch và nuôi đà điểu".

"Đà điểu?"

"Lông đà điểu đem lại rất nhiều tiền".

"À, tôi muốn gặp gia đình anh, Banda ạ".

Jamie nghĩ đến gia đình anh ở Tô Cách Lan, và anh cảm thấy rất nhớ nhà. Anh đã xa nhà được bốn năm rồi.

"Bấy lâu nay tôi vẫn tìm anh".

"Tôi bận lắm, Jamie ạ". Banda xích lại gần hơn. "Tôi cần phải gặp anh để báo trước cho anh một chuyện. Anh sắp sửa gặp rắc rối đấy".

Jamie nhìn kỹ Banda. "Rắc rối về chuyện gì?"

"Tên phụ trách mỏ Namib – Hans Zimmermans – là một tên xấu. Bọn công nhân ghét hắn lắm. Họ đang bàn với nhau sẽ bỏ đi. Nếu họ làm như vậy, bọn bảo vệ sẽ cố ngăn chặn họ lại, và như thế sẽ có nổi loạn".

Jamie vẫn nhìn Banda không rời mắt.

"Anh có còn nhớ tôi đã có lần tôi nói với anh về một người tên là John Tengo Javabu không?"

"Có. Anh ta là một lãnh tụ chính trị. Tôi có đọc những bài viết về anh ta. Anh ta đang quấy động, làm nổ ra một "donderstorm" (cơn bão táp)".

"Tôi là một trong những người theo ông ta".

Jamie gật đầu. "Tôi hiểu. Tôi sẽ làm tất cả những gì cần thiết".

Jamie hứa.

“Tốt lắm. Anh đã trở thành một trong những người có thế lực, Jamie ạ. Tôi mừng cho anh”.

“Cảm ơn anh, Banda”.

“Anh lại có một đứa con trai rất kháu khỉnh nữa”.

Jamie không dấu nỗi ngạc nhiên. “Làm sao anh biết được điều ấy?”

“Tôi vẫn thích theo dõi các bạn bè”. Banda đứng dậy. “Tôi phải đi họp bây giờ đây, Jamie ạ. Tôi sẽ bảo với họ rằng mọi việc sẽ được giải quyết và sửa chữa ở Namib”.

“Phải. Tôi sẽ lo chuyện ấy”. Jamie bước theo người da đen to lớn ra đến cửa. “Khi nào chúng ta sẽ gặp nhau lại?”

Banda mỉm cười. “Tôi sẽ quanh quẩn bên anh mà. Anh không thể dứt khỏi tôi dễ dàng như vậy đâu”.

Nói xong, Banda bỏ đi.

Khi Jamie trở lại Klipdrift, anh cho gọi ngay David Blackwell đến. “Có vụ lộn xộn nào xảy ra ở Namib không, David?”

“Không, thưa ông McGregor”. Anh ta do dự một lát rồi nói tiếp, “Nhưng tôi có nghe đồn rằng có thể có lộn xộn ở đó”.

“Viên giám thị ở đó là Hans Zimmerman. Anh hãy điều tra xem có phải hắn đã ngược đãi công nhân hay không. Nếu đúng như vậy, anh hãy ngăn chặn nó ngay. Tôi muốn anh đích thân đến nơi ấy xem xét”.

“Tôi sẽ đi đến đó vào sáng mai”.

Khi David đến mỏ kim cương ở Namib, anh bỏ ra hai giờ đồng hồ nói chuyện bình tĩnh với các công nhân và bọn bảo vệ. Những gì anh nghe được đã khiến anh giận sục sôi lên trong lòng. Khi đã nắm vững được những gì cần biết, anh đến gặp Hans Zimmerman.

Hans Zimmerman là một tên khổng lồ Goliath. Hắn nặng trên một trăm kí, cao chừng hai thước. Hắn có một cái mặt heo lúc nào cũng đẫm mồ hôi, đôi mắt có những tia máu đỏ, nhưng hắn là một trong những người dễ lôi cuốn nhất mà David Blackwell chưa từng thấy. Hắn là một tên giám thị làm việc rất có hiệu quả cho công ty Kruger Brent. Hắn đang ở bàn viết trong một văn phòng nhỏ, thân hình phì nộn của hắn có vẻ làm cho căn phòng bé nhỏ hẳn lại. Ngay lúc ấy, David Blackwell bước vào.

Zimmerman đứng dậy, bắt tay David. “Rất hân hạnh được gặp ông, ông Blackwell ạ. Đáng lẽ ông nên cho chúng tôi biết ông sẽ đến, như vậy mới phải”.

David tin chắc rằng hắn đã được nghe tin về cuộc thăm viếng của anh rồi.

“Ông dùng uýt ki nhé?”.

“Không, cảm ơn”.

Zimmerman tựa người vào lưng ghế, nhe răng cười. “Ông cần gì tôi vậy? Chúng tôi đã đào được khá nhiều kim cương, như vậy

chắc ông chủ vừa lòng rồi chứ gì?".
Cả hai biết rằng việc sản xuất kim cương ở Namib đã tiến hành rất tốt. "Tôi bắt bọn Kaffir làm việc nhiều hơn bất cứ một ai khác trong công ty này".
"Chúng tôi nghe được nhiều lời kêu ca về các điều kiện làm việc ở đây", David nói.
Nụ cười tắt hẳn trên mặt Zimmerman. "Kêu ca như thế nào?".
"Họ bảo rằng công nhân ở đây bị đối xử tàn tệ, và… ".
Zimmerman nhẩy chồm dậy, cử động với vẻ lạnh lẹ khác thường. Mặt hắn đỏ bừng lên vì giận dữ. "Chúng không phải là công nhân. Chúng là Kaffirs. Các ông ngồi chễm chệ ở trụ sở chính làm sao có thể… ".
"Nghe tôi nói đây này", David nói, "Không có… ".
"Chính ông mới phải nghe tôi nói! Tôi sản xuất ra nhiều kim cương hơn bất kỳ ai khác trong công ty, nhưng ông biết tại sao không? Ấy là bởi vì tôi đã làm cho bọn chó đẻ ấy phải biết sợ Thượng đế".
"Ở các mỏ khác", David nói, "Chúng tôi trả năm mươi chín shillings một tháng và nuôi ăn ở. Ông chỉ trả cho công nhân ở đây năm mươi shillings mà thôi".
"Vậy ra ông phàn nàn vì tôi đã làm lợi cho các ông. Điều đáng kể duy nhất là lợi nhuận".
"Ông McGregor không đồng ý như vậy". David đáp. "Hãy tăng

lương cho họ".

Zimmerman nói với vẻ cáu kỉnh. "Được rồi. Đó là tiền của ông chủ".

"Tôi nghe nói có nhiều vụ đánh đập công nhân xảy ra ở đây".

Zimmerman hứ một tiếng. "Lạy Chúa, bọn dân bản xứ có bao giờ biết đau đâu, thưa ông. Da chúng nó dày lắm, nên dù có quất roi túi bụi lên người, chúng cũng chẳng cảm thấy gì. Chỉ làm cho chúng sợ thôi".

"Vậy thì chính ông đã làm cho ba công nhân sợ đến chết đó, ông Zimmerman ạ".

Zimmerman nhún vai, "Ở xứ sở của chúng, chúng còn chết nhiều hơn".

Thật là một con vật khát máu, David nghĩ thầm. Lại rất nguy hiểm nữa! Anh nhìn lên tên giám thị to lớn và nói, "Nếu có nhiều rắc rối thêm nữa ở đây, ông sẽ bị thay thế đấy". Anh đứng phắt dậy, "Từ nay ông phải đối đãi với họ như những con người. Phải chấm dứt mọi sự trừng phạt ngay tức khắc. Tôi đã xem xét các nơi ăn ở của họ. Đó là những chuồng lợn. Ông phải quét dọn sạch sẽ ngay".

Hans Zimmerman nhìn anh trừng trừng, cố nén cơn giận dữ. Cuối cùng hắn mới thốt ra lời. "Còn gì nữa không?".

"Còn. Tôi sẽ trở lại đây trong vòng ba tháng nữa. Nếu tôi không được hài lòng về những gì tôi thấy được, ông nên tìm cho ông

một công việc nào đó tại một công ty khác. Chào ông.” David quay người lại, bước ra khỏi phòng.

Hans Zimmerman đứng tại chỗ một lúc lâu, cảm thấy nỗi tức giận sục sôi trong lòng. Bọn khùng điên! Bọn “uitlanders” (1). Zimmerman là một người Boer. Cha hắn cũng là người Boer. Đất đai này thuộc về họ, và Chúa đã sinh ra người da đen để phục vụ cho họ. Ví thử như Chúa muốn bọn chúng được đối xử như những con người thì Người đã không làm cho da chúng phải là màu đen. Jamie McGregor không hiểu được điều đó. Nhưng ai còn có thể mong đợi gì được ở một người “uitlander”, một kẻ yêu dân bản xứ? Hans Zimmerman biết rằng hắn phải cẩn thận hơn chút nữa từ rày về sau. Nhưng hắn sẽ tỏ cho bọn chúng biết ai là người có trách nhiệm ở Namib.

Công ty Kruger Brent vẫn tiếp tục phát triển, và Jamie McGregor thường đi vắng luôn luôn. Anh mua một xưởng làm giấy ở Canada và một xưởng đóng tàu ở Australia. Khi có mặt ở nhà, anh chỉ chơi với con trai. Thằng bé mỗi ngày lại càng giống cha nó. Jamie cảm thấy hãnh diện quá chừng về đứa con trai anh. Anh muốn đem nó đi theo trong những cuộc hành trình lâu dài, nhưng Margaret không chịu để cho nó đi.

“Nó còn nhỏ quá, không thể đi xa được. Khi nào nó lớn hơn nữa, nó có thể đi với anh. Nếu anh muốn gần nó, anh có thể thăm nó ở đây”.

Con trai anh đã trải qua ngày kỉ niệm sinh nhật lần thứ nhất, rồi thứ hai mà Jamie không ngờ đến. Anh ngạc nhiên thấy thời gian đi quá nhanh. Lúc ấy là vào năm 1887…

Đối với Margaret, hai năm qua kéo dài lê thê. Mỗi tuần lễ một lần, Jamie mời khách khứa đến nhà ăn cơm, và trong những bữa ăn ấy, Margaret đóng vai một bà chủ nhà duyên dáng. Những người đàn ông khác cho rằng nàng là một người đàn bà thông minh, dí dỏm, và đều thích nói chuyện với nàng. Nàng biết nhiều người trong bọn họ thấy nàng rất hấp dẫn, nhưng cố nhiên họ không bao giờ dám tấn công công khai, vì nàng là vợ của Jamie McGregor.

Khi người khách cuối cùng đã ra về, Margaret hỏi chồng, "Anh thấy buổi tối vừa rồi có tốt đẹp không?".

Jamie vẫn đưa câu trả lời giống như mọi lần, "Tốt. Chúc bà ngủ ngon", rồi bỏ đi để tạt qua thăm bé Jamie. Ít phút sau, Margaret nghe tiếng cửa trước đóng lại, khi Jamie rời khỏi nhà.

Đêm này qua đêm khác, Margaret thao thức nằm trên giường, nghĩ đến cuộc đời nàng. Nàng biết rằng nhiều người đàn bà trong thị trấn thèm muốn được như nàng. Điều này khiến nàng đau đớn, vì nàng biết rằng nàng chẳng có gì đáng thèm muốn, ao ước cả. Nàng sống cho đến lúc tàn cuộc đời trong một thứ trò chơi đố với một người chồng đối xử với nàng tệ hơn là một kẻ xa lạ. Giá như chàng để ý đến nàng thì không biết sẽ ra sao! Nàng tự hỏi

không biết chàng sẽ làm gì, nếu một buổi sáng nào đó, vào giờ ăn điểm tâm, nàng nhấc bát cháo yến mạch, đặc biệt nhập từ cảng Tô Cách Lan, rồi dội lên cái đầu ngu xuẩn của anh ta. Nàng tưởng tượng thấy cái vẻ mặt của anh ta lúc ấy, và ý tưởng ngộ nghĩnh này khiến nàng bật cười lên, rồi tiếng cười ấy biến thành tiếng nức nở như xé ruột gan. Mình không muốn yêu anh ấy nữa. Mình không muốn. Mình sẽ ngăn chặn bằng cách nào đó, trước khi mình bị huỷ hoại…

Vào năm 1880, Klipdrift đã đạt đến mức sống mà Jamie vẫn hằng mong đợi. Chỉ trong bảy năm anh sống ở đấy, nó đã trở thành một thị trấn phát triển về đủ mọi mặt, với những người thăm dò mỏ tuôn đến đây từ mọi nơi trên thế giới. Cũng vẫn là câu chuyện xưa cũ. Họ đến đây bằng tàu hoả, xe ngựa hay đi bộ. Lúc mới đến, họ chẳng có gì cả, ngoài những bộ quần áo rách rưới mặc trên người. Họ cần có thực phẩm, đồ trang bị, nơi trú ngụ và tiền bạc làm vốn liếng. Jamie có sẵn ở đó để cung cấp cho họ mọi thứ. Anh đã có cổ phần của anh trong hàng chục mỏ kim cương và vàng, danh tiếng, tên tuổi của anh mỗi lúc mỗi tăng lên. Một buổi sáng nọ, anh đang tiếp một viên luật sư đại diện cho hãng De Beers, một tổ hợp khổng lồ kiểm soát nhiều mỏ kim cương rất lớn ở Kimberley.

“Ông cần tôi có chuyện gì?”, Jamie hỏi.

“Tôi được tổ hợp gửi đến đây để đưa ra với ông một đề nghị, ông

McGregor ạ. Hãng De Beers muốn mua hết tài sản của ông. Ông cho giá đi".

Thật là những giây phút điên đầu. Jamie cười chế nhạo và nói. "Ông cứ đưa giá của các ông đi".

David Blackwell trở thành mỗi lúc thêm quan trọng đối với Jamie. Anh trông thấy ở người Mỹ trẻ tuổi này tất cả hình ảnh của anh xưa kia. Đó là một chàng trai tính tình ngay thật, thông minh và trung thành. Jamie đã dung David làm thư kí riêng của anh, sau đó là phụ tá riêng, và cuối cùng, chàng trai hai mươi mốt tuổi ấy trở thành một Tổng giám đốc của anh.

Đối với David Blackwell, Jamie là một người cha nuôi. Khi cha ruột của David bị một cơn đau tim, chính Jamie đã xếp đặt cho ông ta vào bệnh viện, và trả mọi phí tổn thuốc thang, và khi ông ta qua đời, Jamie cũng là người lo toan tất cả mọi công việc chôn cất. Trong năm năm làm việc với hãng Kruger – Brent, David thấy thán phục Jamie hơn bất cứ một người nào khác anh đã từng quen biết. Anh biết rõ vần đề rắc rối giữa Jamie và Margaret, và rất lấy làm tiếc, bởi vì anh yêu mến cả hai người. Nhưng David tự nhủ, "Đó không phải là công việc của mình. Công việc của mình là giúp đỡ Jamie bằng mọi cách trong phạm vi khả năng của mình".

Jamie bỏ ra mỗi lúc mỗi nhiều thì giờ hơn với đứa con trai của anh. Đứa bé ấy bây giờ đã năm tuổi, và sau lần đầu tiên Jamie

đưa nó đi thăm mỏ, nó không nói về vấn đề nào khác ngoài chuyện ấy. Hai bố con cũng đi cắm trại ngoài trời với nhau, và ngủ dưới một chiếc lều vải dưới bầu trời đầy sao. Jamie quen thuộc với bầu trời ở Tô Cách Lan, nơi các vì sao biết các vị trí đúng đắn của chúng trên vòm trời. Ở đây, tại Nam Phi này, các chòm sao như lẫn lộn cả. Vào tháng Giêng, sao Canopus (2) chiếu chói lọi trên đỉnh đầu; vào tháng Năm, sao Thập tự phương Nam gần lên đến tột đỉnh. Tháng Sáu là mùa Đông ở Nam Phi, và lúc ấy sao Bò cạp chiếu rạng rỡ trên bầu trời. Thật là rắc rối khó hiểu. Thế nhưng, Jamie vẫn có một cảm giác rất đặc biệt mỗi khi anh nằm trên mặt đất ấm áp, nhìn lên bầu trời không có thời gian, với đứa con trai ở bên cạnh, và biết rằng mình cũng là một thành phần của sự vĩnh cửu giống như vậy.

Hai bố con thức dậy lúc bình minh, bắn các loại chim rừng để làm thức ăn. Bé Jamie có một con ngựa con riêng, và hai bố con cùng cưỡi ngựa dọc theo thảo nguyên, cẩn thận tránh những hố sâu chừng hai thước do những con gấu ăn kiến đào lên. Những hố này sâu đến nỗi cả người lẫn ngựa có thể lọt xuống đó, còn những hố nhỏ do loại mèo rừng đào lên.

Trong thảo nguyên cũng có thể gặp nguy hiểm. Trong một buổi đi chơi Jamie và con trai cắm trại ở một lòng sông, và suýt bị giết bởi một đàn linh dương di cư. Dấu hiệu đầu tiên báo trước mối nguy hiểm là một đám mây bụi lờ mờ ở chân trời. Những

con thỏ, chó rừng, mèo rừng chạy vụt ngang qua, và những con rắn lớn vọt ra khỏi các bụi cây để tìm nơi ẩn nấp dưới các hốc đá. Jamie nhìn về phía chân trời một lần nữa. Đám mây bụi tiến lại gần hơn.

“Chúng ta hãy ra khỏi nơi này”, Jamie nói.

“Lều của chúng ta…”

“Để mặc nó ở đó !”.

Hai người vội vã nhảy lên ngựa, hướng về phía đỉnh đồi cao. Họ nghe tiếng chân của đàn linh dương đập rồn rập như tiếng trống, rồi thấy toán linh dương đi đầu, chạy theo một hành dài đến ít nhất là ba dặm. Có đến trên nửa triệu con, quét sạch tất cả mọi thứ trên đường đi của chúng. Cây bị xô ngã xuống, các bụi cây bị xé vụn ra, và tiếp theo sau đợt thuỷ triều tàn nhẫn ấy là xác hàng trăm con vật bé nhỏ. Thỏ, rắn, chó rừng và gà tây đều bị đè bẹp dưới chân của đàn linh dương khủng khiếp ấy. Không khí tràn ngập bụi mù và tiếng gầm thét ran lên như sấm, và khi cảnh tượng này chấm dứt, Jamie ước lượng rằng nó kéo dài trên ba giờ đồng hồ.

Vào ngày sinh nhật thứ sáu của bé Jamie, cha nó nói, “Bố sẽ đem con đi Cape Town tuần sau để cho con thấy một thành phố thực sự nó như thế nào”.

“Mẹ có thể nào đi với chúng ta được không, bố?”, bé Jamie hỏi.

“Mẹ không thích săn bắn, nhưng mẹ thích các thành phố”.

Cha nó xoa đầu nó và nói. “Mẹ con bận ở đây, con ạ. Chỉ có hai cha con mình đi thôi, được không?”

Thằng bé thắc mắc và lấy làm khó chịu vì mẹ nó và cha nó có vẻ xa cách nhau quá, nhưng lúc ấy nó chưa hiểu được vì sao.

Hai cha con thực hiện cuộc hành trình ấy bằng toa xe riêng của họ. Vào năm 1891, xe hoả đã trở thành một phương tiện giao thông vượt trội hơn cả ở Nam Phi, vì nó rẻ tiền, thuận tiện và nhanh chóng. Toa xe riêng mà Jamie đã đặt đóng để anh sử dụng là một toa xe hoả dài trên hai mươi ba mét, và có bốn phòng ngủ đóng ván, có thể chứa mười hai người, một phòng khách có thể sử dụng như phòng làm việc, một phòng ăn, một phòng tắm, và một cái bếp trang bị đầy đủ. Các phòng ngủ có giường đồng, đèn khí và những cửa sổ rộng.

“Tất cả hành khách ở đâu, hở bố?” Thằng bé hỏi.

Jamie cười to, “Chúng ta là tất cả hành khách rồi. Đây là chiếc tàu hoả của riêng chúng ta, con ạ”.

Bé Jamie nhìn qua khung cửa sổ hầu như suốt chặng đường, ngạc nhiên trước những khoảng đất vô tận chạy vun vút ngang qua trước mặt.

“Đây là đất của Chúa”, cha nó nói, “Người đã rải đầy ra ở đó các thứ khoáng sản quý giá cho chúng ta. Tất cả những thứ ấy đều nằm trong lòng đất, chờ đợi được phát hiện ra. Những gì đã tìm được cho đến nay chỉ mới là bước đầu thôi, Jamie ạ”.

Khi đến Cape Town, bé Jamie khiếp hãi trước những đám đông và toà nhà đồ sộ. Jamie dắt con đi thăm Công ty Chuyên chở Đường bể McGregor, rồi chỉ cho nó thấy hàng chục chiếc tàu đang bốc dỡ hàng ở bến tàu. "Con có thấy các chiếc tàu kia không? Chúng thuộc về cha con mình đấy".

Khi trở về Klipdrift, bé Jamie nói huyên thuyên về những gì nó đã trông thấy. "Bố làm chủ cả thành phố!" thằng bé kêu lên.

"Chắc mẹ phải thích lắm. Lần sau mẹ sẽ thấy".

Margaret kéo con vào lòng, nói, "Phải, con yêu quý ạ".

Jamie vắng nhà nhiều đêm. Margaret biết rằng anh đang ở tại nhà bà Agnès. Nàng có nghe nói anh đã mua một ngôi nhà cho một trong các cô gái ở đó để anh có thể thăm viếng cô ta một cách riêng tư. Nàng không có cách nào biết được điều đó có thực hay không. Margaret chỉ biết rằng, dù cô ấy là ai, nàng cũng muốn giết cô ta.

Để giữ cho tâm trí nàng được ôn hoà, lành mạnh, Margaret tự buộc mình phải chú tâm đến những hoạt động trong thị trấn. Nàng gây quỹ để xây dựng một ngôi nhà thờ mới, và khởi sự một chương trình giúp đỡ gia đình của những người thăm dò mỏ đang trong cơn túng quẫn. Nàng yêu cầu Jamie sử dụng một trong các toa xe của anh để chuyên chở miễn phí cho những người đi tìm mỏ trở về Cape Town sau khi đã cạn hết tiền bạc và hi vọng.

“Bà yêu cầu tôi ném tiền qua cửa sổ”, anh gầm lên. “Họ đi bộ đến đây thì cứ để họ đi bộ trở về như lúc mới đến”.
“Họ không có điều kiện để đi bộ nữa”, Margaret cãi lại. “Và nếu họ ở lại đây thì thị trấn sẽ nuôi ăn, nuôi mặc cho họ”.
“Thôi được rồi”, Jamie cuối cùng càu nhàu. “Nhưng đó là một ý tưởng điên rồ !”.
“Cảm ơn, anh Jamie”.
Anh nhìn theo Margaret bước ra khỏi văn phòng, và bất đắc dĩ anh phải cảm thấy một chút hãnh diện nào đó về nàng. Với một kẻ nào đó, hẳn nàng sẽ là một người vợ rất tốt, Jamie nghĩ thầm. Tên người đàn bà mà Jamie đã cho ở tại ngôi nhà riêng ấy là Maggie, một cô gái điếm xinh đẹp đã có lần ngồi bên cạnh Margaret vào buổi tặng quà cho đứa bé mới sinh. Thật là mỉa mai, Jamie nghĩ thầm trong bụng, cô gái ấy lại mang cùng tên với vợ anh (3). Hai người chẳng có gì giống nhau cả. Cô Maggie này là một cô gái tóc hoe, hai mươi mốt tuổi, với khuôn mặt khoẻ mạnh và thân hình nảy nở – một con cọp cái lúc ân ái. Jamie đã trả cho bà Agnès rất hậu hĩnh để lấy cô gái này, và đã trả cho Maggie một số tiền trợ cấp rộng rãi. Jamie rất kín đáo khi anh đến thăm ngôi nhà nhỏ ấy. Những cuộc viếng thăm này hầu như luôn luôn vào ban đêm, và như vậy, anh tin chắc rằng không bị ai dòm ngó. Thật ra, có rất nhiều người dòm ngó anh, nhưng không một ai dám bàn tán về chuyện ấy. Đây là thị trấn của

McGregor, nên anh có quyền làm bất cứ thứ gì anh muốn.
Vào một buổi tối đặc biệt hôm ấy, Jamie không thấy vui thú gì lắm. Anh đã đi đến nơi này, trong lòng hí hửng, nhưng Maggie lại ở trong một tâm trạng cáu kỉnh. Nàng nằm dài trên chiếc giường lớn, trong chiếc áo choàng màu hồng hở hang, "Tôi chán cái cảnh bị nhốt trong cái nhà khốn kiếp này rồi", nàng nói.
"Như thể tôi là một tên nô lệ hày một cái gì đó. Ít nhất ở nhà bà Agnès, lúc nào cũng có một cái gì đó thay đổi. Tại sao mỗi khi đi nơi này nơi kia anh lại không cho tôi đi theo?"
"Anh đã giải thích với em rồi mà, Maggie. Anh không thể…".
Nàng chổm dậy khỏi giường, đứng trước mặt anh ra vẻ thách thức, chiếc áo choàng mở tung ra. "Đồ phân ngựa! Anh đem con trai anh đi khắp mọi nơi. Tôi không được bằng con trai anh hay sao?"
"Không", Jamie nói với một vẻ bình tĩnh sợ. "Cô không thể bằng con trai tôi được". Anh bước đến quầy rượu, rót một ly rượu mạnh cho mình. Đây là ly thứ tư – anh uống nhiều hơn thường lệ.
"Tôi không ra cái quái gì đối với anh cả", Maggie hét lên. "Tôi chỉ là một miếng mông đít mà thôi". Nàng ngả đầu ra phía sau, cười chế nhạo, "Đúng là một anh chàng "Scotchman" vĩ đại và đạo đức !".
"Scot – chứ không phải là "Scotchman" (4)".

“Vì Chúa, tôi xin anh đừng chỉ trích tôi nữa. Tất cả những gì tôi làm đều chẳng hay hớm gì cả. Thế anh tưởng anh là cái quái gì? Là bố của tôi hả”.

Jamie nghe thế đã quá đủ rồi. “Cô có thể trở về với bà Agnès sáng mai. Tôi sẽ báo cho bà ấy biết rằng cô sẽ trở về đó”. Anh nhặt lấy mũ, bước ra khỏi cửa.

“Anh không thể dứt bỏ tôi như vậy được, đồ chó đẻ”. Nàng đi theo anh, điên cuồng, giận dữ.

Jamie dừng lại ở cửa. “Tôi làm như thế thật đấy”. Nói xong, anh biến vào bóng tối.

Anh ngạc nhiên khi thấy mình bước đi loạng choạng. Trí óc anh rối mù. Có lẽ vì anh đã uống quá bốn ly rượu mạnh. Không hẳn thế. Anh nghĩ đến thân hình trần truồng của Maggie trên giường đêm hôm ấy. Nàng đã phô trương thân hình, đùa rỡn với anh, rồi co rụt lại. Nàng đùa với anh, mơn trớn anh, đưa cái lưỡi mềm của nàng lên khắp thân hình anh, làm cho người anh sục sôi lên. Thế rồi nàng bắt đầu chống lại anh, làm cho người anh nóng rực lên mà không được thoả mãn.

Về đến nhà, anh đi ngang qua hành lang trước nhà, và khi sắp sửa trở về phòng mình, anh đi ngang qua căn phòng đóng cửa kín của Margaret. Ở đó có đèn chiếu sáng từ dưới cánh cửa. Đột nhiên Jamie tưởng tượng lúc ấy Margaret đang nằm trên giường, mặc chiếc áo choàng mỏng dính, hay có lẽ không mặc gì cả. Anh

nhớ đến thân hình đầy đặn của nàng quằn quại bên dưới anh dưới bóng cây bên bờ sông Orange. Hướng dẫn bởi chất rượu trong người, anh mở cửa phòng Maragret, rồi bước vào.
Nàng đang nằm đọc sách bên cạnh ngọn đèn dầu. Nàng ngẩng mặt lên, tỏ vẻ ngạc nhiên. “Jamie… có chuyện gì không hay chăng?”.
“Không hay vì tôi muốn đến thăm bà vợ của tôi một chút hay sao?” Tiếng nói của anh lắp bắp.
Nàng mặc một chiếc áo mỏng dính, lộ rõ thân hình bên dưới tấm vải trong suốt. Lạy Chúa, nàng có một thân hình đẹp tuyệt trần. Anh bắt đầu cởi quần áo ra.
Margaret nhẩy chồm ra khỏi giường, cặp mắt mở to. “Anh định làm cái gì vậy?”.
Jamie đá cánh cửa cho nó sập lại sau lưng, rồi bước đến gần nàng. Chỉ trong chốc lát, anh vật ngã nàng xuống giường, rồi nằm xuống bên cạnh. “Lạy Chúa, anh muốn… em, Maggie ạ”. Trong lúc mơ mơ màng màng vì men rượu, anh không biết anh đang muốn cô Maggie nào. Nàng đã giãy giụa dữ dội. Phải, đây là con mèo rừng bé nhỏ của anh. Anh cười ha hả khi anh đã chế ngự được các cánh tay và chân nàng đập lên người anh túi bụi. Nhưng rồi đột nhiên nàng chịu nhượng bộ, kéo anh lại gần và nói, “Ôi, anh yêu quý, anh Jamie yêu quý của em. Em đang rất cần có anh”. Trong lúc ấy, Jamie thầm nghĩ. “Lẽ ra anh không

nên đối xử tệ bạc với em như thế. Đến sáng mai, anh sẽ nói cho em biết rằng em không phải trở về nhà bà Agnès nữa đâu".

Khi Margaret thức dậy vào sáng hôm sau, nàng thấy mình đang nằm một mình trên giường. Nàng vẫn còn cảm thấy thân hình khoẻ mạnh của Jamie bên trong người nàng, và nghe anh nói. "Lạy Chúa, anh muốn… em", rồi nàng thấy trong lòng tràn ngập một niềm vui sướng cuồng loạn và thật hoàn toàn. Nàng vẫn xử sự đúng từ trước đến nay. Nàng yêu chàng thật sự. Bao nhiêu lâu chờ đợi, bao nhiêu nỗi đau khổ, cô đơn và nhục nhã, thế nhưng tất cả đều không vô ích.

Trong suốt thời gian còn lại của ngày hôm ấy, Margaret sống trong một trạng thái sung sướng, mê ly. Nàng tắm rửa, gội đầu, thay đổi ý định đến hàng chục lần chiếc áo nàng nên mặc để có thể làm vui lòng Jamie nhất. Nàng đuổi người nấu ăn đi nơi khác để nàng có thể tự tay chuẩn bị những món ăn Jamie ưa thích. Nàng xếp đặt lại bàn ăn không biết bao nhiêu lần mới hài lòng được về các ngọn nến và hoa bày biện trên đó. Nàng muốn rằng buổi tối hôm ấy thật hoàn hảo.

Jamie không về nhà ăn cơm, cũng không về nhà ngủ suốt đêm hôm ấy. Margaret ngồi trong thư phòng chờ đợi anh cho đến ba giờ sáng, rồi đi vào giường một mình.

Khi Jamie trở về nhà vào tối hôm sau, anh gật đầu lịch sự chào Margaret, rồi bước thẳng đến phòng con trai. Margaret đứng

nhìn theo anh, sững sờ, choáng váng, rồi chậm rãi quay lại nhìn mình trong tấm gương soi. Tấm gương soi ấy bảo với nàng rằng chưa bao giờ nàng trông xinh đẹp như thế, nhưng khi nhìn gần hơn nữa, nàng không thể nào nhận ra được đôi mắt. Đó là những con mắt của một kẻ xa lạ.

Chú thích:

(1) uitlander: Bọn người nước ngoài.

(2) Canopus: ngôi sao sáng nhất trên bầu trời phương Nam, trong chòm sao Argo.

(3) Maggie là tên gọi tắt thân mật của Margaret, trong tiếng Anh.

(4) Scot: người dân xứ Tô cách lan (Scotland). Scotchmand: cũng là người dân Tô cách lan, nhưng thường khi được dùng với ý lăng nhục.

Sidney Sheldon

Tay cự phách

Chương 10

"Tôi có tin mừng cần báo cho bà biết, bà McGregor ạ", Bác sĩ Teeger nói, nét mặt rạng rỡ. "Bà sắp có con".

Margaret sửng sốt khi nghe câu nói ấy của ông bác sĩ, không biết mình nên cười hay nên khóc. "Tin mừng à?". Đưa một đứa trẻ khác nữa vào trong một cuộc hôn nhân không có tình yêu là một điều không thể được. Margaret không còn có thể chịu đựng một sự nhục nhã như vậy. Nàng phải tìm ra một phương cách nào giải quyết. Trong khi suy nghĩ điều này, nàng bỗng cảm thấy cơn buồn nôn dâng lên rạo rực, mồ hôi toát ra như tắm.

Bác sĩ Teeger nói, "Buồn nôn hả?"

"Vâng, hơi một chút".

Ông đưa cho nàng ít viên thuốc. "Uống mấy viên này, sẽ đỡ nhiều. Sức khoẻ của bà tốt lắm, bà McGregor ạ. Không có gì phải lo cả. Bà chạy đi báo tin mừng này cho ông nhà biết đi".

"Vâng", nàng nói với vẻ chán nản. "Tôi sẽ làm việc ấy".

Jamie và nàng đang ngồi ở bàn ăn, bỗng nàng nói, “Em đi khám bác sĩ sáng nay. Ông ấy nói em sắp có con”.

Không một lời nào, Jamie quăng chiếc khăn ăn xuống bàn, đứng dậy khỏi chiếc ghế, rồi đùng đùng đi ra khỏi phòng. Đó là lúc Margaret nhận ra được rằng nàng có thể thù ghét Jamie cũng sâu đậm như nàng yêu chàng.

Thời kỳ mang thai thật là khó khăn, cực nhọc. Margaret thường nằm trên giường, mệt mỏi và yếu ớt. Nàng nằm ở đó giờ này qua giờ khác, tưởng tượng, hình dung Jamie đứng ở chân nàng, đang xin nàng tha thứ, rồi ân ái cuồng nhiệt với nàng lần nữa. Nhưng đó chỉ là tưởng tượng mà thôi. Sự thực nàng đã bị sa vào một cái bẫy. Nàng không có nơi nào để đi tới cả, và dù cho nàng có thể rời nơi này được, Jamie cũng sẽ không bao giờ cho phép nàng mang theo đứa con trai.

Bé Jamie bây giờ lên bảy rồi. Nó là một bé trai khoẻ mạnh, xinh đẹp, trí óc lanh lẹn và vui tính. Nó gần gũi với mẹ nó nhiều hơn, như thể nó đã ý thức được, bằng một cách nào đó, nỗi khổ sở của nàng. Nó làm những món quà tặng nhỏ ở trường học rồi đem về cho mẹ nó. Mỗi lần như vậy, Margaret tủm tỉm cười và cảm ơn nó, cố gắng làm ra bộ mặt vui vẻ. Khi bé Jamie hỏi tại sao bố thường vắng nhà vào buổi tối và không bao giờ đưa mẹ nó đi chơi thì Margaret trả lời, “Bố là một người quan trọng, Jamie ạ. Bố làm những việc quan trọng nên rất bận.”

Những gì xảy ra giữa bố nó và mình là vấn đề riêng của mình. Margaret nghĩ thầm, "cho nên mình không nên để bé Jamie ghét bố nó vì chuyện ấy."

Việc Margaret mang bầu càng lúc càng trở nên dễ thấy. Khi nàng ra ngoài phố, những người quen biết vẫn hay chặn nàng lại và nói, "Chắc không lâu nữa đâu, phải không bà McGregor? Tôi đoán lần này phải là một đứa con trai xinh đẹp giống như bé Jamie. Ông nhà chắc là sung sướng lắm."

Nhưng sau lưng nàng, họ nói "Thật là tội nghiệp. Bà ấy trông xanh xao, tiều tuỵ quá. Chắc là bà ấy đã biết về con đĩ mà ông ấy xem như là nhân tình…".

Margaret cố gắng chuẩn bị cho bé Jamie tiếp nhận sư ra đời của đứa em nó. "Con sắp có một em trai hoặc một em gái, con ạ. Lúc ấy con sẽ có em bé để chơi với con suốt ngày. Như thế thật là thích, con nhỉ?"

Jamie ôm mẹ hôn và nói: "Có nó bên cạnh, mẹ lại càng vui hơn, mẹ a".

Nghe vậy, Margaret cố ngăn chặn những giọt nước mắt đang muốn ứa lên.

Cơn đau đẻ bắt đầu lúc 4 giờ sáng. Bà Talley cho người gọi bà Hannah đến. Đứa bé ra đời vào đúng giữa trưa. Nó là một đứa bé gái khoẻ mạnh, có cái miệng giống mẹ và cái cằm giống cha, tóc quăn và đen xung quanh khuôn mặt bé nhỏ. Margaret đặt tên cho

nó là Kate. Đó là một cái tên hay, nghe có vẻ khoẻ mạnh, Margaret nghĩ thầm. Nó sẽ cần có sức mạnh. "Chúng ta đều cần như vậy cả. Mình phải đưa các con đi xa khỏi nơi này. Mình chưa biết bằng cách nào, nhưng bắt buộc phải tìm ra".

David Blackwell nhảy xổ vào văn phòng của Jamie McGregor mà không gõ cửa. Ngạc nhiên, Jamie ngước mắt nhìn lên. "Lại chuyện quái quỷ gì nữa?".

"Họ đang nổi loạn ở Namib".

Jamie đứng phắt dậy. "Sao? Có chuyện gì xảy ra vậy?"

"Một đứa bé da đen bị bắt quả tang đang ăn cắp một viên kiêm cương. Nó xẻ một cái lỗ ở dưới nách, rồi giấu viên kiêm cương trong đó. Để cho nó một bài học, Hans Zimmerman đánh nó bằng roi trước mặt những công nhân khác. Đứa bé ấy chết. Nó chỉ mới mười hai tuổi".

Mặt Jamie lộ vẻ tức giận. "Lạy chúa Jesus! Tôi đã ra lệnh ngưng việc đánh đập ở tất cả các khu mỏ rồi mà".

"Tôi đã cảnh cáo Zimmerman về chuyện ấy".

"Đuổi thằng chó đẻ ấy đi".

"Chúng tôi không tìm ra hắn".

"Tại sao?"

"Những người da đen đã giữ hắn lại. Hoàn cảnh bây giờ không còn kiểm soát được nữa".

Jamie chụp lấy chiếc mũ, "Anh ở lại đây, trông nom mọi việc

cho đến lúc tôi trở về".

"Tôi nghĩ ông đến đó không được an toàn đâu, ông McGregor ạ. Người dân bản xứ bị Zimmerman giết thuộc bộ tộc Barolong. Họ không tha thứ và không bao giờ quên. Tôi có thể…"

Nhưng Jamie đã bỏ đi rồi.

Khi Jamie còn cách xa mỏ kim cương mười dặm, anh có thể trông thấy khói bốc lên. Tất cả những căn chòi ở Namib đã biến thành những ngọn đuốc. Lũ điên khốn kiếp! Chúng nó đốt cả nhà của chúng. Khi chiếc xe ngựa của anh tiến lại gần hơn, anh nghe những tiếng súng nổ và tiếng người la hét. Giữa đám đông lộn xộn, bọn cảnh sát mặc đồng phục bắn vào các người da đen và da màu đang cố gắng một cách tuyệt vọng để trốn thoát. Người da trắng ít hơn, một chống chọi với mười, nhưng họ có vũ khí. Vừa trông thấy Jamie McGregor, viên cảnh sát trưởng, Bernard Sothey, hối hả chạy lại nói, "Thưa ông McGregor, ông đừng lo. Chúng tôi sẽ giết sạch lũ chó đẻ ấy".

"Giết cái con khỉ!" Jamie hét lên. "Ra lệnh cho người của ông ngừng bắn ngay đi!"

"Sao? Nếu chúng tôi…".

"Hãy làm như tôi bảo!" Jamie đứng nhình, trong lòng giận sôi lên khi trông thấy một người đàn bà da đen ngã gục xuống dưới tràng đạn như mưa rào. "Bảo các người của ông dừng lại ngay".

"Xin tuân lệnh", viên cảnh sát ra lệnh cho một viên phụ tá, rồi ba

phút sau, tiếng súng ngưng hẳn.

Xác chết nằm la liệt ở khắp nơi. "Nếu ông muốn nghe lời khuyên của tôi", Sothey nói, "tôi sẽ…"

"Tôi không cần lời khuyên của ông. Đem người cầm đầu của họ lại đây cho tôi".

Hai người cảnh sát đem một người da đen còn trẻ đến nơi Jamie đang đứng. Anh ta bị còng tay, người đầy máu me nhưng không lộ vẻ gì là sợ hãi cả. Anh đứng cao và thẳng, mắt như nảy lửa. Jamie nhớ lại lời nói của Banda về lòng kiêu hãnh của người Bantu: Isiko.

"Tôi là Jamie McGregor".

Người ấy nhổ phẹt xuống đất.

"Những gì vừa xảy ra không phải do tôi gây ra. Tôi sẽ đền bù cho các anh".

"Ông hãy nói như vậy với các người vợ goá của họ".

Jamie quay về phía Sothey. "Hans Zimmerman đâu rồi?"

"Chúng tôi còn đang tìm hắn, thưa ông".

Jamie thấy đôi mắt của người da đen loé lên. Anh biết rằng người ta sẽ không còn có thể tìm thấy Hans Zimmerman đâu nữa.

Anh nói với người da đen, "Tôi sẽ đóng cửa mỏ kim cương trong 3 ngày. Tôi muốn anh nói chuyện với các bạn của anh. Hãy lập một danh sách những điều than phiền của các anh để tôi xem xét.

Tôi hứa sẽ hết sức công bằng. Tôi sẽ sửa đổi tất cả những gì sai trái ở đây.”

Người da đen ấy nhìn anh, một vẻ nghi ngờ thoáng hiện trên nét mặt.

“Sẽ có một viên đốc công mới phụ trách ở đây, và điều kiện làm việc sẽ được cải thiện tử tế. Nhưng tôi mong đợi các anh sẽ trở lại làm việc trong 3 ngày nữa”.

Viên cảnh sát trưởng nói, vẻ chưa tin. “Ông muốn nói rằng ông sẽ thả hắn ra sao? Hắn giết một số người của tôi”.

“Sẽ có một cuộc điều tra đầy đủ và…”.

Có tiếng vó ngựa phi về phía họ. Jamie quay lại nhìn. Đó là David Blackwell. Sự xuất hiện bất ngờ của anh ta tại nơi này gieo một mối lo sợ trong đầu óc Jamie.

David nhảy xuống ngựa. “Thưa ông McGregor, con trai ông bị mất tích rồi”.

Cả thế giới đột nhiên lạnh hẳn lại.

Nửa dân số Klipdrift đều rời khỏi nhà, tham gia vào cuộc lùng kiếm. Họ đi khắp vùng thôn quê, sục sạo cống rãnh, mương, khe núi, nhưng không tìm thấy vết tích nào của thằng bé.

Jamie giống như một người bị ma làm. Thằng bé đi lang thang ở một nơi nào đó. Chỉ thế thôi. Rồi nói sẽ trở về nhà.

Jamie đi vào buồng Margaret. Nàng đang nằm trên giường, cho đứa con nhỏ bú.

“Có tin tức gì chưa?” nàng hỏi.

“Chưa, nhưng mà tôi sẽ tìm ra nó”. Anh nhìn đứa con gái nhỏ một lát, rồi quay lưng lại, bước ra ngoài, không nói thêm một lời nào.

Bà Talley bước vào trong phòng, hai bàn tay xoắn lại trên chiếc tạp dề. “Đừng có lo, bà Margaret ạ, Jamie lớn rồi. Cậu ấy biết tự lo cho mình”.

Mắt Margaret nhoà đi vì nước mắt, “Không ai nỡ làm hại bé Jamie, phải thế không? Điều ấy là dĩ nhiên rồi”.

Bà Talley với tay xuống, đỡ Kate từ tay Margaret.

“Bà hãy ngủ đi một lát”.

Bà bồng đứa bé vào phòng nuôi trẻ, đặt nó vào trong chiếc giường cũi. Kate nhìn lên bà, chúm chím cười.

“Cháu cũng nên ngủ đi một lát, cháu nhỏ ạ. Rồi đây cuộc đời cháu cũng sẽ nhộn nhịp lắm đấy”.

Bà Talley bước ra khỏi phòng, đóng cánh của phía sau lưng.

Đến nửa đêm, cửa sổ phòng ngủ được mở ra khe khẽ, rồi một người trèo vào trong phòng. Người ấy bước đến bên chiếc giường cũi, ném một chiếc mền lên đầu đứa bé, rồi nhắc bổng nó lên trong cánh tay.

Banda bỏ đi cũng nhanh chóng như khi anh vừa đến.

Chính bà Talley là người đầu tiên phát hiện ra rằng bé Kate đã mất tích. Thoạt nhiên bà tưởng rằng bà McGregor đã đến đây

vào lúc nửa đêm và bồng nó đi. Bà đến phòng Margaret và hỏi, "Đứa bé đâu rồi?"

Nhìn thấy nét mặt Margaret lúc ấy, bà biết ngay lập tức chuyện gì đã xảy ra.

Một ngày nữa đã qua, nhưng vẫn chưa tìm thấy vết tích của bé Jamie. Jamie gần như ngã quỵ. Anh đến gần Blackwell và hỏi, "Anh có nghĩ rằng có chuyện gì không hay đã xảy ra với bé Jamie không?". Giọng anh hầu như không kiềm chế nổi sự xúc động.

David cố thuyết phục, "Chắc chắn không có gì xảy ra, ông McGregor ạ".

Nhưng anh không chắc điều ấy. Anh đã cảnh báo McGregor rằng người Bantu không dễ tha thứ, cũng không dể quên, và chính một người Bantu đã bị giết một cách tàn nhẫn. David chắc chắn một điều: nếu người Bantu đã bắt cóc bé Jamie thì chắc chắn rằng thằng bé sẽ phải chịu một cái chết khủng khiếp, vì họ muốn mạng phải đền mạng.

Jamie trở về nhà vào lúc bình minh trong tình trạng kiệt quệ. Anh đã hướng dẫn một toán người tìm kiếm, gồm có dân thị trấn, người đi đào mỏ, cảnh sát viên và lục soát tất cả mọi nơi để tìm thằng bé, nhưng không có kết quả.

David đang chờ đợi thì Jamie bước vào phòng đọc sách. David liền đứng dậy nói, "Ông McGregor ạ, con gái ông vừa bị bắt

cóc”.

Jamie nhìn anh ta chằm chằm trong sự im lặng, nét mặt tái nhợt. Anh quay người lại, bước vào phòng ngủ.

Đã bốn mươi tám giờ đồng hồ rồi, anh không hề chợp mắt. Anh ngã xuống giường, hoàn toàn kiệt sức, rồi lăn ra ngủ. Anh đang ở dưới một cây baobab (1) to lớn, và ở xa xa, ngang thảo nguyên không có vết chân người, một con sư tử đang tiến gần về phía anh. Bé Jamie vẫy tay gọi anh. “Dậy đi, bố, một con sư tử đang đến kìa!”. Con vật bây giờ tiến lại phía họ nhanh hơn. Con trai anh lay người anh mạnh hơn nữa. “Dậy đi!” Jamie mở choàng mắt ra. Banda đang đứng nhìn xuống người anh. Jamie định mở lời, nhưng Banda đã đặt tay lên miệng anh.

“Im!” Anh để cho Jamie ngồi dậy.

“Con trai tôi đâu rồi?” Jamie hỏi.

“Nó chết rồi”.

Căn phòng bắt đầu quay cuồng.

“Tôi rất ân hận. Tôi đến trễ quá không kịp ngăn họ lại. Người của anh đã làm đổ máu người Bantu. Đồng bào tôi đòi hỏi phải trả thù”.

Jamie vùi mặt vào hai bàn tay. “Ôi lạy chúa, bọn chúng đã làm gì thằng bé ấy?”

Giọng Banda đượm vẻ buồn sâu sắc. “Họ để nó lại trong sa mạc. Tôi… tôi tìm ra xác của nó, rồi đem đi chôn”.

“Ồ không thể thế được! Không thể như thế được!”

“Tôi cũng đã cố cứu nó, Jamie ạ”.

Jamie chậm rãi gật đầu chấp nhận điều ấy. Rồi anh buồn bã hỏi, “Thế con gái tôi thì sao?”

“Tôi đã đem nó đi xa trước khi bọn chúng đến đây để bắt nó. Rồi đây, nó sẽ trở lại phòng ngủ của nó, vẫn còn đang ngủ. Nó sẽ không bị hề hấn gì, nếu anh làm như anh đã hứa”.

Jamie ngước mắt nhìn lên. Mặt anh giống như một chiếc mặt nạ thù hận. “Tôi sẽ giữ lời hứa. Nhưng tôi muốn những kẻ nào đã giết sẽ phải trả giá”.

Banda lặng lẽ nói: “Như vậy anh sẽ phải giết toàn thể bộ tộc của tôi, Jamie ạ”.

Nói xong, Banda bỏ đi.

Đó chỉ là một cơn ác mộng, nhưng nàng cố khép mắt lại thật chặt, bởi vì nàng biết rằng nếu nàng mở ra, cơn ác mộng sẽ trở thành hiện thực, và hai đứa con của nàng sẽ chết. Vì vậy, nàng tự bày ra một trò chơi. Nàng sẽ giữ cho mắt nàng khép thật chặt, cho đến khi nàng cảm thấy bàn tay bé nhỏ của Jamie đặt lên tay nàng nói: “Không hề gì đâu, mẹ ạ. Chúng con đang ở đây. Chúng con đều an toàn”.

Nàng đã nằm trên giường suốt ba ngày, không nói chuyện với ai, không nhìn ai. Bác sĩ Teeger đến, rồi lại đi, nhưng Margaret không hề biết. Đến nửa đêm, Margaret đang nằm trên giường,

khép mắt lại, bỗng nàng nghe một tiếng rơi đánh sầm phát ra từ phòng của con trai. Nàng mở mắt ra, lắng nghe. Lại thêm một tiếng nữa. Bé Jamie đã trở về!

Margaret vội vã rời khỏi giường, chạy dọc hành lang đến cánh cửa khép lại của phòng con nàng. Qua cánh cửa nàng nghe những âm thanh lạ lùng như tiếng thú vật. Tim nàng đập cuồng loạn, nàng đẩy cho cánh cửa mở ra.

Chồng nàng đang nằm trên sàn nhà, mặt và thân hình méo mó co quắp. Một mắt khép lại, còn mắt kia thì mở ra nhìn lên nàng với vẻ quái dị. Anh như đang cố gắng nói điều gì, nhưng những lời lẽ phát ra nghe như tiếng ùng ục của một con vật.

Margaret thì thào, "Ôi, Jamie, Jamie".

Bác sĩ Teeger nói, "Tôi e rằng tin này không hay lắm cho bà, bà McGregor ạ. Chồng bà bị một cơn đau tim nặng. Chỉ có năm mươi phần trăm sống sót thôi. Nhưng nếu ông ấy sống được thì cũng giống như một thực vật thôi. Tôi sẽ thu xếp để đưa ông ấy vào một dưỡng đường tư để người ta chăm sóc ông cho tử tế".

"Không".

Ông bác sĩ nhìn Margaret với vẻ ngạc nhiên. "Không cái gì?"

"Không có bệnh viện nào cả. Tôi muốn ông ấy ở đây với tôi".

Ông bác sĩ suy nghĩ một lát. "Thôi cũng được. Bà sẽ cần một nữ y tá. Tôi sẽ thu xếp…".

"Tôi không cần điều dưỡng viên, tôi sẽ tự tay chăm sóc cho

Jamie".

Bác sĩ Teeger lắc đầu. "Không thể như thế được, bà McGregor ạ. Bà không hiểu những gì liên hệ đến chuyện này. Ông nhà không còn hoạt động như một con người nữa. Ông ấy hoàn toàn bị tê liệt, và sẽ mãi mãi như vậy cho đến lúc chết".

"Tôi sẽ săn sóc cho ông ấy".

Lúc này, Jamie mới thực sự, và cuối cùng đã thuộc về nàng.

Chú thích:

(1) baobab: một loại cây cao và to ở Ấn Độ và Phi Châu, có vỏ rất dày và sợi của nó được dùng để làm dây thừng.

Sidney Sheldon

Tay cự phách

Chương 11

Jamie Mc Gregor sống được đúng một năm kể từ ngày anh bắt đầu lâm bệnh, nhưng đó là thời gian hạnh phúc nhất trong cuộc đời của Margaret. Jamie hoàn toàn bất lực. Anh không nói chuyện được, cũng không cử động. Margaret săn sóc cho chồng, chăm chút từng nhu cầu của anh, ngày cũng như đêm. Ban ngày, nàng đỡ anh ngồi dậy trong chiếc xe đẩy trong phòng may vá, và trong khi nàng đan những chiếc áo len, may những chiếc áo choàng cho anh, nàng nói chuyện với anh. Nàng bàn luận về những vấn đề nhỏ nhặt trong nhà trong cửa, mà anh chưa hề bao giờ được nghe nói trước đó, rồi nàng kể cho anh nghe về bé Kate đã tiến bộ ra sao. Đến đêm, nàng bồng thân hình gầy như bộ xương của Jamie đến phòng ngủ của nàng, nhẹ nhàng đặt anh lên giường bên cạnh nàng. Nàng đắp chăn cho anh, rồi hai người mở đầu cuộc nói chuyện lảm nhảm một chiều cho đến khi Margaret bắt đầu thấy buồn ngủ.

David Blackwell điều hành mọi công việc của công ty Kruger-Brent. Thỉnh thoảng, David đem giấy tờ đến nhà để Margaret ký, và cảm thấy đau nhói trong lòng mỗi khi trông thấy tình trạng bất lực của Jamie. Ta chịu ơn người này về tất cả mọi phương diện, David thầm nghĩ.

"Anh đã chọn người rất khéo, Jamie ạ." Margaret nói với chồng. "David là một người rất tốt" Nàng đặt đồ thêu xuống, tủm tỉm cười. "Anh ta làm cho em nhớ lại anh xưa kia. Tất nhiên, chưa bao giờ có người nào thông minh, tài giỏi như anh, anh yêu quý ạ, và sẽ không bao giờ có một người như vậy nữa đâu. Anh trước kia là một người rất đẹp đẽ, mạnh khoẻ và tốt bụng. Anh không e ngại mơ tưởng những việc cao xa, thế nhưng bây giờ, tất cả những giấc mơ của anh đều trở thành sự thật. công ty của ta mỗi ngày mỗi lớn mạnh. Nàng nhặt đồ thêu lên, tiếp tục làm việc.

"Bé Kate đã bắt đầu nói chuyện được rồi. Em chắc chắn rằng sáng nay nó đã biết kêu: "Mẹ!" được rồi…"

Jamie được chống đỡ để ngồi dậy trong chiếc xe đẩy, một mắt nhìn chằm chằm về phía trước.

"Bé Kate có cặp mắt và cái miệng của anh. Lớn lên nó sẽ rất xinh đẹp."

Sáng hôm sau, khi Margaret thức dậy, Jamie McGregor đã chết. Nàng ôm anh trong vòng tay, áp sát vào người mình.

"Anh hãy yên nghỉ, anh yêu quý. Hãy yên nghỉ. Em lúc nào cũng

yêu anh rất nhiều, Jamie ạ. Em hi vọng anh hiểu cho điều ấy. Vĩnh biệt anh, người yêu thân thiết của riêng em."

Bây giờ nàng sống cô đơn. Chồng và con trai nàng đã rời bỏ nàng rồi. Chỉ còn có nàng và đứa con gái. Margaret đi vào phòng đứa bé, nhìn xuống Kate đang nằm ngủ trong chiếc giường cũi. Katherine, Kate. Tên đấy là do chữ Hi Lạp có nghĩa là trong sáng, tinh khiết. Đó là một cái tên dành cho các vị thánh, các nữ tu và các bà hoàng.

Margaret nói thật to: "Con sẽ trở thành người nào trong các vị ấy, hở Kate?"

Lúc ấy là vào thời kì bành trướng mạnh mẽ ở Nam Phi, nhưng cũng là một thời kì đấu tranh kịch liệt. Cuộc tranh giành vùng Transvaal vẫn dai dẳng giữa người Boer và người Anh, và cuối cùng nổ bùng ra. Ngày thứ năm, 12 tháng 10 năm 1899, vào ngày sinh nhật thứ bảy của Kate, người Anh tuyên chiến với người Boer, và ba ngày sau Tiểu bang Tự do Orange bị tấn công. David cố gắng thuyết phục Margaret rời Nam Phi, cùng với Kate, nhưng Margaret từ chối.

"Chồng tôi ở đây", nàng nói.

David không còn có cách nào thuyết phục được nàng. Anh nói với Margaret: "Tôi sẽ gia nhập nhóm người Boer. Bà có thể lo toan mọi việc được không?"

“Cố nhiên là được”, Margaret nói. “Tôi sẽ giữ cho công ty vẫn tiếp tục hoạt động.”
Sáng hôm sau, David lên đường.

Người Anh nghĩ rằng họ sẽ chiến thắng dễ dàng và nhanh chóng. Đó chỉ là một cuộc hành quân áp đảo mà thôi, vì vậy, họ đi vào cuộc chiến với tinh thần tin tưởng, vô tư và vui vẻ như một ngày nghỉ lễ. Trong các trại lính Hyde Park ở London, người ta tổ chức một bữa ăn tiễn chân binh sĩ, với một thực đơn đặc biệt trên đó có vẽ một người lính Anh giơ tay cao một cái khay đựng thủ cấp của một con lợn rừng. Các món ăn trên thực đơn toàn những món được đặt tên bằng các vùng đất, thị trấn, thành phố Nam Phi: chẳng hạn, sò huyết Blue Points, thịt cừu Mafeking, củ cải Transvaal, nước sốt Cape Town, phó mát Hà Lan, rượu Orange v.v…
Nhưng đến Nam Phi, người Anh đã vấp phải một ngạc nhiên lớn. Người Boer ở trên lãnh thổ của họ nên họ rất cứng rắn và cương quyết. Cuộc chiến đấu đầu tiên diễn ra ở Mafeking, chỉ lớn hơn một ngôi làng một chút, và đây cũng là lần đầu tiên họ nhận thức được kẻ thù của họ như thế nào. Nhiều đạo quân nữa được nhanh chóng chở từ nước Anh đến. Họ bao vây Kimberley, và chỉ sau một cuộc chiến đấu hung dữ, đẫm máu, họ mới tiến chiếm được Ladysmith. Các đại pháo của người Boer có tầm xa hơn các đại

pháo của người Anh, vì vậy người ta phải gỡ các súng tầm xa trên các chiến hạm Anh, chuyển vào đất liền, và dùng các thuỷ thủ điều khiển các khẩu súng lớn ấy ở cách xa các chiến thuyền của họ đến hàng trăm dặm.

Ở Klipdrift, Margaret hăm hở theo dõi tin tức của mỗi trận đánh. Nàng và những người xung quanh nàng sống bằng các tin đồn; tâm trạng của họ thay đổi từ vui mừng đến thất vọng, tuy theo mỗi tin tức nhận được. Rồi một buổi sáng nọ, một nhân viên của Margaret chạy xộc vào văn phòng nàng và nói, "Tôi vừa nghe tin quân Anh đang tiến về phía Klipdrift. Họ sẽ giết tất cả chúng ta"

"Vô lý! Họ không dám đụng đến chúng ta đâu."

Năm giờ đồng hồ sau đó, Margaret McGregor đã trở thành một tù nhân chiến tranh.

Margaret ôm Kate được đến Paardeberg, một trong hàng trăm trại tù binh đã mọc lên khắp Nam Phi. Tù nhân được nhốt trong những vùng đất rộng lớn có dây kẽm gai bao bọc xung quanh và do lính Anh võ trang canh giữ. Điều kiện ăn ở tại đó thật tệ hại. Margaret ôm Kate vào lòng và nói, "Đừng có lo, con ạ. Sẽ không có chuyện gì xảy ra với chúng ta đâu."

Nhưng không một ai tin điều đó. Mỗi ngày lại ghi nhận thêm nhiều chuyện kinh khủng. Họ trông thấy những người xung quanh chết, đông hàng chục, hàng trăm, rồi đến hàng nghìn người. Không có bác sĩ, thuốc men cho những người bị thương,

lương thực thì hiếm hoi. Cơn ác mộng ấy vẫn cứ tiếp diễn thường trực trong hầu hết ba năm đau khổ ấy. Tệ hại nhất là cảm giác hoàn toàn bất lực. Margaret và Kate hoàn toàn phó mặc số phận cho những bữa cơm, nơi trú ẩn và cả đới sống của họ nữa. Kate sống trong sự kinh hãi. Cô nhìn thấy trẻ xung quanh bị chết, và lo sợ rằng cô sẽ là kẻ kế tiếp. Cô bất lực, không giúp đỡ gì được cho mẹ và cho bản thân, đó là một bài học mà cô sẽ không bao giờ quên được. Quyền lực. Giá như ta có sức mạnh, ta sẽ có thức ăn. Ta sẽ có thuốc. Ta có tự do. Cô nhìn thấy những kẻ xung quanh ốm rồi chết, rồi cô cân nhắc giữa quyền lực và sự sống. Kate tự nhủ, "Một ngày kia, ta sẽ có quyền lực. Không một ai có thể làm như thế này đối với ta nữa đâu."

Những trận chiến dữ dội vẫn tiếp diễn – ở Belmont, Graspan, Stormberg và Spiocnkop – nhưng cuối cùng, những người Boer anh dũng đã chứng tỏ họ không phải là những địch thủ cân xứng của đế quốc Anh mạnh mẽ. Vào năm 1902, sau gần ba năm chiến tranh, đẫm máu, người Boer đầu hàng. Năm mươi lăm ngàn người Boer chiến đấu, và ba mươi bốn ngàn binh lính, đàn bà, trẻ con của họ đã chết. Nhưng điều đã khiến cho những kẻ sống sót cảm thấy cay đắng sâu sắc, ấy là khi họ biết rằng hai mười tám ngàn người trong số đó đã chết trong các trại tập trung của người Anh.

Vào ngày các cánh cổng của trại giam được mở tung ra,

Margaret và Kate trở lại Klipdrift. Ít tuần lễ sau, vào một ngày chủ nhật yên tĩnh, David Blackwell đến thăm họ. Chiến tranh khiến cho anh trở nên già dặn hơn, nhưng anh vẫn là anh chàng David nghiêm trang, biết suy nghĩ chín chắn, mà Margaret trước kia đã tin cậy. David đã trải qua ba năm kinh khủng ấy trong chiến đấu, và luôn luôn lo lắng không biết Margaret và Kate còn sống hay đã chết. Khi trông thấy họ được an toàn, anh cảm thấy một nỗi vui mừng tràn ngập.

"Tôi ước ao làm sao có thể che chở được cho bà và cô Kate." David nói với Margaret.

"Tất cả chuyện ấy thuộc về quá khứ rồi, David ạ. Chúng ta chỉ nên nghĩ đến tương lai mà thôi."

Và tương lai ấy là công ty Kruger-Brent.

Đối với thế giới, năm 1900 là một bảng đá còn trinh bạch trên đó lịch sử sẽ được viết ra, một thời đại mới hứa hẹn thanh bình và hi vọng không bờ bến cho mọi người. Một thế kỷ mới bắt đầu, đem lại những phát minh kì diệu làm thay đổi đời sống trên toàn cầu. Máy hơi nước, xe tự động chạy bằng điện được thay thế bởi máy nổ. Có tàu ngầm và máy bay. Dân số thế giới bùng nổ đạt đến con số một tỉ rưỡi người. Đó là thời kì tăng trưởng và bành trướng, và trong sáu năm kế tiếp đó, Margaret và David đã tận dụng được tất cả mọi cơ hội làm ăn tốt đẹp.

Trong những năm ấy, Kate lớn lên, hầu như không có ai trông nom. Mẹ nàng quá bận bịu với công việc điều hành công ty cùng với David nên không chú ý được nhiều đến Kate. Cô là một đứa trẻ ngang tàng, cứng cổ, ngoan cố, khó bảo. Một bữa trưa nọ, khi Margaret trở về nhà sau một buổi họp công việc, nàng thấy cô con gái mười bốn tuổi đang lăn lộn trong sân đầy bùn, đấm đá với hai đứa con trai. Margaret trố mắt nhìn con, kinh hãi, khó tin. "Chết thật!", nàng nói thì thầm trong miệng, "Đó là đứa con gái một ngày kia sẽ điều khiển cả Công ty Hữu hạn Kruger-Brent. Cầu chúa phù hộ cho tất cả chúng tôi!"

Sidney Sheldon

Tay cự phách

Chương 12

Một đêm mùa hè nóng nực vào năm 1914, Kate McGregor đang ngồi làm việc một mình trong văn phòng tại toà nhà trụ sở chính của Công ty Hữu hạn Kruger-Brent, bỗng nghe có tiếng xe hơi tiến lại gần. Nàng đặt tập hồ sơ đang xem giở xuống, bước đến cửa sổ, nhìn ra ngoài. Hai chiếc xe cảnh sát và một chiếc xe tuần tra đã dừng lại trước toà nhà. Kate đứng nhìn, nhăn mặt lại, trong khi sáu người cảnh sát mặc đồng phục nhảy ra khỏi xe, vội vã chặn các cổng ra vào toà nhà. Lúc ấy đã khuya, đường phố vắng tanh. Kate bắt gặp hình ảnh của mình phản chiếu lờ mờ trên kính cửa. Nàng là một phụ nữ xinh đẹp với cặp mắt xám nhạt của cha và hình dáng đầy đặn của mẹ.

Có tiếng gõ trên cánh cửa văn phòng. Kate gọi to: "Cứ vào."

Cánh cửa mở ra, hai người mặc đồng phục bước vào. Một người đeo huy hiệu chức vụ thanh tra cảnh sát.

"Chuyện gì xảy ra thế?". Kate hỏi.

“ Tôi xin lỗi đã quấy rầy cô vào giờ này, cô McGregor. Tôi là Thanh tra Cominsky.”

“Có vấn đề gì vậy, ông Thanh tra?”

“Chúng tôi nhận được báo cáo cho biết có một tên giết người vượt ngục vừa mới đi vào toà nhà này.”

Vẻ kinh ngạc hiện rõ trên nét mặt Kate. “Vào toà nhà này?”

“Thưa cô, vâng ạ. Hắn có vũ khí và rất nguy hiểm.”

Kate nói với vẻ lo sợ: “Vậy tôi rất cảm ơn, ông Thanh tra ạ, nếu ông tìm ra được hắn và đưa hắn ra khỏi nơi này.”

“Đó chính là điều chúng tôi dự định làm đó. Cô McGregor ạ. Vậy cô có thấy hay nghe cái gì khả nghi không?”

“Không. Nhưng tôi ở đây một mình, và có rất nhiều nơi người ta có thể ẩn nấp được. Tôi muốn ông cho người các ông lục soát nơi này thật kĩ.”

“Chúng tôi sẽ khởi sự ngay bây giờ.”

Viên thanh tra quay lại, gọi những người đang đứng trong hành lang, “Toả ra khắp nơi. Bắt đầu bằng hầm nhà, rồi soát đến tận mái nhà.” Ông ta quay lại Kate, “Có phòng nào khoá kín không?”

“Chắc là không”, Kate nói, “Nhưng nếu có, tôi sẽ mở ra cho ông.”

Thanh tra Cominsky trông thấy vẻ lo sợ rõ rệt ở nàng, nhưng ông không thể trách gì được. Nàng chắc hẳn còn cuống lên nữa nếu

biết được rằng kẻ mà họ đang tìm kiếm nguy hiểm đến như thế nào. "Chúng tôi sẽ tìm ra hắn," ông ta cố trấn an Kate.

Kate nhặt tờ báo cáo nàng đang đọc giở, nhưng không thể nào tập trung được. Nàng nghe tiếng cảnh sát sục sạo khắp toà nhà, từ phòng này đến phòng kia. Không biết họ có tìm ra hắn không nhỉ? Nàng rùng mình.

Các cảnh sát viên di chuyển chậm chạp, lục lọi một cách có phương pháp từng ngõ ngách từ hầm nhà lên đến mái nhà. Bốn mươi lăm phút sau, viên thanh tra Cominsky trở lại phòng giấy của Kate.

Nàng nhìn vào mặt ông ta. "Ông không tìm ra hắn?"

"Chưa, nhưng xin cô đừng lo…"

"Tôi lo lắm, ông thanh tra ạ. Nếu có một tên giết người vượt ngục lẻn vào trong toà nhà này, tôi rất mong ông tìm ra hắn."

"Chắc chắn sẽ tìm được, thưa cô McGregor. Chúng tôi có chó săn."

Từ nơi hành lang, nàng nghe có tiếng chó sủa, và một lát sau, một người huấn luyện chó săn đi vào với hai con chó săn giống Đức to lớn buộc ở đầu sợi dây.

"Những con chó này đã lục lọi khắp toà nhà, thưa ông. Chỉ còn văn phòng này là chưa lục soát thôi."

Viên thanh tra quay về phía Kate. "Cô có lúc nào rời khỏi văn phòng này trong chừng một giờ qua không?"

“Có, tôi đi tìm ít giấy tờ trong phòng chứa hồ sơ. Ông nghĩ rằng hắn có thể…” Nàng rùng mình. “Tôi muốn ông lục soát văn phòng này hộ tôi.”

Viên thanh tra ra hiệu lệnh. Người huấn luyện thả chó ra khỏi sợi dây, ra lệnh, “Tìm đi!”

Hai con chó như điên cuồng. Chúng chạy đến một cánh cửa đóng kín sủa ầm ĩ.

“Ôi, Lạy Chúa!” Kate kêu lên. “Hắn ở trong đó!”

Viên thanh tra rút súng ra. “Mở cánh cửa ấy ra!” Ông ra lệnh.

Hai viên cảnh sát tiến đến cánh cửa tủ ăn sâu vào tường, tay lăm lăm khẩu súng, rồi kéo cánh cửa mở ra. Chiếc tủ trống rỗng. Một con chó lại chạy đến một cánh cửa khác, cào lên đó dữ dội.

“Cửa này dẫn đến đâu vậy?”

“Đến một phòng rửa ráy.”

Hai viên cảnh sát đứng thủ thế ở hai bên cánh cửa, rồi giật mạnh nó ra. Không ai bên trong đó cả.

Viên huấn luyện chó có vẻ bối rối: “Những con chó này không bao giờ hành động như vậy trước đây.” Hai con chó chạy cuồng loạn quay căn phòng. “Chúng đã đánh hơi được rồi. Nhưng hắn ta ở đâu kia chứ?”

Cả hai con chó chạy đến một ngăn kéo ở bàn viết của Kate và tiếp tục sủa.

“À, tôi hiểu ra rồi,” Kate cố cười lên thật to. “Hắn ta ở trong

ngăn kéo của tôi đấy."

Viên thanh tra Cominsky tỏ vẻ bối rối, "Tôi xin lỗi đã quấy rầy cô, thưa cô McGregor." Rồi quay về phía viên huấn luyện, ông ta gắt lên, "Đem mấy con chó ra khỏi đây!"

"Ông không bỏ đi chứ?" Giọng Kate đượm vẻ lo ngại.

"Thưa cô McGregor, tôi có thể cam đoan với cô rằng cô hoàn toàn không gặp nguy hiểm gì cả. Người của tôi đã lục lọi từng ngõ ngách trong toà nhà này rồi. Tôi có thể đưa ra lời bảo đảm rằng tên ấy không có ở đây. Tôi e rằng đây chỉ là một vụ báo động hão thôi. Tôi xin lỗi cô."

Kate nuốt nước bọt đánh ực một cái. "Chắc ông cũng biết ông đã làm một người đàn bà phải lo sợ đến thế nào vào buổi tối như thế này."

Kate đứng ở cửa sổ nhìn ra, theo dõi cho đến khi chiếc xe hơi cuối cùng của cảnh sát đã đi ra. Khi họ đã biến mất hút, nàng mở ngăn kéo bàn viết, rút ra một đôi giày vải đẫm máu. Nàng mang nó xuống hành lang, đến một cánh cửa có ghi dòng chữ "Phòng riêng, chỉ dành cho nhân viên có thẩm quyền", rồi nàng đi vào. Căn phòng này trống trơn, chỉ có một tủ sắt lớn, xây hẳn vào trong tường. Đó là hầm chứa kim cương của Công ty Kruger-Brent trước khi được chở xuống tàu. Kate quay các con số trên tủ sắt, rồi kéo cánh cửa đồ sộ ra. Hàng chục hộp sắt bằng kim khí được gắn hẳn vào các cạnh của hầm, tất cả đều chứa đầy kim

cương. Ở ngay giữa hầm này, có một người gần như bất tỉnh nằm ngay trên sàn. Đó là Banda.

Kate quỳ xuống bên cạnh anh. "Bọn họ đi rồi"

Banda chậm rãi mở mắt ra, cố mở một nụ cười yếu ớt. "Nếu tôi có cách nào ra khỏi cái hầm này, cô có biết tôi sẽ giàu có đến như thế nào không, cô Kate?"

Kate đỡ Banda đứng dậy. Anh nhăn mặt lại đau đớn khi nàng sờ vào cánh tay anh. Nàng đã băng bó cho anh, nhưng máu vẫn rỉ ra qua lớp vải.

"Bác có đi giày lấy được không?" Chính nàng đã cởi đôi giày ấy ra cho anh trước đó, và để đánh lạc hướng các chó săn mà nàng biết thế nào cũng được đưa đến đây, nàng xỏ chân vào đôi giày ấy và đi lòng vòng trong văn phòng, rồi đem giấu chúng trong ngăn kéo.

Bây giờ, Kate nói, "Nào, chúng ta phải rời ngay đây."

Banda lắc đầu nói, "Tôi sẽ đi một mình. Nếu họ bắt gặp cô giúp đỡ cho tôi thì chắc chắn sẽ có lôi thôi to."

"Cứ để một mình tôi lo chuyện ấy."

Banda đưa mắt nhìn một vòng xung quanh hầm.

"Bác có cần đem theo một it kim cương không? Xin bác cứ lấy tự nhiên."

Banda nhìn vào mặt Kate, và nhận ra rằng cô đã nói nghiêm chỉnh. "Bố cô đã từng nói với tôi như vậy xưa kia."

Kate cười ngượng nghịu, “Tôi biết”

“Tôi không cần tiền. Tôi chỉ cần phải rời khỏi thị trấn này một thời gian.”

“Bác nghĩ làm thế nào ra khỏi Johannesburg được?”

“Tôi sẽ tìm cách.”

“Nghe đây này. Cảnh sát đã chặn tất cả các ngả đường. Mọi nơi ra vào thành phố đều bị canh gác. Một mình bác không có cơ may nào đi lọt đâu.

Banda nói một cách bướng bỉnh, “Cô đã giúp tôi quá nhiều rồi.” Anh đã xỏ được đôi giày vào chân. Hình dáng anh trông thật là tiều tuỵ. Anh đứng ở đấy, mặc chiếc áo sơ mi và áo vét rách rưới đẫm máu. Mặt anh đầy sẹo, tóc bạc, nhưng khi Kate nhìn anh, nàng thấy anh vẫn là con người cao lớn, đẹp đẽ giống như nàng trông thấy anh lần đầu tiên, khi nàng còn là một đứa trẻ nhỏ.

“ Bác Banda ạ, nếu người ta bắt được bác, họ sẽ giết bác đấy,” Kate lặng lẽ nói, “Bác sẽ đi với tôi.”

Nàng biết nàng đã nói đúng về các nút chặn của cảnh sát. Mọi ngõ ra vào Johannesburg đều được canh gác kĩ bởi các toán tuần tra cảnh sát. Việc tóm bắt Banda được coi là ưu tiên hàng đầu và các nhà chức trách đã được lệnh đem anh ta về, dù là sống hay chết. Các nhà ga xe hoả và đường xá cũng đều được canh chừng.

“Tôi hi vọng rằng cô có một kế hoạch hay hơn là kế hoạch của bố cô xưa kia,” Banda nói. Giọng anh yếu hẳn. Kate tự hỏi

không biết anh đã mất bao nhiêu máu.

"Bác đừng nói chuyện nữa. Hãy dành sức khoẻ lại. Để mọi thứ cho tôi lo liệu." Giọng Kate có vẻ chắc chắn hơn sự tin tưởng của chính nàng. Mạng sống của Banda nằm trong tay nàng, và nàng không thể nào chịu đựng được, nếu có chuyện gì xảy ra với Banda. Một lần nữa, có lẽ đây là lần thứ một trăm, nàng ao ước rằng David đừng phải đi xa. Lúc này, nàng sẽ phải giải quyết mọi thứ mà không có sự giúp đỡ của David.

"Tôi sẽ đánh xe vòng đến lối đi." Kate nói. "Bác chờ tôi độ mười phút rồi bác hãy đi ra ngoài. Tôi sẽ để mở cánh cửa sau của chiếc xe. Bác hãy lẻn vào xe, nằm ở dưới sàn. Sẽ có một tấm mền ở đó để bác phủ lên người."

"Kate ạ, chúng nó lục lọi mọi chiếc xe hơi rời thành phố."

"Chúng ta sẽ không đi bằng xe hơi, bác ạ. Sẽ có một chuyến tàu hoả đi Cape Town vào lúc tám giờ sáng. Tôi sẽ ra lệnh cho nối toa xe riêng của tôi vào đó."

"Thế cô định đưa tôi ra khỏi nơi này bằng toa riêng của cô à?"

"Đúng vậy."

Banda cố nở một nụ cười. "Những người trong họ McGregor của cô quả thực chỉ thích những chuyện hồi hộp, gay cấn!"

Ba mươi phút sau, Kate lái xe đến bãi xe hoả. Banda nằm trên sàn xe ở ghế sau, nấp dưới một tấm mền. Họ không gặp rắc rối gì khi đi qua các nút chặn trong thành phố, nhưng khi chiếc xe hơi

của Kate đi vào trong bãi đậu xe hoả, bỗng có ánh đèn loé lên, Kate thấy rằng con đường đã bị ngăn chặn bởi nhiều cảnh sát viên. Một dáng người quen thuộc tiến đến gần chiếc xe hơi.

"Thanh tra Cominsky!"

Ông ta có vẻ ngạc nhiên. "Cô McGregor, cô định làm gì ở đây?"

Nàng nhìn ông ta, nở một nụ cười rất nhanh, có vẻ lo sợ, "Chắc ông sẽ cho tôi là một người đàn bà ngớ ngẩn, yếu đuối, ông thanh tra ạ, nhưng thú thật với ông, chuyện xảy ra vừa rồi ở văn phòng làm cho tôi sợ mất hồn vía. Tôi đã quyết định rời khỏi thành phố này cho đến khi nào các ông bắt được tên giết người các ông đang lùng kiếm ấy. Thế các ông đã bắt được hắn chưa?"

"Thưa cô, chưa ạ. Nhưng thế nào rồi cũng bắt được. Tôi có linh cảm rằng hắn sẽ đến bãi xe hoả này. Hắn có chạy đằng trời cũng không thoát được."

"Tôi cũng hi vọng là như vậy."

"Cô định đi đâu?"

"Toa xe riêng của tôi đang đậu ở đằng kia. Tôi sẽ dùng toa ấy để đi Cape Town."

"Cô có cần một số người của tôi đi theo hộ tống không?"

"Ồ, cảm ơn ông thanh tra, nhưng điều đó không cần thiết lắm. Bây giờ tôi cảm thấy nhẹ nhõm hơn nhiều vì biết có ông và các nhân viên của ông ở đây."

Năm phút sau, Kate và Banda đi vào chiếc toa xe an toàn. Nơi ấy

tối đen như mực.

“Xin lỗi. Tôi không muốn đốt đèn lên.” Kate nói.

Nàng đỡ Banda lên giường nằm. “Bác sẽ ở đây an toàn cho đến sáng mai. Khi chúng ta bắt đầu khởi hành, bác sẽ nấp trong phòng tắm rửa.”

Banda gật đầu, “Cám ơn cô.”

Kate kéo các tấm che ở cửa sổ. “Bác có bác sĩ nào săn sóc bác khi chúng ta đến Cape Town hay không?”

Banda ngước mặt lên hỏi: “Chúng ta?”

“Bác nghĩ rằng tôi có thể để cho bác đi một mình hay sao? Như vậy thì còn gì là vui thú nữa?”

Banda ngả đầu về phía sau, cười lớn, “Thật đúng là cha nào con nấy!”

Vào lúc bình minh vừa rạng, một đầu xe hoả đến kéo toa xe riêng của Kate đến con đường ray chính, ráp vào phía sau đoàn tàu sắp đi Cape Town. Toa xe lắc lư một lát khi được ráp nối với đoàn tàu.

Đúng tám giờ, chiếc tàu rời khỏi ga. Kate đã nhắn nhủ mọi người rằng nàng không muốn bị ai quấy rầy. Vết thương của Banda đang chảy máu. Kate lo chăm sóc cho anh. Nàng chưa có dịp hỏi han Banda từ đêm hôm trước, khi Banda loạng choạng bước vào văn phòng nàng trong tình trạng gần như chết. Bây giờ nàng mới nói. “Bác Banda, bác hãy kể lại cho tôi nghe chuyện gì đã xảy

ra.”

Banda ngước mắt lên nhìn Kate và suy nghĩ. Bắt đầu bằng chỗ nào bây giờ? Làm sao mà giải thích cho Kate nghe về chuyện những người Boer đã đẩy lui người dân Bantu ra khỏi đất đai tổ tiên của họ? Phải chăng mọi sự khởi đầu từ đấy? Hay là anh bắt đầu kể từ câu chuyện tên khổng lồ Oom Paul Kruger, Tổng thống Transvaal, đã từng nói trong bài diễn văn đọc tại Quốc Hội: “Chúng ta phải là chúa tể của bọn da đen, và bắt dòng giống chúng nó phải thần phục chúng ta…” Hay là bắt đầu với câu chuyện về Cecil Rhodes, người xây dựng đế quốc vĩ đại, đã từng đưa ra phương châm, “Phi châu là của người da trắng?” Anh làm thế nào tóm lược lịch sử của dân tộc anh chỉ trong một câu nói? Nhưng anh đã nghĩ ra được một cách. Banda nói, “Bọn cảnh sát đã giết con trai tôi.”

Câu chuyện lúc này bắt đầu tuôn ra. Người con trai đầu của Banda, tên là Ntombenthle, đang tham dự một cuộc mít tinh chính trị thì cảnh sát đến giải tán. Nhiều phát súng bắn ra, rồi cuộc nổi loạn bắt đầu. Ntombenthle bị bắt, rồi sáng hôm sau người ta thấy anh bị treo cổ trong xà lim. “Chúng nó bảo rằng đó là một vụ tự vẫn.” Banda kể. “Nhưng tôi biết rõ thằng con trai tôi. Đó là một vụ ám sát.”

“Lạy Chúa, anh ấy còn ít tuổi quá,” Kate thì thào. Nàng nhớ lại những lúc chơi đùa, cười cợt với nhau, Ntombenthle là một đứa

con trai xinh đẹp. “Tôi rất lấy làm tiếc, bác Banda, ạ. Rất lấy làm tiếc. Nhưng tại sao họ lại săn đuổi bác?”

“Sau khi cúng nó giết thằng bé, tôi bắt đầu tập hợp những ngời da đen lại. Tôi phải chống trả lại chúng nó, Kate ạ. Tôi không thể khoanh tay ngồi đó mà không làm gì cả. Bọn cảnh sát gọi tôi là kẻ thù quốc gia. Chúng bắt tôi về tội ăn cướp mà tôi không hề có nhúng tay, rồi xử tôi hai mười năm tù. Bốn người trong số chúng tôi vượt ngục. Một tên lính gác bị bắn chết, thế là chúng trút cả tội lỗi lên đầu tôi. Tôi chẳng bao giơ cầm khẩu súng trong đời tôi.”

“Tôi tin bác,” Kate nói. “Việc đầu tiên tôi cần phải làm là đưa bác đến một nơi an toàn.”

“Tôi rất tiếc đã khiến cho cô dính líu đến việc này.”

“Bác không khiến cho tôi phải dính líu việc gì cả. Bác là bạn của tôi mà.”

Banda mỉm cười. “Cô có biết người da trắng đầu tiên đã gọi tôi là bạn, đó là ai không? Bố cô đó.” Anh thở dài. “Làm thế nào mà cô lén đưa tôi ra khỏi tàu hoả ở Cape Town được?”

“Chúng ta sẽ không đi Cape Town.”

“Nhưng chính cô đã nói là…”

“Tôi là một phụ nữ. Tôi có quyền thay đổi ý kiến.”

Vào giữa đêm hôm ấy, khi chiếc tàu dừng lại ở ga Wercester, Kate thu xếp cho chiếc toa riêng của nàng được tháo rời khỏi

đoàn tàu và kéo đến một đường ray bên cạnh. Khi thức dậy vào buổi sáng, nàng đã đi đến chiếc giường vải của Banda. Chiếc giường trống trơn. Banda đã bỏ đi rồi. Anh đã từ chối không muốn cho nàng phải liên luỵ. Kate lấy làm buồn vì chuyện này, nhưng nàng tin chắc rằng Banda sẽ được an toàn. Bác ấy sẽ có nhiều bạn bè chăm nom cho bác. David sẽ lấy làm hãnh diện về mình, Kate nghĩ thầm.

"Tôi không thể tin nổi vì sao cô có thể ngu xuẩn đến như vậy." David gầm lên, khi Kate trở về nhà từ Johannesburg, và kể cho anh nghe mọi chuyện. "Không những cô gây nguy hại cho sự an toàn của bản thân cô, mà còn đặt công ty trong một tình trạng nguy hiểm. Nếu cảnh sát bắt được Banda ở đây, cô có biết họ làm gì không?"

Kate trả lời với vẻ thách thức: "Có chứ. Chúng nó sẽ giết bác ấy."

David vò đầu bứt tai. "Cô chẳng hiểu chút gì cả hay sao?"

"Anh nói đúng đấy, tôi hiểu lắm chứ. Tôi hiểu rằng anh là con người lạnh lùng, vô cảm xúc." Mắt nàng bừng lên giận dữ.

"Cô vẫn là một đứa bé con thôi."

Nàng giơ bàn tay lên định đánh anh, nhưng David đã kịp giữ lấy tay nàng lại. "Kate, cô phải biết dằn cơn giận dữ của mình."

Những tiếng nói ấy dội lại trong đầu óc Kate. "Kate, cô phải biết dằn cơn giận dữ của mình."

Đã khá lâu rồi, khi nàng mới bốn tuổi, giữa lúc nàng đang đấm đá với một đứa bé trai dám trêu chọc nàng, thì David xuất hiện, làm cho thằng bé ấy bỏ chạy. Kate sắp sửa đuổi theo hắn thì David chụp lấy nàng. "Ngưng lại, Kate. Cô phải biết dằn lại cơn giận dữ của mình. Con gái không đấm đá như thế bao giờ."
"Tôi không phải là con gái nhỏ," Kate gắt lên. "Thả tôi ra."
David đành phải thả nàng ra.
Chiếc áo màu hồng của nàng dính đầy bùn và rách rưới, một bên má bị bầm.
"Để tôi lau sạch cho cô trước khi mẹ cô bắt gặp," David nói.
Kate nhìn theo thằng bé đang chạy trốn với vẻ luyến tiếc. "Nếu như anh để mặc tôi thì tôi đã nện cho hắn một trận nên thân rồi."
David nhìn xuống khuôn mặt bé nhỏ hầm hầm, rồi cười to lên.
"Cô có thể làm như thế thật đấy."
Kate dịu đi, để mặc cho David bồng nàng lên, đưa về nhà. Nàng thích được bồng trong tay David.Anh là người lớn duy nhất có thể cảm thông với nàng. Mỗi khi anh trở lại thị trấn, anh thường chơi với nàng. Vào những lúc rảnh rỗi, Jamie McGregor đã từng kể cho David nghe về những cuộc phiêu lưu của anh với Banda, và bây giờ đây, David kể lại những câu chuyện ấy cho Kate. Nàng nghe mà không biết chán.
"Anh hãy kể cho tôi nghe về chiếc bè mà bố tôi và Banda đã đóng đi."

Rồi David kể cho nàng nghe.

“Anh kể cho tôi nghe về chuyện những con cá mập đi. Kể cho tôi về sương mù ở bể, gọi là “mis” ấy. Kể cho tôi nghe về cái ngày mà…”

Kate ít khi gặp được mẹ. Margaret qua bận rộn về việc điều hành các công việc của Công ty Kruger-Brent. Nàng làm những việc ấy thay cho Jamie.

Margaret vẫn nói chuyện với Jamie mỗi đêm, y hệt như những năm trước khi chàng qua đời. “David giúp đỡ cho mình rất đắc lực, Jamie ạ. Rồi khi nào Kate đứng ra điều khiển Công ty, nó sẽ có David ở bên cạnh. Em không muốn làm anh phải lo lắng, nhưng thực sự em không biết xử trí như thế nào với con bé ấy…”

Kate là một cô gái bướng bỉnh, ngoan cố, và quá quắt. Nàng không chịu tuân theo lời mẹ dạy hay bà Talley. Nếu họ chọn cho nàng một chiếc áo dài nào đó để mặc. Kate thường gạt nó sang một bên, mặc chiếc áo khác. Nàng cũng không chịu ăn uống đàng hoàng. Nàng ăn những gì nàng thích, bất cứ khi nào nàng muốn, mà không ai có thể hăm doạ hay dụ dỗ nàng thay đổi ý kiến được. Khi nào bắt buộc phải đi dự một tiệc sinh nhật nào đó, nàng tìm mọi cách để phá hỏng mọi dự tính. Nàng không có bạn gái, từ chối không chịu theo lớp học khiêu vũ. Thay vào đó, nàng dùng thì giờ chơi bóng bầu dục với bọn con trai. Khi Kate bắt đầu đi đến trường, nàng đã nổi tiếng là tinh nghịch, đến nỗi

Margaret phải đến gặp bà hiệu trưởng mỗi tháng một lần để xin lỗi cho Kate và để nàng khỏi bị đuổi ra khỏi trường.

"Tôi không hiểu được cô ấy, bà McGregor ạ," bà Hiệu trưởng thở dài nói, "Cô ấy thông minh tuyệt vời, nhưng chống đối tất cả mọi thứ. Tôi không biết xử trí với cô ấy như thế nào."

Cả Margaret cũng chịu không biết xử trí ra sao.

Người duy nhất có thể xử trí được với Kate là David. "Tôi biết rằng cô được mời dữ lễ sinh nhật trưa hôm nay." David nói.

"Tôi ghét các buổi sinh nhật."

David cúi xuống ngang tầm mặt Kate rồi nói: "Tôi biết cô không thích, Kate ạ. Nhưng cha cô bé có buổi tiệc sinh nhật ngày hôm nay là một người bạn thân của tôi. Nếu cô không đi dự và cư xử như là cô gái đàng hoàng thì tôi bẽ mặt với người ta quá."

Kate nhìn thẳng vào mặt David, "Ông ấy là một người bạn tốt của anh à?"

"Phải."

"Vậy thì tôi sẽ đi dự."

Thái độ, cử chỉ của nàng trưa hôm ấy thật là không chê vào đâu được.

"Tôi không hiểu bằng cách nào anh làm như vậy được."

Margaret nói với David. "Thật giống như là phép lạ."

"Cô ấy chỉ có tính kiêu kì." David cười và nói. "Lớn lên rồi sẽ hết thôi. Điều quan trọng là mình nên cẩn thận, không tìm cách

phá vỡ nó đi."

"Tôi muốn nói với anh một điều bí mật này," Margaret nói với vẻ tức giận, "Nhiều lúc tôi chỉ muốn bẻ gãy cổ nó ra thôi."

Lúc Kate lên mười, nàng nói với David, "Tôi muốn gặp Banda."

David nhìn nàng ngạc nhiên. "Tôi e rằng chuyện ấy không thể thực hiện được, Kate ạ. Nông trại của Banda cách đây xa lắm."

"Anh bằng lòng đi với tôi đến đó, hay là anh muốn tôi đi một mình?"

Tuần lễ kế tiếp đó, David đưa Kate đến nông trại của Banda. Đó là một mảnh đất khá lớn, chừng hai mẫu, ở đó Banda trồng lúa mạch, nuôi cừu và đà điểu. Khu ăn ở là những túp lều hình tròn với tường trát bùn khô. Nhiều chiếc cột chống đỡ một mái nhà hình chóp, lợp bằng rơm. Banda đứng ở trước cửa nhìn chiếc xe của David và Kate đi đến, rồi cả hai rời khỏi xe. Banda nhìn cô gái mặt mũi nghiêm trang đang ngượng ngùng đứng bên cạnh David, rồi nói, "Tôi có thể đoán ra được ngay rằng đây là con gái của Jamie McGregor."

" Và tôi cũng có thể đoán chắc bác là Banda," Kate nói một cách nghiêm nghị. "Tôi đến để cảm ơn bác đã cứu sống cha tôi."

Banda cười. "Chắc có người nào đó đã kể lại cho cô nghe rồi chứ gì. Vào trong này đi, để tôi giới thiệu với mọi người trong gia đình tôi."

Bà vợ của Banda là một người đàn bà Bantu xinh đẹp, cô tên là

Ntame. Banda có hai con trai, Ntombenthle, lớn hơn Kate bảy tuổi, và Magena, hơn Kate sáu tuổi. Ntombenthle là hình ảnh thu nhỏ lại của cha anh. Nó cũng có những nét đẹp trai, dáng diêu hãnh và vẻ chững chạc giống như bố.

Suốt cả trưa hôm ấy, Kate nô đùa với hai đứa con trai của Banda. Chúng ăn cơm trong một căn bếp của ngôi nhà nhỏ, ngăn nắp trong nông trại. David cảm thấy hơi cấn cái khi ăn cơm với một gia đình da đen. Anh kính trọng Banda, nhưng theo truyền thống, không có những cuộc giao tiếp thân mật giữa hai sắc tộc. Thêm vào đó nữa, David lo ngại về các hoạt động chính trị của Banda. Có nhiều báo cáo cho biết rằng Banda là một môn đệ của John Tengo Javabu, mà ông này đang tranh đấu cho những thay đổi quyết liệt trong xã hội. Vì các chủ mỏ không tìm ra đủ số người dân bản xứ để làm việc cho họ nên chính phủ đã đặt một thứ thuế mười shiling đánh vào những người dân bản xứ nào không làm phu mỏ, vì vậy có nhiều cuộc nổi loạn nổ ra ở khắp nơi tại Nam Phi.

Lúc trời đã gần về chiều, David nói với Kate, "Ta nên bắt đầu lên đường trở về nhà đi, Kate. Đường xa lắm."

"Chưa đâu." Kate quay về phía Banda. "Bác kể cho cháu nghe về chuyện những con cá mập đi."

Từ đó trở đi, mỗi khi David có mặt trong thị trấn, Kate thường bắt anh đưa nàng đến thăm Banda và gia đình.

Lời bảo đảm của David rằng Kate lớn lên sẽ mất tính kiêu kì đi vẫn chưa thấy có dấu hiệu nào được thực hiện. Nếu có sự thay đổi gì chăng thì người ta chỉ thấy nàng mỗi ngày mỗi thêm ngang bướng. Nàng từ chối thẳng thừng không chịu tham gia vào các hoạt động của các cô gái khác cùng lứa tuổi với nàng. Nàng cứ khăng khăng đòi đi vào trong các mỏ cùng với David, và anh cũng phải tham dự cùng với nàng vào các cuộc săn bắn, câu cá và cắm trại. Kate rất thích các hoạt động như vậy. Một hôm, khi Kate và David đi câu cá ở sông Vaal, và Kate kéo lên được một con cá hồi lớn hơn bất cứ con cá nào David đã câu được, anh nói: "Lẽ ra cô là một đứa con trai mới phải."

Nàng quay lại về phía David, tỏ vẻ bực bội, " Đừng có nói bậy, David. Nếu thế thì làm sao tôi lấy được anh."

David cười.

"Chúng mình sẽ cưới nhau, anh biết không?"

"Tôi e rằng không được Kate ạ. Tôi lớn hơn cô đến hai mươi tuổi. Cũng khá lớn tuổi để có thể đóng vai một ông bố của cô được. Một ngày kia, cô sẽ gặp một chàng trai, một chàng trai trẻ rất dễ thương…"

" Tôi không thích một chàng trai trẻ dễ thương" nàng nói một cách ranh mãnh. "Tôi chỉ thích anh thôi."

"Nếu cô nói thật sự nghiêm chỉnh, vậy thì tôi sẽ bảo chô cô biết điều bí mật đối với trái tim của một người đàn ông nhé," David

nói.

“Anh nói cho tôi biết đi!” Kate hăm hở giục.

“Qua cái dạ dày của chàng trai ấy. Hãy rửa sạch con cá hồi ấy để chúng ta cùng ăn trưa.”

Trong đầu óc của Kate, nàng không có một chút nghi ngờ nào rằng nàng sẽ lấy David Blackwell. Chàng là người đàn ông duy nhất trên thế giới này đối với nàng.

Mỗi tuần lễ một lần, Margaret mới David đến ăn cơm tối tại ngôi nhà lớn. Như thường lệ, Kate thích ăn cơm tối trong bếp cùng các gia nhân, vì ở đấy nàng không cần phải để ý đến thái độ, cử chỉ. Nhưng vào những tối thứ sáu, khi David đến, Kate ngồi trong phòng ăn lớn. David thường đến một mình, nhưng đôi khi anh cũng đem đến một khách mời phụ nữ, thế là Kate đâm ra ghét những người ấy ngay lập tức.

Kate thường gọi David ra một chỗ riêng và nói với một vẻ dịu dàng, ngây thơ, “Tôi chưa hề bao giờ thấy tóc ai có sắc thái tóc vàng như thế cả”, hay, “Chắc hẳn cô ấy có cái “gu” đặc biệt về quần áo, phải thế không?” hay “Cô ấy có phải là một trong các cô gái điếm ở nhà bà Agnès không?”

Khi Kate được mười bốn tuổi, bà hiệu trưởng mời Margaret đến.

“Trường học do tôi điều khiển vẫn nổi tiếng là một trường học đàng hoàng, có uy tín, bà McGregor ạ. Tôi sợ rằng cô Kate, con bà, có thể tạo ảnh hưởng xấu.”

Marganet thở dài, “Lần này thì nó đã làm những trò gì?”
“Cô ấy dạy bọn trẻ con khác thứ ngôn ngữ chúng không hề bao giờ nghe trước đó”. Mặt bà tỏ vẻ tức giận. “Tôi có thể nói thêm, thưa bà McGregor ạ, rằng chính tôi cũng chưa hề nghe một số từ ấy bao giờ. Tôi không hiểu cô bé đã nhặt được những tiếng ấy ở đâu”
Nhưng Margaret hiểu Kate đã nhặt được lối nói ấy từ các bạn bè của nó trên đường phố, “Thôi được”, Margaret quyết định, “Bây giờ là lúc cần phải chấm dứt tất cả những chuyện như thế”.
Bà hiệu trưởng nói, “Tôi ước mong rằng bà sẽ chỉ bảo cô ấy. Chúng tôi cho cô ấy thêm một cơ hội nữa để sửa chữa, nhưng…”
“Không. Tôi có ý kiến tốt hơn thế. Tôi sẽ cho Kate đi học xa nhà”
Khi Margaret nói với David về ý định này, thì David cười và nói, “Cô ấy sẽ không thích như vậy đâu”
“Tôi không thể làm khác thế được. Lần này, bà hiệu trưởng phàn nàn về thứ ngôn ngữ mà Kate vẫn dùng. Nó đã học thứ ngôn ngữ ấy từ những người đi tìm kim cương mà nó lúc nào cũng quấn lấy xung quanh. Con gái tôi bắt đầu giống hệt như họ qua giọng nói, dáng điệu và cả cái mùi hôi hám của họ nữa. Nói thật với anh, David ạ, tôi không hiểu nó chút nào. Tôi không biết vì sao nó có tư cách như vậy. Nó xinh đẹp, nó thông minh, nó…”
“Có lẽ cô ấy quá thông minh”

“Thôi được, quá thông minh hay không, tôi cũng sẽ cho nó đi học xa nhà”

Khi Kate trở về nhà hôm ấy, Margaret tiết lộ cho nàng biết tin này. Kate đùng đùng nổi giận, “Mẹ cố tìm cách dứt bỏ con”.

“Dĩ nhiên là không rồi, con yêu quý ạ. Mẹ chỉ nghĩ rằng con sẽ được sống thoải mái hơn…”

“Con sống ở đây thoải mái hơn. Tất cả các bạn bè của con đều ở đây. Mẹ cố tách rời con ra xa bạn bè”

“Nếu con muốn nói về hạng người hạ lưu ấy thì con…”

“Họ không phải là hạng người hạ lưu. Họ cũng tốt như bất cứ ai”

“Kate ạ, mẹ không muốn cãi với con. Con sẽ đến ở trong một kí túc xá dành cho các cô gái con nhà tử tế. Mẹ đã quyết định như thế rồi, không thể thay đổi gì nữa”

“Con sẽ tự tử” Kate doạ.

“ Được rồi, con ạ. Ở trên gác có sẵn con dao cạo đấy, và nếu chịu khó tìm xung quanh, con chắc chắn cũng sẽ tìm thấy nhiều loại thuốc độc khác nhau trong nhà này”

Kate bật khóc “Xin mẹ đừng làm như vậy với con, mẹ ơi!”

Margaret ôm con gái vào lòng. “Như vậy là để cho con nên người, Kate ạ. Chẳng bao lâu nữa con sẽ là một thiếu nữ rồi. Con sẽ đến tuổi lấy chồng. Không một người đàn ông nào chịu lấy một đứa con gái nói năng ăn mặc và có thái độ, cử chỉ như con đâu”

“Mẹ nói thế là không đúng” Kate sụt sịt nói “David đâu có để ý đến những thứ ấy”

“David thì có liên quan gì đến chuyện này?”

“Chúng con sẽ lấy nhau mà”

Margaret thở dài “Để mẹ bảo bà Talley gói ghém các đồ đạc của con lại”

Có chừng năm sáu trường học nội trú cho con gái. Margaret cho rằng trường Cheltenham, ở Gloucester, là thích hợp nhất cho Kate. Đó là một trường nổi tiếng về kỉ luật chặt chẽ, dựng trên nhiều mẫu đất cỏ tường cao với lỗ châu mai, mà, theo tài liệu, đã được thiết lập xưa kia cho con gái của các nhà quý tộc theo học. David có liên hệ kinh doanh với ông chồng của bà hiệu trưởng, nên việc xin cho Kate theo học trường này không gặp khó khăn gì.

Khi Kate nghe nói đến nơi nàng sẽ phải đi tới, nàng lại nổi giận lên đùng đùng, “Con đã nghe nói về cái trường ấy! Rồi đây con sẽ trở về nhà, giống như những con búp bê nhồi bông của nước Anh chứ gì? Có phải mẹ muốn như vậy không?”

“Điều mà mẹ muốn là con học thói lịch sự trong thái độ, cử chỉ” Margaret nói

“Con không cần những thứ ấy. Con có đầu óc”

“Đó không phải là thứ quan trọng nhất mà một người đàn ông thường tìm kiếm ở người đàn bà” Margaret nói một cách tỉnh

khô. “Rồi đây con sẽ trở thành một người đàn bà”
“Con không cần trở thành một người đàn bà gì hết. Tại sao mẹ không “mặc kệ chó” con tự lo liệu lấy?”
“Mẹ không muốn con dùng thứ ngôn ngữ như vậy”
Thế rồi vụ cãi vã ấy vẫn tiếp tục cho mãi đến sáng hôm sau, khi Kate bắt buộc phải lên đường. Vì lúc ấy David cũng đi London có công việc, Margaret hỏi anh, “Anh có thể đưa Kate đến trường học một cách êm thấm được không? Chỉ có Chúa mới biết nó sẽ giở những trò gì, nếu nó đi một mình”
“Tôi rất vui lòng làm chuyện ấy”
“Anh à? Anh cũng xấu xa chẳng khác gì mẹ tôi. Anh không có đủ kiên nhẫn chờ đợi dứt bỏ tôi hay sao?”
David cười “Cô lầm rồi. Tôi có đủ kiên nhẫn.”
Hai người đi bằng toa tàu riêng từ Klipdrift đến Cape Town, từ đó họ xuống tàu thuỷ đi Southampton. Cuộc hành trình kéo dài bốn tuần. Kate cảm thấy rộn ràng vui sướng được đi du lịch với David, nhưng lòng kiêu hãnh không cho phép nàng thừa nhận điều ấy. Nó giống như một tuần trăng mật, Kate nghĩ thầm. Chỉ có khác là anh ấy và mình chưa cưới nhau thôi. Chưa đến lúc.
David dùng phần lớn thời gian để làm việc trong phòng ngủ của anh trên tàu thuỷ. Kate cuộn mình trên chiếc đi văng, yên lặng nhìn David làm việc, và cảm thấy sung sướng được gần gũi anh. Một hôm, nàng hỏi David, “Anh làm việc với các con số như thế

mà không thấy chán hay sao?"

Anh đặt bút xuống, nhìn nàng, "Đó không phải là những con số. Mà là những câu chuyện."

"Chuyện gì vậy?"

"Nếu mình biết đọc các con số ấy thì đố là chuyện về các công ty mình mua hay bán, chuyện về những người làm việc cho mình. Hàng nghìn người trên thế giới sinh sống nhờ công ty mà cha cô đã thiết lập."

"Thế tôi có giống cha tôi chút nào không?"

"Có, về nhiều phương diện. Ông ấy là một người độc lập, cứng đầu, cứng cổ."

"Tôi có phải là một người đàn bà độc lập, cứng đầu cứng cổ hay không?"

"Cô là một nhóc con được quá nuông chiều nên đâm ra hư. Người đàn ông nào lấy cô sau này sẽ có một cuộc sống giống như ở địa nguc."

Kate tủm tỉm cười, mơ mộng. Tội nghiệp cho anh chàng David!

Trong phòng ăn, vào đêm cuối cùng trên tàu thuỷ, David hỏi,

"Tại sao cô khó khăn thể, hở cô Kate?"

"Tôi mà khó khăn à?"

"Chính cô cũng biết đấy, Cô làm cho mẹ cô phải điên đầu lên."

Kate đặt tay lên bàn tay của David. Thế tôi có làm anh phát điên lên không?"

Mặt David đỏ bừng. “Ngưng cái trò ấy lại. Tôi không hiểu được cô.”

“Có chứ, anh hiểu tôi lắm.”

“Tại sao cô không thể giống như những cô gái cùng tuổi cô?”

“Tôi thà chết còn hơn. Tôi không muốn giống ai hết.”

“Chúa cũng biết cô chẳng giống ai cả.”

“Anh sẽ không lấy ai cả, chờ cho đến khi tôi lớn lên, xứng đôi vừa lứa với anh chứ, chịu không? Tôi sẽ lớn lên càng nhanh càng tốt. Tôi hứa với anh như vậy đó. Chỉ có điều là anh đừng có gặp bất cứ người yêu nào của anh, nhớ đấy nhé.”

David cảm động vì lời lẽ tha thiết của Kate. Anh cầm lấy bàn tay nàng và nói. “Kate ạ, khi nào tôi lấy vợ, tội muốn có được một đứa con gái giống hệt như cô.”

Kate đứng phắt dậy, nói bằng một giọng oang oang vang lên suốt phòng ăn. “Quỷ tha ma bắt anh đi, David Blackwell!” Nói xong, nàng đùng đùng đi ra khỏi phòng, trong khi mọi người trố mắt nhìn ngạc nhiên.

Kate tận hưởng từng giây phút một, trong suốt ba ngày hai người cùng sống chung ở London.

“Tôi có một cuộc vui này dành cho cô”, David nói.

“Tôi đã mua hai vé xem vở kịch “Bà Wiggs và Mảnh đất trồng bắp cải”.

“Cảm ơn anh. Tôi muốn đi đến rạp Galety.”

“Không được đâu. Đó là nơi ca vũ nhạc. Nó không thích hợp với cô.”

“Tôi có xem tận mắt thì mới biết được chứ. Phải thế không?” nàng nói một cách bướng bỉnh.

Hai người cùng đi đến rạp Galety.

Kate rất thích quang cảnh ở London. Xe hơi và xe ngựa chen chúc lẫn lộn; các bà, các cô ăn mặc rất đẹp đẽ với những chiếc áo viên đăng ten, bằng vải tuyn và xa tanh, với các đồ nữ trang lóng lánh; đàn ông mặc quần áo chỉnh trề với gi-lê bằng vải sọc và vạt trước sơ mi trắng tinh.Hai người ăn trưa ở Ritz và cơm tối ở Savoy. Rồi khi đến giờ ra về, Kate nghĩ thầm, “Chúng ta sẽ trở lại nơi này. David và mình sẽ trở lại nơi này.”

Khi hai người đến trường học Cheltenham, họ được dẫn đến văn phòng bà Keaton.

“Tôi xin cám ơn bà đã cho Kate vào học”, David nói.

“Dĩ nhiên, chúng tôi rất sung sướng nhận cô bé ấy ở đây. Hơn nữa, cũng là một điều hân hạnh được giúp đỡ một người bạn của nhà tôi.”

Đến lúc ấy Kate mới biết rằng mình đã bị lừa. Chính David đã muốn nàng phải đi học xa và đã thu xếp cho nàng đến đây.

Nàng cảm thấy bị xúc phạm và giận dữ, cho nên nàng không thèm nói với David một lời từ biệt.

Sidney Sheldon

Tay cự phách

Chương 13

Cuộc sống ở tại trường Cheltenham thật không thể nào chịu đựng nổi. Có quy tắc và điều lệ cho tất cả mọi việc. Con gái phải mặc những đồng phục y hệt như nhau, cho đến những cái quần lót. Ngày học kéo dài đến mười giờ đồng hồ, trong đó mỗi phút đều được sắp xếp thật là chặt chẽ. Bà Keaton điều khiển các học sinh và nhân viên bằng chiếc roi sắt. Các nữ sinh phải học tập về tác phong và kỷ luật, nghi thức và phép lịch sự, để sau này họ thu hút được những người chồng mong ước. Kate viết thư cho mẹ: "Thật là một nhà tù "chết tiệt". Con gái ở đây thật là kinh khủng. Họ chỉ biết nói chuyện với nhau về những thứ quần áo "chết tiệt" và những bọn con trai "chết tiệt". Các thầy giáo "chết tiệt" là bọn quỷ dữ. Họ sẽ không bao giờ giữ con lại ở đây. Con sẽ trốn thoát."

Kate đã tìm cách trốn khỏi nơi này, và lần nào nàng cũng bị bắt lại, rồi đưa trở về trường, mà không hề hối cải.

Trong một cuộc họp hàng tuần của ban giảng huấn khi tên của

Kate được đưa ra, một thầy giáo nói, "Đứa trẻ này thật là bất trị. Tôi nghĩ cần gửi trả nó về Nam Phi".

Bà Keaton nói, "Tôi cũng muốn đồng ý với thầy, nhưng chúng ta nên xem đó là một cuộc thử thách. Nếu chúng ta thành công trong việc đưa Kate McGregor vào khuôn phép thì tôi nghĩ rằng chúng ta cũng sẽ thành công tương tự với bất kì đứa trẻ nào" Kate vẫn được ở lại trường.

Điều khiển cho các thầy cô giáo ngạc nhiên hết sức là Kate tỏ ra rất ham thích nông trại do nhà trường quản lý. Nông trại ấy có những vườn rau, gà, bò, lợn và ngựa. Kate thường ở lại nơi ấy rất lâu, và khi bà Keaton biết được điều này, bà rất lấy làm hài lòng. Bà nói với các nhân viên nhà trường, "Quý vị thấy không? Đó chỉ là vấn đề kiên nhẫn thôi. Kate cuối cùng đã ham thích tham gia vào cuộc sống. Một ngày kia nó sẽ lấy một điền chủ và sẽ có thể giúp đỡ cho chồng rất nhiều".

Sáng hôm sau, Oscar Denker, người phụ trách trông coi nông trại, đến gặp bà Hiệu trưởng. Ông nói, "Một trong các học sinh của bà – cái cô Kate McGregor đó – tôi chỉ mong bà cấm nó bén mảng đến mông trại của tôi".

"Ông nói cái gì lạ vậy?" bà Keaton hỏi. "Tôi được biết rằng nó rất ham thích nông trại."

"Chắc chắn là cô ấy ham thích rồi, thế nhưng và có biết cô ấy ham thích cái gì không? Cô ấy chỉ thích xem súc vật giao cấu với

nhau mà thôi, tôi xin lỗi bà vì phải dùng thứ ngôn ngữ như vậy.”
”Cái gì?”
“Thưa, đúng như vậy ạ. Cô ấy đứng đó suốt ngày chỉ để xem các súc vật làm chuyện ấy với nhau thôi.”
“Đồ chết tiệt!” Bà Keaton buột miệng thốt lên.
Kate vẫn chưa tha thứ cho David vì đã đưa nàng đi đày, nhưng nàng nhớ chàng kinh khủng. Nàng nghĩ thầm, “Số phận của mình là phải yêu một người mà mình ghét”. Nàng đếm những ngày phải sống xa chàng, như một tù nhân ghi dấu thời gian cho đến ngày được thả ra. Kate lo sợ anh ấy sẽ làm một chuyện gì đó kinh khủng, chẳng hạn như cưới một người đàn bà nào khác trong khi nàng còn đang bị mắc bẫy trong cái trường “chết tiệt” này. Kate nghĩ, “Nếu anh ấy làm như vậy, mình sẽ giết cả hai người. Không mình chỉ giết một mình cô ấy thôi. Người ta sẽ đến bắt mình, sẽ treo cổ mình lên, và khi mình đứng trên đoạn đầu đài rồi, anh ấy sẽ nhận ra rằng anh ấy yêu mình. Nhưng lúc ấy thì trễ qua rồi. Anh ấy sẽ van xin mình tha thứ cho anh.
“Được, anh David yêu quý của em ạ, em tha thứ cho anh. Anh đã quá ngu xuẩn nên không biết được rằng anh đang nắm một mối tình lớn trong bàn tay. Anh để cho nó bay đi giống như một con chim nhỏ. Bây giờ con chim bé nhỏ ấy sắp bị treo cổ rồi. Vĩnh biệt, David”. Nhưng rồi đến phút cuối cùng, người con gái ấy được ân xá, rồi David đưa nàng đến một xứ xa lạ nào đó, nơi mà

thức ăn ngon lành hơn thứ đồ ăn "chết tiệt" người ta thường dọn tại cái trường Cheltenham "chết tiệt" này".

Kate nhận được một lá thư của David cho biết rằng anh sắp sửa đi London, và sẽ đến thăm viếng nàng. Trí tưởng tượng của Kate bừng dậy. Nàng tìm thấy hàng trăm ẩn ý trong lá thư ấy. Tại sao anh ấy sắp sang Anh? Tất nhiên là để được gần nàng. Tại sao anh ấy sẽ đến thăm nàng? Ấy là bởi vì anh ấy biết anh yêu nàng và không còn có thể chịu nổi sự xa cách nữa. Anh ấy sẽ nhấc bổng nàng lên, đưa nàng ra khỏi cái nơi ghê gớm này. Nàng không thể ngăn được nỗi vui sướng tràn ngập trong lòng. Ý nghĩ kì quặc ấy của Kate đối với nàng có vẻ thực đến nỗi, khi David vừa đến nơi, Kate đi khắp nơi chào từ biệt bạn bè. Nàng nói với họ, "Người yêu của tôi sắp đến đây để đưa tôi ra khỏi nơi này." Các cô bạn nhìn nàng im lặng, có vẻ không tin. Chỉ có Georgina Christy nói với nàng với vẻ chế giễu, "Chị lai nói dối nữa rồi, chị McGregor ạ."

"Rồi các chị sẽ thấy. Anh ấy cao, đẹp trai, và si mê em điên cuồng".

Khi David đến trường, anh ngạc nhiên vì thấy tất cả các nữ sinh có vẻ như đang nhìn anh chằm chằm. Họ nhìn anh, rồi thì thầm, rúc rích cười với nhau. Ngay khi anh bắt gặp cái nhìn của họ thì họ đỏ mặt, quay đi chỗ khác.

"Họ làm như thể họ chưa hề thấy một người đàn ông bao giờ",

David nói với Kate. Anh nhìn nàng, nghi ngờ. “Cô có nói gì với họ về tôi không?”

“Dĩ nhiên là không rồi”. Kate trả lời với vẻ kiêu kì. “Việc gì mà tôi phải làm như vậy.”

Hai người ăn cơm trong phòng ăn cơm của nhà trường. David kể lại cho Kate nghe về những gì đã xảy ra ở nhà. “Mẹ cô gửi lời thăm hỏi cô. Bà ấy mong cô trở về nhà vào dịp nghỉ hè”.

“Mẹ tôi thế nào?”

“Bà vẫn khoẻ. Bà làm việc nhiều lắm.”

“ Công việc Công ty tiến hành tốt không, anh David?”

David ngạc nhiên vì Kate đột nhiên tỏ vẻ chú ý đến công việc của Công ty. “Rất tốt. Tại sao cô hỏi như vậy?”

Bởi vì, Kate thầm nghĩ, một ngày kia Công ty ấy sẽ thuộc về mình. Anh và tôi sẽ chia sẻ gánh vác. Nhưng nàng chỉ nói, “Tôi chỉ tò mò muốn biết thôi.”

Anh nhìn vào đĩa thức ăn còn nguyên cả Kate. “Cô không ăn sao?”

Kate không quan tâm đến thức ăn. Nằng đang chờ đợi giây phút thần diệu, khi David sẽ nói với nàng, “Hãy đi theo anh, Kate. Em bây giờ là một thiếu nữ rồi, và anh muốn gần em. Chúng ta sẽ cưới nhau.”

Món tráng miệng được đem đến, rồi được dọn đi. Cà phê cũng được đem lại, rồi bưng đi nơi khác. Thế nhưng những lời nói

thần diệu của David vẫn chưa đến.

Cuối cùng David nhìn vào chiếc đồng hồ, và nói, "Thôi, tôi phải đi bây giờ, kẻo lỡ mất chuyến tàu". Đến lúc ấy, Kate mới nhận thức, với một cảm giác kinh hãi, rằng anh ấy không đến đây để đưa nàng đi xa. Cái anh chàng khốn kiếp ấy sẽ để nàng lại ở đây cho mục xương ra.

David cảm thấy vui thích về cuộc viếng thăm Kate. Nàng là một cô bé thông minh, vui tính, và tính bướng bỉnh trước đây của nàng bây giờ cũng đã được kiềm chế. David đập nhẹ lên bàn tay Kate một cách thân mật và hỏi, "Cô có cần tôi làm giúp cô điều gì trước khi tôi ra về không, cô Kate?"

Nàng nhìn thẳng vào mắt anh, và nói một cách dịu dàng, "Có, anh David ạ. Anh có thể ban cho tôi một đặc ân rất lớn lao. Hãy cút ra khỏi cuộc sống chết tiệt này của tôi". Nói xong, nàng trang nghiêm bước ra khỏi phòng, đầu ngẩng cao lên, để lại David ngồi ngơ ngác tại chỗ, miệng há hốc ra.

Margaret cảm thấy nhớ Kate. Đứa con gái ấy có tính ngỗ ngược và hay làm trái ý, nhưng Margaret nhận ra rằng nó là con người duy nhất sống trên đời này mà nàng yêu mến. Nó sẽ trở thành một người đàn bà vĩ đại, Margaret nghĩ thầm và cảm thấy hãnh diện. Nhưng mình muốn nó có tác phong của một người đàn bà sang trọng.

Kate về nhà trong dịp nghỉ hè. "Con học hành ở trường thế nào?"

Margaret hỏi.

“Con ghét cái trường ấy lắm. Nó giống như là mình bị bao vây bởi một trăm bà vú nuôi vậy.”

Margaret nhìn con gái như để dò xét. “Thế các nữ sinh khác có nghĩ giống như con không, hở Kate?”

“Chúng nó thì biết cái gì?” Nàng nói với vẻ khinh bỉ. “Mẹ có gặp bọn con gái ở trường ấy thì mới rõ được. Chúng nó được che chở suốt từ nhỏ đến lớn, cho nên chúng chẳng biết khỉ gì về chuyện đời cả.”

“Trời, như thế chắc là kinh khủng đối với con quá nhỉ.”

“Mẹ đừng có chế giễu con. Chúng nó chưa hề bao giờ sống ở Nam Phi. Những thứ thú dữ duy nhất chúng được thấy là ở các sở thú thôi. Không một đứa nào trong bọn chúng được thấy một mỏ kim cương hay mỏ vàng.”

“Thiệt thòi quá nhỉ”

Kate nói, “Thôi được. Nhưng khi nào con trở thành giống như họ thì mẹ sẽ thấy hối tiếc đến nát ruột gan ra.”

“Thế con nghĩ con sẽ trở thành giống như họ sao?”

Kate nhe răng cười tinh quái. “Dĩ nhiên là không rồi. Bộ mẹ điên rồi à?”

Một giờ sau khi trở về nhà, Kate đã ra ngoài chơi bóng bầu dục với bọn trẻ con của các gia nhân. Margaret đứng nhìn Kate qua khung cửa sổ và nghĩ thầm, “Mình đã phí tiền vô ích. Nó sẽ

chẳng bao giờ thay đổi cả."

Tối hôm ấy, vào bữa cơm, Kate tình cờ hỏi, "David có ở trong thị trấn không?"

"Anh ấy đi sang Úc, có lẽ sẽ trở về vào ngày mai."

"Thế anh ấy có lại ăn cơm vào tối thứ sáu tới không?"

"Có lẽ". Nàng nhìn Kate và nói, "Con thích David phải không?"

Kate nhún vai, "Anh ấy cũng không đến nỗi nào."

"À ra thế." Margaret nói. Nàng tủm tỉm cười một mình vì bà nhớ đến lời nói của Kate rằng nó sẽ quyết lấy David cho kì được.

"Con muốn nói là con không ghét anh ấy. Con thích anh ta như là một con người thôi. Con không thể chịu được anh ấy với tư cách là một người đàn ông."

Khi David đến ăn cơm vào tối thứ sáu, Kate chạy như bay ra đến cửa để chào đón anh. Nàng ôm lấy David và thì thầm vào tai anh. "Tôi tha thứ cho anh. Nhớ anh quá, David ạ. Anh có nhớ tôi không?"

David buột miệng đáp, "Có". Ngay lúc ấy anh ngạc nhiên, nghĩ thầm, "Lạy Chúa, mình có nhớ cô ấy thật".

Anh chưa hề quen ai giống như cô bé này. Anh đã thấy nàng lớn lên, va cứ mỗi lần anh đối diện với nàng, anh lại thấy phát hiện ra ở nàng một cái gì mới mẻ. Nàng đã gần mười sáu tuổi và đã bắt đầu nảy nở. Nàng để cho làn tóc đen mọc dài ra, xoã xuống mềm mại trên hai vai. Nàng đã có những nét trưởng thành, và

một vẻ hấp dẫn mà anh không để ý thấy trước đây. Nàng xinh đẹp, lanh lợi, thông minh và có ý chí mạnh mẽ. Nàng sẽ khó điều khiển đối với một người đàn ông nào đó về sau này. David nghĩ thầm.

Đến bữa ăn, David hỏi, "Cô học hành ở trường như thế nào?"

"Ồ, tôi thích lắm", nàng nói chuyện huyên thuyên. "Học được nhiều thứ lắm. Các cô giáo thật là tuyệt vời, và tôi cũng có rất nhiều bạn bè thân thiết."

Margaret ngồi im lặng, sửng sốt.

"David, anh có thể đưa tôi đi xem mỏ được không?"

"Cô muốn bỏ phí mấy ngày nghỉ của cô bằng cách ấy hay sao?"

"Vâng. Anh cứ cho tôi đi theo."

Một cuộc đi thăm vùng mỏi sẽ chiếm trọn một ngày,và như vậy có nghĩa là nàng sẽ ở bên cạnh David trong suốt thời gian ấy.

"Nếu mẹ cô cho phép thì…"

"Mẹ, mẹ cho phép đi…"

"Thôi được con ạ. Chừng nào con ở bên cạnh David, mẹ mới yên tâm rằng con sẽ được an toàn". Margaret hi vọng rằng David cũng sẽ được an toàn.

Mỏ kim cương Kruger-Brent là một công trình đồ sộ với hàng trăm công nhân tham gia vào công việc đào đất, xây dưng, đãi và rửa sỏi đá.

"Đây là một trong những mỏ đem đến nhiều lợi lộc nhất cho

công ty", David nói với Kate. Họ đang ở trên mặt đất, trong văn phòng của viên quản đốc, chờ đợi một nhóm hộ tống đưa họ xuống mỏ. Sát vào tường là một tủ trưng bày những viên kim cương đủ cỡ và đủ màu sắc.

"Mỗi viên kim cương có một đặc tính riêng", David giải thích. "Những viên kim cương nguyên thủy lấy từ các bờ sông Vaal chứa chất phú sa, và các cạnh của chúng đã bị mài mòn qua bao nhiêu thế kỷ".

Anh ấy trông đẹp trai hơn bao giờ hết, Kate ngẫm nghĩ. Mình yêu cặp lông mày của anh ấy quá!

"Những viên đá này lấy từ nhiều mỏ khác nhau, nhưng người ta vẫn có thể nhận ra chúng dễ dàng nhờ ở bề ngoài của chúng. Cô có thấy viên này không? Nhìn vào cỡ của viên đá và màu vàng của nó, ta biết ngay rằng người ta tìm thấy nó ở Paardspan. Các viên kim cương của hãng De Beer có bề mặt trơn tru như dính dầu, và hình thể của nó là một khối mười hai mặt"

Anh ấy thật là xuất sắc, biết đủ tất cả mọi thứ!

"Cô có thể biết ngay viên này là lấy ở mỏ Kimberley, vì nó là một khối tám mặt. Các viên kim cương có nhiều loại, từ loại thuỷ tinh đục đến loại trắng tinh khiết".

Mình thắc mắc không biết viên quản đốc có nghĩ rằng David là người yêu của mình không nhỉ. Mình hi vọng như vậy.

"Màu sắc của một viên kim cương xác định giá trị của nó. Các

màu sắc được phân ra theo một thang bậc từ một đến mười. Cao nhất là loại kim cương có màu trắng xanh, thấp nhất là loại màu nâu."

Anh ấy có một mùi rất thơm tho. Một mùi rất là… rất là đàn ông. Mình thích cái vai và cánh tay anh ấy. Mình ao ước…

"Kate!"

Nàng đáp, như cảm thấy mình phạm tội, "Vâng, cái gì hả anh David?"

"Cô có nghe tôi nói không?"

"Cố nhiên là có". Giọng nàng có vẻ không bằng lòng. "Tôi có nghe từng lời nói của anh"

Họ ở suốt hai giờ đồng hồ trong lòng mỏ, rồi hai người cùng ăn cơm trưa. Đối với Kate, đó là một ngày thần tiên.

Khi Kate trở về nhà vào xế trưa hôm ấy, Margaret hỏi, "Con có thích không, Kate?"

"Thật là tuyệt vời. Công việc làm mỏ rất là thú vị."

Nửa giờ sau, Margaret tình cờ nhìn qua cửa sổ. Kate đang vật lộn với đứa con trai của một bác làm vườn.

Năm sau, các lá thư của Kate từ trường gửi về có vẻ lạc quan một cách thận trọng. Kate được cử làm thủ quân của các đội khúc côn cầu và đánh vợt, và đứng đầu lớp về việc học. Trường học không đến nỗi tệ lắm, nàng viết trong thư, và trong các lớp học của nàng cũng có một số bạn tử tế một cách vừa phải. Nàng

xin phép mẹ đưa hai người bạn về nhà trong dịp nghỉ hè. Margaret cũng rất vui lòng. Ngôi nhà sẽ trở nên ồn ào, náo nhiệt với tiếng cười đùa của mấy cô gái trẻ. Margaret nóng lòng chờ đợi con gái về thăm nhà. Tất cả những mơ ước của nàng bây giờ đều đặt vào Kate. Nàng thầm nghĩ, "Jamie và mình thuộc về qua khứ rồi. Kate là tương lai. Tương lai ấy sẽ sáng sủa, tuyệt vời biết bao nhiêu!"

Khi Kate trở về nhà vào dịp nghỉ hè, tất cả mọi chàng trai xứng đôi vừa lứa cứ bám lấy xung quanh nàng, bao vây nàng, để có những cuộc hẹn hò, đi chơi, nhưng nàng không thích người nào cả. David đang ở Mỹ, và Kate nóng lòng chờ chàng về. Khi David về đến nhà, Kate đến tận cửa đón chàng, mừng rỡ. Nàng mặc một chiếc áo dài màu trắng, quấn một cái thắt lưng nhung màu đen làm nổi bật lên bộ ngực duyên dáng của nàng. Khi David ôm lấy nàng, anh ngạc nhiên cảm thấy vẻ nồng thắm trong lối đáp ứng của nàng. Anh lùi lại nhìn ngắm nàng. Ở nàng có một vẻ gì đó khác biệt, một vẻ hiểu biết. Trong đôi mắt nàng anh thấy một lối biểu lộ mà anh không thể xác định được, khiến cho anh cảm thấy bứt rứt, không yên.

Một đôi lần, trong vụ hè ấy, David thấy Kate dang đứng với mấy người bạn trai bao vây xung quanh, anh tự hỏi không biết người nào trong số ấy sẽ có diễm phúc được nàng chọn lựa. David được gọi trở lại Úc vì công việc, và khi anh trở về Klipdrift thì

Kate đã lên đường sang Anh.

Trong năm cuối cùng của Kate ở trường học, David bất ngờ xuất hiện vào một tối nọ. Thường thường anh đều có thư hay gọi điện thoại báo trước. Lần này anh không báo cho biết gì cả.

"David! Thật là bất ngờ qua!" Kate ôm choàng lấy anh, "Lẽ ra anh phải báo cho tôi biết anh sẽ đến chứ".

"Kate ạ, tôi đến để đưa cô về nhà".

Nàng lùi lại, nhìn lên mặt anh. "Có chuyện gì không hay chăng?"

"Tôi lo rằng mẹ cô đang ốm rất nặng".

Kate đứng đờ người trong một lúc. "Tôi sẵn sáng đi ngay bây giờ."

Kate sửng sốt khi trông thấy vẻ ngoài của mẹ. Chỉ mới ít tháng trước, Margaret có vẻ rất khoẻ mạnh. Bây giờ mặt bà nhợt nhạt, hốc hác, đôi mắt hầu như mất vẻ tinh anh. Có vẻ như là căn bệnh ung thư đang tàn phá da thịt bà, cũng đã tàn phá cả linh hồn của bà nữa.

Kate ngồi bên cạnh giường, cầm tay mẹ trong bàn tay nàng, và nói, "Mẹ ơi, con hối hận quá".

Margaret bóp chặt tay con gái. "Mẹ đã sẵn sàng, con yêu quý ạ. Có lẽ mẹ đã đã sẵn sàng như vậy từ khi cha con qua đời". Bà ngước mắt lên nhìn Kate. "Con có muốn nghe một chuyện vớ vẩn khổng? Mẹ chưa hề nói với ai điều này cả trước kia". Bà do dự một lúc, rồi tiếp tục nói, "Mẹ lúc nào cũng lo lắng không có

ai chăm nom cha con được tử tế cả. Bây giờ thì mẹ có thể làm như vậy được rồi.”

Margaret được an táng ba ngày sau đó. Cái chết của mẹ nàng đã khiến cho nàng bị xúc động sâu sắc. Kate đã mất cha và anh, nhưng nàng không hề bao giờ được biết mặt họ. Họ chỉ là những điều tưởng tượng thuộc quá khứ, nhưng cái chết của mẹ nàng là hiện thực và đau đớn. Kate đã mười tám tuổi, và đột nhiên nàng trở nên cô đơn trên cõi đời. Ý nghĩ này khiến nàng khiếp hãi. David nhìn Kate đứng bên cạnh mộ của mẹ nàng, cố lấy can đảm để khỏi khóc. Nhưng khi hai người trở về đến nhà, Kate khóc oà lên, không sao ngưng nổi. “Mẹ lúc nào cũng rất tốt với tôi, David ạ, còn tôi thật là một đứa con gái hư hỏng”.

David cố an ủi nàng, “Cô lúc nào cũng làmột cô con gái ngoan của mẹ cô, Kate”.

“Tôi chỉ gây rắc rối cho mẹ tôi thôi. Tôi sẵn sàng đánh đổi bất cứ thứ gì nếu tôi có thể chuộc tội lỗi ấy đối với mẹ tôi. Tôi không muốn mẹ tôi chết. David! Tại sao Chúa lại làm như vậy đối với mẹ tôi?”

Anh im lặng một lúc, chờ cho đến khi nàng khóc hết nước mắt. khi nàng đã dịu lại, David mới nói, “Tôi biết rằng cô khó mà tin được vào lúc này, nhưng một ngày kia nỗi đau đớn này sẽ tan đi. Rồi cô biết sẽ có gì còn lại không, Kate. Những kỉ niệm êm đẹp. Cô sẽ nhớ lại tất cả những gì đẹp đẽ mà cô và mẹ cô đã từng có”.

“Tôi cũng nghĩ như vậy. Nhưng ngay lúc này, tôi cảm thấy đau đớn quá”.

Sáng hôm sau hai người bàn với nhau về tương lai của Kate.

“Cô có gia đình ở Tô cách lan”, David nhắc nhở.

“Không!” Kate đáp lại một cách gay gắt. “Đó không phải là gia đình. Họ là những người bà con, họ hàng”. Giọng nàng trở nên chua cay. “Khi bố muốn đi đến xứ này, họ chế giễu bố tôi. Không ai giúp đỡ cho bố tôi, ngoài bà nội tôi, nhưng bà mất rồi. Không, tôi không có liên hệ gì với họ cả”.

David ngồi suy nghĩ. “Cô có dự định học cho nốt học kì này không?” Kate chưa kịp trả lời, David đã nói tiếp, “Tôi nghĩ rằng có lẽ mẹ cô cũng muốn cô làm như vậy.”

“Thế thì tôi sẽ làm đúng như mẹ tôi muốn”. Nàng nhìn xuống sàn nhà, mắt không nhìn vào đâu hết. “Địa ngục khốn kiếp!” Kate nói.

“Tôi hiểu”, David dịu dàng nói. “Tôi hiểu”.

Kate học hết học kì và được cử đọc diễn văn tốt nghiệp. David cũng có mặt trong buổi lễ trao bằng.

Trong lúc đi từ Johannesburg đến Klipdrift trong toa xe riêng, David nói, “Cô biết không, tất cả những thứ này sẽ thuộc về cô trong ít năm nữa. Chiếc toa xe này, các mỏ và công ty này, tất cả là của cô. Cô là một cô gái rất giàu có. Cô có thể bán công ty này đi để lấy nhiều triệu bảng Anh”. Anh nhìn nàng, rồi nói tiếp,

“Hoặc cô có thể giữ lại công ty này. Cô sẽ phải nghĩ về điều đó.”
“Tôi đã suy nghĩ rồi”, Kate nói. Nàng nhìn vào mặt David, tủm tỉm cười. “Cha tôi xưa kia là một đạo tặc, David ạ. Một đạo tặc gia tuyệt vời. Tôi ao ước giá như tôi được biết cha tôi.Tôi sẽ không bán công ty này đi.Anh có biết tại sao không? Bởi vì ông đạo tặc ấy đã đặt tên cho nó theo tên của hai tên bảo vệ đã từng tìm cách giết ông. Anh nghĩ xem đó có phải là một hành động tuyệt vời hay không? Có nhiều đêm tôi không thể ngủ đươc, vì tôi nghĩ đến cha tôi và bác Banda bò xuyên qua sương mù, gọi là “mis” ấy, rồi tôi mường tượng nghe như có tiếng gọi của những tên bảo vệ: Kruger… Brent…” Nàng ngước mắt lên nhìn David. “Không, tôi sẽ không bao giờ bán đi công ty của cha tôi, chừng nào anh còn tiếp tục ở lại để điều khiển nó”.
David trầm tĩnh nói, “Tôi sẽ ở lại chừng nào cô còn cần đến tôi.”
“Tôi đã quyết định sẽ theo học một trường doanh thương”.
“Một trường doanh thương?” Giọng nói David tỏ vẻ ngạc nhiên.
“Bây giờ là vào năm 1910”, Kate nhắc nhở. “Đã có nhiều trường doanh trương ở Johannesburg mà phụ nữ được phép theo học”.
“Nhưng…”
“Anh có lần hỏi tôi muốn làm gì với tiền bạc của tôi”. Nàng nhìn thẳng vào mắt David, và nói, “Tôi muốn làm ra tiền.”

Sidney Sheldon

Tay cự phách

Chương 14

Theo học trường kinh doanh là một cuộc phiêu lưu mới rất thú vị đối với Kate. Khi đi đến trường Cheltenham, nàng cho đó là một việc làm lặt vặt, một điều xấu xa, nhưng cần thiết. Lần này thì khác hẳn. Mỗi buổi học đều dạy cho nàng một điều gì đó thiết thực, có thể giúp cho nàng điều khiển công ty. Chương trình học gồm có các môn: Kế toán, Quản lý, Giao thương quốc tế, Hành chánh kinh doanh. Mỗi tuần lễ một lần, David điện thoại cho nàng, hỏi về sự tiến bộ của nàng trong việc học.

"Tôi rất thích" Kate nói với David "Thật là thú vị, David ạ."

Một ngày kia, David sẽ cùng với nàng ngồi làm việc sát cánh nhau vào lúc đêm khuya, và lúc đó, chỉ có hai người mà thôi. Rồi một đêm nào đó, David sẽ quay về phía nàng và nói: "Em Kate yêu quý, anh có mắt mà cũng như mù, em có bằng lòng lấy anh không?" Thế rồi, chỉ một lát sau, nàng đã nằm trong hai cánh tay của chàng...

Nhưng chuyện ấy chưa đến đâu. Trong khi chờ đợi, nàng phải học tập. Với một vẻ cương quyết, nàng quay lại các bài tập ở trường.

Lớp kinh doanh kéo dài hai năm. Kate trở lại Klipdrift vào đúng dịp nàng ăn mừng sinh nhật thứ hai mươi của nàng. David đón nàng ở nhà ga.

Trông thấy David, đột nhiên nàng giang hai cánh tay ra ôm choàng lấy anh và nói: "Trời! Anh David, gặp anh tôi mừng quá!"

Anh lùi lại, nói một cách vụng về: "Rất mừng được gặp cô, Kate ạ." Trong cử chỉ của anh có một vẻ lóng ngóng, không được thoải mái lắm.

"Có chuyện gì vậy?"

"Không... Chỉ có điều là... là... các thiếu nữ không ôm hôn đàn ông ở nơi công cộng".

Nàng nhìn David một lát rồi nói: "À ra thế. Tôi hứa lần sau sẽ không làm anh bối rối nữa".

Trong khi đi xe về nhà, David kín đáo quan sát Kate. Nàng là một cô gái xinh đẹp mê hồn, ngây thơ và có vẻ dễ bị xúc phạm nên David quyết tâm sẽ không bao giờ lợi dụng điều ấy.

Sáng hôm thứ hai, Kate di chuyển đến văn phòng mới của nàng ở công ty Hữu hạn Kruger - Brent. Thật là, giống như nàng bị chìm vào trong một thế giới xa lạ, kì dị với những phong tục và

ngôn ngữ riêng của nó. Đó là một tổ chức rối rắm gồm các ngành, các cơ sở phụ, các phân cục địa phương, các công ty đặc quyền và chi nhánh nước ngoài. Các sản phẩm mà công ty nàng chế tạo hay làm chủ dường như là vô tận. Có những nhà máy cán thép, những trại nuôi gia súc, một đường xe hoả, một công ty chuyên chở đường bể, và cố nhiên, cơ sở của tài sản gia đình: kim cương, vàng, kẽm, bạch kim, magnesium được đào lên suốt ngày đêm, rồi tuôn vào các két sắt của công ty.

Quyền lực.

Hầu như có quá nhiều thứ cần phải nắm vững. Kate ngồi trong văn phòng của David, lắng nghe anh đưa ra những quyết định có thể ảnh hưởng đến hàng nghìn người trên khắp thế giới. Các tổng giám đốc các phân cục đưa ra nhiều đề nghi, nhưng nhiều khi David bác bỏ các đề nghị ấy.

“Tại sao anh làm như vậy? Họ không biết việc làm của họ hay sao?” Kate hỏi.

“Dĩ nhiên là họ biết. Nhưng vấn đề không phải là ở chỗ ấy” David giải thích “Mỗi giám đốc chỉ nhìn thấy phân cục của mình và xem nó như là trung tâm điểm của thế giới. Điều ấy cũng là phải thôi. Thế nhưng cần phải có một người nào đó có cái nhìn tổng quát và quyết định cái gì tốt nhất cho toàn thể công ty. Thôi nào, chúng ta còn phải ăn cơm trưa với một người mà tôi muốn giới thiệu với cô”

David đưa Kate đến một phòng ăn riêng rộng rải, kế cận văn phòng của Kate. Một người đàn ông trẻ tuổi, gầy giơ xương, với một khuôn mặt ốm và đôi mắt nâu tò mò, đang chờ đợi hai người.

"Đây là Brad Rogers" David nói "Brad, tôi giới thiệu với anh đây là nữ chủ nhân mới của anh, cô Kate McGregor"

Brad Rogers đưa tay ra bắt "Tôi rất hân hạnh được gặp cô, thưa cô McGregor"

"Brad là một vũ khí bí mật của chúng ta" David nói "Anh ấy hiểu biết về công ty Kruger-Brent chẳng kém gì tôi. Ví thử như tôi có rời công ty này, cô cũng chẳng có gì phải lo cả. Brad sẽ có mặt ở đây"

"Ví thử như tôi có rời công ty" Riêng ý nghĩ này cũng làm cho nỗi hoảng sợ tuôn ra như một làn sóng truyền qua khắp thân thể của Kate. Cố nhiên, David sẽ không bao giờ rời công ty. Kate không nghĩ đến chuyện gì khác nữa trong suốt bữa ăn trưa ấy. Và khi bữa ăn chấm dứt, nàng cũng chẳng biết nàng đã ăn những thứ gì.

Sau bữa ăn, họ bàn với nhau về Nam Phi.

"Chúng ta sắp sửa gặp rắc rối" David nói "Chính phủ vừa đặt ra thuế thân"

"Thế là nghĩa làm sao?" Kate hỏi.

"Nó có nghĩa là những người da đen, da màu và người Ấn Độ

phải trả hai bảng Anh cho mỗi người trong gia đình. Như vậy là lớn hơn số lương của họ trong một tháng".

Kate nghĩ đến Banda và cảm thấy nỗi lo sợ tràn ngập trong lòng. Cuộc thảo luận chuyển sang các vấn đề khác.

Kate yêu thích cuộc sống mới vô cùng. Mỗi quyết định lôi kéo theo trò chơi hàng triệu đô la. Việc kinh doanh lớn là một cuộc đọ sức trí tuệ, là lòng can đảm dám đương đầu với may rủi và bản năng biết được khi nào nên dấn tới, khi nào cần rút lui.

"Kinh doanh là một cuộc đánh bạc" David nói với Kate "Với tiền cược lớn kinh khủng và mình phải cạnh tranh với các chuyên gia. Nếu muốn thắng, mình phải học để làm chủ cuộc chơi"

Đó chính là điều mà Kate quyết định sẽ làm. Nàng phải học.

Kate sống một mình trong ngôi nhà lớn, ngoài các gia nhân, nàng và David vẫn tiếp tục có những buổi ăn chung theo nghi thức vào tối thứ sáu. Nhưng khi Kate mời anh đến ăn vào những buổi khác, David lúc nào cũng kiếm cớ từ chối. Trong những giờ làm việc, hai người vẫn họp chung với nhau thường xuyên. Nhưng ngay cả lúc ấy, David dường như đã dựng lên một bức tường giữa hai người, một bức tường mà Kate không thể nào vượt qua được.

Vào ngày sinh nhật thứ hai mươi mốt của Kate, tất cả các cổ phần trong công ty Kruger-Brent đã chuyển sang cho Kate. Bây

giờ nàng đã chính thức kiểm soát công ty "Chúng ta hãy ăn cơm tối hôm nay để ăn mừng" Kate đề nghị với David.
"Xin lỗi cô Kate, tôi có nhiều công việc phải làm cho kịp"
Kate ăn cơm một mình tối hôm ấy, trong lòng băn khoăn không hiểu tại sao. Vì nàng hay vì David. Phải chăng David đã bị điếc, câm, mù nên không hiểu được tình cảm của nàng đối với anh? Nàng sẽ phải ra tay hành động bằng cách nào đó.
Công ty lúc đó đang điều đình về việc mở một đường hàng hải ở Mỹ.
"Tại sao cô và Brad không đi New York để kết thúc cuộc điều đình này?" David gợi ý với Kate "Đó sẽ là một kinh nghiệm rất hay cho cô"
Kate muốn rằng David sẽ đi với nàng, nhưng vì tự ái, nàng không nói ra. Nàng sẽ giải quyết vụ này mà không cần đến David. Ngoài ra, nàng chưa hề bao giờ sang Mỹ nên nàng mong đợi có được thêm kinh nghiệm này.
Việc kết thúc cuộc điều đình về đường hàng hải tiến hành một cách trôi chảy. David đã nói với nàng trước khi nàng lên đường "Trong thời gian ở Mỹ, cô nên thăm viếng một vài nơi cho biết"
Kate và Brad đi thăm các chi nhánh công ty ở Detroit, Chicago, Pittsburg và New York. Nàng rất ngạc nhiên về sự lớn lao và năng lực của nước Mỹ. Điểm nổi bật nhất trong cuộc hành trình này là cuộc viếng thăm Dark Harbor ở Maine, trên một hòn đảo

nhỏ có tên là Isleboro, trong vịnh Penobscot. Nàng được mời dự tiệc tại nhà Charles Dana Gibson, một nghệ sĩ. Có mười hai người đến dự tiệc hôm ấy, và ngoại trừ Kate, tất cả đều có nhà trên hòn đảo ấy.

"Nơi này có một lịch sử rất thú vị" Gibson nói với Kate "Cách đây nhiều năm, những người sống ở đây thường đi đến đây bằng tàu thuỷ từ Boston. Khi tàu cập bến, có xe độc mã đến đón họ và đưa về nhà"

"Có bao nhiêu người sống trên hòn đảo này?" Kate hỏi.

"Chừng năm mươi gia đình. Khi chiếc tàu cập bến, cô có thấy ngọn hải đăng ở đấy không?"

"Có"

"Ngọn hải đăng ấy do một người gác và một con chó điều khiển. Khi một chiếc tàu đi ngang qua, con chó chạy ra rung chuông" Kate cười "Ông nói đùa ấy chứ".

"Không đâu, thưa cô. Điều buồn cười là con chó ấy bị điếc đặc. Nó đặt tai vào cái chuông để xem nó có rung lên không".

"Nghe ông nói có vẻ như hòn đảo này hấp dẫn lắm nhỉ?"

"Nếu cô ở lại đây chơi và thăm viếng hòn đảo này vào sáng mai thì chắc cô sẽ không thấy là vô ích đâu".

Kate bật miệng: "Tại sao lại không?"

Nàng ở lại đêm trong khách sạn duy nhất trên đảo, tên nó là Quán trọ Islesboro. Đến buổi sáng, nàng thuê một chiếc xe ngựa,

do một người dân trên đảo điều khiển, rời trung tâm của Dark Harbor, nơi có một cửa hàng bách hóa, một cửa hàng bán đồ sắt, một hiệu ăn và ít phút sau, nàng đi ngang một khu rừng cây rất đẹp. Kate nhận ra rằng các đường nhỏ quanh co đều không có tên. Cả trên các hộp thư cũng không có tên người.

"Không có các dấu hiệu như thế mà người dân ở đây không bị lạc sao?"

"Không. Người dân trên đảo này đều biết nơi nào, có cái gì".

Kate liếc mắt nhìn ông ta một cái rồi nói: "À ra thế"

Ở phía dưới hòn đảo, họ đi ngang qua một nghĩa địa.

"Bác cho dừng xe lại được không?", Kate yêu cầu.

Nàng bước ra khỏi chiếc xe ngựa, đi bộ đến khu nghĩa địa cổ, loanh quanh, nhìn vào các bia mộ.

Bob Pendleton, mất ngày 25 tháng giêng năm 1794, 47 tuổi.

Trên văn bia ghi mấy dòng chữ: "Dưới viên đá này, tôi nằm yên nghỉ trong giấc ngủ êm đềm. Chúa ban phước lành cho chiếc giường nằm của tôi"

Jan, vợ của Thomas Pendleton, mất ngày 25 tháng hai năm 1802, 47 tuổi.

Ở đó còn những linh hồn từ một thế kỷ khác, thuộc về thời đại đã qua lâu rồi. Đại úy William Hatch, chết chìm ở đáy biển Long Island, tháng 10 năm 1866, 30 tuổi. Văn bia ghi: "Đã từng trải qua nhiều bão tố, và vượt qua nhiều sóng cả của cuộc đời"

Kate đứng ở đó một hồi lâu, yêu thích trước cảnh yên lặng, thanh bình.

“Mùa đông ở đây như thế nào?” Kate hỏi.

“Lạnh. Vịnh này thường bị đóng băng nên người ta vẫn đi từ đất liền đến đây bắng xe trượt tuyết. Bây giờ, tất nhiên, chúng tôi đã có phà rồi”.

Họ đi vòng một khúc quanh. Ở nơi kia, bên cạnh bờ nước, là một ngôi nhà hai tầng lợp bằng ván trắng. Xung quanh có trồng các loại cây phi yến, hồng dại và cây thuốc phiện. Các cánh cửa trên tám chiếc cửa sổ đều sơn màu xanh. Bên cạnh các cánh cửa đôi là những chiếc ghế dài và sáu chậu hoa phong lữ. Nó giống như một ngôi nhà trong câu chuyện thần tiên.

“Ai là chủ ngôi nhà ấy?”

“Đó là ngôi nhà xưa kia của gia đình Dreben. Bà Dreben mất cách đây ít tháng”

“Bây giờ ai sống ở đó?”

“Theo tôi biết thì ở đó không có ai cả”

“Ngôi nhà ấy có bán không?”

Người hướng dẫn nhìn Kate và nói: “Nếu có bán thì có lẽ người con trai của một trong các gia đình ở đây sẽ mua nó. Người dân đảo này không dễ dàng bán cho những người lạ mặt”

Nói như vậy với Kate thật là một điều sai lầm.

Một giờ sau, nàng nói chuyện với một luật sư về bất động sản

này: “Tôi muốn bàn về ngôi nhà của họ Dreben. Không biết người ta có bán không?” Kate nói.

Viên luật sư bĩu môi: “Có thể có, mà cũng có thể không”.

“Như thế nghĩa là thế nào?”

“Người ta sẵn sàng bán. Nhưng cũng có một số người cũng muốn mua ngôi nhà ấy”.

Lại những gia đình xưa cổ trên hòn đảo này, Kate thầm nghĩ.

“Họ đã trả giá chưa?”

“Chưa, nhưng...”

“Tôi sẵn lòng trả giá”. Kate nói.

Viên luật sư nói một cách nhã nhặn “Nhưng ngôi nhà ấy đắt tiền lắm”

“Ông cứ cho giá đi”

“Năm mươi nghìn đô la”.

“Chúng ta lại xem ngôi nhà ấy đi”

Bên trong ngôi nhà còn hấp dẫn hơn là Kate đã tiên đoán. Gian phòng phía trước rộng và rất đẹp, nhìn ra bể qua một bức tường bằng gương. Ở một bên đại sảnh ấy là phòng khiêu vũ lớn, và phía bên kia là một phòng khách lót ván gỗ đã hoen ố vì thời gian. Và kia là một chiếc lò sưởi đồ sộ. Có một cái thư viện, một nhà bếp lớn với một cái lò sắt, một chiếc bàn bằng gỗ thông lớn. Xa hơn chút nữa là phòng để thức ăn của quản gia và một phòng giặt. Ở dưới nhà, có sáu phòng ngủ cho gia nhân và một phòng

tắm. Ở tầng trên có một dãy phòng ngủ lớn và bốn phòng ngủ nhỏ. Ngôi nhà ấy lớn hơn là Kate đã mong đợi. Nhưng khi David và mình đã có con, nàng nghĩ thầm, chúng mình sẽ cần tất cả những phòng này. Đất thuộc ngôi nhà chạy dài xuống vịnh, ở đó, có một bến tàu riêng.

Kate quay về phía ông luật sư: "Tôi mua ngôi nhà này"

Nàng quyết định đặt tên nó là Cedar Hill (Ngôi nhà trên đồi thông).

Nàng nóng lòng muốn về Klipdrift cho sớm để báo tin này cho David hay.

Trên đường trở về Nam Phi, Kate cảm thấy một nỗi hân hoan cuồng nhiệt. Ngôi nhà ở Dark Harbor là một dấu hiệu, một biểu tượng cho biết rằng nàng và David sẽ cưới nhau. Nàng biết rằng David sẽ yêu thích ngôi nhà ấy, cũng giống như nàng.

Vào lúc xế trưa, Kate và Brad về đến Klipdrift. Kate vội vả đến văn phòng David. Anh đang ngồi làm việc ở bàn giấy. Vừa trông thấy David, tim nàng đập lên thình thình. Nàng chưa nhận thức được là nàng đã mong nhớ anh đến thế nào.

David đứng dậy: "Kate, mừng cô đã về nhà!"

Rồi trước khi nàng kịp mở lời, anh nói: "Tôi muốn cô là người đầu tiên được biết tin này. Tôi sắp sửa lấy vợ".

Sidney Sheldon

Tay cự phách

Chương 15

Câu chuyện bắt đầu một cách tình cờ sáu tuần lễ trước đó. Giữa một ngày làm việc sôi nổi. David nhận được một thông điệp cho biết rằng Tim O'Neil, bạn của một khách hàng kim cương người Mỹ, đang ở Klipdrift và hỏi David có thể nào đến đón ông ta và ăn cơm với ông được không. Davíd không có thì giờ để tiếp đón các du khách, nhưng anh không muốn làm mất lòng ông khách hàng. Anh có thể đã nhờ Kate tiếp đón ông khách hộ, nhưng lúc ấy nàng đang đi thăm viếng các nhà máy của công ty ở Bắc Mỹ cùng với Brad Reoger. Thật là khó xử. Anh liền điện thoại đến khách sạn của O'Neil và mời ông ta đến dùng cơm vào tối hôm ấy.

O'Neil nói với David trên điện thoại, "Con gái tôi cùng đi với tôi. Tôi hi vọng ông sẽ không thấy phiền hà gì nếu tôi đem nó đi theo".

David không có tâm trạng nào ngồi suốt buổi tối với một đứa

con nít, nhưng anh vẫn nói một cách lịch sự, "Không có phiền gì cả." Anh dự định sẽ làm cho buổi tiếp khách ấy càng ngắn càng tốt.

Họ gặp nhau ở khách sạn Grand Hotel, trong phòng ăn. Khi David đến nơi, O'Neil và cô con gái đã ngồi sẵn ở bàn ăn.

O'Neil là một người Mỹ gốc Ái Nhĩ Lan, lịch sự, tóc bạc, vào khoảng ngũ tuần. Con gái ông, Josephine là một phụ nữ xinh đẹp chưa từng thấy. Nàng vào khoảng trên ba mươi tuổi, có dáng người rất đẹp, tóc hoe mềm mại và đôi mắt trong xanh. Vừa trông thấy nàng, David cảm thấy như bị nghẹt thở.

"Tôi... tôi xin lỗi vì đã đến trễ." Anh nói. "Tôi bận chút công việc vào phút chót."

Josephine nhìn phản ứng của David trước mặt nàng với một vẻ vui vui, "Đôi khi những công việc vào phút chót ấy rất là thú vị," nàng nói mà không ngụ ý gì châm chọc. "Cha tôi nói ông là một người quan trọng, ông Blackwell ạ"

"Không hẳn là như vậy... Xin cô cứ gọi tôi là David."

Nàng gật đầu. "Đó cũng là một tên rất hay. Nó nói lên sức mạnh."

Trước khi bữa cơm tối chấm dứt, David nhận ra rằng Josephine không chỉ là một phụ nữ xinh đẹp, nàng là một người thông minh, vui tính, và có tài làm cho anh cảm thấy thoải mái khi tiếp xúc. David cảm thấy nàng thành thực có cảm tình với anh. Nàng

hỏi những câu hỏi về anh, mà trước kia chưa có ai đã từng hỏi anh. Vào lúc buổi ăn tối hôm ấy kết thúc, anh cảm thấy mình gần như đã bắt đầu yêu nàng.

"Quê hương của ông ở đâu?" David hỏi Tim O'Neil.

"Ở San Francisco."

"Vậy chắc ông sắp về rồi?"

Anh cố làm cho câu nói có vẻ như tình cờ.

"Tuần sau."

Josephine mỉm cười với David, "Nếu Klipdrift cũng thích thú như hứa hẹn, thì có lẽ tôi sẽ thuyết phục được cha tôi ở lại lâu hơn chút nữa."

"Tôi có ý định sẽ làm cho nó trở nên thích thú tối đa." David nói.

"Cô có muốn đi xuống một mỏ kim cương không?"

"Thế thì thích quá. Cảm ơn ông."

Đã có một thời anh vẫn thường đích thân hộ tống những vị khách quan trọng xuống thăm các mỏ, nhưng đã khá lâu rồi, anh uỷ thác công việc này cho các nhân viên dưới quyền. Bây giờ, không hiểu sao, anh buột miệng nói, "Vậy ngày mai có tiện cho cô không?" Anh có năm sáu phiên họp đã được xếp đặt vào sáng hôm ấy, nhưng đột nhiên tất cả trở nên kém quan trọng.

Anh dẫn ông O'Neil và cô con gái đi xuống một giếng đá, sâu đến ba mươi sáu thước, chia thành bốn ngăn, một ngăn để bơm

nước, hai ngăn để kéo đất chứa kim cương lên, và một ngăn có lồng hai tầng dùng để chuyên chở công nhân lên xuống.
“Tôi hay có tính tò mò muốn biết điều này, điều kia.” Josephine nói. “Tại sao người ta lại đo kim cương bằng cà rá?”
“Cà rá là gọi theo tên của một loại hạt cây đậu gọi là “carob”,” David giải thích. “Ấy là vì hạt carob có trọng lượng ít thay đổi. Một cà rá bằng hai trăm mi li gam, hay một phần một trăm bốn mươi của một “ounce” (1 ounce bằng 28,35g)
Josephine nói. “Tôi hoàn toàn như bị thôi miên, anh David ạ.”
David tự hỏi không biết Josephine muốn nói đến kim cương hay chuyên gì khác. Anh cảm thấy ngây ngất được gần gũi nàng. Mỗi khi anh dưa mắt nhìn Josephine, David cảm thấy một sự rung động tươi mát.
“Ông và cô cũng cần phải biết qua miền đồng quê ở đây,” David nói, “Nếu ông và cô Josephine không bận bịu gì vào sáng mai, tôi sẽ vui lòng đưa quý vị đi chơi một vòng.”
Cha Josephine chưa kịp trả lời thì nàng đã nói, “Như thế thì tuyệt quá!”
David ở bên cạnh Josephine và cha cô suốt mọi ngày sau đó, và cứ mỗi ngày qua đi, anh lại càng đi sâu vào tình yêu. Anh chưa hề bao giờ gặp được ai làm cho anh say đắm đến như vậy.
Khi David đến để đón cha con Josephine đi ăn cơm, vào một tối nọ, ông Tim O’Neil nói, “Tối nay tôi hơi mệt, anh David ạ. Anh

miễn cho tôi hôm nay, có được không?" David cố giấu vẻ vui sướng.

"Thưa ông, không hề gì ạ. Tôi hiểu."

Josephine tủm tỉm cười ranh mãnh. "Tôi sẽ đi ăn với anh cho anh vui lòng."

David đưa nàng đến tiệm ăn trong một khách sạn vừa mới khai trương. Căn phòng đông khách, nhưng người ta nhận ra David và dọn ngay một chiếc bàn cho anh. Một ban nhạc ba người đang chơi âm nhạc Mỹ.

David hỏi. "Cô có thích nhảy không?"

"Tôi cũng thích."

Một lát sau, Josephine ở trong vòng tay của David trên sàn nhảy. Thật như một phép lạ, David ôm chặt thân hình tuyệt vời của Josephine sát với người chàng, và cảm thấy được phản ứng của nàng.

"Josephine, anh yêu em."

Nàng đặt ngón tay lên môi David. "David, xin anh… đừng…"

"Tại sao?"

"Bởi vì em không thể lấy anh được."

"Em có yêu anh không?"

Nàng tủm tỉm cười, đôi mắt xanh lóng lánh. "Em say mê anh, anh yêu quý ạ. Anh không nhận ra sao?"

"Vậy thì tại sao?"

“Bởi vì em không bao giờ sống ở Klipdrift.”
“Em có thể thử sống ở đây xem sao.”
“David, em cũng muốn lắm, thế nhưng em biết chuyện gì sẽ xảy ra. Nếu em lấy anh và phải sống ở đây, em sẽ trở thành một mụ đàn bà đanh đá, la hét om sòm, rồi cuối cùng chúng mình sẽ ghét bỏ nhau. Em muốn rằng chúng ta chia tay nhau như thế này thì tốt hơn.”
“Anh không muốn chia tay.”
Nàng ngước mặt lên nhìn vào mặt David. Anh cảm thấy thân hình nàng như tan ra, hoà lẫn với anh. “David ạ, có thể nào anh sống ở San Francisco được không?”
Thật là một ý tưởng không thể nào thực hiện được. “Anh làm gì ở đó được?”
“Chúng ta hãy ăn sáng với nhau vào ngày mai. Em muốn anh nói chuyện với bố em.”

Tim O’Neil nói, “Josephine đã kể lại cho tôi nghe về cuộc nói chuyện giữa anh với nó đêm qua. Hình như cả hai người đang có vấn đề khó khăn. Nhưng tôi có thể có một giải pháp, nếu anh quan tâm đến việc này.”
“Thưa ông, tôi rất quan tâm đến việc này.”
O’Neil nhặt chiếc cặp da nâu lên, lấy ra một số bản thiết kế.
“Anh có hiểu biết gì về thực phẩm đông lạnh không?”

“Tôi e rằng không.”

“Người ta bắt đầu làm thực phẩm đông lạnh ở Mỹ vào năm 1865. Vấn đề là làm sao chuyên chở đường xa mà thực phẩm không bị tan giá. Chúng tôi đã có những toa xe hoả ướp lạnh, nhưng chưa có ai nghĩ cách làm những chiếc xe hơi chở hàng ướp lạnh.” O’Neil đập nhẹ trên bản vẽ. “Cho mãi đến bây giờ. Tôi vừa nhận được một bằng sáng chế về lối ướp lạnh mới ấy. Nó làm đảo lộn toàn thể công nghệ thực phẩm, David ạ.”

David nhìn vào các bản vẽ. “Tôi sợ không hiểu lắm về những cái này.”

“Điều đó không quan trọng. Tôi không cố tìm một chuyên gia kĩ thuật. Tôi đã có rất nhiều hạng người này rồi. Cái mà tôi cần là vấn đề tài trợ và một người nào đó có thể điều hành công việc. Đây không phải là một điều mơ tưởng hão huyền đâu. Tôi đã bàn với những nhà chế biến thực phẩm hàng đầu về vấn đề này. Nó sẽ là một cơ hội làm ăn lớn, lớn hơn là anh có thể tưởng tượng được. Tôi cần có một người như anh.”

“Trụ sở chính của công ty ấy sẽ đặt tại San Francisco.” Josephine nói thêm.

David ngồi im lặng, cố nghiền ngẫm về những gì anh vừa nghe được. “Ông nói rằng ông đã được cấp bằng sáng chế, phải không?”

“Đúng vậy. Tôi đã sẵn sàng bắt tay vào việc.”

“Ông có thể cho tôi mượn các bản thiết kế này để đưa cho một người nữa xem hay không?”
“Tôi không có gì phản đối.”
Việc đầu tiên David phải làm là điều tra về Tim O’Neil. Anh được cho biết rằng O’Neil có danh tiếng thật sự ở San Francisco. Ông đứng đầu ban khoa học tại Đại học Berkerley, và rất được kính trọng. David không hiểu gì về thực phẩm đông lạnh, nhưng anh dự định tìm hiểu vấn đề này cho kĩ.

“Anh sẽ trở về trong vòng năm ngày, em yêu quý ạ. Anh muốn em và ba em chờ đợi anh trở về.”
“Bao lâu cũng được. Em sẽ nhớ anh lắm,” Josephine nói.
“Anh cũng sẽ nhớ em,” Anh nói câu ấy với nhiều ngụ ý hơn là nàng nghĩ.
David đi tàu hoả đến Johannesburg, và xếp đặt một cuộc gặp mặt với Edward Broderick, chủ nhân một xí nghiệp thịt hộp lớn nhất Nam Phi.
“Tôi muốn nghe ý kiến của ông về vấn đề này.”
David đưa cho ông xem các bản vẽ. “Tôi cần biết cái này có thể thực hiện được không.”
“Tôi không biết chút gì về thực phẩm đông lạnh hay về xe đông lạnh cả, nhưng tôi biết có người rành vấn đề này. Nếu ông trở lại đây trưa hôm nay, tôi sẽ cho mời vài chuyên gia đến đây gặp

ông.’

Đến bốn giờ trưa hôm ấy, David trở lại xưởng đóng thịt hộp. Anh cảm thấy mình bồn chồn, lo lắng, bởi vì anh không biết chắc chắn anh muốn cuộc họp này sẽ tiến hành như thế nào. Hai tuần lễ trước đó, có lẽ anh đã cười lên ha hả, nếu có ai đề nghị với anh nên bỏ công ty Kruger-Brent. Nó là một phần của bản thân anh rồi. Anh sẽ cười to hơn thế nữa, nếu người ta bảo anh nên xét đến việc điều khiển một công ty thực phẩm nhỏ ở San Francisco. Đó là một ý kiến điên rồ, ngoại trừ một điều duy nhất: Josephine O’Neil.

Có hai người ngồi trong phòng với Edward Broderick “Đây là Tiến sĩ Crawford và ông Kaufman. David Blackwell.”

Họ trao đổi nhau lời chào hỏi. David hỏi, “Quý ông đã có cơ hội xem các bản vẽ chưa?”

Tiến sĩ Crawford đáp. “Chúng tôi dĩ nhiên đã xem rồi, ông Blackwell ạ, và xem xét rất kĩ.”

David thở một cái thật sâu. “Vậy thì sao?”

“Hình như Sở cấp bằng sáng chế của Mỹ đã cấp bằng sáng chế cho cái này rồi, phải không?”

“Đúng vậy.”

Vậy thì, ông Blackwell ạ, kẻ nào được cấp bằng sáng chế này sẽ là người giàu có vô cùng.”

David chậm rãi gật đầu, lòng tràn ngập những cảm xúc đối chọi

nhau.

“Giống như tất cả những phát minh lớn – nó đơn giản đến nỗi mình phải ngạc nhiên tại sao không có người nào nghĩ ra nó sớm hơn. Cái này không thể thất bại được.”

David không biết nên phản ứng thế nào. Trước đó anh nửa hi vọng, nửa không, rằng quyết định ấy sẽ được lấy đi khỏi bàn tay anh. Nếu phát minh của Tim O’Neil là vô dụng, anh còn có cơ may thuyết phục Josephine ở lại Nam Phi. Nhưng điều O’Neil đã nói với anh là đúng. Phát minh ấy có thể thực hiện được. Bây giờ anh phải tự mình đưa ra quyết định.

Anh không nghĩ gì khác ngoài vấn đề ấy trong suốt cuộc hành trình trở về Klipdrift. Nếu anh nhận lời, như vậy có nghĩa là anh sẽ rời công ty này, để khởi sự một việc kinh doanh mới, chưa hề được thử nghiệm. Anh đang giữ một chức vụ quan trọng trong một công ty có thế lực hàng đầu trên thế giới. Anh yêu công việc làm của anh. Jamie và Margaret McGregor đều rất tốt đối với anh. Sau đó là Kate. Anh đã săn sóc cho nàng từ khi nàng mới sinh. Anh đã được trông thấy nàng lớn lên, từ một cô gái tinh nghịch, bướng bỉnh, đến một thiếu nữ xinh đẹp, đáng yêu. Cuộc đời của nàng là một cuốn album tranh ảnh trong trí óc anh. Anh lật từng trang, và thấy Kate lúc bốn, tám, mười, mười bốn, rồi hai mươi mốt tuổi – dễ bị xúc phạm, khó đoán trước được.

Chuyến tàu vừa đến Klipdrift, David đã quyết định xong. Anh sẽ

rời Công ty Hữu hạn Kruger-Brent.

Anh đi xe đến thẳng khách sạn Grad Hotel, rồi đi lên dãy buồng của gia đình Josephine. Josephine ra mở cửa cho anh.

"David!"

Anh ôm nàng trong vòng tay, hôn tíu tít, cảm thấy thân hình ấm áp của nàng áp sát vào người anh.

"Ồ, David, em nhớ anh quá. Em không muốn phải xa anh nữa."

"Em sẽ không phải xa anh đâu," David chậm rãi nói. Anh sẽ đi San Francisco."

David nóng lòng chờ đợi Kate trở về từ Mỹ. Bây giờ anh đã có quyết định rồi, nên anh hăm hở khởi sự một cuộc đời mới, anh nóng lòng muốn cưới Josephine.

Lúc này, Kate đã trở về đến nhà, anh đứng trước mặt nàng và nói, "Tôi sắp sửa lấy vợ..."

Kate nghe những lời ấy qua tiếng ù ù vang dội trong tai. Nàng đột nhiên cảm thấy muốn ngất xỉu. Nàng nắm chặt lấy gờ bàn viết cho khỏi ngã. Mình muốn chết, nàng thầm nghĩ. Xin hãy để cho tôi được chết.

Nhưng không hiểu sao, do một nguồn ý chí mạnh mẽ nào đó ở bên trong, nàng cố nở một nụ cười và nói,

"Anh kể cho tôi nghe về cô ấy đi, David." Nàng cảm thấy hãnh diện về sự bình tĩnh trong giọng nói của nàng. "Cô ấy là ai vậy?"

"Tên cô ấy là Josephine O'Neil. Cô ấy đến thăm nơi này cùng

với ông bố. Tôi chắc rằng hai người sẽ là bạn thân thiết với nhau, cô Kate ạ. Cô ấy rất tốt."

"Cô ấy chắc chắn phải như vậy, nếu anh yêu cô ta, David ạ."

Anh do dự một lúc. "Còn có một chuyện nữa, cô Kate ạ. Tôi sẽ rời công ty này."

Cả thế giới như đổ ập xuống người nàng. "Anh sắp sửa lấy vợ, như vậy đâu có nghĩa là anh bắt buộc phải..."

"Không phải thế. Cha của Josephine sắp khởi sự một công việc kinh doanh mới ở San Francisco. Ông ấy đang cần có tôi."

"Vậy thì, vậy thì anh sẽ sống ở San Francisco."

"Phải. Brad Rogers sẽ đảm trách công việc của tôi một cách dễ dàng. Rồi đây chúng ta sẽ chọn một toán nhân viên quản lý tài giỏi nhất để giúp đỡ anh ta. Cô Kate ạ, tôi… tôi không thể nói cho cô biết tôi đã đi đến quyết định ấy một cách khó khăn như thế nào."

"Tất nhiên là khó khăn rồi, anh David ạ. Chắc hẳn anh phải yêu cô ta lắm nên mới phải làm thế. Khi nào thì tôi có thể gặp mặt cô dâu?"

David mỉm cười, trong lòng cảm thấy sung sướng vì Kate đã tiếp nhận tin này một cách vui vẻ. "Đêm nay, nếu cô có thì giờ ăn cơm với chúng tôi."

"Có, tôi rảnh thì giờ."

Nàng cố ngăn những giọt nước mắt cho đến khi nàng ngồi lại

một mình.

Cả bốn người ăn cơm tối tại toà nhà McGregor. Ngay lúc Kate trông thấy Josephine, mặt nàng tái nhợt đi. Lạy Chúa! Không trách gì David phải lòng cô gái ấy! Nàng đẹp một cách lộng lẫy. Chỉ cần đứng trước mặt Josephine, Kate cũng đủ cảm thấy mình sao mà vụng về, xấu xí thế. Lại còn tệ hơn thế nữa. Josephine là một phụ nữ duyên dáng, hấp dẫn. Rõ ràng là cô ấy rất say mê David "Mẹ kiếp!"

Trong lúc ăn cơm, Tim O'Neil nói với Kate về công ty mới.

"Nghe có vẻ rất hấp dẫn," Kate nói.

"Tôi nghĩ rằng nó không thể nào so sánh được với Kruger-Brent đâu, cô McGregor ạ. Chúng tôi sẽ khởi sự bằng một công ty nhỏ, nhưng dưới sự điều khiển của David, chúng tôi sẽ làm ăn khá."

"Với sự điều khiển của David, ông không thể nào thất bại được đâu," Kate nói.

Tối hôm ấy là cả một nỗi đau khổ khủng khiếp. Đồng thời với mối tai hoạ ấy, nàng đã mất một người mà nàng yêu và người duy nhất không thể thiếu được của công ty Kruger-Brent. Nàng cố gắng tiếp tục cuộc nói chuyện cho qua buổi tối hôm ấy, nhưng sau đó nàng không còn nhớ mình đã nói những gì. Nàng chỉ biết rằng mỗi lúc David và Josephine đưa mắt nhìn nhau, hay đụng chạm vào người nhau, nàng chỉ muốn mình chết đi cho rồi.

Trên đường trở về khách sạn, Josephine nói, "Cô ấy yêu anh đấy, David ạ."

David mỉm cười. "Kate à? Không đâu. Chúng tôi là bạn thân của nhau, từ khi cô ấy còn được ẵm trên tay. Cô ấy mến cô lắm."

Josephine tủm tỉm cười. Đàn ông sao mà ngây thơ thế!

Trong văn phòng của David, sáng hôm sau, Tim O'Neil và David ngồi đối diện nhau. "Tôi cần hai tháng nữa để thu xếp cho xong các công việc ở đây." David nói, "Tôi đã nghĩ đến vấn đề tài trợ cần phải có để khởi sự công cuộc kinh doanh này. Nếu chúng ta nhờ một trong các công ty lớn tài trợ cho ta, họ sẽ nuốt chửng chúng ta và chỉ dành cho ta một phần nhỏ thôi. Nó sẽ không còn là của ta nữa. Như vậy, tôi nghĩ chúng ta nên tự mình tài trợ cho công cuộc làm ăn này. Tôi tính ra chúng ta cần tám mươi nghìn đô la để khởi sự. Tôi đã tiết kiệm được vào khoảng bốn mươi nghìn đô la. Chúng ta cần có thêm bốn mươi nghìn nữa."

"Tôi có mười nghìn đô la." O'Neil nói, "ngoài ra, tôi cũng có một người anh ruột có thể cho tôi vay thêm năm nghìn đô la nữa."

"Như vậy chúng ta còn thiếu hai mươi lăm nghìn đô la." David nói. "Chúng ta thử vay ngân hàng xem sao."

"Chúng tôi sẽ đi San Francisco ngay bây giờ," O'Neil nói, "rồi sẽ dàn xếp mọi thứ cho anh."

Hai ngày sau Josephine và cha nàng lên đường về Mỹ. "Anh hãy lấy chiếc toa xe riêng của tôi để đưa họ đi Cape Town, David ạ." Kate nói.

"Như vậy thật tốt quá, cô Kate ạ."

Sáng hôm Josephine lên đường, David cảm thấy như một phần đời sống của anh đã bị lấy đi. Anh nóng lòng muốn gặp lại nàng ở San Francisco.

Hai tuần lễ kế tiếp được dành cho việc tìm kiếm một toán nhân viên quản lý để giúp đỡ cho Brad Rogers. Kate, David và Brad có một danh sách các ứng viên được liệt kê cẩn thận, và họ ngồi với nhau hàng giờ để thảo luận về từng người một.

"…Taylor là một kĩ thuật viên giỏi, nhưng về quản lý thì yếu…"

"Thế còn Simmons thì sao?"

"Hắn cũng tốt, nhưng chưa sẵn sàng đảm nhận công việc," Brad nói. "Cho hắn thêm năm năm nữa."

"Babcock thì thế nào?"

"Chọn hắn cũng được. Chúng ta hãy bàn về hắn."

"Thế còn Peterson?"

"Chưa đủ tư cách đề làm một người của công ty. Hắn quan tâm đến bản thân hắn nhiều quá." David nói. Cùng lúc ấy, anh cảm thấy chính anh cũng có tội vì sắp bỏ rơi Kate.

Họ tiếp tục bàn cãi về danh sách các ứng viên. Vào cuối tháng

ấy, họ đã thu hẹp lại bản danh sách, chỉ còn lại bốn người để sau này làm việc với Brad. Tất cả bốn người ấy đều đang làm việc ở nước ngoài, và sẽ được gọi về để phỏng vấn. Hai cuộc phỏng vấn đầu tiên đều thành công. "Tôi hài lòng về cả hai người," Kate nói với David và Brad.

Vào buổi sáng, khi cuộc phỏng vấn thứ ba sắp được tiến hành, David bước vào văn phòng của Kate, mặt mũi nhợt nhạt, "Chỗ làm của tôi vẫn chưa bị mất chứ?"

Kate nhìn nét mặt của anh, rồi đứng dậy, tỏ vẻ hoảng sợ, "Có chuyện gì vậy, David?"

"Tôi… tôi..." Anh ngồi sụp xuống ghế, "Vừa có chuyện xảy ra."

Kate đã ra khỏi bàn viết. Nàng đến bên cạnh David nói, "Anh nói cho tôi biết đi!"

"Tôi vừa nhận được thư của Tim O'Neil. Ông ấy bán cả công việc kinh doanh ấy rồi."

"Như thế nghĩa là thế nào?"

"Đúng như tôi vừa nói đấy. Ông ta đã nhận hai trăm nghìn đô la và tiền bản quyền phát minh của ông ta, theo đề nghị của công ty thịt hộp "Ba Ngôi Sao" ở Chicago." David nói với giọng chua chát. "Công ty ấy muốn thuê tôi làm quản lý cho họ. Ông ấy lấy làm tiếc vì đã gây bất tiện cho tôi, nhưng ông không thể từ chối số tiền ấy được."

Kate nhìn David chăm chú. "Thế còn Josephine? Cô ấy nói thế

nào? Chắc hẳn cô ấy giận ông bố lắm."
"Tôi cũng có cả thư của cô ấy nữa. Chúng tôi chỉ sẽ cưới nhau khi nào tôi đến San Francisco."
"Thế anh sẽ không đi sao?"
"Cố nhiên là tôi sẽ không đi!" David nói với vẻ giận dữ. "Trước kia, tôi đã đưa ra đề nghị. Tôi có thể xây dựng một công ty lớn. Nhưng họ quá vội vã để có được số tiền khốn kiếp ấy."
"David ạ, anh không được công bằng khi anh dùng chữ "họ" trong câu nói ấy. Chỉ vì…"
"Cái ông O'Neil ấy không bao giờ thoả thuận như vậy nếu không được sự tán thành của Josephine."
"Tôi… tôi không hiểu anh muốn nói gì, David ạ."
"Chẳng có gì để nói cả. Chỉ có điều là tôi đã phạm phải một sai lầm lớn lao nhất trong đời tôi."
Kate đi đến bàn viết, nhặt bản danh sách ứng viên lên. Chậm rãi, nàng bắt đầu xé toạc tờ giấy.

Sáu tháng đã trôi qua từ ngày David nhận được lá thư của Tim O'Neil. Trong thời gian ấy, Kate và David tiếp tục làm việc sát cánh nhau, cùng đi nơi này nơi kia với nhau, và có nhiều thì giờ ngồi riêng với nhau. Kate cố làm mọi cách để cho David được vui. Nàng chưng diện vì chàng, dự tính thực hiện những gì chàng vui thích, và nhiều khi vượt ra ngoài thông lệ của nàng để làm

cuộc sống của chàng được hạnh phúc tối đa. Nhưng, theo như nàng nhận xét, tất cả đều không có kết quả nào cả. Cuối cùng, nàng đâm ra mất kiên nhẫn.

Nàng và David cùng đi Rio de Janeiro để kiểm tra một mỏ mới tìm được. Hai người vừa ăn cơm xong ở khách sạn và đang ngồi trong phòng của Kate, xem xét các con số vào lúc đêm đã khuya. Kate đã thay quần áo, mặc chiếc kimono và đi dép vải. Khi làm xong công việc, David vươn vai và nói, "Làm như thế là đủ cho tối nay rồi. Bây giờ chắc tôi phải đi ngủ."

Kate điềm tĩnh nói, "Đã đến lúc anh thoát khỏi sự đau buồn rồi đấy chứ, David?"

David nhìn nàng, ngạc nhiên. "Đau buồn gì?"

"Về chuyện Josephine ấy."

"Cô ấy ra khỏi cuộc đời của tôi rồi."

"Vậy anh phải hành động để chứng tỏ điều ấy chứ."

"Thế cô bảo tôi làm thế nào, Kate?" David hỏi cộc lốc.

Kate cảm thấy giận. Nàng giận vì David đã mù quáng không thấy gì cả, và đã phí phạm biết bao thì giờ. "Để tôi bảo anh phải làm thế nào – hãy hôn tôi đi."

"Sao?"

"Mẹ kiếp, David! Tôi là bà chủ của anh, đồ con khỉ!" Nàng tiến lại, sát bên David. "Hôn tôi đi…" Rồi nàng áp sát môi nàng vào môi David, choàng cánh tay quanh người chàng. Nàng cảm thấy

chàng hơi cưỡng lại, định lùi lại. Nhưng rồi, chậm rãi hai cánh tay chàng ôm chặt lấy thân hình nàng. Chàng vừa hôn nàng vừa kêu lên, "Kate…"

Nàng thì thầm sát vào môi chàng. "Em nghĩ rằng anh sẽ chẳng bao giờ yêu cầu…"

Hai người cưới nhau sáu tuần lễ sau đó. Đó là một lễ cưới lớn nhất mà thị trấn Klipdrift chưa từng bao giờ thấy và sẽ không bao giờ được thấy. Buổi lễ được tổ chức tại nhà thờ lớn nhất và sau đó là một buổi tiếp tân ở đại sảnh của thị trấn, mời tất cả mọi người. Có hàng núi thức ăn, không biết bao nhiêu thùng bia, uýtxki, và sâm banh. Các nhạc sĩ chơi nhạc và tiệc tùng linh đình kéo dài cho đến lúc bình minh. Khi mặt trời lên, Kate và David lẻn ra về.

"Em phải về nhà, xếp đặt đồ đạc," Kate nói. "Đến đón em trong vòng một giờ nữa."

Vào lúc trời còn tờ mờ sáng. Kate đi vào ngôi nhà đồ sộ một mình, bước lên phòng ngủ, nàng đi đến một bức tranh trên tường, ấn mạnh trên chiếc khung. Bức tranh mở ra phía sau, để lộ ra một tủ sắt gắn vào tường. Nàng mở tủ sắt, lấy ra một bản hợp đồng. Đó là hợp đồng mua lại công ty thịt hộp "Ba Ngôi Sao" ở Chicago. Bên cạnh đó là một hợp đồng khác của công ty "Ba Ngôi Sao" mua lại quyền phát minh máy làm đông lạnh của O'Neil với giá hai trăm nghìn đô la. Kate do dự một lát, rồi bỏ

các giấy tờ lại trong tủ sắt, khoá lại. Bây giờ David đã thuộc về nàng rồi. Anh vẫn luôn luôn thuộc về nàng. Và thuộc về Công ty Hữu hạn Kruger-Brent. Cùng chung sức với nhau, hai người sẽ xây dựng nó trở thành một công ty lớn nhất, có quyền lực nhất thế giới.

Đúng như Jamie và Margaret McGregor trước đây vẫn hằng mong muốn.

Sidney Sheldon

Tay cự phách

Chương 16

Kate và David cùng đi với nhau khắp nơi trên thế giới, đến Zurich, Paris và New York, lo toan các công việc của công ty, nhưng dù đi đến đâu họ cũng đều bỏ chút thời giờ dành cho riêng họ. Họ nói chuyện với nhau rất khuya vào mỗi đêm, ân ái với nhau và thăm dò các suy nghĩ cùng thân thể của nhau. Kate là một nguồn vui vô tận đối với David. Nàng thường đánh thức anh dậy vào buổi sáng để hai người ân ái cuồng nhiệt với nhau, rồi ít giờ sau đó, nàng ngồi bên cạnh anh ở bàn hội nghị bàn về công việc và tỏ ra sáng suốt hơn bất kì một ai có mặt tại đấy. Nàng nhạy cảm với công việc kinh doanh một cách thật là hiếm có và không ngờ. Vào thời ấy, rất ít phụ nữ ở vào các cấp bậc hàng đầu trong giới kinh doanh. Thoạt tiên, Kate được mọi người đối xử với thái độ nhã nhặn, chịu đựng, nhưng thái độ ấy thay đổi nhanh chóng, trở thành kính cẩn và thận trọng. Kate tỏ ra vui thích trong việc vận dụng các thủ đoạn và mưu lược của trò chơi.

David đã từng thấy nàng qua mặt được những người đàn ông có kinh nghiệm hơn nàng rất nhiều. Nàng có bản năng của một kẻ chiến thắng. Nàng biết mình muốn gì và làm thế nào đạt được thứ mà nàng muốn. Đó là quyền lực.

Họ kết thức thời kì trăng mật bằng một tuần lễ huy hoàng ở Ngôi nhà Trên Đồi Thông của nàng ở Dark Harbor.

Lúc ấy là vào tháng sáu năm 1914, người ta bắt đầu bàn tán về chiến tranh. Kate và David là những vị khách mời tại một ngôi nhà ở thôn quê trong vùng Sussex. Đó là vào thời kì người ta sống tại những ngôi nhà ở thôn quê, và các khách mời trong những dịp cuối tuần cũng phải tuân theo một nghi thức bắt buộc. Đàn ông phải mặc quần áo chỉnh tề vào bữa ăn sáng, thay ăn trưa, rồi lại thay đổi vào giờ uống trà – với chiếc áo nhung viền xa tanh – cuối cùng đổi sang chiếc áo vét chỉnh tề đúng theo nghi thức vào buổi ăn tối.

"Lạy Chúa!" David phàn nàn với Kate, "Anh thấy mình giống như một con công".

"Anh là một con công xinh đẹp, anh yêu quý ạ". Kate cố trấn an David. "Khi nào về nhà rồi, anh cởi truồng đi lông nhông cũng được".

Anh ôm nàng trong vòng tay. "Anh không còn đủ kiên nhẫn nữa".

Đến buổi ăn tối, có tin cho biết rằng Frances Ferdinand, kẻ kế vị

ngai vàng Áo-Hung, và bà vợ ông ta, Sophie, đã bị giết bởi một tên ám sát.

Ông chủ nhà, Lord Maney, nói, "Thật là một hành động xấu xa. Bắn cả một người đàn bà! Phải thế không, quý vị?" Thế nhưng sẽ không ai phải đi ra trận vì một đất nước nhỏ bé ở tận vùng Balkan.

Rồi cuộc nói chuyện chuyện sang trò chơi cricket.

Sau đó, vào lúc đi ngủ, Kate hỏi David, "Anh có nghĩ rằng sẽ có chiến tranh không?"

"Vì chuyện một vị hoàng tử bé nhỏ bị giết hay sao? Ồ, không đâu".

Nhưng điều phỏng đoán này sau đó đã được chứng tỏ là sai lầm. Nước Áo-Hung, nghi ngờ rằng những láng giềng Serbia đã chủ mưu ám sát Ferdinand, tuyên chiến với Serbia, và vào tháng mười năm ấy, đa số các nước trên thế giới đều lâm vào cuộc chiến. Đó là một cuộc chiến tranh theo kiểu mới. Lần đầu tiên, các loại xe cơ giới hoá được sử dụng – máy bay, khí cầu và tàu ngầm.

Ngày nước Đức tuyên chiến, Kate nói, "Đây có thể là một cơ hội tuyệt vời cho chúng ta, David ạ".

David nhăn mặt, "Em nói gì lạ vậy?"

"Các nước cần súng ống, đạn dược và…"

"Chúng ta sẽ không bao giờ cung cấp cho họ những thứ ấy",

David ngắt lời với vẻ cương quyết. “Chúng ta có khá nhiều công việc rồi, không cần phải kiếm lợi nhuận bằng máu của bất cứ ai”.
“Sao anh lại bi đát hoá vấn đề như thế. Phải có người nào làm ra súng ống chứ”.
“Chừng nào anh còn làm việc cho công ty này, chúng ta sẽ không làm chuyện ấy. Thôi, không bàn cãi chuyện này nữa, Kate ạ. Vấn đề ấy chấm dứt rồi”.
Kate thầm nghĩ. Thật là đồ chết tiệt! Lần đầu tiên trong hôn nhân của hai người, Kate và David ngủ riêng giường. Nàng nghĩ, tại sao David lại có thể là một anh chàng lý tưởng một cách ngờ nghệch đến thế nhỉ?
Còn David nằm ngẫm nghĩ, làm sao nàng có thể lạnh lùng, tàn nhẫn đến thế? Công việc kinh doanh đã làm cho nàng thay đổi rồi. Những ngày kế tiếp đó thật là khổ sở đối với cả hai người. David hối tiếc vực thẳm tình cảm giữa hai người, nhưng không biết cách nào khoả lấp cho được. Kate quá kiêu hãnh và cứng đầu nên không chịu nhường, vì nàng cho rằng nàng phải.
Tổng thống Woodrew Wilson đã hứa rằng nước Mỹ sẽ đứng ngoài cuộc chiến, nhưng vì các tàu ngầm Đức bắt đầu thả thuỷ lôi tấn công các tàu chuyên chở khách không võ trang, và những câu chuyện về hành vi tàn nhẫn của người Đức lan rộng, áp lực bắt đầu đè nặng lên nước Mỹ, thúc giục họ phải giúp đỡ các đồng minh. Khẩu hiệu lúc ấy là, “Hãy làm cho thế giới được an

toàn để phát huy nền tảng dân chủ".

David đã học lái máy bay trong vùng sa mạc Namib ở Nam Phi, nên khi phi đoàn Lafeayette được thành lập ở Pháp với các phi công Mỹ, anh đến gặp Kate và nói, "Anh phải đi tòng quân".

Nàng kinh hãi, "Không! Đó không phải là cuộc chiến của anh mà".

"Nó sẽ là như vậy". David điềm tĩnh nói. "Nước Mỹ không thể đứng ngoài cuộc chiến được. Anh là người Mỹ, anh muốn giúp họ vào lúc này".

"Anh bốn mươi sáu tuổi rồi".

"Anh vẫn còn có thể lái máy bay được, Kate ạ. Họ đang cần sự giúp đỡ bằng đủ mọi cách".

Kate không còn cách nào làm anh thay đổi ý định. Họ trải qua những ngày cuối cùng bên nhau trong sự yên tĩnh, quên đi mọi điều khác biệt. Họ yêu nhau, và chỉ có điều ấy là quan trọng.

Vào đêm trước khi David lên đường sang Pháp, anh nói, "Em và Brad có thể điều khiển mọi công việc giống như anh, hay còn có thể giỏi hơn nữa".

"Nếu có chuyện gì xảy ra cho anh thì sao? Em sẽ không thể nào chịu đựng nổi đâu".

Anh ôm nàng sát vào lòng. "Không có gì xảy ra cho anh đâu. Kate ạ. Anh sẽ trở về với em với tất cả mọi loại huy chương".

Anh lên đường vào sáng ngày hôm sau.

Sự vắng mặt của David là cái chết đối với Kate. Nàng đã mất bao thời gian mới chiếm được chàng, và bây giờ nỗi lo sợ ghê rợn sẽ mất chàng cứ len lỏi trong tâm trí nàng trong từng giây phút của cuộc đời. Anh lúc nào cũng như ở bên nàng. Nàng tưởng như nghe tiếng anh qua giọng nói của một người lạ mặt, tiếng cười đột ngột nổi lên trên đường phố, một câu nói, một hương thơm, một điệu hát. Anh ở khắp mọi nơi. Mỗi ngày nàng viết cho anh một lá thư rất dài. Mỗi khi nhận được thư anh, nàng đọc đi đọc lại cho đến khi nó rách bươm ra. Anh vẫn mạnh khoẻ, anh viết thư cho nàng. Quân Đức có ưu thế trên không, nhưng điều ấy sẽ thay đổi. Có nhiều tin đồn cho biết rằng nước Mỹ sẽ giúp. Anh sẽ viết thư cho nàng, khi nào có thể. Anh yêu nàng.
"Đừng để chuyện gì xảy ra cho anh, anh yêu quý ạ, Nếu có chuyện gì, em sẽ ghét anh vô cùng."
Nàng cố quên nỗi khổ sở cô đơn bằng cách vùi đầu vào công việc. Lúc chiến tranh bắt đầu, Pháp và Đức có những lực lượng chiến đấu được trang bị đầy đủ nhất Âu châu, nhưng quân đồng minh có nhân lực, tài nguyên và vật liệu lớn lao hơn. Nước Nga, với quân đội đông nhất, không được trang bị đầy đủ và cấp chỉ huy kém.
"Họ đều cần sự giúp đỡ", Kate nói với Brad Rogers. "Họ cần xe tăng, súng ống và đạn dược".
Brad Rogers cảm thấy khó chịu. "Kate ạ, David không cho

rằng…”

“David không có mặt ở đây, Brad ạ. Tất cả đều do anh và tôi quyết định”.

Nhưng Brad đã hiểu ý của Kate. Tất cả đều do nàng quyết định. Kate không thể nào hiểu được thái độ của David về việc chế tạo vũ khí. Quân đồng minh cần có vũ khí, và Kate nghĩ rằng nhiệm vụ yêu nước của nàng là cung cấp vũ khí cho họ. Nàng thảo luận vấn đề này với lãnh tụ của năm, sáu nước bạn, và trong vòng một năm, Công ty Hữu hạn Kruger-Brent chế tạo súng, xe tăng, bom và đạn dược. Công ty cũng cung cấp xe hoả, xe tăng, quân phục và súng. Kruger-Brent nhanh chóng trở thành một trong những tổ chức phát triển nhanh chóng trên thế giới. Khi Kate trông thấy những con số lợi tức gần đây nhất, nàng nói với Brad Rogers, “Anh có thấy các con số này không? David sẽ phải thú nhận rằng anh ấy đã nhầm”.

Trong thời gian ấy, Nam Phi đang ở trong tình trạng xáo trộn. Các lãnh tụ các đảng phái cam kết ủng hộ đồng minh, và nhận trách nhiệm bảo vệ Nam Phi chống lại quân Đức, nhưng đa số người Afrikaner chống lại sự ủng hộ của đất nước họ đối với nước Anh. Họ không thể quên đi quá khứ một cách nhanh chóng. Ở Âu châu, chiến tranh diễn ra không mấy tốt đẹp cho quân Đồng minh. Cuộc chiến đấu ở mặt trận phía Tây đi đến chỗ ngưng trệ. Cả hai phe đều đào hầm cố thủ, được bảo vệ trong các

chiến hào trải dài ngang qua Pháp và Bỉ. Binh lính rất khổ sở. Nước mưa và bùn tràn ngập các hầm trú ẩn, chuột bò lúc nhúc trong các chiến hào. Kate mừng rằng David lúc ấy chỉ phải chiến đấu trên không.

Ngày 6 tháng tư, 1917, Tổng thống Wilson tuyên chiến. Như vậy là lời tiên đoán của David đã thành sự thực. Nước Mỹ bắt đầu động viên quân sĩ.

Lực lượng viễn chinh đầu tiên của Mỹ, dưới quyền chỉ huy của tướng John J. Pershing, bắt đầu đổ bộ vào Pháp vào ngày 26 tháng sáu, 1917. Tên của nhiều địa điểm mới trở thành quen thuộc trong ngôn ngữ của mọi người: Saint Mihiel… Château Thierry… Meuse Argonne… Belleau Wood… Werdun… Quân Đồng minh trở thành một lực lượng không ai chống cự nổi, và đến ngày 11 tháng mười một, 1918, cuộc chiến tranh kết thúc. Thế giới trở nên an toàn để xây dựng nền dân chủ.

David đang trên đường trở về nhà.

Khi David rời chiếc tàu chở quân lên bờ ở New York, Kate đã chờ đón anh ở đó. Hai người nhìn nhau tưởng chừng như vô tận, không còn biết gì đến những tiếng ồn ào của mọi người xung quanh. Kate nhảy xổ vào vòng tay David. Trông anh gầy đi và mệt mỏi. Lạy Chúa! Mình nhớ anh ấy quá. Nàng có sẵn hàng nghìn câu hỏi để hỏi anh, nhưng họ có thể chờ đợi. Kate nói, "Em sẽ đưa anh đến Ngôi nhà Trên Đồi Thông. Đó là một nơi

tuyệt hảo để anh nghỉ ngơi”.

*

* *

Kate đã chuẩn bị rất nhiều thứ trong ngôi nhà này để chờ đón ngày trở về của David. Căn phòng khách rộng lớn, thoáng khí đã được bày biện sang trọng với hai chiếc ghế sô pha giống hệt nhau, bọc vải hoa màu hồng và xanh lục. Những chiếc ghế bành nhồi long tơ rất hợp với nhay được xếp xung quanh lò sưởi. Trên lò sưởi là những bức tranh vẽ hoa của Vlaminck, và ở mỗi bên có những cây đèn mạ vàng. Hai bộ cửa kiểu Pháp mở ra hàng hiên chạy dài theo toà nhà ở ba phía, được che bằng một tấm vải bạt có kẻ sọc. Các căn phòng đều sáng sủa, thoáng khí, và nhìn ra quang cảnh hải cảng thật là ngoạn mục.

Kate dẫn David đi suốt ngôi nhà, vừa đi vừa nói chuyện thật là vui vẻ. Anh trông có vẻ trầm ngâm một cách lạ lùng. Sau khi đã xem xong khắp nơi, Kate hỏi, “Anh có thích những gì em đã sắp đặt trong ngôi nhà này không, anh yêu quý?”

“Đẹp lắm, Kate ạ. Bây giờ, em hãy ngồi xuống, anh muốn nói chuyện với em”.

Nàng đột nhiên cảm thấy nôn nao. “Có chuyện gì vậy?”

“Có vẻ như chúng ta trở thành kẻ cung cấp súng ống, đạn dược cho một nửa thế giới”.

“Chờ đến khi nào anh xem xét sổ sách đã”. Kate nói. “Lợi nhuận

của chúng ta đã…”

“Anh đang nói về một chuyện khác kia. Nếu anh nhớ không lầm, lợi nhuận chúng ta cũng rất khá lúc anh ra đi. Anh tưởng rằng anh với em đã đồng ý với nhau rằng chúng ta không dính dáng gì đến việc chế tạo các đồ trang bị quân sự”.

Kate cảm thấy cơn giận của nàng dâng lên. “Anh đồng ý, chứ em có đồng ý đâu”. Nàng cố dằn lại cơn giận của mình. “Thời buổi thay đổi rồi, David ạ. Chúng ta phải thay đổi cùng nó”.

Anh nhìn nàng, rồi lặng lẽ hỏi, “Thế em đã thay đổi hay sao?”

*

* *

Nằm trên giường đêm hôm ấy, Kate tự hỏi không biết chính nàng đã thay đổi, hay là David. Nàng đã trở nên mạnh mẽ hơn hay là David đã yếu đi nhỉ? Nàng nghĩ đến luận cứ của chàng chống lại việc sản xuất vũ khí. Đó là một luận cứ yếu ớt. Dẫu sao, phải có người nào đó cung cấp hàng hoá cho quân đội, và lợi nhuận trong việc làm này rất là lớn. Đã có chuyện gì xảy ra ảnh hưởng đến ý thức kinh doanh của David? Lâu nay nàng vẫn coi chàng là một con người thông minh, tài giỏi nhất nàng từng thấy. Nhưng bây giờ, nàng cảm thấy mình có khả năng điều khiển công việc kinh doanh giỏi hơn David. Nàng trải qua suốt một đêm không ngủ.

Đến buổi sáng, Kate và David cùng ngồi ăn điểm tâm, rồi đi dạo

quanh vườn.

“Thật là đẹp”. David nói, “Anh rất sung sướng được ở đây”.

Kate nói, “Về câu chuyện giữa chúng ta tối hôm qua…”

“Chuyện ấy giải quyết rồi. Lúc ấy anh đi vắng, và em đã làm những gì mà em cho là phải”.

Không biết mình có làm như vậy không, nếu lúc ấy David có mặt ở đây? Kate tự hỏi. Nhưng nàng không nói ý nghĩ ấy lên. Nàng đã làm những công việc ấy vì lợi ích của công ty. Phải chăng công ty còn quan trọng hơn cuộc hôn nhân của mình? Nàng sợ không dám đưa ra câu trả lời.

Sidney Sheldon

Tay cự phách

Chương 17

Năm năm kế tiếp đó chứng kiến một thời kì tăng trưởng khó tin nổi trên khắp thế giới. Công ty Kruger-Brent đã được xây dựng trên cơ sở kim cương và vàng, nhưng nó đã được đa dạng hoá và mở rộng ra khắp thế giới, đến nỗi trung tâm hoạt động của nó không còn ở Nam Phi nữa. Gần đây công ty đã thụ đắc được một cơ sở xuất bản lớn, một công ty bảo hiểm và nửa triệu mẫu đất để trồng cây lấy gỗ.

Một buổi tối nọ, Kate lay David dậy và nói, "Anh yêu quý, chúng ta hãy di chuyển trụ sở chính của công ty".

David lảo đảo ngồi dậy. "S… sao?"

"Trung tâm kinh doanh thế giới ngày nay là New York. Đó là nơi chúng ta nên đặt trụ sở chính cho công ty. Nam Phi lại quá xa mọi nơi. Ngoài ra, với điện thoại và điện tín như chúng ta có ngày nay, chúng ta có thể liên lạc với bất cứ văn phòng nào của chúng ta chỉ trong mấy phút".

“Tại sao anh lại không nghĩ đến điều ấy nhỉ”. David lẩm bẩm, rồi lại lăn ra ngủ.

*

* *

New York là một thế giới mới rất thú vị. Trong những lần viếng thăm đầu tiên nơi ấy, Kate đã cảm thấy nhịp đập nhanh của thành phố, nhưng sống ở đây chả khác nào như bị mắc kẹt vào giữa một ma trận. Trái đất có vẻ như quay nhanh hơn, mọi vật đều cử động theo một tốc độ nhanh chóng hơn.

Kate và David lựa chọn một địa điểm cho trụ sở mới của công ty trên đừơng Wall Strett, và các kiến trúc sư khởi sự công việc. Kate lựa chọn một số kiến trúc sư khác để vẽ kiểu một toà nhà lớn theo kiểu thời Phục hưng ở Pháp vào thế kỉ mười sáu.

“Thành phố này ồn ào kinh khủng”, David phàn nàn.

Đúng như vậy. Tiếng ầm ầm của máy tán đinh tràn ngập không khí ở khắp nơi trong thành phố, trong khi các nhà chọc trời bắt đầu mọc lên cao vút đến trời xanh. New York đã trở thành một thánh địa cho thương mại từ khắp nơi trên thế giới, là trung tâm đóng tàu, bảo hiểm, giao thông và chuyên chở. Đó là một thành phố đang nổ bùng lên với một sức sống độc đáo. Kate yêu thích nó, nhưng nàng cũng ý thức được nỗi khổ sở của David.

“David ạ, đây là tương lai. Nơi này sẽ tăng trưởng và chúng ta

lớn lên cùng với nó".

"Lạy Chúa, Kate, em còn muốn có được thêm bao nhiêu nữa?" Không cần phải suy nghĩ, nàng đáp, "Tất cả mọi thứ trên đời này".

Nàng không hiểu tại sao David lại đặt một câu hỏi như thế. Đã dấn thân vào trò chơi là phải thắng, và người ta thắng bằng cách đánh gục người khác. Điều đó thật là rõ ràng đối với nàng. Nhưng sao David lại không thể thấy được? David là một nhà kinh doanh giỏi, nhưng anh vẫn thiếu một thứ. Đó là sự khao khát, một sự thôi thúc mạnh mẽ là phải chinh phục, để trở thành kẻ lớn nhất, giỏi nhất. Cha nàng đã có tinh thần ấy, và nàng cũng có. Kate không biết rõ tư tưởng này đến với nàng từ bao giờ, nhưng ở vào một thời điểm nào đó trong đời nàng, công ty này sẽ trở thành ông chủ, còn nàng là tên nô lệ. Nó làm chủ nàng hơn là nàng làm chủ nó.

Khi nàng cố giải thích các cảm nghĩ của mình cho David thì anh cười rộ lên và nói, "Em đã làm việc quá nhiều". Nàng sao giống cha nàng thế, David thầm nghĩ. Và chính anh hình như đã nhận ra một cách mơ hồ rằng điều ấy thật đáng lo ngại.

Làm sao người ta lại có thể làm việc quá nhiều được? Kate tự hỏi. Trong đời nàng không có gì vui thú hơn là công việc. Đó là lúc nàng cảm thấy sống động nhất. Mỗi ngày đem đến cho nàng một loạt vấn đề mới, và mỗi vấn đề là một thử thách, một câu đố

cần phải tìm cách giải, một trò chơi cần phải thắng. Và nàng đã thành công tuyệt vời trong đó. Nàng bị mắc kẹt vào một thứ gì ngoài sự tưởng tượng. Nó không có liên quan gì đến tiền bạc hay thành tích; nó có liên qua đến quyền lực. Một thứ quyền lực kiểm soát đời sống của hàng nghìn con người trong mọi ngõ ngách của trái đất. Giống hệt như cuộc đời nàng trước kia đã từng bị những người khác kiểm soát. Chừng nào mà nàng có quyền lực, nàng sẽ không bao giờ cần bất cứ ai. Đó là một thứ vũ khí ngoài sức tưởng tượng.

Kate được mời dùng cơm với các vị vua, nữ hoàng và tổng thống. Tất cả đều mong đợi đặc ân, thiện chí của nàng. Một nhà máy Kruger-Brent có nghĩa là sự khác biệt giữa giàu và nghèo. Quyền lực. Công ty là một vật sống. Nó là một tên khổng lồ đang lớn, cần phải được cho ăn, và đôi khi cần có những sự hi sinh, vì tên không lồ ấy không thể bị còng chân lại được. Bây giờ Kate hiểu điều đó. Nó có một nhịp điệu, một nhịp đập, và nó đã thuộc về nàng rồi.

Vào tháng ba, sau khi đã chuyển đến New York, Kate cảm thấy trong người không được khoẻ. David khuyên nàng nên đi khám bác sĩ.

“Tên ông ấy là John Harley. Ông ta là một bác sĩ trẻ có tiếng tăm”.

Miễn cưỡng, Kate đến gặp ông bác sĩ. John Harley là dân

Boston, người gầy còm, vẻ nghiêm trang, trạc hai mươi sáu tuổi, tức nhỏ hơn Kate năm tuổi.

"Tôi nói trước với ông nhé", Kate nói với bác sĩ, "tôi không có thì giờ đâu để mà ốm".

"Vâng, tôi xin nhớ điều đó, bà Blackwell ạ. Trong khi chờ đợi, tôi xin khám cho bà một chút".

Bác sĩ Harley khám sức khoẻ nàng, làm một vài xét nghiệm, rồi nói, "Tôi chắc chẳng có gì đáng ngại đâu. Tôi sẽ có kết quả trong vòng một vài ngày. Xin bà gọi dây nói đến cho tôi vào ngày thứ tư".

*

* *

Sáng sớm ngày thứ tư, Kate gọi điện thoại cho bác sĩ Harley.

"Tôi có tin mừng báo cho bà hay, bà Blackwell ạ", ông nói một cách vui vẻ. "Bà sắp có cháu bé rồi đấy".

Thật là giây phút vui mừng tột độ trong cuộc đời của Kate. Nàng nóng lòng báo cho David biết ngay tin này.

Nàng chưa bao giờ thấy David vui sướng đến như thế. Anh nhấc bổng nàng lên trong vòng tay khoẻ mạnh và nói, "Nó sẽ là con gái, nó sẽ giống hệt như em". Anh thầm nghĩ, đây chính là điều mà Kate đang cần. Bây giờ, nàng sẽ phải ở nhà nhiều hơn. Nàng sẽ là một người vợ theo đúng nghĩa hơn.

Nhưng Kate lại có một ý nghĩ khác. Nó sẽ là một đứa con trai. Một ngày kia, nó sẽ nắm lấy công ty Kruger-Brent.

*

* *

Khi ngày sinh đứa bé gần kề, Kate làm việc trong những khoảng thời gian ngắn hơn, nhưng nàng vẫn có mặt ở văn phòng mỗi ngày.

"Em hãy quên công việc và nghỉ ngơi đi", David khuyên Kate. Anh không hiểu được là công việc mới chính là lối nghỉ ngơi, làm nàng bớt căng thẳng.

Ngày sinh của đứa bé được dự trù vào tháng mười hai. "Em sẽ cố gắng sinh nó ra vào ngày hai mươi nhăm", Kate hứa với David. "Nó sẽ là món quà Giáng sinh của chúng ta".

Đó sẽ là một ngày Giáng sinh hoàn hảo, Kate thầm nghĩ. Nàng đứng đầu một tổ hợp công ty, lấy được người đàn ông mà nàng yêu, và nàng sẽ có một đứa con. Nếu có một sự mỉa mai trong thứ tự của các ưu tiên ấy của nàng, Kate cũng không nhận thức được.

*

* *

Thân hình nàng đã lớn ra và khó coi, và mỗi ngày Kate lại càng

thấy khó đi đến văn phòng, thế nhưng mỗi khi David hay Brad Rogers đề nghị nàng nên ở nhà thì nàng lại nói, "Trí óc của tôi vẫn đang hoạt động". Hai tuần lễ trước khi đứa bé ra đời, David đang đi Phi châu, thanh tra vùng mỏ ở Pniel. Anh dự tính sẽ trở về New York trong tuần sau.

Kate đang ngồi ở bàn giấy thì Brad Rogers bước vào mà không báo trước. Trông thất nét mặt cau có của Brad, Kate liền hỏi, "Vụ giao dịch Shannon thất bại rồi, phải không?"

"Không, tôi… tôi vừa được tin xấu. Vừa xảy ra một tai nạn. Một vụ nổ ở mỏ".

Nàng cảm thấy đau nhói, "Ở đâu vậy? Có tệ lắm không? Có ai bị chết không?"

Brad thở một cái thật sâu. "Sáu người. David cũng ở trong số đó, Kate ạ".

Những tiếng nói ấy như tràn khắp căn phòng, rồi dội lại bức tường lót ván gỗ, mỗi lúc mội to hơn, cho đến khi chúng trở thành một tiếng kêu thét trong tai nàng, một ngọn thác Niagara bằng âm thanh đang dìm nàng xuống, rồi nàng cảm thấy mình như bị hút vào trung tâm, sâu hơn nữa, hơn nữa, cho đến khi nàng không còn thở được nữa.

Tất cả mọi vật đều tối sầm lại và im lặng.

Đứa bé ra đời một giờ sau đó, sớm hơn hai tuần. Kate đặt tên cho bé trai ấy là Anthony James Blackwell, theo tên cha của David.

Mẹ sẽ yêu con vì mẹ; mẹ sẽ yêu con vì bố.

Một tháng sau, toà lâu đài mới trên đại lộ Năm đã hoàn tất, Kate, cùng với con trai và các gia nhân dọn đến đó ở. Hai toà lâu đài ở Ý đã được gỡ ra để trang bị cho ngôi nhà này. Đó là một nơi trưng bày các đồ gỗ chạm trổ công phu theo kiểu Ý thế kỉ mười sáu, những sàn nhà bằng đá cẩm thạch hồng viền bằng cẩm thạch đỏ sẫm. Thư viện lót ván gỗ phô trương những chiếc lò sưởi tuyệt đẹp kiểu thế kỷ mười tám, trên đó có treo một bức tranh hiếm của Holbein. Lại còn có một phòng trưng bày chiến lợi phẩm với bộ sưu tập súng của David, và một phòng tranh đầy những bức hoạ của Rembrandt, Verneer, Valsqueze và Bellini. Có một phòng khiêu vũ, một phòng khách có nhiều cửa lớn, một phòng ăn chính thức, và một phòng nuôi trẻ cạnh ngay phòng của Kate, và không biết bao nhiêu phòng ngủ. Trong các khu vườn có các pho tượng của Rodin, Augustus Saint Gaudens va Maillol. Đó là toà lâu đài thích hợp cho một vị vua. Và vị vua đang lớn lên ở đó, Kate thầm nghĩ.

Năm 1928, khi Tony lên bốn tuổi, Kate gửi nó đến một trường mẫu giáo. Nó là một đứa bé xinh đẹp, nghiêm trang, có cặp mắt xám và cái cằm bướng bỉnh của mẹ. Nó được học âm nhạc, và khi lên năm, nó theo học trường múa. Những thời gian vui sướng nhất của hai mẹ con là khi họ sống bên nhau ở Ngôi nhà Trên Đồi Thông ở Dark Harbor. Kate mua một chiếc thuyền buồm có

gắn động cơ, dài chừng hai mươi sáu thước, mà nàng đặt tên cho là "Cướp Biển". Nàng và Tony thường đi trên chiếc thuyền buồm ấy chạy dọc theo bờ biển Maine. Tony rất thích. Nhưng chính công việc mới làm cho Kate cảm thấy vui sướng nhất.

Có một vẻ thần bí về công ty Kruger-Brent mà Jamie McGregor đã thiết lập nên. Nó là vật sống, nó là người yêu, và sẽ không bao giờ chết vào một ngày mùa đông để lại nàng cô đơn. Nó sẽ sống vĩnh viễn. Nàng sẽ bảo đảm cho sự sống còn của nó. Rồi một ngày kia, nàng sẽ trao nó lại cho con nàng.

Điều duy nhất khiến nàng băn khoăn, lo nghĩ là nơi quê hương của nàng. Nàng rất lo lắng về Nam Phi. Những vấn đề chủng tộc ở đó mỗi ngày mỗi thêm trầm trọng, khiến Kate cảm thấy băn khoăn. Ở đó hai phe chính trị đối lập nhau: nhóm "Verkramtes", là nhóm người có đầu óc chật hẹp, chủ trương kì thị chủng tộc – và nhóm "Verligtes", sáng suốt hơn, vẫn mong muốn cải thiện vị thế của người da đen. Ông thủ tướng James Hertzog cùng với Jan Smut đã thiết lập một liên minh và phối hợp quyền lực với nhau để cho thông qua một đạo luật mới về đất đai. Người da đen bị xoá tên khỏi các danh sách và không có quyền đi bầu hay làm chủ đất đai. Hàng triệu người thuộc các nhóm thiểu số khác nhau đều bị xáo trộn bởi đạo luật mới này. Các vùng không có các mỏ kim loại, không có các trung tâm kĩ nghệ hay các cảng, thì được dành cho những người da màu, da đen và Ấn Độ.

Kate xếp đặt một phiên họp với các viên chức cao cấp ở Nam Phi. "Đây là một trái bom", Kate nói với họ, "Điều mà các ông đang làm là cố giữ tám triệu người trong vòng nô lệ".
"Đó không phải là nô lệ, bà Blackwell ạ. Chúng tôi làm như thế là vì lợi ích của họ".
"Thật vậy sao? Làm thế nào các ông giải thích được điều ấy?"
"Mỗi sắc tộc đều có cái gì đó để đóng góp. Nếu người da đen hoà lẫn với người da trắng, họ sẽ mất đi cá tính của mình. Chúng tôi cố bảo vệ cho họ".
"Thật là vô nghĩa lý", Kate cãi lại. "Nam Phi đã trở thành một địa ngục kì thị chủng tộc".
"Điều đó không đúng. Người da đen từ những nước khác đã từ nghìn dặm đến đây để được vào xứ này. Họ trả đến năm mươi bảng Anh để có một giấy thông hành giả mạo. Người da đen được sống sung sướng ở đây hơn các nơi khác".
"Vậy thì họ thật đáng thương hại", Kate nói.
"Bọn chúng là những đứa trẻ con sơ khai thôi, bà Blackwell ạ. Đó chính là vì lợi ích cho họ".
Kate rời khỏi phiên họp, trong lòng thất vọng và rất lo sợ cho đất nước của nàng.
Kate cũng lo lắng cho Banda. Mấy lâu nay, tên ông được nhắc nhiều lần trên báo chí. Các nhật báo ở Nam Phi gọi ông là "Cây địa du đỏ" và trong các câu chuyện họ kể vẫn có một vẻ thán

phục miễn cưỡng. Ông trốn thoát khỏi tay cảnh sát bằng cách hoá trang thành một người cày ruộng, tài xế xe hơi hay gác cổng. Ông đã tổ chức một đạo quân du kích và đứng hàng đầu trong danh sách những người bị truy lùng gắt gao nhất. Một bài viết trên tờ báo Cape Times kể lại rằng ông được những người biểu tình khiêng trên vai, đi diễu một cách đắc thắng trên khắp các con đường của một làng da đen. Ông đi từ làng này đến làng khác để nói chuyện với các học sinh, nhưng mỗi khi cảnh sát được tin về sự xuất hiện của Banda thì ông lại biến đi đâu mất. Người ta bảo ông có một toán cận vệ đông đến hàng trăm người, gồm toàn bạn bè và những người trung thành với ông. Mỗi đêm ông ngủ tại một nhà khác. Kate biết rằng chỉ có cái chết mới làm ông ngưng hoạt động mà thôi.

Nàng phải tiếp xúc được với ông. Nàng gọi một tên đốc công trước kia của nàng, một người nàng có thể tin cậy, và hỏi anh ta, "William này, anh có thể tìm ra được Banda cho tôi không?"

"Chỉ khi nào ông ấy muốn thì mới được".

"Vậy anh hãy thử đi. Tôi muốn gặp ông ấy".

"Để tôi nghĩ xem có cách nào".

Sáng hôm sau, viên đốc công ấy nói, "Nếu tối nay bà rảnh, sẽ có một chiếc xe đưa bà về đồng quê".

Kate được đưa đến một ngôi làng nhỏ cách Johannesburg bảy mươi dặm. Người tài xế dừng xe trước một ngôi nhà nhỏ. Kate

bước vào bên trong. Banda đang ngồi ở đó chờ đợi nàng. Ông trông vẫn như hồi nàng gặp ông trước kia. Chắc bác ấy nay đã sáu mươi tuổi rồi, Kate thầm nghĩ. Ông đã đi trốn trong nhiều năm để thoát khỏi tay cảnh sát, thế nhưng trông ông vẫn trầm tĩnh, thoải mái.

Ông ôm lấy Kate và nói, "Mỗi lúc cô trông lại càng đẹp hơn". Nàng cười, "Tôi đã già đi. Ít năm nữa thôi, tôi sẽ bốn mươi tuổi rồi".

"Tuổi tác không ảnh hưởng đến cô bao nhiêu cả", Banda nói.

Hai người đi vào trong bếp, và trong khi Banda đang pha cà phê, Kate nói, "Tôi không thích những chuyện đang xảy ra, bác Banda ạ. Như vậy rồi sẽ đi đến đâu?"

"Rồi đây sẽ còn xấu hơn nữa", Banda nói một cách đơn giản. "Chính phủ không cho phép chúng tôi nói chuyện với họ. Người da trắng đã phá hỏng những chiếc cầu thông cảm giữa chúng tôi và họ, rồi một ngày kia họ sẽ thấy cần những chiếc cầu như thế để đến với chúng tôi. Bây giờ chúng tôi đã có những vị anh hùng như Kate, Nehremish Tile, Mokone, Richard Msimang. Người da trắng khiêu khích chúng tôi, đẩy chúng tôi chạy loanh quanh giống như xua một bầy gia súc đi ăn cỏ".

"Không phải người da trắng nào cũng như vậy", Kate nói. "Bác có những người bạn đang chiến đấu để tạo nên những sự thay đổi. Điều này sẽ xảy ra một ngày nào đó, bác Banda ạ, nhưng

cần phải có thời gian".

"Thời gian giống như cát trong chiếc bình thuỷ tinh chỉ giờ. Nó sẽ cạn đi".

"Bác Banda ạ. Ntame và Magena bây giờ ra sao rồi?"

"Vợ và con trai tôi đang lẩn trốn", Banda nói với vẻ buồn bã, "Cảnh sát vẫn đang còn săn lùng tôi ráo riết".

"Vậy thì tôi có thể làm gì được để giúp bác? Tôi không thể nào ngồi yên, chẳng làm gì cả. Tiền bạc có giúp được gì không?"

"Bao giờ tiền bạc cũng có ích lợi".

"Tôi sẽ thu xếp chuyện đó cho bác. Còn gì nữa không?"

"Cầu nguyện, Kate ạ. Hãy cầu nguyện cho chúng tôi".

Sáng hôm sau, Kate lên đường trở về New York.

Khi Tony đã khá lớn, có thể đi du lịch được, Kate đem nó đi theo trong những cuộc hành trình công vụ, vào những dịp nghỉ của nó. Tony rất thích các viện bảo tàng, và có thể đứng hàng giờ ngắm các bức tranh và pho tượng của những nghệ sị bậc thầy. Ở nhà, Tony vẽ lại các bức họa treo trên tường, nhưng nó quá e thẹn, không dám đưa cho mẹ nó xem.

Nó rất dễ thương, thông minh và vui tính. Ngoài ra nó lại có tính bẽn lẽn, nhút nhát khiến cho mọi người cảm thấy dễ mến hơn nữa. Kate hãnh diện về con mình. Nó lúc nào cũng đứng đầu lớp.

"Con đánh bại tất cả bọn chúng, phải không, con yêu quý của mẹ?" Thế rồi nàng cười to lên, ôm choàng lấy đứa con trong

vòng tay.

Bé Tony lại cố gắng hơn nữa để xứng đáng với các kì vọng của mẹ nó.

Năm 1936, vào lần sinh nhật thứ mười hai của Tony, Kate trở về nhà sau một cuộc du hàng ở Trung Đông. Nàng rất nhớ Tony, và nóng lòng muốn gặp lại con. Tony đang ở nhà chờ mẹ. Nàng ôm nó vào lòng, hôn tíu tít và nói, "Mừng con nhân ngày sinh nhật! Ngày hôm nay con thấy có vui không?"

"Th… thưa m… mẹ. Co… con vu… vui lắm ạ".

Kate lùi lại một bước, nhìn con chằm chằm. Nàng chưa hề thấy nó nói cà lăm như thế bao giờ. "Con có khoẻ không, Tony?"

"Kh… khoẻ. Cả… Cảm m… mơn m… mẹ".

"Con không được nói cà lăm như thế. Nói thật chậm đi nào".

"Vâng, th… thưa, M… mẹ".

Trong năm tuần lễ kế tiếp đó, cái tật này của nó lại càng tệ hơn nữa. Kate quyết định phải nói chuyện với bác sĩ Harley. Sau khi khám xong, John Harley nói, "Về thể chất, chẳng có gì đáng ngại cả. Cậu ấy có bị một thứ áp lực gì đó không?"

"Con trai tôi à? Dĩ nhiên là không. Tại sao ông lại hỏi như vậy?"

"Tony là một đứa bé nhạy cảm. Tật cà lăm thường là một sự biểu hiện về mặt thể chất của một tâm trạng thất vọng, thấy mình không có khả năng đối phó".

"Ông lầm rồi, bác sĩ ạ. Tony đứng hàng đầu về các trắc nghiệm

học tập ở trường. Học kì vừa rồi, nó chiếm ba phần thưởng. Nó là một vận động viên hàng đầu, một học sinh giỏi nhất về mọi mặt, đứng đầu về các môn học nghệ thuật, văn chương. Không thể nói rằng như vậy là không có khả năng đối phó được".

"À ra thế", Ông nhìn thẳng vào mặt nàng. "Bà làm như thế nào mỗi khi cậu ấy nói cà lăm?"

"Cố nhiên là tôi sửa chữa cho nó".

"Tôi đề nghị rằng bà không nên làm như thế. Bà càng cố sửa chữa, cậu ấy càng nói cà lăm nhiều hơn".

Kate nổi giận, "Nếu Tony có vấn đề gì về mặt tâm lý, như ông nói, thì đó không phải là do mẹ nó. Tôi yêu quý nó. Nó cũng biết rõ điều ấy. Nó cũng biết rằng tôi cho nó là một đứa trẻ đặc biệt nhất trên thế gian này".

Đó mới chính là cốt lõi của vấn đề. Không đứa trẻ nào có thể sống cho thật xứng đáng với điều kì vọng lớn lao ấy. Bác sĩ Harley nhìn xuống bản đồ biểu của ông. "Xem nào. Cậu bé lên mười hai rồi, phải không?"

"Phải".

"Có lẽ tốt hơn hết bà cho cậu ấy đi xa một thời gian. Có thể đến một trường học tư ở một nơi nào đó".

Kate nhìn ông bác sĩ chằm chằm.

"Để cho cậu ấy sống độc lập một thời gian. Cho đến khi cậu ấy học xong bậc trung học, Có một ít trường học rất tốt ở Thuỵ Sĩ".

Thuỵ Sĩ! Ý tưởng cho Tony đi học xa như vậy thật là khủng khiếp đối với Kate. "Nó đang còn nhỏ, chưa được sẵn sang, nó…" Ông bác sĩ Harley nhìn nàng, chờ đợi. "Tôi sẽ suy nghĩ thêm về vấn đề này", nàng nói.

Trưa hôm ấy, nàng huỷ bỏ một phiên họp của ban giám đốc, trở về nhà sớm. Tony đang ở trong phòng làm bài tập ở trường. Tony nói, "Hô… hôm n… nay co… on đư… được toàn đi… ểm A, m… mẹ ạ".

"Con có muốn đi học ở Thuỵ Sĩ không?"

Mặt Tony sáng lên. "Có đư… được khô… không, m… mẹ?"

Sáu tuần lễ sau, Kate cho Tony lên một chiếc tàu thuỷ. Nó lên đường đến trường Le Rosey ở Rolle, một thị trấn nhỏ bên bờ hồ Geneva. Kate đứng ở cầu tàu tại New York, nhìn cho đến khi chiếc tàu tách rời khỏi các tàu kéo. Mẹ kiếp! Mình lại phải vắng nó rồi. Rồi nàng quay lại, trở về chiếc xe hơi đang đứng đợi để đưa nàng về văn phòng.

Kate thích làm việc với Brad Rogers. Anh đã bốn mươi sáu tuổi, lớn hơn Kate hai tuổi. Qua nhiều năm tháng làm việc chung, họ đã trở thành những người bạn thân. Kate mến anh vì anh rất trung thành với Công ty Kruger-Brent. Brad chưa lập gia đình và có khá nhiều cô bạn gái xinh đẹp, nhưng dần dần Kate nhận ra rằng anh đã yêu nàng. Nhiều lần anh đưa ra những nhận xét cố tình làm ra vẻ mập mờ, khó hiểu, nhưng nàng muốn giữ mối liên

hệ giữa hai người ở mức độ khách quan, nặng nề tính công việc. Nhưng có một lần nàng đã phá thông lệ ấy.

Brad bắt đầu thăm viếng một người nào đó rất đều đặn. Anh thức khuya và sáng hôm sau đi dự các phiên họp với dáng điệu mệt mỏi. Anh có vẻ như đãng trí, đầu óc để ở đâu đâu. Thật là một dấu hiệu không tốt cho việc làm của công ty. Một tháng trôi qua, thái độ ấy của anh lại càng trắng trợn hơn nữa. Kate quyết định phải ra tay. Nàng nhớ lại xưa kia David cũng suýt rời bỏ công ty vì một người đàn bà. Nàng không thể để cho một việc tương tự xảy ra với Brad.

Kate chuẩn bị đi sang Paris để thâu nhận một công ty xuất nhập khẩu, nhưng vào phút cuối cùng, nàng yêu cầu Brad đi cùng với nàng. Ngày đầu tiên, khi họ đến nơi, hai người tham dự các phiên họp, rồi đến tối họ cùng ăn cơm ở Grand Véfour. Sau đó, Kate yêu cầu Brad đến gặp nàng ở dãy phòng nàng thuê tại khách sạn George V để cùng xem xét các báo cáo của công ty mới. Khi Brad đến nơi, Kate đang chờ đợi anh trong một chiếc áo choàng mặc ở nhà mỏng dính.

"Tôi đem đến cho chị bản đề nghị đã được sửa chữa", Brad mở lời, "như vậy chúng ta…"

"Cái ấy có thể để sau hẵng tính", Kate nói nhẹ nhàng. Trong giọng nàng có vẻ như mời mọc, khiến Brad phải nhìn vào mặt nàng lần nữa. "Tôi muốn chỉ có hai chúng ta ở đây thôi, Brad ạ".

“Kate…”

Nàng ngả vào hai cánh tay của Brad, ôm chàng sát vào người.

“Lạy Chúa!” anh nói. “Anh đã yêu em quá lâu rồi”.

“Em cũng vậy, Brad ạ”.

Rồi cả hai người đi vào phòng ngủ.

Kate là một phụ nữ tràn đầy dục tính, nhưng tất cả năng lực của nàng được dồn vào các lĩnh vực khác. Nàng được hoàn toàn thoả mãn trong công việc. Nàng cần Brad vì những lí do khác…

Kate không bao giờ ân ái với Brad một lần thứ hai nữa. Khi anh tỏ ra không thể nào hiểu được lý do vì sao nàng từ chối anh, nàng nói, “Anh không biết được em yêu thích anh như thế nào, Brad ạ, nhưng em lo sợ rằng chúng ta sẽ không làm việc được với nhau lâu dài. Cả hai chúng ta phải hi sinh”.

Brad Rogers cũng đành phải chấp nhận như vậy.

Trong khi công ty mỗi ngày một bành trướng thêm mãi, Kate lập nên những cơ sở từ thiện đóng góp cho các trường đại học, các nhà thờ và trường học. Nàng tiếp tục bổ túc cho bộ sưu tập nghệ thuật của mình. Nàng mua tranh của các danh hoạ thời kì Phục hưng và hậu Phục hưng như Raphael và Titian, Tintoretto và El Greco; và các hoạ sĩ thuộc xu hướng nghệ thuật baroque (1) như Rubens, Carevaggio và Van Dyck.

Bộ sưu tập của Blackwell nổi tiếng là bộ sưu tập của tư nhân quý giá nhất trên thế giới. Nổi tiếng, bởi vì không ai, ngoài các khách

quý của gia đình, được phép xem bộ sưu tập ấy. Kate không cho phép người ta chụp ảnh các bức hoạ ấy, cũng không muốn thảo luận vấn đề với báo chí. Nàng có những quy tắc chặt chẽ, cứng rắn về báo chí. Cuộc sống riêng tư của gia đình Blackwell là điều không được ai xâm phạm. Cả gia nhân lẫn nhân viên công ty đều không được phép bàn luận về gia đình Blackwell. Dĩ nhiên, người ta không thể ngăn chặn được những tin đồn, những lời dự đoán, vì Kate Blackwell vốn là một nhân vật bí hiểm gây nhiều suy nghĩ, tò mò – một trong các phụ nữ giàu nhất, có quyền lực lớn lao nhất thế giới. Có hàng nghìn câu hỏi về nàng, nhưng rất ít lời giải đáp.

Kate điện thoại cho bà hiệu trưởng ở Le Rosey. "Tôi gọi điện thoại đến bà để hỏi xem Tony bây giờ ra sao".

"À, cậu ấy học rất giỏi, bà Blackwell ạ. Con trai bà là một học sinh tuyệt vời…"

"Không, tôi không muốn hỏi về chuyện ấy", nàng do dự một lát, như thể không muốn chấp nhận có một yếu kém nào trong gia đình Blackwell. "Tôi muốn hỏi về cái tật nói lắp của nó".

"Thưa bà, tôi không thấy cậu ấy có dấu hiệu nào nói lắp cả. Cậu ấy hoàn toàn bình thường".

Kate trút một tiếng thở dài khoan khoái. Nàng đã biết từ trước đến nay rằng cái tật ấy chỉ tạm thời thôi, một giai đoạn nào đó rồi sẽ phải qua đi. Mặc kệ các ông bác sĩ!

Tony trở về nhà bốn tuần lễ sau đó. Kate ra phi trường đón cậu. Tony trông có vẻ đẹp đẽ, khoẻ mạnh. Kate cảm thấy một niềm hãnh diện dâng tràn. "Chào con yêu quý của mẹ. Con khoẻ mạnh chứ?"

"Thư… thưa m… mẹ. Co… on vẫn kho… khoẻ. Thế cò… còn m… mẹ?"

Trong thời gian nghỉ ở nhà, Tony hăm hở muốn được xem những bức tranh mới mà mẹ cậu đã mua trong thời gian cậu vắng nhà. Cậu cảm thấy kinh hãi trước những bức hoạ của các bậc thầy, say mê với các bức tranh của các danh hoạ theo trường phái ấn tượng Pháp như Monet, Renoir, Manet và Morisot. Chúng gợi lên một thế giới thần bí đối với Tony. Cậu mua một bộ đủ các loại sơn, một cái giá vẽ, rồi bắt đầu làm việc. Cậu cho rằng những bức vẽ của cậu thật là kinh khủng nên không muốn đưa cho ai xem. Làm sao mà những bức hoạ của cậu có thể sánh được với những tác phẩm tuyệt tác ấy?

Kate nói với Tony, "Một ngày kia tất cả những bức hoạ này sẽ thuộc về con".

Ý tưởng ấy gieo trong đầu óc của cậu bé mười ba tuổi một cảm giác khó chịu. Mẹ cậu không hiểu được cậu. Những bức hoạ ấy không bao giờ thực sự thuộc về cậu cả, bởi vì cậu đã không làm gì để có được chúng. Cậu có những cảm nghĩ mâu thuẫn khi thấy mình xa rời với mẹ cậu, vì tất cả mọi thứ xung quanh bà lúc nào

cũng gây kích thích, sôi nổi. Bà ở ngay trung tâm điểm của một trận cuồng phong; bà đưa ra mệnh lệnh, thực hiện những vụ giao dịch lớn lao khó tưởng tượng nổi; bà đưa cậu đến những nơi xa lạ, giới thiệu cậu với những nhân vật nổi tiếng. Bà là một nhân vật đáng sợ, và cậu hãnh diện về bà vô cùng. Cậu cho rằng bà là một phụ nữ tuyệt vời, hấp dẫn nhất trên thế giới. Cậu cảm thấy vô cùng tội lỗi bởi vì chỉ khi trước mắt bà cậu mới nói lắp.

Kate không bao giờ có ý nghĩ rằng con trai bà rất kinh sợ bà cho đến một hôm, khi Tony về nhà trong dịp nghỉ, cậu hỏi, "Thư… thưa m…. mẹ, có… có… phải m… mẹ điều khi… iển cả thế giới không?"

Bà cười to và nói, "Dĩ nhiên là không rồi. Vì sao con lại đưa ra câu hỏi vớ vẩn như thế?"

"Tất cả… cả b… bạn bè con ở… ở trường đều nói về m… mẹ. Trời, mẹ thực sự là… là một c… cái gì đó…"

"Mẹ là "cái gì đó" thật, con ạ. Mẹ là mẹ của con mà", Kate nói.

Tony muốn làm vừa lòng mẹ về tất cả mọi thứ. Cậu biết rằng đối với bà, công ty có một ý nghĩa rất lớn lao, bà đã làm biết bao nhiêu việc để chuẩn bị cho cậu sẽ đứng ra điều khiển nó một ngày nào đó, thế nhưng cậu lấy làm hối tiếc vì cậu biết cậu không thể làm như vậy được. Đó không phải là loại công việc mà cậu dự định sẽ làm trong cuộc đời mình.

Khi Tony giải thích điều này với mẹ thì bà cười to lên và nói,

“Đừng có nói bậy, Tony ạ. Con đang còn ít tuổi quá, làm sao mà biết được việc gì con muốn làm trong tương lai?”.
Thế là cái tật cà lăm của Tony lại nổi lên.
Ý tưởng trở thành một hoạ sĩ khiến cho Tony cảm thấy thích thú. Bắt được cái đẹp, rồi giữ nó đông lạnh cho hậu thế vĩnh cửu, đó là một việc làm có ý nghĩa và thật là xứng đáng. Cậu muốn đi ra nước ngoài và theo học ở Pari, nhưng cậu biết rằng cậu sẽ phải đề cập đến vấn đề này với mẹ cậu một cách rất cẩn thận.
Hai mẹ con có những ngày vui tuyệt vời bên nhau. Kate là bà chủ của những bất động sản lớn lao. Bà đã mua những ngôi nhà ở Palm Beach và South Carolina, và một trại nuôi ngựa ở Kentucky. Bà và Tony vẫn thường đến thăm những nơi ấy trong các ngày nghỉ của Tony. Họ đi xem những cuộc đua tranh giải nước Mỹ ở Newport, và khi ở New York họ ăn cơm trưa tại nhà hàng Delmonico, dùng trà ở Plazza và ăn tối chủ nhật tại nhà hàng Luchow. Kate rất thích đua ngựa, và chuồng ngựa của bà được coi là tốt nhất thế giới. Khi nào một trong các con ngựa của bà tham gia cuộc đua và Tony có mặt ở nhà, bà thường đưa cậu đi đến trường đua. Hai người ngồi trong một lô riêng, và Tony thường ngạc nhiên nhìn thấy mẹ hò hét, hoan hô đến khản cả cổ. Cậu hiểu rằng sự vui sướng của bà không có liên quan gì đến tiền bạc.
“Nó sẽ thắng, Tony ạ. Nhớ điều đó nhé. Chiến thắng mới là vấn

đề quan trọng nhất".

Họ thường có những thời gian yên tĩnh, không làm gì cả, ở Dark Harbor. Họ mua sắm ở Pendleton và Coffin, ăn kem với sô đa ở tiệm Dark Harbor. Về mùa hè, họ đi thuyền, đi bộ, thăm viếng các bảo tàng. Về mùa đông, họ trượt trên băng, đi xe trượt tuyết. Họ ngồi trước lò sưởi trong thư viện, và Kate thường kể cho con trai nghe những chuyện xưa về gia đình, về ông nội của cậu, về Banda, và về buổi tặng quà mừng đứa trẻ mới sinh do bà Agnès và các cô gái đã tổ chức mừng bà nội của Tony. Thật là một gia đình nhiều màu sắc, một gia đình đáng hãnh diện và tràn đầy thương yếu.

"Kruger-Brent một ngày kia sẽ thuộc về con, Tony ạ. Con sẽ điều khiển nó và…"

"Co… con không muốn điều kh… khiển, mẹ ạ. Con không thích k… kinh doanh hay quyền lực".

Kate đùng đùng nổi giận, "Con điên rồi à? Con biết gì về kinh doanh lớn lao và quyền lực cơ chứ? Con nghĩ rằng mẹ đi khắp nơi trên thế giới để gieo rắc xấu xa hay sao? Làm hại người ta hay sao? Con nghĩ rằng Kruger-Brent là một bộ máy làm tiền tàn bạo đè bẹp tất cả những gì cản trở bước tiến của nó hay sao? Thôi, để mẹ nói cho con biết, con ạ. Nó là thứ tốt nhất nhì sau Chúa Giêsu đấy, con ạ. Chúng ta là sự phục sinh, chúng ta cứu sống hàng trăm nghìn người. Khi chúng ta mở một nhà máy

trong một cộng đồng hay một xứ sở nghèo nàn, đình trệ, dân chúng ở đấy nhờ vậy mà có thể mở trường học, thư viện, nhà thờ; họ có thể cho con cái họ ăn mặc tử tề và có những phương tiện giải trí". Bà thở thật mạnh, vì bị lôi cuốn trong cơn giận dữ. "Chúng ra xây dựng các nhà máy ở những nơi nào dân chúng đói khổ, không có việc làm, và nhờ chúng ta, họ có cuộc sống tử tế và có thể ngẩng đầu lên cao. Chúng ta trở thành những vị cứu thế. Từ nay, đừng để cho mẹ phải nghe những lời nhạo báng của con về kinh doanh lớn và quyền lực nữa".

Tony chỉ cón biết thốt ra mấy lời, "Co… con xin lỗi m… mẹ". Nhưng trong thâm tâm, cậu vẫn nghĩ một cách bướng bỉnh, "Mình sẽ trở thành một nghệ sĩ".

Khi Tony mười lăm tuổi, Kate đề nghị cậu nên nghỉ hè tại Nam Phi. Cậu chưa hề đến nơi ấy bao giờ. "Mẹ chưa thể đi được vào lúc này, Tony ạ, nhưng con sẽ thấy rằng nơi ấy hấp dẫn lắm. Mẹ sẽ thu xếp mọi thứ cho con".

"Con hi vọng được… được nghỉ hè ở Dark Harbor, m… mẹ ạ".

"Nghỉ hè sang năm", bà nói giọng cương quyết. "Hè này mẹ muốn con ở Johannesburg".

Kate bàn luận cẩn thận với viên tổng đốc của công ty Johannesburg, và hai người cùng vạch ra lộ trình cho Tony. Mỗi ngày đều được sắp đặt cho một mục tiêu nhất định: tạo cho cuộc hành trình này trở nên thích thú tối đa đối với Tony, đồng thời

giúp cậu nhận thức được tương lai của cậu gắn liền với công ty. Kate nhận được báo cáo hàng ngày về con trai. Cậu đã được đi thăm một trong các mỏ vàng. Cậu đã trải qua hai ngày tại mỏ kim cương. Cậu đã được hướng dẫn đi thăm các nhà máy của Kruger-Brent và cùng tham dự một cuộc đi săn ở Kenya.

Một ít ngày trước khi kì nghỉ của Tony kết thúc, Kate điện thoại cho viên quản đốc công ty ở Johannesburg. "Tony bây giờ tiến bộ ra sao?"

"Ồ, cậu ấy vui thích lắm, thưa bà Blackwell. Thật thế, sáng nay cậu ấy hỏi thêm có thể ở lại lâu thêm chút nữa được không?"

Kate cảm thấy vui sướng tràn ngập. "Thật là tuyệt vời. Cảm ơn anh".

Khi kì nghỉ hè chấm dứt, Tony đi Southampton, ở Anh; đến đó, cậu lên máy bay của hãng Pan American sang Mỹ. Kate thường đi máy bay của hãng Pan American khi nào có thể được. Nó làm cho bà không còn cảm thấy thích thú với các hãng máy bay khác nữa.

Kate bỏ một phiên họp quan trọng để đi đón con khi cậu vừa về đến tại trạm cuối cùng của hãng Pan Am ở phi trường mới xây La Guardia của thành phố New York. Nét mặt xinh đẹp của Tony rạng vẻ hăm hở.

"Con có vui không, con yêu quý?"

"Nam Phi là một thứ t… tuyệt vời, m… mẹ ạ. Mẹ có… biết họ

lái m… máy bay cho con đi xem sa mạc Namib, nơi ông ngoại ăn cắp… cắp kim cương của cụ… cụ Van der Merwe không?"
"Ông ngoại không ăn cắp kim cương, Tony ạ". Kate sửa chữa lại câu nói. "Ông ấy chỉ lấy lại cái thuộc về ông ấy mà thôi".
"Cố nhiên rồi", Tony nói. "Nhưng mà con đã đến nơi ấy. Không có sương mù, gọi là "mis", nhưng vẫn còn… còn có người gác, chó và đủ… đủ mọi thứ". Cậu nhe răng cười. "Họ không chịu cho con các mẫu kim cương".
Kate cười vui vẻ. "Họ không cần phải cho con mẫu kim cương nào cả. Một ngày kia, tất cả sẽ thuộc về con".
"Mẹ cứ nói với họ đi. Họ không… không chịu nghe… nghe lời con".
Bà ôm hôn con trai. "Con vui thích thực sự, phải không?" Bà sung sướng, vì cuối cùng Tony đã tỏ ra thích thú với di sản của mình.
"M… mẹ có… có biết con thích cái gì nhất không?"
Kate cười âu yếm. "Cái gì hả con?"
"Màu sắc. Con… con vẽ nhiều phong cảnh ở đấy lắm. Con không muốn bỏ đi. Con muốn trở lại đó để… để vẽ".
"Vẽ à?" Kate cố làm ra vẻ sốt sắng. "Có vẻ như đó là một trò giải trí thú vị đấy".
"Không. Không phải là giải… giải trí đâu, m… mẹ ạ. Con muốn trở thành một hoạ… hoạ sĩ. Con đã suy nghĩ nhiều về vấn đề

này. Con sẽ… sẽ đi Paris để học. Con thực sự nghĩ con… con có năng khiếu".

Kate cảm thấy căng thẳng. "Chắc con không muốn suốt đời làm nghề vẽ ấy".

"Có. Con muốn như vậy, m… mẹ ạ. Đó là thứ duy nhất con thích".

Thế là Kate biết rằng mình phải mất Tony rồi.

Nó có quyền được sống cuộc đời của nó. Kate thầm nghĩ. Nhưng làm thế nào mình có thể để nó phạm phải một sai lầm kinh khủng như vậy được?

Đến tháng chín năm ấy, quyết định ấy đã vọt ra khỏi tầm tay của cả hai người. Âu châu lâm vào cuộc đại chiến.

"Mẹ muốn con ghi danh theo học trường tài chánh và thương mại Wharton", Kate nói với Tony. "Sau hai năm, nếu con vẫn còn thích làm một nghệ sĩ, mẹ cũng sẽ không phản đối gì". Kate chắc chắn rằng đến lúc ấy Tony sẽ thay đổi ý kiến. Khó có thể tưởng tượng được rằng con trai bà sẽ chịu sống cả cuộc đời tô những màu bôi bác lên những miếng vải vẽ, trong khi nó có thể đứng đầu một tổ hợp công ty lớn mạnh nhất thế giới. Dẫu sao chăng nữa, nó cũng là con trai bà.

Đối với Kate Blackwell, Đại chiến II lại là một cơ hội lớn lao khác nữa. Khắp thế giới đều thiếu thốn các loại trang bị và vật liệu quân sự, nhưng Kruger-Brent vẫn có khả năng cung cấp các

thứ ấy cho họ.

Một phân cục sản xuất của công ty chuyên cung cấp trang bị cho các lực lượng võ trang, một phân cục khác phụ trách các nhu cầu dân sự. Các nhà máy của công ty sẽ làm việc hai mươi bốn giờ trên hai mươi bốn.

Kate chắc chắn rằng nước Mỹ sẽ không thể nào đóng vai trò trung lập được. Tổng thống Franklin D. Roosevelt kêu gọi xứ sở ông phải là một xưởng vũ khí đạn dược để phục vụ cho dân chủ, và dự thảo luật thuê mướn vũ khí, Lend Lease Contract, được thúc đẩy thông qua Quốc hội. Các tàu của Đồng minh vượt qua Đại Tây Dương bị đe doạ bởi cuộc phong toả của nước Đức. Các loại tàu ngầm Đức tấn công và đánh chìm hàng chục tàu thuyền của Đồng minh, chiến đấu theo từng đội gồm tám chiếc một. Nước Đức trở thành một lực lượng khủng khiếp, có vẻ như không thể nào ngăn cản nổi. Bất kể đến Hiệp ước Versailles, Adolf Hitler đã xây dựng một trong các bộ máy chiến tranh lớn nhất trong lịch sử. Theo một kĩ thuật mới gọi là Blitzkrieg, Đức tấn công Ba Lan, Bỉ và Hà Lan, rồi lần lượt tiếp theo đó, bộ máy quân sự Đức nhanh chóng đè bẹp Đan Mạch, Na Uy, Luxembourg và Pháp.

Kate ra tay hành động khi bà nhận được tin rằng những người Do Thái làm việc trong các xưởng Kruger-Brent, đã bị quân Quốc xã tịch thu tài sản, bắt bớ và đày tới tại các trại tập trung.

Bà gọi điện thoại hai lần, và trong tuần lễ kế tiếp, bà lên đường qua Thuỵ Sĩ. Khi đến khách sạn Baur ở Zurich, bà nhận được thư của đại tá Brinkmann ngỏ ý muốn gặp bà. Brinkmann là quản đốc chi nhánh của Kruger-Brent ở Berlin. Khi xí nghiệp ở đấy bị chính phủ Đức trưng thu, ông ta được trao cấp bậc đại tá và được giữ lại để trông coi.

Ông ta đến gặp bà Kate Blackwell ở khách sạn. Đó là một người gầy còm, kĩ tính, với mái tóc hoe chải cẩn thận trên chiếc đầu gần như hói sọi.

"Tôi rất hân hạnh được gặp bà, thưa bà Blackwell. Tôi có lời nhắn của Chính phủ chúng tôi gửi đến cho bà. Tôi được phép đưa ra lời bảo đảm rằng ngay khi cuộc chiến tranh này chấm dứt, các nhà máy của bà sẽ được trả lại cho bà. Nước Đức sẽ là một cường quốc công nghệ lớn nhất thế giới, và chúng tôi hoan nghênh những người cộng tác như bà".

"Nhưng nếu nước Đức thua trận thì sao?"

Đại tá Brinkmanm cố nở một nụ cười trên môi, "Cả bà lẫn tôi đều biết rằng một chuyện như vậy không thể nào xảy ra được, thưa bà Blackwell. Nước Mỹ đã khôn ngoan đứng ra bên ngoài các công việc của Âu châu. Tôi hi vọng rằng họ sẽ tiếp tục làm như vậy".

"Chắc chắn là ông tin như vậy, đại tá ạ". Bà vươn người ra phía trước, nói tiếp, "Tôi đã nghe đồn rằng những người Do Thái

đang bị đưa đến các trại tập trung và bị tiêu diệt. Điều ấy có đúng không?"

"Tôi đoan chắc với bà rằng đó chỉ là tuyên truyền của người Anh thôi. Đúng là người Do Thái được đưa đến các trại lao động, nhưng với tư cách là một sĩ quan, tôi xin cam đoan với bà rằng họ được đối xử một cách xứng đáng".

Kate tự hỏi không biết ý nghĩa của câu nói ấy như thế nào. Bà dự định sẽ tìm hiểu cho ra.

Ngày hôm sau, bà có một cuộc hẹn với một thương gia hành đầu người Đức, tên là Otto Bueller, tuổi trạc ngũ tuần, là một người trông có vẻ sang trọng với một vẻ mặt thương xót và cặp mắt đã từng nhìn thấy nỗi đau khổ sâu sắc. Hai người gặp nhau trong một quán cà phê nhỏ. Bueller chọn một chiếc bàn ở góc vắng vẻ.

Kate nói khe khẽ, "Tôi được nghe nói ông đã khởi sự một tổ chức bí mật nhằm lén lút đưa người Do Thái tới các nước trung lập. Có đúng như vậy không?"

"Không đúng đâu, bà Blackwell ạ. Một hành động như thế bị xem là phản bội lại Đệ tam Cộng hoà Đức Quốc xã".

"Tôi cũng có nghe nói ông đang cần ngân quỹ để hoạt động".

Bueller nhún vai, "Vì không có tổ chức bí mật nào cả nên tôi cần gì phải có ngân quỹ để điều hành nó, phải thế không?"

Mắt ông nhìn quanh ly cà phê với vẻ lo ngại. Đây là con người hít thở và ngủ với sự nguy hiểm mỗi ngày trong cuộc sống.

“Tôi hi vọng có thể giúp đỡ phần nào”, Kate nói một cách thận trọng. “Công ty Hữu hạn Kruger-Brent có nhà máy tại nhiều nước Đồng minh và trung lập. Nếu ai đó có thể đưa những người tị nạn đến các nơi ấy, tôi sẽ thu xếp cho họ có công ăn việc làm”.
Bueller vẫn tiếp tục ngồi nhấm nháp ly cà phê. Cuối cùng, ông nói, “Tôi không biết gì về chuyện này. Nhưng nếu bà quan tâm giúp đỡ một kẻ nào trong cơn hoạn nạn thì tôi xin giới thiệu một ông chú của tôi ở nước Anh. Ông ta đanh bị bệnh tê liệt kinh khủng lắm. Tiền thuốc thang rất cao”.
“Bao nhiêu?”
“Năm mươi nghìn đô la một tháng. Cần phải thu xếp làm sao để ký gửi số tiền trả các chi phí thuốc thang ở London, rồi chuyển số tiền ký gửi ấy cho một ngân hàng Thuỵ Sĩ”.
“Chuyện ấy có thể thu xếp được”.
“Ông chú tôi sẽ vui mừng lắm”.
Chừng tám tuần lễ sau, một làn sóng dân tị nạn, không lớn lắm nhưng đều đặn, bắt đầu tuôn đến các nước Đồng minh để làm việc tại các nhà máy Kruger-Brent.

Tony rời trường học sau hai năm học tập. Anh đi đến văn phòng của Kate để báo cho bà biết tin này. “Con… con đã cố… cố gắng, mẹ ạ, thực sự cố gắng nhưng con đã… quyết định rồi. Con muốn học… học hội hoạ khi nào chiến tranh chấm dứt, con sẽ

đi… đi Paris".

Mỗi lời nói như một nhát búa.

"Con… con biết m… mẹ thất vọng lắm, nhưng con phải sống cuộc sống của riêng con. Con biết con có thể khá… rất khá".

Anh nhận ra được vẻ mặt của Kate. "Con đã làm những gì mẹ yêu cầu con phải làm. Bây giờ mẹ phải… phải cho con một cơ hội làm theo ý muốn của con. Trường nghệ thuật Chicago đã chấp thuận cho con theo học".

Đầu óc Kate quay cuồng. Những gì Tony muốn làm thật là sự phí phạm kinh khủng. Bà chỉ còn có thể thốt ra một câu hỏi,

"Khi nào con dự định sẽ đi đến đó?"

"Ghi danh bắt đầu vào ngày mười lăm".

"Hôm nay là ngày mấy?"

"Sáu, tháng mười hai".

Ngày chủ nhật, mồng bảy tháng mười hai, năm 1941, các phi đội oanh tạc Nakajiama và phi cơ chiến đấu Zero của hải quân Hoàng gia Nhật tấn công Trân Châu Cảng (Pearl Harbor), và ngày sau đó nước này lâm vào cuộc chiến. Trưa ngày hôm ấy, Tony đăng ký ra nhập thuỷ quân lục chiến Mỹ. Anh được đưa đến Quantico, Virginia, sau đó anh tốt nghiệp trường huấn luyện sĩ quan, rồi từ đó anh được đưa đến Nam Thái Bình Dương.

Cuộc chiến tranh với Nhật Bản tiến hành không mấy tốt đẹp. Các máy bay oanh tạc Nhật tấn công các căn cứ Mỹ ở Guam,

Midway và đảo Wake. Quân Nhật chiếm cứ Singapore vào tháng hai năm 1942, rồi nhanh chóng tràn ngập New Britain, New Ireland, Admiralty và đảo Solomon. Tướng Douglas Mac Arthur buộc phải rút lui khỏi Phi Luật Tân. Các lực lượng dũng mãnh của phe Trục chậm rãi chinh phục toàn cầu, và bóng đen bao trùm khắp nơi. Kate lo sợ Tony bị bắt làm tù binh và bị hành hạ, tra tấn. Với tất cả quyền lực và ảnh hưởng của mình, bà không thể làm gì ngoài việc cầu nguyện. Mỗi lá thư của Tony là một tia hi vọng, một dấu hiệu cho biết rằng, một ít tuần lễ trước đó, Tony vẫn còn sống. "Họ không cho chúng con ở đây được biết chuyện gì cả", Tony viết trong thư, "Người Nga còn giữ vững được không? Người lính Nhật tàn bạo, nhưng chúng ta phải kính phục họ. Họ không sợ chết…"

"Có chuyện gì xảy ra ở Mỹ? Các công nhân xí nghiệp có thực sự đình công để được lương cao hơn hay không?..."

"Loại tàu phóng ngư lôi "PT boat" hoạt động rất có hiệu quả ở đây. Những người điều khiển loại tàu ấy đều là những vị anh hùng cả…".

"Mẹ có những quen biết lớn, vậy mẹ hãy gửi cho chúng con ít trăm chiếc tàu ngầm P4U, các chiến đấu cơ mới cho Hải quân. Rất nhớ mẹ…"

Ngày 7 tháng tám, 1942, quân Đồng minh bắt đầu các hoạt động tấn công của họ ở Thái Bình Dương. Thuỷ quân lục chiến của

Mỹ đổ bộ ở Guadalcanal trên đảo Solomon, rồi từ nơi đó, họ chiếm lại các hòn đảo mà quân Nhật đã chiếm.

Ở Âu châu, phe Đồng minh vui mừng với một loạt thắng lợi liên tiếp. Ngày 6, tháng sáu, 1944, cuộc xâm lăng của phe đồng minh mở màn với các cuộc đổ bộ của quân Mỹ, Anh, Canada lên bãi biển Normandie, và một năm sau đó, ngày 7 tháng năm, 1945, nước Đức đầu hàng vô điều kiện.

Ở Nhật, ngày 6, tháng tám, 1945, một quả bom nguyên tử với sức tàn phá mạnh hơn hai mươi ngàn tấn TNT được thả xuống Heroshima. Ba ngày sau, một quả bom nguyên tử khác nữa được thả xuống thành phố Nagasaki. Ngày 14, tháng tám, người Nhật đầu hàng. Cuộc chiến tranh lâu dài và đẫm máu cuối cùng đã kết thúc.

Ba tháng sau đó, Tony trở về nhà. Anh và bà Kate đang ở Dark Harbor, ngồi trên sân thượng nhìn xuống vịnh điểm lấm chấm những cánh buồm trắng xoá.

Chiến tranh đã làm cho nó thay đổi, Kate thầm nghĩ. Tony biểu lộ những nét trưởng thành mới mẻ. Anh đã để râu mép mỏng, nước da rám nắng, trông đẹp trai, khoẻ mạnh. Quanh mắt anh có những vệt nhăn, trước kia không thấy. Kate tin chắc rằng những năm sống ở nước ngoài đã cho anh thời gian suy xét lại quyết định không làm việc cho công ty.

“Bây giờ con dự tính làm gì, hở con?” Kate hỏi.

Tony mỉm cười. “Như con đã nói với mẹ trước đây, các dự tính của mình bị làm gián đoạn một cách thô bạo, mẹ ạ. Con sẽ đi Paris”.

Chú thích:

(1) Nghệ thuật “baroque” là một loại nghệ thuật (tranh vẽ, kiến trúc) mà đặc điểm là dùng rất nhiều hình trang trí hoa hoè, và các đường cong, hơn là dùng các đường thẳng – Nghệ thuật này rất thịnh vào các thế kỷ XVI, XVII và XVIII (1550 – 1750).

Sidney Sheldon

Tay cự phách

Chương 18

Tony đã đến Paris trước kia, nhưng lần này hoàn cảnh đã khác hẳn. Thành phố của ánh sáng đã bị mờ đi vì sự chiếm đóng của quân Đức, nhưng nó đã thoát sự tàn phá, khi thành phố ấy được tuyên bố bỏ ngỏ. Dân chúng đã phải khổ sở rất nhiều và quân Đức Quốc xã đã cướp bóc nhiều thứ quý giá ở Viện bảo tàng Le Louvre. Mặc dầu vậy Tony vẫn thấy Paris tương đối nguyên vẹn. Hơn nữa, lần này anh sẽ sống ở đấy, sẽ là một thành phần của thành phố này, chứ không phải là một du khách. Anh có thể ở trong một dãy phòng của Kate trên đại lộ Maréchal Foch, không bị hư hại vì cuộc chiếm đóng, nhưng anh không làm như vậy. Anh thuê một căn hộ không có đồ đạc trong một ngôi nhà cổ sau lưng Grand Parnasse. Căn hộ này gồm một phòng khách có lò sưởi, một phòng ngủ nhỏ và một cái bếp xinh xắn không có tủ lạnh. Giữa phòng ngủ và bếp có xen một phòng tắm với một bồn tắm có chân, một chậu rửa nhỏ, hoen ố và một bàn toạ đã gãy,

lúc có nước lúc không.

Bà chủ nhà mở miệng xin lỗi thì Tony đã vội ngăn lại, "Như thế này là tuyệt hảo rồi".

Suốt ngày chủ nhật, anh có mặt ở chợ trời. Ngày thứ hai, thứ ba, anh đi rảo ở các tiệm đồ cũ dọc theo Tả ngạn, rồi đến ngày thứ tư, anh đã có những đồ đạc căn bản cần thiết. Một chiếc giường vừa dùng làm sô pha, vừa làm giường ngủ, một chiếc bàn dơ bẩn, hai chiếc ghế độn quá chặt, một tủ áo cũ chạm trổ công phu, đèn, một bàn làm bếp ọp ẹp, và hai chiếc ghế thẳng lưng. Mẹ mình mà trông thấy các thứ này chắc phải kinh hãi, Tony nghĩ thầm. Anh có thể nhét đầy căn hộ anh bằng những thứ đồ cổ vô giá, nhưng làm như thế là đóng vai trò của một nghệ sĩ trẻ người Mỹ ở Paris. Anh không muốn đóng vai trò mà dự định sẽ sống với vai trò ấy.

Bước kế tiếp là xin vào một trường hội hoạ tốt. Trường hội hoạ có uy tín nhất khắp nước Pháp là École des Beaux Arts của thành phố Paris. Tiêu chuẩn nhập học rất cao, và ít người Mỹ được được thâu nhận vào đó. Tony làm đơn xin vào học. Anh nghĩ thầm họ sẽ chẳng bao giờ nhận mình vào học. Nhưng biết đâu họ sẽ nhận? Anh phải chứng tỏ cho mẹ anh thấy rằng anh đã đưa ra quyết định đúng. Anh nộp ba bức tranh của anh và chờ đợi bốn tuần lễ xem họ có chấp nhận hay không. Vào cuối tuần thứ tư, người gác cổng đưa cho anh một lá thư của nhà trường. Anh phải

đến trình diện vào ngày thứ hai sắp tới.

Trường Mỹ thuật Paris là một tòa nhà bằng đá lớn, cao hai tầng với hàng chục lớp học đầy nhóc sinh viên. Tony đến trình diện ông hiệu trưởng, giáo sư Gessand, một người cao to, trông có vẻ khó khăn, cổ rụt và môi mỏng dính.

"Các bức tranh của anh có vẻ tài tử", ông nói với Tony, "nhưng anh cũng có nhiều hứa hẹn. Hội đồng đã lựa chọn anh vì những gì không có trong những tranh ấy hơn là những gì đã có trong ấy. Anh có hiểu không?"

"Thưa giáo sư, tôi không hiểu rõ lắm ạ".

"Rồi sẽ đến lúc anh hiểu thôi. Tôi giao anh cho giáo sư Cantal phụ trách. Ông ấy sẽ là thầy giáo dạy anh trong năm năm tới, nếu anh còn tồn tại được lâu như vậy".

Tôi sẽ tồn tại lâu như vậy, Tony tự hứa với mình.

Giáo sư Cantal là một người lùn tịt, với một cái đầu sói hoàn toàn, khiến ông ta phải che nó bằng một cái mũ nồi màu tím. Ông có cặp mắt nâu đậm, cái mũi củ hành và cặp môi giống như xúc xích. Ông chào đón Tony bằng câu nói: "Người Mỹ là hạng tay chơi tài tử, những kẻ man rợ. Tại sao anh lại đến đây?"

"Để học, thưa giáo sư".

Giáo sư Cantal hứ một tiếng.

Có hai mươi lăm học sinh trong lớp, hầu hết là người Pháp. Các giá vẽ được bày ra khắp căn phòng. Tony lựa một chiếc gần cửa

sổ nhìn xuống một quán rượu bình dân. Rải rác xung quanh phòng là những mẩu đúc các bộ phận cơ thể bằng thạch cao theo các pho tượng Hi Lạp. Tony nhìn xung quanh để tìm một mẫu vẽ, nhưng chẳng cái nào cả.

"Bây giờ các anh bắt đầu", giáo sư Cantal nói.

"Xin lỗi thầy, tôi… tôi không đem sơn màu theo", Tony nói.

"Anh không cần sơn màu. Trong năm đầu tiên, anh chỉ học vẽ theo đúng cách thôi".

Giáo sư chỉ các tượng Hi Lạp. "Anh sẽ vẽ những cái kia. Đối với anh, nó có vẻ đơn giản, nhưng tôi nói trước cho anh biết một điều: trước khi một năm học kết thúc, một nửa trong số các anh sẽ bị loại". Giọng nói của ông trở nên sôi nổi, "Năm thứ nhất, anh học về cơ thể học. Năm thứ hai – cho những người nào qua được môn học ấy, anh sẽ vẽ theo những người mẫu sống, bằng sơn dầu. Năm thứ ba – tôi cam đoan với anh rằng lúc ấy sẽ còn rất ít người – anh sẽ vẽ tranh sơn màu với tôi, theo kiểu của tôi, tất nhiên là phải làm tốt hơn thế. Qua năm thứ tư và thứ năm, anh sẽ tìm ra được kiểu vẽ của riêng anh, tiếng nói của riêng anh. Thôi, bây giờ chúng ta bắt tay vào việc".

Lớp học bắt đầu làm việc.

Ông giáo sư đi quanh phòng, dừng lại ở từng giá vẽ để đưa ra lời chỉ trích hay bình luận. Khi đi đến bức vẽ của Tony, ông nói cộc lốc, "Không, như thế không được. Tôi chỉ thấy ở đây cái bên

ngoài của cánh tay. Tôi muốn thấy cái bên trong kia. Bắp thịt, xương, các dây chằng. Tôi muốn biết rằng có máu đang chảy ở bên dưới. Anh có biết vẽ như vậy không?"
"Vâng, thưa thầy. Mình phải suy nghĩ, trông thấy và cảm thấy nó trước khi vẽ nó ra".

Khi không đến lớp học, Tony thường vẽ trong căn hộ của anh. Anh có thể vẽ từ bình minh hôm nay đến bình minh hôm sau. Hội hoạ tạo cho anh một cảm giác tự do mà anh không hề bao giờ được biết trước đó. Hành vi đơn giản ngồi trước giá vẽ với một cái cọ trong tay tạo cho anh cảm giác giống như là Thượng đế. Anh có thể tạo ra toàn thể các thế giới chỉ bằng một bàn tay. Anh có thể tạo ra một cái cây, một bông hoa, một con người, một vũ trụ. Thật là một công việc dễ làm say mê. Anh đã được sinh ra cho công việc này. Khi nào không vẽ, anh đi ra ngoài, lang thang trên các đường phố để thăm dò thành phố huyền thoại này. Bây giờ nó là thành phố của anh, nơi nghệ thuật của anh sẽ ra đời. Có hai Paris, phân chia bởi con sông Seine thành Tả ngạn và Hữu ngạn. Đó là hai thế giới tách biệt nhau. Hữu ngạn là dành cho những người giàu có, có địa vị. Tả ngạn thuộc về các sinh viên, nghệ sĩ, những kẻ tranh đấu. Nó là Montparnasse, Boulevard Romail, trà Saint Germain des Rué. Nó là cà phê Floce, Henry Miller và Eliot Paul. Đối với Tony, nó là quê

hương. Anh vẫn thường ngồi hàng giờ ở Boule Blanche hay La Coupole với các bạn sinh viên, thảo luận với nhau về các thế giới bí mật của họ.

"Tôi nghe nói rằng viên giám đốc nghệ thuật của viện bảo tàng Guggenheim đang ở Paris, mua hết tất cả mọi thứ ông ta thấy".

"Bảo ông ta hãy chờ tôi".

Tất cả họ đều đọc những tạp chí giống nhau và chia cho nhau đọc, vì các tạp chí ấy đắt tiền: Studio, Cahiers d'Arts, Formes et Couleurs, và tờ Gazette des Beaux Arts.

Tony đã học tiếng Pháp ở Le Rosey, nên anh dễ dàng làm bạn với các sinh viên khác trong lớp, vì tất cả đều cùng chia sẻ một niềm say mê chung. Họ không biết chút gì về gia đình Tony, và chấp nhận anh như là một người trong bọn họ. Các nghệ sĩ nghèo, vật lộn với cuộc sống tập hợp lại với nhau ở quán cà phê Flore và Les Deux Maggots trên đại lộ Saint Germain. Họ ăn cơm ở Le Pot d'Etian trên đường Canettes và đường Rue d'Université. Không một người nào trong bọn họ đã từng bước chân vào Lasserre hay Maxim.

Năm 1944, những người khổng lồ trong hội hoạ đều thực thi nghệ thuật của họ tại Paris. Thình thoảng, Tony bắt gặp thoáng qua Pablo Picasso, và một hôm Tony cùng bạn anh đã nhìn thấy Marc Chagall, một con người to lớn, trông có vẻ hoa hoè, trạc trung tuần, với mớ tóc bù xù như chổi xể, bắt đầu nhuốm bạc.

Chagall ngồi ở bàn căn bên kia quán cà phê, đang nghiêm trang nói chuyện với một nhóm người.

"Chúng mình thật là may mắn được gặp ông ấy", bạn của Tony thì thầm nói, "Ông ấy ít khi đến Paris lắm. Nhà ông ấy ở Vence, gần bờ bề Địa Trung Hải".

Anh thấy Max Ernest nhấm nháp rượu khai vị ở quán cà phê trên vỉa hè, và Alberto Giacometti vĩ đại đang đi xuống đường Rivoli, giống như các pho tượng của ông ấy, cao, gầy và xương xẩu. Tony ngạc nhiên nhận ra rằng chân ông ta bị vẹo. Tony gặp Hans Belmer một người đã tạo nên tên tuổi nhờ những bức tranh khiêu dâm, vẽ những cô gái giống như những con búp bê chặt đứt chân tay. Nhưng giờ phút vui sướng nhất của Tony là khi anh được giới thiệu với Braque. Nhà nghệ sĩ này rất thân thiện nhưng Tony thì ríu cả lưỡi, không nói được nên lời.

Các thiên tài tương lai thường lui tới các phòng tranh nghệ thuật, nghiên cứu sự cạnh tranh của họ. Phòng trưng bày Drouand David lúc ấy đang triển lãm tranh của một nghệ sĩ trẻ chưa có tên tuổi, Bernard Buffet, đã từng theo học Trường Mỹ thuật, của Soutine, Utrillot và Dufy. Các sinh viên tụ họp tại Salon d'Automne, các phòng trưng bày Charpentier, Mille Roussa trên đường Rue de Seine, rồi trong những lúc rảnh rỗi họ bàn tán với nhau về các địch thủ thành công của họ.

Lần đâu tiên Kate thấy căn hộ của Tony, bà bị choáng váng, nhưng do bản tính khôn ngoan, bà không đưa ra lời bình phẩm nào. Bà nghĩ thầm, mẹ kiếp! Làm sao thằng con trai mình lại có thể ở trong một căn phòng tối tăm, ảm đạm như thế này? Bà nói, "Nó cũng rất xinh xắn, Tony ạ. Mẹ không thấy tủ lạnh đâu cả. Thể con để thức ăn ở đâu?"

"Để ở ngoài cửa sổ kia kìa".

Kate bước đến cửa sổ, mở cánh cửa, chọn một quả táo đặt trên ngưỡng cửa số, ở phía ngoài. "Chắc mẹ không ăn một trong các đối tượng hội hoạ của con đấy chứ?"

Tony cười, "Ồ, không đâu, mẹ ạ".

Kate cắn quả táo. "Nào con hãy kể về công việc hội hoạ của con đi".

"Chưa có… có gì nhiều lắm để… để mà kể. Năm nay chúng con chỉ mới học vẽ đồ hoạ qua loa thôi".

"Con có thích ông giáo sư Cantal không?"

"Ông ấy tuyệt… tuyệt vời. Điều quan trọng là ông ấy có thích con không. Chỉ có một phần ba số sinh viên được lên năm kế tiếp thôi".

Không một lần nào bà nhắc nhở đến việc Tony về làm việc cho công ty.

Giáo sư Cantal không phải là người dễ dàng ban lời khen cho ai.

Lời khen tặng lớn lao nhất ông ban cho Tony là một câu nói miễn cưỡng, "Tôi chắc là tôi đã thấy những bức tranh còn tệ hơn thế", hay "Tôi mới hình như bắt đầu nhìn thấy được cái ở bên dưới"
Vào cuối học kì, Tony được chọn trong số tám sinh viên được lên năm thứ hai. Để ăn mừng, Tony và một số sinh viên khác, cũng được cảm thấy trong lòng nhẹ nhõm như anh, cùng đi đến một hộp đêm ở Montmartre, uống rượu say mèm, rồi ngủ đêm với mấy cô gái người Anh đang đi du lịch ở Pháp.

Khi trường học mở cửa lại, Tony bắt đầu vẽ với sơn dầu và người mẫu. Thật là giống như vừa được thoát khỏi trường mẫu giáo. Sau một năm học về các bộ phận cơ thể, Tony cảm thấy anh đã biết rõ từng bắp thịt, đường gân và tuyến trên thân thể con người. Đó không phải là hội hoạ – nó chỉ là sự sao chép lại thôi. Bây giờ, với cái cọ trong tay và một người mẫu trước mắt, Tony bắt đầu sáng tạo. Ngay cả đến Cantal cũng phải chú ý.
"Anh biết nhận xét đấy", ông nói một cách miễn cưỡng. "Bây giờ chúng ta phải học về kĩ thuật".

Có hơn một chục người ngồi làm mẫu cho các lớp học ở trường. Những người mà giáo sư Cantal thường sử dụng nhiều nhất là Carlos, một chàng trai trẻ làm việc kiếm tiền để theo học trường

thuốc; Annette, một cô giá da ngăm ngăm đen, thấp, khỏe mạnh, có một chòm lông đỏ ở hạ bộ và lưng có nhiều vết sẹo do mụn nhọt; và Dominique Masson, một cô gái xinh đẹp, tóc hoe lả lướt, với gò má xinh xắn và đôi mắt xanh đậm. Dominique đã từng làm mẫu cho nhiều hoạ sĩ danh tiếng. Nàng rất được mọi người ưa thích. Hằng ngày, sau buổi học, các nam sinh viên thường vây quanh nàng, tìm cách hẹn hò với nàng.

Nàng thường nói với họ, "Tôi không bao giờ lẫn lộn công việc làm ăn với vui chơi. Dẫu sao, như vậy cũng không công bằng. Các anh đã thấy tất cả những gì tôi có thể cống hiến. Làm sao tôi biết được các anh có cái gì để cống hiến cho tôi?"

Thế rồi lối nói chuyện thô tục ấy lại tiếp tục. Nhưng Dominique không bao giờ đi chơi với bất cứ ai ở trường này.

Vào một buổi chiều nọ, khi tất cả các sinh viên khác đều đã rời lớp học và Tony sắp vẽ xong một bức hoạ của Dominique, nàng bất ngờ đi đến phía sau lưng Tony và nói, "Cái mũi tôi dài quá".

Tony bối rối. "Ồ, tôi xin lỗi, để tôi sửa lại".

"Không, không. Cái mũi trong bức hoạ thì tốt rồi. Chính cái mũi của tôi mới dài quá thôi".

Tony cười. "Thế thì tôi e rằng tôi phải chịu bó tay rồi".

"Giá như một người Pháp thì người ấy sẽ nói, "Mũi của em thật hoàn hảo, "Chérie" ạ".

"Tôi thích cái mũi của cô, nhưng tôi không phải là người Pháp".

“Điều đó thì rõ ràng rồi. Anh không bao giờ rủ tôi đi chơi cả. Tôi không hiểu vì sao”.
Tony tỏ vẻ ngạc nhiên. “Tôi… tôi không biết. Tôi nghĩ rằng ấy là vì mọi người khác đã làm như vậy, nhưng cô không đi chơi với ai cả”.
Dominique tủm tỉm cười. “Người nào cũng có một ai đó để đi chơi với mình chứ. Thôi chào anh nhé”.
Rồi nàng bỏ đi.

Tony nhận ra rằng bất cứ hôm nào anh ở lại trễ, Dominique mặc quần áo xong cũng trở lại đứng ở phía sau lưng anh để xem anh vẽ.
Một buổi chiều nọ, nàng nói, “Anh vẽ rất đẹp. Rồi đây anh sẽ là một hoạ sĩ danh tiếng”.
“Cảm ơn, Dominique, tôi hi vọng cô nói đúng”.
“Hội hoạ đối với anh quan trọng lắm à?”
“Phải”.
“Vậy thì một người sắp sửa trở thành một hoạ sĩ danh tiếng có chịu đãi tôi một bữa cơm tối không?”
Nàng nhìn thấy vẻ ngạc nhiên hiện rõ trên mặt Tony. “Tôi không ăn gì nhiều đâu. Tôi phải giữ hình dáng của tôi”.
Tony cười. “Cố nhiên tôi rất lấy làm vui mừng”.
Họ cùng ăn cơm tối tại một quán ăn bình dân gần Sacré Coeur.

Hai người bàn chuyện với nhau về các hoạ sĩ và hội hoạ. Tony nghe rất say mê các câu chuyện nàng kể về các nghệ sĩ danh tiếng đã từng nhờ nàng làm mẫu. Khi hai người dùng xong cà phê sữa, Dominique nói, "Tôi cần phải nói cho anh biết. Anh cũng giỏi như bất kì ai trong số ấy".

Tony sung sướng vô cùng, nhưng anh chỉ nói, "Tôi còn xa lắm mới được bằng các ông ấy".

Ra khỏi quán ăn, Dominique hỏi, "Anh có định mời tôi đến xem căn hộ anh đang ở không?"

"Tôi cũng muốn lắm chứ, nhưng tôi e rằng nó chẳng có gì đẹp đẽ lắm đâu".

Đến nơi, Dominique nhìn quanh căn hộ bé nhỏ, ngổn ngang, rồi lắc đầu nói, "Anh nói đúng. Nó chẳng có gì đẹp đẽ thật. Ai trông nom cho anh?"

"Có một bà đến đây mỗi tuần để lau chùi".

"Đuổi bà ấy đi. Nơi này bẩn thỉu quá. Thế anh không có một bạn gái nào sao?"

"Không".

Dominique nhìn anh một lúc rồi hỏi. "Anh không thấy khó chịu à?"

"Không".

"Tốt. Thật là phí phạm kinh khủng. Anh hãy kiếm cho tôi một xô nước và một ít xà phòng".

Dominique bắt đầu lau chùi, cọ rửa căn hộ, rồi cuối cùng xếp đặt lại mọi thứ cho gọn ghẽ. Làm xong công việc nàng nói, "Hôm nay, như thế là tạm được rồi. Lạy Chúa, tôi cần phải tắm mới được".

Nàng đi vào phòng tắm bé nhỏ, cho nước chảy vào bồn tắm.

"Làm thế nào anh ngồi được trong cái này?" Nàng kêu to lên.

"Tôi co chân lại".

Nàng cười. "Tôi muốn xem anh làm như vậy quá!"

Mười lăm phút sau, Dominique ra khỏi phòng tắm với chỉ có một chiếc khăn lông quấn xung quanh người, làn tóc hoe của nàng ướt đẫm và quăn lại. Nàng có một thân hình rất đẹp, ngực đầy đặn, eo nhỏ và dài, cặp đùi thon thon. Trước kia, Tony không bao giờ để ý đến nàng như là một người đàn bà. Nàng chỉ là một hình khoả thân để vẽ trên vải. Kì lạ thay, chiếc khăn lông ấy đã thay đổi tất cả mọi thứ. Đột nhiên, anh cảm thấy máu như dồn lên ở chỗ thắt lưng.

Dominique đang đứng nhìn anh. "Anh có muốn ân ái với em không?"

"Muốn lắm".

Nàng chậm rãi thả tấm khăn lông ra. "Anh hãy chứng tỏ cho em xem đi".

Tony chưa hề bao giờ được biết một người đàn bà nào như

Dominique. Nàng tặng cho anh tất cả, nhưng không đòi hỏi một điều gì. Hầu như tất cả mọi buổi tối, nàng đến nấu ăn cho Tony. Khi hai người cùng đi ăn ở ngoài, nàng bao giờ cũng đòi phải đến những quán ăn rẻ tiền hay những quầy bán bánh sandwich. Nàng thường la rầy, "Anh phải biết dành dụm tiền. Bước đầu bao giờ cũng rất khó khăn ngay đối với cả một nghệ sĩ tài giỏi. Mà anh cũng là một nghệ sĩ tài giỏi, "chéri" ạ".

Họ đi với nhau đến Les Halles vào những lúc sáng sớm, và ăn súp hành ở Pied de Cochon. Họ cùng đi đến Bảo tàng Carnavalet và những nơi xa xôi các du khách thường không lui tới, chẳng hạn như Nghĩa địa Père Lachaise – nơi yên nghỉ của Oscar Wilde, Fédéric Chopin, Honoré de Balzac và Marcel Proust. Họ viếng thăm các hầm mộ, và trong những ngày nghỉ lễ họ thường đi xuôi con sông Seine trên một chiếc thuyền của một người bạn của Dominique.

Tony rất lấy làm vui sướng được sống bên cạnh Dominique. Nàng vui tính, thích khôi hài, và mỗi khi Tony có vẻ buồn bã, nàng cười to lên làm cho anh khuây khoả. Nàng có vẻ như quen biết rất rộng, và thường đưa Tony đến dự những buổi tiệc tùng rất thú vị để chàng có thể gặp những nhân vật danh tiếng thời ấy, chẳng hạn như thi sĩ Paul Élouard và André Breton, phụ trách phòng trưng bày Maeght rất có uy tín.

Dominique là một nguồn khích lệ thường trực. "Anh sẽ danh

tiếng hơn tất cả những người ấy, "chéri" ạ. Hãy tin em đi. Em biết mà".

Nếu Tony muốn vẽ vào ban đêm, Dominique cũng sẵn sàng ngồi làm mẫu cho anh vẽ, dù cho nàng có phải làm việc suốt cả ngày hôm ấy. Lạy chúa, mình thật là may mắn, Tony nghĩ thầm. Đây là lần đầu tiên trong đời anh tin chắc rằng có một người nào đó yêu mến anh vì bản chất của anh chứ không phải vì anh là ai.

Tony e ngại không muốn nói cho Dominique biết anh là người thừa kế một trong những tài sản lớn nhất thế giới, e ngại rằng nàng sẽ thay đổi, e ngại chàng sẽ mất đi những gì chàng hiện đang có. Nhưng đến ngày sinh nhật của Dominique, Tony không thể nào cưỡng lại ý định mua cho nàng một chiếc áo bằng lông mèo rừng của Nga.

"Đó là một thứ đẹp đẽ nhất em chưa từng thấy trong đời!" Dominique xoay tròn chiếc áo xung quanh người, nhảy múa khắp căn phòng. Đang xoay như vậy, bỗng nàng dừng phắt lại hỏi, "Cái này ở đâu mà có, Tony? Anh lấy tiền đâu mà mua cái áo này?"

Anh đã có sẵn câu trả lời. "Cái áo ấy mới bị ăn trộm. Anh mua nó từ trong tay một anh chàng bé nhỏ đứng bên ngoài bảo tàng Rodin. Hắn ta muốn bán tống bán tháo nó đi, cho nên giá chiếc áo ấy chẳng đắt hơn giá một chiếc áo vải loại tốt ở nhà hàng Au

Printemps".
Dominique nhìn anh một hồi, rồi phá lên cười. "Em sẽ mặc chiếc áo ấy dù cho cả hai chúng ta có phải ngồi tù".
Rồi nàng choàng hai cánh tay ôm lấy Tony, rồi gào lên, "Ồ Tony, anh ngốc quá! Anh yêu quý, anh ngốc kinh khủng!"
Nói dối như vậy thật không uổng công chút nào, Tony nghĩ thầm.

Một buổi tối nọ, Dominique gợi ý với Tony rằng chàng nên dọn đến ở chung với nàng. Vừa làm việc ở Trường Mỹ thuật, vừa làm kiểu mẫu cho một số nghệ sĩ danh tiếng ở Paris, Dominique đã thuê được một căn hộ rộng rãi, hiện đại, trên đường Rue Prêtres - Saint Severain. "Anh không nên ở một nơi như thế này, Tony ạ. Nó kinh khủng lắm. Hãy đến sống với em, anh sẽ không phải trả một xu nào tiền thuê nhà. Em có thể giặt giũ, nấu cơm cho anh, và…"
"Không được, Dominique ạ. Xin cảm ơn em".
"Nhưng tại sao?"
Làm sao anh có thể giải thích được? Lẽ ra, ngay từ lúc đầu, anh đã phải nói cho nàng biết rằng anh rất giàu có, nhưng lúc này thì đã quá trễ rồi. Nàng sẽ nghĩ rằng anh đã đánh lừa nàng. Nghĩ vậy, anh nói, "Anh muốn sống cách xa em. Em giúp đỡ cho anh quá nhiều rồi".

“Vậy thì em sẽ dời bỏ căn hộ của em để đến ở đây. Em muốn ở bên cạnh anh”.

Nàng dọn đến ngay ngày hôm sau.

Giữa hai người có một sự thân ái tuyệt diệu và thoải mái. Vào những ngày cuối tuần, họ đi chơi với nhau về miền quê, dừng lại những quán trọ bên đường, rồi Tony dựng giá vẽ lên, vẽ phong cảnh. Khi nào họ đói bụng, Dominique trải ra trên có những thức ăn nàng đã nấu sẵn, rồi hai người cùng ăn chung với nhau giữa cánh đồng cỏ. Sau đó, họ ân ái với nhau thật lâu và thật thắm thiết. Tony chưa bao giờ cảm thấy hạnh phúc như vậy.

Công việc học tập của anh tiến triển tốt đẹp. Một hôm giáo sư Cantal giơ một bức hoạ của Tony lên cho cả lớp xem, “Xem cái thân hình này. Các anh có thể thấy nó như đang thở”.

Tony hăm hở báo tin ấy ngay cho Dominique. “Em biết làm thế nào anh diễn tả được đúng cái hơi thở ấy không? Ấy là bởi vì đêm nào anh cũng ôm cái người mẫu ấy trong vòng tay”.

Dominique cười lên vui sướng, nhưng ngay sau đó nàng ra vẻ nghiêm nghị, “Tony ạ, em không nghĩ rằng anh cần học thêm ba năm nữa ở trường. Anh bây giờ đã sẵn sàng rồi. Mọi người ở trường đều nhận thấy như vậy. Cả ông Cantal nữa”.

Tony e ngại rằng như vậy vẫn chưa đủ. Anh chưa được khá lắm, anh chỉ là một hoạ sĩ khác thôi, và tác phẩm của anh sẽ bị chìm nghỉm trong hàng nghìn bức hoạ sản xuất bởi hàng nghìn hoạ sĩ

trên thế giới mỗi ngày. Anh không thể chịu được với ý tưởng như vậy. Chiến thắng mới là vấn đề quan trọng, Tony ạ. Nhớ kĩ điều ấy.

Đôi khi anh vừa vẽ xong một bức tranh, anh thường thấy tràn ngập một nỗi hân hoan, rồi anh suy nghĩ, "Mình có tài năng. Mình thực sự có tài năng". Lúc khác, anh nhìn lên tác phẩm của mình, rồi tự nhủ, "Mình chỉ là một tay tài tử khốn kiếp thôi".

Được sự khuyến khích của Dominique, Tony mỗi lúc một thêm tin tưởng vào việc làm của mình. Anh đã hoàn tất được trên hai chục bức hoạ theo ý riêng của anh. Phong cảnh và tĩnh vật. Có một bức tranh vẽ Dominique đang nằm khoả thân dưới một lùm cây, ánh nắng lốm đốm trên thân hình nàng. Một chiếc áo vét và sơ mi đàn ông ở cận cảnh, khiến cho người xem có thể hiểu rằng người đàn bà đang chờ đợi người tình.

Khi trông thấy bức tranh ấy, Dominique kêu lên, "Anh phải có một cuộc triển lãm mới được".

"Em điên rồi hay sao, Dominique? Anh chưa sẵn sàng đâu".

"Anh lầm rồi, "mon cher" ạ".

Tony về đến nhà trễ vào trưa hôm sau thì thấy Dominique đang có khách. Đó là Anton Goerg, một người đàn ông gầy, với một cái bụng phệ và đôi mắt lồi màu xanh nhạt. Ông ta là chủ nhân của phòng trưng bày nghệ thuật Goerg Gallery, một phòng trưng bày khiêm tốn trên đường Dauphine. Các bức hoạ của Tony trải

khắp căn phòng.

“Có chuyện gì vậy, Dominique?”

Anton Goerg liền kêu lên, “Có chuyện là, thưa ông, các tác phẩm của ông thật là xuất sắc”. Ông đập nhẹ lên lưng Tony, “Tôi rất lấy làm hân hạnh được dành cho ông một cuộc trưng bày tại phòng tranh của tôi”.

Tony nhìn qua phía Dominique. Nàng cũng nhìn chàng, nét mặt rạng rỡ.

“Tôi… tôi không biết nói làm sao nữa”.

“Ông đã nói rất nhiều rồi đấy”, ông Goerg đáp, “Trên các bức tranh này đây”.

Tony và Dominique bàn với nhau về vấn đề này suốt cả nửa đêm ấy.

“Anh cảm thấy mình chưa sẵn sàng. Các nhà phê bình sẽ treo anh lên thập tự giá”.

“Anh lầm rồi, “chéri”. Như thế này là tuyệt hảo cho anh. Đó là phòng trưng bày nhỏ thôi. Chỉ có những người địa phương đến xem tranh và phê phán thôi. Không có cách nào xúc phạm anh được. Ông Goerg không bao giờ đề nghị anh trưng bày tranh nếu ông ấy không tin tưởng ở anh. Ông ấy đồng ý với em rằng anh sẽ trở thành một nghệ sĩ quan trọng”.

“Thôi được rồi”, Tony cuối cùng phải chấp nhận. “Ai mà biết? Mình cũng có thể bán một bức tranh cũng chưa biết chừng”.

Bức điện văn viết: SẼ ĐẾN PARIS THỨ BẢY. ĐẾN DÙNG CƠM VỚI MẸ. THÂN YÊU. MẸ.

Ý nghĩ đầu tiên khi Tony trông thấy mẹ bước vào xưởng vẽ là, "Mẹ mình trông xinh đẹp quá!". Bà nay đã trạc ngũ tuần, tóc không nhuộm, với những sợi tóc bạc xen lẫn tóc đen, nhưng bà vẫn rất linh hoạt. Có lần Tony hỏi bà vì sao bà không tái giá, thì bà trầm tĩnh trả lời, "Chỉ có hai người đàn ông quan trọng trong cuộc đời của mẹ. Đó là cha con và con".

Bây giờ đứng trong căn hộ bé nhỏ ở Paris, đối diện với mẹ, Tony nói, "Con… con rất mừng được gặp m… mẹ".

"Tony, con trông thật là tuyệt vời! Lại mới có cái chòm râu này nữa!" Bà cười, dùng các ngón tay vân vê chòm râu Tony. "Con trông giống như Abe Lincoln" . Bà đưa mắt nhìn khắp căn hộ bé nhỏ. "Lạy Chúa, con đã có một người hầu phòng thật giỏi. Nó giống như là một nơi khác hẳn".

Kate đi đến giá vẽ, nơi Tony đang vẽ dở một bức tranh. Bà dừng lại, ngắm nhìn một hồi lâu. Tony đứng tại đó, lo lắng chờ đợi phản ứng của mẹ.

Khi Kate mở lời, giọng bà rất hiền dịu. "Thật là xuất sắc, Tony ạ. Rất xuất sắc". Bà không có một cố gắng nào che giấu niềm hãnh diện của bà. Không ai có thể đánh lừa bà về mặt nghệ thuật, nên bà cảm thấy một niềm hân hoan nhận ra rằng con trai bà có tài

năng thật sự.

Bà quay mặt về phía Tony, nói, "Cho mẹ xem thêm ít bức tranh nữa".

Hai giờ kế tiếp đó, Tony và mẹ cùng xem xét cả một chồng tranh của anh. Họ bàn cãi từng bức tranh một thật chi tiết. Không có gì là vị nể trong lối nói của bà cả. Bà đã thất bại trong cố gắng kiểm soát đời sống của con trai bà, nhưng Tony phải thán phục và chấp nhận sự thất bại ấy thật là duyên dáng.

Kate nói, "Mẹ sẽ thu xếp việc trưng bày các bức tranh này. Mẹ có quen biết một số nhà buôn tranh…"

"Cảm ơn m… mẹ. Mẹ không… không cần phải bận tâm. Con sẽ có một cuộc triển lãm tranh vào ngày thứ sáu tuần sau. Một phòng tranh sẽ tổ chức việc triển lãm ấy cho con".

Kate đưa hai tay ra, ôm chầm lấy Tony. "Thật tuyệt vời! Phòng triển lãm nào vậy?"

"Phòng triển lãm G… Goerg Gallery".

"Hình như mẹ không nghe tên ấy bao giờ".

"Nó nhỏ thôi, mẹ ạ. Con chưa sẵn sàng để trưng bày tranh tại Hammer hay W… Wildenstein".

Bà chỉ bức tranh Dominique dưới lùm cây, "Con lầm rồi, mẹ cho rằng bức tranh này…"

Ngay lúc ấy có tiếng cánh cửa trước mở ra. "Em đang nổi hứng đây. Hãy cởi cái…" Dominique chợt thấy Kate, "Thôi chết tôi

rồi! Xin lỗi bà. Tôi… tôi không có biết Tony đang có khách".
Một phút im lặng băng giá.
"Dominique, đây là m… mẹ tôi. Mẹ ạ, con xin giới thiệu với mẹ cô Dominique Masson".
Hai người đàn bà đứng nhìn nhau chằm chằm, như dò xét.
"Bà có được mạnh khỏe không ạ, thưa bà Blackwell?"
Kate nói, "Tôi đã được xem bức tranh con trai tôi vẽ cô", phần còn lại được bỏ lửng, không nói ra.
Lại một phút im lặng ngượng nghịu khác nữa.
"Tony có nói cho bà biết về cuộc triển lãm sắp tới của anh ấy hay chưa, thưa bà Blackwell?"
"Có. Thật là một tin rất đáng mừng".
"Mẹ có… có thể ở lại để tham dự không, mẹ?"
"Mẹ rất mong muốn có thể có mặt ở đó, nhưng ngày kia mẹ sẽ có một cuộc họp của ban giám đốc ở Johannesburg, không thể vắng mặt được. Giá như mẹ được biết sớm hơn, có lẽ mẹ đã sửa đổi lại được thời khóa biểu".
"Thôi thế cũng được", Tony nói. "Con hiểu", Tony lo sợ rằng mẹ anh có thể sẽ nói thêm nữa về công ty trước mặt Dominique, nhưng may thay, trí óc của Kate chỉ nghĩ đến các bức tranh.
"Điều quan trọng là phải có những người xứng đáng đến xem cuộc triển lãm ấy".
"Ai là những người xứng đáng, thưa bà Blackwell?"

Kate quay về phía Dominique. “Những người tạo dư luận, những nhà phê bình. Cân phải có một người nào đó như André d’Usseau – Ông ấy cần phải có mặt ở đó”.

André d’Usseau là một nhà phê bình nghệ thuật được kính trọng nhất ở Pháp. Ông là một con sư tử hung dữ canh gác ngôi đền nghệ thuật, mà chỉ một bài điểm tranh của ông cũng đủ để tạo nên hay để đánh ngã gục một nghệ sĩ chỉ qua một đêm. d’Usseau được mời khai mạc tất cả các cuộc triển lãm, nhưng ông chỉ tham dự những cuộc triển lãm quan trọng thôi. Các chủ phòng tranh, các nghệ sĩ run rẩy, chờ đợi các bài phê bình của ông xuất hiện trên báo chí. Ông là bậc thầy về “bon mot”, và những câu nói châm biếm của ông bay đi khắp Paris trên những chiếc cánh tẩm thuốc độc. Ông ta là người bị ghét nhất trong giới nghệ sĩ ở Paris, nhưng cũng là người được kính nể nhất. Lối phê bình hóm hỉnh và cay độc một cách tàn nhẫn của ông được tha thứ bởi vì khả năng chuyên môn của ông.

Tony quay về phía Dominique nói, “Bà ấy là mẹ của mình nên mới nói thế”. Rồi anh quay lại nói với mẹ. “André d’Usseau không đi đến dự những cuộc triển lãm nhỏ đâu”.

“Ồ, Tony, ông ấy thể nào cũng phải đến. Ông ta có thể giúp cho con nổi danh chỉ qua một đêm”.

“Hay đánh gục ngã con cũng chưa biết chừng”.

“Thế con không tin vào khả năng của con hay sao?” Kate nhìn

con và nói.

“Cố nhiên là anh ấy tin.”. Dominique nói. “Nhưng chúng cháu không dám hi vọng rằng ông d’Usseau sẽ đến”.

“Tôi có thể tìm các người bạn quen biết ông ta”.

Mặt Dominique rạng hẳn lên. “Thế thì tuyệt vời!” Nàng quay lại nói với Tony, “Chéri, anh có biết nếu ông ấy đến vào ngày khai mạc thì điều ấy sẽ có ý nghĩa như thế nào không?”

“Mình sẽ rơi vào quên lãng hoàn toàn”.

“Đừng có nói đùa. Em biết sở thích của ông ấy, Tony ạ. Em biết ông ấy thích những gì. Chắc chắn ông ấy sẽ thích các bức hoạ của anh”.

Kate nói, “Mẹ không tìm cách mời ông ta đến, trừ khi con bằng lòng”.

“Dĩ nhiên anh ấy muốn rồi, thưa bà Blackwell”.

Tony thở mạnh một cái. “Con sợ… sợ quá, nhưng thôi, mình cứ thử làm như vậy xem sao”.

“Để mẹ sẽ tìm cách”, Kate nhìn bức tranh trên giá vẽ một hồi lâu, rất lâu, rồi quay lại nhìn Tony. Một vẻ buồn thoáng qua trong đôi mắt bà. “Con ạ, mẹ phải rời Paris ngày mai. Chúng ta có thể ăn cơm chung tối nay được không?”

Tony đáp, “Được lắm, mẹ ạ. Chúng con rảnh tối nay”.

Kate quay về phía Dominique và nói một cách duyên dáng, “Cô thích ăn cơm ở Maxim’s hay ở…”

Tony nói thật nhanh. “Dominique và con có biết một quán ăn nhỏ rất tốt, không xa đây lắm”.
Họ cùng đến một quán ăn rẻ tiền ở Place Victorie. Thức ăn ở đấy ngon và rượu cũng tuyệt hảo. Hai người đàn bà có vẻ ăn ý với nhau lắm. Tony cảm thấy hãnh diện về cả hai người. Đó là một đêm vui vẻ nhất trong đời mình, anh nghĩ thầm. Mình đang ở bên cạnh mẹ mình và một người đàn bà mình sẽ cưới làm vợ.
Sáng hôm sau, Kate gọi điện thoại từ phi trường. “Mẹ đã gọi điện thoại đến hơn chục nơi. Không ai trả lời dứt khoát về André d’Usseau cả. Nhưng dù thế nào chăng nữa, Tony ạ, mẹ rất hãnh diện về con. Các bức tranh của con tuyệt vời. Tony, mẹ yêu con”.
“Con cũng yêu mẹ, mẹ ạ”.

Phòng triển lãm Goerg Gallery chỉ vừa đủ lớn để thoát khỏi cái mà người ta gọi là “Phòng triển lãm thân mật”. Chừng hai chục bức tranh của Tony đang được treo lên các bức tường trong một sự chuẩn bị gấp gáp vào giờ phút chót trước khi khai mạc. Trên một chiếc bàn cẩm thạch là những lát phó mát, bánh bích quy và những chai rượu Chablis. Phòng tranh vắng tanh, chỉ có mặt Anton Goerg, Tony, Dominique và cô phụ tá trẻ đang treo bức tranh cuối cùng lên tường.
Anton Goerg nhìn vào đồng hồ. “Các giấy mời ghi rõ “bảy giờ”.

Chắc các quan khách sẽ bắt đầu đến ngay bây giờ đây".
Tony không nghĩ rằng anh sẽ bồn chồn, sốt ruột. "Mình không bồn chồn, sốt ruột", anh tự nhủ. "Mình chỉ cảm thấy hoảng sợ!"
"Nếu không ai đến cả thì sao nhỉ?" Anh hỏi. "Tôi muốn nói là, nếu không có một ma nào đến thì mình sẽ làm thế nào?"
Dominique mỉm cười, vuốt má Tony và nói, "Thì chúng mình tha hồ ăn uống, cho hết tất cả các thứ này!"
Khách khứa bắt đầu lục tục kéo đến. Thoạt tiên họ đến chậm rãi, nhưng sau đó họ đến đông hơn nhiều. Ông Goerg đứng ở cửa, niềm nở chào mọi người. Họ có vẻ không giống như là những khách mua tranh, Tony nghĩ thầm một cách bực bội. Con mắt nhận xét của anh phân chia họ ra làm ba hạng người: thứ nhất là những nghệ sĩ và sinh viên mỹ thuật tham dự các cuộc triển lãm để đánh giá sự cạnh tranh giữa họ với nhau; thứ hai, những nhà buôn bán tranh vẫn hay đến tất cả các cuộc triển lãm để họ có thể loan truyền những tin tức xúc phạm làm giảm uy tín những kẻ đang mong muốn trở thành hoạ sĩ; và thứ ba là đông đảo quần chúng làm ra vẻ ưa thích nghệ thuật, trong đó bao gồm số đông những kẻ đồng tính luyến ái nam và nữ. Những kẻ này dường như sống cuộc đời của họ quanh quẩn ở ven rìa thế giới nghệ thuật. Tony quả quyết, "Mình chắc sẽ không bán được một bức tranh khỉ khô nào".
Ông Goerg vẫy tay ra dấu cho Tony từ bên kia phòng.

“Anh nghĩ rằng anh không muốn gặp bất kì ai trong số người này”. Tony thì thầm với Dominique, “Họ đến đây để xé toạc anh ra từng mảnh”.

“Nói bậy nào. Họ đến đây để được gặp anh. Bây giờ, anh hãy tỏ ra dễ mến đi, Tony”.

Và vì thế, anh tỏ ra dễ mến. Anh gặp tất cả mọi người, tủm tỉm cười luôn miệng, và thốt ra những lời lẽ thích hợp để đáp lại những lời khen tặng dành cho anh. Nhưng có thật đó là những lời khen tặng hay không? Tony tự hỏi. Qua bao nhiêu năm, người ta đã đặt ra trong các giới nghệ thuật một thứ ngôn ngữ để sử dụng khi nói về những cuộc triển lãm của các hoạ sĩ không có tên tuổi. Những câu nói, nói lên đủ mọi thứ, nhưng chẳng có nghĩa gì cả.

“Mình thực sự cảm thấy như mình đang hiện diện ở đó…”

“Thật tôi chưa hề được thấy một lối vẽ nào hoàn toàn giống như của anh…”

“Đó mới thực sự là một bức tranh!”

“Nó như nói lên với tôi…”

“Anh khó có thể làm tốt hơn thế được…”

Khách vẫn tiếp tục kéo đến. Tony tự hỏi sức thu hút ấy là do sự tò mò muốn biết về các bức tranh của anh hay là do phó mát và rượu được cung cấp miễn phí. Cho đến lúc ấy, chưa có bức tranh nào được bán, nhưng rượu và phó mát đang được tiêu thụ rất mạnh.

“Hãy kiên nhẫn”, ông Goerg thì thầm vào tai Tony. “Họ thích đấy. Thoạt tiên họ phải nếm mùi vị tổng quát của các bức tranh nào đó họ ưa thích, họ sẽ quay trở lại với bức tranh ấy. Một lát sau đó, họ hỏi giá, và khi họ rỉa vào cái mồi thì, A lê hấp! Cá đã cắn câu!”

“Lạy Chúa, anh có cảm tưởng như anh đang tham dự vào một cuộc đi câu cá vậy!” Tony nói với Dominique.

Ông Goerg hối hả chạy đến Tony, “Chúng ta bán được một bức rồi!”, ông kêu lên. “Bức phong cảnh Normandy. Năm trăm francs”.

Đó là những giây phút mà Tony sẽ nhớ mãi chừng nào anh còn sống. Một người nào đó đã mua một bức tranh của anh! Một người nào đó đã suy nghĩ khá kĩ về tác phẩm của anh để bỏ tiền ra mua, rồi treo nó ở nhà hay văn phòng, để được nhìn ngắm nó, sống với nó, trình bày nó cho các bạn xem. Nó là một mảnh nhỏ của sự bất diệt. Nó là một lối sống, hơn là một đời sống, được có mặt tại nhiều nơi trong cùng một lúc. Một nghệ sĩ thành công có mặt ở hàng trăm gia đình, văn phòng và viện bảo tàng trên khắp thế giới, đem đến sự vui thích cho hàng ngàn – có khi hàng triệu con người. Tony có cảm tưởng như mình đã bước vào đền thờ của Da Vinci, Michelangelo và Rembrandt. Anh không còn là hoạ sĩ tài tử nữa, anh đã trở thành chuyên nghiệp. Một kẻ nào đó đã trả tiền để mua tác phẩm của anh.

Dominique vội vã đến chỗ Tony, cặp mắt sáng lên sung sướng. "Mình lại vừa bán được một bức nữa, Tony ạ".

"Bức nào?" Anh hăm hở hỏi.

"Bức tranh hoa".

Phòng tranh bé nhỏ lúc này đã đông nghẹt người. Họ nói chuyện ồn ào, cụng ly với nhau lách cách. Bỗng một sự im lặng đột nhiên giăng khắp căn phòng. Có những tiếng thì thầm như sóng ngầm, rồi mọi con mắt đều hướng về phía cửa.

André d'Usseau đang đi vào phòng tranh. Ông ở vào trạc trung tuần, cao hơn người Pháp bình thường, với một khuôn mặt khỏe mạnh giống như sư tử, và một cái bờm tóc bạc. Ông mặc một chiếc áo choàng kiểu Tô Cách Lan, và đội một chiếc mũ Borsalino, và sau lưng ông là một đoàn tùy tùng gồm những kẻ "theo đóm ăn tàn". Mọi người trong phòng tự động giãn ra để nhường lối cho d'Usseau. Không một ai hiện diện ở đó mà không biết ông là ai.

Dominique bóp chặt tay Tony, nói "Ông ấy đã đến kia! Ông ấy có mặt ở đây!".

Một vinh dự lớn lao như vậy chưa hề bao giờ xảy đến với ông Goerg. Vì vậy, ông điên lên vì vui mừng, ông cúi đầu xuống, quỵ lụy, trước nhân vật vĩ đại; ông làm đủ mọi thứ, chỉ thiếu điều giựt mạnh chùm tóc trên trán ông mà thôi.

"Thưa ông d'Usseau", ông lắp bắp nói, "Thật là một điều vui

sướng, một vinh dự lớn lao! Xin cho phép tôi được mời ông chút rượu và ít lát phó mát". Ông tự trách mình đã khônng mua thứ rượu sang hơn.

"Xin cảm ơn", nhân vật vĩ đại nói. "Tôi đến đây chỉ để cho cặp mắt tôi được thoả mãn với cái đẹp thôi. Tôi muốn được gặp nghệ sĩ".

Tony quá choáng váng, không còn có thể cử động được. Dominique đẩy anh ra phía trước.

"Ông ấy đây ạ", ông Goerg nói. "Thưa ông d'Usseau, đây là Tony Blackwell".

Lúc ấy Tony mới thốt được ra lời. "Xin kính chào ông. Cảm ơn ông đã đến thăm cuộc triển lãm".

André d'Usseau khẽ cúi đầu, rồi đi thẳng đến các bức tranh treo trên tường. Mọi người lùi lại để nhường chỗ cho ông. Ông đi một cách chậm rãi, nhìn mỗi bức tranh thật lâu và cẩn thận, rồi lại tiếp tục đi đến bức tranh kế tiếp. Tony cố đọc các ý nghĩ của ông qua nét mặt, nhưng anh không thấy gì hết. d'Usseau không nhăn mặt cũng không cười. Ông dừng lại một hồi lâu trước một bức hoạ đặc biệt, đó là bức hoạ Dominique khoả thân, rồi lại tiếp tục di chuyển. Ông đi hết một vòng khắp căn phòng, không bỏ sót một bức tranh nào. Tony toát mồ hôi như tắm.

Xem xong d'Usseau bước đến chỗ Tony. "Tôi vui sướng được đến đây". Ông chỉ nói vỏn vẹn có thế.

Chỉ trong vòng ít phút sau, khi nhà phê bình nổi danh ấy rời căn phòng, tất cả mọi bức tranh đều được bán hết. Một nghệ sĩ vĩ đại sắp ra đời, và mọi người đều muốn tham dự vào buổi khai sinh ấy.

"Tôi chưa hề chứng kiến một chuyện như thế này", ông Goerg kêu lên. "André d'Usseau đến phòng tranh này. Phòng tranh của tôi! Tất cả Paris sẽ đọc thấy sự kiện này trên báo chí ngày mai. Ông ấy nói, "Tôi vui sướng đến đây". Ông André d'Usseau không phải là một người chịu phí lời nói. Riêng chuyện này không cũng đáng phải gọi thêm rượu sâm banh rồi. Nào chúng ta hãy ăn mừng".

Khuya hôm ấy, Tony và Dominique tổ chức cuộc ăn mừng riêng tư của họ. Dominique rúc vào cánh tay Tony và nói, "Em đã ngủ với nhiều hoạ sĩ trước kia, nhưng không có ai danh tiếng như anh sau này. Ngày mai cả Paris sẽ biết anh là ai".

Dominique đã nói đúng.

Vào lúc năm giờ sáng hôm sau, Tony và Dominique hối hả mặc quần áo để đi ra ngoài mua số đầu tiên của một tờ báo xuất bản vào buổi sáng. Số báo này vừa được đưa đến sạp bán báo. Tony chụp lấy một tờ, lật sang trang Văn nghệ. Bài điểm tranh của d'Usseau là bài báo đăng ở trang đầu dưới cái tên André d'Usseau in ngay ở phía trên. Tony đọc lên thật to:

“Một cuộc triển lãm tranh của một hoạ sĩ trẻ người Mỹ, tên Anthony Blackwell, vừa được khai mạc đêm hôm qua ở phòng tranh Goerg Gallery. Đây là một kinh nghiệm học hỏi lớn lao đối với người viết bài phê bình này. Tôi đã tham dự nhiều cuộc triển lãm tranh của các hoạ sĩ có tài năng đến nỗi tôi đã quên đi thế nào là những bức tranh thực sự là tồi. Đêm qua, tôi mới được nhắc nhở lại điều này…“

Mặt Tony tái mét lại…

“Thôi, đừng đọc nữa”, Dominique năn nỉ. Nàng cố giằng lấy tờ báo khỏi tay Tony.

“Để anh đọc tiếp”, Tony ra lệnh.

Anh tiếp tục đọc:

“Thoạt tiên, tôi tưởng rằng người ta muốn bày ra một trò đùa. Tôi không thể nào tin được một cách nghiêm chỉnh rằng có một kẻ nào đó lại bạo gan treo những bức tranh tài tử như thế và dám gọi đó là nghệ thuật. Tôi cố tìm chút tài năng rất nhỏ bé le lói trong những bức tranh ấy. Thế nhưng tôi chẳng thấy chút gì cả. Lẽ ra người ta nên treo cổ nhà hoạ sĩ ấy thay vì treo các bức tranh của anh ta lên. Tôi xin thành thực khuyên cái ông Blackwell loạn óc ấy nên trở về cái nghề thực sự của anh ta, mà tôi chỉ có thể phỏng đoán rằng đó là nghề sơn nhà, sơn cửa.”

“Em không thể nào tin nổi”, Dominique thì thào, “Em không thể nào tin được rằng ông ấy không thấy tài năng của anh. Trời, cái

lão chó đẻ ấy!" Dominique bắt đầu khóc sướt mướt.
Tony cảm thấy như ngực anh chứa đầy chì. Anh thấy khó thở quá. "Ông ấy đã thấy", anh nói, "Ông ấy biết rõ tài năng của anh, Dominique ạ. Ông ấy biết rõ lắm". Giọng anh tràn ngập đau khổ. "Đau đớn nhất chính là chỗ đấy. Lạy Chúa. Mình thật là một thằng điên!" Anh sắp sửa bước ra ngoài.
"Anh định đi đâu, Tony?"
"Anh không biết".
Anh đi lang thang quanh các đường phố lạnh lẽo vào lúc rạng đông, không biết rằng những giọt nước mắt đang tuôn xuống mặt anh. Chỉ trong ít giờ đồng hồ nữa, cả Paris sẽ đọc bài bình luận ấy. Anh sẽ trở thành một đối tượng chế giễu. Nhưng đau đớn hơn thế nữa, anh đã tự lừa dối mình. Anh đã thực sự tin tưởng rằng anh có một sự nghiệp xán lạn trước mắt với tư cách là một hoạ sĩ. Ít nhất ông André d'Usseau đã cứu anh ra khỏi sự lầm lẫn ấy. Những mảnh nhỏ dành cho hậu thế! Tony nghĩ một cách chua chát. Những mảnh phân c… thì đúng hơn! Anh bước vào một quán rượu đầu tiên vừa mở cửa, rồi ngồi xuống uống rượu cho đến lúc không còn biết trời đất gì nữa.

Khi Tony cuối cùng trở về căn hộ thì đã năm giờ sáng hôm sau. Dominique đang chờ đợi anh, lo sợ cuống cuồng. "Hôm qua đến giờ anh ở đâu, Tony? Mẹ anh đã tìm cách tiếp xúc với anh. Bà ấy

lo lắng lắm".

"Thế em có đọc bài báo ấy cho bà nghe chưa?"

"Có, bà ấy cứ đòi em phải đọc. Em…"

Tiếng điện thoại reo vang. Dominique đưa mắt nhìn Tony, rồi nhặt ống nghe lên. "Alô? Phải, thưa bà Blackwell, anh ấy mới về". Nàng đưa ống nghe cho Tony. Anh do dự một lát, rồi cầm lấy.

"Alô, m… mẹ"

Giọng Kate có vẻ buồn bã. "Tony yêu quý, nghe mẹ nói đây này. Mẹ có thể yêu cầu ông ta rút lại lời tuyên bố ấy…"

"M… mẹ ạ", Tony nói một cách chán chường. "Đây không phải là một vụ giao dịch mua bán. Đây là một nhà phê bình bày tỏ ý kiến của mình. Ý kiến của ông ta là con đáng bị treo cổ".

"Con ạ, mẹ không thích để người ta xúc phạm đến con như thế. Chắc là mẹ không chịu đựng nổi rồi…" Nói xong bà ngưng bặt lại, không thể tiếp tục được nữa.

"Không hề gì đâu mẹ ạ. Con muốn thử tài con một chút. Con đã thử rồi và thất bại. Con không có cái mà nghề ấy đòi hỏi. Chỉ đơn giản có thế thôi. Con không thích lối nói của d'Usseau, nhưng ông ta là một trong những nhà phê bình nghệ thuật "chết tiệt" tài giỏi nhất trên thế giới. Con phải công nhận điều đó. Ông ấy đã giúp con thoát khỏi một sự lầm lẫn kinh khủng".

"Tony ạ, mẹ ao ước có một điều gì đó mẹ có thể nói…"

“d’Usseau đã nói hết rồi. May mà con phát hiện được điều ấy ngay vào lúc này, còn hơn là chờ cho đến mười năm nữa, phải thế không mẹ? Con phải rời khỏi thành phố này”.
“Hãy ở đó chờ mẹ, con ạ. Mẹ sẽ đi Johannesburg ngày mai, rồi chúng ta sẽ cùng trở về New York với nhau”.
“Được rồi”, Tony nói. Anh đặt ống nghe xuống, quay về phía Dominique. “Xin lỗi Dominique, em đã chọn lầm một người bạn rồi”.
Dominique không nói gì. Nàng chỉ nhìn anh bằng những con mắt chứa đầy nỗi u sầu không nói được ra lời.

Trưa ngày hôm sau, ở văn phòng của Kruger-Brent trên đường Magnon, Kate Blackwell ngồi viết trên tấm ngân phiếu. Người ngồi đối diện với bà ở bàn viết thở dài nói, “Thật đáng tiếc. Cậu con trai bà có tài năng, bà Blackwell ạ. Lẽ ra anh ấy có thể trở thành một hoạ sĩ nổi danh”.
Kate nhìn ông ta, nét mặt lạnh lùng. “Ông d’Usseau ạ, hiện có hàng chục ngàn hoạ sĩ trên thế giới. Tôi không dự tính cho con trai tôi trở thành một trong đám đông người ấy”. Bà đưa tấm ngân phiếu ngang qua bàn viết. “Ông đã hoàn thành phần giao kèo của ông. Tôi cũng chuẩn bị làm tốt phần giao kèo của tôi. Hãng Kruger-Brent sẽ bảo trợ các Viện Bảo tàng nghệ thuật ở Johannesburg, London và New York. Ông sẽ phụ trách việc

tuyển chọn các bức tranh – dĩ nhiên là ông sẽ nhận được tiền hoa hồng hậu hĩnh".

Nhưng, sau khi d'Usseau đã ra về khá lâu rồi, bà ngồi ở bàn viết, tràn ngập một nỗi u sầu sâu đậm. Bà quá yêu thương con bà. Nếu như một ngày nào đó nó phát hiện ra điều này thì… Bà biết rõ điều rủi ro mà bà đã chấp nhận. Nhưng bà không thể ngồi đó để nhìn Tony vứt bỏ đi tài sản lớn lao nó sẽ thừa kế sau này. Dù cái giá phải trả như thế nào chăng nữa, Tony cũng phải được bảo vệ. Công ty phải được bảo vệ. Kate đứng dậy, đột nhiên cảm thấy mệt mỏi. Đã đến lúc bứng Tony đi, đưa anh ta về nhà. Bà sẽ giúp Tony quên đi câu chuyện này, để có thể bắt tay vào thứ công việc anh ta đã được sinh ra để hoàn tất.

Đó là điều khiển công ty.

Sidney Sheldon

Tay cự phách

Chương 19

Trong hai năm kế tiếp đó, Tony Blackwell cảm thấy mình như đang ở trên một cái cối xay khổng lồ, không đưa mình đi đến đâu cả. Anh là vị Hoàng thái tử thừa kế đế quốc Kruger-Brent, một tổng công ty lớn khủng khiếp đã được mở rộng ra để bao gồm cả các nhà máy giấy, một đường hàng không, nhiều ngân hàng và cả một dây chuyền bệnh viện. Tony nhận thức được rằng một cái tên chính là một chìa khóa mở tất cả mọi cánh cửa. Có những câu lạc bộ tổ chức và phe nhóm xã hội, mà ở đó yếu tố chủ yếu không phải là tiền bạc hay ảnh hưởng mà là tên tuổi. Tony được nhận làm hội viên cho nhiều câu lạc bộ danh tiếng, được tiếp đãi ở khắp mọi nơi, nhưng anh cảm thấy mình giống như một kẻ mạo danh. Anh không làm để xứng đáng với các thứ ấy. Anh chỉ là một cái bóng khổng lồ của ông ngoại anh; anh cảm thấy mình như luôn luôn được so sánh với ông ấy. Thật là không đúng, không công bằng, vì anh không bao giờ phải bò qua bãi mìn,

không có tên bảo vệ nào bắn vào anh, không có những con cá mập đe doạ anh. Những câu chuyện xưa cũ về các hành động gan dạ không có liên quan gì đến anh cả. Chúng thuộc về thế kỉ trước, một thời đại khác, một nơi chốn khác, những hành động anh hùng thuộc về một nhân vật xa lạ.

Tony làm việc gấp đôi bất cứ người nào khác ở Kruger-Brent. Anh làm việc cật lực, cố vứt bỏ những kỉ niệm quá đau đớn, không thể chịu đựng nổi. Anh viết thư cho Dominique, nhưng các thư của anh đều bị trả lại nguyên vẹn. Anh điện thoại cho giáo sư Cantal, nhưng Dominique không còn làm người mẫu cho Trường Mỹ thuật nữa. Nàng đã biến mất rồi.

Tony giải quyết công việc một cách thành thạo và có phương pháp, nhưng không đam mê hay ham thích gì, và nếu anh cảm thấy một sự trống rỗng trong lòng thì cũng không một ai nghi ngờ gì. Cả Kate cũng không nghi ngờ điều đó. Bà vẫn nhận được những báo cáo hàng tuần về Tony và lấy làm hài lòng.

"Nó có năng khiếu tự nhiên về kinh doanh", bà nói với Brad Rogers.

Đối với Kate, những giờ làm việc kéo dài của Tony là bằng chứng cho thấy anh yêu mến công việc đang làm. Mỗi khi nhớ lại rằng Tony đã có lần suýt vứt bỏ cả tương lai, bà vẫn thường rùng mình và cảm ơn trời đất rằng bà đã cứu anh ra khỏi cảnh ngộ ấy.

Năm 1948, Đảng Dân tộc nắm toàn quyền ở Nam Phi, cùng với nạn kì thị chủng tộc ở khắp nơi công cộng. Cuộc di cư bị kiểm soát chặt chẽ, và nhiều gia đình bị phân cách cho sự thuận tiện của Chính phủ. Mỗi người da đen đều phải mang một cái "bewshoek". Cái này không phải chỉ là một thứ giấy thông hành mà nó còn là một thứ bùa hộ mệnh, một giấy khai sinh, một giấy cho phép làm việc, một biên lai trả thuế. Nó quy định tất cả các hoạt động, các sự di chuyển và đời sống của người ấy. Càng lúc càng có nhiều cuộc nổi loạn ở Nam Phi, nhưng tất cả đều bị đàn áp một cách tàn nhẫn bởi cảnh sát. Thỉnh thoảng, Kate đọc những bài báo kể về những vụ phá hoại, bất ổn, và tên Banda luôn được nhắc đến hàng đầu. Ông vẫn là lãnh tụ của những tổ chức bí mật, mặc dầu tuổi tác đã lớn. Dĩ nhiên, bác ấy chiến đấu cho đồng bào của bác, Kate thầm nghĩ. Bác là Banda mà.

Kate tổ chức lễ sinh nhật thứ năm mươi sáu một mình với Tony ở ngôi nhà trên Đại lộ Thứ năm. Bà nghĩ thầm. Người con trai hai mươi bốn tuổi đang ngồi ở bên kia chiếc bàn không thể là con trai của mình được. Mình còn quá trẻ. Tony nâng ly chúc mừng mẹ, "Mừng bà mẹ kì diệu của con. Chúc mẹ một ngày sinh nhật vui vẻ".

"Con phải nâng ly chúc mừng bà mẹ già kì diệu mới phải".

Bà nghĩ thầm, "Chẳng bao lâu nữa mình sẽ rút lui dưỡng già, nhưng con trai mình sẽ thay thế mình. Con trai của tôi"

Do lời yêu cầu khẩn khoản của mẹ, Tony đã dọn đến ở tại tòa lâu đài trên Đại lộ Thứ năm.

"Nơi ấy quá rộng lớn để mẹ đi lại trong đó một mình", Kate nói với con trai. "Con sẽ có cả một chái phía tây dành riêng cho con, tha hồ yên tĩnh, kín đáo". Tony thấy tốt hơn hết là nhượng bộ thay vì cãi lại bà.

Tony và Kate ăn điểm tâm với nhau mỗi buổi sáng. Đề tài nói chuyện của họ bao giờ cũng về công ty Kruger-Brent. Tony ngạc nhiên không hiểu vì sao mẹ anh lại có thể tha thiết như vậy với một thực thể không có linh hồn, không có mặt mũi, một tập hợp vô hình dạng những tên nhà, máy móc và những con số kế toán. Cái ma thuật ấy nằm ở đâu? Trước bao nhiêu những điều bí mật trên thế giới còn cần phải khám phá, tại sao lại có người muốn phí phạm thì giờ trong cuộc sống để tích lũy của cải cho mỗi lúc một nhiều hơn nữa và để thu thập lấy quyền hành càng ngày càng lớn mạnh? Tony không hiểu được mẹ anh. Nhưng anh yêu mẹ. Và anh cố gắng sống để đạt đến những mong ước của bà.

Chuyến bay của hãng Pan Am đi từ Rome đến New York mà không có gì trục trặc. Tony thích hãng máy bay này. Nó vừa dễ chịu vừa có hiệu quả. Anh ngồi xem xét các báo cáo của các cơ sở công ty ở nước ngoài từ lúc máy bay bắt đầu cất cánh, bỏ cả bữa ăn, không để ý đến những người chiêu đãi viên đem các thức uống, gối nằm và mọi thứ tiện nghi cho ông hành khách quý này

của họ.
“Cảm ơn cô. Tôi cảm thấy dễ chịu rồi”.
“Thưa ông Blackwell, ông cần thêm thứ gì nữa không ạ?”
“Cảm ơn”.
Một người đàn bà trạc trung niên, ngồi bên cạnh Tony đang đọc một tạp chí thời trang. Trong khi bà giở trang báo, Tony chợt liếc mắt qua. Anh bỗng thấy lạnh người. Trên tờ báo có hình một người mẫu mặc một chiếc áo choàng. Đó là Dominique. Không thể lầm lẫn được. Cũng là đôi gò má cao, xinh xắn, cũng vẫn đôi mắt xanh màu lục sẫm và làn tóc hoe sum sê ấy. Mạch trong người Tony bắt đầu đập thật nhanh.
“Xin lỗi bà”, Tony nói với bà hành khách bên cạnh, “Bà có thể cho tôi mượn trang báo ấy được không?”

Sáng sớm hôm sau, Tony gọi điện thoại đến cửa hiệu bán áo dài phụ nữ để hỏi tên của hãng quảng cáo. Anh điện thoại đến nơi này. “Tôi muốn tìm địa chỉ của một người làm mẫu cho quý hãng”. Anh nói với nhân viên phòng điện thoại. “Cô có thể nào…”
“Xin chờ một lát”.
Tiếp đó là tiếng của một người đàn ông. “Thưa ông cần gì ạ?”
“Tôi trông thấy một bức hình trên số báo Vogue tháng này. Một người mẫu quảng cáo một chiếc áo dài khiêu vũ cho các cửa hiệu

Rothman. Có phải quảng cáo ấy của quý ông không?"

"Phải".

"Ông có thể cho tôi biết tên hãng giới thiệu người mẫu cho quý ông được không?

"Có lẽ đó là hãng Carleton Blessing". Người ấy cho Tony số điện thoại.

Một phút sau, Tony nói chuyện với một người đàn bà ở hãng Carleton Blessing. "Tôi muốn tìm một trong các cô làm người mẫu của quý hãng. Cô ấy tên là Dominique Masson".

"Xin lỗi, hãng chúng tôi đã có nguyên tắc không cung cấp mọi thông tin có tính cách cá nhân". Đường dây điện thoại bị cúp.

Tony ngồi tại chỗ, nhìn chằm chằm vào ống nghe. "Chắc phải có cách tiếp xúc với Dominique". Anh đi vào văn phòng của Brad Rogers.

"Chào anh Tony. Uống cà phê nhé?"

"Không, cảm ơn. Bác Brad, bác có nghe nói về hãng người mẫu Carleton Blessing không?"

"Có. Hãng ấy thuộc về chúng ta".

"Sao?"

"Hãng ấy được đặt dưới sự bảo trợ của một trong các chi nhánh của chúng ta".

"Chúng ta mua hãng ấy lúc nào vậy?"

"Chừng một vài năm trước đây. Ngay vào lúc anh bắt đầu vào

làm việc cho công ty. Anh có gì phải quan tâm về hãng ấy?"
"Tôi cố tìm cho ra một người mẫu làm cho hãng ấy. Cô ta là một người bạn của tôi".
"Chẳng có gì khó khăn cả. Tôi sẽ gọi điện thoại, rồi…"
"Bác khỏi bận tâm, để tôi tự làm việc ấy. Cảm ơn bác Brad".
Một cảm giác mong đợi ấm áp dâng lên trong lòng Tony.

Chiều hôm ấy, Tony đi lên phố, đến văn phòng hãng Carleton, chìa danh thiếp của anh ra. Chỉ sáu mươi giây sau, anh ngồi tại văn phòng của ông chủ hãng, ông Tilton.
"Thưa ông Blackwell, đây là một vinh dự lớn cho chúng tôi. Tôi hi vọng rằng không có vấn đề gì rắc rối cả. Tiền lời của chúng tôi trong quý trước là…"
"Chẳng có vấn đề gì cả. Tôi chỉ muốn gặp một người làm mẫu cho các ông, tên là Dominique Masson".
Mặt của Tilton sáng lên. "Cô ấy đã trở thành một trong các cô làm mẫu khá nhất của chúng tôi. Bà thân mẫu của ông thật là một người có mắt".
Tony tưởng rằng Tilton hiểu lầm câu nói của anh, "Tôi xin lỗi".
"Chính bà thân mẫu của ông đích thân yêu cầu tôi nhận cô Dominique ấy vào làm việc. Đó cũng là một phần của hợp đồng khi Công ty Kruger-Brent tiếp quản chúng tôi. Tất cả đều ghi trong hồ sơ. Nếu ông muốn xem thì…"

“Không”, Tony không thể hiểu được chút nào về những gì anh vừa nghe. Tại sao mẹ anh lại…? “Ông cho tôi địa chỉ của cô Dominique được không?”

“Dĩ nhiên là được, thưa ông Blackwell. Cô ấy đang có một cuộc trưng bày ở Vermont hôm nay, nhưng cô ấy thể nào cũng trở về”. Tilton nhìn vào thời khóa biểu trên bàn – “vào trưa ngày mai”.

Tony đang chờ đợi ở bên ngoài tòa nhà, nơi có căn hộ của Dominique, thì một chiếc xe hơi đen dừng lại, và Dominique bước ra khỏi xe. Cùng đi với nàng là một anh chàng to lớn như lực sĩ đang vác một va li của Dominique. Dominique dừng phắt lại, đứng sững sờ khi nhìn thấy Tony.

“Tony! Lạy Chúa! Anh làm cái gì ở đây?”

“Anh cần nói chuyện với em”.

“Thôi, bữa khác đi, anh bạn”. Anh chàng lực sĩ ấy nói. “Trưa nay chúng tôi bận lắm”.

Tony không thèm để ý đến hắn ta. “Em bảo cái anh bạn này của em hãy đi chỗ khác đi”.

“Này, anh kia, anh nghĩ anh là cái quái gì mà…”

Dominique quay về phía anh chàng lực sĩ. “Thôi đi đi, Ben. Tôi sẽ gọi lại anh tối nay”.

Hắn ta do dự một lúc, rồi nhún vai nói, “Ô kê”. Hắn đưa mắt giận dữ nhìn Tony, trở lại chiếc xe, rồi rồ máy chạy thẳng.

Dominique quay về phía Tony. “Chúng ta nên đi vào trong nhà nói chuyện”.

Căn hộ của Dominique là một buồng hai tầng rộng lớn với những tấm thảm và màn màu trắng và đồ đạc tối tân, có vẻ rất đắt tiền.

“Em có vẻ làm ăn khá nhỉ”.

“Vâng. Em may mắn thôi”. Các ngón tay của Dominique bấu vào chiếc áo choàng, có vẻ bồn chồn. “Anh muốn uống thứ gì không?”

“Không, cảm ơn. Anh cố tìm cách liên lạc với em sau khi rời Paris”.

“Lúc ấy em rời đi nơi khác”.

“Rời sang Mỹ phải không?”

“Phải”.

“Làm sao em kiếm được việc làm ở hãng Carleton Blessing này?”

“Em… em viết thư trả lời cho một mục quảng cáo trên báo”. Nàng ấp úng nói.

“Em gặp mẹ anh lần đầu tiên vào lúc nào?”

“Tại… tại căn hộ của anh ở Paris, anh không nhớ sao? Chúng mình…”

“Thôi đừng giở trò nữa”, Tony nói. Anh cảm thấy cơn giận sôi lên sùng sục. “Cái trò đùa ấy chấm dứt rồi. Tôi chưa hề bao giờ

đánh một người đàn bà, nhưng nếu cô còn dối trá với tôi nữa, tôi hứa với cô rằng cái mặt của cô không còn được nguyên vẹn để chụp ảnh nữa đâu".

Dominique định mở miệng nói, bỗng khựng lại vì cặp mắt giận dữ của Tony.

"Tôi hỏi cô lại một lần nữa. Cô gặp mẹ tôi lần đầu tiên ở đâu?"

Lần này, Dominique không còn do dự gì nữa. "Khi anh được nhận vào Trường Mỹ thuật Paris. Mẹ anh thu xếp cho tôi làm kiểu mẫu ở đó".

Tony cảm thấy đau nhói trong lòng. Anh cố tiếp tục hỏi, "Như vậy để tôi có thể gặp cô, phải thế không?"

"Phải, em…"

"Rồi mẹ tôi trả tiền cho cô để cô làm nhân tình cho tôi, để giả vờ yêu tôi, phải thế không?"

"Phải. Lúc ấy chiến tranh vừa chấm dứt. Thật là kinh khủng. Em không có tiền, anh hiểu không? Nhưng, Tony ạ, anh hiểu cho em, em mến, em thực sự mến…,"

"Cứ trả lời thẳng câu hỏi của tôi". Vẻ hung bạo trong giọng nói của Tony làm cho nàng hoảng sợ. Đây là một người lạ mặt đang đứng trước mặt nàng, một kẻ có thể trở nên hung bạo vô cùng.

"Mục đích là để làm gì?"

"Mẹ anh muốn em canh chừng anh".

Anh nghĩ đến vẻ âu yếm của Dominique trước kia, đến những

lúc hai người ân ái với nhau – tất cả đều do mẹ anh bỏ tiền ra mua. Anh cảm thấy đau đớn vì thẹn. Thì ra trong suốt thời gian ấy, anh chỉ là một tên bù nhìn của mẹ anh, bị kiểm soát, bị vận dụng. Mẹ anh đã coi anh chẳng ra cái quái gì. Anh không phải là con trai của bà ta. Anh là vị hoàng thái tử, là vị thừa kế của bà. Bà chỉ xem công ty của bà là quan trọng đối với bà mà thôi. Anh đưa mắt nhìn Dominique lần cuối cùng, rồi lảo đảo bước ra ngoài. Nàng nhìn theo anh, đôi mắt nhòa lệ. Nàng nói thầm trong bụng. "Em không nói dối về tình yêu của em đối với anh, Tony ạ. Em không nói dối về chuyện ấy đâu".

Kate đang ngồi trong thư viện thì Tony bước vào, vừa uống rượu say mèm.
"Con… con vừa nói chuyện với Do… Dominique. Hai người chắc tha hồ vui thích, chế giễu sau lưng tôi…"
Kate lập tức cảm thấy hoảng sợ. "Tony…"
"Từ nay trở đi, con muốn mẹ đừng có xen vào cuộc sống riêng tư của con nữa, mẹ có nghe không?" Nói xong, anh quay người lại, loạng choạng bước ra khỏi phòng.
Kate nhìn theo, đột nhiên cảm thấy linh tính của bà báo trước một điều gì kinh khủng sẽ xảy ra.

Chương 20

Ngày hôm sau, Tony thuê một căn hộ trong vùng Greenwich Village. Không còn có những bữa cơm thân mật với mẹ anh nữa. Mối liên hệ giữa anh với mẹ vẫn tiếp tục trên căn bản công việc, không mang tính chất tình cảm. Đôi lúc Kate cũng tìm cách giảng hoà với con, nhưng Tony làm như không để ý đến. Kate cảm thấy đau đớn trong tim. Nhưng bà đã làm những gì mà bà cho là đúng cho Tony, cũng y hệt như trước kia bà đã làm đúng cho David. Bà không muốn bất kì người nào trong hai người ấy rời bỏ công ty của bà. Tony là người duy nhất trên thế gian này mà bà yêu mến, nhưng bà nhận thấy anh mỗi ngày một tách rời, kín đáo, chối bỏ tất cả mọi người. Anh không có bạn bè nào. Nếu trước kia anh là một con người nồng nhiệt, cởi mở thì bây giờ anh trở nên lạnh nhạt, dè dặt. Anh đã xây dựng lên một bức tường xung quanh mình mà không một ai có thể phá vỡ được. "Nó cần có một người để chăm sóc nó", Kate nghĩ thầm, "Và một đứa con trai để tiếp tục sự nghiệp của nó. Mình phải giúp đỡ

cho nó mới được".

Brad Rogers bước vào văn phòng của Kate và nói, "Tôi lo rằng chúng ta sẽ phải dính líu vào nhiều vụ rắc rối nữa, Kate ạ".
"Có chuyện gì xảy ra vậy?"
Brad đặt một bức điện lên bàn. "Quốc hội Nam Phi đã đặt Hội đồng Đại diện các dân bản xứ ra ngoài vòng pháp luật và thông qua Đạo luật chống Cộng sản".
Kate nói, "Lạy Chúa". Đạo luật ấy chẳng có liên quan gì đến Cộng sản cả. Nó tuyên bố rằng bất cứ ai bất đồng ý kiến với chính phủ và cố thay đổi bằng bất cứ cách nào sẽ bị coi là phạm tội theo đạo luật chống Cộng sản ấy, và có thể bị tù.
"Đó là cách của họ nhằm phá vỡ phong trào chống đối của người da đen", Kate nói. "Nếu…", câu nói của bà bị cắt ngang vì cô thư ký của bà vừa lúc ấy bước vào và nói.
"Có điện thoại từ nước ngoài gọi đến, thưa bà. Đó là ông Pierce ở Johannesburg".
Jonathan Pierce là giám đốc chi nhánh của bà ở Johannesburg.
Kate nhấc điện thoại. "A lô, Johnny. Mạnh khoẻ chứ?"
"Vẫn khoẻ, thưa bà. Tôi có ít tin tức cần cho bà biết".
"Chuyện gì vậy?"
"Tôi vừa nhận được báo cáo cho biết rằng Banda vừa bị bắt".

Kate lên máy bay đi Johannesburg ngay trong chuyến bay kế tiếp đó. Bà đã báo động cho các luật sư của công ty và ra lệnh cho họ nghiên cứu xem có cách nào giúp đỡ Banda được hay không. Ngay đến cả quyền lực và uy tín của Kruger-Brent cũng có thể bất lực trong việc này. Banda đã bị xem như là kẻ thù của quốc gia, nên bà lo sợ mỗi khi nghĩ đến thứ trừng phạt mà Banda sẽ phải gánh chịu. Ít nhất bà cũng phải gặp Banda, nói chuyện với bác ấy và đề nghị mọi sự giúp đỡ có thể có được.

Khi máy bay hạ cánh xuống Johannesburg, Kate đi ngay đến văn phòng của bà, rồi điện thoại đến giám đốc các nhà tù.

"Thưa bà Blackwell, hắn ta bị nhốt trong một khu riêng biệt, không được phép tiếp khách khứa nào đến thăm. Thế nhưng trong trường hợp của bà, tôi sẽ tìm cách thu xếp…"

Sáng hôm sau, Kate có mặt ở nhà tù Johannesburg, mặt đối mặt với Banda. Ông bị xiềng xích chân tay, và có một tấm vách ngăn bằng kính giữa hai người. Tóc Banda đã hoàn toàn bạc trắng. Trước đó, Kate không biết lúc gặp Banda, bác ta sẽ có thái độ như thế nào – thất vọng, thách thức – thế nhưng, khi gặp bà, Banda nhoẻn miệng cười và nói, "Bác biết thế nào cháu cũng đến. Cháu y hệt như cha cháu. Cháu không thể nào tìm cách tránh xa mọi sự rắc rối hay sao?"

"Bác hãy nhìn kĩ xem ai đang nói chuyện với bác ở đây", Kate cãi lại. "Mẹ kiếp! Làm thế nào đưa bác ra khỏi nơi này được?"

“Trong một chiếc quan tài. Đó là cách duy nhất họ sẽ cho phép bác ra khỏi nơi này”.
“Tôi có nhiều luật sư tài giỏi có thể…”
“Bỏ qua chuyện ấy đi, Kate ạ. Chúng nó bắt bác một cách đàng hoàng thì bây giờ bác cũng phải ra đi một cách đàng hoàng”.
“Bác nói gì lạ vậy?”
“Bác không thích các lồng sắt. Chẳng bao giờ thích cả. Thế nhưng chúng nó không bao giờ dựng lên thứ lồng sắt nào khả dĩ giữ bác lại được”.
“Bác Banda, bác đừng có làm thế. Tôi xin bác. Chúng nó sẽ giết bác mất”.
“Không thứ gì có thể giết bác được đâu”, Banda nói. “Cháu đang nói chuyện với một người đã từng gặp cá mập, bãi mìn và chó săn mà vẫn sống”. Một tia sáng lóe lên trong mắt Banda. “Cháu biết không, Kate? Có lẽ đó là những giờ phút thú vị nhất trong cuộc đời của bác đó”.

Khi Kate đến thăm Banda ngày hôm sau, viên giám thị nhà giam nói, “Tôi xin lỗi, thưa bà Blackwell. Chúng tôi bắt buộc phải di chuyển hắn đi nơi khác vì lí do an ninh”.
“Ông ta bây giờ ở đâu?”
“Tôi không được phép nói ra”.

Khi Kate thức dậy vào sáng hôm sau, bà nhìn thấy hàng tít lớn trên tờ báo được đem đến trên chiếc khay đựng các thức ăn điểm tâm. Dòng tít ấy như sau: LÃNH TỤ PHIẾN LOẠN BỊ GIẾT TRONG KHI CỐ GẮNG VƯỢT NGỤC. Một giờ sau, Kate đến văn phòng của viên quản đốc nhà giam.

"Hắn ta bị bắn chết trong khi cố gắng vượt ngục, thưa bà Blackwell. Thế là chấm dứt mọi thứ".

Ông lầm rồi, Kate nghĩ thầm, còn nhiều hơn thế nữa chứ. Banda đã chết, nhưng ước mơ tự do của bác ấy cho đồng bào của bác có chết được không?

Hai ngày sau, sau khi xếp đặt công việc mai táng cho Banda, Kate lên máy bay trở về New York. Bà nhìn ra ngoài cửa sổ máy bay để xem lại một lần cuối cùng vùng đất nước thân yêu của bà. Đất màu đỏ, giàu có và màu mỡ, và trong lòng đất của nó đang chứa đựng những kho tàng lớn vượt sức tưởng tượng của con người. Đó là đất lựa chọn của Chúa, và Người đã tỏ ra rất rộng lượng. Nhưng có một lời nguyền rủa trên đất nước ấy. Ta sẽ không bao giờ trở lại nơi này nữa, Kate thầm nghĩ. Không bao giờ.

Một trong các trách nhiệm của Brad Rogers là trông coi cục Quy hoạch Dài hạn của công ty Kruger-Brent. Anh tỏ ra rất xuất sắc trong việc tìm ra những dịch vụ kinh doanh đem đến nhiều lợi

lộc cho công ty.

Một hôm, vào đầu tháng năm, anh bước vào văn phòng của Kate Blackwell "Tôi vừa bắt được một cơ hội rất hay, Kate ạ". Anh đặt hai tập hồ sơ trên bàn. "Hai công ty. Nếu ta nắm được một trong hai công ty này thì đó sẽ là một việc làm phi thường".

"Cảm ơn, Brad. Để tôi xem xét các hồ sơ này tối nay".

Tối hôm ấy, Kate ăn cơm một mình, rồi nghiên cứu các báo cáo mật của Brad về hai công ty – Công ty dầu và công cụ Wyatt, và công ty Kĩ thuật Quốc tế. Các báo cáo ấy dài và đi sâu vào chi tiết, nhưng cả hai đều kết thúc bằng chữ NIS, một thứ mật mã của công ty viết tắt chữ NOT INTERESTED IN SELLING (Không muốn bán). Điều này có nghĩa là, nếu muốn thủ đắc công ty ấy, họ cần phải thực hiện một lối giao dịch kinh doanh không phải là đơn giản. Nhưng Kate thầm nghĩ, hai công ty này đều đáng được tiếp quản cả. Mỗi công ty ấy đều do tư nhân kiểm soát, đứng đầu là một cá nhân giàu có, cương quyết; điều này loại trừ mọi cố gắng tiếp quản, nếu có. Thật là một cuộc thử thách lớn, nhưng đã từ lâu Kate quen đương đầu với các cuộc thử thách rồi. Càng nghĩ đến chuyện này, Kate lại càng thấy các khả năng ấy trở nên hấp dẫn. Bà nghiên cứu lại một lần nữa các bản quyết toán mật về tài sản của các công ty ấy. Công ty Wyatt do một người vùng Texas làm chủ, tên là Charlie Wyatt, và tài sản của công ty này gồm có các giếng dầu, một công ty dịch vụ

công cộng, và hàng chục hợp đồng cho thuê đất có dầu rất nhiều lợi lộc. Không còn phải nghi ngờ gì nữa, Công ty Công cụ và Dầu Wyatt sẽ là một sự thủ đắc tốt đẹp cho Kruger-Brent.
Kate quay sự chú ý của bà sang công ty thứ hai. Công ty Kĩ thuật Quốc tế do một người Đức, Bá tước Frederick Hoffman làm chủ. Công ty này khởi sự bằng một nhà máy cán thép nhỏ ở Essen, rồi qua nhiều năm nó phát triển lên thành một tổ hợp công ty đồ sộ, với các xưởng đóng tàu, nhà máy hoá dầu, một đoàn tàu chở dầu và một chi cục điện toán.
Một công ty lớn như công ty Kruger-Brent cũng chỉ có thể "tiêu hoá" được một trong hai cơ sở khổng lồ ấy mà thôi. Kate đã biết được bà cần theo đuổi công ty nào. NIS, tờ báo cáo nói cho biết như vậy.
Ta sẽ xem xét kĩ vấn đề này, Kate nghĩ thầm.

Sáng sớm hôm sau, bà cho mời Brad Rogers đến văn phòng. Bà cười và nói, "Tôi muốn biết bằng cách nào anh đã có được các bản quyết toán mật ấy. Hãy nói rõ về Charlie Wyatt và Frederick Hoffman cho tôi nghe".
Brad đã chuẩn bị sẵn. Charlie Wyatt sinh ở Dallas. Một con người thích phô trương, ồn ào, điều khiển cả đế quốc của ông ta một cách rất khôn ngoan. Thoạt tiên, ông ta chẳng có gì cả, sau đó may mắn tìm được dầu nhờ ở tính liều lĩnh, và từ đó phát

triển lớn mãi, cho đến bây giờ thì một nửa Texas đã thuộc về ông ta".

"Ông ta bao nhiêu tuổi?"

"Bốn mươi bảy".

"Có con cái gì không?"

"Một con gái, hai mươi lăm tuổi. Theo như tôi được nghe nói thì cô ta có sắc đẹp mê hồn".

"Cô ấy có chồng chưa?"

"Ly dị chồng".

"Còn Frederick Hoffman?"

"Hoffman trẻ hơn Charlie Wyatt chừng vài tuổi. Ông ta là một bá tước, xuất thân từ một gia đình quý tộc Đức từ thời Trung cổ. Ông ta goá vợ. Ông nội ông ấy khởi sự với một nhà máy thép nhỏ. Hoffman thừa hưởng tài sản ấy của cha, rồi xây dựng nó lên thành một tổ hợp công ty. Ông ta là một trong những người đầu tiên đi vào lĩnh vực điện toán. Ông ta nắm trong tay nhiều đặc quyền sáng chế các máy vi tính. Mỗi lần chúng ta sử dụng một máy điện toán, ông bá tước Hoffman hưởng quyền tác giả".

"Còn các con ông ta?"

"Một người con gái, hai mươi ba tuổi".

"Cô ta trông thế nào?"

"Tôi không thể tìm hiểu được", Brad nói. "Đó là một gia đình rất kín đáo. Họ đi lại trong phạm vi nhỏ hẹp của riêng họ mà thôi".

Anh do dự một lúc rồi nói tiếp, "Có lẽ chúng ta sẽ phí mất thì giờ về vấn đề này thôi, Kate ạ. Tôi có lần uống rượu với vài nhân vật cao cấp trong hai công ty ấy. Cả Wyatt lẫn Hoffman đều không muốn bán, sát nhập hay hợp tác kinh doanh với ai. Như chị thấy trong các quyết toán tài chính của họ, chỉ nghĩ đến vấn đề ấy cũng đủ làm họ phát điên lên rồi".

Cảm tưởng thách đố một lần nữa lại trỗi dậy trong con người Kate, lôi kéo, thu hút bà.

Mười ngày sau, Kate được Tổng thống Mỹ mời tham dự một hội nghĩ các kĩ nghệ gia hàng đầu quốc tế để bàn về việc trợ giúp các nước kém phát triển. Kate gọi điện thoại rồi một thời gian ngắn sau đó, Charlie Wyatt và bá tước Frederick Hoffman cũng nhận được giấy mời tham dự hội nghị.

Kate đã hình dung trong đầu óc hai con người ấy – một người gốc Texas, người kia gốc Đức – như thế nào, và khi gặp họ, bà thấy họ đúng gần như chính xác những gì bà đã suy nghĩ về họ. Bà chưa hề bao giờ gặp một người xứ Texas nào mà lại bẽn lẽn, nhút nhát. Charlie Wyatt không phải là ngoại lệ. Ông ta có dáng người to lớn, vai rộng, thân hình của một vận động viên bóng bầu dục, nhưng béo hơn một chút. Mặt ông ta tròn, hồng hào, giọng nói to, oang oang. Ông ta tỏ ra là một người đáng tin cậy, Charlie Wyatt xây dựng đế quốc của ông ta không phải do may mắn. Ông ta là một thiên tài trong lĩnh vực kinh doanh. Kate chỉ

nói chuyện với ông không đầy mười phút đã nhận ngay ra rằng ông ta không phải là một con người có thể thuyết phục được, nếu ông ta không muốn. Ông ta khăng khăng giữ ý kiến của mình và có vẻ rất ngoan cố. Không ai có thể tán tỉnh, dụ dỗ, đe doạ hay lừa gạt ông ta ra khỏi công ty của ông ta được. Nhưng Kate đã tìm được điểm yếu của ông và như thế là đủ rồi.
Frederick Hoffman là một mẫu người trái ngược hẳn lại. Ông này là một con người đẹp đẽ, có vẻ mặt quý phái, tóc nâu nhạt điểm những sợi bạc ở màng tang. Ông ta có vẻ đứng đắn, nghiêm túc cho đến từng chi tiết, với thái độ cử chỉ lịch sự theo lối xưa cổ. Ngoài mặt, Hoffman rất vui vẻ, hoà nhã, nhưng bên trong Kate biết rằng ông ta rất sắt đá.

Hội nghị Washington kéo dài ba ngày và tiến hành rất tốt. Các cuộc hội họp đều được đặt dưới sự chủ toạ của Phó Tổng thống, và chính Tổng thống cũng đã xuất hiện trong khoảng thời gian ngắn ngủi. Mọi người đều có vẻ thán phục bà Blackwell. Bà là một người có uy tín và sức thu hút rất mạnh, đứng đầu một tổ hợp công ty lớn lao mà bà đã góp phần tạo dựng nên.
Khi Kate đứng riêng với Charlie Wyatt trong một lúc, bà hỏi, cố làm ra vẻ tự nhiên, "Ông có đem gia đình theo không, ông Wyatt?"
"Tôi có đem con gái tôi theo. Nó cần phải mua sắm ít thứ".

“Ồ, thật thế à? Như vậy tuyệt quá!” Không ai biết rằng không những bà đã biết rằng con gái ông có đi theo mà còn biết loại áo dài mà cô ta vừa mua ở hiệu Garfinckel sáng hôm ấy. Bà nói tiếp, “Tôi sắp sửa tổ chức một bữa tiệc nhỏ ở Dark Harbor vào ngày thứ sáu này. Tôi rất hân hạnh nếu ông và quý tiểu thư đến dùng cơm với chúng tôi vào cuối tuần này”.

Wyatt không do dự. “Tôi đã nghe nói về ngôi nhà của bà, bà Blackwell ạ. Chắc chắn là tôi muốn được đến đó xem”.

Kate mỉm cười. “Vậy thì tốt. Tôi sẽ chuẩn bị để đưa ông đến đó bằng máy bay vào tối mai”.

Mười phút sau, bà nói chuyện với Frederick Hoffman. “Ông đến Washington một mình hay sao, ông Hoffman?” bà hỏi. “Vậy bà nhà có đi theo không?”

“Nhà tôi mất cách đây mấy năm. Tôi hiện ở đây với con gái tôi”, Hoffman đáp.

Kate đã biết rằng hai người hiện đang ở tại khách sạn Hay Adams, trong dãy phòng số 418. “Tôi sắp tổ chức một bữa tiệc nhỏ ở Dark Harbor. Tôi muốn mời ông và quý tiểu thư đến dùng cơm với chúng tôi vào cuối tuần này”.

“Tôi phải trở về Đức vào lúc ấy”, Hoffman đáp. Ông ta nhìn Kate một lúc như dò xét, rồi tủm tỉm cười nói, “Tôi chắc hoãn lại một vài ngày cũng không hề gì”.

“Vậy thì hay quá. Tôi sẽ sắp đặt việc đưa đón ông và quý tiểu

thư".

Kate có thông lệ tổ chức tiệc tùng ở Dark Harbor, hai tháng một lần. Khách khứa đến dự là những người rất quan trọng và có thế lực trên thế giới, và các cuộc gặp mặt như vậy thường rất có lợi. Kate dự tính sẽ làm sao cho buổi tiệc sắp tới phải rất đặc biệt. Vấn đề khó khăn đối với bà là làm sao tin chắc được rằng Tony sẽ đến tham dự. Trong năm qua, Tony ít khi muốn đến gặp bà, và mỗi khi đến anh chỉ có mặt chiếu lệ, rồi đi về ngay. Lần này thì bắt buộc anh ta phải đến và phải ở lại.

Khi Kate nhắc đến buổi tiệc cuối tuần này với Tony thì anh chỉ nói ngắn gọn, "Con… con không thể đến được. Con sẽ đi Canada ngày thứ hai, nhưng trước khi đi còn phải giải quyết cho xong một số công việc".

"Buổi tiệc này quan trọng", Kate nói. "Charlie Wyatt và Frederick Hoffman sẽ có mặt. Họ…".

"Con biết họ là ai rồi", Tony ngắt lời. "Con đã nói chuyện với Brad Rogers. Không có hi vọng gì thủ đắc được bất cứ công ty nào trong hai công ty ấy đâu".

"Mẹ muốn thử cố gắng xem xao".

Anh nhìn mẹ, hỏi "Mẹ định nhắm công ty nào?"

"Công ty dầu Wyatt. Nếu được như vậy nó sẽ làm tăng lợi nhuận của chúng ta lên mười lăm phần trăm, có lẽ hơn thế. Khi các

nước Ả rập nhận thấy họ đã nắm thế giới ở ngay cổ họng, họ sẽ lập nên một "các-ten" (cartel), lúc ấy giá dầu sẽ tăng vọt lên. Dầu sẽ trở thành một thứ vàng nước".
"Thế còn Công ty Kĩ thuật Quốc tế thì sao?"
Kate nhún vai. "Đó cũng là một công ty tốt, nhưng món bở nhất là công ty dầu Wyatt. Nó rất có lợi cho công ty ta. Mẹ muốn con có mặt hôm ấy. Việc đi Canada có thể hoãn lại it ngày".
Tony ghét các buổi tiệc tùng. Anh ghét những cuộc chuyện trò chán ngắt, kéo dài như vô tận, các ông thì khoe khoang, còn các bà thì làm ra vẻ thông thái rởm. Nhưng đây là vì công việc.
"Thôi được, con sẽ dự".
Như vậy là mọi thứ đều xếp đặt đâu vào đấy.

Hai cha con ông Wyatt được đưa đến Maine bằng chiếc máy bay Cessna của Công ty, rồi từ bến phà họ đi xe hơi đến Ngôi nhà trên đồi thông. Bà Kate đứng ở trước cửa để đón khách. Brad Rogers đã nói rất đúng về cô con gái của ông Wyatt. Thật là một cô gái xinh đẹp. Dáng người nàng cao, tóc đen, đôi mắt nâu điểm chấm vàng, nét mặt gần như hoàn hảo. Chiếc áo dài bóng mượt làm nổi bật lên dáng người mạnh khoẻ, tuyệt đẹp. Brad cũng cho biết rằng cách đây hai năm nàng đã bỏ chồng, một anh chàng người Ý, ăn chơi, giàu có. Kate giới thiệu Lucy với Tony, và để ý xem phản ứng anh ta như thế nào. Nhưng Tony không có phản

ứng nào. Anh chào ông Wyatt và cô con gái với những cử chỉ lịch sự y hệt như nhau, rồi đưa họ đến quầy rượu, nơi người phục vụ đang đứng đợi để pha rượu cho khách.

"Căn phòng này thật là đẹp!" Lucy kêu lên. Giọng nàng nghe rất êm ái, dịu dàng, không mang một âm sắc nào của miền Texas cả.

"Anh có hay đến nơi này không?"

"Không".

Nàng chờ đợi Tony nói tiếp. Rồi, nàng hỏi, "Anh lớn lên ở đây sao?"

"Một phần nào".

Bà Kate xen vào câu chuyện, cố khoả lấp sự im lặng của Tony.

"Những kỉ niệm vui thích nhất của Tony là ở trong ngôi nhà này. Tội nghiệp, Tony quá bận rộn công việc nên ít khi có dịp ở lại vui chơi ở nơi này, có phải không, Tony?"

Anh đưa mắt lạnh nhạt nhìn mẹ, rồi nói, "Không. Lẽ ra tôi phải đi Canada…"

"Nhưng cậu ấy đã hoãn chuyến đi để được gặp cô và ông nhà đây", bà Kate nói, trả lời hộ cho Tony.

"Thật là rất hân hạnh", ông Wyatt nói. "Tôi đã nghe nói nhiều về cậu con bà". Wyatt cười. "Cậu có muốn đến giúp việc cho tôi không?"

"Tôi không nghĩ rằng mẹ tôi có ý định như vậy, thưa ông Wyatt".

Charlie lại nhe răng cười một lần nữa. “Tôi biết”. Rồi ông quay lại nhìn bà Kate. “Mẹ cậu đúng là một vị phu nhân tài giỏi. Phải trông thấy bà ấy dùng dây trói tay chân mọi người lại tại cuộc họp ở Nhà Trắng thì mới biết được. Bà…” Ông dừng lại, vì lúc ấy Frederick Hoffman và cô con gái, Marianne, đi vào trong phòng. Marianne là một hình ảnh mờ nhạt của cha cô. Cũng là những nét quý phái giống như vậy, nhưng cô có làn tóc màu hoe dài, Nàng mặc một chiếc áo sa trắng nhờ nhờ. Ngồi bên cạnh Lucy, nàng trông có vẻ phờ phạc.

“Tôi xin phép giới thiệu, đây là con gái tôi”. Bá tước Hoffman nói, “Tôi xin lỗi chúng tôi đã đến trễ. Máy bay bị chậm trễ ở La Gardia”.

“Ồ, như vậy thật tệ quá”, Kate nói. Nhưng Tony biết rằng mẹ anh đã xếp đặt việc chậm trễ này. Bà muốn cho hai gia đình Wyatt và Hoffman đi máy bay riêng, để làm sao cho cha con ông Wyatt phải đến trước, còn cha con Hoffman đến sau. Bà nói tiếp, “Chúng tôi mới dùng rượu thôi. Ông muốn dùng thứ gì ạ?”

“Cho tôi Scotch”, Bá tước Hoffman nói.

Kate quay sang Marianne. “Thế còn cô?”

“Cháu không uống gì cả. Xin cảm ơn bà”.

Ít phút sau, các khách khứa khác lục tục kéo đến. Tony đi đến hết người này, người kia, đóng vai chủ nhà lịch sự. Không một ai, ngoài Kate, biết rằng tiệc tùng đối với anh chẳng có ý nghĩa gì

quan trọng. Bà biết rằng đó không phải là vì Tony cảm thấy buồn chán. Nguyên nhân đơn giản chỉ vì anh tự tách rời ra khỏi những gì diễn ra xung quanh anh. Anh không vui thích tiếp xúc với ai cả. Điều này khiến Kate rất lo lắng.

Hai chiếc bàn đã được bày ra trong phòng ăn rộng lớn. Kate xếp đặt cho Marianne Hoffman ngồi giữa một vị thẩm phán Tối cao Pháp viện và một nghị sĩ ở một bàn, còn Lucy thì ngồi bên phải Tony ở bàn thứ hai. Tất cả mọi người đàn ông – dù đã có vợ hay chưa có vợ – đều đưa mắt nhìn Lucy. Kate lắng nghe Lucy đang cố kéo Tony vào câu chuyện. Rõ ràng là Lucy đã có cảm tình với Tony. Kate tủm tỉm cười với chính mình. Bước đầu như vậy là rất tốt.

Sáng hôm sau, ngày thứ bảy, vào lúc ăn sáng, Charlie Wyatt nói với Kate. "Bà có chiếc thuyền buồm rất đẹp đang đậu ở kia, bà Blackwell ạ. Nó dài bao nhiêu thước đấy nhỉ?"

"Tôi không rõ lắm", Kate quay về phía con trai. "Tony này, chiếc "Corsaire" (cướp biển) ấy dài bao nhiêu, con nhỉ?"

Bà đã biết chán chiếc ấy dài bao nhiêu rồi, nhưng Tony vẫn trả lời cho phải phép, "Trên hai mươi ba thước".

"Chúng tôi ở Texas không thích chơi thuyền lắm. Chúng tôi lúc nào cũng hối hả, nên đi đâu cũng đi bằng máy bay thôi", Wyatt cười lên thật to. "Nhưng có lẽ tôi cũng nên thử một chút cho ướt đôi bàn chân, như thế cũng hay".

Kate cười, “Tôi hi vọng ông sẽ cho phép chúng tôi đưa ông và cô đi chơi một vòng xung quanh đảo. Chúng ta có thể đi bằng thuyền vào ngày mai”.

Charlie Wyatt nhìn Kate, ra dáng suy nghĩ, rồi nói, “Như vậy thì tốt quá”.

Tony im lặng nhìn hai người, không nói câu gì. Thế là bước đầu tiên của mẹ anh đã được thực hiện. Anh tự hỏi không biết Charlie Wyatt có biết điều đó hay không. Chắc là không. Ông ta là một nhà kinh doanh rất khôn ngoan, nhưng chưa hề bao giờ phải đối phó với một người như bà Kate.

Kate quay về phía Tony và Lucy. “Hôm nay trời rất đẹp. Hai người nên đi chơi bằng thuyền buồm, có thích hơn không?”

Tony chưa kịp từ chối thì Lucy đã vội nói. “Thế thì thích quá”.

“Tôi xin lỗi”, Tony nói cộc lốc. “Tôi phải đợi điện thoại từ nước ngoài gọi về”. Tony trông thấy rõ vẻ bất mãn của mẹ trong đôi mắt của bà.

Kate quay về phía Marianne Hoffman. “Tôi không gặp thân phụ cô sáng nay”.

“Cha tôi đang đi thăm hòn đảo. Ông ấy có thói quen dậy sớm”.

“Tôi chắc cô thích cưỡi ngựa. Chúng tôi có nhiều ngựa rất tốt ở đây”.

“Cảm ơn bà, tôi muốn đi lang thang xung quanh đây, nếu bà cho phép”.

“Tất nhiên là tôi rất vui lòng”. Kate quay về phía Tony. “Con nhất định không đưa cô Wyatt đi chơi một vòng bằng thuyền buồm hay sao, Tony?”. Giọng nói của bà có vẻ cứng rắn như thép.

“Vâng, con không thay đổi ý kiến”.

Thật là một sự đắc thắng nhỏ nhoi, nhưng dẫu sao nó cũng là sự đắc thắng. Tony nhất định không chịu thua trong trận chiến lần này. Mẹ anh không còn có quyền lừa anh nữa. Bà đã từng có lần sử dụng anh như một quân cờ rồi, lần này bà lại muốn tái diễn thêm lần nữa. Nhưng bà sẽ thất bại. Bà muốn chiếm lấy công ty dầu hoả Wyatt, còn Wyatt thì không có ý định sát nhập hay bán công ty ấy đi. Nhưng người nào cũng có một yếu điểm, và bà Kate đã tìm ra được yếu điểm ấy. Đó là cô con gái của ông ta. Nếu Lucy trở thành con dâu của gia đình Blackwell thì một hình thức sát nhập nào đó là điều không thể tránh được. Tony nhìn mẹ ngang qua bàn ăn và cảm thấy một sự khinh bỉ âm thầm. Bà đã đặt mồi nhử trong cái bẫy một cách tài tình. Lucy không những xinh đẹp, nàng còn thông minh, hấp dẫn nữa. Nhưng cô ta cũng là một quân cờ trong trò chơi này, chẳng khác gì chàng, vì vậy anh không muốn động chạm đến nàng một chút nào. Đây là cuộc chiến giữa anh và mẹ.

Ăn cơm sáng xong, Kate đứng dậy. “Tony, trước khi có điện thoại gọi đến, sao con không đưa cô Wyatt đi xem các khu vườn

một lát?"

Tony không còn cách nào từ chối được nữa. "Thế cũng được". Anh nói. Nhưng anh dự định sẽ chỉ đi chơi trong một khoảng thời gian rất ngắn thôi.

Kate quay về phía ông Wyatt. "Ông có thích đọc những cuốn sách hiếm không? Tôi có cả một bộ sưu tập trong thư viện".

Rồi như sực nhớ ra điều gì, bà quay về phía cô Marianne và hỏi. "Cô không có gì phiền hà chứ, cô Marianne thân mến?"

"Da không, xin cảm ơn bà Blackwell. Xin bà đừng bận tâm về tôi".

"Vâng", Kate nói.

Tony hiểu ý bà trong câu nói này. Cô Hoffman không ích lợi gì cho bà cả, vì vậy bà cho cô ra rìa. Bà thực hiện điều này với một vẻ duyên dáng và với một nụ cười, nhưng bên trong bà theo đuổi một mục đích tàn bạo duy nhất mà Tony rất ghét.

Lucy đang đưa mắt theo dõi Tony. "Anh sẵn sàng rồi chứ, Tony?"

"Vâng".

Tony và Lucy đi về phía cửa. Chưa đi được xa bao nhiêu thì Tony thoáng nghe bà Kate nói, "Thật là đẹp đôi!"

Hai người đi xuyên qua những khu vườn rộng, hướng về phía bến tàu, nơi chiếc Corsaire đang đậu. Có hàng mẫu Anh trồng hoa đủ màu sắc chói lọi, toả hương thơm trong không khí mùa

hạ.

“Thật là một cảnh thiên đường!” Lucy nói.

“Vâng”.

“Chúng tôi không có những hoa như thế này ở Texas”.

“Không sao?”

“Ở đây thật là lặng lẽ, thanh bình”.

“Vâng”.

Lucy đột nhiên dừng lại, quay mặt lại nhìn Tony.

Anh trông thấy vẻ giận dữ hiện ra trên nét mặt nàng. “Không biết tôi có điều gì làm cô mất lòng không?”

“Chính anh không nói gì cả mới làm tôi mất lòng. Tôi chỉ nghe anh nói “Vâng” và “Không” thôi. Anh làm tôi có cảm tưởng như đang cố theo đuổi anh vậy”.

“Thật thế sao?”

“Phải, giá như tôi có thể dạy anh được cách nói chuyện, may ra anh mới có điều gì đó để mà nói”.

Tony nhoẻn miệng cười.

“Anh nghĩ gì vậy?” Lucy hỏi.

“Không”.

Anh đang nghĩ đến mẹ anh, và anh biết rằng mẹ anh không thích chịu thua bao giờ.

Kate dẫn Charlie Wyatt đi xem thư viện rất lớn, lát toàn bằng

ván gỗ sồi. Trên giá sách là những ấn bản đầu tiên của Goldsmith, Laurence Sterne, Tobias Smolett và John Donne, cùng với bản thảo đầu tiên của Ben Johnson. Có cả tác phẩm của Samuel Butler, John Bunyan, và ấn bản đầu tiên của "Quenn Mab", đã được in riêng vào năm 1813 và rất hiếm. Wyatt bước dọc theo các giá sách quý giá, mắt sáng rực lên. Ông dừng lại trước một ấn bản "Endymion", đóng bìa da rất đẹp, của John Keats.

"Đây là bản của Roseberg" Charlie Wyatt nói.

Kate nhìn ông, tỏ vẻ ngạc nhiên. "Phải, người ta biết chỉ có hai bản mà thôi".

"Tôi có bàn thứ hai". Wyatt nói.

"Thế mà tôi không được biết đấy", Kate cười to. "Tôi đã bị lừa vì cái vẻ "anh chàng người Texas chất phác" của ông!"

Wyatt cười. "Thế hả? Biết che đậy như thế cũng giỏi đấy chứ!"

"Xưa kia, ông đi học trường nào vậy?"

"Trường mỏ ở Colorado, rồi học ở Oxford nhờ một học bổng Rhodes", ông nhìn Kate một lát như dò xét, rồi nói tiếp. "Người ta bảo tôi rằng bà đã đề nghị mời tôi đến dự tại hội nghị ở Toà Bạch Ốc".

Kate nhún vai. "Tôi chỉ nhắc tên ông thôi. Họ rất sung sướng có ông tham dự".

"Bà thật là tốt bụng. Bây giờ chỉ có riêng chúng ta với nhau, tại

sao mà không nói thẳng cho tôi biết bà đang có dự tính gì trong đầu?”

Tony đang làm việc trong phòng đọc sách riêng của anh, một căn phòng nhỏ cách xa hành lang chính ở tầng lầu dưới. Anh đang ngồi trên chiếc ghế bành thì nghe có tiếng cánh cửa mở ra, rồi một người đi vào. Anh quay mặt lại. Đó là Marianne Hoffman. Tony chưa kịp lên tiếng cho biết có anh ngồi ở đấy thì nghe tiếng Marianne thở hổn hển.

Nàng đang đi ngắm các bức tranh treo trên tường. Đó là những bức tranh của Tony – một số ít tranh anh đã đưa về đây từ căn hộ của anh ở Paris, và đây là căn phòng duy nhất anh cho phép treo các bức tranh ấy. Anh nhìn theo nàng bước đi quanh phòng, xem hết bức tranh này đến bức tranh khác. Quá chậm rồi, anh không nói được lời nào nữa cả.

“Không thể tin nổi”, Marianne nói lẩm bẩm.

Tony cảm thấy cơn giận dữ nổi lên đột ngột trong lòng. Anh biết rằng các bức tranh của anh không đến nỗi tồi tệ như thế. Trong khi anh cử động, miếng da trên ghế anh ngồi kêu ken két, khiến Marianne quay lại, nhìn thấy anh.

“Ồ, xin lỗi”, nàng nói. “Tôi tưởng không có ai ở đây”.

Tony đứng dậy. “Không hề gì”. Giọng anh có vẻ hơi cứng rắn. Anh không muốn ai xâm phạm nơi ẩn náu này của anh. “Cô đang

tìm gì vậy?"

"À không, tôi chỉ đi lang thang thôi. Bộ sưu tập này của anh chắc hẳn thuộc về viện bảo tàng nghệ thuật".

"Ngoại trừ những bức này".

Nàng bối rối trước vẻ thiếu thiện cảm trong giọng nói của anh. Nàng quay lại nhìn các bức tranh lần nữa. Nàng trông thấy chữ kí. "Anh vẽ các bức này sao?"

"Rất tiếc là các bức ấy không hấp dẫn lắm đối với cô".

"Những bức ấy thật tuyệt vời!" Nàng tiến về phía anh. "Tôi thực không hiểu. Nếu anh vẽ được những bức tranh như thế này, tại sao anh còn muốn làm việc gì khác nữa? Tuyệt! Tôi không nói anh là một hoạ sĩ giỏi, mà tôi muốn nói rằng anh thật tuyệt vời!"

Tony đứng yên một chỗ, không nghe cô ta nói, mà chỉ muốn nàng ra khỏi nơi này.

"Tôi muốn trở thành một hoạ sĩ", Marianne nói. "Tôi theo học ông Oska Kokosckka trong một năm. Cuối cùng tôi phải bỏ vì biết rằng mình không bao giờ vẽ giỏi được như mình mong muốn. Nhưng mà anh thì khác thế!" Nàng lại quay về phía các bức tranh. "Anh có học ở Paris sao?"

Anh chỉ muốn nàng để yên cho anh ngồi một mình.

"Vâng".

"Thế rồi anh bỏ ngang hay sao?"

"Phải".

“Thật là uổng. Anh…”

“Kìa, cô ấy đây rồi!”

Cả hai người đều quay đầu lại. Kate đang đứng ở cửa. Bà nhìn hai người một lát, rồi bước đến gần Marianne. “Tôi đang tìm cô khắp nơi, cô Marianne ạ. Cha cô nói rằng cô thích các cây ngọc lan. Cô phải đến thăm các nhà kính của tôi mới được”.

“Cảm ơn bà”, Marianne lẩm bẩm. “Thực ra tôi…”

Kate quay về phía Tony. “Tony, con ra tiếp các vị khách đi”. Trong giọng nói của bà có vẻ không hài lòng.

Bà cầm lấy cánh tay Marianne, rồi cả hai rời khỏi phòng.

Xem cái lối bà dùng thủ đoạn để điều khiển con người mới thấy là tài tình. Bà làm việc ấy một cách nhẹ nhàng trơn tru. Không có một động tác nào là thừa. Thoạt tiên bà xếp đặt để làm sao gia đình Wyatt đến đây sớm, còn gia đình Hoffman thì đến trễ sau đó. Lucy được xếp ngồi cạnh Tony ở tất cả mọi bữa ăn. Những cuộc họp riêng tư với ông Wyatt. Thật là quá rõ ràng, lộ liễu, thế nhưng Tony biết rằng nó chỉ lộ liễu đối với anh thôi, vì anh đã nắm được chìa khoá. Anh biết rõ mẹ anh và cung cách hoạt động của trí óc bà. Lucy Wyatt là một cô gái xinh đẹp, có thể trở thành một người vợ tuyệt vời cho một ai đó, ngoài anh ra. Không thể nào như thế được, khi bà Blackwell đứng ra làm kẻ bảo trợ cho nàng. Mẹ chàng là một con người tàn bạo, tính toán, và chừng nào Tony nhớ đến điều ấy, anh không thể để bà chi phối được.

Anh tự hỏi không biết bước kế tiếp của bà sẽ như thế nào.
Anh không cần phải chờ đợi lâu mới biết được điều đó.
Họ đang ngồi trên sân thượng uống rượu "cocktail". Kate nói với Tony, "Ông Wyatt đã có lòng tốt mời chúng ta đến thăm trang trại của ông vào cuối tuần sau. Con nghĩ xem, như thế có thích không?" Mặt bà rạng rỡ hẳn lên. "Mẹ chưa bao giờ được thấy một trang trại ở Texas".
Thực ra, Kruger-Brent làm chủ một trang trại ở Texas và trang trại này lớn gấp đôi trang trại của Wyatt.
"Anh cũng đi chứ, Tony?" Ông Wyatt hỏi.
Lucy nói theo, "Anh hãy nhận lời đi".
Họ cấu kết với nhau để thuyết phục anh. Thật là một cuộc thử thách. Anh quyết định nhận lời. "Tôi rất lấy làm vui thích".
"Tốt", trên nét mặt của Lucy lộ vẻ vui mừng thật sự. Và bà Kate cũng thế.
Tony nghĩ thầm, "Nếu Lucy cố ý quyến rũ mình, cô ấy sẽ bị thất vọng và phí thì giờ vô ích. Vết thương mà mẹ anh và Dominique gây ra đã ăn sâu vào lòng anh khiến cho anh không còn tin cậy vào phụ nữ nữa. Sự liên hệ duy nhất của anh với phái nữ là những cuộc giao du với những gái điếm hạng sang. Trong tất cả các loại phụ nữ, họ là những kẻ chân thực nhất. Cái mà họ muốn là tiền, và họ nói thẳng cho mình biết bao nhiêu tiền. Mình trả tiền mua cái mà mình cần và có được cái mà mình bỏ tiền ra

mua. Không có vấn đề gì rắc rối, không cần nước mắt, không cần phỉnh gạt".

Lucy rồi đây sẽ phải gặp một điều bất ngờ.

Sáng sớm chủ nhật, Tony xuống bể bơi để bơi. Marianne đã ở sẵn trong nước, mặc chiếc áo may-ô trắng. Nàng có dáng người xinh đẹp, cao, thon thon và duyên dáng. Tony đứng ngắm nàng đang bơi trong nước, hai cánh tay đưa lên đưa xuống theo một nhịp đều đặn, duyên dáng. Nàng thấy Tony, và bơi lại gần anh.

"Chào anh".

"Chào cô. Cô bơi giỏi nhỉ". Tony nói.

Marianne mỉm cười. "Tôi thích thể thao. Tôi đã học cái thói ấy của cha tôi". Nàng kéo người ra khỏi bờ bể bơi. Tony đưa cho nàng chiếc khăn tắm. Anh nhìn ngắm nàng trong khi lau khô tóc một cách không ngượng ngùng, e thẹn.

"Cô ăn sáng chưa?" Tony hỏi.

"Chưa. Chắc là người đầu bếp không dậy sớm như vậy".

"Ở đây giống như là một khách sạn. Họ phục vụ hai mươi bốn trên hai mươi bốn".

Nàng nhìn Tony, mỉm cười, "Thích nhỉ".

"Nhà cô ở đâu vậy?"

"Phần lớn thời gian ở Munich. Chúng tôi ở trong một cái "Schloss" tức là một toà lâu đài, ở bên ngoài thành phố".

"Thế cô học ở đâu?"

Marianne thở dài. “Chuyện ấy dài lắm. Trong thời gian chiến tranh, tôi được gửi đi học ở Thụy Sĩ. Sau đó tôi theo học tại Oxford, tại Sorbonne, rồi sống ở London trong mấy năm”. Nàng nhìn thẳng vào mắt Tony. “Tôi ở đó từ dạo ấy đến nay. Thế còn anh?”

“Ồ, tôi ở New York, Maine, Thụy Sĩ, Nam Phi, ít năm ở Thái Bình Dương trong thời gian chiến tranh, Paris…” Anh đột ngột ngưng lại, như cảm thấy mình đã nói quá nhiều.

“Xin lỗi, tôi có vẻ như tò mò, nhưng thực sự tôi không sao hiểu được lí do nào anh ngưng không vẽ tranh nữa”.

“Chuyện ấy chẳng có gì quan trọng cả”, Tony nói cộc lốc. “Thôi, chúng ta đi ăn sáng đi”.

Hai người ăn sáng với nhau trên sân thượng, nhìn xuống vịnh mênh mông, lóng lánh. Nàng là người rất dễ tiếp chuyện. Nàng có một vẻ đoan trang, hiền dịu, khiến Tony cảm thấy rất mến. Nàng không đùa cợt, không nói lảm nhảm. Nàng có vẻ thích anh một cách thành thực. Tony cảm thấy mình bị thu hút bởi người thiếu nữ trầm lặng, nhạy cảm này. Tuy vậy, anh không thể nào không nghĩ rằng một phần sự cảm mến của anh đối với nàng là do anh muốn trêu tức mẹ anh.

“Khi nào cô trở về Đức?”

“Tuần sau”, Marianne đáp. “Tôi sắp lấy chồng”.

Câu nói của nàng quá bất ngờ, làm anh chưng hửng. "Ồ, thế à", Tony nói ngắc ngứ. "Tuyệt quá nhỉ. Ai vậy?"
"Anh ấy là một bác sĩ. Chúng tôi quen biết nhau từ nhỏ đến lớn".
Tại sao cô ấy lại thêm câu này vào. Nó có ý nghĩa gì không nhỉ?
Bất chợt, Tony hỏi, "Cô có vui lòng đến dùng cơm với tôi ở New York không?"
Nàng nhìn anh, cân nhắc câu trả lời. "Tôi cũng thích được như vậy".
Tony mỉm cười, tỏ vẻ hài lòng. "Đó là một cuộc hẹn hò".

Họ ăn cơm với nhau tại một khách sạn nhỏ trên bờ biển ở Long Island. Tony muốn đi riêng với Marianne, tránh xa cặp mắt của mẹ anh. Đó là một buổi tối bình thường, không có chuyện gì, nhưng Tony biết rằng nếu mẹ anh nghe tin, bà sẽ tìm cách nào đó để ngăn cản. Đây là một chuyện riêng tư giữa anh và Marianne, và trong khoảng thời gian ngắn ây, anh không muốn có chuyện gì làm nó hư hỏng. Tony cảm thấy vui thích làm bạn với Marianne hơn là trước đây anh đã dự đoán. Nàng có tính tình nhanh nhẹn, vui tính một cách kín đáo. Tony thấy mình cười đùa vui thích hơn bao giờ hết, kể từ ngày anh rời Paris. Nàng giúp cho anh cảm thấy nhẹ nhõm, vô tư.
Khi nào cô trở về Đức?
Tuần sau… Tôi sắp lấy chồng.

Trong năm ngày tiếp theo đó, Tony gặp Marianne nhiều lần. Anh huỷ bỏ cuộc hành trình của anh đi Canada, nhưng không biết chắc chắn lí do vì sao. Anh đã có lúc nghĩ rằng nó có thể là một dạng chống đối dự tính của mẹ anh, một vụ trả thù lặt vặt, nhưng nếu điều ấy đúng vào lúc đầu thì bây giờ đây nó không còn đúng nữa. Anh cảm thấy mình bị thu hút bởi Marianne mỗi lúc một mạnh mẽ hơn. Anh yêu nàng một cách chân thực. Đó là một đức tính mà anh đã cố tìm nhưng chưa hề bao giờ có được.

Từ ngày Marianne đến New York với tư cách là một du khách, Tony đưa nàng đi thăm viếng khắp nơi. Họ trèo lên tượng thần Tự Do, cùng đi đến Staten Island trên chiếc tàu phà, lên đến đỉnh toà nhà chọc trời Empire State Building, và ăn uống tại khu vực người Trung Hoa. Họ ở lại suốt ngày tại Viện Bảo tàng Nghệ thuật, và một buổi trưa tại Frick Collection. Họ chia sẻ các sở thích giống nhau. Họ thận trọng tránh né những vấn đề riêng tư, thế nhưng cả hai đều ý thức về sự hấp dẫn giới tính ngấm ngầm rất mạnh mẽ giữa họ với nhau. Ngày này qua ngày khác, chẳng mấy chốc đã đến ngày thứ sáu, ngày mà Tony phải đi thăm trang trại của ông Wyatt.

"Khi nào cô sẽ trở về Đức?"

"Sáng thứ hai". Nhưng không có gì vui vẻ trong giọng nói của nàng cả.

Tony rời Houston vào buổi trưa hôm ấy. Lẽ ra anh có thể cùng đi với mẹ trong một chiếc máy bay của công ty, nhưng anh muốn tránh mọi cuộc gặp mặt riêng với mẹ. Đối với anh, mẹ anh chỉ là một người hợp tác kinh doanh, tài giỏi và nhiều quyền lực, không ngay thẳng và nguy hiểm.

Có một chiếc xe hơi hiệu Rolls Royce đón Tony tại phi trường Hobby ở Houston, từ nơi đó anh được đưa đến trang trại bằng xe hơi do một người tài xế mặc một chiếc quần "jean" hiệu Levi's và một chiếc áo sơ mi thể thao màu sặc sỡ.

"Nhiều người muốn đi máy bay đến thẳng trang trại", người tài xế nói. "Ông Wyatt có một bãi đáp lớn ở đấy. Từ nơi bãi đáp ấy về đến cổng trang trại phải mất một giờ xe hơi rồi thêm nửa giờ nữa mới đến ngôi nhà chính".

Tony cho rằng anh tài xế này nói cường điệu. Nhưng chính anh đã lầm. Thì ra trang trại của ông Wyatt giống như một thành phố hơn là một trang trại. Chiếc xe anh đi lọt qua cổng chính đi vào một con đường cái tư, rồi sau ba mươi phút nó bắt đầu đi ngang qua các nhà phát điện, các chuồng ngựa, bãi nuôi gia súc, nhà khách, nhà ở của gia nhân. Toà nhà chính là một nhà một tầng có vẻ như dài vô tận. Tony cho rằng nó trông thật là xấu xí.

Kate đã đến nơi đó trước. Bà và Wyatt đang ngồi ở sân thượng nhìn xuống một hồ bơi lớn bằng một cái hồ nước nhỏ. Họ đang

nói chuyện với nhau sôi nổi thì Tony xuất hiện. Vừa trông thấy Tony, ông Wyatt ngưng lại đột ngột giữa một câu nói. Tony có cảm tưởng hai người đang bàn với nhau về anh.

"Kìa cậu con trai của chúng ta kia rồi. Đi đường có vui không, Tony?"

"Vâng, xin cảm ơn ông".

"Lucy mong con đáp chuyến máy bay sớm hơn thế", Kate nói.

Tony quay lại nhìn mẹ, "Thế hả?"

Charli Wyatt vỗ nhẹ lên vai Tony, "Chúng tôi sẽ tổ chức một buổi ăn thịt nướng ngoài trời hết sức vĩ đại để mừng anh và bà Kate đấy. Mọi người sẽ bay đến đây để tham dự".

"Ông thật tử tế quá", Tony nói. Anh nghĩ thầm trong bụng, "Họ tổ chức càng to thì rồi đây sẽ càng thất vọng lớn thôi".

Lucy xuất hiện, mặc một chiếc áo sơ mi trắng và quần jean bó sát người. Tony phải công nhận rằng nàng đẹp đến nỗi gây kinh ngạc.

Nàng bước đến Tony, chìa tay ra. "Tony! Em tưởng rằng anh không đến chứ!"

"Xin lỗi, tôi đến chậm", Tony nói. "Tôi bận chút công việc, cần phải làm cho xong".

Lucy ném cho anh một nụ cười niềm nở. "Không hề gì đâu. Miễn là anh có đến là được rồi. Anh muốn làm gì vào trưa hôm nay?"

“Cô có gì cho tôi nào?”
Lucy nhìn vào mắt Tony. “Bất cứ thứ gì anh muốn”, nàng nói khe khẽ.
Kate Blackwell và Charlie Wyatt cười rạng rỡ.

Buổi ăn thịt nướng ngoài trời thật là linh đình, dù xét theo các tiêu chuẩn của vùng Texas này. Gần hai trăm khách mời đã đến đây bằng máy bay riêng, xe hơi Mercedes hay Rolls Royce. Hai ban nhạc giúp vui cùng một lúc ở hai nơi trên các khu đất khác nhau. Năm, sáu người phục vụ rượu sâm banh, uytxki, nước ngọt, bia, trong khi bốn tay đầu bếp bận bịu chuẩn bị thức ăn trên những ngọn lửa ở ngoài trời… Thật là cả một sự phí phạm hiển nhiên nhất Tony chưa từng thấy. Đó là sự khác biệt giữa những kẻ mới nổi và những kẻ đã giàu có từ lâu. Phương châm của những kẻ đã giàu có từ lâu là: nếu tôi có tiền, tôi phải giấu nó đi. Còn những kẻ mới nổi thì chủ trương: nếu tôi có tiền, tôi cần phải phô trương nó ra.
Đây là một sự phô trương giàu có ngoài sức tưởng tượng. Các bà mặc những chiếc áo dài rất táo bạo, đeo nữ trang làm loá mắt thiên hạ. Tony đứng một bên nhìn các khách khứa ăn uống nhồm nhoàm, gọi nhau ơi ới. Anh có cảm tưởng như đang tham dự vào một nghi thức suy đồi, vô ý thức. Mỗi khi quay lưng lại, anh lại chạm phải một chiêu đãi viên vác một chiếc khay chứa đựng

những bình caviar hay pa-tê rất lớn, hay sâm banh. Dường như số gia nhân phục vụ cũng đông bằng số quan khách đến dự. Anh lắng nghe những câu nói chuyện ở xung quanh.

"Hắn ta đến đây từ New York để bán cho tôi một hoá đơn hàng hoá, nhưng tôi bảo hắn, "Anh chỉ phí thời giờ thôi, anh bạn. Không có vụ giao dịch béo bở nào về dầu đến được miền Đông Houston…"

"Anh phải coi chừng những đứa có miệng lưỡi khéo léo. Chúng nó chỉ khoác lác chứ thật ra chúng chẳng có cái đếch gì cả…"

Lucy xuất hiện ở bên cạnh Tony. "Anh không ăn gì cả". Nàng nhìn chàng chăm chú. "Có gì không vui hay sao, Tony?"

"Không, mọi thứ đều rất vui. Buổi tiệc này thật là lớn".

Nàng cười. "Chưa thấm gì đâu, anh bạn ạ. Còn phải chờ xem pháo hoa nữa"

"Pháo hoa?"

"Ừ hứ". Nàng sờ nhẹ lên cánh tay Tony. "Rất tiếc là đông người quá nên hơi lộn xộn. Không phải lúc nào cũng như thế này. Bố em muốn gây ấn tượng đối với mẹ anh". Nàng cười tủm tỉm. "Ngày mai họ sẽ đi về hết".

Tôi cũng thế, Tony thầm nghĩ một cách chua chát. Anh cho rằng anh đã phạm một sai lầm lớn vì đã đến đây. Nếu mẹ anh muốn chiếm công ty dầu Wyatt một cách gắt gao như vậy, bà sẽ làm mọi cách để đoạt lấy nó. Anh đưa mắt nhìn đám đông để tìm ra

mẹ anh. Anh thấy bà đang đứng giữa một nhóm người ngưỡng mộ. Bà trông thật đẹp. Bà đã gần sáu mươi tuổi, nhưng trông trẻ hơn đến mười tuổi. Mặt bà không có nếp nhăn, thân hình rắn chắc và gọn gàng, nhờ tập luyện và xoa bóp hàng ngày. Bà đặt ra kỉ luật cho chính bản thân cũng như cho những người khác chung quanh bà. Về điểm này Tony cảm thấy khó chịu, nhưng anh cũng phải thán phục bà. Ai nhìn thấy bà lúc ấy cũng phải nghĩ rằng bà đang vui thích lắm. Bà nói chuyện với khách, nét mặt rạng rỡ, vui tươi. Nhưng Tony nghĩ bụng, bà ghét tất cả những thứ này, và bà có thể chịu đựng bất cứ việc gì miễn sao bà có được thứ mà bà muốn. Anh nghĩ đến Marianne và tin chắc rằng nàng cũng ghét cái loại liên hoan cuồng nhiệt một cách vô ý thức này. Ý nghĩ về nàng khiến cho Tony cảm thấy đau nhói trong lòng.

"Em sẽ lấy một bác sĩ. Em biết anh ta từ nhỏ đến lớn".

Một nửa giờ sau, khi Lucy đến tìm anh thì anh đã lên đường trở về New York.

Anh goi điện thoại cho Marianne từ một phòng điện thoại công cộng ở phi trường. "Anh muốn gặp em".

Không có một chút do dự nào. "Vâng".

Tony không thể nào gạt được Marianne Hoffman ra khỏi những suy nghĩ của anh. Từ lâu nay, anh chỉ sống một mình, nhưng

không cảm thấy cô đơn. Bây giờ, sống xa Marianne đối với anh là một sự cô đơn, một cảm giác như một phần thân thể anh đã bị mất đi. Được ở bên cạnh nàng là sự ấm áp, là sự ca ngợi cuộc sống, là xua đi những bóng đen ghê tởm đã từng ám ảnh anh bấy lâu nay. Anh có cảm tưởng như nếu để mất Marianne, anh sẽ chết. Anh cần đến nàng hơn bất cứ ai khác trong cuộc sống của anh.

Marianne đến gặp Tony trong căn hộ của anh. Khi nàng đi đến cánh cửa, Tony cảm thấy trong lòng một niềm khao khát tưởng chừng như đã bị tiêu diệt từ lâu rồi. Nhìn vào nét mặt nàng, anh biết rằng nàng cũng có niềm khao khát tương tự, nhưng họ không thốt ra một lời nào để tạo nên phép lạ này.

Nàng ngả vào vòng tay chàng, nỗi xúc cảm của hai người như nước xoáy của thuỷ triều tung họ lên cao; rồi cuốn họ đi mà không có cách nào cưỡng nổi; nó như nổ bùng lên, tạo nên một sự thoả mãn không thể nào tả xiết. Họ cùng nhau trôi nổi trong sự êm dịu, mượt mà như nhung, không còn biết thời gian, không gian, chìm đắm trong sự huy hoàng kì diệu của người này với người kia. Sau đó họ nằm ôm lấy nhau, mệt mỏi, làn tóc mềm mại của nàng xoã lên mặt chàng.

“Anh sẽ cưới em, Marianne ạ”.

Nàng giữ mặt anh trong hai bàn tay, nhìn vào mắt chàng như dò hỏi. “Có chắc như vậy không, Tony?” Giọng nàng rất dịu dàng.

“Có một vấn đề khó khăn, anh ạ”.
“Vấn đề đính hôn của em chứ gì?”
“Không, em sẽ huỷ cuộc hứa hôn ấy. Em chỉ lo về mẹ anh”.
“Mẹ anh không có liên quan gì…”
“Không, để em nói hết đã. Mẹ anh dự tính anh sẽ cưới Lucy Wyatt”.
“Đó là dự tính riêng của mẹ anh thôi”. Anh ôm choàng lấy nàng một lần nữa. “Dự tính của anh là ở đây”.
“Bà ấy sẽ ghét em, Tony ạ. Em không muốn thế”.
“Em có biết anh muốn gì không?” Tony thì thầm.
Thế rồi phép lạ ấy lại diễn ra lần nữa.

Bốn mươi tám giờ sau đó, bà Kate Blackwell mới biết được tin tức về Tony. Anh đã biến mất khỏi trang trại của Wyatt mà không một lời giải thích hay từ biệt, và đã bay đi New York. Charlie Wyatt rất bối rối, còn Lucy Wyatt thì giận dữ. Kate đã phải xin lỗi một cách ngượng ngùng, rồi lấy máy bay của công ty bay trở về New York tối hôm ấy. Về đến nhà, bà điện thoại đến căn hộ của Tony, nhưng không có ai trả lời. Ngày hôm sau cũng vậy.
Kate đang ngồi trong văn phòng thì điện thoại riêng của bà trên bàn reo lên. Bà đã biết ai gọi bà trước khi nhấc ống nghe lên.
“Tony, con có được mạnh khoẻ không?”

“Con vẫn khoẻ, mẹ ạ”.

“Con hiện đang ở đâu vậy?”

“Con đang vui tuần trăng mật với vợ con. Marianne Hoffman và con vừa mới cưới nhau ngày hôm qua”. Một sự im lặng rất lâu tiếp theo đó. “Mẹ có còn ở đó không, mẹ?”

“Có, mẹ đang ở đây”.

“Mẹ phải nói gì đó để mừng con, chẳng hạn như “bách niên giai lão” hay “trăm năm hạnh phúc” vân vân”. Giọng nói của anh nghe có vẻ chua chát, chế nhạo.

“Phải, phải. Dĩ nhiên rồi. Mẹ chúc con hạnh phúc dồi dào”.

“Cảm ơn mẹ”. Đường dây điện thoại bị cúp.

Kate đặt ống nghe xuống, ấn nút trên máy “intercom”. “Brad, anh lại đây một chút được không?”

Khi Brad Rogers bước vào văn phòng, Kate liền nói. “Tony vừa gọi điện thoại”.

Brad nhìn vào mặt Kate và nói, “Lạy Chúa! Chắc chị đã làm được chuyện ấy rồi chứ gì!”

“Không, chính Tony làm đấy”, Kate mỉm cười. “Chúng ta đã nắm được đế quốc Hoffman và đặt nó trên đùi rồi”.

Brad ngồi sụp xuống ghế. “Thật khó tin nổi! Tôi biết rằng Tony cứng đầu cứng cổ lắm mà. Làm thế nào chị thuyết phục được hắn lấy Marianne Hoffman?”

“Rất đơn giản. Tôi đã thúc đẩy hắn không đúng hướng”.

Nhưng bà biết rằng đó mới là hướng đúng đắn. Marianne sẽ là một bà vợ tuyệt vời đối với Tony.

Lucy đã có lần bị mổ tử cung.

Marianne sẽ cho Tony một đứa con trai.

Sidney Sheldon

Tay cự phách

Lương Thị Thận dịch

Chương 21

Sáu tháng sau khi Tony và Marianne cưới nhau, công ty Hoffman được sát nhập vào công ty hữu hạn Kruger-Brent. Lễ kí bản thoả hiệp chính thức được tổ chức ở Munich, như là cử chỉ bày tỏ tình hữu nghị đối với Frederick Hoffman. Ông này điều hành chi nhánh của công ty ở Đức. Tony ngạc nhiên về thái độ hiền lành của mẹ anh khi chấp nhận cuộc hôn nhân này. Bà không có thói quen chấp nhận sự chiến bại một cách duyên dáng như vậy, thế nhưng bà tỏ ra rất thân thiện với Marianne khi Tony và cô dâu mới trở về nhà sau tuần trăng mật ở Bahamas. Bà nói cho Tony biết rằng bà rất sung sướng về cuộc hôn nhân này. Điều khiến Tony hết sức khó hiểu là bà đã tỏ ra rất thành thực. Sự thay đổi lập trường ấy quá nhanh chóng, không hợp với tính tình bà chút nào.Tony cho rằng anh chưa hiểu mẹ anh lắm như anh đã tưởng.

Cuộc hôn nhân này thành công một cách xuất sắc ngay từ lúc

đầu. Marianne đã thoả mãn được một nhu cầu đã cảm thấy từ lâu của Tony, và mọi người xung quanh đều nhận ra sự thay đổi của anh – đặc biệt là Kate.

Khi Tony đi đây đó vì công việc, Marianne lúc nào cũng đi theo anh. Họ cùng vui chơi, cười đùa với nhau, và đều cảm thấy thực sự hạnh phúc. Nhìn hai người, Kate thầm nghĩ: "Mình đã làm được việc rất tốt cho con trai mình".

Chính Marianne là người đã bắc cầu thông cảm giữa Tony và mẹ chàng. Khi trở về nhà, sau tuần trăng mật, Marianne nói với Tony: "Em muốn mời mẹ đến ăn cơm".

"Đừng làm thế. Em không hiểu mẹ anh, Marianne ạ. Bà..."

"Em muốn làm quen với bà, Tony ạ. Xin anh nghe em, Tony".

Anh không thích ý kiến này, nhưng rồi cũng đành phải nhượng bộ. Tony đoán rằng buổi tối hôm ấy chắc buồn chán lắm, nhưng anh đã phải ngạc nhiên. Bà Kate tỏ vẻ sung sướng đến cảm động được ngồi chung với hai người. Tuần lễ sau, bà mời hai vợ chồng đến dùng cơm tại nhà bà. Rồi sau đó điều này trở thành một thông lệ hàng tuần.

Kate và Marianne trở nên thân thiết với nhau. Họ nói chuyện với nhau trên điện thoại nhiều lần trong tuần lễ và ăn cơm với nhau ít nhất mỗi tuần một lần.

Họ gặp nhau vào buổi ăn trưa tại nhà hàng Lutece, nhưng ngay khi Marianne vừa bước vào, bà thấy có gì đó không ổn.

“Cho tôi một ly uýtxki lớn có đá” Marianne nói. Thường ngày ,Marianne chỉ dùng rượu vang thôi.

“Có chuyện gì xảy ra vậy, Marianne?”

“Con đã phải đi khám bác sĩ Harley”

Kate đột nhiên cảm thấy hoảng sợ. “Con không ốm chứ , Marianne?”

“Không , con vẫn khoẻ. Chỉ có điều...” Toàn thể câu chuyện bắt đầu tuôn ra.

Câu chuyện ấy bắt đầu mấy ngày trước đó. Marianne cảm thấy trong người không được khoẻ nên nàng đã xin gặp mặt bác sĩ John Harley...

“Bà trông khoẻ mạnh đấy chứ “, bác sĩ Harley tủm tỉm cười nói.

“Năm nay bà bao nhiêu tuổi, bà Blackwell?”

“Hai mươi ba”.

“Có ai bị đau tim trong gia đình bà không?”

“Không”.

Ông ghi chép. “Ung thư ?”

“Không”.

“Cha mẹ bà còn sống không?”

“Cha tôi còn sống. Mẹ tôi mất vì một tai nạn”.

“Bà có bao giờ bị quai bị không?”

“Không”.

“Bệnh sởi?”

“Có lúc tôi lên mười”.

“Ho gà?”

“Không”.

“Có bị mổ bao giờ không?”

“Mổ amiđan, lúc chín tuổi”.

“Ngoài chuyện ấy ra, bà có bao giờ phải nằm bệnh viện vì lí do nào đó không?”

“Không... À có, chỉ có một lần, nhưng trong thời gian ngắn thôi”.

“Vì chuyện gì vậy?”

“Lúc đó tôi ở trong đội khúc côn cầu ở trường học, và trong lúc chơi, tôi bị ngất xỉu. Lúc tỉnh dậy thì thấy mình đang nằm ở bệnh viện. Chỉ hai ngày thôi, thực ra chẳng có gì quan trọng cả”.

“Bà có bị thương trong khi chơi không?”

“Không. Tôi... tôi chỉ bị ngất thôi”.

“Lúc ấy bà bao nhiêu tuổi?”

“Mười sáu. Bác sĩ bảo đó chỉ là do sự rối loạn các tuyến vào tuổi thanh niên thôi”.

John Harley chồm về phía trước trên chiếc ghế ông đang ngồi.

“Khi bà tỉnh dậy vào lúc ấy, bà có thấy yếu ở một bên người không?”

Marianne suy nghĩ một lát. “Thật ra cũng có. Phải, thấy yếu ở bên phải. Nhưng chỉ ít ngày sau là hết. Từ đó không bao giờ bị trở lại nữa”.

“Bà có thấy đau đầu không? Có bị mờ mắt không?”
“Có, nhưng những triệu chứng ấy cũng biến mất”. Nàng bắt đầu cảm thấy lo ngại. “Ông nghĩ tôi có bệnh gì hay sao, thưa bác sĩ Harley?”
“Tôi chưa dám chắc. Còn phải làm ít cuộc thử nghiệm. Chỉ là để cho chắc chắn thôi”.
“Loại thử nghiệm gì?”
“Tôi muốn đo u mạch ở não. Không có gì phải lo ngại cả. Chúng tôi có thể làm ngay thôi”.
Ba ngày sau, Marianne nhận cú điện thoại của cô y tá yêu cầu nàng đến gặp bác sĩ John Harley. Ông ngồi trong phòng khám đợi nàng. “Chúng tôi đã tìm ra cái bí mật ấy rồi”.
“Có gì xấu không?”
“Không hẳn thế. Cuộc thử nghiệm cho biết bà bị một cơn “sốc” nhỏ thôi. Về y khoa chúng tôi gọi là chứng phình mạch “aneurysm”, rất thông thường ở phụ nữ, đặc biệt là những cô gái dưới hai mươi. Một mạch máu nhỏ trong não bị vỡ ra, làm rỉ ra một ít máu. Áp suất là cái đã gây nên chứng nhức đầu và mờ mắt. May thay, những thứ ấy có thể tự lành lại được”.
Marianne ngồi lắng nghe, trí óc nàng cố chống chọi với nỗi hoảng sợ. “Như thế... như thế là nghĩa thế nào? Nó có thể xảy ra lần nữa không?”
“Rất khó xảy ra lần nữa”. Ông tủm tỉm cười. “Trừ phi bà dự định

tham gia đội khúc côn cầu lần nữa, ngoài ra bà có thể sống hoàn toàn bình thường".

"Tony và tôi thích cưỡi ngựa và chơi quần vợt. Như thế có...?"

"Chừng nào bà không làm quá sức, mọi thứ đều được cả. Từ quần vợt cho đến việc ăn nằm. Không có vấn đề gì".

Nàng mỉm cười cảm thấy an tâm. "Cảm ơn Chúa".

Khi Marianne đứng dậy, John Harley nói. "Chỉ có một điều, bà Blackwell ạ. Nếu bà và Tony muốn có con thì tôi khuyên ông bà nên có con nuôi thì hơn".

Marianne cảm thấy lạnh người. "Ông vừa bảo là tôi hoàn toàn bình thường mà".

"Bà vẫn bình thường. Chỉ có điều là nếu bà có mang, nó sẽ làm tăng lên thể tích các mạch máu rất nhiều. Và trong thời kì từ sáu đến tám tháng mang thai, sẽ có sự gia tăng huyết áp. Một khi đã bị chứng phình mạch trong quá khứ, điều này sẽ có nguy cơ xảy ra nhiều hơn. Không những nó nguy hiểm mà còn có khi rất tai hại nữa. Việc nuôi con nuôi bây giờ cũng rất dễ dàng tôi có thể thu xếp..."

Nhưng Marianne không còn nghe gì nữa. Nàng chỉ nghe văng vẳng tiếng Tony: "Anh muốn chúng ta có một đứa con gái giống hệt như em."

"...Con không thể nghe được nữa", Marianne kể lại với Kate. "Con cố gắng hết sức dìm các cảm xúc xuống. Thật là một cú

đánh choáng váng đối với bà, nhưng vẫn phải có cách giải quyết nào đó. Lúc nào cũng có một cách.

Bà cố nở một nụ cười rồi nói. "Thế mà mẹ tưởng rằng sắp có chuyện gì tệ hại hơn thế chứ".

"Nhưng mẹ ạ, Tony và con rất mong có một đứa con".

"Marianne ạ, ông bác sĩ John Harley là kẻ chuyên môn làm cho người ta hoảng sợ. Cách đây mấy năm con chỉ gặp một vấn đề nhỏ nhoi, thế rồi ông ta biến nó trở thành một điều gì ghê gớm lắm. Con cũng biết bọn bác sĩ họ như thế nào rồi". Bà nắm lấy tay Marianne. "Con vẫn thấy khoẻ, phải không , Marianne?"

"Trước đây con vẫn khoẻ, nhưng khi..."

"Đó, con thấy không. Con không còn thỉnh thoảng bị những cơn ngất xỉu ngắn nữa phải không?"

"Không".

"Ấy là bởi vì con đã khỏi hẳn rồi. Chính ông bác sĩ ấy nói những chừng ấy có thể tự nó chữa lành mà".

"Ông ấy bảo những nguy cơ..."

Kate thở dài. "Marianne này, mỗi lần người đàn bà có mang, họ đều gặp rủi ro này khác. Cuộc đời toàn là rủi ro cả mà. Điều quan trọng trên đời là mình phải quyết định thứ rủi ro đáng để cho mình gánh chịu, con có đồng ý như vậy không?"

"Vâng" Marianne ngồi tại chỗ suy nghĩ. Nàng đã quyết định.

"Mẹ nói đúng, chúng ta sẽ không nói gì về chuyện này với Tony

cả. Nó chỉ làm cho anh ấy lo lắng thêm thôi. Chúng ta sẽ giữ bí mật".

Kate thầm nghĩ, mình có thể giết cái lão John Harley chết tiệt ấy vì đã làm cho Marianne hoảng sợ. Bà nói: "Nó sẽ là một điều bí mật của chúng ta", để bày tỏ ý tán thành.

Ba tháng sau, Marianne có mang. Tony mừng rỡ đến run người. Bà Kate cảm thấy đắc thắng âm thầm. Còn bác sĩ John Harley thì kinh hãi.

"Để tôi phải chuẩn bị cho việc phá thai ngay tức khắc", ông nói với Marianne.

"Đừng bác sĩ Harley ạ. Tôi thấy khoẻ mà. Tôi sẽ có một đứa con".

Khi Marianne nói với Kate về cuộc viếng thăm này, Kate đùng đùng nổi giận, xông đến phòng khám bệnh của bác sĩ John Harley. "Sao ông lại dám khuyên con dâu tôi phải phá thai?"

"Bà Kate này, tôi đã nói với bà ấy rằng nếu bà ấy mang thai cho đến thời kì ở cữ thì có nguy cơ là bà ấy sẽ chết".

"Ông không hiểu gì cả. Bà ấy sẽ khoẻ mạnh như thường. Đừng có làm cho bà ấy hoảng sợ".

Tám tháng sau, vào lúc bốn giờ sáng, đầu tháng hai, cơn đau đẻ của Marianne bắt đầu trước thời hạn. Những tiếng rên rỉ của nàng khiến Tony choàng tỉnh dậy.

Anh hối hả mặc quần áo. "Đừng lo, em yêu quý ạ. Anh sẽ đưa

em đến bệnh viện ngay lập tức".

Cơn đau thật là khủng khiếp. "Vội đi anh".

Nàng do dự không biết có nên nói với Tony về cuộc nói chuyện giữa nàng và bác sĩ John Harley hay không. Không, bà Kate nói đúng. Nàng phải tự quyết định lấy.

Cuộc sống rất tuyệt vời, cho nên Chúa sẽ không để xảy ra chuyện gì không hay cho nàng đâu.

Khi Marianne và Tony đến bệnh viện, mọi thứ đều đã sẵn sàng. Tony được đưa đến phòng đợi. Marianne được chở đến phòng khám bệnh. Ông bác sĩ sản khoa, Mattson, đo huyết áp cho nàng. Ông nhăn mặt, đo lại một lần nữa, rồi ngước mắt lên, nói với cô y tá, "Đưa bà ấy đến phòng mổ – nhanh lên!".

Tony đang đứng ở máy bán thuốc lá trong hành lang bệnh viện thì một giọng nói nổi lên ở sau lưng anh. "Phải, phải, nếu đó không phải là Rembrant". Tony quay lại. Anh nhận ra người đàn ông trước đây anh gặp trước căn hộ cũa Dominique. Không biết lúc ấy nàng gọi tên anh ta là gì nhỉ? À Ben. Người ấy nhìn Tony trừng trừng, với vẻ khó chịu. Hắn ta ghen chăng? Không biết Dominique đã nói gì với hắn? Ngay lúc ấy Dominique xuất hiện.

"Cô y tá bảo Micheline đang được săn sóc đặc biệt. Chúng ta sẽ đến..." Nàng nhìn thấy Tony, liền ngưng lại giữa câu nói.

"Tony, anh làm gì ở đây?"

"Vợ tôi sắp sinh".

“Mẹ anh đã sắp đặt việc này à?” Ben hỏi.

“Anh nói thế là nghĩa thế nào?”

“Dominique nói với tôi rằng mẹ anh sắp đặt mọi thứ cho anh, anh bạn ạ”.

“Ben, anh câm mồm đi!”

“Sao? Không phải là sự thật hay sao? Chính em nói như vậy mà”.

Tony quay về phía Dominique. “Anh này nói gì lạ vậy?”.

“Không có gì đâu”, Dominique nhanh nhảu nói. “Ben, chúng mình đi ra khỏi nơi này”.

Nhưng Ben vẫn lấy làm thích thú. “Tôi muốn được có một bà mẹ như anh, anh bạn ạ. Anh muốn có một người mẫu để ngủ chung thì mẹ anh mua ngay cho anh một người. Anh muốn có một cuộc triển lãm tranh ảnh ở Paris thì mẹ anh thu xếp cho anh có phòng triển lãm. Anh...”

“Anh điên rồi”.

“Anh mà điên à, Dominique?” Ben quay về phía Dominique, nói “Anh chàng này không biết hay sao?”

“Anh bảo tôi không biết cái gì?”

“Chẳng có gì cả, Tony ạ”.

“Anh này bảo mẹ tôi xếp đặt cuộc triển lãm ở Paris. Đó là điều nói dối, phải không?” Tony nhìn thấy nét mặt của Dominique. “Có phải thế không?”

“Không”, Dominique nói một cách miễn cưỡng.
“Cô muốn nói rằng mẹ tôi đã trả tiền cho Goerg để... để trưng bày tranh của tôi, phải không?”
“Tony, ông ấy thực sự thích các bức tranh của anh mà”.
“Nói cho anh ta biết về vụ nhà phê bình tranh đi, Dominique”, Ben thúc giục.
“Thôi thế là đủ rồi Ben”. Dominique quay lưng đi. Tony nắm cánh tay Dominique, giữ nàng lại. “Khoan đã. Cô nói cho tôi biết về nhà phê bình ấy đi. Có phải là mẹ tôi xếp đặt cho ông ta đến dự cuộc triển lãm tranh không?”
“Phải”, Dominique nói, giọng nàng hạ thấp xuống thành một tiếng thì thào.
“Nhưng ông ta ghét tranh của tôi mà.”
Nàng nghe giọng nói chàng có vẻ đau đớn. “Không. Ông ấy không ghét. André d'Usseau nói với mẹ anh rằng anh có thể đã trở thành một hoạ sĩ nổi tiếng.”
Anh đang phải đương đầu với một điều không thể nào tin nổi.
“Mẹ tôi cho ông d'Usseau tiền để ông ấy huỷ hoại tôi, phải thế không?”
“Không phải để huỷ hoại anh đâu. Bà tin rằng như thế là làm điều tốt cho anh.”
Tầm lớn lao của những gì mẹ anh đã làm thật là khủng khiếp. Mọi thứ bà nói với anh đều là giả dối cả. Bà không bao giờ có ý

định để cho anh sống cuộc sống của riêng anh. Thế còn André d'Usseau? Làm sao một người như ông ta mà lại có thể mua chuộc được? Nhưng mà dĩ nhiên, mẹ anh đã biết được cái giá của từng con người. Wilde có thể đã ám chỉ đến Kate khi ông nói về một con người biết được giá tiền của tất cả mọi thứ, nhưng không biết được giá trị của một thứ nào cả. Tất cả mọi thứ là để phục vụ cho công ty. Và công ty ấy chính là Kate Blackwell.

Tony quay lại, bước đi dọc hành lang như một người mù.

Trong phòng mổ, các bác sĩ đã chiến đấu tuyệt vọng để cứu sống Marianne. Huyết áp của nàng xuống thấp một cách đáng lo ngại, và nhịp tim của nàng hỗn loạn. Người ta cho nàng thở oxy, truyền máu, nhưng tất cả đều vô ích. Marianne nằm bất tỉnh do xuất huyết não khi đứa bé đầu tiên được đỡ ra, rồi nàng qua đời ba phút sau khi đứa bé sinh đôi thứ hai được lấy ra.

Tony nghe tiếng gọi, "Ông Blackwell." Anh quay lại. Bác sĩ Mattson đang đứng bên cạnh anh.

"Ông có hai đứa con gái sinh đôi rất kháu khỉnh và khoẻ mạnh, ông Blackwell ạ."

Tony nhận ra trong mắt ông có vẻ gì khác lạ. "Marianne – nhà tôi vẫn khoẻ chứ? Phải thế không?"

Bác sĩ Mattson thở một cái thật sâu. "Tôi rất lấy làm tiếc. Chúng tôi đã làm mọi cách có thể được. Bà ấy qua đời trên..."

"Bà ấy sao?" Đó là một tiếng kêu thét. Tony nắm chặt lấy áo ông

bác sĩ, lay thật mạnh. "Ông nói dối! Nhà tôi không chết!"
"Ông Blackwell..."
"Nhà tôi hiện ở đâu? Tôi muốn thấy bà ấy!"
"Ông không thể vào bây giờ được. Họ đang chuẩn bị..."
Tony thét lên. "Ông giết nhà tôi rồi! Ông là đồ chó đẻ! Ông giết bà ấy." Anh đấm lên người bác sĩ thùm thụp. Hai bác sĩ nội trú vội vã chạy vào, giữ tay anh lại.
"Nào. ông hãy bình tĩnh lại đi, ông Blackwell."
Bác sĩ John Harley vội vã đi đến nhóm người này.
"Thả ông ấy ra. Để chúng tôi nói chuyện riêng với nhau". Ông ra lệnh.
Bác sĩ Mattson và hai viên nội trú bỏ đi. Tony khóc nức nở.
"John, chúng nó giết Marianne rồi. Chúng ám sát nhà tôi."
"Chị ấy qua đời rồi ,Tony ạ. Tôi rất lấy làm đau buồn. Nhưng không ai giết chị ấy cả. Tôi đã nói với chị ấy cách đây nhiều tháng rằng nếu chị ấy cứ tiếp tục mang thai thì điều này có thể dẫn đến cái chết."
Phải một thời gian khá lâu nhưng lời lẽ này mới thấm vào đầu óc Tony. "Ông vừa nói gì lạ vậy?".
"Thế Marianne không nói với ông sao? Mẹ anh cũng không nói gì cả à?"
Tony nhìn John Harley chằm chằm, chưa hiểu gì cả, "Mẹ tôi?"
"Bà ấy nghĩ rằng tôi chỉ làm cho người ta hoảng hốt thôi. Bà

khuyên Marianne cứ tiếp tục mang thai. Tôi rất ân hận, Tony ạ. Tôi đã thấy hai đứa trẻ sinh đôi ấy. Chúng rất kháu khỉnh. Anh có muốn...?"

Nhưng Tony đã bỏ đi rồi.

Viên quản gia của Kate mở cửa cho Tony.

"Chào ông Blackwell."

"Chào bác Lester."

Viên quản gia đã nhận ra vẻ phờ phạc, nhếch nhác của Tony.

"Không có chuyện gì cả chứ, ông Blackwell?"

"Chẳng có chuyện gì cả. Bác cho tôi một tách cà phê được không, Lester?"

"Thưa ông, có ngay ạ."

Tony nhìn theo viên quản gia đi về phía nhà bếp. Nào, Tony, một tiếng nói trong đầu anh ra lệnh.

Phải, ngay bây giờ. Tony quay lại, bước đến phòng trưng bày chiến lợi phẩm. Anh đến một cái tủ nhỏ đựng bộ sưu tập súng. Anh nhìn chằm chằm vào những dụng cụ giết người được xếp đặt ngay ngắn, sáng ngời.

Mở tủ ra, Tony.

Anh mở tủ. Anh chọn một khẩu súng lục từ giá súng, kiểm soát nòng súng để tin chắc rằng nó đã được nạp đạn sẵn sàng.

Bà ấy sẽ ở lầu trên, Tony ạ.

Tony quay lại, bắt đầu bước lên cầu thang. Anh biết rằng không vì lỗi của mẹ anh mà bà ấy đã trở nên xấu xa như vậy. Bà ấy bị ám ảnh, và anh sẽ chữa trị cho bà. Công ty đã cướp mất linh hồn của bà, và bà Kate không chịu trách nhiệm về những gì bà làm. Mẹ anh và công ty đã hoà nhập lại với nhau thành một, và khi anh giết bà, công ty sẽ chết.

Bây giờ anh đang đứng ở ngoài phòng ngủ của bà Kate.

Mở cửa đi, tiếng nói ra lệnh.

Tony mở cánh cửa. Bà Kate đang mặc áo trước một tấm gương thì nghe tiếng cánh cửa mở ra.

“Tony! Con làm cái gì vậy...”

Tony chĩa súng vào người bà, rồi bắt đầu bóp cò.

Sidney Sheldon

Tay cự phách

Lương Thị Thận dịch

Chương 22

Quyền con trưởng thừa kế, tức là quyền hưởng chức tước tài sản gia đình của đứa trẻ sinh đầu tiên, có cội rễ ăn sâu trong lịch sử. Trong các gia đình vua chúa ở Âu Châu, một viên quan cao cấp phải hiện diện vào lúc sinh của vị thừa kế vị sẽ không bị tranh cãi. Vì vậy, bác sĩ Mattson phải cẩn thận ghi chép ai là người được đỡ ra trước tiên trong hai đứa trẻ sinh đôi.

Ai cũng phải đồng ý với nhau rằng những đứa con sinh đôi của Blackwell rất là xinh đẹp. Chúng nó khoẻ mạnh và có vẻ linh hoạt kì lạ. Các y tá trong bệnh viện luôn tìm cớ để đi vào xem hai đứa bé. Sự thu hút của chúng, mặc dầu không được thú nhận, một phần là do nhưng câu chuyện bí mật người ta loan truyền về gia đình của chúng. Mẹ chúng qua đời trong lúc sinh ra chúng. Cha chúng đã biến mất, và có tin đồn rằng ông ta đã bắn mẹ ruột của mình, nhưng người ta không thể xác nhận các lời đồn đại ấy. Báo chí không đề cập gì về chuyện này mà chỉ nói một cách

ngắn ngủi rằng Tony Blackwell đã bị suy sụp thần kinh và bị nhốt ở một nơi. Khi báo chí hỏi ông bác sĩ Harley thì ông ta đưa ra một câu nói cộc lốc. “Không bình luận.”

Những ngày vừa qua quả là địa ngục đối với ông bác sĩ John Harley. Chừng nào ông còn sống, ông vẫn còn nhớ mãi đến quang cảnh ông đã chứng kiến khi ông đi đến phòng bà Kate Blackwell sau khi nhận được một cú điện thoại rối rít của người quản gia. Kate nằm dài trên sàn nhà trong cơn hôn mê, với nhiều vết đạn ở cổ và ngực, máu tuôn ra nhuộm đỏ cả tấm thảm trắng.Tony đang sục sạo các tủ áo của mẹ anh cắt loạn xạ các chiếc áo của bà ra từng mảnh bằng một cái kéo.

Bác sĩ Harley đưa mắt nhìn bà Kate thật nhanh, rồi hối hả gọi xe cứu thương đến. Ông quỳ xuống bên cạnh bà Kate, bắt mạch. Mạch của bà rất yếu và rất nhỏ, mặt bà đang trở sang màu xanh nhợt. Bà sắp sửa bị kích ngất. Ông liền tiêm cho bà một mũi adrenaline và sodium bicarbonate.

“Chuyện gì xảy ra vậy?” Bác sĩ Harley hỏi.

Viên quản gia, mồ hôi vã ra như tắm, đáp, “Tôi... tôi không biết. Ông Blackwell bảo tôi đi pha cà phê cho ông. Lúc tôi đang ở trong bếp thì nghe tiếng súng nổ. Tôi chạy lên lầu thì thấy bà Kate Blackwell nằm trên sàn nhà, như thế này. Ông Blackwell lúc ấy đang đứng phía trên bà ấy và nói. “Nó sẽ không làm hại mẹ nữa đâu, mẹ ạ. Con đã giết nó rồi.” Thế rồi ông ấy đi đến tủ

áo và bắt đầu cắt các áo trong đó."

Bác sĩ Harley quay về phía Tony. "Anh làm gì ở đấy Tony?". Anh lại cắt xé dữ dội. "Tôi giúp mẹ tôi. Tôi đang huỷ hoại công ty. Chính nó đã giết mẹ tôi, ông hiểu không?"Anh lại tiếp tục cắt xé quần áo trong tủ.

Người ta đưa gấp bà Kate vào khu cấp cứu trong một bệnh viện tư của Kruger-Brent. Bà được truyền máu bốn lần trong khi bác sĩ mổ để lấy các viên đạn ra.

Phải có ba người y tá nam mới lôi được Tony vào trong chiếc xe cứu thương, sau khi bác sĩ John Harley tiêm cho anh ta một mũi thuốc để làm cho anh yên bớt. Một toán lính cảnh sát đáp ứng lời kêu gọi của xe cứu thương, và bác sĩ John Harley cho mời Brad Rogers đến để tiếp xúc với họ. Bằng phương tiện nào đó mà bác sĩ Harley không hiểu được, các giới truyền tin không đề cập một chút gì đến vụ nổ súng.

Bác sĩ Harley đi đến bệnh viện để thăm bà Kate Blackwell, lúc này đang được chăm sóc đặc biệt. Câu nói đầu tiên bà thều thào thốt ra là: "Con trai tôi đâu rồi?"

"Anh ấy được chăm sóc, bà Kate ạ. Anh ấy không hề gì đâu."

Tony được đưa đến một dưỡng đường tư ở Connecticut.

"Bác sĩ John này, tại sao Tony lại cố tình giết tôi?Tại sao?" Sự đau khổ trong giọng nói của bà dường như không thể nào chịu đựng nổi.

“Anh ấy oán trách bà về cái chết của Marianne.”

“Thật là điên rồ!”

John Harley không đưa ra lời bình luận nào.

Anh ấy trách bà về cái chết của Marianne!

Sau khi bác sĩ John Harley đã ra khỏi phòng, bà Kate nằm ở đó, không thể nào chấp nhận được những lời nói ấy. Bà đã yêu Marianne vì nàng đem lại hạnh phúc đến cho Tony. Tất cả những ước mơ của mẹ là dành cho con. Làm sao con không thể hiểu được điều ấy?

Thế nhưng anh ta đã ghét bà đến nỗi cố giết bà. Kate cảm thấy trong lòng tràn ngập đau khổ; bà chỉ muốn được chết. Nhưng bà không để cho mình phải chết. Bà đã làm những gì bà cho là phải. Họ đều lầm cả. Tony là một con người yếu đuối không dám một mình đương đầu với cuộc sống. Nhưng ta, Kate Blackwell, không yếu đuối. Ta có thể đương đầu với câu chuyện này, có thể đương đầu với bất cứ chuyện gì. Ta sẽ sống. Ta sẽ sống sót. Công ty của ta sẽ tồn tại.

Sidney Sheldon

Tay cự phách

Lương Thị Thận dịch

Chương 23

Kate hồi phục sức khoẻ ở Dark Harbor, để cho mặt trời và gió bể giúp bà chóng bình phục.

Tony ở trong một dưỡng đường tư để được sự săn sóc tốt nhất. Kate đã mời những nhà chuyên môn về tâm thần đến từ Paris, Vienna và Berlin, nhưng khi tất cả những cuộc thử nghiệm và khám nghiệm thực hiện xong, sự chẩn đoán của họ đều giống nhau: con trai bà bị chứng hoang tưởng bộ phận và tâm thần phân lập có khuynh hướng giết người.

"Anh ấy không có đáp ứng đối với các loại thuốc và biện pháp điều trị tâm lí. Chúng tôi phải giữ anh ấy trong tình trạng kiềm chế?"

"Kiềm chế như thế nào?"

"Anh ấy ở trong một căn phòng có bọc đệm xung quanh. Chúng tôi cho anh ấy mặc một thứ áo bó chặt chân tay hầu như suốt cả ngày."

“Có cần thiết phải làm như vậy không?”

“Thưa bà Blackwell, nếu không làm thế, anh ấy sẽ giết bất cứ ai lại gần.”

Bà đau đớn, nhắm đôi mắt lại. Họ không phải đang nói chuyện về Tony hiền lành, dịu dàng của bà, mà nói về một kẻ lạ mặt nào đó, một kẻ bị ám ảnh. Bà mở cặp mắt ra.

“Không có cách đi đến được tận trí óc của anh ấy. Chúng tôi vẫn cho anh ấy dùng thuốc, nhưng ngay khi thuốc hết hiệu lực thì anh ta lại điên cuồng trở lại. Không thể nào tiếp tục lối điều trị này mãi mãi được.”

Kate đứng thẳng người dậy. “Vậy ông đề nghị làm thế nào, bác sĩ?”

“Trong những trường hợp tương tự như vậy, chúng tôi phải lấy đi một phần não thuỳ tương tự như vậy, chúng tôi phải lấy đi một phần não thuỳ thì cũng tạo nên kết quả khả quan.”

Kate nuốt nước bọt đánh ực một cái. “Một cuộc phẫu thuật não thuỳ?”

“Đúng vậy. Con trai bà sẽ vẫn có thể hoạt động về mọi phương diện, duy chỉ có điều là anh ấy sẽ không còn có những cảm xúc mạnh mẽ bất thường nữa.”

Kate ngồi yên tại chỗ, đầu óc và thân thể bà như run lên vì lạnh. Bác sĩ Morris, một bác sĩ trẻ của bệnh viện Menninger, phá tan sự im lặng. “Tôi biết rằng bà khó có thể chịu đựng được một

hoàn cảnh như vậy. Nhưng nếu bà nghĩ đến..."
"Nếu đó là lối duy nhất để ngăn chặn sự đau khổ dày vò nó, thì các ông cứ tiến hành." Kate nói.
Frederick Hoffman muốn đem các cháu của ông về nuôi. "Tôi muốn đưa chúng nó về Đức."
Kate nhận thấy ông ta có vẻ như già đi đến hai mươi tuổi từ ngày Marianne qua đời. Bà thương hại ông ta, nhưng nhất định không chịu rời xa các con của Tony. "Chúng được nuôi dưỡng ở nơi này. Ông hãy đến thăm các cháu luôn."
Cuối cùng, ông Frederick đành phải nghe lời.
Hai đứa trẻ sinh đôi được đưa đến ở tại nhà bà Kate. Một dãy buồng nuôi trẻ được xép đặt dành cho chúng. Kate phỏng vấn các cô nuôi dạy trẻ, và cuối cùng tuyển được một cô người Pháp tên là Solange Dunas.
Kate đặt tên cho đứa sinh ra đầu tiên là Eve và đứa em sinh đôi của nó là Alexandra. Chúng giống nhau như hệt, khó mà phân biệt được đứa này với đứa kia. Trông chúng chơi đùa với nhau giống như là nhìn vào hình ảnh trong một tấm gương. Kate ngạc nhiên trước phép lạ kì diệu mà con trai bà và Marianne đã tạo ra. Chúng là những đứa trẻ thông minh, nhanh nhẹn và dễ bảo, nhưng chỉ ít tuần lễ, Eve có vẻ phát triển hơn Alexandra. Eve là đứa đầu tiên biết bò, nói chuyện và bước đi. Alexandra theo kịp nhanh chóng, nhưng ngay từ lúc đầu, Eve là đứa trẻ đi tiên

phong. Alexandra yêu thương chị nó, và cố bắt chước mọi thứ chị nó làm. Kate cố dành nhiều thì giờ tối đa để chơi với các cháu. Chúng làm cho bà thấy trẻ lại. Rồi bà lại bắt đầu mơ tưởng. Một ngày nào đó, khi ta già yếu, sẵn sàng rút lui thì...

Vào ngày sinh nhật đầu tiên của hai đứa trẻ song sinh, Kate tổ chức một bữa tiệc. Chúng có hai chiếc bánh sinh nhật y hệt như nhau, và hàng chục món quà của bạn bè, nhân viên công ty, và gia nhân. Tiệc sinh nhật lần thứ hai đến tiếp đó nhanh chóng. Kate không thể tin được rằng thời gian trôi qua nhanh như vậy, và các cháu bà cũng lớn lên như thổi. Bà có thể nhận ra rõ ràng hơn sự khác biệt về nhân cách của chúng: Eva, mạnh khoẻ hơn, táo bạo hơn, Alexandra thì dịu dàng hơn, sẵn sàng chịu sự điều khiển của chị nó. Kate thầm nghĩ, chúng nó không có mẹ có cha mà chúng yêu thương nhau như vậy thì đó là một phước lớn. Nhưng,vào đêm trước ngày sinh nhật thứ năm, Eve tìm cách giết Alexandra.

Đã khá lâu rồi, Eve vẫn ghét em nó. Nó nổi sùng lên một cách âm thầm khi có người nào đó bồng Alexandra lên vuốt ve nó hay cho nó một món quà. Eve cảm thấy như nó bị đánh lừa. Nó muốn có tất cả riêng cho nó – tất cả tình thương, tất cả những thứ đẹp đẽ xung quanh hai đứa. Nó không thể có một ngày sinh nhật riêng cho nó. Nó ghét Alexandra vì cô bé này giống nó. mặc quần áo y như nó, chiếm đoạt một phần tình thương của bà nội

mà đáng lẽ nó phải được hưởng hoàn toàn. Alexandra yêu mến Eve, nhưng Eve lại khinh bỉ Alexandra vì chuyện ấy. Alexandra có tính tình rộng rãi, sẵn sàng nhường lại cho Eve các con búp bê và đồ chơi, nhưng điều đó lại càng làm cho Eve thêm khinh bỉ. Eve không chia sẻ thứ gì cả. Cái gì thuộc về nó là của nó; nhưng như thế chưa đủ. Nó muốn bất cứ thứ gì mà Alexandra có. Đến đêm, dưới cặp mắt canh chừng của cô Solange Dunas, cả hai đứa bé cùng đọc kinh thật to, nhưng Eve bao giờ cũng thêm vào đó một lời cầu nguyện âm thầm rằng Chúa sẽ đánh chết Alexandra đi. Khi lời cầu nguyện ấy không được đáp ứng, Eve không thể chịu đựng được ý tưởng phải chia sẻ một bữa tiệc sinh nhật nữa với Alexandra. Khách khứa hôm ấy là những người bạn của riêng nó, các quà sinh nhật cũng là những quà riêng cho nó mà em gái nó sẽ đánh cắp từ tay nó. Nó phải giết Alexandra cho sớm.

Đêm trước hôm sinh nhật, Eve nằm trên giường, mắt mở thao láo. Khi đã biết chắc rằng mọi người trong nhà đều ngủ cả, nó đi đến giường của Alexandra đánh thức em nó dậy. “Alex.” nó thì thầm, “chúng mình xuống bếp xem các bánh sinh nhật đi.”

Alexandra nói với giọng còn ngái ngủ, “Mọi người đang ngủ cả.”

“Mình sẽ không đánh thức ai dậy cả.”

“Cô Dunas sẽ không bằng lòng đâu. Tại sao chúng ta không chờ đến sáng mai xem bánh cũng được?”

“Bởi vì chị muốn xem các bánh ấy ngay bây giờ. Em có đi hay không?”

Alexandra giụi mắt cho tỉnh ngủ. Nó chẳng thích gì xem các bánh ấy, nhưng không muốn làm chị nó phải buồn lòng. “Em đi.” nó nói.

Alexandra đi ra khỏi giường, xỏ chân vào đôi giày vải. Cả hai đứa đều mặc áo ngủ bằng ni lông màu hồng.

“Ta đi nào. Đừng có làm ồn ào nhé.” Eve nói.

“Vâng,” Alexandra đáp.

Chúng rón rén ra khỏi phòng ngủ, đi vào hành lang ngang qua cửa phòng cô Dunas, xuống chiếc cầu thang dốc dẫn xuông bếp. Đó là một cái bếp rất rộng, với hai chiếc lò lớn đốt bằng khí, sáu cái lò nhỏ, ba tủ lạnh và một tủ ướp lạnh có thể bước vào được. Trong tủ lạnh, Eve tìm thấy những chiếc bánh mà bà làm bếp Tyler đã làm xong. Một trong những chiếc bánh ấy có ghi dòng chữ, “Mừng sinh nhật Alexandra”, chiếc kia ghi, “Mừng sinh nhật Eve.”

Năm sau, Eve tự nhủ thầm. chỉ có một tên mà thôi.

Eve lấy chiếc bánh sinh nhật của Alexandra ra, đặt nó trên một cái thớt gỗ giữa bếp. Nó mở một ngăn kéo, lấy ra một gói nến đủ màu sắc.

“Chị làm gì thế?” Alexandra hỏi.

“Chị muốn xem khi mình đốt tất cả các cây nến lên nó sẽ trông

như thế nào.” Eve bắt đầu gắn các cây nến lên lớp kem trên bánh.

“Em nghĩ chị không nên làm thế, Eve ạ. Chị làm hỏng chiếc bánh ấy đi, chắc bà Tyler sẽ giận lắm đấy.”

“Bà ấy sẽ chẳng để ý đến đâu.” Eve mở một ngăn kéo khác, lấy ra hai hộp diêm lớn. “Nào, giúp đỡ chị một tay.”

“Em muốn về giường nằm ngủ.”

Eve quay lại nhìn em, giận dữ. “Thôi được, mày về giường mà nằm. Đồ nhát như thỏ. Để tao làm một mình.”

Alexandra do dự. “Chị muốn em làm gì nào?”

Eve đưa nó một hôp diêm. “Thắp các ngọn nến đi.”

Alexandra sợ lửa. Cả hai đứa đều được căn dặn về sự nguy hiểm của việc chơi diêm. Chúng đã được nghe nói những câu chuyện ghê gớm về những đứa trẻ không nghe lời căn dặn ấy. Nhưng Alexandra không muốn làm chị buồn lòng, vì vậy nó phải vâng lời, bắt đầu châm các ngọn nến.

Eve đứng nhìn em nó trong một lát. “Mày quên không châm những cây nến phía bên kia, đồ ngu,” nó nói.

Alexandra nhoài người ra để châm những ngọn nến ở phía xa, lưng nó quay về phía Eve. Ngay lập tức, Eve quệt một que diêm, đặt nó sát vào các que khác trong chiếc hộp nó đang cầm ở tay. Các que diêm này cháy xoè lên thành những ngọn lửa. Eve thả hộp diêm dưới chân Alexandra, làm cho gấu chiếc áo ngủ của

Alexandra bắt lửa. Một lát sau, Alexandra mới biết được chuyện gì đang xảy ra. Nó thấy đau đớn khủng khiếp ở chân, vội nhìn xuống, rồi hét to lên, “Cứu! Cứu tôi với!”

Eve nhìn chiếc áo đang bốc cháy, kinh hãi trước sự thành công mĩ mãn của mình. Alexandra đứng nguyên tại chỗ, cứng đờ, tê cóng vì sợ hãi.

“Đừng có động đậy !” Eve nói. “Để ta đi lấy một xô nước.” Nó hối hả chạy đến phòng chứa thực phẩm, tim đập rộn ràng với nỗi vui mừng pha lẫn chút sợ hãi.

Chính là nhờ một phim chớp bóng kinh hoàng mà người ta đã cứu sống được Alexandra. Đêm hôm ấy, bà Tyler, người đầu bếp của bà Blackwell, đi xem xi nê với một viên trung sĩ cảnh sát. Anh này thỉnh thoảng cũng chia sẻ chiếc giường nằm với bà ta. Đặc biệt tối hôm ấy, màn ảnh chiếu toàn những cảnh người ta chết chóc, cụt tay cụt chân một cách quá ghê rợn khiến cho bà Tyler không thể chịu đựng được nữa. Giữa một cảnh chặt đầu ghê rợn bà Tyler nói, “Richard này, có lẽ anh quen với những cảnh tượng này hàng ngày, chứ tôi thì không chịu nổi rồi.”

Viên trung sĩ Richard Dougherty miễn cưỡng đưa bà ra khỏi rạp xi nê.

Hai người về đến nhà bà Blackwell sớm hơn một giờ. Vừa mới mở cửa ra, bà nghe tiếng Alexandra kêu thét từ trong bếp. Bà Tyler và Richard liền nhảy xổ vào trông thấy cảnh kinh hoàng

trước mắt, họ lập tức ra tay hành động. Richard nhẩy đến chỗ Alexandra ngã lăn ra sàn nhà, nằm bất tỉnh. Bà Tyler đổ đầy một bình nước, rồi tưới lên ngọn lửa đang lan trên sàn nhà.

"Gọi ngay một chiếc xe cứu thương," Trung sĩ Richard Dougherty ra lệnh, "Bà Blackwell có nhà không?"

"Có lẽ bà ấy đang ngủ trên lầu."

Khi bà Tyler vừa gọi xong xe cứu thương, có tiếng khóc phát ra từ phòng chứa thực phẩm của viên quản gia, rồi Eve chạy ra, vác một xô nước, vừa chạy vừa khóc lóc điên cuồng.

"Alexandra có chết không?" Eve thét lên, "Nó chết rồi hay sao?"

Bà Tyler ôm nó trong hai cánh tay để an ủi. "Không, cháu yêu quý ạ. em nó không hề gì. Rồi nó sẽ khoẻ lại ngay thôi."

"Đó là do lỗi tại tôi", Eve nức nở. "Nó muốn thắp đèn nến trên cái bánh sinh nhật của nó. Lẽ ra tôi phải ngăn cản nó."

Bà Tyler vuốt lưng Eve. "Không hề gì đâu. Cháu đừng có tự trách mình như thế."

"Các que... que diêm ấy rớt ra khỏi tay tôi, thế là áo của nó bắt lửa. Ghê gớm quá!"

Trung sĩ Richard nhìn Eve, nói với vẻ thương xót, "Tội nghiệp con bé."

"Alexandra bị bỏng ở chân và lưng." bác sĩ Harley nói với Kate, "nhưng rồi nó sẽ khỏi ngay thôi. Vào thời buổi bây giờ, chúng tôi có thể chữa những trường hợp bị bỏng một cách kì diệu. Bà

hãy tin tôi đi, chuyện vừa rồi có thể đã gây một thảm kịch khủng khiếp.”

“Tôi biết.” Kate nói. Bà đã nhìn thấy những vết phỏng của Alexandra và rất lấy làm kinh sợ. Do dự một lúc bà nói tiếp, “Bác sĩ này, tôi lo về Eve hơn đấy.”

“Eve cũng bị thương hay sao?”

“ Không phải về thể chất. Con bé tội nghiệp ấy tự trách mình đã gây ra tai nạn. Nó bị những cơn ác mộng khủng khiếp. Ba đêm qua, tôi đã phải đi vào phòng nó, ôm nó trên tay, nó mới ngủ lại được. Tôi không muốn câu chuyện này gây nên chấn thương nặng hơn nữa. Eve là một đứa bé rất nhạy cảm.”

“Trẻ con dễ quên đi nhanh chóng. Nếu có vấn đề gì, bà cứ cho tôi biết, rồi tôi giới thiệu cho bà một bác sĩ nhi khoa.”

“Cảm ơn,” Kate nói đầy vẻ biết ơn.

Eve rất bối rối khó chịu. Buổi tiệc sinh nhật đã bị huỷ bỏ. Chính Alexandra đã đánh lừa để làm mình mất đi cơ hội này, Eve thầm nghĩ một cách chua chát.

Alexandra đã lành lại hoàn toàn, không mang một vết sẹo nào trên người. Eve cũng vượt qua được cảm giác tội lỗi một cách dễ dàng đến kì lạ. Vì bà Kate đã trấn an nó, “Tai nạn có thể xảy ra với bất cứ ai, cháu ạ. Cháu đừng có tự trách mình như thế.”

Eve đâu có tự trách mình. Nó trách bà Tyler tại sao bà ấy lại về nhà sớm để làm hư hỏng tất cả mọi sự? Nó đã chuẩn bị hoàn hảo

rồi mà.

Dưỡng đường, nơi Tony bị nhốt, nằm trong một vùng đất yên tĩnh có nhiều cây ở Connecticut. Kate vẫn đi xe đến đó thăm anh mỗi tháng một lần. Cuộc giải phẫu não thuỳ đã thành công. Anh không còn biểu lộ những dấu hiệu hung hãn nữa. Anh nhận ra được Kate và hỏi han về Eve và Alexandra. Nhưng anh không tỏ ra có ý muốn nào gặp chúng nó. Anh rất ít quan tâm đến bất cứ thứ gì. Anh có vẻ như vui thích. Không, không phải là vui thích, Kate chữa lại câu nói. Hài lòng thì đúng hơn. Nhưng hài lòng – về cái gì?

Kate hỏi ông Burger viên giam đốc dưỡng đường, "Con trai tôi có làm việc gì suốt mỗi ngày không?"

"Có chứ ạ, thưa bà Blackwell. Anh ấy ngồi hàng giờ để vẽ."

Con trai bà lẽ ra có thể làm chủ cả thế giới này, thế mà anh ta lại ngồi vẽ suốt ngày. Kate cố không nghĩ đến sự phí phạm nếu cái đầu óc thông minh sáng láng ấy bị mất đi vĩnh viễn. "Anh ấy vẽ cái gì vậy?"

Viên giám đốc tỏ vẻ bối rối. "Không ai có thể nhận ra được anh ấy vẽ cái gì."

Sidney Sheldon

Tay cự phách

Lương Thị Thận dịch

Chương 24

Trong hai năm kế tiếp, Kate rất lo lắng về Alexandra. Đứa bé ấy gặp hết tai nạn này đến tai nạn khác. Trong thời gian Eve và Alexandra nghỉ hè ở Bahamas trong một vùng đất thuộc gia đình Blackwell, Alexandra suýt bị chết chìm trong khi chơi với Eve trong bể bơi; may mà có bác làm vườn cứu kịp thời nên nó mới thoát chết. Năm sau, khi hai đứa đi cắm trại ngoài trời ở Palisades, không hiểu sao Alexandra bị trượt chân trên bờ vách núi, nhưng thoát chết nhờ bấu víu vào một bụi cây nhô ra khỏi sườn núi dốc.

"Bà muốn cháu trông nom em cháu cho thật kĩ", Kate căn dặn Eve. "Nó vô ý vô tứ, không biết tự giữ gìn như cháu đâu".

"Cháu hiểu". Eve nói một cách trang nghiêm. "Cháu sẽ trông nom nó".

Kate yêu các cháu gái, nhưng theo cách khác nhau. Chúng bây giờ đã bảy tuổi, và đều xinh đẹp giống như nhau, với tóc hoe dài,

mềm mại, những nét mặt thanh tú và cặp mắt McGregor. Chúng trông giống nhau, nhưng cá tính thì hoàn toàn khác nhau.Vẻ hiền lành của Alexandra khiến cho bà nhớ đến Tony, trong khi Eve giống bà hơn, cũng bướng bỉnh và tự mãn như vậy.

Một người tài xế lái xe chở chúng đến trường trong một chiếc xe Rolls Royce. Alexandra bối rối khi các bạn bè trông thấy nó đi học bằng xe hơi với tài xế lái, nhưng Eve lại lấy thế làm thích thú. Kate cho mỗi đứa một số tiền tiêu vặt hàng tuần, và ra lệnh cho chúng phải ghi chép mọi thứ chi tiêu. Eve lúc nào cũng tiêu hết tiền trước cuối tuần và vay tiền của Alexandra; Eve học cách điều chỉnh sổ sách sao cho bà nội không biết được. Nhưng Kate biết và bà không thể giấu một nụ cười. Mới bảy tuổi mà nó đã chứng tỏ là một tay kế toán có đầu óc sáng tạo.

Thoạt tiên, Kate vẫn nuôi dưỡng hi vọng thầm kín rằng một ngày kia Tony sẽ trở lại bình thường, rằng anh sẽ rời dưỡng đường để trở về với công ty Kruger-Brent. Nhưng thời gian trôi qua, giấc mơ ấy phai tàn dần. Người ta mặc nhiên hiểu rằng mặc dầu Tony có thể rời dưỡng đường để thực hiện những cuộc viếng thăm ngắn ngủi, anh sẽ không bao giờ có thể tham dự vào thế giới bên ngoài.

Lúc ấy là vào năm 1962, và khi Kruger-Brent trở nên thịnh vượng và mở rộng, nhu cầu có lãnh đạo mới trở lại càng trở nên cấp bách. Kate vừa ăn mừng lễ thất tuần. Tóc bà bây giờ đã bạc,

nhưng bà vẫn giữ dáng vẻ mạnh mẽ, thẳng thắng và linh hoạt, tràn đầy sức sống. Bà cũng biết rằng tuổi già mòn mỏi rồi đây sẽ bắt kịp bà. Bà phải chuẩn bị cho lúc ấy. Công ty phải được gìn giữ cho gia đình bà. Brad Rogers là một tay quản lí giỏi, nhưng ông ta không phải là một Blackwell. Ta phải sống cho đến khi hai đứa song sinh này có khả năng nắm lấy việc điều hành công ty. Bà nghĩ đến lời nói cuối cùng của Cecil Rhodes: "Việc đã làm còn quá ít, nhưng việc phải làm thì rất nhiều."

Hai đứa trẻ song sinh lên mười hai tuổi, sắp sửa trở thành nhưng thiếu nữ. Kate đã dành nhiều thì giờ ở bênh cạnh chúng, nhưng lúc này bà phải chú ý đến chúng nhiều hơn. Bây giờ là lúc phải đưa ra một quyết định quan trọng.

Trong tuần lễ Phục sinh, Kate và hai đứa trẻ song sinh hay đến Dark Harbor bằng máy bay của công ty. Hai cô gái này đã viếng thăm tất cả những tài sản đất đai của gia đình, ngoại trừ tài sản ở Johannesburg, nhưng trong số đó, Dark Harbor là nơi chúng thích hơn cả. Chúng yêu thích vẻ tự do hoang dã và hẻo lánh của hòn đảo này. Chúng thích đi thuyền buồm, bơi lội, trượt trên nước, và ở Dark Harbor có đủ các thứ này cho chúng. Eve yêu cầu bà nội cho phép nó đem bạn bè theo về nơi đó, như trong quá khứ, nhưng lần này bà từ chối. Bà nội, một người đàn bà đầy quyền lực, uy nghi, vẫn thường đi ra đi vào, ban bố một món quà ở nơi này hôn lên má ở nơi kia, thỉnh thoảng lại căn dặn các con

gái phải cư xử thế này, thế nọ, bà nội ấy bây giờ chỉ muốn được ở một mình với hai cháu. Lần này, các cô gái cảm thấy có gì khác lạ sắp sửa xảy ra. Bà nội chúng ngồi với chúng ở tất cả mọi bữa ăn. Bà đưa chúng đi chèo thuyền, bơi lội và cưỡi ngựa nữa. Kate điều khiển con ngựa với vẻ chắc chắn của một tay lão luyện.

Các cô gái vẫn còn giống nhau một cách lạ lùng, cả hai đều rất xinh đẹp, nhưng bà Kate quan tâm đến sự khác biệt của chúng hơn là sự giống nhau. Ngồi ở hàng hiên, nhìn xuống chúng vừa chơi xong một ván quần vợt, bà làm một bản tổng kết về chúng trong đầu óc. Eve là kẻ lãnh đạo, còn Alexandra chỉ là kẻ thừa hành. Eve là một vận động viên bẩm sinh, Alexandra vẫn còn gặp tai nạn. Chỉ mấy ngày trước đó, khi hai đứa cùng đi chơi trong một chiếc thuyền buồm nhỏ, Eve ngồi ở bánh lái. Gió thổi đến phía sau chiếc buồm, và cánh buồm lái theo chiều gió, xoay ngang một cái về phía đầu Alexandra. Cô gái không kịp tránh, bị quét ra khỏi thuyền và suýt chìm nghỉm. Một chiếc thuyền khác gần đó giúp Eve cứu Alexandra. Kate tự hỏi không biết tất cả những sự kiện như thế có liên quan gì đến việc Alexandra ra đời sau Eve ba phút hay không, nhưng các lí do không có gì là quan trọng. Kate đã có một quyết định. Trí óc bà không còn có gì phải thắc mắc nữa cả. Bà sẽ dồn tiền của bà về phía Eve, một sự đánh cuộc trị giá mười tỉ đô la. Bà sẽ kiếm một người chồng thật tốt

cho Eve, rồi khi bà lui về dưỡng già, Eve sẽ điều khiển công ty Kruger-Brent. Còn về Alexandra, nó sẽ có một cuộc đời giàu sang, và đầy đủ tiện nghi. Nó sẽ rất có khả năng trông coi các khoản trợ cấp từ thiện mà bà Kate đã thiết lập nên. Phải, như thế là rất tốt cho Alexandra. Nó vốn là một đứa trẻ dịu dàng, giàu lòng thương người.

Bước đầu tiên nhằm đến việc thực hiện dự tính này của bà Kate là sao cho Eve được theo học một trường thích hợp. Bà Kate chọn trường Briarcrest, một trường rất tốt ở Nam Carolina, "Cả hai cháu tôi đều ngoan ngoãn cả" bà Kate nói bà hiệu trưởng, Chandler, như vậy. "Nhưng bà sẽ nhận thấy rằng Eve là một đứa rất thông minh. Nó là một đứa con gái kì lạ, và tôi chắc chắn rằng bà sẽ giúp cho nó thâu nhận được tất cả mọi lợi ích của trường này".

"Alexandra à? Nó cũng dễ thương". Đó là một lối nói không ngụ ý gì khen ngợi cả, Kate đứng dậy.

"Tôi sẽ kiểm soát sự tiến bộ của chúng một cách điều đặn".

Bà hiệu trưởng nhận ra trong những câu nói của bà Blackwell một lời cảnh cáo nào đó, thật là kì lạ.

Eve và Alexandra yêu thích ngôi trường mới của chúng, đặc biệt là Eve. Nó cảm thấy được tự do vì sống xa nhà, không phải giải thích gì với bà nội và cô Solange Dunas. Các quy tắc ở trường Briarcrest rất nghiêm ngặt, nhưng Eve chẳng bận tâm gì về điều

ấy vì nó dễ dàng tránh né các quy tắc ấy. Mối bận tâm duy nhất của Eve là Alexandra cùng ở nơi này với nó. Khi Eve mới nghe nói đến trường Briarcrest, nó năn nỉ,"Bà cho cháu đi học một mình, được không?"

Bà nó đáp, "Không, cháu ạ. Bà nghĩ rằng cho Alexandra cùng đi với cháu thì tốt hơn".

Eve cố giấu nỗi bực tức. "Bà bảo sao cũng được bà ạ".

Nó lúc nào cũng tỏ ra lễ phép và thân ái khi ở bên cạnh bà nội, vì nó biết quyền lực nằm ở đâu rồi. Cha nó là một người điên khùng đang bị nhốt trong một dưỡng đường của người điên. Mẹ nó đã chết rồi. Chính bà nội mới là người kiểm soát tiền bạc. Nó biết gia đình nó rất giàu có. Nó không biết họ có bao nhiêu tiền tất cả, nhưng chắc là nhiều lắm – thừa để mua tất cả những thứ đẹp đẽ mà nó thích. Eve thích những thứ đẹp đẽ. Chỉ có vấn đề khó khăn duy nhất: Alexandra.

Một trong các hoạt động được ưa thích nhất ở Briarcrest là lớp học cưỡi ngựa. Phần nhiều các cô gái học trường này đều có ngựa riêng. Eve và Alexandra cũng được bà nội cho mỗi đứa một con ngựa vào ngày sinh nhật thứ mười hai. Jerome Davis huấn luyện viên cưỡi ngựa, xem các học trò trổ tài trong sân tập, nhảy qua hàng rào cao ba mươi phân, rồi sáu mươi phân, rồi cuối cùng nhảy qua hàng rào trên một thước ba. Davis là một trong những huấn luyện viên tài ba nhất trong xứ. Nhiều học trò của ông ta

được mề đay vàng, và ông rất thành thạo trong việc phát hiện ra một tay cưỡi ngựa có tài năng bẩm sinh. Người con gái mới đến trường, Eve Blackwell, là một trong những người ấy. Nó không cần phải suy nghĩ về việc gì nó sẽ làm, làm thế nào nắm dây cương hay ngồi trên yên ngựa. Nó với con ngựa là một, và trong khi người và ngựa nhảy vọt qua các hàng rào, làn tóc vàng óng của Eve bay tung trong gió, quang cảnh ấy thật là đẹp. Không có gì ngăn cản được cô bé ấy, Davis nghĩ thầm.

Tommy, tay giữ ngựa, ưa thích Alexandra hơn. Ông Davis nhìn Eve thắng yên ngựa, chuẩn bị đến phiên mình. Alexandra và Eve đeo những dải ruy băng màu sắc khác nhau để dễ phân biệt. Eve giúp Alexandra thắng yên ngựa trong khi Tommy bận bịu với một học sinh khác.

Davis được gọi đến toà nhà chính vì có điện thoại, rồi những gì xảy ra sau đó trở thành một vấn đề rắc rối vô cùng.

Do các chi tiết Davis thu nhặt và xếp đặt lại sau đó, ông được biết rằng Alexandra trèo lên ngựa, đi một vòng sân, rồi sắp sửa cho ngựa nhảy qua hàng rào thấp thứ nhất thì con ngựa bỗng chồm hai vó lên, ném Alexandra vào một bức tường. Nó bị ngã xuống bất tỉnh và suýt nữa bị vó ngựa đá vào mặt. Tommy khiêng Alexandra đến bệnh xá. Ở đó, ông bác sĩ của nhà trường chẩn đoán cho biết nó bị chấn thương nhẹ ở đầu.

“Không bị gãy xương, không có gì quan trọng cả”. Ông nói.

“Đến sáng mai cô ấy sẽ khoẻ mạnh như thường, sẵn sàng lên ngựa lại”.

“Nhưng nó có thể đã bị chết!” Eve thét lên.

Eve không chịu rời Alexandra. Bà Chandler nghĩ thầm rằng bà chưa hề bao giờ thấy một người chị hết lòng đối với em như vậy. Thật là cảm động.

Khi ông Davis đã đưa được con ngựa của Alexandra trở lại bài tập, ông thấy tấm mền lót yên ngựa đẫm cả máu. Ông nhấc nó lên thì thấy một miếng thiếc lởm chởm cắt ra từ hộp bia, nhô ra từ lưng ngực và đã cắm sâu vào da thịt khi chiếc yên ngựa bị ép xuống. Ông liền báo cáo với bà Chandler. Sau đó bà cho mở một cuộc điều tra ngay lập tức. Tất cả những cô gái đã đứng ở gần chuồng ngựa đều bị chất vấn.

Bà Chandler nói, “Tôi chắc rằng kẻ nào đặt miếng kim khí vào đó tưởng rằng đó là một trò tinh nghịch vô hại, nhưng thực ra nó có thể dẫn đến những hậu quả vô cùng nghiêm trọng. Tôi muốn biết tên cô nào bày ra cái trò này”.

Khi không có ai thú nhận cả, bà Chandler nói chuyện với họ, từng người một, tại văn phòng. Khi đến lượt Eve bị chất vấn, nó tỏ ra bối rối một cách lạ lùng.

“Cô có nghi ai gây ra chuyện này cho em gái cô không?” bà Chandler hỏi.

Eve nhìn xuống nói. “Con không muốn nói”. Nó lầm bầm.

“Vậy cô có thấy gì không?”

“Cháu xin bà, bà Chandler ạ...”.

“Eve, Alexandra có thể bị thương nặng rồi. Cô gái nào làm chuyện ấy phải bị trừng trị để lần sau đừng có xảy ra những chuyện như thế nữa”.

“Không phải là một cô gái nào làm chuyện ấy”.

“Cô nói gì vậy?”

“Đó là Tommy”.

“Tên giữ ngựa?”

“Vâng, thưa bà, cháu thấy hắn. Cháu tưởng hắn buộc dây nịt ngựa thôi. Cháu chắn hắn không có ý làm hại. Alexandra thường hay sai bảo hắn nhiều nên có lẽ hắn muốn cho em cháu một bài học. Trời, thưa bà Chandler, lẽ ra bà không nên buộc cháu phải nói ra điều này. Cháu không muốn gây rắc rối cho ai cả”. Tội nghiệp con bé, nó hối hận, gần như phát cuồng lên.

Bà Chandler đi vòng quanh bàn viết, rồi quàng tay lên người Eve. “Không hề gì đâu, Eve ạ. Cháu nói với ta như thế là phải. Bây giờ, hãy quên hết tất cả mọi thứ. Để bà sẽ lo việc này cho”.

Sáng hôm sau, khi các cô gái đi ra đến chuồng ngựa thì đã thấy có một tay giữ ngựa mới.

Ít tháng sau, lại thêm một chuyện khó chịu nữa xảy ra ở trường học. Nhiều cô gái đã bị bắt quả tang đang hút thuốc lá có chất ma túy, và một đứa trong bọn chúng tố cáo Eve đã cung cấp thứ ấy.

Eve chối lỗi một cách giận dữ. Bà Chandler liền cho lục lọi khắp mọi nơi thì phát hiện ra rằng chất cần sa được giấu trong ngăn kéo của Alexandra.

"Cháu không thể tin nổi chuyện này". Eve nói thật lớn. "Có kẻ nào đó đã bỏ thứ ấy vào đó. Cháu biết".

Bà hiệu trưởng báo cáo chuyện này với bà Kate, và bà này khen ngợi Eve hết lời vì đã tìm cách che chở cho em gái. Nó đúng là một McGregor.

Vào ngày sinh nhật thứ mười lăm, bà Kate đưa cả hai đứa đến một ngôi nhà của bà ở Nam Carolina, ở đó bà tổ chức một bữa tiệc mừng các cháu. Lúc này không phải là quá sớm để cho Eve làm quen với những chàng trai trẻ xứng đáng, vì vậy mọi chàng trai xứng đôi vừa lứa với nàng đều được mời đến tham dự.

Các cậu con trai đang ở vào tuổi chưa quan tâm đến các cô gái một cách nghiêm chỉnh, nhưng bà Kate cho rằng nhiệm vụ của bà là tạo nên cơ hội cho chúng quen biết nhau và kết thân với nhau. Biết đâu trong số ấy lại chẳng có một người chồng tương lai của Eve, một người thuộc về công ty Kruger-Brent về sau này.

Alexandra không thích tiệc tùng, nhưng lúc nào nó cũng làm ra vẻ vui thích để làm vừa lòng bà nội. Eve thì rất thích tiệc tùng. Nó thích được ăn mặc đẹp đẽ, được người ta ca ngợi, thán phục. Alexandra chỉ thích đọc sách và hội hoạ. Nó ngồi hàng giờ ngắm

các bức tranh của bố nó ở Dark Harbor, và ao ước được biết bố trước khi ông ta bị ốm. Tony về nhà vào những ngày nghỉ với một đàn ông khác đi kèm, nhưng Alexandra nhận thấy nó không cách nào lại gần bố được. Ông là một người lạ mặt vui vẻ, dễ mến, muốn làm vui lòng kẻ khác, nhưng chẳng có gì để nói cả. Ông ngoại của hai đứa trẻ, Frederick Hoffman, còn sống ở Đức, nhưng ốm yếu lắm. Chúng ít khi có dịp được gặp ông.

Trong năm thứ hai ở trường học Eve có mang. Trong nhiều tuần lễ nàng tỏ ra lừ đừ, mặt mũi tái nhợt, và bỏ học nhiều buổi sáng. Khi bắt đầu nôn oẹ thường xuyên, nàng được đưa đến bệnh xá để khám bệnh. Bà Chandler được mời đến đó gấp.

"Eve đã có mang", ông bác sĩ nói với bà Chandler.

"Nhưng nó chỉ mới là một đứa bé con thôi mà"

"Vâng nhưng đứa bé con này sắp làm mẹ rồi".

Eve tỏ ra can đảm, không chịu nói gì về chuyện này. "Cháu không muốn ai bị lôi thôi về chuyện này".

Đó là lối trả lời mà bà Chandler mong đợi ở một con người như Eve.

"Eve thân mến ạ, cháu phải nói cho ta biết chuyện gì đã xảy ra". Cuối cùng, Eve mới tiết lộ, "Cháu bị người ta hiếp". rồi khóc oà lên.

Bà Chandler lộ vẻ sửng sốt. Bà ôm thân hình run rẩy của Eve sát vào người bà, rồi hỏi, "Ai vậy?"

“Thầy Parkinson”.

Đó là thầy giáo dạy nàng môn Anh văn.

Nếu như một kẻ nào, ngoài Eve ra, nói với bà Chandler như vậy hẳn bà đã không tin. Joseph Parkinson là một con người trầm tĩnh, ít nói, đã có vợ và ba con. Ông đã dạy học ở trường Briarcrest được tám năm rồi, và là người mà bà không bao giờ ngờ có thể làm những chuyện như vậy.

Bà cho gọi ông Parkinson đến văn phòng, và lập tức bà biết rằng Eve đã nói sự thực. Ông ta ngồi trước mặt bà, mặt co rúm vì lo lắng.

“Ông biết vì sao tôi gọi ông lên đây chứ, ông Parkinson?”

“V... vâng, có lẽ vậy”.

“Vấn đề có liên quan đến Eve”.

“V... vâng, tôi... tôi cũng đoán ra thế”.

“Nó bảo chính ông đã hiếp nó”.

Parkinson nhìn bà có vẻ không tin. “Hiếp cô ấy? Lạy Chúa! Nếu có ai bị hiếp thì người ấy chính là tôi”. Trong lúc bị quá xúc động ông sa vào lỗi văn phạm tiếng Anh mà không hay.

Bà Chandler nói một cách khinh bỉ. “Ông có hiểu những gì ông đang nói không? Con bé ấy nó...”.

“Cô ấy không phải là một con bé”. Giọng ông ta có vẻ độc địa. “Nó là một con quỷ cái”. Ông lau mồ hôi trên trán. “Suốt cả học kì, cô ấy ngồi ở bàn đầu ở lớp tôi dạy, vén cao váy lên. Hết giờ

học, cô ấy lên bàn tôi, hỏi hết câu này đến câu khác một cách vô nghĩa trong khi ấy cô ta cứ cọ xát vào người tôi. Tôi vẫn không coi chuyện ấy là quan trọng. Thế rồi, vào một buổi trưa nọ, cách đây sáu tuần lễ, cô ấy đến nhà tôi trong khi vợ con tôi đi vắng rồi...". Giọng ông tắc lại. "Trời Giê su Chúa tôi! Tôi không chịu nổi nữa rồi". Ông ta bật khóc lên.

Người ta đưa Eve lên văn phòng. Dáng điệu của cô vẫn bình tĩnh. Cô nhìn thẳng vào mắt ông Parkinson, khiến ông ta phải quay mặt đi trước tiên. Trong văn phòng lúc ấy có bà Chandler, bà hiệu phó, viên cảnh sát trưởng địa phương.

Viên cảnh sát trưởng nói một cách ngọt ngào. "Cô có vui lòng nói cho chúng tôi biết câu chuyện xảy ra như thế nào không?"

"Vâng, thưa ông". Giọng Eve hết sức bình tĩnh. "Thầy Parkinson nói ông ấy muốn thảo luận về bài Anh văn của tôi. Ông yêu cầu tôi đến nhà ông vào trưa chủ nhật. Lúc ấy ông ở nhà một mình. Ông bảo ông muốn cho tôi xem một cái gì đó trong phòng ngủ, thế rồi tôi theo ông lên lầu. Ông lôi tôi xuống giường, rồi ông ấy..."

"Nói láo!" Parkinson thét lên. "Chuyện xảy ra không phải như vậy. Không phải như vậy!"

Bà Kate được mời đến và nghe giải thích các tình tiết. Bà đưa ra quyết định rằng, vì lợi ích chung của mọi người, câu chuyện này phải được giữ kín. Ông Parkinson bị đuổi khỏi trường và phải rời

khỏi tiểu bang trong vòng hai mươi bốn tiếng đồng hồ. Sau đó, người ta sắp đặt việc phá thai cho Eve một cách kín đáo.

Kate lặng lẽ mua đứt văn tự cầm cố của nhà trường, do một ngân hàng cầm giữ, rồi tịch thu để thế nợ.

Khi Eve được tin tức này, cô thở dài một tiếng, “Cháu rất lấy làm ân hận, bà ạ. Cháu thực sự thích cái trường ấy”.

Ít tuần lễ sau, Eve đã bình phục sau một cuộc phẫu thuật. Cô và Alexandra ghi danh học tại trường Fernwood, một trường học Thuỵ Sĩ gần Lausanne.

Sidney Sheldon

Tay cự phách

Lương Thị Thận dịch

Chương 25

Có một ngọn lửa bùng cháy trong con người của Eve, mà nàng không thể nào dập tắt được. Đó không phải là tính dục. Tính dục chỉ là một phần nhỏ thôi. Đó là một sự ham muốn đên cuồng được sống, một nhu cầu phải làm bất cứ thứ gì, phải trở thành bất cứ một hạng người nào. Cuộc đời là một người yêu, và Eve ham muốn một cách hung dữ chiếm đoạt lấy nó với tất cả những gì nàng có. Nàng ghen tị với tất cả mọi người. Đi xem ba-lê (ballet), nàng ghét các vũ công bởi vì nàng không được lên sân khấu nhảy múa và được khán giả hoan hô. Nàng muốn trở thành một nhà khoa học, một phẫu thuật gia, một phi công, một nữ nghệ sĩ. Nàng muốn làm tất cả mọi thứ, và làm giỏi hơn bất kì ai. Nàng muốn tất cả và không thể nào chờ đợi lâu hơn nữa.

Ở phía bên kia thung lũng, từ trường Fernwood nhìn sang, có một trường võ bị cho thanh niên. Lúc Eve mười tám tuổi, hầu hết tất cả sinh viên và non một nửa huấn luyện viên đều dính líu đến

nàng. Nàng ve vãn họ một cách trắng trợn và có những chuyện tình với họ một cách bừa bãi, nhưng vào lúc này, nàng đề phòng cẩn thận hơn vì không muốn bị mang bầu lần nữa. Nàng ưa thích tính dục, nhưng không phải nàng thích cái hành động tính dục mà thích cái uy quyền nó tạo ra cho nàng. Nàng là kẻ làm chủ tất cả. Nàng hể hả trước những cái nhìn van lơn của các thanh niên và đàn ông lớn tuổi nào muốn đưa nàng lên giường và ân ái với nàng. Nàng thích những lời hứa hẹn dối trá của bọn họ nhằm chiếm đoạt lấy nàng. Nàng ưa thích uy quyền của nàng trên thể xác của họ. Nàng có thể kích thích họ bằng một cái hôn, rồi khiến họ phải "xìu" đi bằng một lời nói. Nàng không cần đến họ, chỉ có họ mới cần đến nàng. Nàng kiểm soát họ hoàn toàn, và cảm xúc ấy thật là mạnh mẽ vô cùng. Chỉ trong vòng ít phút, nàng có thể đo lường những chỗ mạnh, chỗ yếu của một người đàn ông. Nàng cho rằng đàn ông là những kẻ điên rồ, tất cả bọn chúng đều thế.

Eve là một cô gái xinh đẹp, thông minh, thừa kế một trong những tài sản lớn nhất thế giới, nên có hàng chục nơi dòm ngó, đề nghị hôn nhân nghiêm chỉnh. Nàng không thích nơi nào cả. Những chàng trai mà nàng ưa thích là những người mà Alexandra có cảm tình hơn cả.

Trong một buổi khiêu vũ đêm thứ bảy, Alexandra gặp một sinh viên người Pháp trẻ, tỏ vẻ ân cần, tên là René Mallot. Anh không

đẹp trai, nhưng thông minh, nhạy cảm, và Alexandra cho rằng anh ta là tuyệt vời. Hai người chuẩn bị gặp nhau ở thị trấn vào thứ bảy sau.

“Bảy giờ nhé”, René nói.

“Em sẽ đợi”.

Trong phòng ngủ tối hôm ấy, Alexandra kể lại cho Eve về người bạn trai. “Anh ấy không giống như những người con trai khác. Hơi nhút nhát và dịu dàng. Chúng em sẽ đi xem hát với nhau vào thứ bảy này”.

“Em thích anh chàng ấy lắm, phải không, cô em bé nhỏ?” Eve trêu chọc.

Eve nằm xuống giường, hai tay chắp lại sau gáy. “Không, chị không biết. Em nói đi. Có phải anh chàng ấy cố dụ em lên giường với hắn, phải không?”

“Eve! Anh ấy không phải hạng người như vậy đâu. Em nói với chị là anh ấy nhút nhát mà”.

“Phải, phải. Cô em gái bé nhỏ của tôi đã si tình rồi”.

“Dĩ nhiên là không. Lẽ ra em không nên nói với chị chuyện này”.

“Chị rất mừng là em đã nói cho chị biết”, Eve nói một cách thành thực.

Khi Alexandra đến trước rạp hát vào ngày thứ bảy sau, nàng không thấy René đâu cả. Alexandra chờ ở góc phố cho đến một

giờ đồng hồ, không để ý đến những cái nhìn tò mò của khách qua đường. Nàng cảm thấy mình như một con điên. Cuối cùng, nàng phải ăn cơm một mình trong một quán cà phê nhỏ, rồi trở về trường, hết sức khổ sở. Eve không ở trong phòng. Alexandra ngồi đọc sách cho đến khuya, rồi tắt đèn. Đến hai giờ sáng, Alexandra nghe tiếng bước chân Eve rón rén đi vào phòng.

"Em đang lo lắng cho chị quá". Alexandra thì thào.

"Chị gặp vài người bạn cũ – Còn em thì thế nào? Tuyệt vời chứ?"

"Tệ lắm chị ạ. Anh ấy không thèm đến".

"Tệ quá nhỉ" Eve ra vẻ thông cảm. "Em phải rút kinh nghiệm là đừng bao giờ tin cậy bọn đàn ông".

"Không biết có chuyện gì xảy ra với anh ấy không?"

"Không đâu, Alex ạ, chị cho rằng anh ta có lẽ đã gặp một người nào đó anh ta thích hơn".

Đúng vậy, Alexandra thầm nghĩ. Nàng không lấy thế làm ngạc nhiên cho lắm. Nàng không biết rằng nàng xinh đẹp đáng yêu như thế nào. Từ nhỏ đến lớn nàng sống trong cái bóng của người chị sinh đôi. Nàng yêu mến chị, và cho rằng nếu có ai đó say mê Eve thì đó cũng là điều phải thôi. Nàng cảm thấy mình thua kém Eve, nhưng nàng không bao giờ nghĩ rằng người chị gái của nàng đã nuôi dưỡng cái ý nghĩ ấy từ ngày còn bé.

Có nhiều cuộc lỡ hẹn khác nữa. Những chàng trai Alexandra

thích cũng tỏ ra vẻ mến nàng, nhưng sau đó họ không bao giờ gặp lại nàng lần nữa. Vào một ngày cuối tuần nọ, nàng bất ngờ gặp René trên đường phố của Lausanne. Anh vội vã đi lại gần nàng và nói, "Có chuyện gì vậy? Em đã hứa sẽ gọi cho anh kia mà".

"Gọi anh? Anh nói gì lạ vậy?"

Anh ta bước lùi lại, như chợt hiểu ra. "Eve đó phải không...?"

"Không, Alexandra".

Mặt anh ta đỏ bừng lên. "Tôi... tôi xin lỗi. Tôi phải đi ngay bây giờ".

Thế rồi anh ta vội vã bỏ đi, để nàng lại một mình, nhìn theo bối rối.

Tối hôm ấy, Alexandra kể lại cho Eve nghe chuyện này. Eve nhún vai nói. "Hắn rõ ràng là một thằng điên. Tốt hơn hết là em tránh hắn đi, Alex ạ".

Mặc dầu Eve sành sỏi về đàn ông, có một điểm yếu của họ mà nàng không biết và chính điều đó đã gần như gây tai hoạ cho nàng. Từ thuở xa xưa, đàn ông vẫn có tính hay khoe khoang về những cuộc chinh phục của họ, và các sinh viên ở trường võ bị không phải là ngoại lệ. Họ bàn tán với nhau về cô Eve Blackwell với vẻ thán phục pha lẫn kinh sợ.

"Khi cô ấy đã làm xong xuôi mọi việc với tôi rồi, tôi không còn cựa quậy được nữa..."

“Tôi không bao giờ nghĩ rằng mình lại gặp được một “cái mông” như thế...”

“Lạy Chúa nó giống như một con hổ cái”.

Ít nhất có đến hàng chục bọn con trai và nửa tá huấn luyện viên ca ngợi khả năng tình dục của Eve. Vì vậy, câu chuyện này trở thành một điều bí mật mà trong trường ai cũng biết. Một trong các huấn luyện viên kể lại câu chuyện bàn tán này với một cô giáo ở Fernwood, rồi cô này báo cáo lại với bà Collins, hiệu trưởng của trường này. Một cuộc điều tra kín đáo được mở ra, kết quả là có một cuộc họp giữa bà hiệu trưởng và Eve.

“Tôi nghĩ rằng vì danh tiếng của nhà trường, cô nên rời khỏi nơi này”.

Eve nhìn bà hiệu trưởng trừng trừng như thể cô cho rằng bà này bị loạn trí. “Bà nói cái gì lạ đời vậy?”

“Tôi đang nói về chuyện cô bấy lâu nay phục vụ cho một nửa số người ở trường võ bị. Còn nửa kia đang xếp hàng, nôn nóng chờ đợi”.

“Tôi chưa hề bao giờ được nghe những lời dối trá như vậy”. Giọng Eve run lên vì bực tức. “Bà không nghĩ rằng tôi sẽ báo cáo chuyện này với bà nội tôi sao? Nếu bà ấy nghe được...”.

“Cô khỏi phải làm chuyện ấy”, bà hiệu trưởng ngắt lời. “Tôi muốn tránh sự bối rối, khó xử cho trường chúng tôi, nhưng nếu cô không ra đi một cách lặng lẽ, tôi có sẵn một danh sách dài dự

định sẽ gửi đến cho bà nội cô".

"Tôi muốn xem cái danh sách ấy".

Bà Collins đưa cho Eve, không nói một lời nào. Đó là một danh sách dài. Eve đọc thật kĩ và nhận ra rằng nó còn sót ít nhất là bảy tên. Nàng ngồi yên lặng, suy nghĩ.

Cuối cùng nàng ngẩng đầu lên, nói với một vẻ oai vệ, "Rõ ràng đây là một âm mưu chống lại gia đình tôi. Một kẻ nào đó muốn dùng tôi để gây bối rối cho bà nội tôi. Tôi sẵn lòng rời khỏi nơi này, thay vì để cho chuyện ấy xảy ra".

"Như thế là một quyết định khôn ngoan", bà Collins nói một cách lạnh nhạt. "Sẽ có một chiếc xe hơi đưa cô ra phi trường vào sáng mai. Tôi sẽ đánh điện cho bà nội cô để bà ấy biết cô sắp về nhà. Bây giờ cô có thể đi ra khỏi đây".

Eve quay lưng lại, bước ra cửa, rồi đột nhiên nàng quay lại hỏi, "Thế còn em gái tôi?"

"Cô ấy sẽ ở lại đây".

Khi Alexandra trở về phòng ngủ, nàng thấy Eve đang gói ghém quần áo. "Chị đang làm gì vậy?"

"Chị về nhà".

"Về nhà? Ngay giữa học kì hay sao?"

Eve quay về phía cô em gái. "Alex, em không nhận ra rằng đi học tại trường này là một sự phí phạm lớn hay sao? Chúng mình chẳng học được gì ở đây cả. Chỉ là giết thì giờ thôi".

“Chị đã nói với bà Collins chưa?”

“Có, mới cách đây mấy phút”.

“Thế bà ấy bảo sao?”

“Lại còn phải hỏi nữa? Bà ấy khổ sở lắm.Bà ấy sợ mất danh tiếng của trường bà, nên bà năn nỉ xin chị ở lại”.

Alexandra ngồi xuống bên mép giường. “Em chẳng biết nói sao nữa”.

“Em chẳng cần phải nói gì nữa hết. Chuyện này chẳng có liên quan gì đến em”.

“Dĩ nhiên có liên quan chứ. Nếu chị ở đây khổ sở như thế thì...” nàng ngưng lại. “Có lẽ chị nói đúng. Mình quả có phí thì giờ thật. Ai mà cần chia động từ tiếng latinh kia chứ?”

“Đúng vậy. Hay ai cần biết cái ông Hannibal nào đó với cái thằng em trai khốn kiếp của ông ta tên là Hasdrubal?”

Alexandra bước đến chiếc tủ gắn vào tường, lấy ra chiếc va li của nàng, đặt nó lên giường.

Eve tủm tỉm cười. “Chị không yêu cầu em rời khỏi nơi này, Alexạ. Nhưng chị cũng rất vui sướng nêu chúng ta cùng về nhà với nhau”.

Alexandra bóp bàn tay chị thât mạnh. “Em cũng vậy”.

Eve nói, làm ra vẻ tình cờ. “Chị bảo em thế này nhé. Trong khi chị xếp đặt đồ đạc, em hãy gọi điện cho bà nội để tin cho bà biết chúng mình sẽ đi máy bay về nhà ngày mai. Em nói với bà rằng

chúng mình không thể chịu nổi nơi này. Em có chịu làm cho chị không?"

"Được". Alexandra do dự. "Em lo rằng bà nội sẽ không bằng lòng".

"Đừng có lo về chuyện bà già ấy". Eve nói với vẻ tin tưởng. "Chị có cách giải quyết với bà".

Alexandra không có lí do nào để nghi ngờ điều ấy. Eve có thể xoay xở bà nội theo ý muốn của nàng. Thế nhưng mà, Alexandra thầm nghĩ, ai mà có thể từ chối Eve điều gì?

Nàng liền đi gọi điện thoại.

Bà Kate Blackwell có nhiều bạn bè, kẻ thù và những người kết giao trong giới kinh doanh ở các địa vị cao cấp, nên trong những tháng vừa qua có nhiều tin đồn khó chịu đã lọt đến tai bà. Thoạt tiên bà không để ý, cho rằng đó là do sự ghen tị nhỏ. Nhưng rồi các tin đồn ấy vẫn cứ dai dẳng. Eve đã giao du quá nhiều với bọn con trai ở trường võ bị. Eve đã có một lần phá thai. Eve đang được chữa trị vì một bệnh phong tình.

Vì vậy, khi được tin các cháu gái sắp về nhà, bà cũng cảm thấy đôi chút nhẹ nhõm. Bà dự tính sẽ tìm hiểu cặn kẽ về các tin đồn xấu xa ấy.

Ngày các cô gái trở về, bà ngồi ở nhà chờ đón chúng. Bà dẫn Eve vào phòng khách, cách xa phòng ngủ của bà, và nói, "Bà có nghe một số chuyện đáng buồn, vì vậy hôm nay bà muốn biết vì

lí do nào mà cháu bị đuổi ra khỏi trường?" Mắt bà như xoáy vào mắt hai cô cháu gái.

"Chúng cháu không bị đuổi khỏi trường", Eve đáp. "Alex và cháu đã quyết định rời khỏi nơi ấy".

"Vì một số chuyện lôi thôi với bọn con trai, phải không?"

Eve nói, "Cháu xin bà. Cháu không muốn nhắc đến chuyện ấy nữa".

"Bà nghĩ rằng rồi thế nào cháu cũng phải nói. Cháu đã làm những gì?"

"Cháu không làm gì cả. Chỉ có Alex nó..."

"Alex nó sao?" Bà Kate hỏi gay gắt.

"Cháu xin bà đừng trách nó". Eve vội vã nói. "Cháu tin chắc rằng nó ở trong một hoàn cảnh không thể cưỡng lại được.Nó thích cái trò chơi trẻ con là giả làm cháu. Cháu không biết nó đã làm những chuyện gì cho mãi đến khi bọn con gái trong trường bắt đầu bàn tán. Hình như là nó đi lại với rất nhiều bọn con trai". Đến đây Eve ngưng lại, không nói thêm được nữa, vì quá bối rối.

"Giả làm cháu à?" Bà Kate choáng váng. "Tại sao cháu không tìm cách ngăn cản nó?"

"Cháu cũng cố hết sức". Eve ra vẻ khổ sở. "Nó doạ tự tử. Trời, bà ạ, chúa nghĩ rằng Alexandra có tính tình hơi..." Nàng làm ra vẻ như cố gắng thốt ra một tiếng – "hơi bất ổn định. Nếu bà nói chút gì với nó về chuyện này thì cháu rất lo sợ không biết nó có

thể làm chuyện dại dột gì". Đôi mắt đẫm lệ của Eve lộ vẻ đau khổ rõ rệt.

Bà Kate cảm thấy lòng mình như nặng trĩu trước vẻ đau khổ sâu sắc của Eve. "Eve ạ cháu đừng có khóc, cháu yêu quý. Bà sẽ chẳng nói gì với Alexandra đâu. Câu chuyện này chỉ có bà và cháu biết với nhau thôi".

"Cháu... cháu không muốn cho bà biết chuyện này. Trời, bà ạ". Nàng nức nở. "Cháu biết rằng nó làm cho bà buồn lòng lắm".

Sau đó, vào giờ uống trà, bà Kate nhìn Alexandra chăm chú. Con bé ấy bề ngoài xinh đẹp ngoan ngoãn thế, nhưng bên trong thì hư hỏng, thối nát, bà thầm nghĩ. Alexandra dính líu vào những vụ bẩn thỉu như thế đã là một hành động, xấu xa lắm rồi, ấy thế mà nó còn tìm cách trút tất cả những lời chê trách lên đầu chị nó nữa! Bà Kate thấy khiếp hãi!

Hai năm kế tiếp đó, Eve và Alexandra hoàn tất việc học ở trường của bà Porter. Eve tỏ ra rất kín đáo. Nàng đã bị khiếp hãi vì câu chuyện suýt gây nguy hại cho nàng vừa rồi. Nàng không được làm gì khả dĩ gây nguy hại đến mối liên hệ với bà nội. Bà già này không còn sống lâu nữa. Nay bà đã bảy mươi chín tuổi rồi. Eve quyết sẽ trở thành người thừa kế của bà nội.

Để mừng ngày sinh nhật thứ hai mươi mốt của các cháu gái bà, bà Kate đưa hai cháu đi Paris để mua cho chúng ít quần áo mới ở hiệu Coco Chanel.

Trong một bữa tiệc nhỏ ở nhà hàng Le Petit Bedouin, Eve và Alexandra gặp bá tước Alfred Maurier và bà vợ là nữ bá tước Vivien. Ông bá tước là một người trạc ngũ tuần, trông có vẻ sang trọng với mái tóc bạc xám và thân thể cứng cáp của một vận động viên thể dục. Vợ ông ta là một người đàn bà vui vẻ và nổi tiếng là hay đãi đằng các khách quốc tế.

Eve không để ý đến cả ông bá tước lẫn bà bá tước, ngoại trừ một câu nhận xét nàng thoáng nghe được do một người nào đó nói với bà bá tước, "Tôi rất ao ước được như bà và ông bá tước. Hai vị là một cặp vợ chồng hạnh phúc nhất. Hai vị lấy nhau bao nhiêu lâu rồi nhỉ? Hai mươi lăm năm rồi phải không?"

"Năm tới là hai mươi sáu", Alfred đáp. "Và có lẽ tôi là người Pháp duy nhất trong lịch sử không hề bao giờ phản bội vợ mình".

Mọi người đều cười rộ, trừ Eve. Trong phần còn lại của buổi tiệc hôm ấy, nàng nhìn chăm chú ông bá tước và vợ ông ta. Eve không thể tin tưởng được ông bá tước ấy thấy gì hấp dẫn ở người đàn bà trung niên có da thịt mềm xèo ấy. Có lẽ ông ta chưa hề bao giờ được biết làm tình thực sự là như thế nào. Cái lối khoe khoang của ông ta thật là ngu xuẩn. Bá tước Alfred Maurier là một cuộc thử thách đối với nàng.

Ngày hôm sau, Eve gọi điện thoại cho Maurier tại văn phòng của ông ta. "Đây là Eve Blackwell. Có lẽ ông không nhớ tôi,

nhưng...".

"Làm sao tôi lại quên cô được, hỡi cô bé. Cô là một trong hai cô cháu gái xinh đẹp của bà bạn tôi. Kate Blackwell".

"Tôi rất hân hạnh được ông nhớ đến, ông bá tước ạ. Tôi xin lỗi đã quấy rầy ông, nhưng tôi được nghe nói là ông rất sành về các loại rượu vang. Tôi đang chuẩn bị một bữa tiệc cho bà nội tôi". Nàng phát ra một tiếng cười buồn bã. "Tôi muốn biết nên dọn ra loại rượu nào, nhưng tôi lại không biết gì về các loại rượu cả.Ông có thể vui lòng chỉ bảo cho tôi được không".

"Tôi rất sẵn lòng", ông nói với vẻ khoái trá. "Điều đó tuỳ thuộc vào thức ăn nào cô đang dọn ra. Nếu bắt đầu ăn bằng món cá thì nên dùng thứ rượu ngon và nhẹ tên là Chablis là thích hợp...".

"Trời, làm thế nào mà nhớ được những thứ này nhỉ. Hay là tôi đến thăm ông để bàn thêm về chuyện này có được không? Ông có rảnh đến dùng cơm trưa với tôi ngày hôm nay không?"

"Để làm vui lòng một người bạn cũ thì tôi chắc có thể thu xếp được".

"Thế thì hay quá". Eve đặt ống nghe xuống chậm rãi. Đó sẽ là một bữa ăn trưa mà ông bá tước sẽ phải nhớ đời.

Hai người gặp nhau ở Laserre. Cuộc thảo luận về rượu chỉ ngắn ngủi thôi. Eve lắng nghe bài thuyết trình chán phèo của ông Maurier với vẻ sốt ruột, rồi cắt ngang câu nói của ông ta. "Em mê anh quá, anh Alfred ạ".

“Em nói rằng em mê anh quá”.
Ông nhắp một hớp rượu. “Một năm được mùa nho”. Ông vỗ nhẹ lên bàn tay của Eve, rồi tủm tỉm cười. “Bạn bè tốt thì đều mến nhau cả”.
“Em không nói về tình yêu bạn bè, Alfred ạ”.
Thế rồi ông bá tước nhìn vào mắt Eve, và biết ngay rằng thứ tình yêu mà nàng muốn nói là tình yêu gì rồi. Ông lo sợ rõ rệt. Cô gái này chỉ mới hai mươi mốt tuổi, mà ông thì đã quá tuổi trung niên rồi và là một người chồng hạnh phúc. Ông thực sự không hiểu được cái gì đã len lỏi vào đầu óc của các cô gái trẻ vào thời buổi này. Ông ngồi đối diện với nàng mà cảm thấy bối rối, không yên. Ông lắng nghe nàng nói, và càng thấy bứt rứt hơn nữa bởi vì cô gái ấy có lẽ là người đàn bà xinh đẹp nhất, hấp dẫn nhất ông chưa từng gặp. Nàng mặc một chiếc váy xếp nếp màu “beige” và một chiếc áo len xanh mềm làm lộ ra bộ ngực căng phồng. Nàng không đeo nịt ngực nên ông thấy rõ những cái núm trên nhũ bộ nàng nhô lên. Ông nhìn khuôn mặt trẻ ngây thơ mà không biết ăn nói làm sao. “Cô... cô chưa hề biết rõ tôi”.
“Có chứ, em vẫn mơ tưởng đến anh từ ngày em còn nhỏ. Em tưởng tượng đến một người đàn ông mặc bộ áo giáp bóng loáng, cao, đẹp trai, và...”.
“Nhưng tôi e rằng bộ áo giáp của tôi hơi bị rỉ sét. Tôi...”.
“Xin anh đừng có chế giễu em nữa”, Eve năn nỉ. “Khi em thấy

anh ở bàn tiệc tối hôm qua, em nhìn anh, không thể rời mắt. Em không nghĩ đến chuyện gì khác nữa từ lúc ấy. Em đã không ngủ được. Em không thể gạt hình ảnh anh ra khỏi đầu óc em dù chỉ trong chốc lát". Điều này cũng hầu như là đúng.

"Tôi... tôi không biết nói với cô thế nào nữa, Eve ạ. Tôi là một người chồng hạnh phúc. Tôi...".

"Trời, em không thể nói em thèm muốn được như vợ anh biết chừng nào. Bà ấy là người may mắn nhất trên thế gian này. Không biết bà ấy có nhận thấy như vậy không, Alfred nhỉ".

"Cố nhiên bà ấy nhận ra điều ấy. Tôi nói với bà luôn luôn như vậy". Ông tủm tỉm cười với vẻ lo lắng, không biết làm thế nào để xoay sang vấn đề khác.

"Bà ấy có thực sự thích anh không? Bà ấy có biết rằng anh nhạy cảm như thế nào không? Bà ấy có biết lo lắng cho hạnh phúc của anh hay không? Nhưng em thì quan tâm đến các vấn đề ấy".

Ông bá tước cảm thấy mỗi lúc mỗi thêm khó xử. Ông nói, "Cô rất xinh đẹp. Rồi một ngày kia cô sẽ gặp được một chàng hiệp sĩ trong chiếc áo giáp sáng loáng, không rỉ sét, rồi thì...".

"Em đã tìm thấy chàng ấy rồi, và em muốn được ân ái với chàng".

Ông bá tước nhìn xung quanh, sợ có ai nghe tiếng. "Tôi xin cô, Eve!".

Nàng vươn người về phía trước."Em chỉ yêu cầu có từng ấy. Kỉ

niệm này sẽ tồn tại với em suốt cả cuộc đời".

Ông bá tước nói một cách cương quyết, "Không thể thế được. Cô đang đặt tôi vào một tình thế hết sức khó xử. Những cô gái trẻ như cô không nên đưa ra những lời gạ gẫm như thế với người lạ mặt".

Chậm rãi, đôi mắt Eve nhoà lệ. "nh nghĩ em như vậy sao? Em gạ gẫm hay sao? Em chỉ biết một người đàn ông duy nhất trên đời. Chúng em đã đính hôn và sắp sửa cưới nhau". Nàng không cần phải chùi đi những giọt nước mắt. "Anh ấy rất tốt, hiền lành và yêu mến em. Sau đó anh ấy bị chết trong một tai nạn leo núi. Chính mắt em trông thấy, thật là kinh khủng quá".

Bá tước Maurier đặt một bàn tay lên người nàng. "Tôi rất ân hận".

"Anh làm em nhớ đến anh ấy. Khi em gặp anh lần đầu tiên, em tưởng như là Bill trở về với em. Nếu anh chỉ dành cho em một giờ thôi, em sẽ không bao giờ quấy rầy anh nữa. Anh sẽ không cần phải gặp em lại lần nữa. Em van anh, anh Alfred!".

Ông bá tước nhìn Eve một hồi lâu, như cân nhắc phải giải quyết như thế nào.

Dù thế nào đi chăng nữa, ông cũng là một người Pháp.

Hai người ở cùng nhau suốt một buổi trưa ở một khách sạn nhỏ trên đường Sainte Anne. Trong tất cả các kinh nghiệm của ông trước khi ông lập gia đình, bá tước Maurier chưa hề bao giờ ăn

nằm với ai giống như Eve. Nàng là một cơn gió lốc, một vị nữ thần xinh đẹp, một con quỷ sứ. Nàng biết quá nhiều. Đến cuối trưa hôm ấy, Bá tước Maurier hoàn toàn kiệt sức.

Trong khi hai người đang mặc quần áo, Eve nói, "Khi nào thì em có thể gặp lại anh, anh yêu quý?"

"Anh sẽ gọi điện thoại cho em", Maurier nói.

Ông không dự tính gặp lại cô gái này nữa. Nàng có vẻ gì đó làm cho ông khiếp hãi – một cái gì xấu xa tội lỗi. Nàng là thứ mà người Mỹ gọi là "bad news" (tin xấu), nên ông không có ý định dính líu với nàng nhiều hơn nữa.

Câu chuyện này lẽ ra đến đó là chấm dứt, nếu hai người không bị bà Alicia Vanderlake trông thấy khi họ cùng nhau rời khỏi khách sạn. Bà Alicia Vanderlake là người đã từng làm việc trong một uỷ ban từ thiện chung với bà Kate Blackwell năm ngoái. Bà là một người bon chen, nên dịp này là một thứ thang trời giúp cho bà thăng tiến. Bà đã thấy các bức hình của ông bà bá tước Maurier trên mặt báo, và cũng nhìn thấy hình các cô cháu gái song sinh của bà Blackwell. Bà Vanderlake biết nhiệm vụ của bà nên đặt ở đâu rồi. Bà liền giở cuốn điện thoại riêng tìm số điện thoại của bà Blackwell.

Người quản gia trả lời điện thoại. "Bonjour!".

"Tôi muốn nói chuyện với bà Blackwell".

"Xin cho tôi biết ai đang gọi?"

“Bà Vanderlake. Đây là một vấn đề riêng”.
Một phút sau, bà Kate Blackwell ở máy điện thoại. “Ai đó?”
“Đây là Alicia Vanderlake, bà Blackwell ạ. Tôi chắc bà vẫn còn nhớ tôi. Chúng ta cùng làm việc trong cùng một uỷ ban vào năm ngoái”.
“Nếu bà muốn quyên tiền thì xin gọi...”
“Không, không”, bà Alicia Vanderlake vội nói. “Đây là vấn đề riêng tư về cô cháu gái của bà đấy”.
Chắc bà Kate sẽ mời bà ta đến dùng trà để hai người cúng bàn về vấn đề ấy, giữa đàn bà với nhau. Đó sẽ là bước đầu cho một tình bạn nồng thắm giữa hai người.
Bà Kate nói. “Có chuyện gì về nó vậy?”
Bà Vanderlake không có ý định bàn về chuyện này trên điện thoại nhưng giọng không có vẻ thân thiện lắm của bà Kate khiến cho bà ta không còn lựa chọn nào khác. “Vâng, tôi nghĩ rằng tôi có bổn phận nói cho bà biết rằng cách đây ít phút tôi thấy cô ấy lén lút rời khỏi một khách sạn với Bá tước Alfred Maurier. Rõ ràng đó là một cuộc hẹn hò bất chính”.
Giọng bà Kate lạnh như nước đá.” Tôi thấy điều này khó tin lắm. Cô cháu nào trong hai đứa cháu của tôi?”
Bà Vanderlake cười với vẻ không chắc chắn. “Tôi... tôi không biết. Không thể phân biệt được hai cháu gái của bà. Mà ai có thể phân biệt được phải thế không?”

“Cảm ơn bà đã cho biết tin này”. Kate đặt điện thoại xuống.
Bà đứng ngay tại chỗ, cố suy nghĩ về tin bà mới nghe được. Chỉ mới tối qua, họ dùng cơm tối với nhau. Bà Kate đã quen biết Alfred Maurier từ mười lăm năm nay, và những gì bà vừa nghe được hoàn toàn không phù hợp với tính tình của ông ta và không thể tưởng tượng được. Thế nhưng, đàn ông nào cũng dễ động lòng nếu Alexandra đã tìm cách để dụ dỗ ông Alfred vào giường ngủ thì...
Bà nhấc điện thoại lên, gọi tổng đài, Tôi muốn gọi điện thoại sang Thuỵ Sĩ, Trường Fernwood, ở Lausanne”.
Khi Eve trở về nhà xế trưa hôm ấy, nàng đỏ mặt vì thoả mãn, không phải vì nàng thấy vui thú về việc ân ái với Bá tước Maurier mà chính là vì nàng đã chiến thắng ông ta. Nếu mình có thể chiếm đoạt ông ta dễ dàng như thế thì mình có thể chiếm đoạt bất cứ ai. Mình sẽ làm chủ cả thế giới, Eve thầm nghĩ. Nàng bước vào thư viện thì thấy bà Kate đang ngồi ở đấy.
“Chào bà ạ. Ngày hôm nay bà có thấy vui không?”
Kate đứng nhìn đứa cháu nội duyên dáng. “Không vui lắm. Thế còn cháu?”
“Ồ, cháu đã mua sắm ít thứ. Không gặp được thứ gì cháu thích cả. Bà đã mua cho cháu đủ mọi thứ rồi. Bà lúc nào cũng...”
“Đóng cửa lại, Eve”.
Giọng nói của bà có vẻ như cảnh cáo. Eve đóng cánh cửa bằng

gỗ sồi lại.

“Ngồi xuống”.

“Có chuyện gì không hay chăng thưa bà?”

“Cái ấy thì cháu nói cho bà nghe mới đúng. Bà đã dự tính mời Alfred Maurier lại đây, nhưng rồi bà quyết định tránh cho chúng ta tất cả sự nhục nhã ấy”.

Đầu óc Eve bắt đầu quay cuồng. Thật vô lí! Chẳng có ai biết được về chuyện nàng với Alfred Maurier. Nàng chỉ mới chia tay với ông ta một giờ trước đó.

“Cháu... cháu không hiểu được bà đang nói gì”.

“ Vậy thì để ta nói thẳng ra cho mà biết. Cháu ngủ với Alfred Maurier trưa hôm nay phải không?”

Những giọt nước mắt như vọt ra khỏi mắt Eve. “Cháu... cháu hi vọng rằng bà sẽ không bao giờ biết được những gì hắn đã làm với cháu, bởi vì hắn là bạn của bà”. Eve cố nói không vấp váp.

“Thật kinh tởm quá. Hắn điện thoại cho cháu, mời cháu ăn cơm, phục rượu cho cháu say, rồi…”

“Câm mồm đi!” Giọng bà Kate như một con roi quất vào người. Mắt bà tràn ngập vẻ ghê tởm. “Mày thật đáng khinh bỉ”.

Bà Kate trải qua giờ phút đau đớn nhất trong đời bà, khi bà bắt đầu nhận ra được sự thật về đứa cháu gái. Bà vẫn còn nghe văng vẳng lời bà hiệu trưởng, “Thưa bà Blackwell, con gái nào thì cũng là con gái, vì vậy nếu chúng có một mối tình kín đáo thì đó

không phải là vấn đề của tôi. Thế nhưng Eve nó ngủ bậy bạ một cách quá trâng tráo, cho nên vì lợi ích của nhà trường...”
Thế mà Eve lại trút tất cả tội lỗi lên đầu Alexandra.
Bà Kate nhớ lại các tai nạn đã xảy ra. Vụ Alexandra suýt chết cháy. Vụ Alexandra ngã từ vách núi, Alexandra bị hất ngã ra khỏi thuyền buồm có Eve ngồi trên ấy, suýt bị chết chìm. Bà còn nghe tiếng Eve kể lại vụ “hiếp dâm” do ông thầy dạy Anh văn: ông Parkinson nói ông muốn bàn luận với cháu về bài Anh văn. Ông yêu cầu cháu đến nhà ông vào trưa thứ bảy. Khi cháu đến đấy, ông ấy ở nhà một mình. Ông bảo ông muốn cho cháu xem cái gì đó trong buồng ngủ ông ấy. Theo ông lên cầu thang. Ông đè cháu xuống giường, rồi ông...
Bà nhớ đến chuyện xảy ra ở Briancrest, khi Eve bị buộc tội là bán cần sa, rồi tội lỗi ấy lại bị trút lên đầu Alexandra. Eve đã không trách cứ Alexandra, mà lại bênh vực cho nó. Đó là cái mánh khoé của Eve. Nó là một kẻ xấu xa, nhưng lại đóng vai trò một kẻ anh hùng. Trời, thật là xảo quyệt!
Lúc này, bà Kate nhìn chăm chú con quỷ sứ xinh đẹp với nét mặt thiên thần đang đứng trước mặt bà. Ta xây dựng tất cả các dự tính tương lai xung quanh ngươi. Chính ngươi sẽ là kẻ nắm quyền điều khiển Kruger-Brent một ngày nào đó. Chính ngươi là kẻ mà trước đây ta yêu quý, nâng niu. Bà nói: “Tao muốn mày rời khỏi ngôi nhà này. Tao không muốn nhìn mặt mày nữa”.

Mặt Eve tái hẳn lại.

“Mày là một con đĩ. Tao nghĩ tao cũng có thể chịu đựng được điều ấy. Nhưng mày lại lừa đảo, xảo quyệt, lại mắc phải cái bệnh dối trá. Tao không thể chịu đựng được cái tính như vậy”.

Tất cả mọi sự diễn ra quá nhanh. Eve nói với vẻ đau khổ, “Bà ạ nếu Alexandra đã nói với bà những điều dối trá về cháu thì...”.

“Alexandra không biết chút gì về chuyện này. Tao vừa nói chuyện rất lâu với bà Collins”.

“Chỉ có thế thôi sao?” Eve cố làm ra vẻ như vừa trút ra khỏi một gánh nặng, qua giọng nói. “Bà Collins ghét cháu vì...”.

Bà Kate đột nhiên tỏ vẻ chán ngán, mệt mỏi. “Cái lối nói ấy không còn hiệu quả gì nữa đâu, Eve ạ. Dẹp nó đi. Hết rồi. Tao đã cho mời ông luật sư đến, và sẽ tước quyền thừa kế của mày”.

Eve cảm thấy như thế giới sụp đổ xung quanh nàng. “Bà không thể làm như thế được. Như thế thì cháu sẽ sống bằng cách nào?”

“Mày sẽ được một khoản trợ cấp nhỏ. Từ nay trở đi, mày sẽ sống tự lập. Mày muốn làm gì thì làm”. Giọng bà Kate trở nên cứng rắn. “Nhưng nếu tao còn nghe hay đọc thấy một lời nào về những vụ tai tiếng của mày, nếu mày làm ô danh gia đình Blackwell bằng cách nào đó, thì tao sẽ ngưng luôn khoản trợ cấp ấy. Nghe rõ chưa?”

Eve nhìn vào mắt bà nội, và biết rằng lần này thì không có sự hoãn lại việc thi hành quyết định này. Hàng chục cái cớ để tự

bênh vực vọt lên đến môi nàng nhưng đều tắt ngay đi ở đó.
Bà Kate đứng dậy, nói bằng một giọng run run, "Tao không biết điều này có một ý nghĩa gì đối với mày hay không, nhưng đối với tao, đó là một việc khó khăn nhất mà tao đã quyết định phải làm trong đời tao".
Bà quay lưng lại, bước ra khỏi phòng, lưng bà cứng nhắc và thẳng băng.
Kate ngồi trong căn phòng tối tăm, tự hỏi vì sao mà mọi thứ đều diễn ra tệ hại đến như vậy.
Nếu David không chết vì tai nạn, và Tony được quen biết bố nó.....
Nếu Marianne còn sống...
NẾU. Một từ chỉ gồm có ba chữ cái để nói lên cái mơ ước hão huyền.
Tương lai làm bằng đất sét để có thể nặn ra ngày này qua ngày khác, nhưng qua khứ là nền đá cứng, không thể thay đổi hình dạng. Tất cả những người mình yêu đã phản bội mình. Tony, Marianne, Eve. Sarter đã nói rất đúng: "Địa ngục là những kẻ khác". Bà tự hỏi không bao giờ nỗi đau đớn của bà mới tan đi được.
Nếu bà Kate cảm thấy nỗi đau đớn tràn ngập, thì Eve cảm thấy tràn ngập nỗi giận dữ. Tất cả những gì nàng làm là để vui hưởng một vài giờ ân ái, thế mà bà nội lại coi như nàng đã phạm một ác

không thể diễn tả được! Thật là một con mụ độc ác xưa cổ! Không, không phải xưa cổ mà là "già nua". Đúng vậy, bà đã suy yếu vì tuổi già. Eve sẽ tìm một luật sư tài giỏi và sẽ làm cho bản chúc thư mới của bà bị huỷ bỏ trước toà án. Cha nàng và bà nội nàng đều là những người mất trí. Không ai có quyền tước bỏ quyền thừa kế của nàng. Kruger-Brent là công ty của nàng. Đã bao nhiêu lần, bà nội tuyên bố rằng một ngày kia công ty ấy sẽ thuộc về nàng. Còn Alexandra nữa! Trong suốt thời gian này, Alexandra đã hãm hại nàng. Không biết nó đã thì thầm những gì để đầu độc các lỗ tai của bà nội. Hắn muốn chiếm lấy công ty làm của riêng. Điều kinh khủng nhất vào lúc này là hắn có lẽ sẽ chiếm đoạt được công ty ấy. Những gì vừa xảy ra trưa nay đã tệ hại lắm rồi, nhưng ý tưởng là Alexandra sẽ chiếm đoạt quyền kiểm soát công ty thì thật không làm sao chịu nổi. Mình không thể để cho chuyện ấy xảy ra. Mình sẽ tìm cách ngăn chặn lại.
Nàng đóng các khoá trên va li lại, rồi tìm em gái.
Alexandra đang ngồi đọc sách trong vườn. Nàng ngẩng đầu lên khi Eve bước lại gần.
"Alexandra ạ chị quyết định trở lại New York".
Alexandra nhìn chị với vẻ ngạc nhiên. "Bây giờ sao? Bà nội đang dự tính cho chúng mình đi du thuyền dọc bờ biển Dalmatian vào tuần sau kia mà".
"Ai cần đi chơi dọc bờ biển? Chị đã suy nghĩ nhiều về chuyện

này rồi. Bây giờ đã đến lúc chị phải có riêng một căn hộ rất đẹp để ở, và nếu em tốt với chị, chị sẽ cho em thỉnh thoảng ở lại đêm tại đó". Nói như thế là đúng, Eve thầm nghĩ. Thân mật, nhưng không bộc lộ tình cảm quá nhiều. Đừng có để cho nó biết mình đã rõ được ý định của nó.

Alexandra nhìn chị nó chằm chằm với vẻ lo lắng. "Thế bà nội đã biết chưa?"

"Chị đã nói với bà nội trưa nay. Dĩ nhiên là bà không hài lòng nhưng bà hiểu. Chị muốn có một việc làm, nhung bà cứ nhất thiết đòi tặng chị một khoản trợ cấp".

Alexandra hỏi, "Chị có muốn em cùng đi với chị không?".

Mẹ kiếp, cái con đàn bà hai mặt này! Thoạt tiên, nó làm áp lực buộc nàng phải ra khỏi nhà, bây giờ nó lại vờ muốn đi với nàng. Được rồi, họ không thể vứt bỏ Eve này dễ dàng như vậy đâu. Mình sẽ tỏ rõ cho họ biết. Nàng sẽ có một căn hộ của riêng mình nàng sẽ tìm một nhà trang trí tài giỏi để làm công việc này – rồi nàng sẽ được hoàn toàn tự do đi đi về về tuỳ thích. Nàng sẽ mời bạn trai đến phòng nàng, dụ họ ngủ đêm tại đó. Nàng sẽ được tự do thực sự lần đầu tiên trong đời ý nghĩ này khiến lòng nàng cảm thấy phơi phới.

Váo lúc này nàng nói với Alexandra, "Em nói như thế là rất tử tế, Alexandra ạ, nhưng chị muốn ở riêng một mình một thời gian đã".

Alexandra nhìn chị, cảm thấy một sự mất mát sâu sắc. Đây là lần đầu tiên hai chị em phải xa nhau. Nàng nói, “Vậy thì chúng ta sẽ gặp nhau luôn nhé?”.

“Dĩ nhiên là như vậy”, Eve hứa,”Gặp nhau nhiều hơn là em nghĩ đấy”.

Sidney Sheldon

Tay cự phách

Lương Thị Thận dịch

Chương 26

Khi Eve trở lại New York, nàng thuê một căn phòng trong khách sạn ở vùng giữa thành phố, như đã được chỉ dẫn. Một giờ sau, Brad Rogers gọi điện thoại cho nàng.

"Bà nội cô vùa gọi điện thoại từ Paris, Eve ạ. Hình như có chuyện xích mích gì giữa cô và bà nội"

"Không hẳn thế", Eve cười to. "Chỉ là vấn đề nhỏ trong gia đình". Nàng sắp sửa tung ra một cuộc chống chế tỉ mỉ, bổng nàng nhận ra được mối nguy hiểm nếu làm như vậy. Từ nay trở đi, nàng phải rất cẩn thận. Xưa nay, nàng chưa hề phải suy nghĩ về đồng tiền. Nhưng bây giờ nó hiện ra lù lù trong đầu óc nàng. Nàng chưa biết số tiền trợ cấp cho nàng là bao nhiêu, và lần đầu tiên trong đời, nàng cảm thấy lo sợ.

"Bà ấy có bảo cho cô biết rằng một bản chúc thư mới sẽ được soạn thảo, có phải vậy không?"

"Phải, bà có nhắc sơ sơ đến chuyện ấy", nàng quyết phải tỏ ra

lạnh nhạt.

“Tôi nghĩ có lẽ chúng ta nên gặp nhau để bàn về vấn đề này. Thứ hai này vào lúc ba giờ, được không?”

“Được, bác Brad ạ”

“Tại văn phòng tôi nhé. Được không?”.

“Tôi sẽ có mặt ở đấy”.

Vào lúc ba giờ kém năm, Eve đi vào toà nhà Kruger-Brent. Nàng được đón tiếp một cách kính cẩn bởi viên bảo vệ an ninh, người bấm nút thang máy, và cả người gác thang máy nữa. Tất cả mọi người đều biết mình. Eve thầm nghĩ. Mình là một Blackwell. Chiếc thang máy đưa nàng đến tầng lầu của ban lãnh đạo công ty, và một lát sau, Eve ngồi trong văn phòng của Brad Rogres. Brad rất ngạc nhiên khi nhận được điện thoại của bà Kate cho biết rằng bà sẽ tước quyền thừa kế của Eve, vì ông biết rằng bà ta yêu thương đặc biệt cô cháu gái này và đã có nhiều dự tính dành cho cô ta. Brad không thể nào tưởng tượng ra được chuyện gì đã xảy ra. Dẫu sao, đó không phải là công việc của ông. Nếu Kate muốn bàn luận với ông về vấn đề ấy thì ông cũng sẵn lòng. Công việc của ông là thực hiện các lệnh của bà Kate. Ông cảm thấy một sự thương hại thoáng qua đối với cô con gái dễ thương đang ngồi trước mặt ông. Kate lúc gặp ông lần đầu tiên, vào thời xa xưa ấy, cũng trạc tuổi người con gái này, và ông lúc ấy cũng không già hơn bao nhiêu. Nhưng bây giờ, tuy ông đã già, tóc đã

bạc, ông vẫn hi vọng rằng một ngày nào đó Kate Blackwell sẽ nhận thức rằng có kẻ nào đó vẫn còn yêu bà sâu đậm.

Ông nói với Eve, "Tôi có ít giấy tờ để cô kí. Xin cô đọc cho kĩ đã, rồi..."

"Điều đó không cần thiết".

"Eve ạ, cái này quan trọng lắm. Cô cần phải hiểu đã". Thế rồi ông bắt đầu giải thích, "Theo chúc thư của bà nội cô, cô là người thụ hưởng một quỹ kí thác không thể huỷ bỏ, hiện nay đã trên năm triệu đô la. Bà nội cô là người sử dụng quỹ này. Tuỳ theo ý muốn của bà ấy, số tiền ấy có thể trả cho cô bất cứ lúc nào từ tuổi hai mươi mốt đến ba mươi lăm". Ông đằng hắng giọng, "Bà ấy quyết định sẽ trao số tiền ấy cho cô khi nào cô ba mươi lăm tuổi".

Thật là một cái tát vào giữa mặt.

"Bắt đầu từ hôm nay, cô sẽ nhận được một khoản trợ cấp hằng tuần là hai trăm năm mươi đô la"

Thật vô lí! Một chiếc áo dài coi được cũng đắt hơn số tiền ấy. Làm thế nào nàng sống được với 250 đô la một tuần? Điều này chỉ nhằm mục đích hạ nhục nàng thôi. Lão khốn kiếp này có lẽ toa rập với bà nội nàng trong vụ này. Lão ấy đang ngồi sau chiếc bàn viết, cười cười ra vẻ thích thú lắm. Nàng chỉ muốn nhặt miếng chặn giấy bằng đồng trước mặt lão và nện lên đầu hắn. Nàng cảm thấy như nghe tiếng xương sọ của lão vỡ lạo xạo dưới

tay nàng.

Brad vẫn tiếp tục nói với giọng đều đều. “Từ nay cô không được mua hàng chịu nữa, để thoả mãn nhu cầu riêng tư hay vì mọi lí do khác, và cũng không được dùng danh nghĩa gia đình Blackwell để mua sắm ở các cửa hiệu. bất cứ thứ gì cô mua đều phải trả bằng tiền mặt”.

Cơn ác mộng mỗi lúc mỗi trở nên tệ hại hơn.

“Tiếp theo nữa, nếu có bất kì lời bàn tán nào liên hệ đến tên cô trên nhật báo hay tạp chí – trong nước hay ngoài nước – thì số tiền trợ cấp hằng tuần này cũng sẽ bị ngưng lại. Cô rõ rồi chứ?”

“Vâng”. Giọng nói của nàng nghe như tiếng thì thầm.

“Cô và em cô là Alexandra được cấp giấy bảo hiểm sinh mạng của bà nội các cô, giá trị năm triệu đô la cho mỗi người. Giấy bảo hiểm về phần cô đã bị huỷ bỏ bắt đầu từ sáng hôm nay. Đến cuối năm, nếu bà nội cô cảm thấy hài lòng về cô, tiền trợ cấp hằng tuần của cô sẽ được tăng gấp đôi”. Ông do dự một lát rồi nói tiếp. “Còn một điều khoản cuối cùng nữa”.

Bà ấy lại muốn treo mình lên trước công chúng đây.

“Vâng?”

Brad Rogers trông có vẻ hơi bối rối. “Bà nội cô không bao giờ còn muốn gặp lại cô nữa, cô Eve ạ”

Nhưng mà, tôi muốn gặp lại bà lần nữa, bà già ạ. Eve nhủ thầm. Tôi muốn trông thấy bà chết trong sự đau đớn.

Giọng nói của Brad như nhỏ giọt vào đầu óc đang sôi sùng sục của Eve. “Nếu cô có gặp điều gì khó khăn, cứ điện thoại cho tôi. Bà nội cô không muốn cô bén mảng đến toà nhà này nữa hay đến thăm bất cứ tài sản nào của công ty”.

Về vấn đề này, Brad đã tranh luận với bà Kate. “Lạy Chúa! Cô ấy là cháu nội của bà mà. Nó là máu và thịt của bà. Thế mà bà đối xử với nó như là cùi hủi”

“Chính nó là cùi hủi”

Thế là cuộc bàn cãi chấm dứt.

Lúc này, Brad nói một cách ngượng nghịu, “Thôi được, như thế là tôi đã cho cô biết tất cả mọi sự. Cô còn có câu hỏi gì nữa không, cô Eve?”

“Không”. Nàng đang bị xúc động mãnh liệt.

“Vậy thì cô hãy kí vào các giấy tờ này”.

Mười phút sau, Eve đi xuống dường phố, với một tấm ngân phiếu 250 đô la trong túi.

*

* *

Sáng ngày hôm sau, Eve đến gặp một nhân viên nhà đất và bắt đầu tìm một căn hộ. Trong trí tưởng tượng của nàng, nàng nghĩ đến một dãy buồng đẹp đẽ ở tầng lầu cao, nhìn xuống công viên Central Park, sơn màu trắng với những đồ đạc tối tân và một sân thượng để làm nơi đãi đằng khách khứa. Sự thật đến với nàng

như một cú đánh làm xây xẩm mặt mày. Dường như không có dãy buồng nào ở đường Park Avenue dành cho một người với lợi tức 250 đô la một tuần cả. Nơi mà nàng có thể thuê được chỉ là một căn hộ một phòng ở Little Italy với một cái đi văng dùng làm giường nằm, một cái góc thụt mà viên phụ trách nhà đất gọi cho đẹp đẽ là "thư viện", một cái bếp nhỏ và một phòng tắm xinh xắn lát gạch men hoen ố.

"Có... có phải đây là nơi tốt nhất mà ông có hay không?" Eve hỏi.

"Không", y nói, "Tôi có một ngôi nhà giữa phố, gồm hai mươi phòng, trên đường Sulton Place, giá nửa triệu đô la, thêm tiền bảo trì".

Đồ khốn kiếp! Eve thầm nghĩ.

*

* *

Nhưng nỗi tuyệt vọng thật sự chỉ đến với Eve vào trưa hôm sau, khi nàng mới dọn đến. Nơi ở này đúng là một nhà tù. Phòng trang điểm của nàng ở nhà rộng bằng toàn thể căn hộ này. Nàng nghĩ đến Alexandra ở sung sướng trong ngôi nhà đồ sộ ở Đại lộ thứ Năm. Lạy Chúa, vì sao trước kia Alexandra không bị chết cháy cho rồi? Chỉ suýt chút nữa là nàng đã thành công rồi! Nếu Alexandra chết, và nàng, Eve, là người thừa kế duy nhất thì đâu đến nỗi này? Bà nội nàng ắt không dám tước quyền thừa kế của

nàng.

Nhưng nếu bà Kate Blackwell tưởng rằng Eve sẽ từ bỏ quyền thừa kế của nàng dễ dàng như thế thì bà chưa hiểu được cháu gái của bà. Eve không có ý định sống với 250 đô la một tuần lễ. Có năm triệu đô la thuộc về nàng còn nằm tại ngân hàng, mà bà già độc ác ấy vẫn còn giữ lại, không cho nàng sờ đến. Nhưng chắc chắn phải có cách lấy được số tiền ấy. Mình phải tìm cho ra cách ấy.

Giải đáp cho vấn đề này đến với nàng ngày hôm sau.

*

* *

"Thưa cô Blackwell, tôi có thể giúp gì cho cô?". Alvin Seagram hỏi Eve một cách kính cẩn. Ông là phó chủ tịch ngân hàng National Union, và thực sự ông sẵn sàng làm hầu như bất cứ thứ gì cho Eve. Ngọn gió may mắn nào đã đưa cô gái này đến với ông? Nếu ông có thể nắm được trương mục của Kruger-Brent, hay một phần của nó mà thôi, sự nghiệp của ông sẽ lên cao như hoả tiễn.

"Tôi có một số tiền kí thác cho tôi". Eve giải thích. "Năm triệu đô la. Theo các quy tắc đã được ấn định cho việc kí thác này, tôi chỉ nhận được số tiền ấy vào lúc ba mươi lăm tuổi", nàng tủm tỉm cười một cách ngây thơ. "Từ đây đến đó có vẻ lâu quá"

"Ở tuổi cô bây giờ thì điều đó cũng đúng", ông Seagram mỉm

cười. “Cô... mười chín tuổi, phải không?”

“Không, hai mươi mốt”

“Mà lại xinh đẹp nữa, xin phép cô cho tôi nói như vậy, thưa cô Blackwell”.

Eve cười bẽn lẽn. “Cảm ơn ông Seagram”. Câu chuyện này chắc sẽ đơn giản hơn là mình nghĩ. Eve tự nhủ. Lão này là một thằng ngốc.

Seagram cũng cảm thấy mối thiện cảm giữa hai người. Cô ấy có vẻ thích mình đây. “Thưa cô, nói cụ thể ra thì tôi có thể giúp ích gì được cho cô?”

“Vâng, tôi không biết ông có thể nào cho tôi mượn một số tiền ứng trước, lấy số ngân quỹ kí thác của tôi làm bảo đảm được không? Chắc ông cũng biết, tôi cần tiền ấy bây giờ hơn là sẽ cần nó về sau này. Tôi đã hứa hôn và sắp đến ngày cưới. Vị hôn phu của tôi là một kĩ sư xây dựng làm việc ở Israel, và anh ấy phải ba năm nữa mới trở lại nơi này”.

Alvin Seagram tỏ vẻ rất thông cảm. “Tôi đã hiểu rất rõ”. Tim ông đập thình thình. Tất nhiên, ông có thể thoả mãn lời yêu cầu của nàng. Tiền bạc vẫn thường ứng trước khi đã có ngân khoản kí thác. Và khi ông thoả mãn được yêu cầu của nàng, nàng sẽ giới thiệu cho ông những thành viên khác của gia đình Blackwell và ông cũng sẽ thoả mãn họ. Sau đó thì sẽ không có gì ngăn cản ông được nữa. Ông sẽ trở thành một thành viên của ban lãnh đạo

ngân hàng National Union. Có lẽ một ngày kia ông sẽ lên ghế chủ tịch. Tất cả điều này là nhờ ở cô gái tóc hoe bé nhỏ và xinh đẹp đang ngồi ở phía bên kia bàn giấy của ông.

"Không có vấn đề khó khăn nào cả", Alvin Seagram cam đoan với Eve. "Đó chỉ là một vụ giao dịch đơn giản. Cô cũng hiểu rằng chúng tôi không thể cho cô vay toàn thể số tiền, nhưng chúng tôi có thể để cô vay ngay lập tức một số tiền, chẳng hạn như một triệu đô la. Như vậy đã đủ chưa?"

"Rất đủ", Eve nói, cố không bộc lộ nỗi vui sướng.

"Vậy thì tốt. Xin cô cho biết các chi tiết về ngân quỹ kí thác", ông nhặt ngòi bút lên.

"Ông có thể tiếp xúc với ông Brad Rogers ở Kruger-Brent. Ông ấy sẽ cung cấp các chi tiết ông cần".

"Tôi sẽ gọi điện thoại đến ông ấy ngay"

Eve đứng dậy, "Cần phải đợi bao nhiêu lâu?"

"Không quá một vài ngày. Tôi sẽ tự tay làm gấp"

Nàng đưa bàn tay xinh đẹp, nhỏ nhắn, "Ông rất tốt".

Ngay lúc Eve vừa bước ra khỏi phòng làm việc, Alvin Seagram nhặt lấy điện thoại. "Cho tôi gặp ông Brad Rogers ở Công ty hữu hạn Kruger-Brent". Ngay đến cái tên này cũng đủ làm cho xương sống ông rung lên một cảm giác sung sướng.

*

* *

Hai ngày sau, Eve trở lại ngân hàng và được dẫn đến văn phòng của Alvin Seagram. Câu nói đầu tiên của ông này là: "Tôi e rằng không thể giúp được cô, cô Blackwell ạ".

Eve không thể tin nổi những gì cô vừa nghe. "Tôi không hiểu. Chính ông đã nói rằng vấn đề này đơn giản mà. Ông bảo rằng...".

"Tôi xin lỗi. Lúc ấy tôi chưa nắm được các sự kiện..."

Ông còn nhớ rất rõ cuộc nói chuyện với Brad Rogers. "Vâng, quả thật có một ngân quỹ năm triệu đô la được kí thác dưới tên Eve Blackwell. Ngân hàng của ông có thể tự do ứng trước bao nhiêu cũng được, căn cứ vào ngân quỹ ấy. Thế nhưng, tôi cũng cần phải cảnh cáo cho ông biết rằng bà Kate Blackwell sẽ coi việc này như là một hành động không thân thiện".

Brad Rogers không cần phải nói rõ ra những hậu quả sẽ như thế nào. Kruger-Brent có những bạn bè đầy quyền lực ở khắp mọi nơi. Và nếu các bạn bè ấy bắt đầu rút tiền ra khỏi National Union thì Alvin Seagram không cần phải dự đoán những điều tai hại sẽ lớn lao như thế nào cho sự nghiệp của ông.

"Tôi xin lỗi", ông lặp lại câu nói với Eve. "Tôi không thể làm gì được".

Eve nhìn ông ta, tỏ vẻ rất thất vọng. Nhưng nàng không để cho anh chàng ấy biết cái cú đánh ông ta vừa giáng xuống đầu nàng mạnh mẽ như thế nào. "Xin cảm ơn ông đã bận tâm về việc này. Còn có nhiều ngân hàng ở New York nữa. Xin chào ông".

“Thưa cô Blackwell”, Alvin Seagram nói. “Không có một ngân hàng nào trên thế giới sẵn sàng cho cô vay một xu nhỏ với ngân quỹ kí thác ấy”.

*

* *

Alexandra cảm thấy bối rối, không làm sao hiểu được. Trước kia, bà nội đã bày tỏ bằng mọi cách rằng bà mến chuộng Eve. Bây giờ, chỉ qua một đêm, mọi sự đều thay đổi cả. Nàng biết rằng đã có sự gì ghê gớm xảy ra giữa bà nội và Eve, nhưng không hiểu đó là chuyện gì.

Mỗi khi Alexandra cố đưa vấn đề này ra thì bà nội nói, “Chẳng có gì bàn cãi cả. Eve nó chọn cuộc sống riêng cho nó”.

Alexandra cũng chẳng biết được gì thêm qua Eve.

Kate Blackwell bắt đầu dành nhiều thời giờ hơn với Alexandra. Alexandra rất lấy làm ngạc nhiên. Nàng không những đối diện với bà luôn luôn, mà đã trở thành một thành phần thực sự trong đời sống của bà, giống như thể là bà nội mới nhìn thấy nàng lần đầu tiên vậy. Alexandra có cảm giác kì lạ là mình đang được xem xét, đánh giá.

Kate quả thực trông thấy cô cháu gái của bà lần đầu tiên, nhưng bởi vì bà đã bị lừa gạt một cách cay đắng nên bà phải dè dặt gấp đôi trước kia trong việc nhận định về cô gái song sinh với Eve. Bất cứ khi nào được rảnh rỗi, bà ngồi với Alexandra, dò hỏi, chất

vấn và lắng nghe nàng nói. Cuối cùng, bà cảm thấy hài lòng. Thật ra không dễ gì hiểu được Alexandra. nàng là con người kín đáo, và dè dặt hơn Eve. Nàng có trí thông minh, lanh lẹn, và vẻ ngây thơ của nàng, phối hợp với sắc đẹp, khiến cho nàng càng thêm dễ mến. Nàng vẫn hay nhận những lời mời mọc nhiều vô kể để tham dự vào các buổi tiệc tùng, dạ hội và xem hát, nhưng vào lúc này chính bà Kate quyết định nàng nên chấp nhận nơi nào và từ chối nơi nào. Vấn đề tìm một chàng trai môn đăng hộ đối cũng chưa đủ hay gần như chưa đủ. Điều mà bà Kate đang tìm cho Alexandra là một người có thể giúp cho nàng tiếp tục triều đại của bà. Bà không nói gì với Alexandra về điều này. Còn có nhiều thì giờ để cho bà tìm được một người xứng đôi vừa lứa. Đôi khi, vào những buổi sáng sớm, khi Kate cảm thấy khó ngủ, bà nằm nghĩ đến Eve.

*

* *

Cuộc sống của Eve tiến triển khá tốt đẹp. Câu chuyện xảy ra với bà nội đã làm thương tổn "cái tôi" của nàng một cách nặng nề, đến nỗi nàng đã quên đi một điều rất quan trọng. Nàng đã quên hẳn rằng nàng rất hấp dẫn đối với đàn ông. Trong một bữa tiệc đầu tiên, sau ngày dọn đến căn hộ mới, nằng đã cho số điện thoại của nàng cho sáu chàng trai – bốn người trong số ấy đã có gia đình – và chỉ trong vòng hai mươi bốn giờ đồng hồ, nàng đã

nhận được sự đáp ứng của tất cả sáu người. Từ ngày ấy, Eve biết rằng nàng không cần phải lo lắng gì nữa về vấn đề tiền bạc. Người ta gửi quà tặng đến cho nàng như mưa rào: những thứ nữ trang đắt tiền, những bức tranh quý và nhất là tiền mặt.

"Tôi vừa mới đặt mua một chiếc tủ chè, nhưng ngân phiếu về khoản trợ cấp của tôi chưa đến nơi. vậy có phiền anh lắm không, anh yêu quý".

Nhưng, họ chẳng có gì phiền lòng cả.

Khi Eve đi ra chỗ công cộng, nàng phải xếp đặt làm sao cho người đi theo nàng phải là những chàng trai độc thân. Còn những người có gia đình rồi thì nàng tiếp họ tại nhà. Eve tỏ ra rất kín đáo. Nàng thận trọng không để cho tên tuổi của nàng trở thành đề tài bàn tán trên báo chí, điều này không phải là vì nàng lo sợ số tiền trợ cấp của nàng sẽ bị cắt mà chính là vì nàng đã quyết định rằng một ngày kia bà nội nàng sẽ phải bò sát đất để đến với nàng. Bà Kate Blackwell cần có một người thừa kế để thay bà đảm nhiệm công ty Kruger-Brent. Alexandra không đủ khả năng để làm bất cứ việc gì ngoài công việc của một bà nội trợ, Eve cảm thấy hể hả với ý nghĩ này.

Một buổi trưa nọ, lật những trang báo Town and Country, Eve chợt nhìn thấy bức hình Alexandra đang khiêu vũ với một chàng trai trông hấp dẫn. Eve không nhìn vào hình ảnh Alexandra mà nhìn chàng trai ấy. Và nàng nhận ra rằng nếu Alexandra lấy

chồng và có con trai thì đó là tai hoạ lớn cho Eve và cho các dự tính của nàng.

Nàng chăm chú nhìn bức hình một hồi lâu.

Trong suốt thời gian một năm, Alexandra đã gọi điện thoại cho Eve đều đặn, để mời nàng ăn trưa, ăn tối, nhưng lần nào Eve cũng kiếm cớ thoái thác. Nhưng bây giờ, Eve quyết định rằng đã đến lúc nàng phải nói chuyện với Alexandra. Vì vậy, nàng mời Alexandra đến căn hộ của nàng.

Alexandra chưa hề thấy căn hộ này trước đó, nên Eve cố thu hết can đảm để chờ đợi một lời bày tỏ thương hại. Thế nhưng, Alexandra chỉ nói, "Căn hộ này thật là thích, chị Eve ạ. Nó có vẻ rất ấm cúng, phải thế không, chị?".

Eve tủm tỉm cười, "Nó hợp với chị. Chị thích một cái gì thật thân mật". Eve đã cầm khá nhiều nữ trang và các bức tranh để có thể dời đến một căn hộ đẹp hơn, nhưng nếu làm như vậy thì bà Kate sẽ biết và sẽ hỏi nàng kiếm đâu ra tiền. Vào lúc này, phương châm của nàng là "cẩn thận, kín đáo".

"Bà nội có khoẻ không?" Eve hỏi.

"Cũng khoẻ", Alexandra do dự đáp, "Chị Eve ạ, em không biết chuyện gì đã xảy ra giữa bà nội và chị, nhưng nếu có việc gì chị cần em giúp đỡ thì em sẽ..."

Eve thở dài. "Bà không nói với em sao?"

"Không. Bà không muốn bàn đến chuyện ấy".

“Chị không trách bà nội. Tội nghiệp, có lẽ bà cảm thấy mình tội lỗi quá chừng. Số là trước đây chị có gặp một ông bác sĩ trẻ rất tốt. Chị và anh ấy sắp sửa cưới nhau. Hai người cùng ăn nằm với nhau. Thế là bà nội biết được chuyện ấy, bà đuổi chị ra khỏi nhà và không muốn nhìn thấy mặt chị nữa. Chị nghĩ rằng bà nội mình quá xưa cổ, Alex ạ”

Nàng nhìn thấy vẻ lo ngại trên mặt Alexandra. “Thật kinh khủng quá. Hai người nên đến gặp bà nội. Chắc chắn bà sẽ...”

“Anh ấy chết trong một tai nạn máy bay”.

“Trời, chị Eve ạ, tại sao chị không nói với em chuyện này trước đây?”

“Lúc ấy chị thẹn quá, không dám nói với ai, ngay cả với em nữa”. Nàng cầm lấy tay em gái, bóp thật chặt. “Em cũng biết đấy, chị kể cho em nghe tất cả mọi chuyện”.

“Để em nói với bà nội. Em sẽ giải thích...”

“Đừng làm thế. Chị có quá nhiều tự ái. Em hãy hứa với chị rằng em sẽ không bao giờ nói điều này với bà. Không bao giờ”

“Nhưng chắc chắn bà nội sẽ...”

“Hứa đi!”

Alexandra thở dài. “Thôi được”.

“Em hãy tin lời chị. Chị ở đây rất sung sướng. Đi đi về về tuỳ thích. Thật là tuyệt”.

Alexandra nhìn chị và nhớ lại trước đây nàng đã nhớ chị biết bao

nhiêu.

Eve quàng tay lên người Alexandra, và nói với vẻ trêu chọc. "Thôi, chị kể về chị như thế là đủ rồi. Bây giờ em hãy nói về những gì đã xảy đến với em. Em đã gặp được "Ông hoàng tử đáng yêu" chưa? Chắc là có rồi chứ gì?"

"Chưa".

Eve nhìn kĩ cô em gái. Nó là tấm gương phản chiếu hình ảnh của nàng, vì vậy nàng quyết định phải phá huỷ nó đi. "Rồi em sẽ có, em ạ".

"Em chưa vội. Em cho rằng đã đến lúc em bắt đầu phải tự nuôi sống. Em đã nói với bà nội về chuyện ấy. Tuần sau, em sẽ gặp người đứng đầu một hãng quảng cáo để bàn về việc làm".

Hai người cùng ăn trưa trong một quán ăn nhỏ gần nơi ở của Eve. Eve đòi trả tiền cho kì được. Nàng không cần chút gì của em gái.

Khi hai người chia tay nhau, Alexandra nói, "Chị Eve ạ, nếu chị cần tiền..."

"Đừng nói vớ vẩn thế, em ạ. Chị thiếu gì tiền..."

Alexandra vẫn chưa chịu. "Thế nhưng, khi nào chị thiếu tiền, chị có thể lấy bất cứ thứ gì em có".

Eve nhìn thẳng vào mắt Alexandra. "Chị sẽ tin vào điều đó". nàng mỉm cười "nhưng thực sự chị không cần gì cả, Alex ạ".

Nàng không thèm nhặt những mảnh vụn. nàng có ý định ăn cả

cái bánh. Vấn đề là: Làm thế nào để chiếm lấy nó?

*

* *

Một buổi tiệc cuối tuần được tổ chức ở Nassau.

"Có chị đến dự thì buổi tiệc sẽ khác hẳn, Eve ạ. Tất cả các bạn của chị đều sẽ có mặt".

Người gọi là Nita Ludwig, một cô gái Eve đã quen biết ở trường học bên Thuỵ Sĩ.

Nàng sẽ gặp một số bạn trai mới. Nàng đã chán với những "thu hoạch" hiện tại rồi.

"Nghe có vẻ vui đấy. Tôi sẽ đến". Eve nói.

Trưa hôm ấy, nàng cầm một chiếc vòng ngọc do một ông chủ hãng bảo hiểm, đã có vợ và ba con, tặng nàng tuần trước vì quá say đắm nàng. Với số tiền cầm đồ ấy, nàng sẽ sắm một bộ đồ mùa hè mới ở hiệu may Lord and Taylor, và mua vé khứ hồi đi Nassau... Sáng hôm sau, nàng lên máy bay.

*

* *

Tài sản của gia đình Ludwig là một toà lâu đài to lớn, trải dài trên bãi biển. Ngôi nhà chính có ba mươi phòng, và phòng nhỏ nhất cũng lớn hơn cả căn hộ của Eve. Eve được một người hầu gái mặc đồng phục dẫn đến căn phòng dành riêng cho nàng. Trong khi Eve rửa ráy cho mát mẻ thì người hầu gái ấy mở hành

lí ra cho nàng. Sau đó, nàng đi xuống nhà gặp gỡ các khách mời. Trong phòng khách có mười sáu người, và họ có một đặc điểm chung duy nhất: họ đều giàu có cả. Nita Ludwig là người tin tưởng mạnh mẽ vào câu phương ngôn: "Ngưu tầm ngưu, mã tầm mã". Những con người này có chung một suy nghĩ về cùng một thứ; họ cảm thấy dễ chịu khi ngồi với nhau vì họ đều nói chung một thứ ngôn ngữ. Họ chia sẻ với nhau những trường nội trú sang trọng nhất, những ngôi nhà lộng lẫy nhất, những chiếc thuyền buồm, những chiếc máy bay phản lực tư nhân, và cả những vấn đề thuế má. Một nhà báo đã phong cho họ cái tên là "giới phản lực", một danh xưng mà họ thường đưa ra để chế giễu nhau và lấy làm thích thú. Họ là một thiểu số được ưu đãi, được chọn lựa, tách rời ra khỏi những người khác do một vị thần biết phân biệt. Mặc kệ những người khác tin rằng tiền bạc không thể mua được tất cả mọi thứ. Nhóm người này biết rõ hơn. Với tiền bạc, họ mua được sắc đẹp, tình yêu, cuộc sống xa xỉ và một chỗ đứng trên thiên đường. Đó là tất cả những thứ mà Eve đã bị tước đi do ý muốn bất thường của một bà già. Nhưng không được lâu đâu, Eve thầm nghĩ.

Nàng bước vào phòng khách thì cuộc nói chuyện rì rào ngưng bặt. Trong một căn phòng toàn là những người đẹp, nàng nổi bật lên trên tất cả. Nita dẫn Eve đi chào các bạn bè, và giới thiệu nàng với những người không quen biết. Eve thật là xinh đẹp và

vui vẻ. Nàng quan sát từng chàng trai với cái nhìn hiểu biết, và lựa ra các mục tiêu của nàng với sự thành thạo của một nhà chuyên môn. Đa số những người lớn tuổi đều có vợ con, nhưng điều đó chỉ làm cho việc lựa chọn của nàng dễ dàng hơn.

Một chàng trai hói đầu, mặc chiếc quần short vuông và chiếc sơ mi thể thao kiểu Hawaii, đến bên nàng và nói, "Tôi đoán chắc cô đã chán nghe người ta khen cô là rất xinh đẹp, phải thế không?"

Eve thưởng cho ông ta một nụ cười nồng thắm và nói, "Tôi không bao giờ chán chuyện ấy cả, thưa ông..."

"Tên tôi là Peterson. Nhưng cô cứ gọi tôi là Dan cho thân mật. Cô là một minh tinh Hollywood mới phải".

"Tôi e rằng tôi không có tài đóng kịch".

"Nhưng tôi thì lại cho rằng cô có nhiều tài năng khác nữa".

Eve cười một cách bí hiểm "Khi nào ông thử rồi thì mới biết được, phải không, ông Dan?"

Dan liếm mép, "Cô đến đây một mình sao?"

"Vâng".

"Tôi có một chiếc du thuyền đậu ở trong vịnh. Có thể nào chúng ta cùng đi chơi vào ngày mai được không?"

"Nghe có vẻ thích đấy", Eve nói.

Dan cười, "Tôi không hiểu sao trước đây chúng ta không gặp nhau bao giờ. Tôi quen biết bà nội cô nhiều năm rồi".

Eve vẫn giữ nụ cười trên môi, nhưng phải cố gắng hết sức, "Bà

nội tôi là một người rất được yêu mến", Eve nói, "Bây giờ có lẽ chúng ta nên đi đến nói chuyện với các bạn khác nhỉ".
"Đúng vậy, cô em yêu quý ạ". Anh ta nháy mắt một cái, "Ngày mai nhé, nhớ đấy".

*

* *

Từ lúc ấy, anh ta không thể nào gặp riêng Eve một lần nữa. Nàng tránh anh ta vào lúc ăn trưa, và sau bữa ăn, nàng mượn một chiếc xe hơi dành cho khách ở trong gara, rồi lái xuống phố. Nàng đi qua tháp Black-Beard và khu vườn xinh đẹp Ardastra, nơi có những con hồng hạc màu sắc sặc sỡ đang biểu diễn. Nàng dừng ở bờ bể để xem những chiếc thuyền đánh cá đang trút lên bờ những con rùa thật to, những con tôm hùm, cá nhiệt đới, và nhiều vỏ ốc màu sắc sặc sỡ. Những vỏ ốc này sẽ được đánh bóng và bán cho các du khách.
Mặt nước trong vịnh trơn láng, sóng bể lóng lánh như kim cương. Bên kia vũng nước Eve có thể trông thấy bãi bể Paradise Island cong vòng như lưỡi liềm. Một chiếc thuyền máy vừa rời bến đậu ở bãi bể, và khi nó bắt đầu tăng thêm tốc độ thì hình dáng một người đàn ông bắt đầu nhô lên trên nền trời, kéo lê ở phía sau chiếc thuyền. Thật là một quang cảnh khiến cho người ta phải giật mình, sửng sốt. Người ấy xuất hiện, bám lơ lửng vào một thanh kim khí buộc chặt với một chiếc buồm màu xanh, thân

hình anh ta dài, mảnh khảnh, duỗi ra chống chọi lại sức gió. Eve đứng nhìn say mê, trong khi chiếc thuyền máy gầm lên, tiến về phía cảng, và hình người treo lơ lửng trên không lướt đến gần hơn. Chiếc thuyền đến gần bến đậu, đổi hướng rất nhanh. Trong chốc lát, Eve nhìn thoáng thấy mặt người ấy, đen sẫm và đẹp trai, rồi anh ta biến đi đâu mất.

*

* *

Năm giờ sau, anh ta bước vào trong phòng khách của Nita Ludwig. Eve có cảm tưởng như thể nàng đã buộc anh ta phải đến đây. Nàng đã biết anh sẽ xuất hiện. Nhìn gần, anh ta trông càng đẹp trai hơn nữa. Anh cao chừng hai thước, nét mặt rám nắng như được chạm trổ tuyệt hảo, mắt xanh và thân hình gọn gàng như một vận động viên. Khi cười, anh để lộ hàm răng trắng, đều đặn. Anh nhìn xuống Eve, tủm tỉm cười, khi Nita giới thiệu anh với nàng.

"Đây là George Mellis. Còn đây là Eve Blackwell".

"Lạy Chúa, cô giống như bức tranh trong viện bảo tàng Louvre", George Mellis nói. Giọng anh ta trầm và khàn khàn với một âm điệu khó có thể xác định.

"Đi theo tôi nào". Nita ra lệnh, "Tôi sẽ giới thiệu anh với các vị khách khác".

Anh ta vẫy tay xua nàng đi. "Khỏi phải bận tâm. Tôi đã gặp mọi

người rồi".

Nita nhìn hai người, ra dáng suy nghĩ. "Thôi được, nếu tôi có thể làm gì được việc gì thì anh cứ gọi tôi nhé".

"Anh hơi lỗ mãng đối với chị ấy đấy, anh không thấy hay sao?", Eve hỏi.

Mellis cười. "Tôi không chịu trách nhiệm về những gì tôi nói hay tôi làm. Tôi đang yêu đây".

Eve phá lên cười.

"Tôi nói thật đấy. Cô là người xinh đẹp nhất mà tôi chưa hề được thấy trong đời".

"Tôi cũng đang nghĩ về anh giống như vậy".

Eve không cần biết anh chàng này có nhiều tiền hay không. Nàng đã bị anh ta làm mê hoặc. Không phải chỉ là do dáng vẻ bên ngoài của anh ta mà thôi. Anh ta có một sức hút như nam châm, một thứ sức mạnh kích thích. Không một người đàn ông nào đã từng tác động đến nàng như vậy. "Anh là ai?"

"Nita đã giới thiệu rồi. George Mellis".

"Anh là ai?" Nàng lặp lại câu hỏi.

"À, cô muốn hỏi theo nghĩa triết học chứ gì? Cái tôi hiện thực? Chẳng có gì hay ho để mà nói cả. Tôi là người Hi Lạp. Gia đình tôi trồng cây ô liu và các thứ khác".

Đúng là cái tên Mellis ấy rồi. Các nhãn hiệu thực phẩm Mellis có thể thấy ở tất cả các cửa hàng tạp hoá và siêu thị khắp nước Mỹ.

“Anh có gia đình chưa?”

Anh cười. “Lúc nào cô cũng hay hỏi trực tiếp như thế à?”

“Không”.

“Tôi chưa có vợ”.

Câu trả lời này gây cho nàng một cảm giác sung sướng bất ngờ. Chỉ cần nhìn chàng, Eve đã cảm thấy muốn chiếm đoạt chàng và được chiếm đoạt.

“Tại sao anh bỏ bữa cơm tối?”

“Cô muốn biết sự thật à?”

“Phải”.

“Đó là một vấn đề rất riêng tư”.

Nàng chờ đợi.

“Lúc ấy tôi bận thuyết phục một cô gái đừng có tự tử”. Anh ta nói với một vẻ thản nhiên như thể đó là một chuyện xảy ra thông thường.

“Tôi hi vọng anh đã thành công”.

“Tạm thời vào lúc này. Tôi hi vọng cô không phải là loại người thích tự vẫn”.

“Không. Tôi cũng hi vọng anh không phải loại người ấy”.

George Mellis phá lên cười. “Anh yêu em”, anh nói, “Thật sự anh yêu em”. Anh cầm lấy cánh tay Eve. Sự động chạm này khiến nàng rùng mình.

*

* *

Mellis ở luôn bên cạnh Eve tối hôm ấy, hoàn toàn chú tâm đến nàng và quên đi tất cả mọi người khác. Anh có những bàn tay dài, nhỏ nhắn, và luôn luôn làm một việc gì đó cho Eve: đem rượu đến cho nàng, châm thuốc là cho nàng, sờ vào người nàng một cách kín đáo. Sự gần gũi với chàng làm cho thân hình nàng như bốc lửa; nàng nóng lòng muốn được ở một mình với chàng. Đến nửa đêm, khi khách khứa bắt đầu rút lui về phòng, George Mellis nói, "Phòng em ở đâu?"

"Ở cuối hành lang phía bắc"

Anh ta gật đầu, đôi mắt có lông mi dài như xoáy vào mắt nàng. Eve cởi áo quần, tắm rửa, rồi mặc một chiếc áo ngủ mới, mỏng màu đen, bó sát thân hình. Vào lúc một giờ sáng, có tiếng gõ cửa nhè nhẹ. Nàng vội vã mở cánh cửa. George Mellis bước vào. Anh đứng ở đó, đôi mắt đầy vẻ thán phục. "Em làm cho Venus de Milo giống như một con mụ xấu xí".

"Em có lợi điểm hơn pho tượng ấy", Eve thầm thì, "Em có hai cánh tay".

Nàng choàng hai cánh tay xung quanh người Mellis, kéo anh ta sát lại người nàng. Nụ hôn của anh khiến một thứ gì đó trong người nàng nổ bùng lên. Môi anh áp sát với môi nàng. Nàng cảm thấy lưỡi chàng đang thăm dò trong miệng.

"Trời ơi!", Eve rên rỉ.

Mellis bắt đầu cởi chiếc áo vét ra với sự giúp đỡ của Eve. Chỉ trong một lát, anh cởi hết áo quần, hoàn toàn trần truồng trước mặt nàng. Vóc người anh thật là tuyệt hảo. Nàng chưa bao giờ thấy ai như vậy bao giờ...

"Nhanh lên", Eve thúc giục, "Hãy yêu em đi". Nàng tiến đến chiếc giường, thân thể nàng như bốc lửa.

Mellis ra lệnh "Quay lưng lại..."

Nàng ngước mắt nhìn lên anh ta. "Em... em không..."

Y vả nàng một cái vào miệng. Nàng trố mắt nhìn, sửng sốt.

"Quay lưng lại!"

"Không".

Y lại đánh thêm một cái nữa một cách tàn nhẫn.

Y đập mạnh cánh tay ngang gáy của Eve, khiến nàng bất tỉnh.

Nàng mở miệng định thét lên thật to, nhưng kịp ngăn chặn lại ngay vì sợ y có thể làm điều gì ghê gớm đối với nàng.

Nàng van xin "Trời, tôi xin anh. Anh làm tôi đau đớn quá".

"Trời! Lạy Chúa!", Nàng thì thào, "Ngưng lại ngay đi! Ngưng ngay cái trò ấy!".

Điều cuối cùng mà Eve nhớ lại là tiếng lầm bầm hung dữ phát ra từ trong người y và dường như nổ lên trong tai nàng.

Khi tỉnh lại, mở mắt ra, nàng thấy George Mellis đang ngồi trên ghế, ăn mặc tề chỉnh, miệng phì phèo điếu thuốc lá. Y đi đến chiếc giường, vuốt ve trên trán nàng. Nàng co người lại để tránh

cái sờ mó của y.

“Em cảm thấy như thế nào, em yêu quý?”

Eve cố ngồi dậy, nhưng cơn đau thật là mãnh liệt. nàng cảm thấy như thân hình bị xé ra từng mảnh. “Đồ súc vật khốn kiếp...”

Giọng nói của nàng nghe như tiếng thì thào rời rạc.

Y cười. “Anh như thế là đã hiền dịu với em lắm rồi đó”.

Nàng nhìn y, có vẻ chưa tin.

Y cười, nói tiếp “Đôi khi anh rất thô bạo”. Y lại vuốt tóc nàng lần nữa. “Nhưng anh yêu em, vì vậy anh tử tế với em. Rồi em sẽ quen đi. Anh hứa với em như vậy”.

Nếu nàng có một thứ vũ khí nào đó lúc bấy giờ, hẳn nàng đã giết hắn ta rồi. “Anh là một thằng loạn trí”.

Nàng thấy cặp mắt hắn loé lên, hai bàn tay hắn nắm chặt lại. Lúc ấy nàng cảm thấy kinh sợ vô cùng. Hắn là một thằng điên.

Nàng vội vã nói. “Tôi không có ý nói như vậy. Chỉ có điều là... là tôi chưa quen với kinh nghiệm như vậy trước kia. Xin anh để cho tôi ngủ bây giờ. Tôi xin anh”.

George Mellis nhìn nàng chằm chằm một lúc, rồi dịu lại. Y đứng dậy đi đến bàn trang điểm, nơi Eve để các nữ trang của nàng. Ở đó có một chiếc vòng bạch kim và một chuỗi kim cương đắt tiền. Hắn nhặt lấy chuỗi kim cương bỏ vào túi. “Anh sẽ giữ cái này làm kỉ niệm”.

Eve quá sợ hãi, không dám mở miệng phản đối.

“Chúc em ngủ ngon nhé, em yêu quý”. Y bước đến chiếc giường, cúi người xuống hôn lên môi Eve.

Nàng chờ cho đến khi hắn đã đi khỏi mới bò ra khỏi giường, thân thể như cháy rực vì đau đớn. Mỗi bước đi là một cơn đau khủng khiếp. Chỉ đến khi nàng khoá trái cửa phòng, lúc ấy nàng mới cảm thấy an toàn. Không chắc có bước nổi đến phòng tắm hay không, nàng ngã lăn xuống giường một lần nữa, chờ đợi cơn đau giảm bớt. Nàng không thể tin được nổi giận dữ của nàng lúc ấy lớn lao đến mức nào. Hắn đã làm tình với nàng như một con thú vật... một cách kinh tởm và tàn nhẫn. Nàng tự hỏi không biết hắn ta đã làm những gì để cho cô ấy phải tự vẫn.

Khi Eve kéo lê được đến phòng tắm và nhìn vào trong gương, nàng bổng thất kinh. Mặt nàng bị bầm dập, mất cả màu sắc, ở những nơi hắn đánh đập, và một mắt nàng sưng vù lên. Nàng cho nước nóng chảy vào bồn tắm, rồi trèo vào trong đó như một con vật bị thương, để cho nước ấm làm dịu và trôi đi cơn đau nhức. Eve nằm ở đó thật lâu; cuối cùng, khi nước bắt đầu nguội đi, nàng ra khỏi bồn tắm, thử bước một vài bước. Cơn đau đã bớt đi nhưng vẫn còn nhức nhối lắm. Nàng nằm thao thức suốt cả đêm, lo sợ rằng hắn ta có thể trở lại.

*

* *

Khi Eve thức dậy vào lúc rạng đông, nàng thấy các tấm khăn trãi

giường đều vấy máu. Nàng sẽ bắt hắn ta trả giá đắt về việc này. Nàng bước vào phòng tắm, rất thận trọng, rồi lại cho nước nóng chảy vào bồn tắm. Mặt nàng lúc này sưng to hơn nữa, và các vết bầm rõ rệt hơn. Nàng nhúng một chiếc khăn vào nước lạnh, đắp lên má và mắt. Rồi nàng nằm trong bồn tắm, suy nghĩ về George Mellis. Có một cái gì đó khó hiểu trong hành vi của Mellis, không có liên hệ gì đến thói ác dâm của hắn. Đột nhiên nàng hiểu ra cái ấy là cái gì. Đó là chuỗi kim cương của nàng. Tại sao hắn lại lấy thứ đó đi?

*

* *

Hai giờ sau, Eve xuống nhà dưới để ăn sáng với mọi người, cho dù nàng không cảm thấy đói. Nàng rất cần phải gặp Nita Ludwig.

"Lạy Chúa! Mặt chị làm sao vậy?" Nita hỏi.

Eve cười buồn bã "Em thật là ngốc quá. Em thức dậy vào nửa đêm, định đi vệ sinh, thế nhưng em lại lười không chịu bật đèn lên. Em bước thẳng đến một trong các cánh cửa giả, rồi va vào đó"

"Chị có cần bác sĩ xem vết thương cho chị không?"

"Không có gì đâu", Eve trấn an Nita, "Chỉ là một vết bầm nhỏ thôi mà". Eve nhìn quanh quất, "George Mellis đâu rồi?"

"Anh ấy đang chơi quần vợt. Anh ấy là một tay chơi quần vợt số

một đấy. Anh ấy nhờ nói với chị rằng anh ấy sẽ gặp chị vào bữa cơm trưa. Có vẻ như anh ấy thích chị thực sự".

"Chị hãy nói cho em biết về anh ta đi". Eve hỏi, làm ra vẻ tình cờ. "Gốc gác anh ta thế nào"

"George ấy à? Anh ấy xuất thân từ một gia đình Hi Lạp giàu có. Anh ta là con trai trưởng, và rất giàu có. Anh ấy làm việc ở một hãng chuyên làm môi giới ở New York, tên là Hanson and Hanson"

"Anh ta không làm công việc kinh doanh của gia đình hay sao?"

"Không. Anh ta ghét các cây ô liu. Dù sao với của cải của gia đình Mellis, anh ta chẳng cần phải làm việc. Em cho rằng anh ấy làm việc để khỏi ngồi không vào ban ngày thôi". Nàng cười và nói, "Đêm tối thì anh ta bận rộn lắm"

"Thật thế sao?"

"Chị yêu quý ạ, George Mellis là một anh chàng độc thân rất đắt giá. Các cô gái đều sẵn sàng hiến dâng cho anh ta. Ai cũng hi vọng trở thành bà Mellis cả. Thành thực mà nói, nếu như chồng em không có tính hay ghen, em cũng đã theo đuổi anh chàng Mellis ấy rồi. Anh ta là một anh chàng "ba mươi lăm" kì tài, phải không chị?"

"Phải, kì tài", Eve nói.

George bước vào sân thượng, nơi Eve đang ngồi một mình. Nàng cảm thấy nỗi sợ hãi như nhát dao đâm vào da thịt.

Hắn bước đến gần nàng và nói. “Chào Eve. Em khoẻ chứ?”. Mặt hắn tỏ ra vẻ lo lắng thục sự. Hắn sờ nhẹ lên má bầm của Eve. “Em yêu quý ạ, em xinh đẹp lắm”. Hắn kéo một chiếc ghế, ngồi giạng hai chân trên đó, rồi chỉ về phía bể lóng lánh. “Em có thấy cảnh nào đẹp như vậy chưa?”

Y làm như thể câu chuyện đêm qua chưa hề bao giờ xảy ra. Nàng lắng nghe George Mellis trong khi y vẫn tiếp tục nói chuyện, và một lần nữa nàng cảm thấy sức hút mạnh như nam châm của con người này. Ngay cả sau cơn ác mộng nàng đã trãi qua, nàng vẫn cảm thấy điều đó. Anh ta giống như một vị thần Hi Lạp. Anh ấy là pho tượng trong bảo tàng. Một nhân vật trong dưỡng đường dành cho người điên.

“Anh phải trở về New York tối nay”, Mellis nói, “Anh sẽ gọi điện thoại cho em ở đâu?”

“Tôi mới dọn nhà”, Eve nói thật nhanh. “Chưa có số điện thoại. Khi nào có tôi sẽ gọi cho anh biết”

“Thế cũng được, em yêu quý ạ”. Y nhoẻn miệng cười. “Đêm qua, em thực sự thích chứ?”

Eve không còn tin nổi tai mình nữa.

“Anh có nhiều thứ để dạy em, Eve ạ”. Y thì thầm.

Và tôi cũng có nhiều thứ để dạy ông, ông Mellis ạ. Eve nhủ thầm.

*

* *

Ngay khi trở về nhà, Eve gọi điện thoại cho Dorothi Hollister. Ở New York, nơi các phương tiện truyền thông thường dành một phần cho những câu chuyện đi đi về về của cái mà người ta gọi là "những người đẹp", Dorothi là một đầu nguồn thông tin cho những câu chuyện ấy. Bà đã có một người chồng thuộc hàng tai mắt trong xã hội, nhưng ông chồng đã li dị bà để lấy một cô thư kí hai mươi mốt tuổi của ông ta. Dorothi đành phải đi làm việc, chọn một nghề thích hợp với tài năng của bà nhất. Bà trở thành một nhà báo chuyên viết về những chuyện ngồi lê đôi mách. Bởi vì bà quen biết nhiều người thuộc giới mà bà hay đề cập đến, và vì người ta cho bà là một người đáng tin cậy, nên ít người giấu giếm những điều bí mật đối với bà.

Nếu có một người nào có thể cho Eve biết về George Mellis thì người ấy ắt phải là Dorothi Hollister. Eve mời bà ta đến ăn cơm trưa ở La Pyramide. Hollister là một người đàn bà béo mập, với một khuôn mặt núc ních những mỡ, tóc nhuộm đỏ, một giọng nói khàn khàn và tiếng cười be be như lừa kêu. Người bà nặng trĩu nữ trang – tất cả là đồ giả.

Khi gọi các món ăn xong, Eve nói ra vẻ tình cờ. "Tôi ở Bahamas tuần trước. Nơi ấy thật là đẹp"

"Tôi biết cô ở đâu rồi", Dorothi nói "Tôi có danh sách các khách mời của Nita Ludwig ở đây. Cuộc đi chơi ấy vui lắm nhỉ?"

Eve nhún vai. “Tôi đã gặp nhiều bạn cũ. Tôi cũng gặp một người đàn ông rất đáng chú ý tên là...” Nàng ngưng lại, nhăn mặt ra dáng suy nghĩ – “tên là George gì gì đó. Hình như là Miller thì phải. Một người Hi Lạp”.

Dorothi cười to lên một tiếng cười rất to vang lên suốt căn phòng. “Mellis, cô em ạ. George Mellis”

“Đúng rồi, Mellis. Bà quen anh ta à?”

“Tôi đã gặp anh ta rồi. Lúc ấy tôi tưởng mình sắp biến thành một cột mối. Lạy Chúa, anh ta trông thật là to lớn”

“Gốc gác anh ta thế nào?”

Dorothi nhìn quanh, rồi vươn người ra nói với vẻ bí mật. “Không ai biết điều này, nhưng cô phải giữ kín nhé. George Mellis là con chiên ghẻ trong gia đình. Gia đình anh ấy kinh doanh thực phẩm, và giàu có không sao tả xiết. Lẽ ra George sẽ nắm lấy cơ sở kinh doanh của gia đình, nhưng anh ta dính líu vào nhiều vụ lôi thôi với bọn trai, gái và những kẻ dâm dục, cho nên ông bố chán nản quá, phải cho anh ta xuống tàu rời khỏi xứ”

Eve như uống từng lời lẽ một.

“Tội nghiệp anh chàng ta bị bố mẹ đuổi đi mà không có một đồng xu trong túi, vì thế anh ta phải làm việc để tự nuôi sống”

Thì ra là thế mà anh ta lấy chuỗi kim cương của mình!

“Tất nhiên anh ta chẳng việc gì phải lo. Một ngày nào đó George sẽ lấy một cô vợ giàu”. Bà ta nhìn qua phía Eve và hỏi “Cô có

thích không, hở cô em xinh đẹp?"

"Không hẳn thế".

Thật ra Eve rất thích thú chuyện ấy. George Mellis sẽ là chiếc chìa khoá để mở ra kho của cải của nàng.

Sáng sớm hôm sau, nàng gọi điện thoại cho Mellis ở hãng môi giới, nơi anh ta làm việc. Y nhận ra ngay tiếng nói của Eve.

"Anh đang chờ đợi em gọi đến điên người đây, Eve ạ. Chúng ta sẽ ăn cơm tối với nhau tối nay, sau đó...."

"Không. Cơm trưa, ngày mai".

Mellis do dự, ngạc nhiên. "Được rồi, anh dự định sẽ ăn cơm trưa với một khách hàng, nhưng anh sẽ dời bữa ăn ấy sang ngày khác"

Eve không tin rằng đó là hắn ta. "Đến căn hộ của tôi", Eve nói. Nàng cho y địa chỉ. "Tôi sẽ gặp anh lúc mười hai giờ ba mươi".

"Anh sẽ đến đó". Nàng nghe có vẻ khoái trá trong giọng nói của hắn ta.

*

* *

Y ta đến trễ ba mươi phút, nhưng Eve nghĩ rằng đó là do thói quen của y. Đó không phải là một hành vi bất lịch sự cố ý, mà là thái độ thờ ơ, một sự tin tưởng rằng người ta sẽ luôn luôn chờ đợi mình. Những sự vui thích của y lúc nào cũng có sẵn ở đó cho y mỗi khi y chịu khó vươn tay ra để nắm lấy. Với vẻ hấp dẫn ghê

gớm của y, tất cả thế giới đều thuộc về y. Chỉ trừ một điều duy nhất: y nghèo. Đó là điểm yếu của y.

George Mellis nhìn quanh căn phòng bé nhỏ, đánh giá từng thứ một bằng cặp mắt thành thạo. "Trông rất vui tươi"

Y tiến đến gần Eve, dang hai cánh tay ra. "Anh nghĩ đến em từng phút, từng giây".

Nàng tránh ra xa. "Khoan đã. Tôi có điều muốn nói với anh".

Mắt y như xoáy vào mắt nàng. "Chúng ta sẽ nói sau".

"Nói ngay bây giờ". Nàng nói chậm rãi và rõ ràng từng tiếng một, "Nếu anh sờ vào người tôi, tôi sẽ giết anh".

Y nhìn Eve, môi cong lại cố nở nụ cười ngượng nghịu. "Trò đùa gì thế này?"

"Đây không phải là trò đùa, mà là chuyện nghiêm chỉnh. Tôi có một đề nghị làm ăn với anh".

Trên mặt y lộ vẻ bối rối, chưa hiểu. "Em gọi anh đến đây để bàn chuyện làm ăn".

"Đúng vậy. Tôi không biết anh kiếm được bao nhiêu tiền bằng cách lừa gạt các bà già ngu ngốc mua các chứng phiếu, các cổ phần, nhưng tôi chắc chắn rằng số tiền anh kiếm được không đủ cho anh tiêu xài".

Mặt y tối sầm vì giận dữ. "Em điên à? Gia đình anh..."

"Gia đình anh giàu, nhưng anh thì không. Gia đình tôi giàu, nhưng tôi chẳng có gì. Cả anh và tôi đều như đang ngồi trên

chiếc thuyền thủng đáy, anh yêu quý ạ. Tôi biết cách làm sao biến nó trở thành một chiếc du thuyền". Nàng đứng tại chổ, nhìn vẻ tò mò của y đang dần dần lấn át cơn giận dữ.

"Em nên nói rõ cho anh biết em đang muốn nói chuyện gì".

"Đơn giản lắm. Tôi đã bị tước quyền thừa kế một tài sản rất lớn lao. Nhưng em gái Alexandra tôi thì không thế".

"Chuyện ấy thì có liên quan gì đến tôi?"

"Nếu anh lấy Alexandra, của cải ấy sẽ thuộc về anh – về hai chúng ta".

"Rất tiếc. Anh không bao giờ chịu đựng được ý tưởng bị ràng buộc với bất cứ người nào".

"Tình cờ mà vấn đề ấy không khó khăn gì cả trong trường hợp này. Em gái tôi lúc nào cũng dễ bị tai nạn".

Sidney Sheldon

Tay cự phách

Lương Thị Thận dịch

Chương 27

Hãng quảng cáo Berkley and Matthews là chiếc vương miện trên bảng xếp hạng các hãng trên đường Madison Avenue. Số quảng cáo hàng năm của hãng ấy vượt quá số quảng cáo gộp lại của hai hãng cạnh tranh gần nhất, nhất là nhờ có tài khoản lớn lao của Kruger-Brent và hàng chục các chi nhánh của nó trên khắp thế giới. Trên bảy mươi lăm nhân viên kế toán, người viết bài quảng cáo, giám đốc sáng tác, thợ ảnh, thợ khắc, nghệ sĩ, chuyên viên truyền tin đã được thu dụng nhờ có tài khoản của riêng công ty Kruger-Brent mà thôi. Vì vậy, khi bà Kate Blackwell điện thoại cho Aaron Berkley để yêu cầu ông ta tìm một chỗ cho Alexandra thì chỗ làm ấy được tìm ra ngay lập tức. Nếu bà Kate Blackwell muốn thì họ có lẽ cũng sẵn sàng nhường chức chủ tịch cho Alexandra nữa.

"Tôi tin rằng cháu gái Alexandra của tôi thích làm một người viết bài quảng cáo," Bà Kate nói cho Aaron Berkley biết.

Berkley nói với bà Kate rằng tình cờ vừa mới có khuyết một chân viết bài quảng cáo nên cô Alexandra có thể bắt đầu công việc khi nào cô ấy muốn.

Alexandra bắt đầu đi làm việc vào ngày thứ hai.

Ít có hãng quảng cáo nào đặt trụ sở trên đường Madison Avenue, nhưng Berkley and Matthews là một ngoại lệ. Hãng có một toà nhà lớn, tối tân, ở góc đường Madison và đường số 57. Hãng chiếm tám tầng lầu và cho thuê các tầng lầu khác. Để đỡ phải thêm một sổ lương mới, Aaron Berkley và người hợp tác, Matthews, quyết định rằng Alexandra sẽ thay thế một nhân viên viết bài mới tuyển dụng trước đó sáu tháng. Tin này loan ra rất nhanh chóng. Khi nhân viên biết rằng cô gái bị đuổi sẽ được thay thế bởi con gái của vị thân chủ lớn nhất của hãng thì toàn thể mọi người đều bất mãn. Mặc dầu chưa hề gặp mặt Alexandra, họ đều đồng thanh cho rằng nàng là một mụ đàn bà xấu xa, đanh ác, có lẽ đã được gửi đến làm việc ở đó để do thám họ.

Khi Alexandra đến làm việc, nàng được hộ tống đến văn phòng đồ sộ, hiện đại của Aaron Berkley, ở đó cả hai, Berkley và Matthews đều có mặt để chào đón nàng. Cả hai người hợp tác kinh doanh này trông chẳng có gì giống nhau cả. Berkley thì cao, gầy, tóc bạc trắng xoá, còn Matthews thì lùn tịt, to béo và hoàn toàn sói. Thế nhưng họ có hai điểm chung: cả hai đều là những nhà quảng cáo xuất sắc nhất trong thập niên qua, và cả hai đều là

những tên độc tài tuyệt đối. Họ đối xử với nhân viên như những tên nô lệ, và sở dĩ các nhân viên chịu đựng lối đối xử như vậy, ấy là vì bất cứ ai đã làm việc cho hãng Berkley and Matthews này cũng có thể làm việc ở bất cứ hãng quảng cáo nào trên thế giới. Đó là nơi huấn luyện nghề nghiệp.

Lúc Alexandra đến làm việc, còn có một người khác nữa cũng hiện diện trong văn phòng. Đó là Lucas Pinkerton, phó chủ tịch của hãng, một con người lúc nào cũng tươi cười, có cử chỉ khúm núm và đôi mắt lạnh lùng. Pinkerton trẻ hơn là hai người kia, nhưng nếu ông ta thua kém về tuổi tác, bù vào đó, ông ta tỏ ra không thua kém về thái độ thù hằn đối với đàn ông và đàn bà làm việc dưới quyền ông.

Aaron Berkley dẫn Alexandra đến một chiếc ghế bành rất êm ái.

"Cô muốn tôi mời cô thứ gì nào, thưa cô Blackwell? Cà phê hay trà?"

"Không, tôi không uống gì cả. Xin cảm ơn ông."

"Vậy thì cô sẽ làm việc ở đây với chúng tôi với tư cách là một nhân viên viết bài."

"Tôi rất cảm ơn quý ông đã tạo cho tôi cơ hội này. Tôi biết rằng tôi còn phải học hỏi nhiều lắm, nhưng tôi sẽ rán sức làm việc."

"Điều đó thì không cần," Norman Matthews vội vã nói. Nhưng tiếp đó ông sửa chữa lại. "Ý tôi muốn nói là cô không thể gấp rút học tập kinh nghiệm loại này được."

“Tôi tin chắc rằng cô sẽ rất sung sướng làm việc với những người ở đây,” Aaron Berkley nói thêm. “Cô sẽ làm việc với những người giỏi nhất trong nghề.”

Một giờ sau, Alexandra ngồi suy nghĩ. Họ có thể là những người giỏi nhất, nhưng không hẳn là những người thân thiện nhất.

Lucas Pinkerton đã đưa Alexandra đi mọi nơi để giới thiệu nàng với nhân viên, nhưng ở nới nào cũng vậy, sự tiếp đón khá nhạt nhẽo. Họ chấp nhận sự hiện diện của nàng, rồi sau đó họ nhanh chóng làm những công việc khác. Alexandra đã cảm thấy thái độ thiếu thiện cảm của họ, nhưng không hiểu nguyên nhân vì sao.

Pinkerton dẫn nàng đến một phòng họp đầy khói thuốc lá. Giáp với tường là một chiếc tủ trưng bày các phần thưởng của Clios và các giám đốc nghệ thuật. Ngồi xung quanh một chiếc bàn là một người đàn bà và hai người đàn ông, tất cả đều hút thuốc lá, hết điếu này đến điếu khác. Người đàn bà lùn, thân hình chắc, mập, tóc màu sắt rỉ. Hai người đàn ông tuổi chừng ba mươi bốn ba mươi lăm, nét mặt tái mét, trông có vẻ ưu tư.

Pinkerton nói, “Đây là nhóm sáng tạo. Cô sẽ làm việc với nhóm này. Họ là Alice Koppel, Vince Barnes và Marty Bergheimer. Đây là cô Alexandra Blackwell.”

Cả ba người trố mắt nhìn Alexandra.

“Thôi, tôi để các người làm quen với nhau”. Pinkerton nói. Ông quay về phía Vince Barnes. “Tôi muốn có tờ quảng cáo thứ nước

hoa mới trên bàn viết của tôi vào sáng mai. Anh hãy lo liệu sao cho cô Blackwell có được mọi thứ cô cần."

"Cô cần thứ gì vậy." Vince Barnes hỏi.

Alexandra bỡ ngỡ trước câu hỏi bất thình lình. "Tôi... tôi chỉ cần học công việc quảng cáo thôi."

Alice Koppel nói một cách dịu dàng, "Cô đã đến đúng chỗ đó, cô Blackwell ạ. Chúng tôi đang muốn làm thầy giáo đến chết đi được."

"Xéo đi chỗ khác," Marty Bergheimer nói với Alexandra.

Alexandra bối rối. "Không biết tôi có làm điều gì mất lòng vị nào ở đây không?"

Marty Bergheimer đáp, "Không đâu, cô Blackwell ạ. Chúng tôi đang phải làm việc khẩn trương đây, về một chiến dịch quảng cáo nước hoa. Các ông Pinkerton và Matthews chưa hài lòng với những gì chúng tôi đã đưa ra."

"Tôi sẽ cố không quấy rầy các anh chị."

"Như vậy thì rất tốt," Alice Koppel nói.

Những giờ còn lại của ngày hôm ấy cũng chẳng có gì khá hơn. Không ai nở một nụ cười ở nơi này. Một trong các đồng nghiệp của họ đã bị đuổi vì cô gái giàu có xấu xa này, vì vậy họ bắt cô ta phải trả giá đắt.

Vào cuối ngày đầu tiên của Alexandra, Berkley và Matthews đến văn phòng làm việc bé nhỏ họ đã dành cho Alexandra để xem cô

có được thoải mái hay không. Cử chỉ này không qua mắt được các đồng nghiệp của nàng.

Tất cả mọi người trong hãng đều gọi nhau bằng tên riêng thân mật, riêng họ gọi Alexandra bằng tên họ của nàng là Blackwell.

"Gọi tôi là Alexandra," nàng nói.

"Được."

Nhưng đến lần sau, họ lại gọi nàng là "cô Blackwell."

Alexandra học hỏi một cách nghiêm chỉnh và nóng lòng được đóng góp vào công việc. Nàng tham dự vào các phiên họp, trong đó các chuyên viên viết quảng cáo tha hồ đưa ra các sáng kiến của mình. Nàng nghe ông Lucas Pinkerton bác bỏ không tiếc lời bài viết quảng cáo được đệ trình cho ông duyệt. Ông ta là một con người xấu xa ti tiện. Alexandra cảm thấy thương hại cho những người làm việc dưới quyền ông ta. Nàng đi đi lại lại từ lầu này đến lầu kia để tham dự các cuộc họp của các vị giám đốc, các cuộc họp với khách hàng, những buổi chụp ảnh, các phiên họp bàn cãi chiến lược quảng cáo. Nàng ngồi yên lặng, lắng nghe để học hỏi. Vào cuối tuần lễ thứ nhất, nàng cảm thấy thời gian lâu như cả một tháng. Nàng trở về nhà mệt mỏi, không phải vì công việc mà vì sự căng thẳng do sự hiện diện của nàng gây ra ở sở làm.

Khi bà Kate hỏi nàng công việc tiến triển như thế nào. Alexandra đáp, "Cũng tốt, bà nội ạ. Rất hay."

“Bà chắc chắn rằng cháu sẽ làm việc rất tốt. Nếu có gì khó khăn, cháu cứ gặp ông Berkley hay ông Matthews.”

Nhưng đó là một điều mà Alexandra không bao giờ muốn làm.

Ngày thứ hai kế tiếp, Alexandra đến sở làm với ý định phải tìm cho ra một cách náo đó giải quyết vấn đề này. Có những giờ nghỉ giải lao vào buổi sáng và buổi trưa để mọi người uống cà phê, và đó là cơ hội thuận tiện để mọi người nói chuyện với nhau một cách tự nhiên, thỏi mái.

Alexandra bước vào, cuộc nói chuyện ngưng bặt lại.

“Để tôi đem cà phê đến cho cô nhé, thưa cô Blackwell”.

“Cảm ơn, tôi có thể tự đi lấy được.”

Mọi người im lặng trong khi Alexandra bỏ một đồng tiền vào máy cà phê tự động. Khi nàng bỏ đi cuộc nói chuyện lai bắt đầu trở lại.

“Các bạn có nghe vụ quảng cáo Xà phòng tinh khiết bị hớ to vừa rồi không? Cái cô người mẫu đẹp như tiên được dùng để quảng cáo ấy hoá ra là một minh tinh của loại ảnh khiêu dâm...”

Vào lúc giữa trưa. Alexandra nói với Alice Koppel, “ Nếu các anh chị rảnh có thể ăn cơm trưa với tôi, chúng ta có thể...”

“Xin lỗi, tôi có một cuộc hẹn.”

Alexandra đưa mắt sang Vince Barnes. “Tôi cũng thế,” anh nói.

Nàng nhìn về phía Marty Bergheimer. “Thời gian biểu của tôi cũng đã đầy ắp cả rồi.”

Alexandra cảm thấy quá thất vọng, không còn muốn ăn uống gì nữa. Họ đã khiến nàng có cảm tưởng như mình là một kẻ bị gạt ra ngoài lề xã hội, và nàng cảm thấy giận dữ. Nhưng nàng nhất định không bỏ cuộc. Nàng sẽ tìm ra một cách nào đó để đi đến với họ, để cho họ biết rằng ở sâu dưới cái tên Blackwell, nàng vẫn là một người trong bọn họ. Nàng ngồi dự các phiên họp, lắng nghe Berkley, Matthews và Pinkerton mắng chửi các nhà sáng tạo quảng cáo trong khi những người này chỉ cố gắng hết sức mình để làm công việc cho tốt. Alexandra thương hại cho họ, nhưng họ không cần sự thương hại ấy của nàng. Họ cũng chẳng cần có nàng nữa.

Alexandra chờ đợi thêm ba ngày, rồi lại cố gắng một lần nữa. Nàng nói với Alice Koppel, "Tôi nghe nói có một tiệm ăn Ý."

"Tôi không ăn các thức ăn Ý."

Nàng quay nhìn về phía Vince Barnes. "Tôi ăn kiêng."

Alexandra lại nhìn Marty Bergheimer. "Tôi sẽ đi ăn cơm Tàu."

Mặt Alexandra đỏ bừng lên. Họ không muốn người ta thấy họ đi chung với nàng. Thôi được, mặc kệ họ. Đối với nàng như thế là quá đủ rồi. Nàng đã vượt qua thông lệ để cố làm thân với họ, và mỗi lần như vậy nàng lại bị đánh gục. Làm việc ở đây thật là một sai lầm lớn. Nàng cần phải tìm việc làm với một công ty nào đó không liên hệ gì đến bà nội nàng cả. Nàng sẽ rời nơi này vào cuối tuần. Nhưng nàng tự nhủ, "Mình phải làm cho tất cả mọi

người nhớ rằng mình đã từng ở nơi này."

Lúc một giờ trưa, tất cả mọi người, trừ nhân viên ở tổng đài diện thoại, đều đi ăn trưa. Alexandra ở lại văn phòng. Nàng nhận ra rằng tại các phòng giấy của lãnh đạo đều có máy điện đàm nội bộ nối liền với các phòng sở, để khi nào một cấp lãnh đạo muốn nói chuyện với một thuộc hạ, ông ta chỉ việc ấn nút trên hộp máy, ở đó có ghi tên mỗi nhân viên trên một tấm phiếu.

Alexandra lẻn vào trong các văn phòng vắng người của Berkley, Matthews và Pinkerton rồi đổi các phiếu tên lẫn lộn. Vì vậy, vào lúc đầu giờ trưa hôm ấy, Pinkerton ấn nút máy liên lạc, nối liền ông ta với một chuyên viên viêt bài, và nói trong máy, "Vác cái đít của mày lên đây. Ngay bây giờ!"

Một giây phút yên lặng, có vẻ như choáng váng, tiếp theo đó, rồi có tiếng Matthews gầm lên, "Anh nói cái gì?"

Pinkerton nhìn trừng trừng vào máy sững sờ, "Ông Matthews à? Ông ở đó sao?"

"Mày nói đúng rồi đấy. Vác cái đít của mày lên đây ngay!"

Một phút sau, một chuyên viên viết quảng cáo ấn trên máy liên lạc đặt trên bàn làm việc và nói, "Tôi có ít bài vừa viết xong để anh đem gấp xuống nhà dưới cho tôi."

Giọng của Berkley gầm lên ở đầu dây bên kia đáp lại. "Anh anh cái gì?"

Thế là sự hỗn loạn bắt đầu. Phải bốn giờ đồng hồ sau sự lộn xộn

do Alexandra tạo ra mới được chỉnh đốn lại, và đó cũng là bốn giờ vui nhộn nhất cho các nhân viên của Berkley và Matthews. Mỗi lần một sự kiện mới xảy ra họ lại reo lên vui thích. Các cấp lãnh đạo bị gọi trên máy để được sai làm việc lặt vặt, đi mua thuốc lá hay sửa lại một chậu rửa trong phòng vệ sinh bị vỡ. Berkley, Matthews và Pinkerton dò hỏi khắp nơi để tìm ra thủ phạm, nhưng không một ai biết.

Người duy nhất đã trông thấy Alexandra đi vào các phòng làm việc là Fran, một nữ nhân viên ở tổng đài điện thoại, nhưng cô ta rất ghét các ông chủ hơn là ghét Alexandra nên cô ta chỉ nói, "Tôi không thấy một mạng nào cả."

Đêm hôm ấy, khi Fran nằm ngủ trên giường với Vince Barnes cô kể lai câu chuyện xảy ra.

Vince Barnes ngồi hẳn dậy trên giường. "Cái cô gái Blackwell làm chuyện ấy à? Mình thật ngốc quá!"

Sáng sớm hôm sau, khi Alexandra bước vào văn phòng, Barnes, Koppel và Bergheimer đang ngồi ở đấy chờ đợi. Họ nhìn nàng chằm chằm trong yên lặng. "Có chuyện gì không hay chăng?" Nàng hỏi.

"Chẳng có chuyện gì Alex ạ," Alice Koppel nói. "Các anh ấy và tôi muốn mời chị cùng đi ăn cơm trưa với chúng tôi. Chúng tôi biết cái tiệm ăn Ý nhỏ nổi tiếng ở gần nơi này..."

Sidney Sheldon

Tay cự phách

Lương Thị Thận dịch

Chương 28

Từ ngày còn bé, Eve Blackwell đã ý thức được khả năng vận động mọi người xung quanh bằng những mánh khoé khôn ranh. Trước kia, đó là một thứ trò chơi đối với nàng, nhưng bây giờ nó là một cuộc vận động nghiêm chỉnh rất nguy hiểm. Nàng đã bị đối xử tồi tệ, đã bị tước đi tài sản đáng lẽ thuộc về nàng một cách chính đáng, bởi cô em ruột nhiều mưu mô và một bà nội già đầy thù hận. Những người này phải trả giá đắt cho những gì họ đã gây cho nàng. Ý nghĩ này tạo cho nàng một niềm vui thích đến tột độ. Mạng sống của họ bây giờ nằm trong tay nàng.

Eve chuẩn bị kế hoạch của nàng rất tỉ mỉ và cẩn thận, phối hợp mọi động tác một cách ăn ý. Thoạt tiên, George Mellis do dự chưa muốn tham gia vào cuộc âm mưu này.

"Lạy Chúa, cái trò này nguy hiểm lắm. Tôi chẳng muốn dính líu váo một việc như thế này," anh ta cãi lại. "Tôi cần bao nhiêu tiền thì cũng có thể có được, cần gì làm chuyện ấy."

“Bằng cách nào kia chứ?” Eve hỏi với vẻ khinh bỉ. “Bằng cách ăn nằm với những cô gái tóc xanh béo phục phịch ấy à? Anh định sống suốt đời như vậy hay sao? Thế rồi đến lúc anh béo thêm một chút nữa, bắt đầu có những vết nhăn xung quanh mắt, thì chuyện gì sẽ xảy ra với anh? Không, George ạ, anh sẽ không bao giờ có được một cơ hội tốt như thế này đâu. Nếu anh chịu nghe tôi, anh và tôi sẽ có thể làm chủ cả một tổ hợp công ty lớn lao nhất thế giới. Anh nghe không? Hãy làm chủ cả một cơ nghiệp lớn lao như vậy.”

“Làm sao mà em biết rằng kế hoạch này sẽ thành công?”

“Bởi vì tôi là người hiểu rõ nhất về bà nội và em gái tôi. Cứ tin tôi đi, kế hoạch này sẽ thành công.”

Eve nói với vẻ tin tưởng, nhưng vẫn có chút dè dặt, và chính những sự dè dặt này khiến cho Mellis lo lắng. Eve biết rằng có thể đóng được vai trò của nàng, nhưng chưa chắc rằng Mellis có khả năng làm như vậy. Y có vẻ lưỡng lự, không ổn định, nhưng trong việc thực thi kế hoạch này, không được phép có sai lầm. Chỉ một lỗi lầm nhỏ, cả kế hoạch sẽ bị tan vỡ.

Lúc này, nàng nói với Mellis. “Quyết định đi. Anh định dấn thân vào hay rút ra?”

Mellis nhìn nàng một lúc như dò xét. “Dấn vào.” Y sáp lại gần Eve, vuốt vai nàng. “Dấn vào cho đến tận cùng.”

Eve cảm thấy cơn dục tình của nàng dâng lên khắp người. “Được

rồi" nàng thì thầm, "nhưng tôi làm theo cách của tôi."

Chỉ qua một đêm, mọi thứ đều thay đổi đối với Alexandra. Những gì đã xảy ra và xem như là hoạt động cuối cùng của nàng ở hãng Berkley và Matthews đã trở thành một sự đắc thắng của nàng. Từ một kẻ bị gạt ra ngoài lề, nàng đã trở thành một nữ anh hùng. Tin tức về hành động tinh nghịch của nàng lan rộng khắp đại lộ Madison Avenue.

"Chị đã trở thành một huyền thoại ngoài giờ làm việc."

Bây giờ nàng đã trở thành một người trong bọn họ rồi.

Alexandra ham thích công việc của nàng, đặc biệt là những buổi họp đưa ra sáng kiến diễn ra mỗi buổi sáng. Nàng biết rằng đó không phải là công việc nàng sẽ làm suốt đời, nhưng thực sự nàng không biết chắc chắn nàng muốn làm gì. Đã có ít nhất hàng chục nơi cầu hôn và nàng cũng đã xiêu lòng trong một vài trường hợp, nhưng vẫn có cái gì đó còn thiếu. Vấn đề đơn giản là nàng chưa tìm ra được người hợp ý với nàng.

Một buổi sáng thứ sáu, Eve điện thoại cho Alexandra mời nàng cùng ăn cơm trưa. "Có một tiệm ăn Pháp vừa mới mở cửa. Chị nghe nói thức ăn ở đó ngon lắm."

Alexandra rất vui sướng được biết tin về Eve. Nàng rất lo cho chị. Alexandra đã điện thoại hai, ba lần một tuần lễ cho Eve, nhưng lần nào Eve cũng hoặc đi vắng, hoặc quá bận rộn không

gặp được nàng. Lúc này, dù Alexandra đã có một cuộc hẹn, nàng nói, “Em rất thích được ăn cơm trưa với chị.”

Tiệm ăn thật sang trọng và đắt tiền, và ở quầy hàng, có rất đông khách còn chờ đợi các bàn trống. Eve đã phải sử dụng tên bà nội nàng để đặt trước một bàn ăn. Điều này làm nàng khó chịu,nhưng nàng nghĩ, “Cứ chờ đấy, rồi một ngày kia các người sẽ phải van lạy ta đến ăn tại tiệm ăn bẩn thỉu này,” Eve đã ngồi sẵn tại đó khi Alexandra bước vào. Nàng nhìn theo Alexandra trong khi người trưởng nhóm hầu bàn dẫn Alexandra đến bàn ăn, rồi tự nhiên nàng có cảm giác kì lạ là nàng đang nhìn chính mình đi lại gần chiếc bàn.

Eve chào em bằng một nụ hôn trên má. “Em trông xinh đẹp quá, Alexandra ạ, công việc làm có vẻ thích hợp với em lắm thì phải.”

Họ gọi thức ăn và hỏi han nhau về cuộc sống của mỗi người.

“Công việc làm của em thế nào?” Eve hỏi.

Alexandra kể lại cho chị nghe tất cả những gì đã xảy ra với nàng. Eve cũng cẩn thận kể lại các hoạt động theo lối riêng của nàng.

Trong lúc hai người đang trò chuyện, Eve đưa mắt nhìn lên, George Mellis đang đứng ở đấy. Anh nhìn hai người, hơi có vẻ bối rối trong chốc lát. “Lạy Chúa.” Eve nghĩ thầm “anh ta không biết mình là người nào trong hai người !”

“George!” Nàng nói.

Anh quay lại về phía nàng, mừng rỡ. “Eve !”

Eve nói, “Thật là một sự ngạc nhiên thú vị”. Nàng hất đầu về phía Alexandra. “Chắc anh chưa gặp em gái tôi. Alex, chị xin giới thiệu em anh George Mellis.”

George cầm lấy tay Alexandra và nói, “Hân hạnh.” Eve đã cho anh biết rằng nàng là em sinh đôi, nhưng anh không nghĩ rằng họ giống hệt nhau đến như vậy.

Alexandra nhìn Mellis, chằm chằm, có vẻ thán phục.

Eve nói, “Anh vui lòng ngồi ăn với chúng tôi chứ?”

“Tôi rất muốn thế nhưng tôi đang trễ một cuộc hẹn. Xin lần khác vậy.” Anh nhìn Alexandra. “Hi vọng sẽ có một dịp khác gần đây nhất.”

Hai người nhìn theo Mellis bước ra ngoài. “Trời ơi! Ai vậy, hở chị?” Alexandra hỏi.

“À, anh ấy là một người bạn của Nita Ludwig. Chị gặp anh ấy trong một bữa tiệc tai nhà Nita.”

“Không biết em có điên rồ hay không, chứ em thấy anh ấy đẹp trai quá. Có thật như vậy không, chị?”.

Eve cười to. “Anh ta không thuộc “týp” người của chị, nhưng các cô gái thì hình như cho rằng anh ta hấp dẫn lắm.”

“Em cũng nghĩ như vậy. Anh ấy có vợ chưa nhỉ?”

“Chưa, nhưng không phải là vì các cô gái không cố ve vãn anh ta hết mình, em ạ. George giàu có lắm. Có thể nói rằng anh ta có đủ mọi thứ: dáng vẻ bề ngoài, tiền của, gốc gác xã hội.” Sau đó, Eve

khôn khéo nói lảng sang chuyện khác.

Khi Eve yêu cầu người chiêu đãi viên đưa phiếu tính tiền bữa ăn thì người ấy nói cho nàng biết rằng ông Mellis đã trả tiền rồi.

Alexandra không thể nào ngưng suy nghĩ về George Mellis.

Trưa thứ hai, Eve gọi điện thoại cho Alexandra và nói, "Có vẻ như em đã bắn trúng đích rồi đấy, em ạ. George Mellis vừa gọi điện thoại cho chị, hỏi số điện thoại của em. Em có cho phép chị cho anh ấy số điện thoại không?"

Alexandra ngạc nhiên thấy mình nở một nụ cười. "Nếu chị tin chắc rằng, chị không thích anh ấy thì...".

"Chị đã nói với em rồi. Anh ấy không hợp với "týp" người của chị."

"Vậy thì chị cho anh ta số điện thoại của em cũng không hề gì."

Hai người nói chuyện với nhau thêm ít phút nữa, rồi Eve đặt điện thoại xuống. Nàng ngước mắt nhìn Mellis, đang nằm trần truồng bên cạnh nàng trên giường. "Cô ấy bằng lòng rồi."

"Bao giờ?"

"Khi nào tôi bảo anh."

Alexandra cố quên chuyện Mellis sẽ gọi điện thoại đến nàng, nhưng càng cố gạt ra khỏi đầu óc, nàng lại càng nhớ đến anh ấy. Nàng chưa hề đặc biệt chú ý đến những người đàn ông đẹp trai, vì nàng thấy đa số những người ấy thường tự cho mình là trung tâm. Nhưng George Mellis, theo nàng nghĩ, có vẻ khác họ. Anh

ta có một sức mạnh thu hút kì lạ. Anh chỉ cần sờ vào bàn tay là nàng đã thấy rung động cả người. "Mình điên rồ quá." nàng tự nhủ, "Mình chỉ mới thấy anh ta trong hai phút thôi."

Mellis không gọi điện thoại cho nàng trong suốt tuần lễ ấy, các cảm xúc của nàng đi từ chỗ sốt ruột đến thất vọng, rồi đến giận dữ. "Kệ anh ta" Nàng nghĩ. "Chắc là anh ta đã gặp một người nào khác rồi. Như thế lại càng hay!"

Vào cuối tuần lễ, chuông điện thoại của Alexandra kêu vang. Nàng nghe tiếng trầm trầm, khàn khàn của chàng, Nỗi giận dữ tiêu tan như do một phép lạ.

"George Mellis đây," Chàng nói. "Chúng ta gặp nhau quá ngắn ngủi, khi cô và chị cô dùng cơm trưa với nhau. Eve nói cô cho phép tôi gọi điện thoại cho cô."

"Nhưng chị ấy không nói rằng anh sẽ gọi điện thoại cho tôi". Alexandra nói một cách tự nhiên. "Tiện thể đây tôi xin cảm ơn anh về bữa ăn hôm đó."

"Cô xứng đáng cả một bữa tiệc lớn, chứ như thế thì có gì." Alexandra cười vui thích với cái lối nói cường điệu ấy của chàng.

"Không biết cô có vui lòng đến ăn cơm với tôi một buổi tối nào đó không?"

"Về chuyện ấy thì... Vâng. Như thế cũng tốt."

"Vậy thì tuyệt đối. Nếu cô từ chối thì có lẽ tôi đến phải tự tử

mất.”

“Đừng làm thế chứ,” Alexandra nói. “Tôi cũng không thích ăn một mình.”

“Tôi cũng vậy.Tôi biết có một tiệm ăn nhỏ trên đường Mulberry, tên là Matoon's. Ở đó rất tối, nhưng thức ăn thì...”

“Matoon's à? Tôi thích nơi ấy lắm!” Alexandra kêu lên. “Đó là nơi tôi thích nhất.”

“Cô biết nơi ấy à?” Giọng anh ta có vẻ ngạc nhiên.

“Ồ, có chứ.”

George nhìn qua Eve, rồi nhoẻn miệng cười. Anh phải phục cái tài khôn ranh của cô gái này. Nàng đã nói cho Mellis biết tất cả những cái thích và không thích của Alexandra. George Mellis đã biết mọi thứ cần phải biết về cô em gái của Eve.

Khi Mellis đặt điện thoại xuống. Eve nghĩ thầm, “Thế là mọi sự đã bắt đầu.”

Thật là một buổi tối tuyệt vời nhất trong đời Alexandra. Một giờ trước khi Mellis đến, anh đã gửi đến cho nàng một tá bong bóng màu hồng, với một đoá hoa ngọc lan buộc vào trong đó.

Alexandra, trước đó, đã lo sợ rằng trí tưởng tượng có thể khiến cho nàng mong đợi quá nhiều, nhưng ngay khi nàng gặp lại Mellis, tất cả mọi nghi ngờ của nàng đều tiêu tan. Một lần nữa, nàng thấy sức thu hút của anh mạnh mẽ như là nam châm.

Hai người uống rượu với nhau ở nhà, rồi sau đó cùng đi đến tiệm

ăn.

“Cô có muốn xem qua thực đơn không?” George Mellis hỏi. “Hay là để tôi gọi cho cô vậy?”

Alexandra đã có sẵn những món nàng vẫn ưa thích ở nhà hàng này, nhưng để làm vui lòng Mellis nàng nói, “Sao anh không chọn đi?”

Mellis chọn toàn những món Alexandra ưa thích, khiến cho nàng có cảm giác say sưa rằng chàng đã đọc được các ý nghĩ của nàng. Họ cùng ăn món áctisô nhồi thịt bò non Matoon, một đặc sản của nhà hàng, và món “tóc tiên”, tức là một thứ mì sợi rất ngon. Họ cũng ăn một đĩa xà lách mà Mellis tự trộn lấy ở bàn ăn một cách thật là thành thạo.

“Anh quen nấu ăn lắm à?”

“À, đó là một trong các thú vui của tôi. Chính mẹ tôi đã dạy tôi. Bà ấy nấu nướng rất giỏi”.

“Anh có ở gần gia đình không, anh George?”

Anh tủm tỉm cười. Alexandra cho rằng đó là một nụ cười đẹp nhất nàng chưa từng thấy.

“Tôi là một người Hi Lạp”, Mellis nói một cách đơn giản. “Tôi là con trai trưởng với ba em trai và hai em gái, thế nhưng chúng tôi như là một”. Một vẻ buồn thoáng qua trên mặt anh. “Phải xa chúng nó thật là đau lòng hết sức. Cha tôi và các em trai tôi cứ năn nỉ tôi đừng đi. Chúng tôi có một cơ sở kinh doanh lớn nên họ

rất cần có tôi ở nhà".

"Thế sao anh không ở nhà?"

"Có lẽ cô nghĩ rằng tôi điên rồ, nhưng thật ra tôi muốn tự lập thân. Tôi lúc nào cũng không muốn nhận quà tặng của bất cứ ai, mà cơ sở kinh doanh ấy lại là một món quà được truyền lại từ ông tôi cho đến cha tôi. Không, tôi không muốn lấy chút gì của cha tôi cả. Cứ để cho các em trai lấy hết phần của tôi cũng được".

Alexandra cảm phục Mellis quá trời!

"Hơn thế nữa " Mellis nói thêm bằng giọng khe khẽ. Nếu tôi ở lại Hi Lạp, tôi chắc chẳng bao giờ gặp được cô."

Alexandra cảm thấy mặt nàng đỏ bừng lên. "Anh chưa bao giờ lấy vợ hay sao?"

"Chưa. Tôi vẫn thường hứa hôn mỗi ngày một lần", Mellis làm ra vẻ như nói đùa, "nhưng cứ đến lúc sắp thành hôn thì lần nào tôi cũng cảm thấy có cái gì đó không ổn". Y vươn người về phía trước, nói với giọng nghiêm chỉnh, "Cô Alexandra ạ, cô có thể cho rằng tôi là một con người xưa cổ, thế nhưng một khi đã thành hôn rồi thì cuộc hôn nhân ấy là vĩnh cửu. Đối với tôi chỉ một người đàn bà là đủ, nhưng phải là một người đàn bà xứng đáng".

"Tôi cho rằng như vậy rất tốt", nàng nói thì thầm.

"Thế còn cô?" Mellis hỏi. "Cô có yêu bao giờ chưa?"

“Chưa.”

“Thật là không may cho một kẻ nào đó, nhưng rất may mắn cho...”

Ngay lúc ấy, người hầu bàn đem món tráng miệng đến.

Alexandra đang nóng lòng muốn yêu cầu chàng nói nốt câu chàng vừa bỏ giở, nhưng nàng e ngại không dám.

Alexandra chưa hề bao giờ cảm thấy thoải mái hoàn toàn với bất cứ ai. Mellis có vẻ thực sự quan tâm đến nàng, khiến cho nàng buột miệng kể cho chàng nghe về thời niên thiếu của nàng, những kinh nghiệm nàng đã tích lũy và ấp ủ.

George tự cho mình là một tay thành thạo về đàn bà. Anh biết rằng đàn bà xinh đẹp thường cảm thấy rất bất an, vì đàn ông thường tập trung sự chú ý của họ vào sắc đẹp đó, khiến cho đàn bà có cảm tưởng họ là những đồ vật chứ không phải là những con người. Khi Mellis ở bên cạnh một người đàn bà đẹp, anh không bao giờ đề cập đến sắc đẹp của nàng. Anh làm cho người đàn bà cảm thấy rằng anh yêu thích trí óc, tâm hồn của họ, rằng anh là người bạn tinh thần cùng chia sẻ với nàng các giấc mơ.

Đó là một kinh nghiệm rất lạ lùng đối với Alexandra. Nàng kể cho Mellis nghe về bà nội Kate và về Eve.

“Chị cô không ở với cô và nội sao?”

“Không. Chị ấy... Eve muốn có một căn hộ riêng”.

Alexandra không thể nào tưởng tượng được vì sao Mellis không

bị thu hút bởi người chị ruột của nàng. Dù lí do thế nào chăng nữa, nàng cũng mừng thầm. Trong lúc đang ăn cơm, Alexandra để ý rằng mọi cô gái ở nơi ấy đều biết Mellis, nhưng anh ta không hề nhìn quanh quất một lần nào, cũng không bao giờ rời mắt khỏi nàng.

Vào lúc uống cà phê, Mellis nói, "Tôi không biết cô có thích nhạc jazz không, nhưng ở đường St Market's Place có một câu lạc bộ, gọi là Five Spot..."

"Đó chính là nơi Cecil Tayler vẫn thường chơi".

Mellis trố mắt nhìn Alexandra với vẻ ngạc nhiên. "Cô đã đến nơi ấy rồi chăng?"

"Rất nhiều lần!" Alexandra cười hớn hở. "Tôi rất thích nhạc sĩ ấy! Thật lạ lùng đến độ khó tin! Không hiểu sao chúng ta có những sở thích giống nhau thế!"

Mellis lặng lẽ đáp lại. "Nó giống như là một phép lạ".

Hai người ngồi nghe Cecil Tayler chơi dương cầm, rồi họ cùng đi đến một quán rượu trên đường Blecher, nơi đó các khách hàng uống rượu, ăn bắp ngô rang, ném phi tiêu và nghe chơi dương cầm. Alexandra ngồi nhìn trong khi Mellis đang thi ném phi tiêu với một khách hàng thường xuyên ở nơi này. Người ấy chơi rất giỏi, nhưng anh ta không thắng được một lần nào. Mellis chơi một cách hăm hở, đầy nhiệt tình, trông thật đáng sợ. Đó chỉ là một trò chơi, nhưng anh chơi như thể nó là một cuộc đấu tranh

sống còn. Anh ta là một con người lúc nào cũng phải thắng, Alexandra thầm nghĩ.

Lúc hai người rời quán rượu thì đồng hồ đã chỉ hai giờ sáng. Alexandra không muốn buổi tối hôm ấy chấm dứt.

Mellis ngồi bên cạnh Alexandra trong chiếc xe Rolls Royce do tài xế lái, mà anh ta đã thuê. Anh không nói lời nào mà chỉ nhìn vào mặt nàng. Hai chị em giống nhau đến kì lạ. Anh nghĩ thầm, "Không biết thân hình của họ có giống nhau không nhỉ?" Anh tưởng tượng Alexandra đang nằm trên giường với anh, quằn quại và la thét vì đau đớn.

"Anh đang nghĩ gì vậy?" Alexandra hỏi.

"Tôi sợ rằng cô sẽ cười."

"Không, tôi sẽ không cười. Tôi hứa đấy".

"Nếu cô có cười thì tôi cũng không trách cô được. Tôi cho rằng tôi bị xem như là một kẻ ăn chơi. Cô cũng hiểu rõ cuộc đời – những cuộc đi chơi bằng du thuyền, tiệc tùng và bao nhiêu những thứ khác".

"Vâng..."

Đôi mắt đen của anh dán chặt vào Alexandra. "Tôi nghĩ rằng cô là người đàn bà có thể thay đổi tất cả các thứ ấy. Mãi mãi". Alexandra cảm thấy mạch máu của nàng đập nhanh hơn. "Em... em không biết nói làm sao",

"Xin em đừng nói một tiếng nào nữa". Đôi môi chàng gần sát với

môi nàng. Alexandra đã sẵn sàng. Nhưng Mellis không tiến thêm một bước nào nữa. "Đừng có tấn công trước", Eve đã căn dặn chàng.

"Nhất là vào đêm đầu tiên. Nếu anh làm như vậy, anh sẽ trở thành một trong những chàng Romeo đang xếp hàng hai khao khát một cách vô hiệu quả được đặt bàn tay lên người nàng và lên tài sản của nàng. Phải để cho nàng tiến lên trước".

Vì vậy, Mellis chỉ cầm lấy tay nàng cho đến khi chiếc xe hơi nhẹ nhàng đỗ trước toà lâu đài Blackwell. Alexandra dẫn chàng đến cánh cửa trước. Nàng quay lại nói với chàng, "Em không thể nói đêm nay em đã được vui thích đến thế nào".

"Thật là một đêm kì diệu đối với anh".

Nụ cười của Alexandra đủ rạng rỡ để chiếu sáng cả đường phố. "Chào anh George Mellis", nàng thì thầm, rồi biến mất vào trong căn nhà.

Mười lăm phút sau, điện thoại trong phòng Alexandra reo vang. "Em có biết anh vừa làm gì không? Anh gọi điện thoại cho gia đình anh. Anh kể lại cho họ nghe về người con gái tuyệt vời anh mới gặp tối nay. Em ngủ ngon nhé, Alexandra".

Đặt điện thoại xuống, George Mellis suy nghĩ. "Sau khi nó với mình cưới nhau rồi, mình sẽ gọi điện thoại cho gia đình mình... rồi bảo cho họ biết mình sẽ cần đếch gì họ nữa".

Sidney Sheldon

Tay cự phách

Lương Thị Thận dịch

Chương 29

Alexandra không còn nhận tin tức gì về George Mellis nữa. Không có tin gì ngày hôm nay, rồi đến ngày kế tiếp, rồi suốt cả tuần cũng vậy. Mỗi lần điện thoại reo vang nàng lại chồm đến, nhặt ống nghe lên, nhưng lần nào nàng cũng bị thất vọng. Nàng không hiểu đã xảy ra chuyện gì. Nàng cố gợi lại trong trí nhớ kỉ niệm tối hôm ấy: "Anh nghĩ em là người duy nhất có thể thay đổi tất cả những thứ ấy" và "Anh đã gọi điện thoại cho ba mẹ và các em của anh, và nói cho họ biết về người con gái tuyệt vời anh đã gặp đêm nay". Alexandra kiểm điểm trong đầu óc một loạt các lí do mà nàng cầu mong là có thực để giải thích vì sao chàng đã không gọi điện thoại cho nàng.

Phải chăng nàng đã làm mất lòng chàng bằng cách nào đó mà nàng không biết?

Chàng mến nàng quá và sợ phải si mê nàng nên đã quyết định không gặp lại nàng lần nữa?

Chàng đã đi đến quyết định rằng nàng không phải là "týp" người thích hợp với chàng?

Chàng đã gặp một tai nạn khủng khiếp và bây giờ đang nằm bất động tại một bệnh viện nào đó?

Chàng đã chết rồi?

Không còn chịu đựng được nữa, Alexandra điện thoại cho Eve. Nàng cố gắng nói chuyện lảm nhảm một lúc trước khi bật mồm nói ra, "Eve này, chị có nghe được tin tức gì về George Mellis không?"

"À, không. Chị tưởng rằng hôm ấy anh ta mời em đi ăn cơm tối chứ?"

"Có, chúng em ăn cơm tối với nhau tuần trước".

"Thế mà từ đó em không nhận được tin tức gì về anh ta cả à?"

"Không".

"Có lẽ anh ta bận."

Không ai bận đến như vậy cả, Alexandra thầm nghĩ. Nàng nói to, "Có lẽ vậy".

"Thôi quên anh ta đi, em ạ. Có một chàng trai người Gia nã đại rất hấp dẫn. Chị muốn giới thiệu anh ta cho em. Anh ta làm chủ một hãng hàng không..."

Khi Eve gác máy điện thoại, nàng ngả người trên ghế tủm tỉm cười. Nàng ước mong làm sao bà nội có thể biết được nàng đã sắp đặt mọi thứ một cách tuyệt vời như thế nào.

“Này, có chuyện gì làm chị bực dọc thế?” Alice Koppel hỏi.
“Xin lỗi”, Alexandra đáp.
Alexandra gắt gỏng với mọi người vào tất cả mọi buổi sáng. Đã mấy tuần lễ rồi, nàng không có tin tức gì về George Mellis cả. Nàng giận dữ – không phải nàng giận Mellis, mà giận bản thân mình đã không thể nào quên được chàng. Anh ta có nợ gì nàng đâu. Họ là những kẻ lạ gặp nhau một buổi tối, thế mà nàng làm như là nàng đang chờ đợi anh ta phải cưới nàng. George Mellis có thể cưới bất cứ người đàn bà nào trên thế gian này. Tại sao chàng lại có thể thích nàng được?
Ngay đến cả bà nội nàng cũng nhận ra tính khí cáu kỉnh ấy của nàng. “Có chuyện gì vậy, hở cháu? Có phải ở hãng ấy, họ bắt đầu làm việc nhiều quá không?”
“Không, bà ạ. Chỉ có điều là gần đây cháu... cháu ngủ không được ngon thôi”.
Khi nào nàng ngủ được thì nàng lại có những giấc mơ tình ái với George Mellis. Mẹ kiếp anh chàng ấy! Giá như Eve đừng giới thiệu anh ta với nàng thì hay cho nàng biết bao nhiêu!
Trưa ngày hôm sau, có điện thoại gọi đến nàng ở sở làm. “Alex? George đây.” Làm như thể nàng không từng nghe giọng nói trầm trầm ấy trong các giấc mơ!
“Alex? Em có ở đấy không?”

“Có, em ở đây “. Lòng nàng rộn lên với những cảm xúc lẫn lộn. Nàng không biết nên khóc hay nên cười. Anh chàng ấy vô tình, ích kỉ, chỉ biết có mình, còn nàng thì không còn quan tâm đến chuyện gặp chàng lại nữa hay không.

George Mellis xin lỗi. “Anh muốn gọi em sớm hơn, thế nhưng anh mới từ Athens trở về cách đây mấy phút”.

Trái tim của Alexandra như mềm đi. “Bấy lâu nay anh ở Athens sao?”

“Phải. Em có nhớ đêm chúng mình ăn cơm chung với nhau không?”

Dĩ nhiên là Alexandra còn nhớ.

“Sáng hôm sau, người em trai của anh, tên là Steve, gọi điện thoại cho anh, nói rằng bố anh lên cơn đau tim”.

“Trời George!” Nàng cảm thấy mình tội lỗi vì đã nghĩ đến những điều kinh khủng về Mellis. “Bây giờ ông ấy thế nào?”

“Cũng sắp khỏi rồi, cảm ơn Trời! Thế nhưng anh cảm thấy mình như bị xé ra từng mảnh. Ông van nài anh trở về Hi Lạp để thay ông trông nom công việc kinh doanh.”

“Anh có về đó không?” Nàng nín thở, chờ đợi câu trả lời.

“Không.”

Nàng thở phào một cái.

“Anh biết rằng bây giờ nơi ở của anh là ở đây. Không có một ngày nào hay một giờ nào mà anh không nghĩ đến em. Khi nào

gặp được em?”

“Ngay bây giờ !” Tối nay, em rảnh có thể đi ăn cơm với anh được”.

Mellis lại muốn nêu tên một tiệm ăn mà nàng ưa thích. Nhưng thay vì làm như vậy, anh nói, “Thế thì tuyệt. Em muốn chúng mình ăn ở đâu nào?”

“Nơi nào cũng được. Hay là anh ăn cơm ở nhà em vậy?”

“Không được”. Anh chưa sẵn sàng gặp mặt bà Kate Blackwell. Eve đã dặn anh, “Trong trường hợp, phải cố gắng tránh xa bà Blackwell vào lúc này. Bà ấy sẽ là một chướng ngại vật lớn lao nhất cho anh đấy”. Mellis liền nói. “Anh sẽ đến đón em vào lúc tám giờ”.

Alexandra gác máy điện thoại, hôn lên má Alice Koppel, Vince Barnes và Marty Bergheimer và nói. “Tôi phải đi đến hiệu làm tóc. Sẽ gặp các anh chị ngày mai”.

Họ nhìn theo Alexandra đi ra khỏi phòng.

“Lại một anh chàng nào đó rồi”, Alice Koppel nói.

Hai người ăn cơm tối tại nhà hàng Maxwell's Plum. Một người trưởng nhóm hầu bàn dẫn họ đi ngang qua một quầy rượu hình móng ngựa đông nghẹt khách khứa, gần cửa ra vào, rồi đi lên cầu thang đến phòng ăn. Họ gọi các món ăn.

“Em có nghĩ gì đến anh không, lúc anh đi vắng?”

“Có”. Nàng cảm thấy hoàn toàn chân thật với chàng trai này –

một con người lúc nào cũng rất cởi mở và nhạy cảm. “Không được tin anh, em cứ hay nghĩ đến một chuyện gí khủng khiếp có thể xảy ra. Rồi em đâm ra hoảng sợ. Em tưởng rằng không thể chịu đựng thêm được một ngày nữa”.

Phải cho Eve mười điểm trên mười mới được, Mellis nghĩ thầm. Eve đã bảo anh, “Ngồi yên tại chỗ. Tôi sẽ nói cho anh biết rằng lúc nào thì nên điện thoại cho Alexandra”. Lần đầu tiên, Mellis có cảm tưởng rằng kế hoạch này sẽ có hiệu quả thực sự. Cho đến lúc này, anh để nó gậm nhấm ở bên rìa trí óc anh, đùa giỡn với ý tưởng sẽ kiểm soát được tài sản lớn không tưởng tượng nổi của gia đình Blackwell, nhưng anh không dám thực sự tin tưởng vào điều ấy. Nó chỉ là một trò chơi mà anh và Eve đang cùng tham dự. Nhìn Alexandra, lúc này đang ngồi trước mặt, cặp mắt tràn đầy yêu thương, George biết rằng nó không còn là một trò chơi nữa. Alexandra đã thuộc về anh rồi. Đây chỉ là bước đầu tiên trong kế hoạch. Những bước sau có lẽ nguy hiểm hơn, nhưng với sự giúp đỡ của Eve, anh có thể đảm đương nổi một cách thành công.

Eve đã nói, “Chúng ta sẽ cùng tham dự vào vụ này suốt từ đầu đến cuối, George ạ, rồi chúng ta sẽ chia sẻ với nhau tất cả mọi thứ cho đến tận phần ở giữa.”

George Mellis không tin tưởng vào những kẻ hợp tác với mình. Khi anh ta đã có thứ gì anh ta thích, khi anh ta đã chiếm được

Alexandra rồi thì lúc ấy anh sẽ thanh toán với Eve. Ý nghĩ này khiến anh ta vui thích vô cùng.

“Anh cười gì vậy?” Alexandra hỏi.

Anh đặt bàn tay lên tay nàng. Sự động chạm này khiến nàng cảm thấy ấm áp. “Anh đang nghĩ chúng mình ngồi bên nhau ở đây thật là hạnh phúc biết bao. Nghĩ đến chúng mình sẽ ở gần bên nhau tại bất cứ nơi nào”. Anh móc từ trong túi ra một chiếc hộp nữ trang. “Anh đem thứ này từ Hi Lạp để tặng em”.

“Trời, George....”

“Em mở ra xem. Alex”

Bên trong là một chuỗi kim cương đeo ở cổ, đẹp đẽ tuyệt vời.

“Thật là đẹp”.

Đó chính là chuỗi nữ trang đã lấy của Eve.

Eve đã nói với Mellis, “Cứ đưa cái này cho nó, không sợ gì đâu. Nó chưa từng thấy cái chuỗi ấy”.

“Anh cho em thế này là quá nhiều. Thật đấy”.

“Như thế chưa hẳn là đủ.Anh muốn nhìn thấy em đeo nó lên cổ”.

“Em... em…” Alexandra run lên. “Cảm ơn anh”.

Mellis nhìn vào đĩa ăn của nàng. “Em chưa ăn gì cả”.

“Em không đói”.

Anh lại nhìn vào ánh mắt của Alexandra lần nữa, rồi cảm thấy sức mạnh quen thuộc trong con người anh bắt đầu dâng lên. Anh đã nhìn thấy ánh mắt của không biết bao nhiêu đàn bà: những

người đàn bà xinh đẹp xấu xí, giàu có, nghèo khổ. Anh đã sử dụng tất cả bọn họ. Bằng cách này hay cách khác, họ đều đã cho anh thứ gì đó. Nhưng cô gái này sẽ cho anh nhiều hơn là tất cả những người ấy gộp lại.

"Vậy em muốn làm gì nào?" Giọng nói khàn khàn của anh là một lời mời mọc.

Nàng chấp nhận nó một cách đơn giản và cởi mở "Em muốn ở gần anh".

George Mellis có đủ lí do để tự hào về căn hộ của y. Nó là một căn hộ đẹp đẽ, sang trọng, được trang bị bởi những người yêu biết ơn y – cả đàn ông lẫn đàn bà – những kẻ đã mua chuộc tình cảm của y bằng những món quà đắt tiền, và đã thành công, một sự thành công lúc nào cũng chỉ tạm thời.

"Căn hộ này đẹp quá", Alexandra kêu lên.

Y đến sát bên nàng, chậm rãi quay người nàng lại để cho chuỗi kim cương lóng lánh trong ánh sáng đã được làm dịu bớt đi của căn phòng. "Nó thật hợp với em, em yêu quý ạ".

Rồi y hôn nàng thoạt tiên nhè nhẹ, rồi gấp gáp hơn nữa.

Alexandra không còn biết gì nữa, khi y dẫn nàng vào phòng ngủ. Căn phòng được trang trí bằng các màu xanh lơ đậm nhạt khác nhau với những đồ đạc rất mĩ thuật. Ở giữa phòng là một chiếc giường rất lớn. George Mellis lại ôm nàng trong vòng tay, và thấy toàn thân nàng run rẩy. "Em có hề gì không?"

“Em... em hơi bị xúc động”. Nàng sợ làm người đàn ông này thất vọng. Nàng thở mạnh ra một cái, rồi bắt đầu cởi khuy áo ra.
Mellis thì thầm, “Để anh”. Y bắt đầu cởi áo cho cô gái tóc hoe tuyệt trần đang đứng trước mặt y. Y nhớ lại câu nói của Eve: “Hãy tự kiềm chế. Nếu anh làm cho Alexandra bị đau, nếu nó biết được rằng anh thực sự là một con heo đáng ghê tởm, anh sẽ không bao giờ được gặp lại nó lần nữa. Anh có hiểu không? Dành các quả đấm của anh cho bọn gái điếm và những thằng con trai bé nhỏ xinh đẹp”.
Vì vậy, y cởi áo cho Alexandra một cách nhẹ nhàng, và kéo nàng sát vào người y. Hai người đứng sát vào nhau, nhìn vào mắt nhau, Mellis nhẹ nhàng, chậm chạp và trìu mến...
“Ôi, anh yêu quý”, nàng nói. “Xin anh làm mau đi... ngay bây giờ...”.
Cuối cùng, Alexandra nằm yên trong cánh tay Mellis, và thì thầm, “Trời, anh yêu quý. Em mong rằng anh cảm thấy chuyện này tuyệt vời đối với anh”.
Y nói dối, “Thật tuyệt vời”.
Nàng ép sát vào người y, rồi không hiểu sao, nàng rơi nước mắt. Ấy chỉ vì nàng mừng thầm đã được hưởng những giây phút thật vui sướng, huy hoàng.
“Kìa, em.” Mellis nói như vỗ về. “Mọi thứ đều thật là tuyệt diệu”.

Mà tuyệt diệu thật.

Chắc hẳn Eve phải rất tự hào về y.

Trong mọi chuyện yêu đương, đều có những sự hiểu lầm ghen tuông, những xúc phạm nho nhỏ, nhưng trong mối tình giữa Mellis và Alexandra thì không thế. Với sự dìu dắt, chỉ bảo của Eve, George Mellis có thể làm rung động mọi xúc cảm của Alexandra một cách thành thạo. Y biết những nỗi lo sợ, những ý nghĩ kì quặc, những đam mê và ác cảm của nàng, và lúc nào cũng sẵn sàng thoả mãn đúng nhu cầu của nàng. Y biết những gì làm cho nàng cười hay khóc. Alexandra run người lên với lối ân ái của y, nhưng y lại thấy như vậy chẳng có gì thích thú. Khi y ân ái với Alexandra, lắng nghe những tiếng kêu rên rỉ của nàng, sự kích thích của nàng làm cho cơn sốt của y lên đến cựa độ. Lúc ấy y chỉ muốn hành động như một con thú dữ, muốn nàng phải kêu thét van lơn, có như vậy y mới thấy dễ chịu. Nhưng y biết rằng nếu làm như vậy, y sẽ phá hoại tất cả mọi thứ. Sự buồn chán của y cứ tăng dần lên. Càng ân ái với Alexandra, y lại càng thấy khinh bỉ nàng.

Có một số nơi khả dĩ khiến cho Mellis được thoả mãn, nhưng y biết y phải cẩn thận. Vào lúc đêm khuya, y lui tới những tiệm rượu của những kẻ độc thân vô danh và những tiệm disco vui nhộn, rồi y nhặt những bà goá phụ cô đơn muốn tìm thú vui qua một tối, những đứa con trai truỵ lạc khát tình, những bọn gái

điếm khát tiền. Y đem chúng đến những khách sạn tồi tàn ở phái Tây New York, trong các vùng Bowery và Greenwich Village. Y không bao giờ trở về cùng một khách sạn hai lần, mà người ta cũng chẳng ai hoan nghênh y trở lại. Người ta thường thấy những người tình của y hoặc nằm bất tỉnh hoặc nửa tỉnh nửa mê, thân thể bầm dập và đôi khi đầy vết bỏng vì thuốc lá.

Y không thích bọn "masochists" tức là những kẻ thích được đau đớn trong lúc ân ái, do y gây ra, vì như vậy làm cho y mất vui. Không, y phải nghe họ kêu thét, van xin y thương hại, giống như y đã từng khóc thét, van xin khi còn bé mỗi lúc bị cha y đánh đập. Lối trừng phạt của cha y về những tội nhỏ nhất là đánh đập tàn nhẫn, nhiều khi khiến y phải nằm bất tỉnh. Lúc y tám tuổi, một hôm cha y bắt gặp y và một thằng con trai ông láng giềng trần truồng với nhau, thế là cha y đánh y cho đến khi máu chảy ra đằng mũi và mồm, rồi để cho y chừa cái tội này, ông ta dí điếu thuốc lá đang cháy lên "con chim" của y. Vết thương bên ngoài sau đó lành lại thành sẹo, nhưng cái sẹo sâu hơn ở bên trong tâm hồn bị nhiễm độc.

George Mellis có bản chất hung bạo, đam mê của tổ tiên người Hi Lạp. Y không chịu được ý tưởng bị ai khống chế. Y phải chịu khuất phục trước những lời châm chọc, quở trách của Eve bởi vì y cần đến nàng. Một khi y đã nắm được tài sản Blackwell trong tay, y dự định sẽ trừng trị nàng cho đến khi nàng phải van xin y

giết nàng cho chết. Gặp gỡ Eve là một điều y cho là may mắn nhất chưa từng có trong đời. Y thầm nghĩ, "Đó là một điều may mắn cho mình, nhưng không may cho nàng".

Alexandra vẫn tiếp tục ngạc nhiên vì sao George Mellis lúc nào cũng biết được loại hoa nào nàng thích, loại đĩa nhạc nào nàng muốn mua và những cuốn sách nào nàng thích đọc. Khi y đưa nàng đi xem một viện bảo tàng, y tỏ ra thích thú trước những bức tranh mà chính nàng cũng ưa thích. Thật là một điều khó tin đối với Alexandra, vì sao mà sở thích của hai người lại có thể giống hệt nhau đến như vậy. Nàng cố tìm ra một khuyết điểm nào đó ở George Mellis, nhưng chịu không thể tìm ra. Anh ấy là người hoàn hảo! Nàng càng lúc càng muốn cho bà Kate gặp được chàng.

Nhưng Mellis luôn luôn tìm ra một cái cớ nào đó để tránh phải gặp bà Kate Blackwell.

"Tại sao, hở anh? Anh sẽ thấy mến bà. Hơn nữa, em cũng muốn khoe khoang với bà một chút về anh".

"Chắc chắn là bà nội em là một người đàn bà tuyệt vời", Mellis nói với vẻ ngây thơ như đứa trẻ con, "Thế nhưng anh sợ bà sẽ nghĩ rằng anh không xứng đáng với em".

"Anh nói thật vô lí!" Thái độ nhũn nhặn của anh làm nàng xúc động, "Bà nội em sẽ yêu anh lắm".

"Rồi sẽ đến lúc, em ạ", anh nói với Alexandra. "Chừng nào mà

anh có đủ can đảm đã".

Một tối nọ, anh thảo luận về vấn đề này với Eve.

Nàng suy nghĩ một lúc rồi nói, "Được rồi. Không chóng thì chầy anh cũng sẽ phải giải quyết vấn đề này. Nhưng anh phải cảnh giác từng giây từng phút. Bà ấy là một con mụ già đanh ác, nhưng rất khôn ngoan. Đừng có đánh giá bà ta quá thấp bất cứ lúc nào. Nếu nghi ngờ anh có mưu đồ gì, bà ta sẽ cắt trái tim anh ra đem cho chó ăn đấy".

"Tại sao chúng mình lại phải cần bà ấy?" Mellis hỏi.

"Bởi vì nếu anh làm điều gì khiến cho Alexandra phản kháng lại bà ấy, tất cả chúng ta sẽ bị ra rìa hết".

Alexandra chưa bao giờ cảm thấy hồi hộp, lo lắng như vậy. Mellis, Alexandra và bà Kate sẽ ăn cơm tối với nhau lần đầu tiên. Alexandra cầu nguyện sao đừng có chuyện gì bất trắc xảy ra cả. Hơn bất cứ thứ gì khác trên đời này, nàng mong muốn rằng bà nội nàng và Mellis sẽ mến nhau, bà nội sẽ thấy rằng Mellis là con người tuyệt vời, còn Mellis sẽ kính mến bà Blackwell.

Bà Kate Blackwell chưa hề bao giờ thấy cô cháu gái vui vẻ như vậy. Alexandra đã từng gặp những chàng trai trẻ rất xứng đáng, nhưng nàng không thích ai cả. Bà Kate dự tính sẽ xem xét thật kĩ con người đã thu hút được cháu gái bà. Bà đã từng có nhiều năm kinh nghiệm với những kẻ " đào mỏ" nên không muốn để cho Alexandra bị mắc vào bẫy của một kẻ nào trong bọn ấy.

Bà nóng lòng muốn gặp "ông George Mellis" ấy. Bà có cảm tưởng như anh này do dự không muốn gặp mặt bà, và bà lấy làm lạ về điều ấy.

Bà Kate nghe tiếng chuông ở cửa rung lên, rồi một phút sau, Alexandra đi vào phòng khách, dắt tay một người lạ mặt cao lớn và đẹp trai theo lối cổ điển.

"Bà nội ạ, đây là George Mellis".

"Cuối cùng rồi tôi cũng gặp được anh", bà Kate nói, "Tôi sắp sửa nghĩ rằng anh lại muốn tránh tôi lần nữa, anh Mellis ạ".

"Trái lại thế, thưa bà Blackwell, chắc bà không hiểu được tôi đã trông ngóng được gặp bà như thế nào". Anh sắp sửa định nói, "Bà trông đẹp đẽ hơn là Eve đã mô tả với tôi", nhưng anh kịp ngưng ngay lại.

Cẩn thận đấy. Đừng có nịnh hót, George ạ. Nó giống như một lá cờ đỏ đối với bà già ấy. Eve đã căn dặn như vậy.

Một người quản gia đi vào, pha rượu, rồi kín đáo rút lui.

"Anh ngồi xuống đi, anh Mellis".

"Xin cảm ơn".

Alexandra ngồi bên cạnh anh trên đi văng, đối diện với bà nội.

"Chắc anh đã hiểu biết khá nhiều về cháu gái tôi rồi đấy nhỉ".

"Thưa bà, đó là một niềm vui thích đối với tôi".

Kate nhìn anh như dò xét bằng cặp mắt xám đục. "Alexandra nói với tôi anh làm cho một hãng môi giới".

“Vâng ạ”.
“Thật tình tôi lấy làm lạ vì sao anh lại chọn làm một nhân viên hưởng lương trong khi anh có thể đứng đầu một cơ sở kinh doanh của gia đình rất có lợi”.
“Thưa bà, cháu đã giải thích cho bà...”.
“Bà muốn nghe chính anh Mellis này nói ra, Alexandra ạ”.
Phải lễ độ, Eve đã căn dặn, nhưng đừng có tỏ ra khúm núm, quỵ luỵ quá đối với bà ta. Nếu anh tỏ ra một dấu hiệu yếu ớt nào, bà ấy sẽ xé anh ra từng mảnh.
“Thưa bà Blackwell, tôi không quen nói về cuộc sống riêng tư của mình “. Anh do dự một lát, như thể để đưa ra một quyết định. “Thế nhưng, trong hoàn cảnh này, tôi nghĩ rằng...” Anh nhìn thẳng vào mắt bà Blackwell và nói, “Tôi là một con người độc lập, không muốn nhận sự bố thí của ai. Nếu chính tôi là người sáng lập nên Mellis và Công ty, tôi đã tự mình điều khiển nó vào lúc này rồi. Nhưng cơ sở ấy là do ông nội tôi thiết lập nên rồi sau đó cha tôi xây dựng nó thành một cơ sở kinh doanh rất nhiều lợi lộc. Nó không cần sự hiện diện của tôi. Tôi có ba em trai hoàn toàn có khả năng điều khiển cơ sở kinh doanh ấy. Tôi chỉ muốn làm việc hưởng lương, cho đến khi nào tôi tự xây dựng được cho bản thân tôi và lấy làm hãnh diện về điều ấy”.
Bà Kate gật đầu chậm rãi. Anh chàng này không giống như bà đã nghĩ chút nào. Bà nghĩ rằng anh ta là một kẻ ăn chơi đàng điếm,

một tên đào mỏ, thuộc loại người vẫn từ lâu đeo đuổi các cháu gái bà. Anh chàng này thì khác hẳn. Thế nhưng, vẫn có điều gì đó khiến bà băn khoăn về anh ta, nhưng bà không thể làm sao xác định được.Anh ta hầu như quá hoàn hảo, đến mức khó tin.
"Tôi biết rằng gia đình anh giàu có". Bà Kate nói.
Anh nhớ câu nói của Eve, "Chỉ cần bà ta tin rằng anh rất giàu có, và yêu cháu gái bà ta điên cuồng, George ạ. Hãy tỏ ra dễ thương, hấp dẫn. Hãy kiềm chế các cảm xúc lại, thế là xong mọi việc".
"Thưa bà Blackwell," anh nói. "Tiền bạc là cần thiết, thế nhưng có hàng trăm thứ khác hấp dẫn đối với tôi nhiều".
Bà Kate đã cho điều tra giá trị thực sự của George Mellis và công ty. Theo báo cáo bà nhận được, tài sản ấy vượt quá con số ba mươi triệu đô la.
"Anh có gần gũi gia đình anh không?"
Mắt Mellis sáng lên. "Có lẽ quá gần gũi". Y để một nụ cười loé trên môi. "Chúng tôi có một phương ngôn trong gia đình, thưa bà Blackwell, ấy là "máu chảy ruột mềm". Chúng tôi vẫn liên lạc với nhau thường xuyên". Thật ra thì y chưa hề nói chuyện với một ai trong gia đình y đã trên ba năm nay rồi.
Kate gật đầu ra vẻ tán thưởng. "Tôi tin tưởng vào các gia đình kết hợp gắn bó với nhau chặt chẽ như vậy".
Bà đưa mắt nhìn cô cháu gái. Một vẻ kính phục trìu mến hiện ra trên mặt Alexandra. Thoáng qua một lúc, nó gợi cho bà nhớ đến

bà và David vào những thời xa xưa, khi hai người yêu nhau say đắm. Nhiều năm trôi qua vẫn chưa xoá nhoà kí ức về những cảm xúc của bà lúc ấy.

Lester đi vào trong phòng. "Thưa bà, cơm đã dọn rồi ạ".

Cuộc trò chuyện trong bữa ăn có vẻ tự nhiên hơn, nhưng các câu hỏi của bà Kate vẫn rất sắc nét. Mellis đã chuẩn bị sẵn sàng cho câu hỏi quan trọng nhất, khi nào nó đến.

"Anh có thích trẻ con không, anh Mellis?"

Eve đã căn dặn anh: "Bà ấy mong mỏi có một đứa chắt trai... Bà ấy mong mỏi điều này hơn bất cứ thứ gì trên đời".

Mellis liền quay về phía bà Kate, tỏ vẻ ngạc nhiên. "Thích trẻ con ư? Một người đàn ông mà không có con trai hay con gái thì còn có ý nghĩa gì nữa? Tôi e rằng khi nào tôi lấy vợ, bà vợ tội nghiệp của tôi sẽ rất bận rộn. Ở nước Hi Lạp chúng tôi, giá trị của một người được đo lường bằng số con mà anh ta đã sinh ra".

Hắn ta có vẻ chân thực, bà Kate thầm nghĩ. Nhưng cẩn thận bao giờ cũng hơn. Ngày mai, mình phải bảo Brad Rogers mở một cuộc điều tra về các tài khoản riêng của anh chàng này mới được.

Trước khi đi vào giường nằm, Alexandra điện thoại cho Eve. Nàng đã nói cho Eve biết rằng George Mellis sẽ đến ăn cơm tối hôm ấy.

"Chị nóng lòng đợi tin tức về chuyện ấy". Eve đã nói với nàng

như vậy. “Khi nào anh ấy rời khỏi nhà em nhớ điện thoại cho chị nhé. Chị muốn nghe báo cáo thật đầy đủ”.

Và bây giờ đây, Alexandra sắp sửa làm báo cáo ấy. “Chị ạ, em nghĩ rằng bà nội thích anh ấy lắm”.

Eve rùng mình vì sung sướng. “Bà nói gì?”

“Bà hỏi George hàng trăm câu hỏi riêng tư. Anh ấy trả lời tất cả một cách khôn khéo”.

Thế là hắn ta làm đúng rồi.

“À, thế là hai cô cậu sắp sửa cưới nhau chứ gì?”

“Em... Anh ấy chưa hỏi em chuyện ấy, Eve ạ, nhưng chắc cũng sắp sửa”.

Nàng có thể nhận ra vẻ sung sướng trong giọng nói của Alexandra. “Thế bà nội sẽ tán thành chứ?”

“Ồ, em chưa chắc. Bà sẽ còn điều tra thêm về tài khoản riêng của anh ấy nữa, nhưng em chắc không có vấn đề gì”.

Eve cảm thấy trái tim nàng chao đảo.

Alexandra nói, “Chị cũng biết rằng bà nội thận trọng lắm”.

“Phải.” Eve nói. “Chị biết”.

Thế là toi mạng cả lũ! Trừ phi nàng nghĩ ra được một kế gì khác.

“Nhớ cho chị biết mọi tin tức nhé”.

“Em hứa. Chúc chị ngủ ngon”.

Ngay khi vừa đặt ống nghe xuống, Eve quay số điện thoại của Mellis. Y chưa về đến nhà. Cứ mười phút, Nàng gọi lại một lần,

cuối cùng y trả lời. Eve nói, "Anh có thể nào kiếm gấp được một triệu đô la không?"

"Em nói cái gì mà lạ thế?"

"Bà Kate sẽ điều tra về tài chính của anh".

"Bà biết gia đình tôi có bao nhiêu rồi. Bà ấy..."

"Tôi không nói về gia đình anh. Tôi nói về anh kia. Tôi đã bảo anh là bà ấy không ngu đâu".

Một phút yên lặng kế tiếp theo đó. "Kiếm đâu cho ra một triệu đô la bây giờ?"

"Tôi có một ý kiến", Eve nói.

Khi bà Kate đến văn phòng bà ngày hôm sau, bà nói với viên phụ tá, "Bảo Brad Rogers thực hiện ngay một cuộc điều tra về tình trạng tài chính riêng của George Mellis. Anh ta làm công cho hãng Hanson and Hanson".

"Ông Brad Rogers đi vắng, ngày mai mới về, thưa bà Blackwell. Có thể chờ đến lúc ấy, hay là...?"

"Ngày mai cũng được".

Ở phía dưới Manhattan, trên đường Wall Street, George Mellis ngồi ở bàn giấy tại hãng môi giới Hanson and Hanson. Các vụ trao đổi chứng khoán đã bắt đầu, và văn phòng rộng lớn này trở thành một nơi hỗn loạn đầy tiếng ồn ào và hoạt động náo nhiệt. Có 225 nhân viên trong các ban chỉ huy của hãng: những kẻ môi giới, phân tích gia, kế toán, buôn bán chứng khoán và đại diện

khách hàng. Tất cả, ngoại trừ George Mellis. Anh đang ngồi yên ở bàn viết, trong cơn hoảng sợ. Điều anh sắp sửa làm có thể sẽ đưa anh ta vào nhà tù, nếu thất bại. Nếu nó thành công, anh sẽ làm chủ cả thế giới.

"Anh không trả lời điện thoại hay sao?"

Một trong các đồng nghiệp đang đứng nhìn anh, hỏi. Lúc ấy George Mellis mới nhận ra rằng máy điện thoại của anh đang reo từ nãy giờ. Anh phải hành động với vẻ bình thường để không gây nghi ngờ. Anh nhặt máy điện thoại lên. "George Mellis đây", rồi tủm tỉm cười với anh bạn đồng nghiệp.

Sáng hôm ấy, Mellis bận bịu nhận các lệnh mua và bán chứng phiếu, nhưng trí óc của anh vẫn quanh quẩn với kế hoạch ăn cắp một triệu đô la mà Eve đã gợi ý cho anh. Nó thật là đơn giản, George ạ. Tất cả công việc anh phải làm chỉ là mượn các giấy chứng nhận cổ phần qua một đêm thôi. Sáng hôm sau anh có thể trả lại chỗ cũ mà không ai có thể hay biết.

Mỗi hãng môi giới cổ phần đều có hàng triệu đô la bằng cổ phần và trái phiếu cất giữ trong các hầm để thuận tiện cho các khách hàng. Một số các chứng phiếu có đề tên người chủ, nhưng đa số đều mang số mật mã để có thể nhận ra người chủ sở hữu, khi cần. Các giấy chứng nhận cổ phần ấy không thể đổi thành tiền được nhưng Mellis không có ý định lấy tiền mặt. Anh ta đã có dự tính khác trong đầu. Ở hãng Hanson and Hanson, các cổ phiếu

được giữ trong một hầm lớn ở tầng thứ bảy trong một vùng an toàn, có cảnh sát võ trang canh gác trước một cánh cửa, mà cửa này chỉ có thể mở ra được bằng một tấm thẻ bằng nhựa có ghi mã số. George Mellis không có tấm thẻ nhựa này. Nhưng anh biết ai có tấm thẻ ấy.

Helen Thatcher là một bà goá phụ cô đơn ở trong tuổi bốn mươi. Nàng có khuôn mặt dễ coi, dáng người khá đẹp, và nấu ăn rất giỏi. Nàng đã có chồng được hai mươi ba năm, nhưng cái chết của chồng nàng đã khiến cuộc đời nàng trở nên trống rỗng. Nàng cần có một người đàn ông để chăm sóc cho nàng. Vấn đề khó khăn là các đàn bà, con gái trong hãng lại trẻ hơn nàng, và trông hấp dẫn hơn đối với những người môi giới làm việc trong sở. Không ai rủ nàng đi chơi cả.

Nàng làm việc tại phòng kế toán ở lầu phía trên văn phòng của Mellis. Lần đầu tiên gặp George Mellis, nàng đã nghĩ rằng anh sẽ là một người chồng lí tưởng của nàng. Đã nhiều lần nàng mời anh đến ăn cơm do chính nàng nấu, và gợi ý bóng gió rằng không phải chỉ có ăn uống mà còn có những thứ khác nữa. Thế nhưng lúc nào Mellis cũng tìm cách chối từ. Đặc biệt sáng hôm ấy, chuông điện thoại của nàng reo vang, Thatcher nhặt điện thoại lên nói, "Bà Thatcher ở phòng kế toán đây". Giọng Mellis vang lên trong máy. "Helen đó hả? George đây". Giọng anh ấm áp khiến toàn thân nàng run lên vì sung sướng, "Anh cần gì tôi

vậy, George?”

“Tôi có một điều bất ngờ nho nhỏ dành cho cô đấy. Cô có thể xuống ngay văn phòng tôi được không?”

“Ngay bây giờ à?”

“Phải”.

“Tôi sợ rằng bây giờ tôi đang...”

“Nếu cô bận quá thì thôi cũng được. Tôi sẽ giữ nó lại đã, sẽ nói sau”.

“Không, không... Tôi xuống ngay bây giờ đây”.

Điện thoại của Mellis lại reo vang. Anh để mặc nó ở đấy. Nhặt lấy một nắm giấy tờ, anh đi về phía dãy thang máy. Nhìn quanh quất không thấy ai quan sát mình, anh đi qua thang máy, trèo lên cầu thang ở phía sau. Lên đến tầng trên, anh kiểm soát xem Helen đã rời văn phòng chưa, rồi bước vào tự nhiên như thể anh đang có công việc ở đấy. Giá như anh ta bị bắt nhưng anh không thể nghĩ đến chuyện ấy. Anh mở ngăn kéo giữa của Helen ra, vì anh biết nàng vẫn để tấm thẻ nhựa ở đấy. Nó ở kia rồi. Anh nhặt lấy, nhét vào túi, rời khỏi phòng, vội vã đi xuống lầu. Về đến bàn giấy, anh thấy Helen đang đứng ở đấy, nhìn quanh quất để tìm anh.

“Xin lỗi”, Mellis nói. “Tôi vừa bị gọi đi ra ngoài một phút”.

“Không hề gì đâu.Anh nói cho tôi biết cái điều bất ngờ ấy là gì?”

“À, một con chim bé nhỏ nào đó bào cho tôi biết hôm nay là sinh

nhật của cô, vì vậy tôi muốn mời cô ăn cơm trưa với tôi hôm nay". Anh nhìn mặt của nàng để xem phản ứng của nàng như thế nào. Nàng băn khoăn không biết có nên nói sự thực cho chàng biết hay không, nhưng lại sợ lỡ mất cơ hội được hẹn hò với chàng.

"Như thế thì... rất tốt. Tôi cũng muốn cùng ăn trưa với anh", nàng nói.

"Được rồi, vậy tôi sẽ gặp cô ở hiệu Tony lúc một giờ nhé". Đó là một cuộc hẹn hò mà anh có thể đề nghị với nàng bằng điện thoại, nhưng Thatcher quá vui sướng nên không hỏi han gì cả. Anh nhìn theo trong khi nàng rời khỏi văn phòng.

Ngay lúc nàng vừa đi khỏi, Mellis liền ra tay hành động. Anh còn phải làm nhiều việc trước khi trả lại tấm thẻ nhựa ấy. Anh dùng thang máy đi lên tầng thứ bảy, rồi tiến đến khu vực an ninh có người canh giữ trước một cánh cổng sắt. Mellis nhét tấm thẻ vào thì cánh cổng mở ra. Khi anh sắp sửa bước vào, người bảo vệ nói, "Hình như tôi chưa gặp anh bao giờ".

Trái tim của Mellis đập lên thật nhanh. "Phải, tôi vẫn không thường hay đến đây. Một trong các khách hàng của tôi đột nhiên muốn xem các chứng phiếu của ông ấy nên tôi phải đến moi nó ra. Hi vọng công việc này không làm tôi mất toi cả buổi trưa". Tên bảo vệ tủm tỉm cười ra vẻ thông cảm. "Chúc anh may mắn". Y nhìn theo Mellis trong khi anh bước vào trong hầm.

Hầm này bằng bê tông, khoảng mười thước trên năm thước. Mellis bước tới những chiếc tủ hồ sơ làm bằng vật liệu chống cháy, chứa đựng các chứng phiếu, rồi mở các ngăn kéo ra. Bên trong có hàng trăm các chứng phiếu cổ phần của các công ty ở New York và các giao dịch chứng khoán của Mỹ. Số cổ phần biểu thị trên mỗi giấy chứng nhận được in trên mặt giấy, và có thể từ một đến một trăm nghìn cổ phần, Mellis lục lọi rất nhanh và thành thạo. Anh chọn các giấy chứng nhận của nhiều công ty khác nhau có uy tín, giá trị đến một triệu đô la. Anh nhét các giấy tờ vào túi áo, đóng ngăn kéo lại, rồi trở lại nên người bảo vệ đang đứng.

"Nhanh nhỉ", người ấy nói.

Mellis nói, "Các máy điện toán cho ra các con số sai. Sáng mai tôi sẽ lại phải đến điều chỉnh cho đúng".

"Những cái máy điện toán khốn kiếp ấy!" tên bảo vệ nói ra vẻ thương hại. "Chúng có thể làm tiêu ma sự nghiệp của tất cả chúng ta cũng chưa biết chừng".

Khi trở về đến bàn giấy, Mellis thấy mồ hôi anh vã ra như tắm. Nhưng cho đến lúc này, mọi thứ đều trôi chảy cả. Anh nhấc điện thoại lên, gọi Alexandra.

"Em yêu quý ạ. Anh muốn gặp bà nội em và em tối hôm nay".

"Em tưởng anh có một phiên họp bàn về công việc tối hôm nay chứ?"

“Có, nhưng anh đã huỷ bỏ nó rồi.Anh có một chuyện quan trọng muốn nói với em”.

Vào đúng một giờ trưa, Mellis đã có mặt trong văn phòng của Helen Thatcher để bỏ tấm thẻ lại trong ngăn kéo, trong khi nàng đang ngồi chờ đợi anh ở tiệm ăn. Anh rất muốn giữ lại tấm thẻ nhựa ấy, vì sẽ còn phải dùng đến nó, nhưng anh biết rằng tấm thẻ nào không được trả lại vào mỗi buổi tối thì máy điện toán sẽ làm cho nó mất hiệu lực vào sáng hôm sau. Đến một giờ mười phút, Mellis ăn cơm trưa với Helen Thatcher.

Anh nắm lấy bàn tay Thatcher và nói, “Tôi muốn chúng ta được gặp nhau như thế này thường xuyên hơn”. Mellis vừa nói vừa nhìn nàng như dò xét. “Ngày mai cô có rảnh để ăn cơm trưa nữa với tôi không?”

Nét mặt nàng rạng rỡ. “Được, được, anh George ạ”.

Khi Mellis rời khỏi văn phòng trưa hôm ấy, anh đã có trong tay các giấy chứng nhận cổ phần trị giá một triệu đô la.

Anh đến nhà bà Blackwell rất nhanh vào lúc bảy giờ tối và được đưa đến thư viện, nơi bà Kate và Alexandra đang ngồi chờ đợi.

“Chào bà và cô”, Mellis nói, “Tôi xin mạn phép đến đây bất thình lình như thế này, vì có điều muốn thưa cùng bà và cô. Tôi biết làm như thế này thật ra có vẻ nệ cổ, nhưng tôi thành thực muốn xin bà cho phép Alexandra và tôi tin rằng cô ấy cũng yêu tôi. Nếu được bà cho phép, đó là điều hạnh phúc lớn lao cho cả

hai chúng tôi". Y thọc tay vào túi áo, rút ra các giấy chứng nhận cổ phần, ném lên bàn trước mặt bà Kate. "Tôi sẽ cho cô ấy một triệu đô la làm quà cưới. Cô ấy sẽ không cần bất cứ số tiền nào của bà, mà chúng tôi chỉ cần được bà cho phép thôi".

Bà Kate nhìn xuống các giấy chứng nhận cổ phần mà Mellis đã trải ra một cách cẩu thả. Bà nhận ra tên của tất cả các công ty ghi trên đó. Alexandra bước đến gần Mellis, đôi mắt sáng ngời, "Ôi, anh yêu mến!" Nàng quay về phía bà nội, nhìn với đôi mắt van lơn, "Bà?"

Kate nhìn hai người đang đứng bên cạnh nhau. Không có cách nào từ chối chúng được nữa. Trong giây phút ngắn ngủi, bà thèm muốn được như chúng nó. Bà nói, "Các người được phép của ta".

Mellis nhoẻn miệng cười, bước đến bà Kate. "Xin bà cho phép". Y hôn lên má bà một cái.

Trong hai giờ kế tiếp đó, họ bàn với nhau về lễ cưới, "Cháu không muốn một lễ cưới linh đình, bà ạ", Alexandra nói. "Cần gì phải làm thế, phải không bà?"

"Anh đồng ý." Mellis đáp. "Tình yêu là một vấn đề riêng tư".

Cuối cùng, họ quyết định tổ chức một cuộc lễ nhỏ với một vị thẩm phán đứng ra làm chủ hôn.

"Cha anh có đến dự lễ cưới không, Mellis?" Bà Kate hỏi.

Mellis cười. "Không thể nào gạt ông ấy ra rìa được. Cha tôi, ba

em trai và hai em gái sẽ có mặt ở đây.”

“Tôi rất mong được gặp họ”.

“Bà sẽ thích họ.” Mellis đưa mắt nhìn Alexandra.

Bà Kate tỏ vẻ rất xúc động suốt tối hôm ấy. Bà mừng cho cháu gái bà – mừng vì nó được lấy một người mà nó rất yêu quý. Bà tự nhủ, “Mình phải nhớ bảo Brad Rogers đừng bận tâm tìm hiểu về tình trạng tài chính của George Mellis nữa”.

Trước khi ra về, Mellis ngồi một mình với Alexandra và nói ra vẻ tình cờ, “Anh nghĩ mình không nên để các giấy tờ chứng nhận một triệu đô la này vương vãi ở trong nhà. Anh sẽ cất chúng tạm thời cho em.”

“Thật vậy sao?”

Mellis nhặt các giấy chứng nhận cổ phần lên, bỏ cả vào trong túi áo.

Sáng hôm sau, Mellis lặp lại công việc làm với Helen Thatcher giống như trước. Trong khi Thatcher xuống lầu dưới để gặp anh (“Tôi có một món quà nhỏ tặng cô”) thì anh ta đi vào phòng Thatcher, lấy cắp tấm thẻ nhựa. Anh tặng nàng một chiếc khăn quàng – một món quà sinh nhật chậm trễ – rồi xác nhận cuộc hẹn hò vào bữa ăn trưa. Lần này y đi vào hầm lưu trữ dễ dàng hơn. Anh đặt lại các giấy cứng nhận cổ phần vào chỗ cũ, trả lại tấm thẻ nhựa, rồi đi đến gặp Thatcher ở một tiệm ăn gần đó.

Nàng cầm lấy tay anh và nói, “ George này, anh cho phép em

mời anh ăn cơm tối nay, do chính em nấu nhé?"
Nhưng Mellis đáp, "Anh e rằng anh không thể đến được em ạ. Anh sắp sửa lấy vợ".
Ba ngày trước lễ thành hôn, George Mellis đến nhà bà Blackwell, nét mặt buồn rầu. "Cháu vừa nhận được tin khủng khiếp quá. Cha cháu vừa bị một cơn đau tim".
"Trời, thật là tiếc quá". Bà Kate nói. "Thế ông ấy có bình phục được ngay không?"
"Cháu vừa nói điện thoại với gia đình cháu suốt đêm. Họ bảo cha cháu thế nào cũng bình phục, nhưng chắc là ông không thể đến dự đám cưới của cháu được".
"Chúng mình có thể đi Athens trong tuần trăng mật và thăm gia đình anh luôn thể". Alexandra nói.
Mellis vuốt lên má Alexandra. "Anh có những dự định khác cho tuần trăng mật của chúng ta rồi em ạ. Không có gia đình nào hết, mà chỉ có hai đứa mình thôi".
Lễ thành hôn được cử hành trong phòng khách của toà lâu đài Blackwell. Không đến mười hai người khách tham dự, trong đó có Vince Barnes, Alice Koppel và Mary Bergheimer. Alexandra van xin bà Kate cho phép Eve đến tham dự, nhưng bà Kate vẫn giữ lập trường sắt đá. "Chị cháu sẽ không bao giờ được bén mảng đến ngôi nhà này".
Mắt Alexandra đẫm lệ. "Bà ạ, bà làm thế thì tàn nhẫn quá. Cháu

yêu cả bà lẫn chị ruột cháu. Bà không thể tha thứ cho chị ấy hay sao?"

Trong phút chốc, bà Kate định tuôn ra hết câu chuyện phản bội, bất nghĩa của Eve, nhưng bà kịp ngưng lại và nói. "Bà chỉ làm những gì cho bà là tốt nhất cho cả mọi người".

Một người thợ nhiếp ảnh chụp ảnh trong lễ cưới, và chính tai bà Kate nghe Mellis yêu cầu anh ta rửa thêm nhiều tấm để y còn gửi về cho gia đình. Thật là con người chu đáo, bà Kate khem thầm.

Sau lễ cắt bánh, Mellis thì thầm với Alexandra, "Em yêu quý ạ, anh sắp sửa phải lánh mặt trong khoảng một giờ đồng hồ".

"Có chuyện gì không hay chăng?"

"Dĩ nhiên là không rồi.Anh chỉ có một cách duy nhất để thuyết phục sở làm của anh cho phép anh nghỉ việc một thời gian để đi chơi tuần trăng mật, ấy là hứa với họ rằng anh phải làm xong công việc cho một khách hàng quan trọng. Sẽ không lâu đâu. Máy bay của chúng ta mãi đến năm giờ mới cất cánh".

Alexandra mỉm cười. "Anh nên vội trở về nhé. Em không thể đi chơi tuần trăng mật mà không có anh."

Khi Mellis trở lại căn hộ của Eve, nàng đang ngồi chờ đợi, mặc một bộ đồ ngủ mỏng dính. "Anh vui với lễ cưới của anh rồi chứ, anh yêu quý?"

"Vui chứ, cảm ơn em. Nó nhỏ nhưng mà sang trọng. Tất cả đều trôi chảy, không gặp một trục trặc nào".

“Anh biết đó là nhờ ai không, George? Nhờ em đấy, đừng có quên điều ấy”.

Anh nhìn nàng, nói chậm rãi. “Không quên đâu”.

“Chúng ta hợp tác từ đầu chí cuối”.

“Dĩ nhiên rồi”.

Eve mỉm cười. “Hay thật! Thế là anh cưới em gái tôi rồi đấy”.

Mellis nhìn vào đồng hồ. “Phải. Tôi phải trở về đó ngay bây giờ”.

“Chưa được đâu”, Eve nói.

“Sao vậy?”

“Bởi vì anh sẽ phải ân ái với tôi trước đã, anh yêu quý ạ. Tôi muốn nằm với người chồng của em gái tôi”.

Sidney Sheldon

Tay cự phách

Lương Thị Thận dịch

Chương 30

Eve đã lập kế hoạch cho tuần lễ trăng mật của Mellis – Alexandra. Nó sẽ rất tốn kém, nhưng nàng nói với Mellis, "Đừng có hà tiện về bất cứ thứ gì".

Nàng bán ba món nữ trang nàng đã lấy được từ tay những kẻ si mê theo đuổi nàng, rồi đưa tiền ấy cho George Mellis.

"Anh rất cảm ơn em, Eve ạ". Y nói. "Anh sẽ..."

"Tôi sẽ lấy lại mà".

Tuần trăng mật thật hoàn hảo. Mellis và Alexandra ở trong khách sạn Round Hill, trong vịnh Montego Bay, thuộc miền bắc Jamaica. Hành lang của khách sạn là một toà nhà nhỏ, màu trắng, đặt ở giữa vài chục ngôi nhà một tầng rất đẹp của tư nhân, trải dài từ đồi xuống bãi bể màu nước trong xanh. Đôi vở chồng Mellis ở trong một ngôi nhà trệt Noel Coward, có một bể bơi riêng và một người hầu gái sửa soạn những bữa ăn sáng trong phòng ăn ngoài trời. Mellis thuê một chiếc thuyền để hai người

du ngoạn và câu cá. Họ bơi, đọc sách, chơi cờ và ân ái với nhau. Alexandra làm đủ mọi cách để làm vui lòng Mellis khi hai người ân ái với nhau, và khi nghe những tiếng rên rỉ của chồng vào những lúc cực khoái, nàng cũng run người lên vì thấy mình có thể đem lại sự vui sướng như vậy cho chàng.

Đến ngày thứ năm, Mellis nói, "Alexandra này, anh phải lái xe đi Kingston có công việc. Hãng của anh có một chi nhánh văn phòng ở đấy nên họ yêu cầu anh để mắt trông coi".

"Được, để em sẽ đi với anh." Alexandra nói.

Y nhăn mặt. "Anh cũng muốn như vậy lắm em ạ, nhưng anh đang đợi một cú điện thoại từ nước ngoài. Em nên ở nhà để tiếp nhận lời nhắn nhủ hộ anh".

Alexandra tỏ vẻ thất vọng. "Có thể nào nhờ phòng tiếp tân của khách sạn nhận hộ cho mình được không?"

"Việc này rất quan trọng nên anh không thể tin tưởng ở họ được".

"Thôi được, để em ở nhà vậy".

Mellis thuê một chiếc xe hơi và lái đến Kingston. Y đến đó vào lúc xế trưa. Các đường trong thành phố này đông nghẹt du khách mặc quần áo sặc sỡ vừa bước xuống từ các du thuyền để đi mua sắm tại các chợ và hiệu tạp hoá nhỏ. Kingston là một thành phố thương mại, với các nhà máy tinh lọc, nhà kho, và chuyên nghề đánh cá, nhưng vì là một hải cảng có đất liền vây quanh nên nó

cũng là một thành phố có nhiều toà nhà xưa cổ rất đẹp, các viện bảo tàng và thư viện. Mellis không quan tâm gì đến các thứ này. Y đang bị tràn ngập bởi một thứ nhu cầu mãnh liệt đã tích tụ trong con người y qua bao nhiêu tuần lễ và cần phải được thoả mãn. Y đi vào trong tiệm rượu đầu tiên và nói chuyện với chủ quán. Năm phút sau, y dắt tay một cô gái điếm da đen mười lăm tuổi bước lên cầu thang của một khách sạn rẻ tiền. Y ở với cô gái suốt hai giờ đồng hồ. Khi ra khỏi khách sạn y đi một mình ngồi vào xe hơi lái về Montego Bay. Alexandra cho y biết rằng nàng ngồi đợi điện thoại khẩn cấp, nhưng không có ai gọi.

Sáng sớm hôm sau, các báo cáo ở Kingston loan tin rằng một du khách nào đó đã đánh đập và gây thương tật cho một gái điếm, và cô ta đang hấp hối.

Ở hãng Hanson and Hanson, các nhà hợp tác kinh doanh cao cấp của hãng đang bàn luận với nhau về trường hợp George Mellis. Họ đã nhận được nhiều lời than phiền của một số khách hàng về cung cách làm ăn của y với các tài khoản chứng khoán. Họ đã đi đến quyết định thải hồi y. Thế nhưng, bây giờ, họ bắt đầu suy nghĩ lại.

"Hắn ta đã cưới một trong hai cháu gái của bà Kate Balckwell", một người nói. "Vấn đề này phải được đặt lại trên một căn bản khác".

Người thứ hai nói thêm. "Chắc chắn phải như vậy. Nếu chúng ta

có thể thu về tài khoản của bà Blackwell thì...".
Sự tham lam thèm muốn của họ hầu như có thể sờ thấy được trong không khí. Họ quyết định cần phải cho George Mellis thêm một cơ hội khác nữa.
Khi Alexandra và Mellis trải qua tuần trăng mật, trở về đến nhà, bà Kate nói với hai người, "Bà muốn hai cháu dọn đến ở đây với bà. Nhà này rất rộng, nên không ai gây trở ngại cho ai cả".
Mellis cắt ngang câu nói của bà Kate. "Bà rất tốt với các cháu, nhưng cháu nghĩ Alexandra và cháu nên có nơi ở riêng thì tốt hơn".
Y không có ý định sống chung một mái nhà với một bà già lúc nào cũng bay lượn ở trên đầu để dò xét từng cử chỉ của mình.
"Bà hiểu", Bà Kate đáp. "Nếu như vậy, các cháu hãy để cho bà mua cho các cháu một ngôi nhà. Nó sẽ là một món quà cưới do bà tặng".
Mellis quàng tay lên người bà Kate và hôn tíu tít. "Bà thật là rộng lượng". Giọng y khàn đi vì xúc động, "Alexandra và cháu xin nhận lời với tất cả lòng biết ơn".
"Cảm ơn bà", Alexandra nói. "Chúng cháu muốn ở gần để tiện trông nom săn sóc cho bà. Bà thật hấp dẫn vô cùng, bà ạ".
Trong vòng một tuần lễ, họ tìm được một nhà kiểu cổ xây bằng đá nâu rất đẹp gần công viên, chỉ cách lâu đài Blackwell chừng mười khu nhà ở cho gia nhân, một cái bếp lớn, một phòng ăn lát

ván, một phòng khách sang trọng và một thư viện.
“Em sẽ tự trang trí lấy ngôi nhà này, em ạ”. Mellis nói với Alexandra. “Anh bận bịu với các khách hàng quá”.
Sự thật là y không đến sở làm bao giờ, và cũng ít tiếp xúc với khách hàng. Hàng ngày, y bận bịu với những vấn đề thích thú hơn nhiều. Cảnh sát nhận được một loạt báo cáo của những hạng đĩ điếm, cả gái lẫn trai, những người đàn bà cô đơn lui tới các quán rượu, cho biết rằng họ bị tấn công thô bạo. Các nạn nhân mô tả kể tấn công họ là một chàng trai đẹp đẽ, có học thức, gốc gác từ nước ngoài, có lẽ gốc gác la tinh. Một số người nước được cho xem các ảnh căn cước ở sở cảnh sát, nhưng không thể nào nhận diện được tên ấy.
Eve và Mellis ngồi ăn cơm trưa tại một tiệm ăn nhỏ ở dưới phố, nơi họ ít có cơ hội bị nhận diện.
“Anh phải bào Alexandra lập một bản chúc thư mới, nhưng không được để cho bà Kate biết.”
“Làm thế đếch nào được?”
“Tôi sẽ bảo cho anh, anh yêu quý ạ...”
Tối hôm sau, Mellis gặp Alexandra ở Le Plaisir, một trong những tiệm ăn Pháp ngon nhất ở New York, để cùng ăn cơm tối. Y đến trễ gần ba mươi phút, Pierre Jourdan, ông chủ tiệm, dẫn y đến chiếc bàn ăn nơi Alexandra đang ngồi đợi. “Anh xin lỗi, thiên thần của anh ạ”, Mellis thở hổn hển nói. “Anh vừa mới gặp

các luật sư của anh. Em biết họ như thế nào rồi. Lúc nào cũng làm mọi chuyện thêm rắc rối".

Alexandra hỏi. "Có chuyện gì không hay chăng?"

"Không, chỉ có vấn đề thay đổi bản chúc thư cùa anh thôi", y cầm tay Alexandra." Nếu có chuyện gì xảy ra với anh bây giờ, tất cả những gì anh có sẽ thộc về em hết".

"Anh ạ, em không muốn..."

"Ồ nó có đáng gì so với gia tài Blackwell nhưng nó cũng có thể tạo cho em một cuộc sống dễ chịu".

"Không có chuyện gì xảy ra cho anh đâu. Không bao giờ".

"Dĩ nhiên là không rồi, Alexandra ạ. Cuộc đời đôi khi có những trò éo le lắm. Thật ra nghĩ đến những chuyện như thế thì không vui lắm, nhưng nếu có dự tính trước để chuẩn bị tinh thần thì bao giờ cũng hơn, phải thế không em?"

Nàng ngồi yên lặng suy nghĩ một lát. "Vậy thì em cũng nên thay đổi bãn chúc thư của em chứ. Có nên không anh?"

"Để làm gì?" Giọng y nói có vẻ ngạc nhiên. "Anh là chồng em, vậy tất cả mói thứ của em đều là của anh".

Y rút bàn tay y lại. "Alexandra ạ. Anh không quan tâm một chút nào đến tiền bạc của em cả".

"Em biết như vậy chứ, George ạ, nhưng anh nói đúng. Mình phải nhìn trước mọi chuyện để chuẩn bị". Mắt nàng đẫm lệ. "Em biết rằng em ngu lắm, nhưng em đang được hạnh phúc quá nên

không thể nào chịu đựng nổi với ý nghĩ rằng sẽ có chuyện gì đó xảy ra với anh hoặc với em. Em muốn chúng ta cứ tiếp tục bên nhau mãi mãi."

"Nhất định rồi". Mellis nói khe khẽ.

"Em sẽ nói với bác Brad Rogers vào ngày mai về chuyện sửa đổi chúc thư".

Y nhún vai. "Nếu em muốn như vậy thì anh cũng phải chịu thôi". Nhưng rồi, y suy nghĩ lại và nói tiếp, "Nghĩ lại chuyện này, có lẽ em nên để cho luật sư của anh làm việc sửa đổi này cho em. Ông ta đã quen thuộc với các công việc liên quan đến tài sản của anh rồi, nên có thể phối hợp mọi thứ dễ dàng hơn".

Y vuốt má Alexandra. "Chúng ta không nên để cho bà nội biết chuyện này. Anh yêu quý bà lắm nhưng phải chăng là chúng mình nên giữ mọi việc của chúng mình hoàn toàn có tính cách riêng tư?"

"Anh nói đúng, anh yêu quý ạ. Em sẽ không nói gì với bà nội. Anh có thể nào thu xếp cho em gặp luật sư của anh vào ngày mai được không?"

"Em hãy nhớ nhắc anh gọi điện thoại cho ông ta nhé. Bấy giờ thì anh đói bụng lắm rồi. Chúng ta hãy bắt đầu ăn món cua bể kia nhỉ..."

Một tuần lễ sau, Mellis gặp Eve ở căn hộ của nàng.

"Alexandra có kí vào bản chúc thư mới không?"

“Sáng nay. Nó sẽ thừa hưởng phần của công ty dành cho nó vào tuần sau, đúng vào ngày sinh nhật”.

Tuần lễ kế tiếp đó, 49 phần trăm các cổ phần của công ty hữu hạn Kruger-Brent được chuyển nhượng cho Alexandra. Mellis gọi điện cho Eve để báo tin này. Eve nói, “Tuyệt vời! Lại đây tối nay nhé. Chúng ta sẽ ăn mừng”.

“Anh không đến được. Bà Kate sẽ tổ chức buổi tiệc sinh nhật cho Alexandra”.

Một phút im lặng. “Họ dọn món ăn gì vậy?”

“Biết thế đếch nào được?”

“Cố dò hỏi cho ra”. Đường dây bị cúp.

Bốn mươi lăm phút sau, Mellis gọi lại Eve. “Anh không biết vì sao em lại quan tâm đến thực đơn ấy như vậy”, y nói với vẻ cáu kỉnh, “vì em có được mời đến đâu. Nhưng thôi được, nó gồm có món “Coquille Saint Jacques”, “Chateaubriand”, xà lách cải, “Brie Cappucino” và một chiếc bánh sinh nhật, với thứ kem đá Alexandra thích nhất, gọi là Neapolitan. Thoả mãn chưa?”

“Rồi, George ạ. Tôi sẽ gặp anh tối nay”.

“Không được, Eve ạ. Không cách nào bỏ đi được giữa lúc Alexandra đang...”

“Anh sẽ nghĩ ra cách nào đó”.

Mẹ kiếp cái con mẹ quái ác! Mellis gác máy điện thoại, nhìn vào đống hô. Mẹ kiếp tất cả mọi thứ! Y có một cuộc hẹn với một

khách hàng quan trọng mà y đã lỡ hẹn đến hai lần rồi. Bây giờ thì đã trễ rồi. Y biết các chủ hãng còn giữ y lại làm việc chỉ vì đã cưới một người thuộc dòng họ Blackwell. Y không dám làm điều gì có thể gây nguy hại cho địa vị của y. Y đã tạo nên một hình ảnh khả kính đối với Alexandra và bà USBC p? AA, cho nên điều bắt buộc là y không được làm điều gì khả dĩ phá huỷ nó đi. Chẳng bao lâu nữa, y sẽ chẳng cần đến bất cứ người nào trong bọn họ.

Sidney Sheldon

Tay cự phách

Lương Thị Thận dịch

Chương 31

Tâm thần của George Mellis bị rúng động thảm hại vì những gì vừa xảy ra. Y đã tiến gần một cách nguy hiểm đến việc huỷ hoại tất cả những gì y đang thèm muốn. Trước đó, y đã ý thức rất rõ rằng nếu y kiểm soát được công ty Kruger-Brent thì điều đó có ý nghĩa lớn lao đối với y như thế nào. Y đã từng thoả mãn với cuộc sống nhờ vả vào các món quà tặng của các bà, các cô cô đơn, nhưng bây giờ y đã cưới được một cô gái thuộc gia đình Blackwell và sắp sửa nắm bắt được một công ty lớn lao hơn bất cứ thứ gì mà cha y đã từng mơ ước. Bố ơi, nhìn con đây này. Con đã sống lại và đã làm chủ một công ty lớn hơn công ty của bố rất nhiều. Đó không phải là một trò chơi nữa. Y biết rằng y phải giết người để có những gì y ao ước.

Mellis cố hết sức tạo ra cho mình hình ảnh của một người chồng hoàn hảo. Y phải luôn luôn ở bên cạnh Alexandra, chừng nào có thể được. Họ ăn sáng chung với nhau, y dắt vợ ra phố ăn cơm

trưa và chiều nào cũng về nhà sớm. Vào những ngày cuối tuần, hai vợ chồng cùng đến ngôi nhà trên bờ biển của bà Kate Blackwell ở East Hampton, hay đi đến Dark Harbor bằng chiếc máy bay Cessna 620 của Công ty. Dark Harbor là nơi mà Mellis lấy làm vui thích nhất. Y thích ngôi nhà cổ ấy với các đồ cổ đẹp đẽ và những bức tranh vô giá. Y lang thang hết phòng này sang phòng khác. Chẳng bao lâu nữa những thứ này sẽ thuộc về ta. Ý nghĩ này gây cho y một cảm giác ngây ngất.

Mellis cũng là một đứa cháu rể hoàn hảo. Y rất chăm lo cho bà Kate. Bà đã tám mươi mốt tuổi, bà lãnh đạo công ty Kruger-Brent, một người đàn bà cương nghị, tràn đầy sức sống. Mellis thu xếp làm sao để y và Alexandra có thể ăn cơm tối với bà Kate mỗi tuần một lần, và cứ ít ngày y lại điện thoại cho bà một lần để nói chuyện. Y cẩn thận xây dựng nên hình ảnh của một người chồng tốt, một đứa cháu rể có lòng hiếu thảo.

Không ai có thể ngờ được rằng y dang âm mưu giết hai người mà y rất yêu thương.

Sự thoả mãn của George Mellis bị phá vỡ đột ngột vì một cú điện thoại của bác sĩ John Harley.

"Tôi đã thu xếp cho anh đến gặp một bác sĩ tâm thần. Bác sĩ Peter Templeton."

Mellis cố đáp lại bằng một giọng sốt sắng, cố làm ra vẻ dễ mến.

"Chuyện ấy bây giờ không thực sự cần thiết nữa, bác sĩ Harley ạ.

Tôi nghĩ rằng…”

“Tôi đếch cần anh nghĩ cái gì. Chúng ta đã thoả thuận với nhau – tôi không báo cáo với cảnh sát, và anh phải đi khám bệnh với một bác sĩ tâm thần. Nếu anh muốn phản bội lời hứa…”

“Không, không.” Mellis vội vã và nói. “Nếu ông muốn như vậy thì cũng được thôi.”

“Số điện thoại của bác sĩ Templeton là 555 3161. Ông ấy chờ anh gọi điện thoại hôm nay.” Nói xong bác sĩ Harley đập mạnh ống nghe xuống.

Đồ rách việc! Mellis rủa thầm. Y ghét nhất là mất thì giờ với những chuyện như vậy, nhưng y không dám liều mạng với bác sĩ Harley. Y sẽ gọi bác sĩ Templeton, gặp ông ta một, hai lần, rồi chuồn luôn.

Eve điện thoại cho George Mellis ở văn phòng. “Tôi đã về nhà.”

“Em có...” Y sợ không dám hỏi, “Em có được bình thường không?”

“Đến đây sẽ biết. Tối nay.”

“Vào lúc này anh khó mà đi được lắm. Anh và Alexandra...”

“Tám giờ.”

Y khó có thể tin được. Eve đứng trước mặt y, trông vẫn xinh đẹp như bao giờ. Y nhìn kĩ mặt nàng, nhưng không tìm thấy một vết thương tích nào do y đã gây ra cho nàng trước đây.

“Thật khó tin nổi. Em giống hệt như xưa kia.”

“Phải. Tôi vẫn xinh đẹp đấy chứ? Phải không, George?” Nàng tủm tỉm cười kín đáo, trong khi đầu óc nàng đang dự tính sẽ làm gì với anh chàng này. Y là một con vật bệnh hoạn, không đáng được sống. Y sẽ phải trả đủ cho những gì y đã gây ra cho nàng, nhưng chưa đến lúc. Nàng vẫn còn cần y. Hai người đứng ở đó, nhìn nhau, tủm tỉm cười.

“Eve này, anh không thể nói với em anh đã hối hận như thế nào…”

Nàng đưa bàn tay lên. “Thôi đừng nói đến chuyện ấy nữa. Xong rồi. Không có gì thay đổi cả.”

Nhưng Mellis nhớ rằng đã có một sự thay đổi. Y nói, “Anh vừa nhận điện thoại của bác sĩ Harley. Ông ấy đã xếp đặt cho anh gặp một bác sĩ tâm thần khỉ gió nào đó.”

Eve lắc đầu. “Bảo với ông ấy rằng anh không có thì giờ.”

“Anh cũng đã cố làm như vậy. Nhưng nếu anh không đi, ông ta sẽ báo cáo với cảnh sát về tai nạn vừa rồi.”

“Mẹ kiếp!”

Nàng đứng yên tại chỗ, ra dáng suy nghĩ, “Ai vậy?”

“Ông bác sĩ tâm thần ấy à? Một người nào đó tên là Templeton. Peter Templeton.”

“Tôi có nghe tên ông ta. Ông ấy nổi tiếng lắm.”

“Đừng lo. Tôi chỉ nằm xuống trên đi văng chừng năm mười phút và sẽ không nói gì hết. Nếu...”

Eve không lắng nghe. Một ý kiến chợt đến với nàng, và nàng đang thăm dò nó xem sao.

Nàng quay về phía George Mellis và nói. "Có thể rằng đó là điều may mắn cho anh đấy."

Peter Templeton ở vào tuổi ba mươi, cao trên hai thước, vai rộng, nét mặt sáng sủa, đôi mắt xanh tò mò, trông giống như một tiền vệ bóng bầu dục hơn là một bác sĩ. Lúc này, anh nhăn mặt đọc một ghi chú trên thời khoá biểu của anh: George Mellis – cháu rể bà Kate Blackwell.

Những vấn đề của người giàu có không phải là mối quan tâm của anh. Đa số các đồng nghiệp của anh đều vui mừng khi được tiếp xúc với các bệnh nhân thuộc tầng lớp cao trong xã hội. Khi mới bắt đầu hành nghề, anh cũng đã từng tiếp xúc với họ, nhưng rồi anh nhanh chóng nhận ra rằng anh không thể nào thông cảm với những vấn đề của họ. Anh đã gặp những bà quả phụ thừa kế giàu có la hét trong văn phòng của anh vì các bà ấy không được mời tham dự vào một buổi tiệc tùng nào đó, những nhà tài chính doạ tự tử vì đã mất tiền trong thị trường chứng khoán, những bà mập ú xen kẽ cuộc sống trong các nông trại với những cuộc hội hè, tiệc tùng. Thế giới toàn những vấn đề, nhưng đó không phải là những vấn đề anh quan tâm giúp đỡ để giải quyết.

George Mellis. Peter miễn cưỡng đồng ý gặp y chỉ vì lòng kính trọng của anh đối với bác sĩ Harley. Chính anh đã nói. "Tôi

mong ông giới thiệu anh ta với bác sĩ khác, vì hiện nay thời khoá biểu của tôi đã đầy cả rồi.”

“Anh cứ xem đây là một đặc ân của anh dành cho tôi, Peter ạ.”

“Trường hợp anh ta như thế nào?”

“Đây là một trường hợp thuộc phạm vi chuyên môn của anh. Tôi chỉ là một bác sĩ già ở thôn quê thôi.”

“Thôi được.” Peter đồng ý. “Ông bảo anh ta gọi lại tôi.”

Lúc này, Mellis đã đến phòng khám bệnh của anh. Templeton ấn nút máy “intercom” trên bàn. “Mời ông Mellis vào đây.”

Peter Templeton đã thấy ảnh của George Mellis trên báo chí nhưng anh ngạc nhiên trước dáng vẻ mạnh khoẻ, tràn đầy sức sống của y.

Họ bắt tay nhau. Peter nói. “Ngồi xuống đi, anh Mellis.”

Mellis nhìn lên chiếc đi văng. “Ở nơi kia sao?”

“Đâu cũng được, miễn là anh thấy thoải mái.”

Mellis ngồi trên chiếc ghế đối diện với bàn giấy. Y nhìn Templeton tủm tỉm cười. Y nghĩ rằng y sẽ kinh sợ giờ phút này lắm, nhưng sau khi nói chuyện với Eve, y đã thay đổi ý kiến. Bác sĩ Templeton sẽ là người đồng minh với y, là nhân chứng của y.

Peter nhìn chằm chằm vào người đối diện, với anh. Khi bệnh nhân đến với anh, họ thường tỏ vẻ lo lắng. Một số che đậy sự lo lắng ấy bằng vẻ can đảm bề ngoài, một số khác chỉ yên lặng, tự bênh vực hay nói thật nhiều. Trái lại, anh chàng này xem ra có

vẻ vui thích. Kì lạ thật, Peter nghĩ thầm.

"Bác sĩ Harley bảo tôi anh có vấn đề."

Mellis thở dài. "Tôi có hai vấn đề thì đúng hơn."

"Vậy anh hãy kể cho tôi nghe đi."

"Tôi cảm thấy rất thẹn thùng. Vì vậy, tôi xin... tôi đòi phải được đến đây gặp ông." Y tựa lưng vào chiếc ghế và nói một cách nghiêm chỉnh. "Tôi đã làm một việc mà tôi chưa bao giờ làm trước kia, bác sĩ ạ. Tôi đã đánh một người đàn bà."

Peter chờ đợi.

"Chúng tôi cãi cọ nhau, thế rồi tôi thấy hoa mắt. Khi tỉnh dậy thì ra tôi... tôi đã đánh cô ấy." Giọng y hơi tắc lại "Thật kinh khủng quá."

Tiếng nói bên trong của Templeton nói với anh rằng anh đã biết vấn đề của Mellis là gì rồi. Y thích đánh đập đàn bà.

"Có phải anh đánh vợ anh không?"

"Chị vợ tôi."

Peter Templeton thỉnh thoảng cũng có đọc những bài báo về hai chị em song sinh Blackwell trên báo chí khi họ xuất hiện ở những hội từ thiện hay tiệc tùng. Peter Templeton nhớ rằng họ giống hệt nhau, và đều xinh đẹp cả. Như vậy, anh chàng này đã đánh cô chị vợ. Đây là một vấn đề khá thú vị. Điều thú vị khác nữa là anh chàng Mellis này làm ra vẻ như y chỉ mới đánh cô gái ấy một, hai lần thôi. Nếu sự thực là như vậy thì bác sĩ Harley hẳn

đã không nằng nặc đòi Peter phải khám bệnh cho y.

"Anh nói anh đã đánh cô ta. Vậy anh có làm cô ta đau không?"

"Thật ra, tôi đã gây thương tích khá nặng cho cô ấy. Nhưng tôi đã nói với ông, lúc ấy tôi hoa mắt, không còn biết gì nữa. Khi tỉnh dậy, tôi không thể nào tin nổi mắt tôi nữa."

Khi tôi tỉnh dậy. Đó là một lối tự bênh vực rất cổ điển. Tôi không làm chuyện ấy, mà chính là tiềm thức tôi đã làm.

"Anh có biết nguyên do nào đã gây ra phản ứng ấy không?"

"Gần đây tôi đã bị tinh thần căng thẳng khủng khiếp. Cha tôi bị ốm nặng. Ông ta bị nhiều cơn đau tim. Tôi rất lo lắng về ông ta. Gia đình chúng tôi sống rất gần gũi nhau."

"Cha anh có ở đây không?"

"Ông ấy ở Hi Lạp."

À, đúng ông Mellis ấy rồi. "Anh bảo anh có hai vấn đề."

"Phải, vợ tôi, Alexandra..." Y ngưng lại.

"Anh có những vấn đề rắc rối về chuyện vợ chồng?"

"Không phải theo nghĩa ông muốn nói đâu. Chúng tôi rất yêu nhau. Chỉ có vấn đề là..." Y do dự một lát, "Gần đây, Alexandra không được khoẻ."

"Về thể chất?"

"Về cảm xúc. Vợ tôi luôn luôn tỏ ra buồn bã. Nàng luôn nói về chuyện tự vẫn."

"Bà ấy có tìm sự giúp đỡ của y khoa không?"

Mellis tủm tỉm cười, nói. “Nhà tôi từ chối.”

Tệ quá nhỉ, Peter nghĩ. Một ông bác sĩ nào đó ở Park Avenue lại mất một cơ hội hốt bạc. “Thế anh đã nói điều này với bác sĩ Harley chưa?”

“Chưa.”

“Vì ông ấy là bác sĩ gia đình, tôi đề nghị anh nên nói với ông ta. Nếu cần, ông ấy sẽ giới thiệu cho một bác sĩ tâm thần.”

George Mellis nói ra vẻ lo lắng. “Không. Tôi không muốn Alexandra cảm thấy rằng tôi đã nói sau lưng nàng. Tôi e rằng ông Harley sẽ…”

“Thế cũng được. Để tôi sẽ gọi điện thoại cho ông ấy.”

“Eve ạ, chúng mình nguy to rồi.” Mellis nói.

“Có chuyện gì vậy?”

“Anh đã nói hệt như em dặn. Anh bảo rằng anh lo lắng vì Alexandra có ý định tự vẫn.”

“Thế thì sao?”

“Tên bác sĩ chó đẻ ấy sẽ gọi điện thoại cho Harkey và bàn vấn đề này với ông ta.”

“Lạy Chúa! Không thể để hắn làm thế!”

Eve bước qua lại, suy nghĩ. Bỗng nàng dừng lại, nói, “Thôi được rồi. Để tôi giải quyết với lão Harley. Anh còn có cuộc hẹn nào với Templeton nữa không?”

“Có”

“Phải đến đúng hẹn.”

Sáng hôm sau, Eve đến gặp Harley ở văn phòng ông ta. John Harley rất yêu mến gia đình Blackwell. Ông đã trông thấy hai cô gái này lớn lên. Ông đã chứng kiến thảm kịch về cái chết của Marianne, vụ tấn công bà Kate, và việc đưa Tony vào dưỡng đường người điên. Kate đã đau khổ quá nhiều. Ông không biết nguyên nhân nào đã gây ra những chuyện ấy, nhưng đó không phải là công việc của ông. Công việc của ông là chăm lo sức khoẻ về thể chất của gia đình này.

Khi Eve bước vào, ông nhìn nàng và nói, “Keith Webster đã thành công tuyệt vời!” Một vết tích duy nhất còn lại trên mặt Eve là một cái sẹo đỏ, rất nhỏ, hầu như không thể trông thấy được, ngang qua trán. Eve nói, “Bác sĩ Webster sẽ làm cho cái sẹo này mất đi trong vòng một tháng nữa thôi.”

Harley vỗ nhẹ trên cánh tay Eve. “Nó chỉ làm cho cô xinh đẹp thêm thôi. Eve ạ, tôi rất mừng.” Ông chỉ cho nàng đến ngồi trên chiếc ghế. “Cô cần gì tôi nào?”

“Không phải vì tôi, bác sĩ ạ, mà vì Alexandra kia.”

Harley nhăn mặt. “Cô ấy có gì rắc rối chăng? Vì George hay sao?”

“Ồ, không đâu,” Eve nói thật nhanh. “George rất tử tế với nó. Sự thật là George rất lo lắng về nó. Gần đây, Alex có những cử chỉ

rất lạ lùng. Nó rất buồn bã, và có ý định tự tử nữa."
Harley nhìn Eve, và nói thẳng thắn, "Tôi không tin, Alexandra không bao giờ như vậy."
"Tôi biết. Chính tôi trước đây cũng không tin. Vì vậy, tôi đến gặp nó. Tôi ngạc nhiên vì thấy nó thay đổi nhiều quá. Nó ở trong một trạng thái hết sức suy sụp. Tôi rất lo, bác sĩ John ạ, nhưng tôi không thể đến gặp bà nội tôi được để nói về chuyện này. Vì vậy, tôi phải đến gặp ông, ông phải làm điều gì đó để giúp đỡ nó." Mắt nằng như nhoà hẳn đi. "Tôi đã mất bà nội tôi, bây giờ tôi không muốn mất cả em gái của tôi nữa."
"Câu chuyện này xảy ra bao lâu rồi?
"Tôi không biết chắc. Tôi van xin nó nói rõ cho ông biết về chuyện ấy. Thoạt tiên, nó từ chối, nhưng cuối cùng tôi thuyết phục nó được. Ông cần phải giúp đỡ cho em gái tôi."
"Cố nhiên tôi sẽ giúp. Bảo cô ấy lại đây vào sáng mai. Và cô cũng đừng có lo, Eve ạ. Có những phương thuốc chữa trị mới rất có hiệu quả."
Harley đưa nàng ra đến cửa. Ông cầu mong sao cho bà Kate tỏ ra khoan dung chứ đừng quá cứng rắn như thế. Eve thật là một cô gái biết quan tâm đến mọi người.
Khi Eve trở về phòng, nàng cẩn thận thoa kem để che đi sẹo đỏ trên trán.
Sáng hôm sau, nhân viên tiếp khách của bác sĩ Harley loan báo.

“Bà George Mellis muốn gặp ông, bác sĩ ạ.”

“Mời bà ấy vào.”

Nàng bước vào chậm rãi, do dự. Mặt nàng tái nhợt, và có những vết thâm quầng xung quanh mắt.

John Harley cầm tay nàng nói, “Rất mừng được gặp cô. Alexandra ạ. Tôi nghe cô đang gặp vấn đề rắc rối vậy bây giờ cô hãy cho tôi biết đó là những vấn đề gì?”

Giọng nàng nói rất nhỏ. “Tôi làm bận rộn ông như thế này thật là vớ vẩn quá. Chắc rằng tôi chẳng đau ốm gì cả. Nếu Eve không nằng nặc buộc tôi phải đến đây, chắc chắn tôi không phiền đến ông làm gì. Tôi vẫn cảm tháy khoẻ mạnh, về thể chất.”

“Thế còn về cảm xúc thì sao?”

Nàng do dự, “Tôi ngủ không được ngon giấc lắm.”

“Còn gì nữa không?”

“Có lẽ ông sẽ nghĩ rằng tôi mắc chứng hay lo ngại về bệnh tật.”

“Tôi biết rõ về cô hơn thế chứ. Alexandra.”

Nàng cúi gằm mặt xuống. “Nhiều khi tôi cảm thấy chán nản. Có vẻ như là lo âu và... mệt mỏi. George làm đủ mọi cách cho tôi được sung sướng và nghĩ ra những việc cho chúng tôi cùng làm với nhau và những nơi chúng tôi thăm viếng. Vấn đề là tôi không thấy thích làm gì hay đi đâu cả. Mọi thứ có vẻ như là… vô vọng.”

Ông bác sĩ lắng nghe kĩ từng lời và quan sát nét mặt nàng. “Còn

gì nữa không?"

"Tôi… tôi nghĩ đến việc tự vẫn." Giọng nàng rất nhỏ, khiến cho ông nghe không được rõ lắm. Nàng ngước mắt nhìn lên mặt ông bác sĩ và nói, "Có phải tôi sắp bị điên không?"

"Cô có bao giờ nghe nói cái trạng thái là "anhedonia" không?"

Nàng lắc đầu.

"Đó là một trạng thái rối loạn sinh lí thường gây nên những triệu chứng cô vừa kể. Nó cũng rất thông thường thôi, và hiện nay có những thứ thuốc điều trị dễ dàng. Những thuốc này không có những hậu quả phụ, và rất hiệu nghiệm. Tôi sẽ khám cho cô, nhưng chắc rằng cô không đau ốm gì đâu."

Khi cuộc khám nghiệm hoàn tất, và Alexandra đã mặc lại áo quần, bác sĩ Harley nói, "Tôi sẽ viết đơn cho cô mua thuốc Wellbutrin. Đó là một loại thuốc mới chống tình trạng suy sụp tinh thần, một thứ thuốc mới thần diệu."

Nàng nhìn ông lơ đãng trong khi ông viết toa thuốc.

"Tôi muốn cô trở lại đây một tuần lễ nữa, tính từ ngày hôm nay. Trong thời gian ấy, nếu cô có vấn đề gì, xin cứ gọi điện thoại cho tôi, dù ngày hay đêm."

Ông đưa cho nàng toa thuốc.

"Cảm ơn, bác sĩ John. Tôi hi vọng rằng thứ thuốc này sẽ chấm dứt cơn mơ."

"Mơ gì?"

“Ồ, tôi tưởng đã nói với ông rồi chứ. Đêm nào cũng vậy, tôi mơ thấy mình đang đi trên một con thuyền giữa lúc gió to, rồi tôi nghe tiếng gọi của biển cả. Tôi đi đến lan can, nhìn xuống, rồi thấy mình đang ở dưới nước, sắp chết đuối…”

Nàng bước ra khỏi văn phòng bác sĩ Harley, rồi đi xuống đường phố. Nàng tựa vào toà nhà để thở thật sâu.

Mình đã thành công rồi. Eve nghĩ thầm một cách đắc chí. Nàng vứt toa thuốc xuống đất.

Sidney Sheldon

Tay cự phách

Lương Thị Thận dịch

Chương 32

Bà Kate Blackwell cảm thấy mệt mỏi. Cuộc họp đã kéo dài quá lâu. Bà đưa mắt nhìn quanh bàn họp, nhìn ba người đàn ông và ba người đàn bà trong lãnh đạo công ty. Tất cả đều tươi trẻ, tràn đầy sức sống. Không, không phải phiên họp đã kéo dài quá lâu, mà bà cảm thấy chính bà đã ngồi quá lâu. Ta đã tám mươi hai tuổi rồi, bà thầm nghĩ. Ta đã già rồi. Ý nghĩ này khiến bà cảm thấy phiền muộn, không phải vì bà sợ chết, mà vì bà cảm thấy bà chưa sẵn sàng để nhắm mắt. Bà không muốn chết chừng nào công ty Kruger-Brent chưa có một người thuộc gia đình Blackwell đứng ra điều hành nó. Sau khi chịu nỗi thất vọng với Eve, bà Kate cố gắng xây dựng các dự tính tương lai cho Alexandra.

Chính Alexandra đã nói với bà "Bà biết rằng cháu sẵn lòng làm bất cứ điều gì cho bà, bà nội ạ, duy có điều là cháu không thích sau này phải dính líu đến công ty, Goerge sẽ là một nhân viên

điều khiển xuất sắc…”

“Bà có đồng ý không, bà Kate?” Brad Rogers thình lình đặt câu hỏi.

Câu hỏi ấy khiến bà Kate tỉnh khỏi giấc mơ. Bà nhìn Bard như để nhận lỗi. “Tôi xin lỗi, câu hỏi gì vậy?”

“Chúng ta đang thảo luận về việc sát nhập công ty Delco.” Giọng Brad Rogers đầy vẻ kiên nhẫn. Bard lo lắng về bà Kate Blackwell. Trong những tháng gần đây, bà có thói hay đãng trí, mơ màng giữa các phiên họp của công ty, thế nhưng ngay khi Brad bắt đầu lo lắng rằng bà đã già rồi và sẽ phải rút lui khỏi ban lãnh đạo thì đột nhiên bà đưa ra một quyết định sáng suốt khiến cho mọi người ngạc nhiên vì sao họ đã không nghĩ ra được ý kiến ấy. Bà thật là một con người kì lạ. Ông nghĩ đến câu chuyện tình ngắn ngủi xa xưa, rồi một lần nữa ông tự hỏi vì sao nó chấm dứt đột ngột như vậy.

Bây giờ là lần khám bệnh thứ hai của George Mellis tại văn phòng bác sĩ Templeton. “Trong quá khứ anh có nhiều hành động hung bạo không, George?”

George Mellis lắc đầu. “Không, tôi rất ghét bạo lực.”

Ghi nhớ câu nói ấy nhé, đồ chó đẻ, Peter Templeton nhủ thầm. Nhân viên điều tra các vụ giết người sẽ hỏi mày về chuyện ấy.

“Anh nói cha mẹ anh không bao giờ trừng phạt anh về thể xác

cả, phải không?"

"Đúng vậy."

"Vậy anh có thể nói rằng anh là một đứa con biết vâng lời không?"

Cẩn thận đấy nhé. Đây là cái bẫy. "Vào hạng trung bình thôi. Tôi nghĩ như vậy."

"Đứa trẻ trung bình thỉnh thoảng cũng bị phạt vì vi phạm quy phạm của người lớn."

Mellis nở một nụ cười ngụ ý không tán thành. "Tôi cho rằng tôi đã không có vi phạm nào cả."

Hắn nói dối. Peter nghĩ thầm. Vấn đề là vì sao? Hắn đang muốn che giấu cái gì? Anh nhớ lại cuộc nói chuyện với Harley sau khi khám bệnh cho Mellis lần thứ nhất.

"Hắn bảo hắn đã đánh cô chị vợ, John ạ và…"

"Đánh cô ấy à?" Giọng Harley đầy vẻ bực tức. "Hắn chặt người ta như một tên đồ tể vậy, Peter ạ. Hắn đánh vỡ xương gò má cô ấy, làm gãy mũi và ba cái xương sườn, rồi đốt cháy mông và bàn chân cô ta bằng thuốc lá đang cháy dở."

Peter thấy cảm giác kinh tởm như một làn sóng tràn khắp người, "Hắn không nhắc chuyện ấy với tôi."

"Tôi cũng đoán rằng hắn không nói," Harley nói. "Tôi bảo với hắn rằng nếu hắn không đến với anh, tôi sẽ báo cáo với cảnh sát."

Peter nhớ lại lời của Mellis. “Tôi cảm thấy thẹn quá. Vì vậy tôi đòi phải đến gặp ông”. Thì ra, hắn nói dối ngay cả chuyện ấy nữa.

“Mellis nói với tôi rằng vợ hắn mắc bệnh hay chán nản, buồn bực và có ý định tự tử.”

“Phải, điều ấy thì tôi bảo đảm là có. Alexandra đến gặp tôi cách đây mấy ngày. Tôi cho uống Wellbutrin. Tôi rất lo lắng về cô ấy. Cảm tưởng anh đối với George Mellis thế nào?”

Peter nói chậm rãi. “Tôi chưa biết. Tôi có cảm giác rằng hắn là một kẻ nguy hiểm.”

Bác sĩ Keith Webster không thể nào gạt hình ảnh Eve Backwell ra khỏi đầu óc được. Nàng giống như một vị nữ thần xinh đẹp, không có thực, không sờ mó được. Nàng cởi mở, linh hoạt, hấp dẫn trong khi ông buồn tẻ, nhếch nhác. Keith Webster chưa bao giờ lấy vợ, bởi vì ông không bao giờ thấy một người đàn bà nào không xứng đáng để làm vợ ông. Ngoài công việc làm ra, ông không bao giờ tự đánh giá quá cao. Ông lớn lên dưới sự chăm sóc của một bà mẹ độc đoán, hung dữ, và một người cha yếu ớt, dễ bị bắt nạt. Lòng ham muốn tình dục của Webster ở mức độ rất thấp, và nếu ông có chút ít ham muốn nào thì nó cũng được làm cho trong sạch trong công việc làm của ông. Nhưng bây giờ đây, ông bắt đầu mơ tưởng đến Eve Blackwell, và khi nhớ đến những giấc mơ vào buổi sáng thì ông cảm thấy bối rối. Nàng đã lành

hẳn rồi, nên ông không còn có lí do nào đến gặp nàng nữa, thế nhưng ông biết thế nào ông cũng phải gặp nàng.

Ông gọi điện thoại đến căn hộ của Eve. "Eve? Đây là Keith Webster. Tôi mong rằng tôi không quấy rầy cô. Tôi… tôi vừa nghĩ đến cô hôm trước đây, và không… không biết bây giờ cô như thế nào".

"Tôi vẫn khoẻ, cảm ơn ông. Thế còn ông thì sao?" Trong giọng nói của nàng có vẻ như trêu ghẹo.

"Cũng… khá" ông nói. Một phút im lặng kế tiếp theo đó. Webster cố lấy can đảm. "Tôi e có lẽ cô quá bận rộn không thể đến ăn cơm trưa với tôi được".

Eve mỉm cười với chính mình. Anh chàng nhút nhát một cách thật là dễ thương. Chuyện này sẽ vui lắm đây. "Tôi muốn lắm chứ".

"Thật thế hả?" Nàng có thể nhận thấy vẻ ngạc nhiên qua giọng nói của Webster. "Khi nào?"

"Ngày mai nhé?"

"Nhớ hẹn đấy". Ông nói thật nhanh, sợ rằng nàng có thể thay đổi ý kiến.

Eve rất vui trong bữa ăn trưa hôm ấy. Bác sĩ Webster hành động như một cậu học trò vừa mới được yêu. Ông đánh rơi khăn ăn, làm vung vãi rượu ra bàn, và làm đổ một bình hoa. Nhìn ông ta, Eve cảm thấy vui vui, và nghĩ thầm. "Không ai có thể tưởng

tượng được rằng đây là một nhà phẫu thuật hết sức tài giỏi".
Khi bữa cơm trưa vừa xong, Webster bẽn lẽn hỏi, "Không biết… chúng ta có thể gặp nhau lần nữa vào một hôm nào đó không?"
Nàng nhìn thẳng vào mặt ông và nói, "Có lẽ không nên. Keith ạ. Tôi sợ rằng tôi phải lòng anh mất thôi."
Mặt Webster đỏ bừng. Ông không biết nói làm sao nữa.
Eve vỗ nhẹ lên tay ông nói "Tôi sẽ không quên anh". Ông bác sĩ lại làm đổ bình hoa một lần nữa.

John Harley đang ăn cơm trưa tại quán ăn trong bệnh viện thì Webster đến gặp ông. Webster nói. "John này, tôi hứa với anh rằng tôi sẽ giữ bí mật, nhưng tôi cảm thấy dễ chịu hơn nếu anh nói cho tôi biết sự thật và những gì đã xảy ra với cô Eve Blackwell."
Harley do dự một lúc, rồi nhún vai nói, "Thôi được. Chính thằng em rể của cô ta, George Mellis, đã làm chuyện ấy."
Bây giờ, Webster cảm thấy mình đang được chia sẻ một phần thế giới bí mật của Eve.

George Mellis tỏ vẻ sốt ruột. "Tiền bạc ở đó rồi, bản chúc thư đã được sửa đổi. Vậy thì chúng ta còn chờ đợi gì nữa?"
Eve nằm trên đi văng, hai chân dài gấp lại, nhìn theo Mellis trong khi y đi qua đi lại. "Anh muốn giải quyết xong chuyện này

cho rồi, Eve ạ”
Hắn mất can đảm rồi, Eve thầm nghĩ. Hắn giống như một con rắn độc đang cuộn mình lại. Rất nguy hiểm. Nàng đã phạm một sai lầm với hắn bằng cách thúc hắn đi quá xa, và đã suýt mất mạng vì chuyện ấy. Nàng sẽ không để phạm sai lầm nữa.
“Tôi đồng ý” nàng nói chậm rãi. “Chắc cũng đã đến lúc rồi.”
Y đang bước vội dùng phắt lại. “Khi nào?”
“Tuần sau.”

Buổi khám bệnh đã gần như xong, nhưng George Mellis không nhắc đến vợ y lần nào. Đột nhiên hắn nói “Tôi lo lắng về Alexandra quá, bác sĩ ạ. Vẻ buồn nản của cô ấy có vẻ như trầm trọng hơn. Đêm qua, cô ấy cứ nói về chuyện chết chìm. Tôi không biết phải làm thế nào.”
“Tôi đã nói chuyện với ông Harley. Ông ấy đã cho cô ta ít thuốc uống có thể giúp cô ta chóng bình phục”,
“Tôi hi vọng thế”. Mellis nói với vẻ nghiêm chỉnh “Tôi chắc không chịu đựng nổi nếu có chuyện gì xảy ra cho nhà tôi”.
Với lỗ tai quen bắt lấy những lời lẽ không được nói ra, bác sĩ Peter Templeton có cảm giác khó chịu là ông đang chứng kiến một trò chơi đố. Ở trong anh chàng này có ẩn một sự hung bạo nguy hiểm. “Anh Mellis này, quan hệ của anh với các phụ nữ trước đây như thế nào?”

“Bình thường”.

“Anh có bao giờ giận dữ, nổi sùng lên không?”

Mellis biết rằng câu hỏi ấy đang dẫn dắt y đến đâu rồi. Y nói, “Không bao giờ”. Y nghĩ bụng, tôi cũng đủ khôn ngoan để không bị mắc lừa ông đâu, bác sĩ ạ. “Tôi nói ông rồi mà. Tôi không thích bạo lực.”

Câu nói của Harley vẫn còn văng vẳng: “Hắn chặt người ta như một tên đồ tể. Hắn đập vỡ xương gò má, làm gãy mũi, ba xương sườn, rồi đốt mông và bàn chân cô ấy bằng thuốc lá đang cháy dở.”

“Với một số người sự hung bạo đôi khi cũng tạo cho người ta một lối thoát cần thiết, một sự giải toả về mặt xúc cảm”, Peter nói.

“Tôi hiểu ông nói gì rồi. Tôi có thằng bạn thường xuyên hay đánh đập bọn gái điếm.”

Tôi có một thằng bạn. Đó là một dấu hiệu báo động. “Nào anh nói cho tôi nghe về bạn anh đi.”

“Hắn ghét bọn gái điếm lắm. Chúng lúc nào cũng tìm cách bóc lột hắn. Vì vậy, khi làm xong xuôi rồi, hắn đánh đập chúng chút xíu, chỉ để cho chúng một bài học thôi.” Y nhìn vào mặt Peter, nhưng không thấy dấu hiệu nào tỏ ý phản đối. Y mạnh dạn nói tiếp, “Tôi nhớ có lần hắn và tôi cùng ở Jamaica với nhau. Con gái điếm da đen bé nhỏ ấy dẫn hắn đến một phòng khách sạn, rồi

sau khi nó cởi quần áo cho thằng ấy rồi, nó đòi thêm tiền,"
Mellis tủm tỉm cười, "thế là hắn đánh con bé ấy đến vãi phân ra. Tôi chắc chắn rằng con bé ấy tởn đến già, không dám đòi thêm tiền của ai nữa".
Hắn là một thằng loạn óc. Peter thầm nghĩ. Không có bạn bè nào cả, dĩ nhiên rồi. Hắn khoe khoang, khoác lác về mình, che giấu bên trong một "cái tôi" khác của hắn. Hắn mắc chứng hoang tưởng tự đại, và rất nguy hiểm.
Peter nghĩ rằng anh cần phải nói chuyện với bác sĩ Harley càng sớm càng tốt.
Hai người gặp nhau ở câu lạc bộ Harvard. Peter Templeton ở trong một tình thế khó khăn. Anh cần có tất cả thông tin về Mellis, mà không vi phạm sự bí mật, của mối quan hệ giữa bác sĩ và bệnh nhân...
"Ông có thể cho tôi biết chút ít về người vợ của Mellis không?" Anh hỏi bác sĩ Harley. "Alexandra là một cô gái xinh đẹp, dễ thương. Tôi đã săn sóc cho cả hai chị em cô ấy, từ ngày chúng mới ra đời." Ông cười khúc khích. "Anh đã từng nghe nói về những đứa trẻ em sinh đôi chứ gì, thế nhưng anh không bao giờ nhận thức ra được ý nghĩa của điều ấy cho đến khi nào anh thấy hai đứa ấy đứng bên cạnh nhau."
Peter chậm rãi hỏi, "Chúng giống hệt nhau sao?"
"Không ai có thể phân biệt chúng được. Chúng thường thường

bày ra những trò chơi độc địa, khi chúng còn nhỏ như những con chó con. Tôi còn nhớ có lần Eve bị ốm, cần phải tiêm, rốt cuộc, không hiểu làm sao tôi lại chích lầm cho Alexandra". Ông nhấp một chút rượu rồi nói tiếp, "Thật là lạ lùng, chúng bây giờ đã lớn rồi, thế mà tôi vẫn chưa phân biệt được đứa này với đứa kia."
Peter suy nghĩ về vấn đề này. "Ông bảo rằng Alexandra đến khám bệnh với ông vì cô ấy có khuynh hướng muốn tự tử phải không?"
"Đúng vậy".
"Ông John này, làm sao ông biết được đó là Alexandra?"
"Điều đó rất dễ", bác sĩ Harley nó, "Eve vẫn còn một cái sẹo nhỏ trên trán vì bị mổ sau vụ Mellis đánh đập cô ấy".
Peter cảm thấy mình lâm vào ngõ cụt. "À ra thế".
"Công việc của anh với Mellis tiến triển thế nào?"
Peter do dự, băn khoăn không biết mình có thể nói được bao nhiêu. "Tôi vẫn chưa tìm ra. Hắn nấp kín trong một vẻ ngoài giả dối. Tôi đang cố gắng vạch trần nó ra".
"Cẩn thận đấy, Peter ạ. Nếu anh muốn nghe ý kiến tôi, hắn là một thằng loạn óc". Ông nhớ đến cảnh Eve nằm trên giường, giữa một vũng máu.
"Hai chị em cô ấy là thừa kế một gia tài lớn, phải thế không?" Peter hỏi.
Bây giờ đến lượt Harley do dự. "Đây là một vấn đề riêng tư của

gia đình, nhưng câu trả lời của tôi là "không". Bà nội của họ đã từ cô Eve, không cho một hào nhỏ. Alexandra được hưởng tất cả".

Peter nhớ lại câu nói của Mellis, "Tôi lo cho Alexandra – Cô ấy cứ hay nói về việc chết chìm. Tôi không thể chịu đựng được nếu có gì xảy ra cho nhà tôi."

Đối với Peter Templeton, lối nói ấy giống như một lối dàn dựng cổ điển cho một vụ giết người, duy chỉ có điều là Mellis là kẻ thừa kế một tài sản lớn lao riêng của y. Không có lí do gì hắn lại giết người vì tiền. Mình chỉ hay tưởng tượng thôi, Peter tự trách mình.

Một người đàn bà sắp chết đuối giữa bể lạnh, còn anh thì đang bơi đến bên cạnh cô ta, nhưng sóng cao quá và cô ta cứ chìm xuống dưới sóng bể, rồi lại nhô lên. "Giữ yên như thế, tôi đến ngay đây", anh kêu to lên. Anh cố bơi nhanh lên, nhưng tay chân anh nặng như chì. Rồi anh đành nhìn cô ta chìm xuống làn nước. Khi tới đến nơi cô gái ấy vừa biến mất, anh nhìn xung quanh thì thấy một con cá mập trắng to lớn đang sắp tấn công anh. Peter tỉnh dậy. Anh vặn đèn lên, rồi ngồi trên giường nghĩ đến giấc mơ vừa qua.

Sáng sớm hôm sau, anh điện thoại cho trung uý thám tử Nick Pappas.

Nick Pappas là một con người to lớn, cao trên hai thước, nặng

trên trăm cân. Như nhiều bọn tội phạm có thể chứng minh, không một lạng da thịt nào của anh là mỡ cả. Trung uý Pappas ở trong đội điều tra các vụ giết người trong khu vực "tất lụa" của Manhattan.

Peter đã gặp Pappas nhiều năm trước đây, khi anh đứng ra làm chứng với tư cách nhà chuyên môn về bệnh tâm thần trong một vụ xử án giết người. Từ đó anh và Pappas trở thành bạn thân thiết. Pappas thích chơi cờ vua, và cả hai thường gặp nhau mỗi tháng một lần để cùng nhau chơi cờ.

Nick trả lời điện thoại. "Pappas, phòng hình sự đây"

"Đây là Peter, Nick ạ"

"À, anh bạn! Những vụ bí mật của tâm trí tiến triển ra sao rồi?"

"Tôi đang cố tìm ra manh mối, Nick ạ. Tina có được khoẻ không?"

"Tuyệt vời. Anh cần gì tôi nào?"

"Tôi cần ít tin tức. Anh vẫn có những mối liên hệ với Hi Lạp chứ?" Peter hỏi.

"Có liên hệ à? Tôi có một trăm người bà con thân thuộc ở đó. Tất cả đều cần tiền, và tôi phải làm cái việc ngu xuẩn là gửi tiền cho họ đều đều. Có lẽ anh cần phải phân tích tâm lí tôi mới được."

"Chậm rồi anh bạn ơi. Anh là một ca tuyệt vọng". Peter nói đùa.

"Tina cũng bảo với tôi như thế đó. Bây giờ anh cần những tin tức

gì nào?”

“Anh có bao giờ nghe cái tên George Mellis không?”

“Gia đình nổi tiếng về thực phẩm ấy à?”

“Phải.”

“Hắn không hẳn ở trong phạm vi điều tra của tôi, nhưng tôi biết hắn là ai. Về chuyện gì vậy?”

“Tôi muốn biết hắn có tiền bạc gì không”.

“Anh không nói đùa đấy chứ? Gia đình hắn…”

“Tôi muốn nói đến tiền riêng của hắn kia”.

“Để tôi sẽ điều tra xem sao, nhưng chỉ mất thì giờ thôi. Gia đình Mellis ấy giàu vô kể”.

“À này, nếu anh có nhờ ai hỏi ông bố của George Mellis thì bảo với người ấy phải khéo léo, nhẹ nhàng một chút, kẻo ông già ấy hay lên cơn đau tim lắm đấy”.

“Được rồi. Tôi sẽ dặn điều ấy trên điện tín”.

Peter nhớ lại giấc mơ, “Nick này, anh có thể nào gọi điện thoại thay vì dùng điện tín được không? Ngay hôm nay?”

Giọng của Pappas nghe có vẻ khác. “Có điều gì anh muốn nói cho tôi biết không, Peter”.

“Không có gì để nói cả. Tôi chỉ muốn thoả mãn trí tò mò của tôi thôi. Anh hãy để tôi trả tiền điện thoại ấy”.

“Dĩ nhiên là phải như vậy rồi, lại còn một bữa cơm anh sẽ đãi tôi nữa khi nào anh nói cho tôi biết cái chuyện khỉ gió ấy là chuyện

gì”.
“Đồng ý”. Peter gác máy điện thoại. Anh cảm thấy trong người dễ chịu hơn.

Bà Kate Blackwell cảm thấy không được khoẻ. Bà đang ngồi ở bàn giấy, nói chuyện trên máy điện thoại, thì lên cơn đột ngột. Căn phòng bắt đầu xoay như chong chóng. Bà nắm lấy bàn viết thật chặt cho đến khi mọi thứ trở lại bình thường.
Brad đi vào văn phòng. Ông nhìn qua nét mặt tái nhợt của bà, rồi hỏi, “Bà có bình thường không, bà Kate?”
Bà thả tay ra khỏi bàn và đáp “Chỉ hơi choáng váng thôi. Chẳng có gì quan trọng”.
“Đã bao lâu rồi bà không khám bác sĩ?”
“Tôi không thì giờ đâu để làm cái chuyện vớ vẩn ấy, Brad ạ”.
“Phải cố tìm ra thì giờ chứ. Tôi sẽ bảo Annette gọi điện thoại để xếp đặt cho bà một cuộc hẹn với bác sĩ Harley”.
“Quỷ tha ma bắt anh đi, Brad ạ. Đừng có cuống quýt lên như thế nữa”.
“Thế bà có sẽ đi khám bác sĩ không?”
“Tôi sẽ đi nếu việc ấy sẽ làm cho anh thôi không quấy rầy tôi nữa”.

Sáng hôm sau, viên thư kí của Peter nói, “Thám tử Pappas gọi

ông trên điện thoại".

Peter nhấc ống nghe. "Chào anh, Nick".

"Tôi nghĩ anh với tôi nên bàn với nhau chút xíu, anh bạn ạ".

Peter đột nhiên cảm thấy lo lắng. "Anh đã nói chuyện với ai về Mellis chưa?"

"Tôi đã nói với chính ông bố của George Mellis. Trước hết, ông ta chưa hề bao giờ đau tim cả. Thứ hai, ông ta nói rằng, riêng đối với ông ta, ông coi George Mellis như đã chết rồi. Khi tôi hỏi tại sao thì ông già ấy cúp ngay điện thoại. Thế rồi tôi gọi cho một số bạn cũ ở Athens. Tên George Mellis của anh, hắn quả thực là nổi danh. Cảnh sát ở đó biết hắn rất rõ. Hắn có cái thú riêng là đánh đập đàn bà và bọn trai trẻ. Nạn nhân cuối cùng của hắn trước khi rời Hi Lạp là một thằng bé trong một khách sạn, và liên hệ vụ này với George Mellis. Lão già mua chuộc ai đó để thả hắn ra, rồi "đá đít" hắn ra khỏi xứ. Vĩnh viễn. Như vậy anh đã thoả mãn chưa?"

Peter đã quá thoả mãn rồi. Nó làm cho anh khiếp sợ "Cảm ơn Nick. Thế là tôi nợ anh một lần điện thoại nhé".

"Ồ, không đâu, anh bạn ạ. Lần này thì tôi chịu tiền điện thoại. Nếu thằng ấy được thả rông lần nữa, anh nên cho tôi biết nhé".

"Sẽ cho anh biết sớm tối đa, Nick ạ. Gửi lời thăm Tina nhé".

Peter gác máy điện thoại. Anh có nhiều chuyện phải suy nghĩ. George Mellis sẽ đến đây vào lúc trưa.

Bác sĩ John Harley đang khám bệnh thì nhân viên tiếp khách của ông nói, "Bà George Mellis đang ở đây, chờ được gặp ông, bác sĩ ạ. Bà ấy không có hẹn khám bệnh, nên tôi nói cho bà ấy biết thời khoá biểu của ông là…"

Harley nói, "Đưa bà ấy vào bằng cửa hông, rồi mời bà ta vào văn phòng tôi".

Mặt nàng trông nhợt nhạt hơn lần trước, vết thâm quầng xung quanh mắt đậm hơn. "Tôi xin lỗi đã đến đột ngột như thế này, bác sĩ ạ, nhưng…".

"Không hề gì, Alexandra ạ. Có chuyện gì vậy?"

"Nhiều chuyện lắm. Thật là kinh khủng quá…".

"Cô vẫn uống đều Wellbutrin chứ?"

"Có".

"Thế mà cô vẫn còn cảm thấy buồn nản?"

Bàn tay nàng nắm chặt lại. "Còn tệ hơn như thế nữa. Tôi cảm thấy tuyệt vọng, tưởng chừng không còn có thể kiểm soát được gì nữa. Tôi không còn có thể chịu đựng chính mình nữa. Tôi sợ, tôi sợ rằng tôi sẽ làm chuyện gì ghê gớm lắm".

Bác sĩ Harley trấn an, "Cô chẳng có bệnh tật gì đâu. Tôi xin đem danh dự của tôi ra để bảo đảm với cô như vậy. Tất cả chỉ là vấn đề xúc cảm thôi. Tôi sẽ đổi thứ thuốc khác. Lần này tôi sẽ cho cô dùng Nomifensine, một thứ rất công hiệu. Cô sẽ thấy rõ sự thay

đổi chỉ trong vòng ít ngày". Ông viết đơn thuốc, rồi đưa cho nàng. "Nếu đến thứ sáu, cô không thấy khá hơn, xin cô cứ gọi tôi. Tôi có thể giới thiệu cô với một bác sĩ tâm thần".
Ba mươi phút sau, trở lại căn hộ. Eve xoá đi lớp kem nhợt thoa trên mặt và chùi đi những vệt thâm quầng quanh mắt.
Bước đi bây giờ nhanh hơn.

George Mellis ngồi đối diện với Peter Templeton, tủm tỉm cười và tin tưởng.
"Hôm nay anh cảm thấy thế nào?"
"Khá hơn nhiều lắm bác sĩ ạ. Những buổi khám bệnh như thế này có hiệu quả hơn là ông nghĩ".
"Thật thế sao? Hiệu quả bằng cách nào?"
"Ấy chỉ là như mình có một người nào đó để nói chuyện. Cũng giống như lệ xưng tội của Thiên Chúa giáo vậy. Nguyên tắc cũng như vậy, phải không?"
"Tôi rất mừng các buổi tiếp xúc này đã giúp anh nhiều. Vợ anh khoẻ rồi chứ?"
George Mellis nhăn mặt, "Tôi e rằng chưa. Nhà tôi lại gặp bác sĩ Harley lần nữa, nhưng vẫn cứ nói về chuyện tự tử mỗi lúc một nhiều hơn. Tôi có lẽ phải đưa nàng đi xa. Nàng cần có sự thay đổi".
Peter nghe như đây là điềm báo trước đáng ngại. Có thể nào đó

là do trí tưởng tượng của hắn chăng?

“Hi Lạp là nơi nghỉ ngơi rất tốt”, Peter nói, “Anh đã đưa vợ anh đến đó để gặp gia đình anh chưa?”

“Chưa. Họ đang rất mong được gặp Alex”. Y cười. Chỉ có điều khó khăn duy nhất là mỗi lần cha tôi và tôi gặp mặt nhau thì ông ấy cứ nằng nặc khuyên tôi nên trở về để nắm lấy cơ sở kinh doanh của gia đình”.

Ngay lúc này, Peter thấy rằng Alexandra đang gặp nguy hiểm thực sự.

Sau khi Mellis rời khỏi văn phòng một hồi lâu, Peter ngồi xem lại những điều ghi chép. Cuối cùng, anh với lấy điện thoại, quay một con số.

“Tôi muốn nhờ ông một việc, bác sĩ John ạ. Ông có thể dò hỏi hộ xem George Mellis đã đưa vợ đi chơi tuần trăng mật ở đâu”.

“Tôi có thể cho anh biết ngay bây giờ. Chính tôi đã tiêm cho họ trước khi họ lên đường. Lúc ấy họ đi Jamaica”.

Peter nhớ lại câu chuyện của Mellis. “Tôi có một thằng bạn hay đánh đập các con điếm. Tôi nhớ một lần chúng tôi cùng ở Jamaica với nhau...”.

Thế nhưng vẫn chưa có bằng cớ nào về việc George Mellis dự tính giết vợ hắn cả. John Harley đã kiểm chứng rằng Alexandra Mellis có khuynh hướng tự vẫn. Đó không phải là vấn đề của mình, Peter cố tự nhủ như vậy. Nhưng anh biết rằng đó chính là

vấn đề của anh.

Peter Templeton trước kia đã phải làm việc để kiếm tiền ăn học. Cha anh là nhân viên bảo vệ ở một trường đại học trong một thị trấn nhỏ, nên dù có học bổng, Peter cũng không thể nào theo học được một trong các trường đại học y khoa danh tiếng. Anh tốt nghiệp trường đại học Nebraska với danh dự, rồi tiếp tục theo học ngành tâm lí trị liệu. Anh thành công ngay từ ban đầu. Bí quyết của anh là lòng thành thực yêu người. Anh quan tâm đến những gì xảy ra với họ. Alexandra không phải là bệnh nhân của anh, nhưng anh có dính líu đến nàng. Nàng là phần thiếu sót trong bài toán đố, và sự giáp mặt với nàng có thể giúp anh giải được bài toán đố ấy. Anh giở tập hồ sơ về Mellis ra, tìm số nhà và điện thoại cho Alexandra. Một người đầy tớ gái gọi nàng đến điện thoại.

"Bà Mellis ạ, tên tôi là Peter Templeton. Tôi là...".

"Ồ, tôi biết ông là ai rồi, bác sĩ ạ. George nói với tôi về ông".

Peter rất ngạc nhiên. Anh tưởng rằng Mellis không bao giờ nhắc nhở tên anh với vợ hắn cả. "Tôi không biết chúng ta có thể nào gặp nhau được không. Có thể là tại một bữa ăn trưa nào đó?"

"Có phải là về vấn đề của George không? Có chuyện gì không hay chăng?"

"Ồ, không đâu. Tôi chỉ nghĩ rằng chúng ta có thể nói chuyện với nhau một chút thôi".

“Được lắm chứ, bác sĩ Templeton”.

Họ hẹn nhau vào ngày hôm sau.

Hai người ngồi ở một bàn trong góc tại quán ăn La Grenouille. Từ khi Alexandra bước vào tiệm ăn, Peter không thể nào rời mắt nàng. Nàng chỉ đơn giản mặc một chiếc váy và áo khoác trắng làm lộ ra dáng người xinh đẹp của nàng, và đeo một chuỗi hạt trai xung quanh cổ. Peter cố tìm ra những nét mệt mỏi và buồn chán trên mặt nàng, như bác sĩ Harley đã nói. Nhưng anh không thấy gì cả. Nếu Alexandra biết rằng Peter đang quan sát nàng thì nàng cũng không lộ ra một dấu hiệu nào như thế cả.

“Chồng tôi vẫn bình thường phải không, bác sĩ Templeton?”

“Vâng”. Điều này sẽ trở nên khó xử hơn là anh đã tiên đoán. Anh đang đi trên một sợi dây rất nhỏ. Anh không có quyền vi phạm mối quan hệ thiêng liêng giữa bác sĩ và bệnh nhân, thế nhưng đồng thời anh cảm thấy có nhiệm vụ phải cảnh cáo Alexandra.

Sau khi đã gọi món ăn, Peter nói, “Chồng bà có nói cho bà biết vì sao anh ấy phải đi khám tại văn phòng tôi không, bà Mellis?”

“Có chứ. Gần đây tinh thần anh ấy rất căng thẳng. Các ông chủ hãng của anh ấy đặt phần lớn trách nhiệm trên vai anh ấy. George làm việc rất có lương tâm. Chắc ông cũng biết điều này, phải không, bác sĩ?”

Thật là khó tin. Nàng không biết chút gì về việc hắn đã tấn công

chị ruột nàng. Tại sao không ai nói cho nàng biết cả?

"George bảo anh cảm thấy dễ chịu hơn nhiều khi có một người nào đó để anh có thể giãi bày tất cả những vấn đề khó khăn". Nàng nhìn Peter tủm tỉm cười. "Tôi rất mừng là ông đã giúp anh ấy".

Nàng thật là ngây thơ, vô tội! Rõ ràng nàng đã thần tượng hoá ông chồng. Làm sao anh có thể nói cho nàng biết rằng chồng nàng chỉ là một tên loạn óc đã từng từng giết một đứa bé trai làm điếm kiếm tiền; rằng hắn đã bị gia đình từ bỏ và đã cưỡng dâm tàn bạo chị ruột nàng? Thế nhưng, làm sao anh có thể không nói ra được?

"Làm một bác sĩ tâm thần cũng rất là thú vị, vì ông có thể giúp đỡ được cho biết bao nhiêu người". Alexandra nói.

"Có khi tôi giúp được, nhưng cũng có khi không". Peter đáp một cách thận trọng.

Thức ăn được đưa đến. Hai người nói chuyện với nhau trong khi ăn. Cuộc giao tiếp giữa họ thật là dễ dàng thoải mái. Peter thấy mình như đã bị thu hút bởi Alexandra, và đột nhiên anh có cảm giác khó chịu là anh đang ghen tị với George Mellis.

"Tôi rất vui thích về bữa ăn trưa hôm nay, bác sĩ Templeton ạ" Alexandra nói, "Thế nhưng hình như ông muốn gặp tôi hôm nay vì một lí do nào đó, phải thế không?"

Cơ hội cần phải trình bày sự thật đã đến.

“Vâng, thật ra, tôi…”
Peter dừng lại. Những lời nói tiếp theo của anh có thể sẽ làm tan vỡ cuộc sống của nàng. Anh đã quyết định đến đây là để nói cho nàng biết về những mối nghi ngờ của anh và đề nghị đưa chồng nàng vào một bệnh viện tâm thần. Nhưng bây giờ gặp mặt nàng, anh nhận ra rằng vấn đề không phải đơn giản như vậy. Anh lại nhớ đến câu nói của Mellis “Nhà tôi không khá hơn chút nào. Tôi lo nhất là nàng có ý định tự vẫn”. Trái lại thế, anh chưa bao giờ thấy một người đàn bà nào hạnh phúc và bình thường hơn nàng. Phải chăng là do thứ thuốc nàng đang uống? Cuối cùng, anh cũng hỏi được nàng về chuyện ấy, “John Harley nói rằng bà đang uống…”
Ngay lúc ấy, tiếng nói của Mellis vang lên, “À, em ở đây rồi! Anh gọi điện thoại về nhà và được biết rằng em hiện đang ở đây”. Y quay về phía Peter, nói, “Chào ông, bác sĩ Templeton. Tôi cùng ngồi ăn chung với hai người được chứ?”
Thế là cơ hội tan biến mất.

“Tại sao anh chàng bác sĩ ấy lại muốn gặp Alex?” Eve hỏi.
“Anh chẳng hiểu chút nào”, Mellis đáp. “May mà Alex đã nhắn cho biết rằng nàng đang ở đâu, trong trường hợp anh cần gặp nàng. Thì ra cô ấy đi gặp Templeton. Lạy Chúa! Tôi vội vàng đi đến đó gấp”.

“Tôi e ngại chuyện ấy lắm”. Eve nói.

“Tin tôi đi. Chẳng có gì nguy hại cả đâu. Tôi đã hỏi cô ấy sau đó, và cô ấy nói rằng hai người không thảo luận về vấn đề gì đặc biệt cả”.

“Tôi nghĩ rằng chúng ta nên xúc tiến chương trình của chúng ta đi”.

George Mellis cảm thấy một sự kích thích gần giống như tình dục rung lên trong con người y qua câu nói ấy. Y đã chờ đợi cơ hội quá lâu rồi. “Khi nào?”

“Ngay bây giờ”.

Sidney Sheldon

Tay cự phách

Lương Thị Thận dịch

Chương 33

Những cơn chóng mặt trở nên tệ hơn, và mọi thứ bắt đầu nhoà đi trong trí óc bà Kate. Bà có khi ngồi ở bàn giấy nghiên cứu việc đề nghị sát nhập công ty rồi đột nhiên bà nhận ra rằng vấn đề sát nhập ấy đã xảy ra mười năm trước đó rồi. Bà thấy khiếp hãi, rồi cuối cùng bà quyết định nghe lời khuyên của Brad Rogers là nên gặp bác sĩ John Harley để được khám bệnh.

Đã lâu rồi, bác sĩ Harley đã không thuyết phục được bà Kate Blackwell đi kiểm tra sức khoẻ toàn bộ, cho nên ông lợi dụng triệt để cơ hội này. Ông khám bệnh rất kĩ, và khi khám xong, ông yêu cầu bà chờ đợi ông ở văn phòng. John Harley rất bối rối. Bà Kate vẫn còn có những dấu hiệu đáng lo ngại. Các động mạch của bà rõ ràng đã cứng lại thỉnh thoảng gây chứng choáng váng và làm cho trí nhớ bà kém đi. Lẽ ra bà nên rút lui dưỡng già cách đây nhiều năm rồi, thế nhưng bà vẫn bám vào công việc một cách dai dẳng, không muốn trao dây cương cho bất kì một ai

khác. Thế nhưng mình có tư cách nào khuyên bà như vậy không, bác sĩ John tự hỏi. Chính ông lẽ ra cũng đã phải rút lui từ lâu rồi. Bây giờ, với kết quả khám nghiệm trước mặt, John Harley nói, "Tôi ước ao có điều kiện sức khoẻ như bà".

"Bỏ cái lối nịnh hót ấy đi, ông John. Tôi có vấn đề nào?"

"Chủ yếu là do tuổi già. Các động mạch hơi cứng và...".

"Bệnh xơ cứng động mạch chứ gì?"

"Đó là danh từ y khoa dùng để mô tả bệnh ấy. Dù sao chăng nữa, bà cũng đang ở trong tình trạng như vậy".

"Có nặng lắm không?"

"Ở tuổi bà, như thế là khá bình thường. Tất cả những thứ này đều là tương đối cả thôi".

"Ông có thể cho tôi thứ thuốc gì để làm mất đi những cơn choáng váng khó chịu ấy không? Tôi không thích ngã xỉu ra trước mặt bọn đàn ông. Với phụ nữ, như thế trông không hay lắm".

Ông gật đầu. "Tôi nghĩ rằng điều đó không khó khăn gì. Khi nào thì bà định sẽ rút lui dưỡng già?"

"Khi nào tôi có chắt trai để trông nom cơ sở kinh doanh của tôi". Hai người bạn già ấy đã quen biết nhau từ rất nhiều năm rồi. Bây giờ họ ngồi đối diện ở bàn giấy nhìn như để đánh giá lẫn nhau. John Harley không phải lúc nào cũng đồng ý với bà Kate, nhưng cũng phải phục bà về lòng can đảm.

Như đã đọc được ý nghĩ của Harley, bà Kate thở dài và nói, "Ông có biết nỗi thất vọng lớn lao nhất trong đời tôi là cái gì không? Chính là con Eve. Tôi đã thực sự quan tâm, săn sóc nó, và muốn trao cho nó cả thế giới này, nhưng nó chẳng thèm nghĩ đến ai cả ngoài bản thân nó".

"Bà lầm rồi, bà Kate ạ. Cô ấy rất quan tâm đến bà".

"Phải, quan tâm như quỷ sứ ấy".

"Tôi có điều kiện để biết rõ điều này. Gần đây cô ấy...". Ông phải cẩn thận lựa chọn từng chữ. "Cô ấy đã gặp một tai nạn khủng khiếp. Cô ấy suýt chết".

Bà Kate cảm thấy trái tim bà chao đảo. "Tại sao, tại sao ông không nói cho tôi biết lúc ấy?"

"Cô ấy không cho phép tôi nói. Cô ấy sợ rằng bà quá lo lắng nên bắt tôi phải thề không được nói lời nào".

"Trời ơi". Bà thốt lên một tiếng thì thào đau đớn. "Nó... nó có sao không?" Giọng bà khàn hẳn đi.

"Bây giờ cô ấy khoẻ lại rồi".

Bà Kate ngồi nhìn chằm chằm vào trong không gian. "Cảm ơn ông đã cho tôi biết, ông John ạ. Cảm ơn".

"Để tôi viết cho bà một cái toa để mua các viên thuốc ấy". Khi ông viết xong toa, ngước mắt nhìn lên thì bà Kate đã bỏ đi đâu rồi.

Eve mở cánh cửa ra, nhìn chằm chằm như không thể tin vào mắt mình nữa. Bà nội nàng đang đứng trước mặt, người cứng và thẳng băng như ngày nào, không biểu lộ một nét nào yếu ớt cả.
“Bà có thể vào nhà được không?” Bà Kate hỏi.
Eve bước qua một bên, chưa có thể nhận định được chuyện gì đang xảy ra. “Được chứ ạ”.
Bà Kate bước vào, nhìn quanh căn hộ bé nhỏ, nhưng không đưa ra lời bình luận nào. “Bà ngồi được chứ?”
“Cháu xin lỗi. Xin mời bà ngồi. Xin bà tha lỗi cho. Bà dùng thứ gì để cháu lấy. Trà, cà phê hay thứ gì?”
“Không, cảm ơn. Cháu có được khoẻ không Eve?”
“Dạ khoẻ, cảm ơn bà”.
“Bà vừa gặp bác sĩ Harley. Ông ấy nói cho bà biết cháu vừa gặp một tai nạn ghê gớm”.
Eve nhìn bà nội một cách thận trọng, không biết chắc những gì sắp diễn ra. “Vâng...”
“Ông ấy bảo cháu suýt chết, nhưng cháu không cho phép ông ấy báo cho bà biết vì cháu không muốn làm cho bà phải lo lắng”.
À thì ra thế. Eve bây giờ cảm thấy yên tâm hơn. “Đúng vậy, thưa bà nội”.
“Điều ấy chứng tỏ rằng...” Bà Kate đột nhiên cảm thấy nghẹn lời. “...rằng cháu quan tâm đến bà”.
Eve bắt đầu khóc thổn thức vì mừng thầm đã trút được một mối

lo ngại. “Cố nhiên rồi, cháu lúc nào cũng quan tâm đến bà”.
Thế rồi chỉ một lát sau đó, Eve ngã vào vòng tay của bà nội. Bà Kate ôm nàng thật chặt, áp sát môi bà lên đầu tóc hoe đặt trên đùi bà, rồi bà thì thầm “Bấy lâu nay, bà thật là ngu xuẩn. Cháu có tha thứ cho bà không?” Bà Kate rút ra chiếc khăn mù soa để sỉ mũi. “Bà đã tỏ ra quá cứng rắn đối với cháu. Nếu có chuyện gì không hay xảy ra cho cháu, chắc bà sẽ không chịu đựng nổi”.
Eve vuốt ve bàn tay đầy gân xanh của bà nội và nói, “Cháu không hề gì, bà nội ạ. Mọi việc đều tốt đẹp cả”.
Bà Kate đứng dậy chớp mắt để giữ lại những giọt nước mắt. “Chúng ta sẽ khởi sự lại từ đầu, được không?” Bà kéo Eve lên, nhìn vào mặt nàng, “Bà đã tỏ ra ngoan cố, cứng rắn, giống như cha bà xưa kia. Rồi bà sẽ đền bù lại chuyện này. Việc đầu tiên bà sẽ làm là ghi tên cháu lại trên bản chúc thư của bà, đúng như quyền của cháu đáng được hưởng”.
Những gì xảy ra lúc ấy quá tốt đẹp đến mức khó tin. “Cháu không cần tiền. Cháu chỉ quan tâm đến bà thôi”.
“Cháu là người thừa kế của bà – cháu và Alexandra. Hai cháu là tất cả gia đình mà bà hiện có”.
“Cháu sống như thế này cũng tốt rồi, nhưng nếu điều đó làm bà vui sướng thì...”
“Điều ấy sẽ làm cho bà rất sung sướng cháu ạ. Thật sự sung sướng. Khi nào cháu có thể trở về nhà?”

Eve chỉ do dự một lát, rồi nói, “Cháu nghĩ tốt hơn hết cháu ở lại đây, nhưng cháu sẽ đến thăm bà luôn luôn. Bà ạ, chắc bà không biết từ dạo ấy đến nay cháu cảm thấy mình cô đơn như thế nào”.
Bà Kate cầm lấy tay cháu gái và nói, “Cháu có thể tha thứ cho bà được không?”
Eve nhìn vào mắt bà nội và nói một cách nghiêm trang, “Dĩ nhiên rồi, cháu có thể tha thứ cho bà”.
Khi bà Kate đã ra về, Eve pha một li rượu Scotch nặng với nước, rồi nằm lăn xuống đi văng để mường tượng lại cảnh khó tin vừa xảy ra với nàng. Nàng muốn thét to lên vì vui mừng. Bây giờ nàng và Alexandra là những người thừa kế duy nhất của tài sản Blackwell. Loại bỏ Alexandra sẽ là một chuyện khá dễ dàng. Chỉ riêng có George Mellis là nàng hơi lo. Đột nhiên hắn ta trở thành một chướng ngại vật đối với nàng.
“Có sự thay đổi trong kế hoạch của ta”, Eve nói với George Mellis. “Bà Kate đã để tên tôi lại vào chúc thư”.
George Mellis đang châm điếu thuốc lá, vội dừng ngay lại. “Thật thế hả? Mừng em nhé”.
“Nếu có chuyện gì xẩy ra cho Alexandra vào lúc này thì người ta sẽ nghi ngờ. Vậy chúng ta sẽ thanh toán nó sau này, khi...”.
“Anh e rằng như thế không thích hợp với anh chút nào”.
“Anh nói thế là nghĩa làm sao?”
“Anh không ngu đâu, cô em yêu quý ạ. Nếu có chuyện gì xảy ra

cho Alexandra anh sẽ thừa hưởng phần của cô ấy. Em muốn gạt anh ra rìa hả?"

Eve nhún vai. "Phải nói rằng anh là một điều rắc rối không cần thiết. Tôi sẵn sàng điều đình với anh. Cứ xin li dị đi, rồi chừng nào tôi nắm được tiền trong tay, tôi sẽ cho anh".

Melles cười to. "Thật là buồn cười. Như thế không tốt đâu, cô bé ạ. Không có gì thay đổi cả. Alex và anh đã hẹn với nhau vào tối thứ sáu ở Dark Harbor. Anh có ý định sẽ đến đúng hẹn".

Alexandra mừng rỡ vô cùng khi được nghe tin về Eve và bà nội. "Thế là gia đình ta lại được sum họp trở lại", nàng nói.

Điện thoại.

"Alô, tôi hi vọng không quấy rầy cô, cô Eve ạ. Webster đây".

Lúc này anh đã bắt đầu gọi điện thoại cho nàng hai, ba lần một tuần. Thoạt tiên vẻ nhiệt tình, vụng về của anh làm cho Eve thấy vui vui, nhưng rồi nó trở thành một điều bực mình.

"Tôi không thể nói chuyện với anh vào lúc này. Tôi sắp đi đây", Eve nói.

"Ồ, xin lỗi", Webster nói, "Vậy tôi không dám giữ cô lâu đâu. Tôi có hai vé đi xem biểu diễn ngựa tuần sau. Tôi biết cô thích ngựa".

"Xin lỗi, có lẽ tuần sau tôi đi vắng xa".

"À, ra thế". Nàng nghe giọng nói anh có vẻ thất vọng. "Vậy có lẽ

tuần sau nữa chắc là được. Tôi sẽ mua vé xem hát. Cô thích xem vở gì?"
"Tôi xem cả rồi", Eve nói cộc lốc, "Tôi phải đi gấp đây". Nàng đặt máy xuống. Bây giờ là lúc mặc quần áo. Nàng sẽ đi gặp Rory McKenna, một kịch sĩ trẻ nàng mới quen biết. Anh ta trẻ hơn nàng năm tuổi, và giống như một con ngựa đực hung hăng, không bao giờ thoả mãn. Eve tưởng tượng đến lúc ân ái với anh ta mà cảm thấy trong lòng bị kích thích, đê mê. Nàng trông ngóng được hưởng một đêm vui thú với chàng.

Trên đường trở về nhà, George Mellis dừng lại mua hoa cho Alexandra. Tâm trạng của y đang vô cùng phấn chấn. Việc bà Kate đã đặt lại tên Eve vào trong chúc thư là một điều mỉa mai thú vị, nhưng nó không thay đổi gì cả. Sau tai nạn sẽ xảy ra với Alexandra, y sẽ thanh toán Eve. Tất cả mọi sự xếp đặt đã sẵn sàng. Ngày thứ sáu, Alexandra sẽ chờ đợi y ở Dark Harbor. Y đã hôn nàng và căn dặn: "Chỉ có hai chúng ta thôi. Em đừng có đem bọn gia nhân đi theo, em yêu quý ạ".
Peter Templeton không thể nào gạt Alexandra ra khỏi đầu óc. Anh dường như nghe câu nói của Mellis văng vẳng bên tai: "Tôi sẽ đưa nàng đến một nơi nào đó. Nàng cần có sự thay đổi". Tất cả bản năng nói cho chàng biết rằng Alexandra đang gặp nguy hiểm.

Thế nhưng anh bất lực, không làm gì được. Anh không thể đến với Nick Pappas khi anh còn có những mối nghi hoặc, anh không có bằng chứng nào cả.

Ở bên kia thành phố, trong văn phòng của Kruger-Brent, bà Kate Blackwell đang kí một bản chúc thư mới, để lại các tài sản của bà cho hai cô cháu gái.

Ở phía bắc tiểu bang New York, Tony Blackwell đang đứng trước giá vẽ trong vườn dưỡng đường. Bức tranh trên giá vẽ là một mớ hỗn độn các màu sắc, một thứ tranh vẽ mà một đứa trẻ không có tài năng cũng có thể làm được. Tony lùi lại mấy bước, tủm tỉm cười vui sướng.

Thứ sáu, 10 giờ 57 sáng.

Ở phi trường La Guardia, một chiếc taxi dừng lại trước trạm hàng không Eastern Airlines. Eve bước ra khỏi xe. Nàng chìa cho người lái taxi một tờ 100 đô la.

"Này cô, tôi không có tiền thối. Cô có giấy bạc nhỏ hơn không?" anh ta nói.

"Không".

"Vậy cô vào trong đó đổi tiền đi".

"Tôi không có thì giờ. Tôi phải lên chuyến máy bay sắp tới đi Washington", nàng nhìn chiếc đồng hồ Baume Mercier đeo trên cổ tay, rồi đưa ra quyết định, "Thôi anh cứ giữ cả số tiền ấy".

Người lái xe trố mắt nhìn ngạc nhiên.
Eve vội vã đi vào trạm hàng không. Nàng nửa đi nửa chạy đến cổng khởi hành có đề chữ "Máy bay đi Washington". "Đi Washington khứ hồi". Eve vừa thở hổn hển vừa nói.
Người của hãng hàng không nhìn đồng hồ ở phía trên đầu và nói, "Trễ hai phút rồi. Máy bay mới cất cánh".
"Tôi nhất định phải đi chuyến này. Tôi cần đi gấp. Ông có cách nào giúp tôi được không?"
"Yên chí đi. Sẽ có một chuyến Shuttle (loại máy bay chuyên chở đường ngắn ở Mỹ. Không cần mua vé trước, hành khách trả tiền vé trên máy bay, giống như xe đò) khác trong vòng một tiếng nữa".
"Lại chuyện ấy nữa. Mẹ kiếp!".
Người ấy chờ đợi nàng lấy lại bình tĩnh.
"Thôi được rồi. Tôi sẽ đợi. Có tiệm cà phê nào gần đây không?"
"Không. Nhưng có một máy bán cà phê ở cuối hành lang".
"Cảm ơn".
Ông ta nhìn theo nàng, ngẫm nghĩ. Người đâu mà đẹp thế. Chắc cô ta vội vã đi gặp người yêu. Anh chàng nào mà phúc thế.

Thứ sáu, 2 giờ chiều.
Đây là tuần trăng mật thứ hai của mình. Alexandra thầm nghĩ. Ý nghĩ này làm nàng vui thích. Mellis đã nói, "Đừng đem theo bọn

gia nhân. Chỉ có hai ta thôi. Chúng ta sẽ có một ngày cuối tuần tuyệt vời". Lúc này, Alexandra đang sắp rời ngôi nhà xây bằng đá nâu của nàng để đi đến Dark Harbor gặp Mellis. Nàng đã hơi trễ vì có cuộc hẹn ăn cơm trưa và bữa cơm này kéo dài hơn là dự tính. Nàng nói với người hầu gái. "Tôi đi bây giờ đây. Sẽ trở về vào sáng thứ hai".

Vừa đến cửa trước nhà, nàng nghe tiếng điện thoại reo vang. Mình đã trễ rồi. Mặc kệ cho nó reo. Nghĩ vậy, nàng hối hả đi ra khỏi cửa.

Thứ sáu, 7 giờ tối.

George Mellis đã nghiên cứu kế hoạch của Eve thật kĩ. Nó không có một sơ hở nào. Sẽ có một chiếc xuồng máy đợi anh ở Phibrock Cove. Hãy lái nó đến Dark Harbor, nhưng phải cẩn thận đừng để ai trông thấy. Buộc nó vào đuôi chiếc du thuyền Corsair (Quỷ bể). Anh dùng chiếc du thuyền ấy đưa Alexandra đi chơi dưới ánh sáng trăng. Khi đã ra khơi rồi, anh tha hồ muốn làm gì nó thì làm, George ạ, chỉ cần không để lại một vết máu nào. Vứt xác nó xuống bể, nhảy xuống chiếc xuồng máy, rồi để mặc chiếc du thuyền ấy trôi dạt trên biển. Anh sẽ đem chiếc xuồng máy ấy trở về Phibrock Cove, rồi lên chiếc tàu phà Lincolville đến Dark Harbor. Lấy một chiếc taxi trở về nhà. Hãy dùng một cái cớ nào đó để dụ tên tài xế taxi vào trong nhà để làm

sao cho cả hai người đều cùng phát hiện ra rằng chiếc Corsair đã mất tích, không còn đậu ở bến nữa. Khi anh thấy rằng Alexandra không có nhà, anh sẽ gọi điện thoại cho cảnh sát. Họ sẽ chẳng bao giờ tìm ra được xác Alexandra. Thuỷ triều sẽ cuốn nó ra ngoài khơi. Hai vị bác sĩ danh tiếng sẽ chứng nhận rằng đó là một vụ tự vẫn.

Y thấy chiếc xuống máy đã đậu sẵn ở Phibrook Cove, chờ đợi y, đúng như kế hoạch.

George cho xuồng vượt qua vùng vịnh, dùng ánh sáng trăng chứ không dùng đèn để lái. Y đi ngang qua nhiều chiếc thuyền đậu ở đó mà không bị ai phát hiện, rồi đến bến đậu của nhà Blackwell. Y tắt máy, buộc chiếc xuồng vào chiếc du thuyền Corssair.

Nàng đang nói chuyện điện thoại, chờ đợi y trong phòng khách thì Mellis bước vào. Nàng đưa tay ra vẫy, rồi bịt ống nghe lại, nói với y, "Eve đấy". Nàng lắng nghe một lúc, rồi nói trong máy, "Em phải đi bây giờ đây, chị Eve ạ. Người yêu của em vừa đến. Sẽ gặp lại chị vào buổi ăn trưa tuần sau". Nàng đặt máy xuống, vội vã chạy đến hôn Mellis. "Anh đến sớm đấy. Em rât mừng". "Anh nhớ em quá nên bỏ tất cả mọi thứ để đến đây với em". Nàng hôn y. "Em yêu anh".

Nàng tủm tỉm cười. "Chỉ có hai chúng mình ở đây thôi. Thôi được rồi. Em phải đi thay quần áo đã. Chỉ không đầy một phút thôi"

“Để anh thi với em xem ai nhanh hơn”.
Y đi lên lầu, đến tủ, thay quần áo, mặc một chiếc quần dài, áo len, và đi đôi giày dùng để đi thuyền. Bây giờ cơ hội đã đến, y cảm thấy hân hoan mong đợi, một niềm thích thú như nổ bùng lên trong người.
Y nghe tiếng nàng gọi, “Em sẵn sàng rồi, anh yêu quý ạ”.
Y quay lại. Nàng đứng ở bậc cửa, mặc một chiếc áo len ngắn, chiếc quần màu đen và đi đôi giày vải. Mái tóc dài, màu hoe buộc ở phía sau bằng một sợi dây ruy băng xanh nhỏ. Lạy Chúa! Nàng xinh đẹp quá! Thật là phí phạm nếu phải phá huỷ một sắc đẹp như vậy, y thầm nghĩ.
“Anh cũng xong rồi đây”, Mellis đáp lại với nàng.
Nàng để ý thấy y buộc chiếc xuồng máy vào đuôi chiếc du thuyền. “Như thế để làm gì hở anh?”
“Ở cuối vịnh có một hòn đảo nhỏ mà mấy lâu nay anh vẫn muốn thám hiểm xem sao”, Mellis giải thích. “Chúng ta sẽ đi xuồng máy đến đó, như vậy sẽ không sợ va phải đá ngầm”.
Y tháo các dây buộc thuyền, cho chiếc du thuyền thong thả rời khỏi bến đậu. Y quay mũi thuyền về hướng gió để kéo cánh buồm chính và cánh buồm tam giác lên. Chiếc thuyền trở buồm, hướng về mạn phải. Mellis cho chiếc du thuyền đi thẳng ra khơi. Khi đi qua đê chắn sóng, họ gặp cơn gió mạnh, chiếc thuyền bắt đầu chòng chành.

“Thật là dữ dội và tuyệt vời”, Nàng kêu lên. “Em sung sướng quá, anh ạ”.

“Anh cũng thế”, Y tủm tỉm cười đáp lại.

Mellis cảm thấy một niềm vui thú hết sức kì quặc rằng Alexandra đang vui sướng và sẽ được chết với nỗi vui sướng ấy.

Y nhìn về phía chân trời để tin chắc rằng không có chiếc thuyền nào khác gần đó. Chỉ có ít ánh sáng lờ mờ ở phía xa xăm. Bây giờ đã đến lúc rồi.

Y để cho chiếc thuyền được điều khiển tự động, đưa mắt nhìn lần cuối cùng về phía chân trời vắng vẻ, rồi đến chỗ bức rào chắn gió, tim y bắt đầu đập dồn dập.

“Alex”, y gọi. “Lại đây nhìn cái này”.

Nàng đi về phía y, nhìn xuống nước đen ngòm, lạnh lẽo đang chạy ở phía dưới.

“Lại đây”, giọng y nghe như một mệnh lệnh gay gắt.

Nàng ngã vào cánh tay y, y hôn nàng thật chặt trên môi. Cánh tay y ôm chặt lấy người nàng. Y cảm thấy thân thể nàng như giãn ra, y co bắp thịt, nhấc bổng thân hình nàng lên cao, đưa về phía bức rào chắn.

Nàng đột ngột chống cự và kêu lên, “George!”

Y nhấc nàng lên cao nữa, và cảm thấy nàng cố vùng ra khỏi tay y, nhưng y khoẻ quá so với nàng. Lúc này nàng đã bị đưa lên gần đỉnh bức rào chắn, hai chân đá dữ dội. Y cố sức đẩy nàng qua

khỏi mạn thuyền. Ngay khi ấy, y bỗng thấy một cơn đau nhói ở ngực. Ý nghĩ đầu tiên của y là, "Mình đang lên cơn đau tim!" Y mở mồm ra để nói thì máu phọt ra. Y thả cánh tay xuống, nhìn lên ngực. Y không thể nào tin được, máu đang tuôn ra từ một vết thương trên ngực y. Y ngước mắt nhìn lên, thấy nàng đang đứng ở đấy, tay cầm một con dao, nhìn y tủm tỉm cười.

Ý nghĩ cuối cùng thoáng qua trong đầu óc y, "Eve".

Sidney Sheldon

Tay cự phách

Lương Thị Thận dịch

Chương 34

Lúc mười giờ tối, Alexandra đi đến ngôi nhà ở Dark Harbor. Nàng cố gọi điện thoại cho Mellis nhiều lần, nhưng không có ai trả lời. Nàng hi vọng rằng y sẽ không giận nàng vì đã đến chậm. Thật là một rắc rối ngu xuẩn. Trưa hôm ấy, khi Alexandra sắp sữa đi đến Dark Harbor thì có tiếng điện thoại reo vang. Lúc ấy nàng nghĩ, mình trễ rồi, cứ để cho nó reo, rồi đi thẳng ra xe. Người hầu gái chạy đuổi theo nàng và nói, "Bà Mellis, chị bà vừa gọi điện thoại đến, bảo rằng có việc gấp lắm".

Khi Alexandra nhấc điện thoại lên, Eve nói, "Em ạ, chị đang ở Washington D.C đây.Chị đang gặp một vấn đề kinh khủng lắm. Chị cần gặp em".

Alexandra liền đáp ngay, "Dĩ nhiên rồi. Em sắp đi đến Dark Harbor gặp Mellis, nhưng em sẽ trở về vào sáng thứ hai và..."

"Chuyện này không thể trì hoãn được". Giọng Eve có vẻ tuyệt vọng. "Em có thể gặp chị ở phi trường La Guardia được không?

Chị sẽ đi trên chuyến máy bay lúc năm giờ".

"Em cũng muốn vậy, chị Eve ạ, nhưng em đã nói với George Mellis..."

"Việc này khẩn cấp lắm Alex ạ, nhưng nếu em quá.."

"Thôi được, em sẽ đi đến đó!"

"Cảm ơn em. Chị biết rằng chị có thể trông cậy ở em".

Ít khi Eve nhờ Alexandra việc gì, vì vậy nàng không thể từ chối chị được. Nàng sẽ đi máy bay đến hòn đảo ấy. Nàng điện thoại đến văn phòng cho biết rằng nàng sẽ đến trễ, nhưng Mellis không có mặt ở đấy.

Nàng nhờ người thư kí của y ghi lại lời nhắn nhủ. Một giờ sau, nàng thuê taxi đi đến phi trường La Guardia cho kịp chuyến bay từ Washington. Nhưng Eve không có mặt trên chuyến bay ấy. Alexandra chờ đợi thêm hai giờ nữa, nhưng vẫn không thấy Eve. Alexandra không biết tìm gặp Eve ở nơi nào trong thành phố Washington D.C. Cuối cùng, vì không còn cách nào khác nữa nàng lên máy bay đi đến hòn đảo. Lúc này, nàng đã đến gần ngôi nhà Cedar Hill, và thấy nó tối bưng. Chắc chắn Mellis đã đến đây trước nàng rồi. Nàng đi từ phòng này qua phòng khác, và bật đèn lên cho sáng.

"George?"

Không thấy bóng dáng anh ta đâu cả. Nàng điện thoại về nhà nàng ở Manhattan. Người hầu gái trả lời.

“Có ông Mellis ở nhà không?” Alexandra hỏi.
“Thưa không ạ. Ông ấy bảo bà và ông sẽ nghỉ cuối tuần”.
“Cảm ơn Marie. Chắc ông ấy bị mắc kẹt ở nơi nào đó”
Chắc hẳn phải có lí do chính đáng nào đó cho sự chậm trễ này. Rõ ràng đã có công việc nào đó xảy đến vào phút chót, và như mọi lần các ông chủ đã phải nhờ Mellis giải quyết hộ. Chắc anh ấy sẽ đến ngay thôi. Nàng quay số điện thoại của Eve.
“Eve!” Alexandra kêu lên. “Có chuyện gì xảy ra với chị vậy?”
“Xảy ra với chị à? chị chờ em ở phi trường Kennedy, thế mà không thấy em đến”
“Kennedy à? Chị bảo em đến phi trường La Guardia chứ!”
“Không em ạ. Chị nói phi trường Kennedy”
“Nhưng...” Vấn đề không còn quan trọng nữa.
“Em xin lỗi. Có lẽ em nghe lầm. Chị có được bình thường không? “
“Bây giờ thì khá rồi. Chị vừa trải qua một thời gian kinh khủng quá. Chị có dính líu với một nhà chính khách lớn ở Washington. Ông ta ghen tuông điên cuồng nên...” nàng cười to lên “Thôi, chị không thể nói chi tiết trên điện thoại được. Công ty điện thoại sẽ gỡ máy điện thoại của chúng ta đi mất. Chị sẽ nói với em về chuyện này vào ngày thứ hai”.
“Được rồi”, Alexandra nói. Nàng cảm thấy rất yên tâm.
“Chúc em một ngày cuối tuần hết sức vui vẻ”. Eve nói. “George

bây giờ thế nào?"

"Anh ấy không có ở đây". Alexandra cố không bộc lộ nỗi lo âu của nàng qua giọng nói. "Em chắc anh ấy bị vướng bận công việc nên không có thời giờ gọi đến cho em được"

"Chắc em sẽ được tin tức của anh ta ngay thôi. Chúc em ngủ ngon".

Alexandra đặt máy xuống, suy nghĩ. Mong sao chị Eve gặp được một người chồng thật tốt, cũng tốt và hiền lành như George Mellis. Nàng nhìn vào đồng hồ đeo tay. Đã gần mười một giờ khuya rồi. Chắc là anh ấy sẽ có cơ hội gọi cho mình vào lúc này. Nàng nhấc ống nghe lên. Quay số điện thoại của hãng môi giới. Không có tiếng trả lời. Nàng gọi đến câu lạc bộ của Mellis. Không, họ không thấy Mellis đâu cả. Đến nữa đêm, nàng đâm ra lo sợ, và đến một giờ sáng thì nàng hoảng hốt thực sự. Nàng không biết nên làm thế nào. Có thể rằng Mellis đi đâu đó với một khách hàng nên không điện thoại được cho nàng, hoặc có lẽ anh ấy đã lên máy bay đi đâu đó mà không có cách nào liên lạc được với nàng trước khi đi. Có một lối giải thích đơn giản nào đó. Nếu nàng gọi điện thoại cho cảnh sát, rồi sau đó George Mellis bước vào nhà thì nàng sẽ cảm thấy lố bịch vô cùng.

Đến hai giờ sáng, nàng điện thoại cho cảnh sát. Không có trạm cảnh sát nào ở đảo Isleboro. Trạm cảnh sát gần nhất là ở quận Waldo.

Một giọng nói ngái ngủ trả lời, “Sở cảnh sát quận Waldo. Đây là trung sĩ Lambert”

“Đây là bà George Mellis ở ngôi nhà Cedar Hill”

“Vâng, thưa bà Mellis”. Giọng nói ấy tỉnh lại ngay lập tức. “Bà cần gì ạ?”

Alexandra ngập ngừng nói, “Thật ra, tôi cũng không biết chắc chắn phải nhờ ông chuyện gì. Nhà tôi lẽ ra trở về nhà gặp tôi vào bữa chiều, thế nhưng đến bây giờ anh ấy vẫn chưa về nhà”

“À ra thế”. Có rất nhiều ngụ ý trong câu nói ngắn ngủi ấy. Viên trung sĩ ấy biết ít nhất có ba lí do khiến một ông chồng vắng nhà vào lúc hai giờ sáng: các cô gái tóc hoe, tóc nâu và tóc đỏ.

Anh nói một cách lịch sự, “Có thể nào ông ấy bận việc ở nơi nào đó chăng?”

“Anh ấy... anh ấy thường gọi điện thoại về”.

“Chắc bà cũng hiểu rõ vì sao rồi chứ, thưa bà Mellis. Có khi người ta ở trong một hoàn cảnh không thể gọi điện thoại được. Chắc bà sẽ nghe tin ông ấy ngay thôi”

Quả thật nàng cảm thấy mình lố bịch. Dĩ nhiên cảnh sát không thể làm gì được trong trường hợp này. Nàng đã đọc thấy ở đâu đó rằng có người đã mất tích hai mươi bốn giờ rồi, lúc ấy cảnh sát mới bắt đầu tìm kiếm. Mellis không bị mất tích, anh ấy chỉ về trễ thôi.

“Chắc là ông nói đúng”. Alexandra nói trong máy. “Tôi xin lỗi

đã quấy rầy ông”

“Không có gì đâu, bà Mellis ạ. Tôi cuộc với bà rằng ông nhà sẽ trở về trên chuyến tàu phà lúc bảy giờ sáng mai”

Mellis không có mặt trên chuyến tàu phà lúc bảy giờ sáng và cả chuyến tàu kế tiếp đó. Alexandra lại điện thoại về ngôi nhà của nàng ở Manhattan. George Mellis cũng không có ở đó.

Alexandra bắt đầu có cảm giác rằng một tai hoạ nào đó đã xảy ra. Mellis đã gặp một tai nạn; anh ấy đang ở bệnh viện, ốm đau, hay chết. Giá như nàng không có chuyện lộn xộn với Eve ở phi trường thì đâu đến nỗi! Có lẽ Mellis đã trở về nhà, và khi không thấy có nàng ở đó, anh ấy đã bỏ đi. Nhưng còn có nhiều điều không được giải thích. Anh ấy có thể để lại một mảnh giấy. Cũng có thể anh đã bị bọn trộm cướp tấn công hay bắt cóc. Alexandra tìm tòi, lục lọi khắp các phòng, may ra tìm được một manh mối nào đó, nhưng tất cả đều nguyên vẹn. Nàng đi xuống bến tàu. Chiếc du thuyền Corsair vẫn còn bỏ neo ở đó, không có gì suy suyển.

Nàng điện thoại cho trạm cảnh sát ở Waldo một lần nữa. Trung uý Philip Ingram, một tay lão luyện trong lực lượng cảnh sát với hai mươi năm kinh nghiệm, đang trực vào buổi sáng ấy. Ông ta đã biết Mellis đã không trở về nhà suốt đêm. Vấn đề này đã trở thành một đề tài thảo luận ở trạm cảnh sát này suốt cả buổi sáng, phần lớn là những câu chuyện tục tĩu.

Lúc này ông trung uý nói với Alexandra. “Không có vết tích gì của ông ấy cả hay sao, thưa bà Mellis? Được rồi, tôi sẽ đích thân đến đó”. Ông biết rằng đây chỉ là một chuyện làm phí thì giờ. Anh chồng bà này có lẽ đã đi mò gái ở các ngõ ngách nào đó. Nhưng khi một người trong gia đình Blackwell đã gọi thì những kẻ thấp kém phải chạy đến ngay, ông suy nghĩ một cách gượng gạo. Dẫu sao, cô gái này cũng là con người dễ thương. Ông từng gặp cô ta ít lần qua nhiều năm nay.

“Tôi sẽ trở về trong khoảng một giờ”, ông nói với viên trung sĩ ngồi bàn giấy.

Trung uý Ingram lắng nghe câu chuyện của Alexandra; ông kiểm soát trong nhà, trên bến tàu, và đi đến kết luận rằng quả Alexandra đang gặp vấn đề rắc rối. Lẽ ra George Mellis phải gặp vợ vào buổi tối hôm trước ở Dark Harbor, nhưng anh ta không đến. Mặc dầu đó không phải là vấn đề của Ingram, ông biết rằng nếu ông giúp đỡ cho một người trong gia đình Blackwell thì cũng chẳng có hại gì. Ingram điện thoại cho phi trường trên đảo và cho trạm tàu phà ở Lincolnville. George Mellis đã không sử dụng các phương tiện này trong vòng hai mươi bốn giờ qua.

“Ông ấy không đến Dark Harbor”, viên trung uý nói với Alexandra. Như thế là thế nào? Tại sao anh chàng ấy đột nhiên biến mất? Theo lối suy nghĩ có cân nhắc của viên trung uý, không một người đàn ông nào biết suy nghĩ lại cố tình bỏ rơi một

người đàn bà như Alexandra.

"Chúng tôi sẽ lục soát các bệnh viện và nhà..." Ông vội ngưng bặt lại. "...và các nơi khác nữa, rồi sẽ ra thông cáo đi khắp mọi nơi để tìm ra ông ấy"

Alexandra cố nén các cảm xúc, nhưng viên trung uý có thể nhận ra rằng nàng đã cố hết sức để làm như vậy. "Cảm ơn trung uý, chắc ông cũng hiểu cho tôi sẽ chịu ơn ông lớn lao đến như thế nào về những gì ông có thể làm hộ cho tôi"

"Đó là nhiệm vụ của tôi", trung uý Ingram nói.

Khi trung uý Ingram trở về trạm, ông bắt đầu gọi điện thoại đến các bệnh viện và nhà xác. Không có tin tức gì. Không có báo cáo tai nạn nào về George Mellis. Công việc kế tiếp của Ingram là điện thoại cho một người bạn làm phóng viên cho tờ Main Courier. Sau đó, ông ra một bản thông cáo gửi đi khắp nơi về vụ mất tích.

Các tờ báo buổi trưa hôm ấy đăng tin này bằng hàng tít lớn :

CHỒNG BÀ THỪA KẾ BLACKWELL BỊ MẤT TÍCH.

Peter Templeton thoạt tiên nghe tin này qua viên thám tử Nick Pappas.

"Peter, chắc anh còn nhớ cách đây ít lâu anh có nhờ tôi điều tra về George Mellis chứ?"

"Phải..."

"Hắn ta vừa diễn trò mất tích"

“Hắn sao?”

“ Hắn biến mất, bỏ trốn hay chết rồi”. Anh chờ một lúc cho Peter kịp “tiêu hoá” tin này.

“Hắn có đem theo cái gì không? Tiền bạc, quần áo, giấy thông hành?”

“Không. Theo báo cáo nhận được từ Maine, Mellis chợt tan đi trong không khí. Anh là bác sĩ của hắn, chắc anh cũng có thể biết phần nào tại sao hắn ta lại làm một chuyện như vậy?”

Peter nói thành thật. “Chính tôi cũng chẳng thể hiểu vì sao, Nick ạ”

“Nếu anh có ý kiến gì, cho tôi biết nhé. Chuyện này rồi sẽ sôi nổi lắm đây”

“Phải”, Peter hứa. “Tôi sẽ cho anh biết”

Ba mươi phút sau, Alexandra gọi điện thoại cho Peter Templeton. Anh nhận ra được tiếng the thé hoảng hốt của nàng qua điện thoại. “George bị mất tích rồi. Không ai biết chuyện gì đã xảy ra với anh ấy. Tôi hi vọng anh Mellis có thể đã nói với ông điều gì đó có thể giúp tìm ra manh mối...” Nàng ngưng bặt lại.

“Tôi rất tiếc, bà Mellis ạ. Anh ấy không nói gì. Tôi không hiểu chuyện gì đã xảy ra.”

“Trời!”

Peter muốn tìm lời lẽ nào đó để an ủi nàng. “Nếu tôi nghĩ ra

được điều gì, tôi sẽ gọi lại cho bà. Tôi có thể tiếp xúc với bà ở đâu?"

"Ở Dark Harbor. Nhưng tôi sẽ trở về New York tối nay. Tôi sẽ ở nhà bà nội tôi"

Alexandra không chịu đựng được cảm giác cô đơn vào lúc này. Nàng đã gọi điện thoại nhiều lần cho bà Kate sáng hôm ấy. Bà Kate ngỏ lời khuyên nhủ, "Không hề gì đâu, cháu ạ. Anh ấy có lẽ đi lo công việc nào đó, không kịp báo cho cháu biết thôi"

Cả hai bà cháu đều thật sự không tin có chuyện ấy.

Eve trông thấy chuyện George Mellis mất tích trên truyền hình. Có những bức ảnh về bên ngoài toà nhà Cedar Hill, về George Mellis và Alexandra sau ngày cưới. Có cả ảnh Mellis chụp gần cho thấy y đang nhìn lên, đôi mắt mở rộng. Nó nhắc nhở cho Eve vẻ ngạc nhiên trên mặt Mellis ngay trước khi y chết.

Người bình luận trên truyền hình nói, "Người ta không có bằng chứng rằng đây là một trò xấu xa, và cũng không có chuyện đòi tiền chuộc. Cảnh sát dự đoán rằng George Mellis có thể là nạn nhân của một tai nạn nào đó, và cũng có thể ông ta bị mất trí nhớ". Eve mỉm cười thoả mãn.

Người ta sẽ chẳng bao giờ tìm được xác hắn cả. Nó đã bị thuỷ triều cuốn đi xa rồi. Tội nghiệp cho George. Hắn đã làm theo đúng kế hoạch của nàng. Nhưng chính nàng đã thay đổi kế hoạch ấy. Nàng đã bay đi Maine, thuê một chiếc xuồng máy ở

Philbrook Cove, giữ nó lại đó "cho một người bạn". Tiếp đó, nàng thuê một chiếc xuồng thứ hai từ một bến đậu gần đó, rồi đưa nó đến Dark Harbor. Nàng ở lại đó chờ George Mellis. Y hoàn toàn không ngờ chút gì. Chính nàng đã cẩn thận lau sạch boong cửa chiếc du thuyền trước khi đem chiếc du thuyền này trở lại bến đậu. Sau đó là công việc đơn giản: kéo chiếc xuồng máy thuê của George trở lại cầu tàu, trở về chiếc xuồng của nàng, rồi bay ngay về New York để chờ cú điện thoại của Alexandra mà nàng chắc chắn thế nào cũng phải đến.
Thật là một vụ giết người toàn hảo. Cảnh sát sẽ liệt nó vào loại mất tích bí mật.
Người phát ngôn trên truyền hình nói."Về các tin tức khác...".
Eve tắt máy truyền hình.
Nàng không muốn đến trễ trong cuộc hẹn hò sắp tới Rory McKenna.

Vào lúc sáu giờ sáng hôm sau, một chiếc thuyền đánh cá tìm thấy xác của Mellis mắc vào đê chắn sóng ở vịnh Penobscob. Các bản tin sớm nhất gọi đây là một vụ chết đuối và là một cái chết ngẫu nhiên, nhưng khi nhiều tin tức đổ dồn đến thì luận điệu bắt đầu thay đổi. Từ sở khám nghiệm tử thi có những tin tức đưa đến cho biết rằng những vết thương mà đầu tiên người ta ngỡ là do cá mập đớp thật ra là do những nhát dao đâm. Các số báo về

buổi chiều hét to lên: NGHI NGỜ CÓ VỤ ÁM SÁT TRONG CÁI CHẾT BÍ MẬT CỦA GEORGE MELLIS - NHÀ TRIỆU PHÚ BỊ ĐÂM CHẾT.

Trung uý Ingram nghiên cứu bản đồ thuỷ triều vào đêm trước. Làm xong việc này, ông ngả lưng trên ghế, vẻ bối rối hiện rõ trên nét mặt. Xác George Mellis có lẽ đã bị cuốn ra ngoài bể khơi nếu nó không bị mắc vào đê chắn sóng. Điều khiến cho viên trung uý bối rối là xác chết ấy chắc chắn đã bị nước thuỷ triều cuốn đi từ hướng Dark Harbor. Nhưng Mellis, theo như người ta biết, đã không đến đó.

Thám tử Nick Pappas bay đến Maine để nói chuyện với trung uý Ingram.

"Tôi nghĩ rằng sở của tôi có thể giúp anh trong vụ này", Nick nói. "Chúng tôi có một số tin tức khá thú vị về lí lịch của George Mellis. Tôi biết rằng việc này không thuộc thẩm quyền của chúng tôi, nhưng nếu anh cần có sự hợp tác của chúng tôi, chúng tôi rất sẵn lòng, trung uý ạ".

Trong hai mươi năm làm việc với Sở cảnh sát quận Waldo, trung uý Ingram chỉ chứng kiến một vụ duy nhất thực sự sôi nổi là một du khách say rượu bắn rơi một cái đầu nai sừng ra khỏi bức tường trong một tiệm đồ cổ. Bây giờ vụ ám sát George Mellis được đăng trên trang đầu của báo chí: ông Ingram nghĩ rằng đây là một cơ hội để tạo tên tuổi cho ông. Với chút ít may mắn, nó có

thể dẫn đến cho ông một việc làm giống như một thám tử trong sở cảnh sát của thành phố New York. Vì vậy, vào lúc này, ông nhìn Nick Pappas và nói lẩm bẩm. "Tôi chưa biết"
Như đã đọc được ý nghĩ của Ingram, Nick Pappas nói, "Chúng tôi không hề nghĩ đến công trạng nào trong việc này cả. Trong vụ này rồi đây sẽ có nhiều áp lực cho nên chúng ta cần phải giải quyết nó xong cho nhanh. Tôi có thể bắt đầu bằng cách cung cấp cho anh về lí lịch của George Mellis".
Ingram nghĩ rằng ông không có gì mất mát cả nên ông nói, "Thôi được, tôi đồng ý."

Alexandra nằm trên giường, sau khi uống khá nhiều thuốc ngủ. Trí óc nàng khăng khăng không chịu chấp nhận sự kiện rằng George đã bị ám sát. Làm sao có thể như vậy được? Không có lí do nào để cho người ra giết anh ấy cả. Cảnh sát đã nói đến vết thương do dao đâm nhưng họ đã lầm. Đó chỉ là do một tai nạn tình cờ nào đó. Không ai lại muốn giết anh ấy cả... Không ai muốn giết anh ấy... Chất thuốc phiện do bác sĩ Harley cho nàng uống bắt đầu có tác dụng. Nàng ngủ thiếp đi.
Eve choáng váng khi nghe tin người ta đã tìm ra xác Mellis. Nhưng có lẽ, đó là điều may, Eve nghĩ thầm. Alexandra sẽ là kẻ bị tình nghi. Nó có mặt ở trên đảo vào lúc ấy.
Bà Kate ngồi bên cạnh Eve trên đi văng trong phòng khách. Tin

tức vừa qua đã khiến cho bà sửng sốt.
“Tại sao lại có kẻ nào đó muốn giết George kia chứ?” Bà hỏi.
Eve thở dài. “Cháu không biết, bà ạ. Thực sự cháu không hiểu. Tim cháu như vỡ ra vì thương hại Alexandra quá chừng”

Trung uý Ingram thẩm vấn nhân viên trông coi tàu phà Lincoln – Isleboro. “Anh có chắc không thấy cả vợ lẫn chồng Mellis trên chuyến tàu phà ngày thứ sáu chứ?”
“Họ không đi trên chuyến phà vào lúc ca tôi phụ trách. Tôi cũng đã dò hỏi nhân viên phụ trách vào buổi sáng hôm ấy, anh ta cũng không thấy họ. Có lẽ họ đi đến đó bằng máy bay”.
“Thêm một câu hỏi nữa, Lew, có người lạ mặt nào đi phà vào ngày thứ sáu không?”
“Mẹ kiếp, anh cũng biết rằng không có người lạ mặt nào đi đến đảo ấy vào thời gian này trong năm. Có một số du khách vào mùa hè – nhưng vào tháng mười một ấy à? Có chó nó đi!”
Trung uý Ingram lại đi đến gặp viên quản đốc phi trường Isleboro. Anh ta nói, “Chắc chắn George Mellis không đến đây bằng máy bay vào tối hôm ấy. Có lẽ ông ta đến đảo bằng tàu phà”.
“Lew nói rằng anh ấy không thấy Mellis”
“Thế thì hẳn ông ta bơi qua vịnh. Có thể như thế được hay sao?”
“Thế còn bà Mellis?”

“Có, bà ấy đến đây bằng chiếc máy bay Beechcraft vào lúc mười giờ. Thằng con trai tôi, Charley, đã lái xe cho bà ta từ phi trường đến ngôi nhà Cedar Hill”.

“Tâm trạng của bà Mellis lúc ấy có vẻ như thế nào?”

“Anh hỏi thật là buồn cười. Bà ấy có vẻ sốt ruột như ngồi trên lửa bỏng vậy. Ngay cả thằng con tôi cũng nhận thấy điều ấy. Thường ngày, bà ấy điềm đạm, ăn nói lúc nào cũng vui vẻ với mọi người. Nhưng tối hôm ấy, bà ta có vẻ hấp tấp lắm”.

“Thêm một câu hỏi nữa. Có người lạ mặt nào đến đây bằng máy bay vào trưa hôm ấy không? Vào buổi tối? Có mặt nào quen thuộc không?”

Anh ta lắc đầu. “Không. Toàn là người quen biết cả.”

Một giờ sau, Ingram điện thoại cho Nick “Những tin tức mà tôi thu thập được đến giờ đều rối mù. Tối thứ sáu, bà Mellis đến Isleboro bằng máy bay riêng vào lúc mười giờ, nhưng không có chồng bà ta theo. Chồng bà ta cũng không đi đến đó bằng máy bay hay bằng tàu phà. Thật sự, không có dấu vết nào chứng tỏ ông ấy có mặt trên đảo vào tối hôm ấy”

“Ngoại trừ nước thuỷ triều”

“Phải”

“Kẻ nào giết Mellis có lẽ sẽ ném y xuống bể từ một chiếc thuyền, nghĩ rằng thuỷ triều sẽ cuốn xác y ra bể. Anh có kiểm soát chiếc Corsair chưa?”

“Tôi đã xem khắp nơi. Không có vết máu cũng chẳng có dấu hiệu nào chứng tỏ có xảy ra bạo lực”.
“Tôi muốn đem một chuyên viên toà án đến đó xem. Anh có thấy trở ngại gì không?”
“Không, chừng nào anh vẫn có nhớ điều thoả thuận của chúng ta.”
“Tôi vẫn nhớ. Gặp anh vào ngày mai.”
Nick Pappas và một toán chuyên viên đến vào sáng hôm sau. Trung uý Ingram dẫn họ đi đến bến tàu của nhà Blackwell, nơi có chiếc du thuyền Corsair đang đậu. Hai giờ sau, các chuyên viên nói, “Có vẻ như chúng ta đã vớ được món bở rồi, Nick ạ. Có một số vết máu ở bên dưới tấm rào chắn gió”.
Trưa hôm ấy, các phòng thí nghiệm của cảnh sát xác nhận rằng các vết máu ấy phù hợp với loại máu của George Mellis.
Khu vực cảnh sát “tất lụa” của vùng Manhattan vào lúc này bận rộn hơn bao giờ hết. Một loạt những vụ ma tuý, rượu chè xảy ra suốt đêm đã làm các lồng giam người đầy ắp và và các phòng giam cũng đông nghẹt bọn gái điếm, bọn say rượu và những kẻ xâm phạm tiết hạnh. Tiếng ồn ào và mùi hôi thối tranh nhau lôi cuốn sự chú ý của Peter Templeton trong khi anh được dẫn đến văn phòng của Nick Pappas giữa tiếng động đinh tai nhức óc.
“Chào, Peter. Rất mừng anh ghé thăm tôi”.
Trước đó, Pappas đã nói với anh bằng điện thoại, “Anh cứ giấu

tôi mãi, anh bạn ạ. Hãy đến văn phòng tôi vào lúc sáu giờ, nêu không tôi cho toán truy nã lôi cổ anh đến đấy".

Khi toán người hướng dẫn rời khỏi văn phòng, Peter hỏi, "Câu chuyện này là thế nào, hở Nick? Có điều gì làm anh bực mình vậy?"

"Để tôi nói cho anh biết cái gì làm tôi bực mình. Ấy là có đứa nó còn khôn ngoan hơn mình nữa. Anh có biết chúng tôi gặp chuyện gì không? Một anh chàng mất tích trên một hòn đảo mà anh ta chưa hề đặt chân đến".

"Chuyện ấy thì vô lí thực".

"Anh nói cho tôi nghe thử. Tên điều khiển chiếc tàu phà và anh chàng trông coi phi trường đều thề thốt rằng họ không thấy George Mellis vào đêm hắn mất tích. Cách duy nhất hắn có thể đi đến Dark Harbor là bằng xuồng máy. Chúng tôi hỏi tất cả những người lái xuồng máy trong vùng. Không ai thấy gì cả"

"Có lẽ hắn không ở Dark Harbor tối hôm ấy".

"Phòng thí nghiệm của toà án lại nói khác. Họ tìm thấy bằng chứng rằng Mellis đã có mặt ở trong ngôi nhà đó. Hắn thay bộ quần áo làm việc bằng bộ quần áo đi thuyền và người ta tìm thấy xác hắn trong bộ quần áo này"

"Hắn bị giết ở trong nhà hay sao?"

"Trên chiếc du thuyền của nhà Blackwell. Xác hắn bị vứt ra khỏi thuyền. Kẻ nào giết hắn có lẽ nghĩ rằng dòng nước sẽ cuốn xác

hắn đến tận nước Tàu”

“Làm sao mà...”

Nick Pappas giơ bàn tay rắn chắc của anh lên. “Đến lượt tôi nói. Mellis là bệnh nhân của anh. Chắc hẳn hắn có nói với anh về vợ hắn.”

“Bà ấy có dính líu gì đến chuyện này?”

“Đến mọi chuyện. Bà ấy là lựa chọn thứ nhất, thứ hai và thứ ba của tôi”

“Anh điên rồi”

“Này, một bác sĩ tâm thần như anh không bao giờ sử dụng những tiếng như là “điên”“

“Nick này, có lí do nào khiến anh nghĩ rằng Alexandra giết chồng bà ta?”

“Bà ấy đã có mặt ở đó, và đã có một ý định nào đó. Bà ta đến hòn đảo vào lúc tối mịt đêm ấy với lí do là đã bị trì hoãn vì đón chị bà ấy ở một phi trường nhưng bà chị lại đến ở một phi trường khác”

“Thế chị bà ấy nói thế nào?”

“Khoan đã. Anh còn muốn bà ấy nói cái khỉ khô gì nữa? Họ là chị em sinh đôi. Chúng ta biết Mellis có mặt ở ngôi nhà ấy tối hôm ấy, nhưng vợ hắn lại thề thốt rằng bà ta không thấy mặt hắn. Nhà ấy lớn thật nhưng không quá lớn đến như vậy. Tiếp đó nữa, bà ta cho bọn gia nhân nghỉ làm việc vào ngày cuối tuần ấy. Tôi

có hỏi bà ta lí do thì bà ấy bảo rằng đó là ý muốn của Mellis. Dĩ nhiên, George Mellis làm sao cãi lại được?"

Peter ngồi yên một chỗ, suy nghĩ. "Anh nói rằng bà ấy có ý định. Vậy ý định ấy như thế nào?"

"Anh có trí nhớ ngắn quá. Anh là người đầu tiên bảo tôi điều tra anh chàng ấy. Người đàn bà ấy lấy một thằng loạn trí thích bạo dâm bất cứ kẻ nào hắn tóm được. Có lẽ hắn đã đánh bà ta khá nhiều. Ta cứ cho rằng bà ta không còn muốn chơi với hắn nữa và đã đòi li dị. Hắn ta không chịu. Việc gì mà hắn phải chịu, chính hắn đã gây ra chuyện đó mà. Bà ấy không dám đưa hắn ra toà, vì như thế sẽ gây quá nhiều tai tiếng. Không còn cách nào khác nữa, bà ta phải giết hắn". Anh ngả người vào lưng ghế.

"Vậy thì anh muốn tôi giúp anh việc gì?", Peter hỏi.

"Tin tức. Anh đã ăn cơm trưa với vợ Mellis cách đây mười ngày". Nick ấn nút trên máy ghi âm, "Chúng ta hãy ghi âm cuộc nói chuyện này, Peter ạ. Anh hãy nói cho tôi nghe về bữa ăn trưa hôm ấy. Thái độ Alexandra lúc ấy thế nào? Có vẻ căng thẳng không? Có giận dữ, sôi nổi cuồng nhiệt không?"

"Nick ạ, tôi chưa hề thấy một người đàn bà có chồng nào mà lại có thái độ cử chỉ thoải mái, hạnh phúc đến như vậy"

Nick Pappas nhìn anh giận dữ, tắt máy ghi âm đánh cộp một tiếng.

"Đừng có xử tệ với tôi như vậy anh bạn ạ. Tôi đã gặp bác sĩ

Harley sáng nay. Ông ấy đã cho Alexandra dùng thuốc để ngăn ngừa bà ấy tự tử!"

Bác sĩ Harley đã tỏ ra rất lo lắng vì cuộc nói chuyện với trung uý Pappas. Viên thám tử này đã đi thẳng đến điểm chính yếu.
"Gần đây ông có khám bệnh cho bà Mellis không?"
"Tôi xin lỗi", Bác sĩ Harley nói."Tôi không có quyền nói về các bệnh nhân của tôi. Tôi e rằng không thể giúp ông được"
"Được rồi. Tôi hiểu điều đó. Ông và họ là bạn cũ vơi nhau mà. Ông muốn giữ kín miệng về toàn thể câu chuyện. Đối với tôi thì như thế cũng được". Nick đứng dậy. "Đây là một trường hợp giết người. Tôi sẽ trở lại trong vòng một giờ với một giấy phép để xem xét các sổ khám bệnh của ông. Nếu tôi tìm ra được những gì tôi muốn biết, tôi sẽ cung cấp tin ấy cho báo chí"
Bác sĩ Harley nhìn Nick Pappas như dò xét.
"Chúng ta có thể xử sự theo cách ấy, hay là ông nói cho tôi biết ngay bây giờ những gì tôi muốn biết, rồi tôi sẽ cố gắng giữ kín đến tối đa. Đồng ý chứ?"
"Ông ngồi xuống đi", Harley nói, Nick ngồi xuống. "Gần đây, Alexandra có một số vấn đề liên quan đến xúc cảm"
"Vấn đề gì?"
"Bà ấy bị suy sụp tin thần trầm trọng, và có nói đến chuyện tự vẫn"

“Bà ấy có nói gì đến việc sử dụng một con dao không?”
“Không bà ấy thường hay có những giấc mơ thấy mình bị chết đuối. Tôi cho bà ấy dùng thuốc Wellbutrin. Sau đó bà ấy trở lại, nói với tôi rằng bà ấy chưa đỡ, rồi tôi cho bà ấy dùng Monifensine – tôi không biết thuốc này có công hiệu hay không”
Nick Pappas ngồi tại chỗ, cố sắp đặt các chi tiết lại với nhau trong đầu óc. Cuối cùng, anh ngẩng đầu lên hỏi. “Còn gì nữa không?”
“Chỉ có thế thôi, trung uý ạ”
Nhưng thật ra còn nhiều hơn thế nữa. Lương tâm của bác sĩ Harley đang dày vò ông. Ông đã cố ý không nhắc đến vụ đối xử tàn bạo của George Mellis đối với Eve Blackwell. Một phần lo lắng của ông là về chuyện ông đã không báo cáo chuyện ấy cho cảnh sát khi việc ấy xảy ra, nhưng phần lớn là vì ông muốn bảo vệ cho gia đình Blackwell. Ông không có cách nào biết được rằng có mối liên hệ nào hay không giữa vụ tấn công Eve và cái chết của George Mellis, nhưng bản năng bảo cho ông biết rằng tốt hơn hết là không nên nêu vấn đề ấy ra. Ông dự định làm tất cả những gì có thể được để bảo vệ cho bà Kate Blackwell.
Mười lăm phút sau khi ông đưa ra quyết định, người nữ y tá của ông nói, “Bác sĩ Keith Webster gọi ông ở đường dây số hai, bác sĩ ạ”
Sự việc diễn ra như thể chính lương tâm ông đang thúc đẩy ông.

Webster nói, "Ông John này, tôi muốn ghé thăm ông vào xế chiều hôm nay. Ông có rảnh không?"

"Tôi cố thu xếp. Mấy giờ?"

"Năm giờ được không?"

"Được, Keith ạ. Tôi sẽ gặp anh vào lúc ấy"

Thế là sự việc không thể gác sang một bên một cách dễ dàng. Đến năm giờ, Harley mời Webster vào văn phòng.

"Anh muốn dùng thức uống gì?"

"Cảm ơn ông. Tôi không uống. Tôi xin lỗi vì đã quấy rầy ông như thế này"

John Harley nhận ra rằng cứ mỗi lần gặp Keith Webster thì anh này lại đưa ra lời xin lỗi về một chuyện gì đó. Webster là một anh chàng bé nhỏ, hiền lành, không hề làm mất lòng ai, và chỉ thích làm vui lòng mọi người – giống như con chó con chờ đợi người ta vỗ lên đầu. Thật khó tưởng tượng được bên trong một con người nhợt nhạt, không màu sắc ấy lại ẩn nấp một tài năng thật xuất sắc.

"Anh cần tôi có chuyện gì vậy, Keith?"

Keith Webster thở một cái thật sâu. "Về câu chuyện – như ông biết rồi đấy – chuyện George Mellis đánh đập cô Eve Blackwell ấy?"

"Có chuyện gì liên quan đến việc ấy?"

"Ông cũng biết rằng cô Eve suýt chết"

“Phải”

“Thế nhưng vấn đề ấy không được cảnh báo cho cảnh sát. Do những sự việc vừa xảy ra – vụ ám sát George Mellis và tất cả mọi thứ – tôi tự hỏi rằng không biết mình có nên nói với cảnh sát về chuyện ấy hay không.”

Sự thể là như vậy. Không còn cách nào thoát ra khỏi vấn đề rắc rối ấy nữa.

“Anh nên làm bất cứ thứ gì mà anh cho là tốt nhất, Keith ạ.”

Keith Webster nói một cách buồn bã. “Tôi biết. Chỉ có điều là tôi không muốn làm điều gì có hại cho Eve Blackwell. Nàng là một con người rất đặc biệt.”

Bác sĩ Harley nhìn Webster một cách thận trọng. “Đúng vậy”

Keith Webster thở dài. “Điều băn khoăn duy nhất, bác sĩ John ạ, là nếu tôi giữ kín câu chuyện này bây giờ, rồi sau này cảnh sát phát hiện ra thì không còn mặt mũi nhìn ai nữa”

Điều đó tai hại cho cả hai chúng ta, John Harley nghĩ thầm. Ông thấy có một lối giải quyết. Ông nói, làm ra vẻ tình cờ. “Không chắc cảnh sát sẽ tìm ra được. Eve tất nhiên không bao giờ nhắc chuyện ấy, và anh đã chữa trị cho cô ấy một cách toàn hảo. Ngoài một cái sẹo nhỏ, không ai biết cô ấy đã bị làm xấu xí mặt mày”.

Keith Webster chớp mắt một cái, “Vết sẹo nào?”

“Vết sẹo màu đỏ trên trán ấy. Cô ấy bảo tôi anh sẽ làm cho mất

vết sẹo ấy đi trong vòng một vài tháng”
Bác sĩ Webster bây giờ chớp mắt lia lịa. Đó là một cái tật máy giật, Harley thầm nghĩ.
“Tôi không... thế ông gặp cô Eve lúc nào?”
“Cô ấy đến đây cách đây mười ngày để nói về một vấn đề liên quan đến em cô ấy. Thật ra, cái sẹo ấy là thứ duy nhất giúp tôi nhận ra rằng đó là Eve, chứ không phải Alexandra. Hai người ấy giống nhau như hệt, anh biết không?”
Keith Webster gật đầu chậm rãi. “Phải tôi đã thấy ảnh cô em của Eve trên báo. Họ giống nhau đến kì lạ. Và ông nói rằng ông chỉ có thể phân biệt được họ là nhờ ở cái sẹo trên trán cô Eve do cuộc mổ xẻ tôi đã thực hiện?”
“Đúng như vậy”
Bác sĩ Webster ngồi im lặng, cắn môi suy nghĩ. Cuối cùng anh nói. “Có lẽ tôi chưa nên đi vội đến sở cảnh sát. Tôi muốn suy nghĩ về vấn đề này thêm chút nữa”.
“Thành thực mà nói, anh làm như thế là khôn ngoan, Keith ạ. Hai cô gái ấy đều trẻ đẹp và dễ thương cả. Báo chí gợi ý xa xôi rằng cảnh sát nghi rằng chính Alexandra đã giết George Mellis. Thật vô lí. Tôi nhớ lại khi chúng còn là hai đứa bé gái...”
Nhưng bác sĩ Webster không còn nghe gì nữa.

Rời khỏi văn phòng bác sĩ Harley, Keith Webster chìm đắm

trong suy nghĩ. Chắc chắn anh đã không để lại một vết sẹo nào trên khuôn mặt xinh đẹp của Eve. Thế nhưng Harley đã thấy có vết sẹo ấy. Có thể rằng Eve đã bị thêm một vết sẹo sau đó do một tai nạn nào khác. Nhưng tại sao cô ấy phải nói dối? Thật là vô lí. Anh xét vấn đề này từ nhiều khía cạnh, lược qua tất cả mọi khả năng khác nhau, rồi khi đã đi đến một kết luận, anh thầm nghĩ, "Nếu mình nghĩ đúng thì điều này sẽ thay đổi toàn thể cuộc sống của mình..."

Vào lúc sáng sớm tiếp theo đó, anh gọi điện thoại cho bác sĩ Harley. "Ông John ạ, tôi xin lỗi đã quấy rầy ông. Có phải ông nói rằng Eve Blackwell đến nói chuyện với ông về Alexandra không?"

"Đúng vậy".

"Sau khi Eve đến thăm ông. Alexandra có đến gặp ông không?"

"Có, thật ra cô ấy đến gặp tôi ngay ngày hôm sau. Tại sao anh hỏi vậy?"

"Chỉ vì tò mò thôi. Ông có thể cho biết Alexandra đến gặp ông về chuyện gì không?"

"Cô ấy bị suy sụp tinh thần trầm trọng. Eve cố tìm cách giúp đỡ em gái"

Eve đã bị đánh đập và suýt bị chồng Alexandra giết. Ấy thế mà bây giờ người chồng ấy bị giết thì Alexandra lại bị buộc tội. Keith Webster luôn luôn tự cho rằng mình không phải là người

xuất sắc cho lắm. Ở trường học anh đã phải cố gắng hết sức để chỉ đạt được điểm vừa đủ đỗ thôi. Anh là cái đích thường trực để bạn bè chòng ghẹo, đùa giỡn. Anh không phải là một vận động viên thể thao, một học giả, và cũng không có khả năng tiếp xúc xã hội. Anh gần như một con số không. Trong gia đình anh không ai có thể ngờ rằng anh lại có thể vào được trường y khoa. Khi anh có ý muốn trở thành nhà phẫu thuật, các bạn bè. thầy giáo đều không mong đợi anh sẽ trở thành một phẫu thuật gia vĩ đại. Nhưng anh đã làm cho tất cả mọi người phải ngạc nhiên. Anh trở thành một nhà nặn tượng tuyệt vời đã tạo nên những phép lạ với da thịt con người chứ không phải với đất sét, và chỉ trong một thời gian ngắn, tiếng tăm của anh lan rộng. Thế nhưng mặc dầu thành công như vậy, anh không thể nào vượt qua được sự chấn thương của thời tuổi trẻ. Bên trong, anh vẫn là một cậu bé con gây buồn chán cho mọi người, và là đối tượng cho các cô gái chế giễu, trêu chọc...

Cuối cùng anh gọi điện thoại đến Eve, hai bàn tay anh ướt đẫm mồ hôi. Nàng trả lời qua đường dây, "Rorry đó hả?" Giọng nàng thấp và sôi nổi.

"Không, đây là Keith Webster"

"À, chào anh"

Anh nghe nàng thay đổi giọng nói. "Cô có được khoẻ không?"

"Khoẻ"

Anh thấy nàng có vẻ như sốt ruột. “Tôi.. tôi muốn gặp cô”
“Tôi không muốn gặp ai cả. Nếu anh đọc báo chắc anh cũng rõ rằng người em rể tôi vừa bị giết. Tôi đang hết sức buồn phiền.”
Anh chùi tay trên quần. “Chính tôi đang muốn gặp cô về chuyện ấy, cô Eve ạ. Tôi có một số tin tức cô cần phải biết.”
“Tin gì?”
“Tôi không muốn nói trên điện thoại “. Anh có thể tưởng tượng trí óc lúc này của Eve đang hoạt động.
“Được rồi, Vậy khi nào gặp?”
“Ngay bây giờ, nếu tiện”
Khi anh đến căn hộ của Eve ba mươi phút sau đó, Eve ra mở cửa và nói.” Tôi đang bận lắm. Anh muốn gặp tôi về chuyện gì?”
“Về cái này,” Webster nói như để xin lỗi. Anh mở một phong bì bằng giấy dày đang cầm ở tay, lấy ra một tấm ảnh, rụt rè đưa cho Eve. Đó là một tấm ảnh của nàng.
Nàng nhìn tấm ảnh, tỏ vẻ ngạc nhiên. “Vậy có chuyện gì?”
“Đó là một bức ảnh của cô.”
“Biết rồi,” nàng cộc lốc, “Vậy thì sao?”
“Ảnh này chụp lúc cô vừa được mổ xong.”
“Có gì lạ đâu?”
“Không có vết sẹo nào trên trán cô cả, cô Eve ạ”
Anh nhận ra sự thay đổi trên nét mặt Eve.
“Anh ngồi xuống đi.”

Anh ngồi xuống đối diện với nàng, trên mép chiếc đi văng, nhưng vẫn nhìn nàng không rời mắt. Anh đã nhìn thấy nhiều đàn bà xinh đẹp trong lúc hành nghề, nhưng Eve Blackwell đã làm anh hoàn toàn mê mẩn tâm thần. Anh chưa hề bao giờ thấy ai giống như nàng.

"Tôi nghĩ cô nên nói rõ cho tôi biết tất cả chuyện này"

Anh khởi sự ngay từ lúc đầu. Anh nói với nàng về cuộc viếng thăm bác sĩ John Harley, và về vết sẹo bí mật. Trong khi nói, Webster vẫn nhìn vào đôi mắt nàng. Đôi mắt ấy có vẻ như không có tinh thần.

Khi Webster nói xong. Eve tiếp lời, "Tôi không biết anh đang nghĩ gì, nhưng dù thế nào chăng nữa, anh đã làm tôi mất quá nhiều thời giờ. Còn về cái sẹo ấy, tôi đùa giỡn chút xíu với cô em gái tôi mà thôi. Chỉ đơn giản có như vậy. Bây giờ nếu anh nói xong rồi. Tôi còn phải làm nhiều chuyện khác nữa."

Webster vẫn ngồi yên tại chỗ, "Tôi xin lỗi đã quấy rầy cô. Tôi nghĩ tôi cần phải nói chuyện với cô trước khi đi đến sở cảnh sát"

Đến đây thì anh nhận thấy đã thu hút hoàn toàn sự chú ý của Eve.

"Trời ơi, anh định đến sở cảnh sát làm gì?"

"Tôi bắt buộc phải báo cáo về vụ George Mellis đã bạo hành đối với cô trước đây. Rồi đến chuyện cô và vết sẹo trên trán. Tôi chưa hiểu về chuyên này, nhưng chắc chắn cô có thể giải thích rõ

cho họ”

Eve lần đầu tiên cảm thấy sợ hãi, như có một vết dao đâm vào lưng. Cái anh chàng bé nhỏ buồn tẻ đần độn đang đứng trước mặt nàng không biết câu chuyện đã thực sự xảy ra như thế nào, nhưng anh ta cũng biết khá nhiều để khiến cảnh sát phải đặt ra câu hỏi.

George Mellis là người khách thường xuyên đến căn hộ này của nàng. Cảnh sát có thể tìm ra những nhân chứng đã từng thấy anh ta tại đây. Nàng đã nói dối về chuyện nàng ở Washington vào đêm xảy ra vụ Mellis bị giết. Nàng không có bằng chứng nào chứng tỏ nàng vắng mặt. Nàng đã tưởng rằng không cần có bằng chứng ấy. Nếu cảnh sát biết rằng George Mellis đã suýt giết nàng, họ sẽ nghĩ rằng đó là lí do gây nên vụ án mạng. Toàn thể kế hoạch của nàng của nàng sẽ bị phanh phui. Nàng cần buộc anh chàng này phải im tiếng.

“Vậy thì anh muốn gì? Tiền?”

“Không!”

Nàng thấy vẻ tức giận hiện ra trên mặt Webster. “Vậy thì cái gì?”

Webster nhìn xuống tấm thảm, mặt đỏ lên vì bối rối. “Tôi... tôi rất mến cô, Eve ạ. Tôi không muốn thấy bắt cứ chuyện gì xảy ra với cô.”

Nàng cố nở nụ cười. “Không có chuyện gì tai hại xảy ra cho tôi

đâu. Tôi không làm điều gì sai lầm cả. Hãy tin tôi đi. Tất cả chuyện này không có liên quan gì đến vụ ám sát George Mellis cả". Nàng đưa tay ra, cầm lấy tay Webster, "Tôi rất cảm ơn anh nếu anh vui lòng quên tất cả chuyện này đi, Được chứ?"

Anh chụp lấy tay nàng, bóp thật chặt. "Tôi cũng muốn như vậy, cô Eve ạ. Tôi thành thực muốn vậy. Nhưng họ sẽ bắt đầu cuộc điều tra ấy và phải nói tất cả những gì tôi biết".

Webster thấy rõ vẻ hoảng sợ trong cặp mắt nàng.

"Anh không cần phải làm việc ấy!"

Webster vỗ nhẹ trên tay nàng. "Tôi phải làm, cô Eve ạ. Đó là nhiệm vụ đã được tuyên thệ của tôi. Chỉ có một điều duy nhất có thể ngăn cản tôi làm việc ấy." Anh thấy nàng như chực nhảy lên để đớp các lời nói của anh.

"Điều gì vậy?"

Giọng anh trở nên rất dịu dàng. "Một người chồng không thể bị bó buộc phải làm nhân chứng cho vợ mình."

Sidney Sheldon

Tay cự phách

Lương Thị Thận dịch

Chương 35

Lễ cưới được cử hành hai ngày trước khi có cuộc điều tra án mạng. Eve và Webster cưới nhau trước sự hiện diện của một viên thẩm phán trong phòng làm việc của ông ta. Chỉ riêng ý tưởng làm vợ Keith Webster cũng đủ làm cho Eve nổi da gà, nhưng nàng không có lựa chọn nào khác nữa. Chỉ có kẻ nào điên rồ mới nghĩ rằng mình sẽ lấy anh ta vĩnh viễn, nàng nghĩ thầm. Sau khi cuộc điều tra chấm dứt, nàng sẽ xin vô hiệu hoá cuộc hôn nhân này, thế là xong chuyện.

Thám tử Nick Pappas đang có một vấn đề. Anh tin chắc rằng anh đã biết thủ phạm giết George Mellis là ai rồi, nhưng anh vẫn chưa thể chứng minh được. Anh gặp phải sự im lặng thông đồng xung quanh gia đình Blackwell mà anh không có cách nào phá vỡ được. Anh thảo luận vấn đề này với cấp trên anh, đại uý Harold Cohn, một cảnh sát viên trên đường phố đã do công lao của mình leo dần lên những cấp bậc cao hơn.

Cohn lẳng lặng nghe Pappas trình bày, rồi nói, “Toàn là hoả mù

cả, Nick ạ. Anh chẳng có bằng cớ khỉ khô gì cả. Đem chuyện ấy ra toà thì họ cười cho thối mũi."

"Tôi biết," Trung uý Pappas nói, "Nhưng tôi đúng." Anh ngồi yên một lúc suy nghĩ. "Tôi muốn nói chuyện với bà Kate Blackwell, anh có cho phép không?"

"Lạy chúa, để làm gì kia chứ?"

"Thì cũng giống như mình đi câu hú hoạ vậy. Bà ấy làm chủ cái gia đình ấy. Có thể bà ta có một số tin tức mà ngay cả bà ấy cũng không biết là mình có."

"Anh phải cẩn thận mới được"

"Tôi xin hứa"

"Và phải nhẹ nhàng với bà ta, Nick ạ. Hãy nhớ rằng bà ấy là một bà già!"

"Chính tôi nhờ ở chỗ ấy đấy," Pappas nói.

Cuộc gặp gỡ diễn ra vào lúc trưa ở văn phòng bà Blackwell. Nick Pappas đoán là bà ta ở vào tuổi tám mươi, nhưng bà trông vẫn còn mạnh khoẻ, sáng suốt. Bà không bộc lộ vẻ căng thẳng như viên thám tử biết là bà chắc chắn phải cảm thấy vào lúc này. Bà là một con người kín đáo, nhưng đã bị bắt buộc phải nhìn thấy tên dòng họ Blackwell trở thành đề tài cho mọi người bàn tán và phỉ báng.

"Viên thư kí của tôi nói rằng ông muốn gặp tôi về một việc khẩn cấp nào đó."

“Thưa bà, vâng ạ. Ngày mai sẽ có cuộc điều tra về cái chết của George Mellis. Tôi có lí do để tin rằng người cháu gái của bà có liên quan đến vụ án mạng này.”
Bà Kate trở nên tuyệt đối cứng rắn. “Tôi không tin”
“Xin bà nghe tôi nói cho hết, thưa bà Blackwell. Cuộc điều tra nào của cảnh sát cũng bắt bằng một câu hỏi về lí do gây ra án mạng. George Mellis là một tên đào mỏ và là một kẻ bạo dâm đồi bại.” Nick thấy rõ phản ứng hiện trên mặt bà, nhưng anh vẫn tiếp tục nói, “Hắn cưới cháu gái bà, rồi đột nhiên thấy mình nắm trong tay một tài sản lớn. Tôi đoán rằng hắn ta đã đánh đập Alexandra nhiều lần, và khi cô ấy đòi li dị, hắn đã từ chối. Lối thoát duy nhất cô ấy có thể dứt bỏ hắn là trừ khử hắn đi.”
Kate nhìn thẳng vào anh, tái xám mặt mày.
“Tôi đã bắt đầu tìm bằng chứng để hỗ trợ cho thuyết này. Chúng tôi biết George Mellis có mặt ở ngôi nhà Cedar Hill trước khi hắn mất tích. Chỉ có hai cách đi đến Dark Harbor từ đất liền, bằng máy bay hay tàu phà. Theo trạm cảnh sát địa phương, George đã không dùng phương tiện nào trong hai phương tiện này. Tôi không tin vào các phép lạ, nên tôi không tin rằng Mellis có thể bước đi trên nước được. Khả năng duy nhất còn lại là hắn đã thuê một chiếc xuồng ở đâu đó dọc bờ biển. Tôi bắt đầu điều tra các nơi cho mướn xuồng thì tìm đúng ngay ra được bến cảng Gilkey Harbor. Lúc bốn giờ chiều, vào ngày George bị giết, một

người đàn bà đã thuê một chiếc xuồng máy và nói rằng một người bạn cô ta sẽ đến lấy nó sau đó. Cô ta trả tiền mặt, nhưng cô ta phải kí trên giấy thuê xuồng. Cô ta lấy tên là Solange Dunas. Bà có thấy tên ấy gợi cho bà nhớ lại điều gì không?"

"Có chứ. Cô ấy... cô ấy là cô giáo nuôi trẻ vẫn từng trông nom hai đứa song sinh ấy khi chúng nó còn nhỏ. Cô ấy trở về Pháp lâu rồi."

Pappas gật đầu, một vẻ thoả mãn thoáng qua trên nét mặt. "Xa hơn một chút nữa, cũng trên bờ bể ấy, cũng người đàn bà ấy đưa thuyền ra khơi rồi trở lại đó ba giờ sau. Tôi đưa cho các nhân viên cho thuê xuồng ở đây xem một bức ảnh của Alexandra. Họ đều tin đó là cô ta, nhưng không chắc chắn lắm, bởi vì người thuê xuồng ấy là một cô gái có tóc nâu".

"Vậy thì có gì khiến ông nghĩ rằng…"

"Cô ấy đeo tóc giả."

Kate nói bằng một giọng cứng rắn, "Tôi không tin rằng Alexandra giết chồng nó."

" Tôi cũng vậy, thưa bà Blackwell.", trung uý Pappas nói, "đó là chị cô ấy, tức là Eve."

Bà Kate Blackwell sững sờ như một tượng đá.

"Alexandra không thể làm chuyện ấy được. Tôi đã điều tra về những sự đi lại của cô ấy vào ngày xảy ra vụ án mạng. Sớm hôm ấy cô ta ở New York với một người bạn, rồi bay thẳng từ New

York đến hòn đảo. Không có cách nào cô ta thuê hai chiếc xuồng máy này được." Anh vươn người về phía trước. "Vậy tôi nghĩ chỉ còn lại một người giống hệt như Alexandra; người ấy đã kí tên Solange Dunas. Đó là Eve. Tôi bắt đầu đi tìm lí do vì sao cô ấy đã làm như vậy. Tôi đưa ảnh George Mellis ra cho những người thuê các căn hộ trong cư của Eve thì mới biết rằng Mellis là người khách thường xuyên lui tới nơi ấy. Viên quản đốc trông coi chung cư ấy cho biết rằng có một đêm nọ, khi Mellis có mặt tại đó, Eve bị đánh đập gần chết. Bà có biết chuyện ấy không?"
"Không," giọng nói của bà Kate nghe như tiếng thều thào.
"Chính Mellis đã làm chuyện ấy. Nó phù hợp với thói quen của hắn. Còn động cơ của Eve là sự trả thù. Cô ấy dụ hắn đến Dark Harbor rồi giết hắn." Anh nhìn bà Kate, và cảm thấy hối hận day dứt vì đã lợi dụng bà già này. "Eve lấy cớ là cô ấy ở Washington D.C ngày hôm ấy. Cô ta cho người lái xe taxi tờ bạc một trăm đô la để cho người ấy nhớ đến cô ta, sau đó cô ta làm ầm ĩ lên về chuyện trễ chuyến máy bay đi Washington. Nhưng tôi không nghĩ rằng cô ấy thật sự đi Washington. Tôi tin rằng chính cô ta đã đội tóc giả, đi một chiếc máy bay thương mại đến Maine, ở đó cô ta thuê hai chiếc xuồng ấy. Cô ta giết Mellis, quẳng xác hắn ta xuống bể, sau đó neo thuyền lại trong bến, kéo chiếc xuồng máy dư thừa vào bến tàu cho thuê. Bến tàu này lúc ấy đã đóng cửa."
Bà Kate nhìn Nick Pappas hồi lâu, rồi chậm rãi nói, "Tất cả bằng

chứng ông đưa ra đều là suy diễn cả, phải thế không?"
"Phải." Anh sẵn sàng xông vào để hạ thủ. "Tôi cần bằng chứng cụ thể cho cuộc điều tra sắp tới. Bà biết về cháu gái của bà hơn ai hết, thưa bà Blackwell, tôi muốn bà nói cho tôi biết bất cứ chi tiết nào có thể ích lợi trong vụ này."
Bà ngồi yên lặng, suy nghĩ. Cuối cùng, bà nói, "Tôi nghĩ rằng tôi có thể cung cấp một chi tiết ích lợi cho cuộc điều tra này."
Tim của Pappas bắt đầu đập nhanh hơn. Anh đã thử làm nhưng không chắc thành công, thế mà anh đã đạt được kết quả. Bà già ấy cuối cùng sẽ phải cung cấp điều mà anh đang cần. Anh vô tình vươn người ra phía trước. "Vâng, thưa bà Blackwell."
Bà Kate nói một cách chậm rãi và rõ ràng. "Ngày mà George Mellis bị giết, ông trung uý ạ, cháu gái tôi, Eve, và tôi đang cùng ở Washington D.C."
Bà thấy vẻ ngạc nhiên lộ ra rõ rệt trên mặt Pappas. Đồ ngu, bà Kate Blackwell thầm nghĩ, anh tưởng rằng tôi sẵn sàng đưa tên dòng họ Blackwell ra làm vật hi sinh cho anh hay sao? Tôi không bao giờ chịu cho báo chí lợi dụng tên tuổi gia đình Blackwell để mà hội hè tưng bừng với nhau đâu. Không, tôi sẽ trừng trị Eve Blackwell theo lối riêng của tôi.
Theo phán quyết của đoàn điều tra, đây là một cái chết do một hay nhiều tên sát nhân vô danh.
Với sự ngạc nhiên và lòng biết ơn của Alexandra, Peter

Templeton có mặt tại buổi thẩm tra tại toà án quận.
Anh nói với nàng, "Tôi đến đó để nâng đỡ tinh thần thôi."
Alexandra đã trả lời rất lưu loát trước toà án, nhưng vẻ lo lắng, căng thẳng hiện rõ trên mặt và trong đôi mắt nàng. Trong giờ nghỉ giải lao, anh đưa nàng đến ăn trưa tại Lobster Pound, một tiệm ăn nhỏ đối diện với vịnh ở Lincolnville.
"Khi nào xong vụ này, tôi nghĩ cô nên đi chơi một chuyến xa khỏi nơi này trong một thời gian," Peter nói.
"Phải, chị Eve có yêu cầu tôi cùng đi với chị ấy." Mắt Alexandra tràn ngập đau đớn. "Tôi vẫn chưa tin rằng George đã chết. Tôi biết rằng chuyện ấy đã thật sự xảy ra, nhưng nó… nó vẫn có vẻ như không thực."
"Thiên nhiên bao giờ cũng có cách làm giảm nhẹ sự va chạm cho đến lúc con người có thể chịu đựng được sự đau đớn."
"Sự thật vô lí quá. Anh ấy là một người hết sức tốt." Nàng ngẩng đầu lên nhìn Peter. "Anh đã nói chuyện với anh ấy, anh không thấy anh ấy là một con người tuyệt vời hay sao?"
"Phải," Peter chậm rãi. "Đúng như vậy."

Eve nói với Keith Webster, "Tôi muốn xin huỷ bỏ cuộc hôn nhân này, Keith ạ"
Keith Webster chớp mắt nhìn vợ với vẻ ngạc nhiên. "Trời ơi, sao em lại muốn huỷ bỏ cuộc hôn nhân?"

“Thôi đi nào, Keith. Anh nghĩ rằng tôi sẽ sống với anh suốt đời hay sao?”

“Dĩ nhiên rồi. Em là vợ anh mà.”

“Anh đang theo đuổi cái gì? Tiền bạc của gia đình Blackwell hả?”

“Anh không cần tiền, em ạ. Anh làm ra tiền và có cuộc sống đầy đủ. Anh có thể cho em bất cứ thứ gì em muốn.”

“Tôi đã nói với anh tôi muốn gì rồi. Đó là việc huỷ bỏ cuộc hôn nhân này.”

Anh lắc đầu với vẻ ân hận. “Anh e rằng anh không thể cho em cái ấy được.”

“Vậy thì tôi sẽ làm đơn xin li dị”

“Anh nghĩ rằng điều ấy không nên. Em thấy đấy, chẳng có gì thật sự thay đổi cả. Cảnh sát chưa tìm ra kẻ giết em rể em, như vậy vụ án này vẫn còn để ngỏ. Không có đạo luật nào đặt ra các giới hạn về các vụ giết người cả. Nếu em li dị anh, anh bị bó buộc phải …” Anh giơ hai tay lên tỏ vẻ tuyệt vọng.

“Anh nói như là chính tôi giết anh ấy không bằng.”

“Chính em chứ còn ai nữa, Eve”

Giọng nàng có vẻ khinh bỉ. “Trời đất ơi, làm sao mà anh biết?”

“Đó chính là lí do duy nhất em đã chịu lấy anh.”

Nàng nhìn Webster đầy ghê tởm. “Đồ khốn kiếp! Vì sao anh có thể làm như vậy đối với tôi?”

“Rất đơn giản. Chỉ vì anh yêu em.”
“Tôi ghét anh. Anh hiểu chứ? Tôi khinh bỉ anh.”
Anh cười buồn bã. “Anh yêu em nhiều quá.”

Cuộc đi chơi với Alexandra được hoãn lại. “Chị đi chơi tuần trăng mật ở Barbados,” Eve nói với Alexandra.
Barbados là nơi chính Keith đã chọn.
“Tôi sẽ không đi”, Eve nói thẳng thừng với Keith Webster. Ý tưởng về một tuần trăng mật với Webster thật là ghê tởm.
“Nếu mình không đi chơi tuần trăng mật thì điều này có vẻ lạ lùng lắm.” Anh bẽn lẽn nói. “Chúng ta không muốn người ta đưa ra hàng tràng câu hỏi, phải thế không em?”

Alexandra bắt đầu tới thăm Peter Templeton mỗi tuần một lần. Thoạt tiên chỉ vì lí do nàng muốn nói chuyện về George Mellis, vì nàng không có ai để nói chuyện về chàng. Nhưng sau nhiều tuần lễ, Alexandra thú nhận với chính mình rằng, nàng rất thích thú được làm bạn với Peter. Nàng thấy ở anh một con người đáng tin cậy mà nàng rất cần có vào lúc này. Anh tỏ ra nhạy cảm với mọi tâm trạng của nàng, hơn nữa anh lại thông minh và niềm nở.
Anh nói với Alexandra, “Khi anh còn là bác sĩ nội trú, anh rời khỏi nhà vào giữa mùa đông rét buốt để đi thăm bệnh tại nhà lần

đầu tiên. Bệnh nhân là một ông già mảnh khảnh nằm trên giường ho sù sụ. Anh sắp sửa muốn khám ngực ông ta bằng ống nghe, nhưng anh không muốn ông ta bị cảm giác lạnh bất ngờ, nên anh quyết định đặt ống nghe lên lò sưởi cho nó ấm trước đã, trong khi anh khám cổ họng và mắt. Khi anh lấy cái ống nghe rồi đặt nó lên ngực ông ta thì ông ta già nhảy chồm ra khỏi giường như một con mèo bị bỏng. Cơn ho của ông ta biến mất, nhưng phải mất hai tuần lễ mới chữa lành được vết bỏng."

Alexandra phá lên cười. Đó là tiếng cười đầu tiên của nàng sau một thời gian khá lâu.

"Chúng ta có thể gặp lại nhau như thế này vào tuần sau không ?", Peter hỏi.

"Vâng, nếu anh muốn."

Tuần trăng mật của Eve hoá ra thú vị hơn Eve đã dự đoán rất nhiều.Vì da của Webster nhợt nhạt và nhạy cảm nên anh sợ đi ra ngoài nắng, cho nên Eve xuống bãi bể một mình hàng ngày. Nhưng nàng không bao giờ phải cô đơn quá lâu. Nàng bị vây quanh bởi những người cứu đắm đa tình trên bãi biển, những bọn vô công rồi nghề, những tên trùm tư bản và cả những kẻ ăn chơi. Thật giống hệt như một bữa tiệc gồm nhiều món khai vị tuyệt vời mà Eve tha hồ lựa chọn và thay đổi mỗi ngày. Nàng lại càng muốn hưởng các cuộc truy hoan phóng túng gấp đôi thế bởi vì nàng biết ông chồng nàng đang chờ đợi nàng trong phòng trên

lầu. Chàng hầu hạ nàng như một con chó nhỏ nuôi trong nhà, phục vụ tay chân cho nàng. Nếu Eve bày tỏ ước muốn gì, điều ấy được thoả mãn ngay tức khắc. Nàng làm đủ mọi thứ để chửi rủa anh, chọc giận anh, làm cho anh quay lại chống nàng, để rồi anh sẵn lòng bỏ rơi nàng, nhưng tình yêu của anh vẫn không có gì lay chuyển nổi. Ý tưởng để cho Keith Webster ân ái với nàng khiến cho nàng cảm thấy ghê tởm, thế nhưng nàng cũng mừng là Webster có ham muốn tình dục yếu ớt.

Tuổi tác đã bắt đầu đuổi kịp được mình rồi, bà Kate Blackwell thầm nghĩ. Quá nhiều năm chồng chất trong đời bà, và tất cả đều đầy đủ, phong phú.

Kruger-Brent cần một bàn tay mạnh mẽ lèo lái. Nó cần một người thuộc dòng máu Blackwell. Không có một ai để tiếp tục sau khi mình qua đời, bà Kate thầm nghĩ. Tất cả những vận động, thiết lập kế hoạch và phấn đấu của mình cho công ty. Nhưng để cho cái gì? Cho những kẻ lạ mặt chiếm đoạt lấy nó vào một ngày nào đó hay sao ? Mẹ kiếp, mình không thể để cho chuyện ấy xảy ra được.

Một tuần lễ sau tuần đi chơi trăng mật trở về, Keith Webster nói như để xin lỗi, “Anh e rằng anh sắp sửa phải trở lại với công việc, em ạ. Anh có nhiều ca phẫu thuật đã được xếp sẵn trên thời khoá biểu. Không có anh bên cạnh em suốt ngày, em có thấy

buồn không?”

Eve cố giữ vẻ mặt bình thản. “Em sẽ cố gắng”.

Mỗi buổi sáng, Webster thức dậy và ra khỏi nhà rất sớm, và khi Eve thức dậy, đi xuống bếp, nàng thấy cà phê và các thức ăn sáng đã được dọn ra sẵn sàng cho nàng. Anh mở một chương mục ngân hàng khá lớn lấy tên Eve, và bỏ tiền thêm vào chương mục ấy đều đều. Eve tiêu xài không cần tính toán. Miễn sao Eve vui thích thế là Keith Webster cảm thấy sung sướng. Eve mua những thứ trang súc đắt tiền cho Rory, và sống với anh chàng này hầu như tất cả mọi buổi trưa. Y ta làm việc rất ít.

“Tôi không thể tham dự vào bất cứ vai trò nào. Nó làm hỏng hình ảnh của tôi đi”. Y phàn nàn với Eve.

“Em hiểu, anh yêu quý ạ”.

“Em hiểu được sao? Em biết gì về nghệ thuật trình diễn trên sân khấu? Em sướng từ trong trứng sướng ra”.

Thế là Eve lại mua một món quà tuyệt đẹp để xoa dịu y. Nàng trả hộ cho Rory tiền thuê nhà, mua cho y những bộ quần áo để xuất hiện trong những cuộc phỏng vấn, trả tiền ăn cho y tại các nhà hàng sang trọng để cho các nhà sản xuất phim ảnh trông thấy. Nàng muốn ở bên cạnh Rory hai mươi bốn giờ trên hai mươi bốn, nhưng phiền một nỗi là có chồng nàng ở đó. Eve thường về đến nhà lúc bảy tám giờ tối, và lúc ấy thì Keith Webster đang mặc áo tạp dề lúi húi làm cơm ở trong bếp. Anh không bao giờ

hỏi vợ đi đâu về cả.

Trong năm năm kế tiếp đó, Peter Templeton và Alexandra gặp nhau thường xuyên hơn. Người này trở thành một vai trò quan trọng đối với người kia. Peter thường theo Alexandra mỗi lần nàng đi đến dưỡng trí viện để thăm cha, và lối chia sẻ như vậy giúp cho sự đau khổ dễ dàng chịu đựng được hơn.

Một buổi tối nọ, Peter gặp bà Kate, khi anh đến đó để đón Alexandra.

"Thế ra anh cũng là một bác sĩ hả? Tôi đã đi dự hàng chục đám tang của các bác sĩ, thế mà tôi vẫn cứ sống nhăn răng. Anh có biết chút gì về kinh doanh không?", Bà Kate hỏi.

"Thưa bà Blackwell, tôi không biết nhiều lắm"

"Các anh có tổ chức thành một nghiệp đoàn chứ?"

"Không ạ".

Bà khịt mũi một tiếng. "Mẹ kiếp, anh chẳng biết gì cả. Anh cần có một người lo về thuế khoá thật giỏi. Tôi sẽ cho anh gặp một người của tôi rất giỏi về việc này. Việc đầu tiên người ấy làm là đưa anh vào nghiệp đoàn, rồi…"

"Xin cảm ơn bà, thưa bà Blackwell, công việc tôi làm bấy lâu nay cũng đã quen rồi và tiến hành khá tốt".

"Ông nhà tôi xưa kia cũng bướng bỉnh như vậy", bà Kate nói. Bà quay về phía Alexandra. "Mời anh ấy đến ăn cơm tối. Có lẻ bà có thể dạy cho anh ta khôn hơn được phần nào".

Ra khỏi nhà, Peter nói, "Bà nội em có vẻ ghét anh"
Alexandra cười, "Bà thích anh đấy. Anh cần phải nghe người ta nói bà nội em đối xử như thế nào đối với những kẻ bà ấy ghét thì anh mới hiểu được"
"Anh không biết bà nội em sẽ nghĩ như thế nào nếu anh nói với bà rằng anh muốn cưới em làm vợ, Alex….?"
Nàng ngước mắt lên nhìn anh, nét mặt rạng rỡ, "Cả bà nội lẫn em đều sẽ cảm thấy như thế là tuyệt vời, Peter ạ."
Bà Kate quan sát sự diễn tiến của mối tình thơ mộng giữa Alexandra va Peter với vẻ thích thú. Bà mến ông bác sĩ trẻ, và nghĩ rằng anh ta sẽ là người chồng tốt của Alexandra. Nhưng bản chất bà là một người buôn bán, đổi chác. Lúc này, bà ngồi trước lò sưởi đối diện với hai người.
"Nói thật với anh", bà nói dối, "rằng điều này quả là bất ngờ đối với tôi. Xưa nay tôi vẫn mong rằng Alexandra lấy một nhà quản trị kinh doanh để sau này có thể nắm lấy việc điều khiển Công ty Kruger-Brent".
"Thưa bà, đây không phải là một lời đề nghị kinh doanh. Alexandra và tôi muốn thành hôn với nhau"
"Về mặt khác", Bà Kate tiếp tục nói như không có sự gián đoạn, "anh là một nhà tâm lí trị liệu. Anh hiểu trí tuệ và các xúc con người hoạt động như thế nào. Do đó, có lẻ anh sẽ là người điều đình rất giỏi trong công tác kinh doanh. Tôi muốn anh dính líu

với công ty. Anh có thể…"

"Không", Peter đáp với vẻ cương quyết, "Tôi là một bác sĩ. Tôi không thích đi vào lĩnh vực kinh doanh".

"Đây không phải là đi vào lĩnh vực kinh doanh", bà Kate gắt lên, "Chúng tôi không nói đến một cửa hiệu tạp hoá ở một góc phố nào đó. Anh sẽ là một thành phần của gia đình và tôi đang cần một người có thể điều khiển…"

"Tôi xin lỗi", giọng của Peter có vẻ dứt khoát, "Tôi sẽ không dính líu gì đến công ty Kruger-Brent. Bà sẽ phải tìm ra một người khác để làm công việc ấy…"

Bà Kate đưa mắt về phía Alexandra. "Cháu có ý kiến gì về câu chuyện ấy hay không?"

"Cháu muốn tất cả thứ gì có thể đem lại hạnh phúc cho Peter, bà ạ"

"Thật là đồ vô ân bội nghĩa", Bà Kate quắt mắt lên, "Cả hai đứa bây đều là ích kỉ". Bà thở dài. "Thôi được. Biết đâu các người một ngày nào đó sẽ thay đổi ý kiến". Rồi bà nói thêm, "Các người có định có con cái không nào?"

"Đó là một vấn đề riêng tư. Tôi có cảm tưởng như bà là một người rất giỏi vận động con người, thưa bà Blackwell, nhưng Alex và tôi sẽ sống cuộc sống riêng của chúng tôi, và các con chúng tôi – nếu chúng tôi có con – cũng sẽ sống cuộc sống riêng của chúng nó"

Bà Kate cười dịu dàng. “Anh sẽ không làm thế nào khác thế được, Peter ạ. Tôi đã tự đặt ra cho mình một nguyên tắc là suốt đời không bao giờ can thiệp vào cuộc sống của những người khác”.
Hai tháng sau, Alexandra và Peter trở về nhà sau tuần trăng mật. Alexandra mang bầu. Khi bà Kate nghe được tin này, bà nghĩ thầm, “Tốt lắm, nó sẽ là một đứa con trai”.

Eve nằm trên giường nhìn Rory trần truồng bước ra khỏi phòng tắm. Anh ta có một thân hình đẹp, rắn chắc, gọn gàng. Eve ưa thích lối ân ái của anh, nhưng vẫn chưa thấy được đầy đủ. Nàng ngờ rằng y có thể có nhiều nhân tình khác nữa, nhưng nàng ngại không dám hỏi sợ làm y buồn lòng. Lúc này, y đã đi đến giường nằm, đưa ngón tay vuốt nhẹ trên làn da của nàng ở ngay dưới đôi mắt, và nói, “Này, em bé ạ, em đã có ít nhiều vết nhăn rồi đó. Thế mà có duyên lắm đấy”.
Mỗi lời nói như một nhát dao đâm, một điều nhắc nhở về sự khác biệt tuổi tác giữa họ với nhau, và cho biết rằng nàng nay đã hai mươi lăm tuổi rồi. Họ lại làm tình với nhau lần nữa, nhưng trí óc của nàng thì để ở đâu đâu.
Gần chín giờ, Eve mới về đến nhà. Keith Webster đang phết mỡ lên miếng thịt nướng trên lò.
Anh hôn nàng trên má. “Chào em yêu quý. Anh đã làm xong

mấy món ăn em rất thích. Chúng ta sẽ ăn…”
“Keith này, tôi muốn anh làm hết các vết nhăn này cho tôi”
Anh chớp mắt. “Vết nhăn nào?”
Nàng chỉ vùng dưới mắt. “Những vết này”.
“Đó là những vết nhăn hiện lên khi em cười. Anh thích những cái ấy lắm! Em hãy tin ở anh. Đó là…”
“Trời ơi, anh chỉ cần làm hết các vết nhăn ấy cho tôi. Nghề nghiệp sinh sống anh là như thế mà, phải thế không?”
“Phải, nhưng mà … Thôi được”, anh cố gắng xoa dịu, “Nếu điều ấy làm cho em cảm thấy sung sướng thì anh cũng sẽ làm”.
“Khi nào bắt đầu?”
“Chừng sáu tuần lễ nữa. Thời khoá biểu của anh đã sắp đầy ắp cả rồi”
“Tôi không phải là một trong các bệnh nhân chó chết của anh. Tôi là vợ anh”, Eve gắt lên. “Tôi muốn anh làm ngay bây giờ – ngày mai”
“Bệnh viện đóng cửa vào ngày thứ bảy”
“Vậy thì mở nó ra”. Cái anh chàng này thật ngu xuẩn! Trời ơi, làm sao dứt bỏ hắn ngay bây giờ ! Thế nào nàng cũng sẽ dứt bỏ hắn. Bằng cách này hoặc cách khác. Càng sớm càng tốt.
“Em hãy đi vào trong phòng kia một lát”. Anh đưa nàng vào phòng trang điểm.
Nàng ngồi xuống một chiếc ghế dưới ánh sáng chói lọi của một

ngọn đèn, trong khi Webster cẩn thận xem xét mặt nàng. Chỉ trong chốc lát anh ta từ một anh chàng lù khù bé nhỏ, tự mãn, biến thành một nhà phẫu thuật xuất sắc. Eve cũng nhận ra được sự biến đổi ấy. Nàng nhớ lại phép lạ anh đã thực hiện trên khuôn mặt nàng trước đây. Lần phẫu thuật này đối với Keith có vẻ nhuu không cần thiết, nhưng anh đã lầm. Nó mang tính chất sống còn. Eve không thể nào chịu đựng được ý nghĩ sẽ phải mất Rory.
Keith Webster tắt ngọn đèn rọi. "Không khó khăn gì!". Anh trấn an nàng. "Anh sẽ bắt đầu làm vào ngày mai"
Sáng hôm sau, cả hai người cùng đi đến bệnh viện. Webster nói, "Anh thường có một y tá giúp việc cho anh, nhưng với một việc nhỏ nhặt như thế này thì điều đó không cần thiết"
"Anh có thể sửa đổi chút ít ở chỗ này cho tôi trong khi anh làm công việc ấy". Nàng vừa nói vừa kéo chút ít lớp da ở cổ họng.
"Nếu em muốn thì cũng được, em ạ. Để anh cho em một thứ thuốc, để em ngủ. Như vậy em sẽ chẳng thấy khó chịu gì cả. Anh không muốn em yêu quý của anh cảm thấy đau đớn".
Eve ngồi nhìn trong khi Webster đổ thuốc vào ống tiêm, rồi tiêm cho nàng một mũi. Dù có đau đớn, nàng cũng có thể chịu đựng được. Tất cả việc làm này là vì Rory, anh Rory yêu quý. Nàng nhớ đến thân hình rắn chắc như đá của Rory và cái nhìn thèm khát của anh ta.
…Nàng dần dần trôi vào giấc ngủ.

Khi tỉnh dậy, nàng thấy mình nằm trên một chiếc giường trong một căn phòng ở phía sau của bệnh viện. Keith Webster đang ngồi trên ghế bên cạnh giường.

“Kết quả thế nào?”. Giọng nàng vẫn còn lè nhè vì ngái ngủ.

“Tốt lắm”, Webster tủm tỉm cười.

Eve gật đầu rồi ngủ lại.

Khi nàng thức dậy sau đó, Keith Webster vẫn còn ngồi tại chỗ. Anh nói, “Chúng ta còn phải để nguyên băng trong ít ngày nữa. Anh cần phải giữ em ở lại đây để tiện săn sóc chu đáo”.

“Được rồi”.

Webster kiểm soát hàng ngày, xem xét mặt nàng, rồi gật đầu nói, “Hoàn hảo”.

“Khi nào thì tôi có thể nhìn thấy mặt tôi được?”

“Vào khoảng thứ sáu này, tất cả sẽ lành hẳn” Anh cam đoan.

Eve ra lệnh cho viên y tá trưởng phải gắn một điện thoại riêng bên cạnh giường nàng. Cú điện thoại đầu tiên nàng gọi là cho Rory.

“Sao, em bé, em đang ở nơi quỷ quái nào đấy?” Rory hỏi, “Anh đang ‘hứng’ lắm đây”.

“Thì em cũng thế, anh yêu quý ạ. Em vẫn còn đang bị bó chân bó cẳng vì cái hội nghị khỉ gió về y khoa của hắn ta ở Florida. Nhưng em sẽ trở về tuần sau”.

“Phải đấy, em nên trở về”

“Anh có nhớ em không?”

“Nhớ như điên ấy”

Eve nghe có tiếng thì thầm ở phía sau qua điện thoại. “Có ai đang đứng với anh ở đấy”.

“Phải, anh và các bạn sắp có một cuộc truy hoan, say sưa chút xíu thôi mà”. Rory vẫn thích nói đùa. “Anh phải đi bây giờ đây”. Đường dây bị cúp.

Eve điện thoại cho Alexandra, lắng nghe một cách chán nản câu chuyện của Alexandra, hăm hở báo tin cho Eve biết rằng nàng đang có mang. Eve nói, “Chị lúc nào cũng mong được trở thành một bà dì”.

Eve ít khi gặp bà nội. Bà có vẻ lạnh nhạt, nhưng Eve không hiểu tại sao. Rồi đây bà ấy sẽ phải nhượng bộ thôi, Eve nghĩ thầm.

Bà Kate không bao giờ hỏi về Keith Webster, nhưng Eve không trách bà bởi vì anh ta chẳng là gì hết. Có lẽ một ngày nào đó, Eve sẽ bàn với Rory để nhờ anh ta giúp mình trừ khử Keith Webster. Lúc ấy Rory sẽ ràng buộc với nàng vĩnh viễn. Thật là một chuyện hết sức khó tin nếu Eve ngày nào cũng cắm sừng lên đầu chồng mà anh ta không nghi ngờ hay không quan tâm gì cả. Nhưng mà, cảm ơn Chúa, kể ra thì anh ta cũng có tài năng về một phương diện nào đó. Các băng sẽ được tháo ra vào thứ sáu này.

Eve dậy thật sớm vào sáng thứ sáu, và nóng lòng chờ đợi Keith

Webster.

“Bây giờ đã gần đến trưa rồi”. Nàng phàn nàn với chồng. “Anh ở đâu mà bây giờ mới đến?”

“Anh xin lỗi, em yêu quý. Anh ở phòng mổ cả sáng hôm nay”

“Tôi chẳng cần biết khỉ khô gì về cái chuyện ấy cả. Tháo băng ra, tôi muốn xem nó thế nào”

“Được lắm”

Eve ngồi thẳng dậy, yên lặng, trong khi Webster cắt băng ra khỏi mặt nàng một cách thành thạo. Anh lùi lại để ngắm mặt nàng. Nàng thấy vẻ hài lòng hiện lên trong đôi mắt anh. “Tuyệt hảo”.

“Đưa cho tôi tấm gương soi”

Anh vội vã đi ra khỏi phòng, rồi một lát sau trở lại với một tấm gương cầm tay. Với một vẻ hãnh diện, anh đưa tấm gương cho nàng.

Eve chậm rãi đưa tấm gương lên mặt, rồi nhìn gương mặt nàng được phản chiếu trên đó.

Rồi nàng thét lên một tiếng.

Sidney Sheldon

Tay cự phách

Lương Thị Thận dịch

Chương 36

Đối với bà Kate Blackwell, dường như bánh xe thời gian quay nhanh hơn, xô đẩy ngày tháng hối hả trôi qua, hoà lẫn mùa đông với mùa xuân, mùa hạ với mùa thu cho đến khi tất cả các mùa và năm tháng trộn lẫn vào nhau thành một. Lúc này bà đã ở vào những năm cuối của tuổi tám mươi rồi. Tám mươi mấy nhỉ? Đôi khi bà quên hẳn tuổi chính xác của bà. Bà có thể đương đầu với tuổi già, nhưng không thể nào chịu được ý nghĩ sẽ trở thành một bà già nhếch nhác, luộm thuộm. Vì vậy, bà ra sức chăm nom dáng vẻ bề ngoài của bà. Khi ngắm mình trong gương, bà thấy trước mặt bà một phụ nữ gọn gàng, dáng người thẳng thắn, kiêu hãnh, bất khuất.

Hàng ngày bà vẫn đến văn phòng, nhưng đó là một động tác, một mưu mẹo để ngăn ngừa cái chết. Bà tham dự tất cả các cuộc họp của ban giám đốc, nhưng mọi việc không còn rõ ràng, sáng tỏ như xưa kia nữa. Mọi người xung quanh bà có vẻ như nói quá

nhanh. Điều khiến bà bực dọc, lo lắng nhất là trí óc có vẻ như muốn chơi khăm bà. Quá khứ và hiện tại cứ trộn lẫn với nhau. Thế giới của bà thu hẹp lại, mỗi lúc một nhỏ hơn.

Nếu có một sợi dây cứu mạng mà bà Kate nắm chặt lấy, một thứ động lực giúp cho bà tồn tại, ấy là niềm tin tưởng tha thiết rằng một ngày nào đó một người trong gia đình bà sẽ đảm trách công ty Kruger-Brent. Bà Kate không có ý định để cho những kẻ ở bên ngoài giằng lấy cái mà Jamie McGregor, Margaret, bà và David đã khổ sở, khó nhọc rất nhiều và rất lâu dài để gây dựng lên. Eve, kẻ mà bà đã hai lần đặt vào biết bao hi vọng, là một kẻ giết người. Hắn lại còn là một con người kì cục nữa, nhưng bà đã không cần phải trừng trị hắn. Bà đã gặp lại Eve một lần. Những gì mà hắn phải chịu đựng cũng đủ là một sự trừng phạt cho hắn rồi.

Một hôm, Eve thấy mặt mình trong gương, nàng đã định tự vẫn. Nàng đã uống cả một lọ thuốc ngủ, nhưng Keith Webster đã kịp bơm dạ dày cho nàng, rồi đưa nàng về nhà. Anh quanh quẩn bên nàng thường trực. Khi anh phải đi đến bệnh viện, anh giao cho các y tá canh chừng nàng ngày cũng như đêm.

"Xin anh cho tôi chết đi", Eve năn nỉ chồng. "Tôi van anh, Keith! Tôi không muốn sống như thế này".

"Từ nay em hoàn toàn thuộc về anh", Keith Webster nói. "Anh sẽ yêu em mãi mãi".

Hình ảnh khuôn mặt nàng như thế nào đã in khắc trong trí óc Eve. Nàng thuyết phục Keith đuổi các nữ y tá đi, vì nàng không muốn bất cứ một ai ở xung quanh nhìn thấy nàng, chõ mắt nhìn nàng chằm chằm.

Alexandra thỉnh thoảng gọi điện thoại đến nàng, nhưng Eve từ chối không muốn gặp. Tất cả mọi thứ được gửi đến đều phải đặt ngoài cửa để cho không một ai nhìn thấy được mặt nàng. Người duy nhất gặp nàng là Keith Webster. Rốt cuộc anh là người duy nhất còn lại vói nàng. Anh là cái móc nối của nàng với thế giới bên ngoài, và nàng cảm thấy kinh hãi với ý nghĩ rằng một ngày kia Keith Webster cũng sẽ bỏ rơi nàng, để lại nàng cô đơn với vẻ mặt xấu xí – cái vẻ xấu xí không thể nào chịu đựng nổi.

Mỗi buổi sáng vào lúc năm giờ, Keith Webster thức dậy, đi đến bệnh viện, còn Eve thì bao giờ cũng dậy trước anh để sửa soạn bữa ăn sáng. Đêm nào nàng cũng nấu cơm tối cho anh, và mỗi khi anh về nhà trễ, nàng cảm thấy lo lắng. Biết đâu anh ấy đã tìm thấy một người đàn bà nào khác? Biết đâu anh ấy không trở về với nàng nữa?

Khi nghe tiếng chìa khoá lách cách ở cửa, nàng chạy đến mở cửa, rồi ngã vào vòng tay anh, ôm anh thật chặt. Nàng không bao giờ gợi ý anh cùng ân ái với nàng vì lo sợ anh sẽ từ chối, nhưng khi anh thật sự ân ái với nàng thì nàng có cảm tưởng như anh đang ban ân huệ cho nàng.

Một lần, nàng rụt rè hỏi chồng, "Anh yêu quý, anh trừng phạt em như thế đã đủ chưa? Anh không thể nào sửa chữa lại khuôn mặt của em hay sao?"

Anh nhìn nàng, nói một cách hãnh diện, "Không bao giờ có thể sữa chữa lại được, em ạ".

Thời gian trôi qua, mỗi lúc Keith Webster mỗi trở nên đòi hỏi, độc đoán hơn, cho đến khi Eve hoàn toàn trở thành một tên nô lệ của anh, phục vụ mọi nhu cầu bất chợt của anh. Vẻ mặt xấu xí của nàng buộc nàng vào anh chặt chẽ hơn cả những dây xích bằng xích sắt.

Tất cả mọi người trong gia đình đều nhận được giấy mời cùng một ngày. Giấy mời viết : BÀ KATE BLACKWELL TRÂN TRỌNG KÍNH MỜI QUÝ VỊ ĐẾN DỰ LỄ SINH NHẬT THỨ CHÍN MƯƠI CỦA BÀ Ở NGÔI NHÀ CEDAR HILL, DARK HARBOR, MAINE, NGÀY 24 THÁNG 9 NĂM 1982, HỒI TÁM GIỜ. ÁO VÉT VÀ NƠ ĐEN.

Khi Keith Webster đọc giấy mời, anh đưa mắt nhìn Eve và nói, "Chúng ta sẽ cùng đi".

"Ồ, không đâu. Em không thể đi được. Anh đi đi. Em sẽ..."

Anh nói, "Cả hai chúng ta đều sẽ đi cả".

Tony Blackwell đang vẽ trong vườn của dưỡng trí viện thì một người bạn đến gần anh. "Có một lá thư của anh này, Tony".

Tony mở phong bì ra, rồi với một nụ cười mơ hồ loé lên trên mặt, anh nói, “Tôi cũng thích dự các lễ sinh nhật”.

Peter Templeton nhìn tấm thiệp một hồi, rồi nói, “Anh không thể nào tin được rằng bà “con gái” già ấy đã chín mươi tuổi rồi. Thật là một người đàn bà kì lạ”.

“Lạ thật, anh nhỉ”. Alexandra đồng ý. Rồi nàng nói thêm với một giọng thâm trầm, “Có một điều rất là dễ thương, anh có biết là gì không? Ấy là thằng bé Robert của chúng ta cũng nhận được một thiệp mời, gửi riêng đến cho nó”.

Sidney Sheldon

Tay cự phách

Lương Thị Thận dịch

Chương 37

Các khách khứa đêm qua đã ra về lâu rồi bằng tàu phà và máy bay. Cả gia đình Blackwell tụ họp trong thư viện của ngôi nhà Cedar Hill. Bà Kate nhìn mọi người trong căn phòng, từng người một. Bà trông thấy mỗi người một cách rõ ràng kì lạ. Tony giống như một loài thực vật tươi cười, dễ thương một cách mơ hồ, đã từng cố ý giết bà, đứa con trai của bà đã từng một thời tràn đầy hứa hẹn và hi vọng. Eve, tên sát nhân, kẻ lẽ ra đã có thể làm chủ thế giới nếu hắn không có mầm mống ác độc trong người. Bà thầm nghĩ, thật là một điều mỉa mai khi sự trừng phạt ghê gớm hắn phải gánh chịu lại do tay một kẻ bé nhỏ, vô giá trị, nhu mì, dễ bảo, mà hắn đã lấy làm chồng. Rồi lại Alexandra nữa. Xinh đẹp, trìu mến, tốt bụng – nhưng lại là mối thất vọng cay đắng nhất của bà. Nàng đã đặt hạnh phúc riêng lên trên phúc lợi của công ty. Nàng đã không quan tâm gì đến Kruger-Brent và đã chọn một người chồng không muốn dính líu chút gì với công ty.

Phản bội, cả hai chúng nó đều là kẻ phản bội. Phải chăng tất cả nỗi đau thương trong quá khứ không đem lại một chút kết quả nào cả hay sao? Không, bà Kate thầm nghĩ. Ta không thể để nó chấm dứt như thế này được. Tất cả đều không phải là uổng phí. Ta đã xây dựng nên một triều đại đáng kiêu hãnh. Một bệnh viện ở Cape Town đã mang tên ta. Ta đã xây dựng các trường học, thư viện, và đã giúp đỡ cho đồng bào của Banda. Bà bắt đầu cảm thấy đau nhói trong đầu. Căn phòng dần dần tràn ngập những bóng ma. Jamie McGregor và Margaret – trông xinh đẹp làm sao – và Banda đang tủm tỉm cười với bà. Rồi David nữa, người chồng thương yêu, tuyệt vời của bà, đang dang tay ra chờ đón. Bà lúc lắc đầu để xua đuổi hình ảnh ấy đi. Không, bà chưa sẵn sàng đi theo bất cứ người nào trong bọn họ. Chẳng bao lâu nữa thôi, bà nghĩ thầm. Chẳng bao lâu nữa.

Còn có thêm một thành viên khác của gia đình trong căn phòng này. Bà quay về phía đứa chắt xinh đẹp và nói, "Lại đây, chắt yêu quý".

Robert bước lên, cầm lấy tay bà.

"Buổi tiệc sinh nhật thật là lớn cố ạ"

"Cảm ơn chắt Robert của ta. Ta rất mừng chắt của ta đã vui thích lễ sinh nhật ấy. Chắt học hành ở trường ra sao rồi?"

"Tất cả đều là điểm nhất, đúng như cố đã bảo chắt phải lấy cho kì được. Chắt đứng đầu lớp đấy, cố ạ".

Bà Kate đưa mắt nhìn Peter. “Khi nào nó đủ tuổi rồi cháu nên cho Robert đi học trường Wharton. Đó là trường tốt nhất...”
Peter cười, “Lạy Chúa, Bà nội yêu quý ạ, bà vẫn chưa chịu bỏ cuộc hay sao? Robert sẽ làm đúng theo những gì mà nó thích. Nó có khả năng đặc biệt về âm nhạc, và muốn trở thành một nhạc sĩ cổ điển. Nó sẽ tự chọn lấy cuộc sống của mình”.
“Cháu nói đúng đấy”, Bà Kate thở dài. “Bà đã già rồi, không còn có quyền gì can thiệp nữa. Nếu nó muốn trở thành một nhạc sĩ, thì đó là điều nó nên làm”. Bà quay về phía cậu bé, đôi mắt sáng ngời yêu thương. “Nhớ điều này nhé, Robert, ta không thể hứa hẹn điều gì cả, nhưng ta sẽ cố gắng giúp cho chắt của ta. Ta quen biết một người vốn là bạn thân của Zubin Mehta”.

Hết